KỶ NIỆM 50 NĂM
QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

IN COMMEMORATION OF THE 50th ANNIVERSARY
OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

VIETNAM

CÓ MỘT VIỆT NAM NHƯ THẾ

SUCH IS VIETNAM

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
NATIONAL POLITICAL PUBLISHING HOUSE
(VIETNAM)

CÔNG TY TRUYỀN THÔNG VÀ XUẤT BẢN ISHOU
ISHOU MEDIA AND PUBLICATIONS PTE LTD
(SINGAPORE)

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN CUỐN SÁCH

GS. TRẦN NHÂM

PETER YEO

NGUYỄN PHÚC KHÁNH

PTS. NGUYỄN VĂN BÍCH

BAN ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN DỰ ÁN CUỐN SÁCH

MAI KIM ĐỈNH

NGUYỄN VĂN VẤN

PTS. KHUẤT DUY HẢI

ĐỖ XUÂN DUY

TRẦN THỌ KIM

NGÔ NGỌC ĐÌNH

ADVISORY BOARD

PROF. TRAN NHAM

PETER YEO

NGUYEN PHUC KHANH

DR.NGUYEN VAN BICH

EXECUTIVE BOARD

MAI KIM DINH

NGUYEN VAN VAN

DR. KHUAT DUY HAI

DO XUAN DUY

TRAN THO KIM

NGO NGOC DINH

ĐC.9
C 400

KỶ NIỆM 50 NĂM
QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

IN COMMEMORATION OF THE 50th ANNIVERSARY
OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÓ MỘT VIỆT NAM NHƯ THẾ

SUCH IS VIETNAM

ĐC: VL 306/97
SÁCH PHÒNG ĐỌC
SÁCH PHÒNG ĐỌC

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
NATIONAL POLITICAL PUBLISHING HOUSE
(VIETNAM)

CÔNG TY TRUYỀN THÔNG VÀ XUẤT BẢN ISHOU
ISHOU MEDIA AND PUBLICATIONS PTE LTD
(SINGAPORE)

TÁC GIẢ

GS. TRẦN NHÂM (Chủ biên)

GS. HOÀNG THIẾU SƠN - GS. PHAN HUY LÊ
GS. PHAN ĐẠI DOÃN - GS. ĐẶNG XUÂN KỲ
PGS, PTS. NGUYỄN TRI THƯ - HOÀNG TÙNG
GS. TRẦN NHÂM - GS. ĐOÀN TRỌNG TRUYẾN
LÊ ĐĂNG DOANH - GS. PHẠM TẤT DONG
PGS, PTS. TRẦN ĐÌNH HOAN - VŨ KHOAN
TRẦN BẠCH ĐẰNG - GS, TS. NGUYỄN MẠI
TRẦN ĐỨC NGUYÊN - PGS, PTS. VŨ TUẤN CẢNH
PGS, PTS. LÊ VĂN THÔNG
GS, TS. TÔ NGỌC THANH

AUTHORS

PROF. TRAN NHAM (EDITOR - IN - CHIEF)

PROF. HOANG THIEU SON - PROF. PHAN HUY LE
PROF. PHAN DAI DOAN - PROF. DANG XUAN KY
ASS. PROF, DR. NGUYEN TRI THU - HOANG TUNG
PROF. TRAN NHAM - PROF. DOAN TRONG TRUYEN
LE DANG DOANH - PROF. PHAM TAT DONG
ASS. PROF, DR. TRAN DINH HOAN - VU KHOAN
TRAN BACH DANG - PROF, DR. NGUYEN MAI
TRAN DUC NGUYEN - ASS. PROF, DR. VU TUAN CANH
ASS. PROF, DR. LE VAN THONG
PROF, DR. TO NGOC THANH

LỜI GIỚI THIỆU
INTRODUCTION

50 năm đã qua kể từ khi nước Việt Nam mới ra đời sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám vĩ đại. Mở đầu sự kiện trọng đại này, ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, và trịnh trọng tuyên bố : "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". [1]

Thành công của Cách mạng tháng Tám đánh dấu một sự quá độ từ chế độ áp bức, bóc lột trong cả lịch sử nước ta chuyển sang một chế độ hoàn toàn khác, một chế độ mới chưa có ở nước ta và ở nhiều nước, một chế độ bảo đảm độc lập, tự do và hạnh phúc cho mỗi một người và cho cả cộng đồng dân tộc, một chế độ hướng tới đỉnh cao ước mơ của con người và của loài người : sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do và toàn diện của mọi người.

Cuộc Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam mới là ngày hội lớn đánh dấu sự giải phóng dân tộc và con người Việt Nam khỏi mọi sự kìm hãm, từ đó phát huy mọi tiềm năng ẩn náu trong mọi con người, những tiềm năng đã ngủ từ xa xưa dưới chế độ cũ ; đến ngày nay thức dậy, vùng lên và đua nhau nở hoa kết trái dưới ánh sáng của mặt trời tự do.

50 năm là một khoảng thời gian ngắn so với tiến trình lịch sử mấy ngàn năm hình thành và phát triển của dân tộc. Nhưng chính 50 năm ấy lại là một chặng đường mang tầm vóc và ý nghĩa thời đại nối liền quá khứ oanh liệt với tương lai huy hoàng của Tổ quốc.

Cuộc Cách mạng tháng Tám và hai cuộc kháng chiến là một sự trỗi dậy không ai lường hết được của những gì đẹp nhất trong con người Việt Nam và cộng đồng con người Việt Nam, sự trỗi dậy về lòng yêu nước và tình cảm dân tộc, sự trỗi dậy về khí phách "thà chết chứ không chịu làm nô lệ", sự trỗi dậy về lòng dũng cảm, trí thông minh và tài năng sáng tạo, sự trỗi dậy về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 1-4.

Fifty years have elapsed since the new Vietnam came into existence, following the victory of the great August Revolution. Inaugurating this event of paramount importance, on September 2, 1945, at Ba Dinh Square (Hanoi), President Ho Chi Minh read the Declaration of Independence announcing the foundation of the Democratic Republic of Vietnam - now the Socialist Republic of Vietnam - and solemnly stated : "All nations in the world are born equal ; every nation has the right to life, happiness and freedom. Vietnam has the right to enjoy freedom and independence, and in fact, has become a free and independent country. The entire Vietnamese people are determined to devote all their spirit and strength, life and property to preserving their freedom and independence". [1]

The success of the August Revolution marked a transition from the regime under oppression and exploitation which had prevailed in the whole history of our country to a regime completely different, unprecedented in our country and in many others a regime that ensures independence, freedom and happiness to each person and to the entire national community, a regime aiming for the height of the dream of each individual and mankind : the free and all-round development of each individual is the precondition of the free and all-round development of all.

The August Revolution and the birth of the new Vietnam were a great turning point which marked the liberation of the Vietnamese people from all fetters, and hence, brought into full play each individual's latent potentialities which had been left in oblivion under the former regimes, and which now awoke and blossomed in the light of freedom.

Fifty years were a short span of time in the multimillenary history of formation and development of the nation. Yet these were fifty years of epochal dimension and significance linking the glorious past to the magnificent future of the Motherland.

The August Revolution and the two Resistance wars demonstrated an unpredictable upsurge of the most beautiful traits of each Vietnamese and community. It was an upsurge of patriotic and national sentiments and

1. Ho Chi Minh: *Complete Works*, Vol. 4, Su That Publishing house, Hanoi, 1984, p. 1-4.

trí tuệ tập thể : một tổ chức, một đơn vị, một địa phương, một cơ quan, một trường học, một gia đình. Đây là sự trỗi dậy có tầm vóc rộng lớn và sâu xa lạ lùng, bắt nguồn từ bản lĩnh vốn có của dân tộc, đưa lại những thành quả mà ngày nay, nhớ lại, mọi người chúng ta đều tự hào và bè bạn nước ngoài gần xa đều ngưỡng mộ.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975 hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, chúng ta chuyển hướng chiến lược vào công cuộc tiến lên xây dựng nước nhà theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trên con đường mới mẻ này, chúng ta vấp phải một sai lầm nghiêm trọng là chủ quan tưởng có thể "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Đại hội VI của Đảng đã đánh giá đúng mức những sai lầm khuyết điểm này và chuyển hướng đường lối theo một cách nhìn và tầm nhìn với cái tên rất đúng là "Đổi mới".

Về kinh tế, đổi mới là thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là sự sáng tạo đầy trí tuệ và dũng cảm của Đảng ta và nhân dân ta về thực tiễn và lý luận, với những thành quả bước đầu quý báu : chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng đáng khích lệ, đời sống nhân dân có phần được cải thiện, quan hệ quốc tế rộng mở. Những thắng lợi to lớn vừa nêu đã làm cho nhân dân cả nước nức lòng phấn khởi, tin tưởng ; được cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hăng hái góp công góp của xây dựng quê hương ; được bạn bè quốc tế gần xa vui lòng mở rộng hữu nghị và hợp tác. Giờ đây Việt Nam chẳng những có thể vượt qua được hiểm nghèo, từng bước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng mà còn tạo ra được những tiền đề cần thiết cho việc đẩy tới công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Một nước Việt Nam đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa - một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, có chính sách đối ngoại "muốn làm bạn với tất cả các nước", vì hòa bình, hợp tác và phát triển, nhất định sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của dân tộc để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, vượt qua được những thách thức mới. Một nước Việt Nam đổi mới chắc chắn sẽ là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Nam Á và thế giới.

Lịch sử 50 năm qua làm nổi bật vai trò và tác dụng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, kiến trúc sư của công cuộc giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, phát huy sức mạnh của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Người là hiện thân của sự kết hợp hài hoà thiên tài của dân tộc với những tư tưởng lớn của thời đại : học thuyết Mác - Lênin, Người sáng lập, tổ chức và rèn luyện Đảng ta, lực lượng làm nên mọi thắng lợi của nhân dân ta. Người đã hoạt động nhiều năm ở nước ngoài, được nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức của các nước trên thế giới quý trọng và khâm phục. Lời nói bất hủ của Người : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" là một thông điệp đối với nhân dân ta cũng như đối với nhiều dân tộc trên thế giới. Người đã được UNESCO ghi nhận là *"vị anh hùng giải*

the resolve "to die rather than be enslaved", an upsurge of gallantry, intelligence and creative power, an upsurge of combined intelligence in each organization, unit, locality, government office, school and family. This was an upsurge of extraordinary scope and depth, originating from the inherent capability of the nation and bringing about results which are, in retrospect, source of pride for ourselves and of admiration for our foreign friends near and far.

After the great victory of Spring 1975 that marked the achievement of national independence and reunification of the Motherland, we shifted our strategy to building our country along the socialist path. On this new road, we made a serious mistake to think it would be possible "to advance speedily, vigorously and steadily to socialism" with the subsidy-based bureaucratic centralized mechanism. The 6th Congress of the Party duly assessed these mistakes and shortcomings and shifted our line to an approach and outlook with an accurate name - "Renovation".

In the economic field, renovation means the implementation of a policy to develop a multi-sector commodity economy functioning as a market economy of a socialist orientation under the state management. This is an intelligent and valiant creative move of our Party and people in both practice and theory. We have obtained valuable initial results : political stability, encouragement of economic growth, improvement of living conditions, expansion of international relations. These great successes have inspired all our people with joy and confidence. As a result, overseas Vietnamese have made eager contributions to the building of their homeland ; our foreign friends far and near have been pleased to extend friendship and cooperation. Vietnam has not only overcome critical situations and will step by step get out of crises, but also created necessary premises to push forward the industrialization and modernization of the country.

A Vietnam renovated with socialist orientation, with a wealthy people, a strong economy, a fair and civilized society, pursuing a foreign policy "to befriend all other countries for the sake of peace, cooperation and development" is surely able to bring into play the overall strength of the nation to vanquish poverty and backwardness, and overcome new challenges. A renovated Vietnam will surely be an important factor of peace, cooperation and development in Southeast Asia and the world.

The history of the past fifty years has brought into limelight the role of our great President Ho Chi Minh, the architect of national liberation and reunification who promoted the strength of the people's national democratic revolution on our way to socialism. He was the incarnation of a harmonious combination of the nation's genius with great ideas of the epoch : Marxism - Leninism. He was the founder, organizer and teacher of our Party, the force that has brought about all the victories of our people. He had many years of activity in different countries and won esteem and admiration by the labouring and oppressed peoples in the world. His immortal statement :

phóng dân tộc và nhà văn hóa lớn". Đối với nhân dân Việt Nam ta, tư tưởng của Người mãi mãi là ánh sáng soi đường đi tới tương lai huy hoàng của dân tộc.

50 năm ngày Quốc khánh của Việt Nam là một sự kiện trọng đại, không chỉ vì đây là lễ kỷ niệm Quốc khánh vàng, một mốc son rực rỡ trong lịch sử hiện đại của Việt Nam, mà còn vì vai trò và vị trí hiện nay của nó đối với khu vực và thế giới, đặc biệt là cũng vào năm kỷ niệm Quốc khánh này, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ trở thành thành viên đầy đủ và chính thức của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

Trong xu thế đổi mới, hợp tác và phát triển đang diễn ra mạnh mẽ, sự kiện có nhiều ý nghĩa này cần được kỷ niệm cùng với bè bạn và những người ủng hộ Việt Nam cả trước kia cũng như hiện nay.

Sáng kiến của Công ty Ishou Media and Publications Pte Ltd của Singapore cùng với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Việt Nam hợp tác xuất bản cuốn sách "CÓ MỘT VIỆT NAM NHƯ THẾ" nhân dịp kỷ niệm 50 năm Quốc khánh nước Việt Nam (2-9-1945 – 2-9-1995) là một đóng góp đáng kể vào việc tăng cường hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước bầu bạn trên thế giới, trong đó có các nước ASEAN nói chung và nước Cộng hoà Singapore nói riêng.

Cuốn sách có nội dung phong phú, súc tích, giới thiệu đất nước, con người, thắng cảnh du lịch, truyền thống lịch sử - văn hoá, những thành tựu của chặng đường 50 năm trong thời đại Hồ Chí Minh, những kết quả bước đầu rất quan trọng của thời kỳ đổi mới và triển vọng phát triển trong tương lai của Việt Nam, với đông đảo bạn đọc trong nước và ngoài nước.

Chắc chắn cuốn sách sẽ góp phần xứng đáng vào ngày kỷ niệm Quốc khánh của Việt Nam, là món quà lưu niệm quý đối với đông đảo bạn đọc trong nước và bạn bè quốc tế, một ấn phẩm văn hoá có giá trị mang đậm bản sắc Việt Nam.

Hà Nội, tháng 5 năm 1995

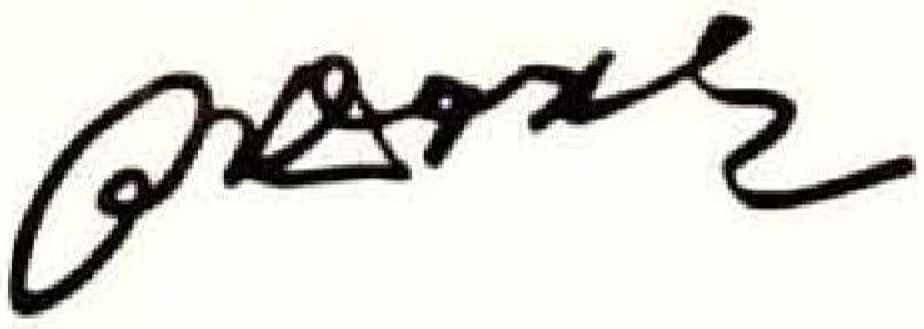

PHẠM VĂN ĐỒNG

"Nothing is more precious than independence and freedom" is a message to our people and to many other peoples in the world. He was recognized by UNESCO as "*a hero of national liberation and a great man of culture*". For the Vietnamese people, his thinking will for ever remain a beacon lighting the way to a glorious future.

The fiftieth celebration of Vietnam's National Day is an event of paramount importance not only because it is a gold anniversary, a brilliant milestone in Vietnam's modern history, but also because of Vietnam's present role and position in the region and in the world : The Socialist Republic of Vietnam will formally become a full member of ASEAN this year.

In the current strong trend to renovation, cooperation and development, the significance and joy of this event should be shared with our friends and supporters of both the past and the present.

The initiative of Singapore's Ishou Media and Publications Pte Ltd and Vietnam National Political Publishing House to publish the book "SUCH IS VIETNAM" on the occasion of the fiftieth celebration of Vietnam's National Day (September 2, 1945 - September 2, 1995) is a notable contribution to the strengthening of friendship and cooperation between Vietnam and its friends in the world ; the ASEAN countries and the Republic of Singapore in particular.

This book with rich contents introduces to readers at home and abroad Vietnam's land, people, beautiful tourist sites, historical and cultural traditions and achievements recorded in 50 years of the Ho Chi Minh epoch, important initial results of the renovation period and prospects of future development.

The book will surely make a worthy contribution to the celebration of Vietnam's National Day. It is a valuable souvenir for the readers at home and for our foreign friends, a valuable publication deeply impregnated with Vietnam's peculiar features.

Hanoi, May, 1995

PHAM VAN DONG

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA
GREAT PRESIDENT HO CHI MINH LIVES FOREVER WITH OUR CAUSE

Khuê Văn Các / Khue Van Pavilion (in the Literature Temple)

VIỆT NAM

ĐẤT NƯỚC | COUNTRY
LỊCH SỬ | HISTORY
CON NGƯỜI | PEOPLE

ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

THE COUNTRY OF VIETNAM

VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở vị trí gần như trung tâm Đông Nam Á, giữa Trung Quốc bên phía bắc và tiểu lục địa Ấn Độ bên phía tây, nằm ven Thái Bình Dương và không xa lối thông sang Ấn Độ Dương. Nhìn trên bản đồ, dải đất liền Việt Nam có hình dáng lượn cong hình chữ S, kéo dài từ bắc xuống nam, trên đó quần tụ 54 dân tộc lớn nhỏ anh em trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Thủ đô là thành phố Hà Nội, xưa gọi là Thăng Long (Rồng bay).

Nước Việt Nam có diện tích đất liền là 331.689 km^2. Ngày 12-5-1977, Chính phủ Việt Nam đã tuyên bố lãnh hải rộng 12 hải lý, vùng tiếp giáp lãnh hải rộng 12 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 200 hải lý ; thềm lục địa Việt Nam mở rộng đến bờ ngoài của rìa lục địa, và nơi nào bờ ngoài của rìa lục địa không ra đến 200 hải lý thì được mở ra cho đến 200 hải lý. Ngày 5-6-1984 Chính phủ Việt Nam ra tuyên bố về vùng trời, quy định vùng trời Việt Nam là khoảng không gian ở trên đất liền, nội thuỷ, lãnh hải và các hải đảo Việt Nam.

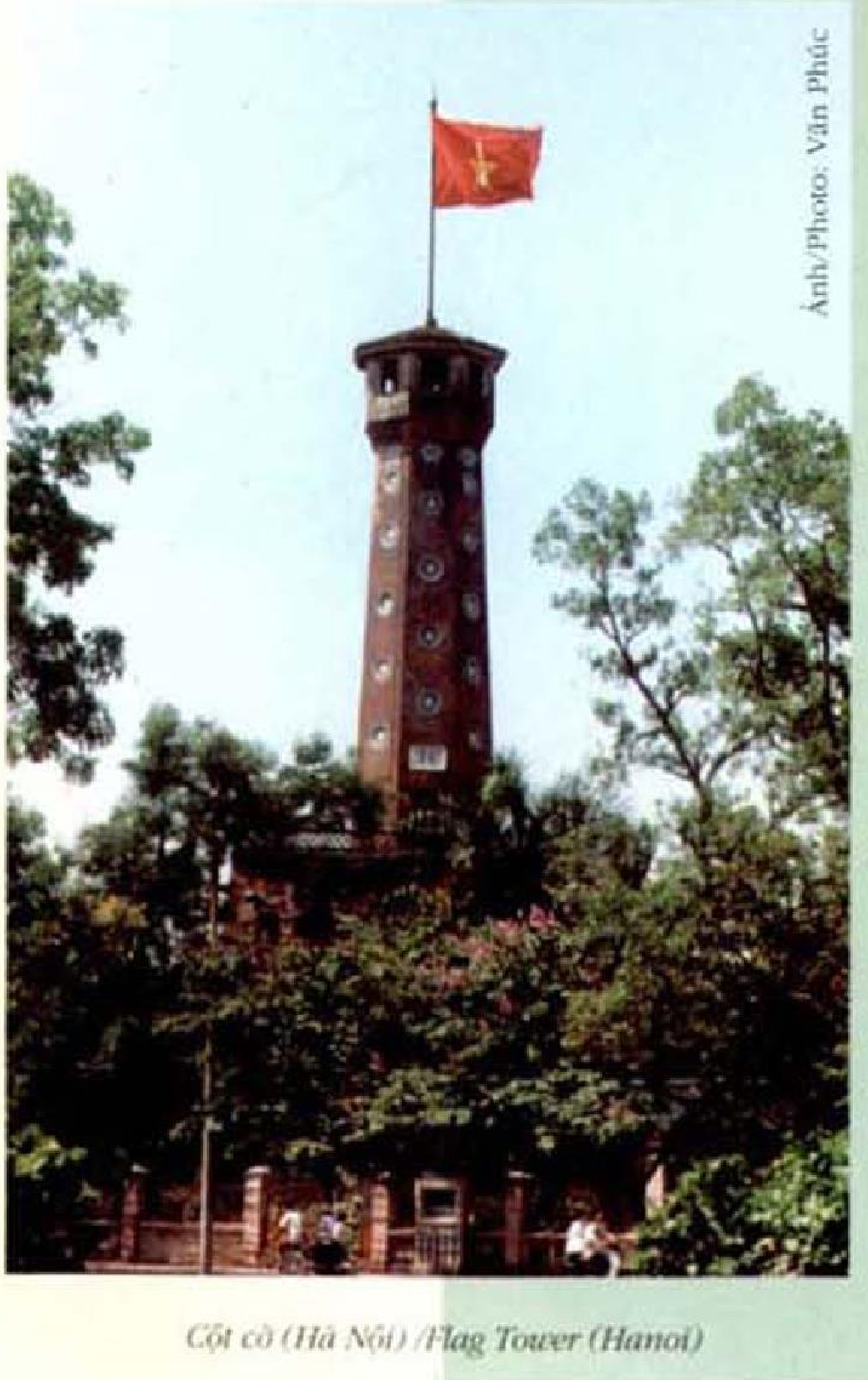

Cột cờ (Hà Nội) /Flag Tower (Hanoi)

LOCATION AND AREA

The Socialist Republic of Vietnam is situated almost in the centre of Southeast Asia region with China to the north and the Indian subcontinent to the west. It streches along the Pacific coast not far from the shipping lanes to the Indian Ocean and has an S-shape on the map. Vietnam has a population composed of fifty-four large and small ethnic groups. Its Capital is Hanoi, formerly known as Thang Long (the Soaring Dragon).

Vietnam's mainland covers an area of about 331,689 square kilometres. On May 12, 1977, the Vietnamese Government declared its 12-nautical mile inner territorial waters from the country's coastline and an adjacent 12-nautical mile area. An exclusive economic zone was extended to 200 miles off the coast. In another statement dated June 5, 1984, the Vietnamese Government defined the airspace of Vietnam as the space over the mainland, inner water areas, sea territorial waters and islands of Vietnam.

The mainland extends from the northernmost point of Lung Cu commune, Dong Van District, Ha Giang Province at latitude 23°23' north to the southernmost point of Mui Rach Tau Hamlet, Nam Can District, Minh Hai Province at latitude 8°27' south. Its width stretches from the westernmost point of A Pa

Ảnh/Photo: Văn Phúc

Cầu Thê Húc - Đền Ngọc Sơn (Hà Nội) / The Huc Bridge - Ngoc Son Temple (Hanoi)

Phần lục địa nước Việt Nam trải dài từ điểm cực Bắc thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang ở vĩ độ 23°23' Bắc đến điểm cực Nam thuộc xóm Mũi Rạch Tàu, huyện Năm Căn, tỉnh Minh Hải ở vĩ độ 8°27' Bắc. Bề ngang của phần đất liền Việt Nam mở rộng từ điểm cực Tây thuộc xã A Pa Chải, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu ở kinh độ 102°08' Đông đến điểm cực Đông là Mũi Đôi thuộc bán đảo Hòn Gốm, tỉnh Khánh Hòa ở kinh độ 109°27' Đông. Với cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông, các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền và quyền tài phán Việt Nam thì điểm cực Nam của vùng biển nước ta là ở vào khoảng vĩ độ 5°25' Bắc, điểm cực Đông ở kinh độ 117°20' Đông, điểm cực Tây ở kinh độ 101°57' Đông. Phần lãnh thổ đất liền Việt Nam nằm trọn trong múi giờ số 7 GMT.

Chai commune, Muong Te District, Lai Chau Province at longitude 102°08' east, to the easternmost point Mui Doi in Hon Gom Peninsula, Khanh Hoa Province, at longitude 109°27' east. With the Paracel and Spratly archipelagoes, the sea areas and continental shelf under Vietnamese sovereignty and jurisdiction, the grid references of Vietnam are 5°25' N, 117°20' E and 101°57' E. The mainland of Vietnam lies in the 7GMT Zone.

Chợ Bến Thành / The Ben Thanh Market

Cầu Tràng Tiền nối hai bờ sông Hương
Trang Tien Bridge, the connection of the two banks of Perfume River

TOPOGRAPHY

Vietnam's northern half, from the northern border to Hai Van Pass, is characterized by mountains and rivers that seem to align themselves in a northwest-southeast direction, typical of the Red River features in this landscape. East of the Red River, a curved range of limestone mountains looms and seems to turn their back to the east. Here also the Gam and the Ngan Son Rivers run almost parallel, embracing the old mountains at the source of the Chay River. The rugged mountains of Bac Son and Dong Trieu plunge into the sea creating the mountain islands of Ha Long Bay. The islands form blades, like those of a colossal hand-held fan with a handle which is the Tam Dao Mountain.

The Red River divides Bac Bo (north Vietnam) into two parts. The western part contains the Northwest Region with mountains and plateaus streching from the northwest to the southeast, from the Vietnam-China-Laos border to the Tonkin Gulf, in the same direction as the Red River. The Northwest Region has rolling mountains with Fansipan summit (3,143m) as the highest on the Indochinese peninsula.

ĐỊA HÌNH

Từ biên giới phía bắc đến đèo Hải Vân, nửa bắc nước Việt Nam có đặc điểm : núi, sông đều như đã được sắp xếp theo hướng tây - bắc - đông nam, điển hình của dòng sông Hồng. Phía đông sông Hồng có các dãy núi đá vôi hình cánh cung quay lưng sang đông : các cánh cung sông Gâm và Ngân Sơn gần song song nhau, ôm lấy khối núi rất cổ ở thượng nguồn sông Chảy. Các cánh cung Bắc Sơn hiểm trở và Đông Triều chìm xuống biển để làm ra những đảo núi của vùng Hạ Long, cũng đều quay lưng ra Biển Đông, trông như những nan quạt khổng lồ tỏa ra từ nhài quạt là núi Tam Đảo.

Dòng sông Hồng chia Bắc Bộ ra làm hai phần, phía tây là miền Tây Bắc, các mạch núi và cao nguyên tiếp theo nhau chạy từ tây - bắc xuống đông - nam, từ biên giới Việt -Trung, Việt - Lào xuống đến vịnh Bắc Bộ, cùng hướng với dòng sông Hồng. Miền Tây Bắc núi non trùng điệp, có đỉnh Phanxipăng (3143m) cao nhất bán đảo Đông Dương.

Hệ thống sông ngòi đều chảy theo hướng song song với sông Hồng. Các con sông nằm giữa núi và cao nguyên tạo ra những thung lũng và đem

phù sa lấp biển bồi đắp nên các đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Lam.

Từ đèo Hải Vân vào Nam, địa hình đơn giản hơn, không còn núi đá vôi dăng dây dài mà lan ra thành khối đá hoa cương rộng lớn, thỉnh thoảng nhô lên thành đỉnh cao, còn lại là những cao nguyên liên tiếp hợp thành Tây Nguyên, mà rìa phía đông được nâng lên thành mạch Trường Sơn, nhiều đoạn dốc thẳng xuống các đồng bằng duyên hải Trung Bộ, hay ra đến tận Biển Đông, và ở tận cùng phía nam thì thấp dần xuống dành chỗ cho các sông Đồng Nai và Cửu Long bồi đắp nên châu thổ phù sa Nam Bộ, còn rộng hơn châu tam giác sông Hồng.

Nước Việt Nam rộng ở hai đầu. Ở đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ, ruộng đồng quang đãng, phì nhiêu, là vựa thóc của đất nước. Ở Trung Bộ phần lớn là núi và cao nguyên hẹp và dài, nên từ xưa đã được ví như chiếc đòn gánh quẩy hai bồ thóc - "nhất cống lưỡng cơ". Và trên giang sơn ấy, các mạch núi dù không thuộc hàng cao lớn trên địa cầu, các dòng sông tuy không dài rộng bằng nhiều sông trên thế giới, nhưng qua lịch sử hình thành lâu đời đã được sắp xếp thật hài hoà :

Non xanh xanh, nước xanh xanh
Nước non như vẽ bức tranh tình

(TẢN ĐÀ)

All rivers flow in a direction parallel to the Red River. Lying between mountains and plateaus, they create valleys and bring alluvium to the sea and have shaped the Red River delta and the plains of the Ma and Lam rivers.

From Hai Van Pass to the south, the terrain is more simple. Instead of long ranges of limestone mountains, huge blocks of granite stand, sometimes jutting into the sky. Successive plateaus make up the Central Highlands of Tay Nguyen the eastern edge of which rose to form the Truong Son range with many sections sloping down to the coastal plains of Central Vietnam or to the East Sea (South China) and gradually lowers at the southern tip where the Dong Nai and Cuu Long (Mekong) rivers make up the larger Mekong Delta.

Vietnam swells at its two ends. The plains of Bac Bo and Nam Bo with their fertile rice-fields are its granaries. Trung Bo (Central Vietnam) consists mostly of mountains and long and narrow plateaus, that is why from ancient times it has been compared to a shoulder pole carrying two baskets of rice. And on this land, mountains and rivers, though not so high and so long as in other countries, are very harmoniously arranged by nature :

Mountains are blue, waters blue
Landscape is like a painting of love

(TAN DA)

Nắng sớm trên cố đô Huế
Early sunlight on the ancient Hue capital

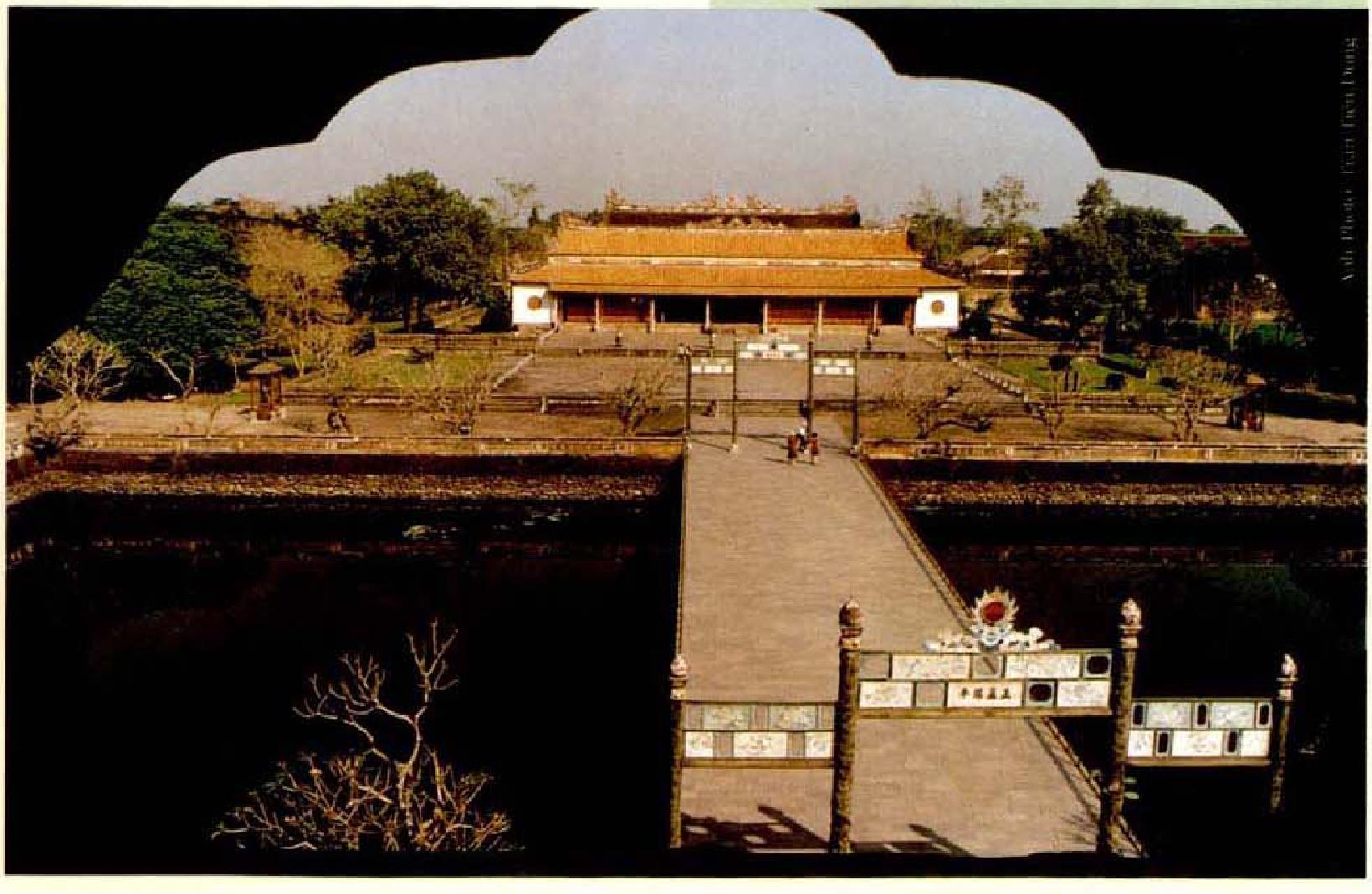

Hạ Long - một kỳ quan thế giới
ong Bay - one of the world's wonders

BIỂN, BỜ BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Việt Nam có ba mặt đông, nam và tây - nam trông ra biển. Biển Đông là một bộ phận của Thái Bình Dương; trên bản đồ của các nước có khi ghi những tên khác nhau, nhưng "Biển Đông" vốn là tên gọi chính thức của người Việt từ lâu đời, trong ca dao tục ngữ đã có tên Biển Đông. Sau chiến thắng quân Minh, trong bài "Bình Ngô đại cáo", Nguyễn Trãi đã viết : "Tát cạn nước Biển Đông không rửa sạch tanh hôi". Năm 1435 trong sách "Dư địa chí" Nguyễn Trãi đã viết : "Hải Đông Hải dã" (Biển, ấy là Biển Đông vậy). Phần biển ăn sâu về phía Việt Nam là vịnh Bắc Bộ có độ sâu trung bình là 40m và giáp với miền Đông Bắc.

Phía tây nam, đất nước Việt Nam trông ra vịnh Thái Lan. Tuy được gọi quen là vịnh Thái Lan, nhưng nó nằm giữa lãnh thổ của các nước Việt Nam, Campuchia và Thái Lan.

Nước Việt Nam ba mặt giáp biển, có bờ biển dài khoảng 3260 km từ Móng Cái ở phía Bắc đến Hà Tiên ở phía Tây Nam, chưa kể bờ biển của các đảo.

Đoạn bờ biển đầu tiên từ Móng Cái đến Cửa Ông thấp, nhiều bãi sú vẹt viền lấy bờ hợp thành những rừng cây nước mặn bảo vệ và mở rộng vùng

SEA, COAST AND ISLANDS

Vietnam faces the sea in the east, south and southwest. The East Sea is a part of the Pacific Ocean ; it is named differently on different maps but "East Sea" was the name given by the Viet people from ancient times ; it has gone into Vietnamese proverbs and sayings. After the victory over the Chinese Ming, in his "Ming Pacification Statement", Nguyen Trai wrote : "Even all the water of the East Sea cannot wash away the enemy infamy". In 1435, in his book "Du dia chi" (book of geography), he mentioned : "That sea is the East Sea". The section of the sea that carves deep into Vietnam's coastline is the Gulf of Tonkin which has an average depth of 40m, adjacent to the northeast region.

In the southwest, Vietnam looks on the Gulf of Thailand which lies between the territories of Vietnam, Cambodia and Thailand.

Surrounded by the sea on three sides, Vietnam has about 3,260 km of coastline, streching from Mong Cai in the north to Ha Tien in the southwest, excluding the coast surrounding islands.

The first coast section from Mong Cai to Cua Ong is low with mangroves lining the shore forming salined water forests to protect and enlarge the coastal area. From Cua Ong to Do Son, the bow of Dong Trieu limestone mountains has sunk under the sea with their tops turned into thousands of islands, creating a world-famous scenic spot. This comprises the Bai Tu Long bay in which each island represents one "baby dragon" bowing to the "Mother dragon" - the highest island, and Ha Long bay in which each island symbolizes one section of the big dragon which has descended from the sky to help the Vietnamese people fight foreign invasion.

Hai Phong is the main sea port in the north of Vietnam ; large ships enter and leave through Cua Cam. Do Son is a long and slender peninsula which comprises nine mountains running to the sea like nine dragons ; that is why it is also named Cuu Long (Nine Dragons) peninsula ; at the foot of these mountains lay beautiful beaches.

The straight coast line of over 500 km from Do Son to Cua Tung is trimmed with beautiful sand beaches and sand dunes, some over 40m high. In some sections, mountains protrude into the sea creating picturesque landscapes, such as Sam Son, Bien Son, Ngang Pass and Da Nhay.

The sea coast of 450 km from Cua Tung to Quy Nhon is banked up with sand. What makes a difference here is that river alluvi-

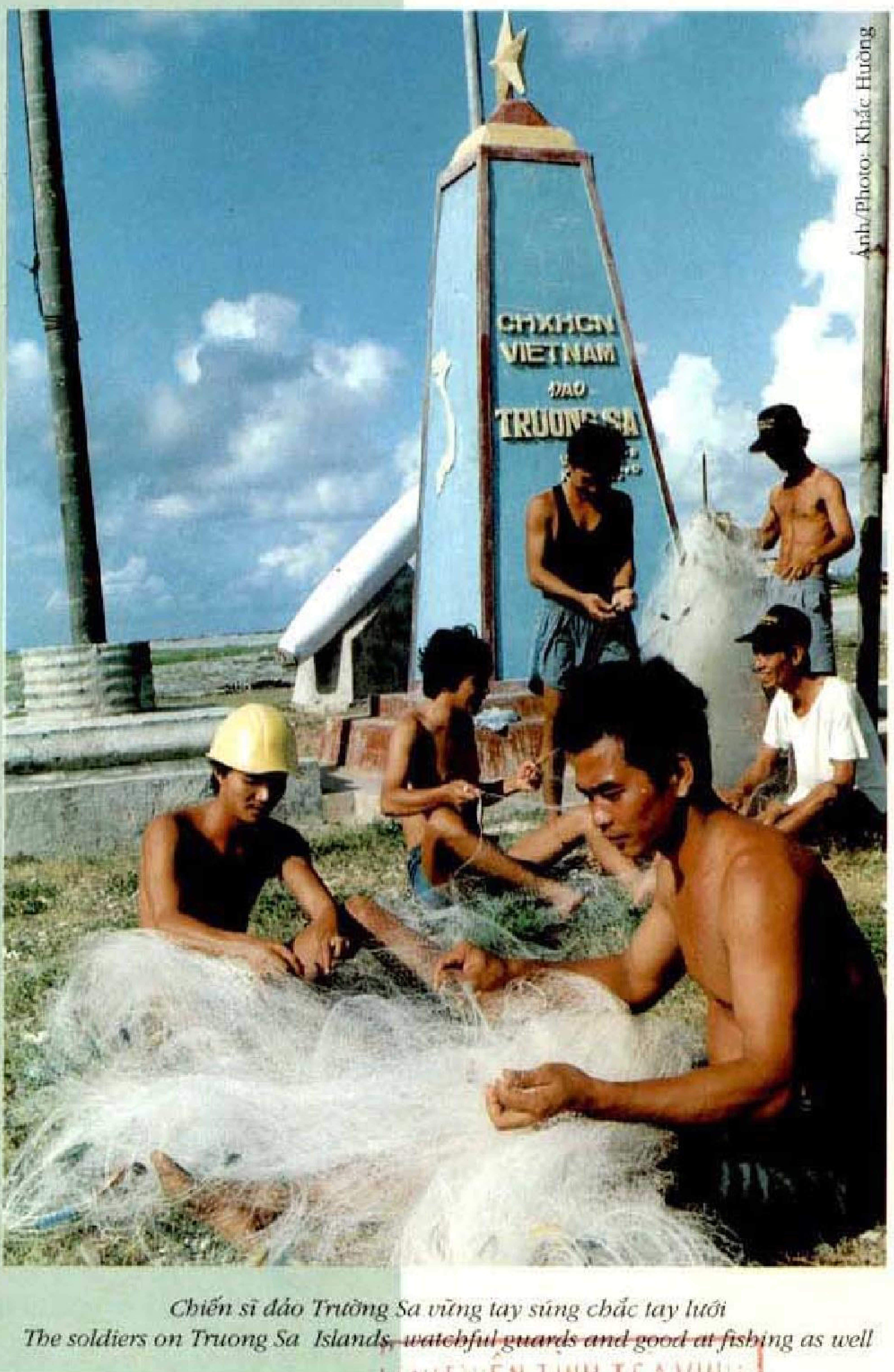

Chiến sĩ đảo Trường Sa vững tay súng chắc tay lưới
The soldiers on Truong Sa Islands, watchful guards and good at fishing as well

ven biển. Từ Cửa Ông vào đến Đồ Sơn, cánh cung núi đá vôi Đông Triều lún xuống bị nước biển phủ lên, biến các ngọn núi thành hàng nghìn hòn đảo thiên hình vạn trạng, tạo nên một vùng thắng cảnh nổi tiếng trên thế giới gồm có vũng Bái Tử Long mà mỗi núi đảo là một "rồng con" chầu về phía hòn núi - đảo cao nhất là rồng mẹ, và vũng Hạ Long mà mỗi núi đảo là một khúc của con rồng đã từ trên trời hạ xuống giúp dân Việt Nam chống ngoại xâm.

Hải Phòng là cảng chính của miền Bắc Việt Nam, tàu biển lớn vào ra qua Cửa Cấm, Đồ Sơn là một bán đảo thon dài gồm chín ngọn núi kế tiếp nhau chạy ra biển như chín con rồng, nên gọi là bán đảo Cửu Long, chân các núi là những bãi tắm đẹp.

Từ Đồ Sơn vào đến Cửa Tùng trên 500 km bờ biển thẳng tắp ven các đồng bằng, có nhiều bãi cát đẹp, và cồn cát cao có nơi đến 40m, từng chặng lại có những dãy núi ngang nhô ra biển thành những mũi đá, tạo nên những vùng "trời non nước" có "cỏ cây chen đá lá chen hoa" như Sầm Sơn, Biện Sơn, Đèo Ngang, Đá Nhảy.

Từ Cửa Tùng vào Quy Nhơn là 450 km bờ biển cát bồi nhưng thuộc một dạng khác ; phù sa sông ngòi đổ ra biển được các dòng biển chảy ven bờ đem rải ra dọc bờ làm thành những dải cát duyên hải gọi là vây nước biển lại tạo thành những đầm phá như phá Tam Giang, đầm Cầu Hai, phá Thị Nại những mỏm núi nhô ra biển thành những mũi Chân Mây, Hải Vân, Ba Làng An. Một cảnh đẹp nổi tiếng là

THƯ VIỆN TỈNH TRÀ VINH

Bộ đội Trường Sa với cánh chim Hải Âu
Truong Sa soldiers with petrels

đèo Hải Vân, vượt qua một khối núi đá hoa cương hùng vĩ ở độ cao gần 500m trông thẳng xuống Biển Đông mênh mông, đầu phủ mây trời, chân dầm nước biển, đúng với cái tên "Hải Vân".

Từ Quy Nhơn vào Mũi Dinh hơn 200 km bờ biển sát chân Trường Sơn, cạnh lòng biển sâu, là đoạn bờ khúc khuỷu nhất Việt Nam, sườn núi cứ tiếp theo vũng biển, tạo ra lắm vũng kín và đẹp lạ thường : vũng Hòn Khói, vũng Vân Phong, vũng Rô, nhất là vũng Cam Ranh được xem là cảng thiên nhiên lý tưởng ngang hàng với Riô đê Hanêrô và Melbơn.

Từ Mũi Dinh trở vào, bờ biển dài hơn 800 km nhưng chỉ có một vùng núi nhỏ tạo ra Vũng Tàu là khu nghỉ mát tốt, còn lại toàn là những cồn cát duyên hải, những bãi bồi ở các cửa sông Cửu Long, những rừng đước ngập mặn ở Cà Mau, và cuối cùng là một nhóm núi đá vôi ở Hà Tiên, phần nằm trên bờ, phần ở dưới biển như nhắc lại cho du khách cảnh vũng Hạ Long ở đầu phía Bắc của bờ biển Việt Nam.

Ven bờ Biển Đông và trên nền lục địa Việt Nam có khoảng ba nghìn đảo lớn, nhỏ, riêng vịnh Bắc Bộ đã tập trung gần ba nghìn đảo trên các vùng Hạ Long và Bái Tử Long, và các đảo lớn Cát Hải, Cát Bà hợp thành huyện đảo Cát Bà ; ở vùng trung tâm vịnh Bắc Bộ còn có đảo Bạch Long Vĩ - cái đuôi của con "rồng trắng", đứng làm vọng gác tiền tiêu của đất nước.

Ở giữa Biển Đông, quần đảo Hoàng Sa gồm hơn 30 đảo đá, cồn san hô, bãi cát ngầm, rải ra trên một vùng biển rộng khoảng 15.000

um carried into the sea is spread out along the shore by sea currents and forms coastal sand strips surrounded by sea water creating marshes and lagoons such as Tam Giang lagoon, Cau Hai marsh, Thi Nai lagoon decorated with mountains jutting out into the sea to form Chan May, Hai Van, Ba Lang An capes. A famous scenic spot is Hai Van Pass crossing over a grandiose granite mountain about 500m high, looking down to the immense East Sea, with its summit lost in clouds and its foot caressed by sea water ; hence it is named "Hai Van" (Sea and Cloud).

From Quy Nhon to Mui Dinh, extends the sea coast of over 200 km, close to the foot of the Truong Son range facing the deep sea. This is the most rugged coast of Vietnam with mountains after bays, creating many sheltered and beautiful bays such as Hon Khoi, Van Phong, Ro, and particularly Cam Ranh. The latter is considered an ideal natural port comparable to Rio de Janeiro and Melbourne.

From Mui Dinh southwards, the 800 km long coast has only a small mountainous area with Vung Tau as a good seaside resort ; the remaining part is mainly composed of sand dunes, alluvium deposits at the Cuu Long (Mekong) river mouths, salted water forests of mangroves in Ca Mau and finally a group of limestone mountains in Ha Tien lying partly on the shore and partly in the sea, a landscape quite similar to the Ha Long bay on the northern coast of Vietnam.

In the parts of the east sea under Vietnamese jurisdiction, there are about 3,000 big and small islands. The Bac Bo Gulf alone contains about 3,000 islands in the areas of the Ha Long and Bai Tu Long bays : Cat Hai and Cat Ba big islands form the Cat Ba island district ; in the centre of the Bac Bo Gulf lies Bach Long Vi island (White Dragon Tail), standing as a forward watch-tower of the country.

In the middle of the East Sea, the Paracel (Hoang Sa) archipelago comprises over 30 rocky islands, coral submerged sand strip spreading over an area of 15,000 square kilometres. The Paracel archipelago has been under the sovereignty of

Dưới đây là thống kê tình hình giáo dục phổ thông năm học 1941 - 1942 :

Bậc học	Trường công		Trường tư	
	Số trường	Số học sinh	Số trường	Số học sinh
Trung học	3	625		
Cao đẳng tiểu học	16	5.521	49	11.203
Tiểu học	503	58.629	234	29.573
Sơ học	8.775	486.362	906	48.675
Cộng số học sinh		551.137		89.451

Trong thời gian đó, ở Đông Dương (bao gồm Việt Nam, Campuchia và Lào) chỉ có 1 trường đại học gồm 3 khoa : luật, y dược và khoa học. Sau đó có một số trường cao đẳng được hình thành (mỹ thuật, công chính, thú y) với số lượng học sinh không quá 800 người vào năm cao nhất.

Về y tế, mạng lưới bệnh viện quá mỏng. Chỉ có ở Hà Nội, Sài Gòn, Huế là có bệnh viện với quy mô khoảng 500 giường, còn thì ở hầu hết các tỉnh lỵ chỉ có bệnh viện dành cho công chức và người có tiền. Ở các tỉnh biên giới, các bác sĩ quân y người Pháp làm trưởng bệnh viện địa phương. Hầu như trong giai đoạn này, ở nông thôn không có tổ chức y tế.

Hồn nhiên / Innocence

CLIMATE

Though situated in the tropical zone, Vietnam has two climate regimes connected with two different topographic features : north Vietnam has cold and hot seasons while in south Vietnam the climate is hot all round the year. In addition, there are different climate sub-regions due to geographic and topographic conditions.

The Bac Bo mountain and midland areas on the left bank of the Red River are directly exposed to the northeastern monsoon, as a result, winter is very cold. The average annual temperature is only 20°C in some places. In summer, the southeastern wind blowing from the Bac Bo Gulf causes a rise in the temperature but also brings rain which increases in quantity as one goes up from the plain to the mountain.

The northwest is not affected by the northeastern monsoon, but as it is composed mainly of mountains and plateaus, it has a fairly cold climate. The average annual temperature is about 20° - 21°C with winter mist and rare drizzles.

The Bac Bo plain and northern Trung Bo down to Ngang Pass have two clearly distinct seasons : cold and hot ; the southeastern monsoon blowing from the sea brings rain. In winter, the northeastern monsoon

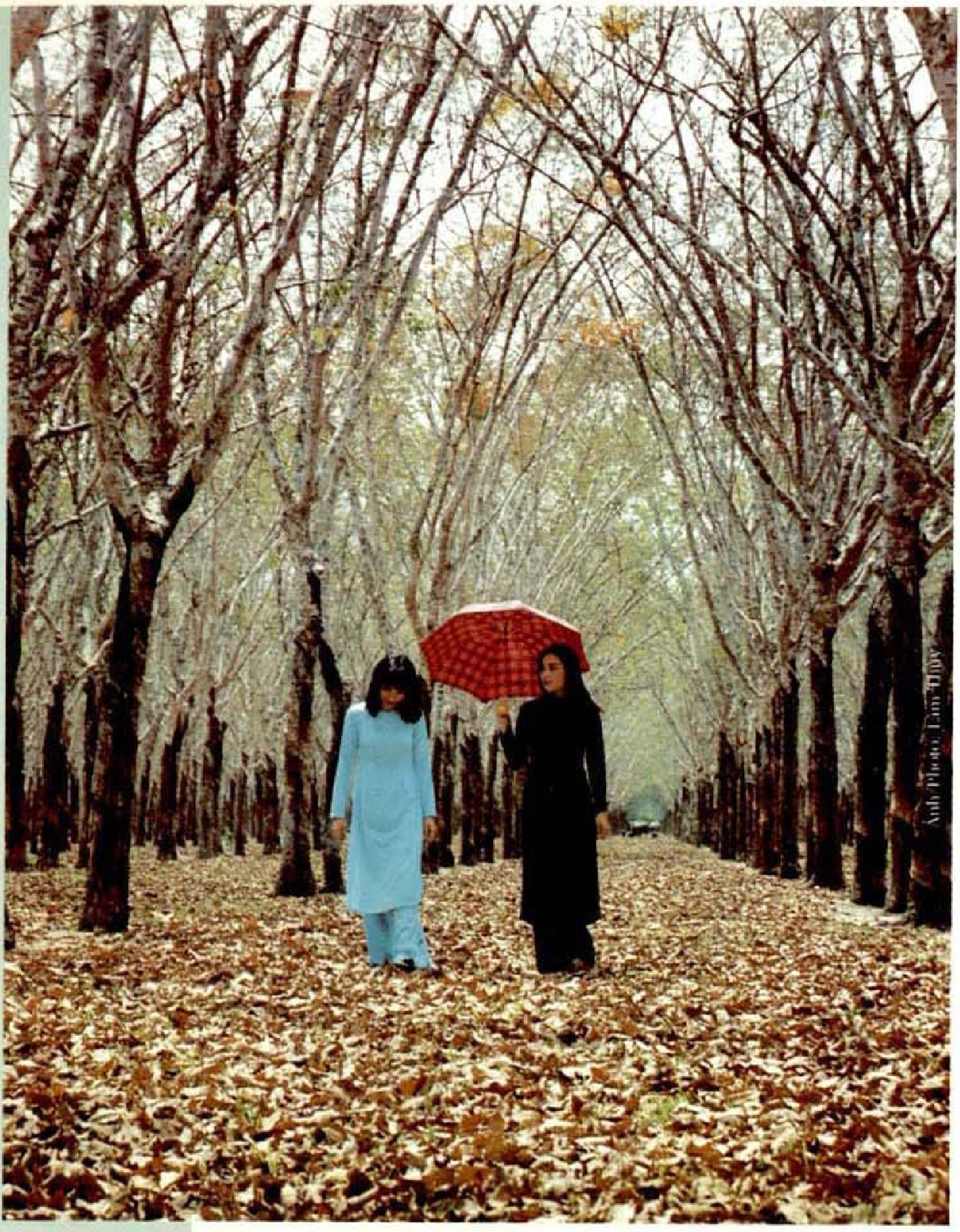

Giữa rừng cao su miền Đông Nam Bộ
In the heart of the Eastern Nam Bo Rubber Plantation

KHÍ HẬU

Tuy ở nhiệt đới, Việt Nam có hai vùng khí hậu gắn với hai vùng địa hình khá khác nhau : miền Bắc có mùa lạnh và mùa nóng, miền Nam suốt năm nóng đều ; mỗi miền lại có những tiểu vùng khí hậu khác nhau do đặc điểm của vị trí địa lý và địa hình.

Miền núi và trung du Bắc Bộ bên tả ngạn sông Hồng phải trực tiếp đón gió mùa đông bắc thổi đến nên mùa đông rất rét, làm cho nhiệt độ trung bình năm có nơi chỉ xấp xỉ 20°C, mùa nóng thì gió đông - nam từ vịnh Bắc Bộ thổi vào, làm nhiệt độ lên cao, nhưng cũng đem theo mùa mưa, và càng lên miền núi mưa càng nhiều hơn ở đồng bằng.

Miền Tây Bắc tuy gió đông bắc không đến được nhưng phần lớn là núi và cao nguyên nên khá lạnh, nhiệt độ trung bình năm khoảng 20-21°C, mùa đông nhiều sương mù, nhưng ít khi mưa phùn.

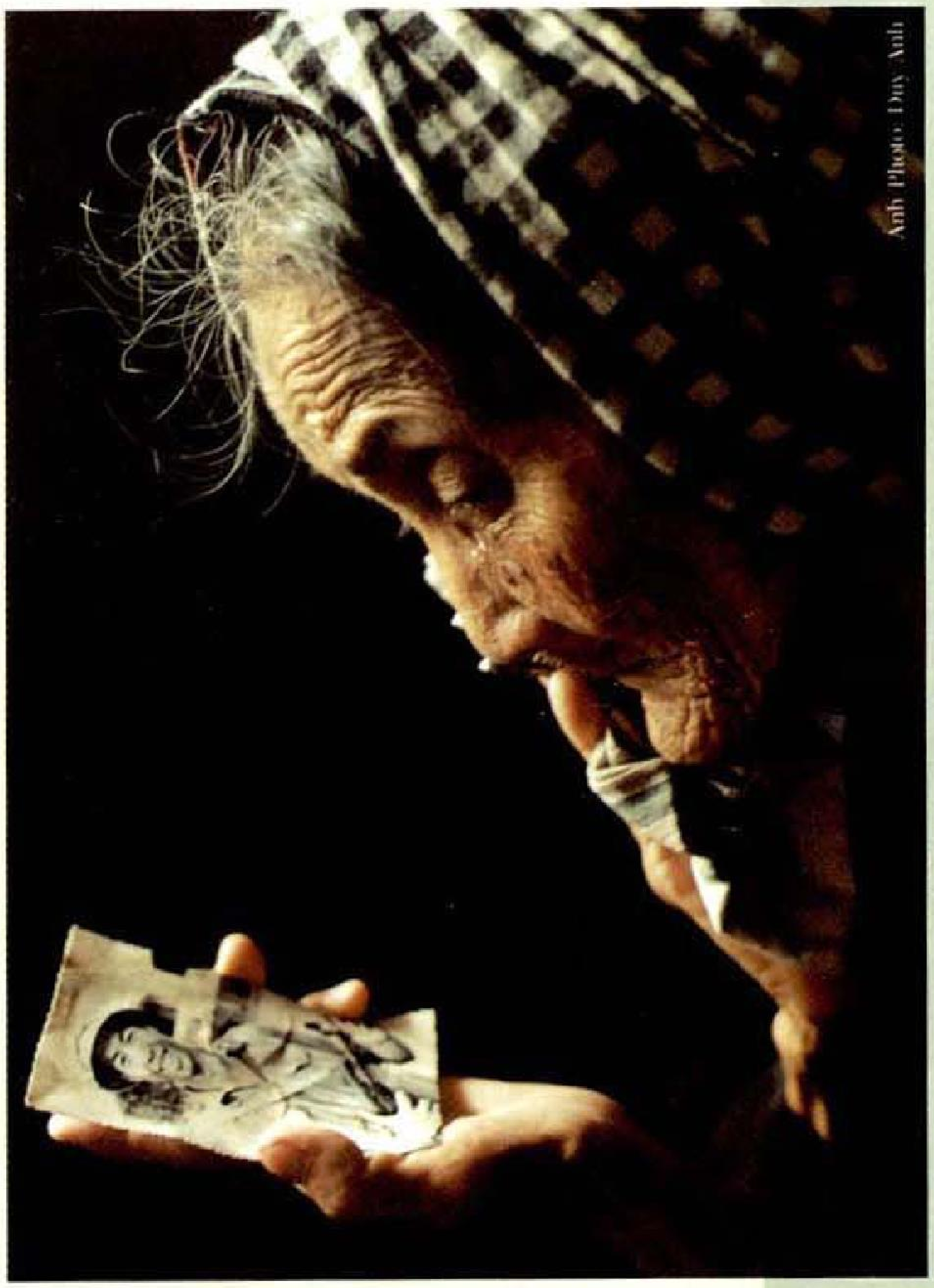

Kỷ vật của Mẹ
Mum's keepsake

bất công, gây ra những "điểm nóng" về mặt xã hội. Một hệ thống chính sách xã hội được xây dựng trên những nguyên tắc cơ bản đó, sẽ có vai trò như "bà đỡ" để các nhóm dân cư bị thiệt thòi có thể hoà được vào cộng đồng xã hội. Làm cho các chính sách xã hội phát triển được một cách thuận lợi là điều không phải giản đơn, xét cả từ góc độ đầu tư cũng như từ góc độ quản lý.

Thực hiện các chính sách xã hội phải thông qua các chương trình dự án tầm quốc gia, định rõ mục tiêu, lồng ghép vào các chương trình, dự án kinh tế xã hội khác, phải xác định các cơ chế vận hành phù hợp cho từng loại chương trình, dự án xã hội, đảm bảo nguyên tắc các nguồn tài chính đến đúng mục tiêu, đối tượng và có hiệu quả.

Trong quá trình đưa chính sách xã hội vào cuộc sống, phải nắm vững ba khâu then chốt : tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước ; phát huy sức mạnh cộng đồng và xã hội hoá các công tác xã hội ; bản thân các đối tượng hưởng chính sách xã hội vươn lên hội nhập cộng đồng. Phải coi trọng các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các xã, phường, bản, làng, vì đây là cái cầu nối giữa mọi chính sách xã hội với nhân dân. Đây cũng là

combination must be carried out in harmony with each stage of development. Economic policies must have social implication which ensure social security, avoid the pursuit of a uniquely free market economy or economic profits regardless of social consequences. In return, social policies must help promote economic development, and be suitable to existing economic conditions. Investments in social development must be considered prerequisites to economic development.

As the realities in Vietnam have shown, policies towards people who have done good services to the country are of great significance in the whole system of social policies. The principle of equality is the top priority in developing social policies. This principle ensures harmony in social relationships, first of all, in the relations of interests and helps to prevent egalitarianism from discouraging the driving force of economic development. Differences, injustice and social "hot spots" will be reduced. A system of social policies based on these fundamental principles will serve as a "midwife" who helps the socially handicapped people (the disabled persons) integrate with the social community. It is not easy to carry out social policies smoothly in terms of investments and management.

Social policies must be carried out through projects on a national scale with clearly defined objectives. Social policies must be included into other socio-economic projects and programmes. An operational mechanism appropriate for each category of socio-economic projects must be specified so that financial resources will be effectively and appropriately used.

If social policies are to be brought into real life, three key factors must be fully realized. First, the State management must be enhanced. Second, the strength of the community must be brought into full play and social

cao, làm sinh ra mưa dầm cuối năm. Sang xuân thỉnh thoảng cũng có mưa phùn. Nhưng từ Hải Vân vào Nam thì khí hậu khác hẳn, đó là khí hậu nhiệt đới khá điều hoà, nóng quanh năm.

Ở các đồng bằng từ đèo Hải Vân đến Mũi Dinh, nhiệt độ tháng nào cũng trên 20°C, trung bình năm từ 25 đến 27°C, khi cao nhất với khi thấp nhất chênh nhau không quá 10°C. Mùa hè, mưa không nhiều vì gió ẩm từ vịnh Thái Lan thổi lên, qua Trường Sơn rồi đổ xuống đồng bằng thì bị khô hết hơi nước, thành ra gió nóng, thường gọi là gió Lào.

Vào đến khu cực nam Trung Bộ thì nóng rát, lại mưa ít, chỉ độ 720 mm một năm, phần lớn thời gian trong năm là hạn hán.

Nhưng khu Tây Nguyên, phần lớn là núi và cao nguyên, đón gió cả hai mùa nên mưa nhiều, có nơi mưa hơn 2000mm một năm. Độ cao làm giảm nhiệt độ, nên trung bình các tháng nhiệt độ chỉ trên dưới 20°C, chênh lệch trung bình năm trên dưới 2°C, lúc nào cũng mát như mùa xuân. Kiểu khí hậu nhiệt đới miền núi điều hoà ấy được gọi là "khí hậu mùa xuân vĩnh viễn" đã làm cho Đà Lạt thành một khu nghỉ mát nổi tiếng.

Phần tận cùng phía Nam là đồng bằng Nam Bộ thì nóng quanh năm, nhiệt độ trung bình lên gần 27°C ; chênh lệch giữa tháng rét nhất với tháng nóng là 3°C. Mưa cũng rất điều hoà.

Miền bờ biển Việt Nam ở Bắc Bộ và ở hầu hết Trung Bộ, năm nào cũng có bão từ Biển Đông kéo vào trong các tháng cuối hè đầu thu, ít cũng vài ba cơn, nhiều có khi đến bảy, tám trận, và dữ dội nhất là làm cho sóng thần quét vào bờ xa hàng kilômét.

and becomes dry and hot, it is usually called the Lao wind.

In the southernmost area of Trung Bo, it is very hot and there is little rain ; the annual rainfall is only 720 mm, there is drought most of the time of the year.

But the Central Highlands of Tay Nguyen, comprised mostly of mountains and plateaus, receive wind in both seasons and have a rainy climate. In some places the annual rainfall exceeds 2000 millimetres. Temperature decreases at high altitudes with an annual average of 20°C and the average annual difference is about 2°C, it is always fresh like in spring. This moderate tropical climate of the mountain area described as the "everlasting spring climate" has made Da Lat a well-known mountain resort.

The southernmost part of the country, the Nam Bo plain, is hot all the year round with an average temperature of about 27°C. The difference between the coldest and the hottest month is 3°C and rain is regular.

The coastal areas of Bac Bo and almost all Trung Bo are visited every year by typhoons coming from the East Sea at the end of summer and the beginning of autumn ; at least two or three storms, sometimes seven or eight hurricanes at this time with the most violent ones causing tidal waves to sweep kilometres over the shore.

RIVERS AND UNDERGROUND WATERS

With a rainy tropical climate, rivers in Vietnam have a fairly great total flow reaching 867 billion cubic metres a year. There are four long rivers : Mekong, Red, Ma, Lam (or Ca). Their strong current erodes the terrain and carries away an annual quantity of mud and sand estimated at 300 million tonnes. The Red and the Mekong Rivers alone carry away 230 million tonnes. This has resulted in the rapid formation of the Bac Bo and Mekong Deltas. In the flood season, river water is murky with big quantities of alluvium. In the dry season, the water is clear as the quantity of alluvium is smaller. The Red River is a case apart : it carries a lot of alluvium in all seasons, giving its water a turbid red colour which justifies its name.

Underground waters in Vietnam are abundant enough to supply the rivers in the dry season and keep the vegetation green all the year round. At those places where the earth's crust is cracked or fractured and where there are volcano activities, underground waters become mineral and hot springs. The temperature of the water at some places reaches almost 100°C. Vinh Hao mineral water in Binh Thuan Province contains calcium bicarbonate and has been reputed for its curing effects for nearly a century.

Chùa Linh Mụ soi bóng trên dòng sông Hương (Huế) / Linh Mu Pagoda casting her shadow on the Perfume River (Hue City)

Ảnh/Photo: Hữu Cấy

Rừng đước Minh Hải / Minh Hai mangrove forest

SÔNG NGÒI, NƯỚC NGẦM

Với khí hậu nhiệt đới mưa nhiều, tổng lượng dòng chảy ở Việt Nam khá lớn, đạt tới 867 tỷ m³ mỗi năm. Bốn hệ sông dài rộng nhất : sông Cửu Long, sông Hồng, sông Mã, sông Lam hay sông Cả. Các sông ngòi ở Việt Nam chảy mạnh, xói mòn địa hình, cuốn cát bùn trôi theo mỗi năm ước đến 300 triệu tấn, riêng sông Hồng và sông Cửu Long cuốn đi đến 230 triệu tấn cát bùn, nên đã nhanh chóng hình thành hai châu thổ tam giác Bắc Bộ và Nam Bộ. Vào mùa lũ, các sông ngòi đều vận chuyển nhiều phù sa nên nước đục, vào mùa cạn do vận chuyển ít phù sa nên nước trong, riêng sông Hồng mùa nào cũng lắm phù sa, làm cho quanh năm nước đỏ ngầu đúng với tên của nó.

Nước ngầm ở Việt Nam cũng phong phú, đủ để cung ứng cho các dòng sông trong mùa khô hạn và giữ cho lớp cây cỏ xanh tươi quanh năm. Ở những nơi mà vỏ trái đất bị nứt, gãy và có hoạt động núi lửa thì nước ngầm thành ra suối khoáng, suối nóng. Nhiệt độ của nước có nơi gần 100°C ; nước ở Vĩnh Hảo tỉnh Bình Thuận hoà tan bicacbonat canxi có tác dụng chữa bệnh nổi tiếng đã gần một thế kỷ.

LAND, FLORA AND FAUNA

Vietnam has a total area of 331,689 square kilometers including 9,455,000 hectares of land deposits comprising 7 groups : salted soil, alum, alluvium, muddy land, peat, grey exhausted soil ; most of the land belong to different kinds of alluvium, grey soil and alum ; the land which developed on the spot has an area of 23,579,000 hectares comprising also 7 groups most of which are yellow red, yellow brown grey and turbid red land on the mountains. On the whole, Vietnamese soil has thick strata and high fertility, it provides very favourable conditions for the development of agriculture and forestry.

The monsoon tropical climate, sunshine and rain have given Vietnam an abundant and diversified vegetation. The Vietnamese territory lies at the convergence of atmospheric currents and has received a great number of seeds from the north, west and south, that is why the forests have many strains and species of vegetation. Vietnam has over 800 wood species many of which are precious due to their hardness, solidity, beautiful grains and colours. The famous wood species comprise iron wood, oak, teak ; thitka on limestone mountains ; wood with beautiful grains such as mahogany,

ĐẤT ĐAI, THỰC VẬT, ĐỘNG VẬT

Tổng diện tích của Việt Nam là 331.689 km^2 đất liền, trong đó có 9.455.000 ha đất bồi tụ do thuỷ thành gồm bảy nhóm: đất mặn, đất phèn, phù sa, đất lầy than bùn, đất xám bạc màu, nhiều nhất là các loại phù sa, đất xám và đất phèn ; đất địa thành phát triển tại chỗ là 23.579.000 ha cũng gồm bảy nhóm, trong đó nhiều nhất là đỏ vàng, xám nâu vàng và mùn đỏ trên núi. Nhìn chung, đất ở Việt Nam có tầng dày lớn và độ phì cao, rất thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp.

Với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng đủ, mưa nhiều đã làm cho Việt Nam có hệ thực vật phong phú, đa dạng. Lãnh thổ Việt Nam lại ở giữa ngã ba hội tụ của các hoàn lưu khí quyển, được nhiều hạt giống đưa từ bắc xuống, tây sang, nam lên nên rừng có nhiều giống, loài thực vật, có trên 800 loài cây gỗ, trong đó nhiều loài quý vì cứng, bền, có vân, màu sắc đẹp. Các loài gỗ nổi tiếng là tứ thiết : đinh, lim, sến, táu ; lại có nghiến trên núi đá vôi ; gỗ vân đẹp thì có lát hoa, mun gụ, trai, cẩm lai, giáng hương. Những loài pơ mu, hoàng đàn, kim giao, long não cũng còn nhiều. Rừng rậm nguyên sinh có trữ lượng trên 300m^3/ha.

Rừng thứ sinh phục hồi thì chỉ còn các loại gỗ tạp, mọc nhanh, diện tích khoảng 3 triệu ha, tổng trữ lượng 400 triệu m^3 gỗ, mỗi năm có thể khai thác 4-5 triệu m^3.

Rừng thứ sinh thưa có khoảng 5 triệu ha, trữ lượng trung bình 40m^3/ha, còn lại ở các vùng đồi gò gần bản làng, đường giao thông, vì đã khai thác nhiều nên chỉ còn các loài gỗ tạp.

Rừng thuần chủng thì nhiều nhất là tre, núa, diện tích khoảng 1 triệu ha với khoảng 60 loài tre, núa, giang, mai, lồ ô, le. Tổng trữ lượng độ 11 tỷ cây.

Sản phẩm phụ của rừng rất phong phú, có nhiều loài dùng làm thực phẩm : măng, củ mài, nấm hương, mộc nhĩ ; nhiều loài dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp : cọ, móc, song, mây, màng tang, trám ; và nhất là có nhiều loài dược liệu dùng làm thuốc quý, trong đó có hơn 1300 loài thuộc các họ trúc đào thiên lý, dâu tằm, đay và hơn 500 loài chứa các alcalôit khác nhau, như cây dừa cạn chứa đến 74 alcalôit, các loài thông hai lá, ba lá cho nhiều nhựa.

Đất lành sếu đậu (Đồng Tháp)/ Good land, home of birds (Dong Thap)

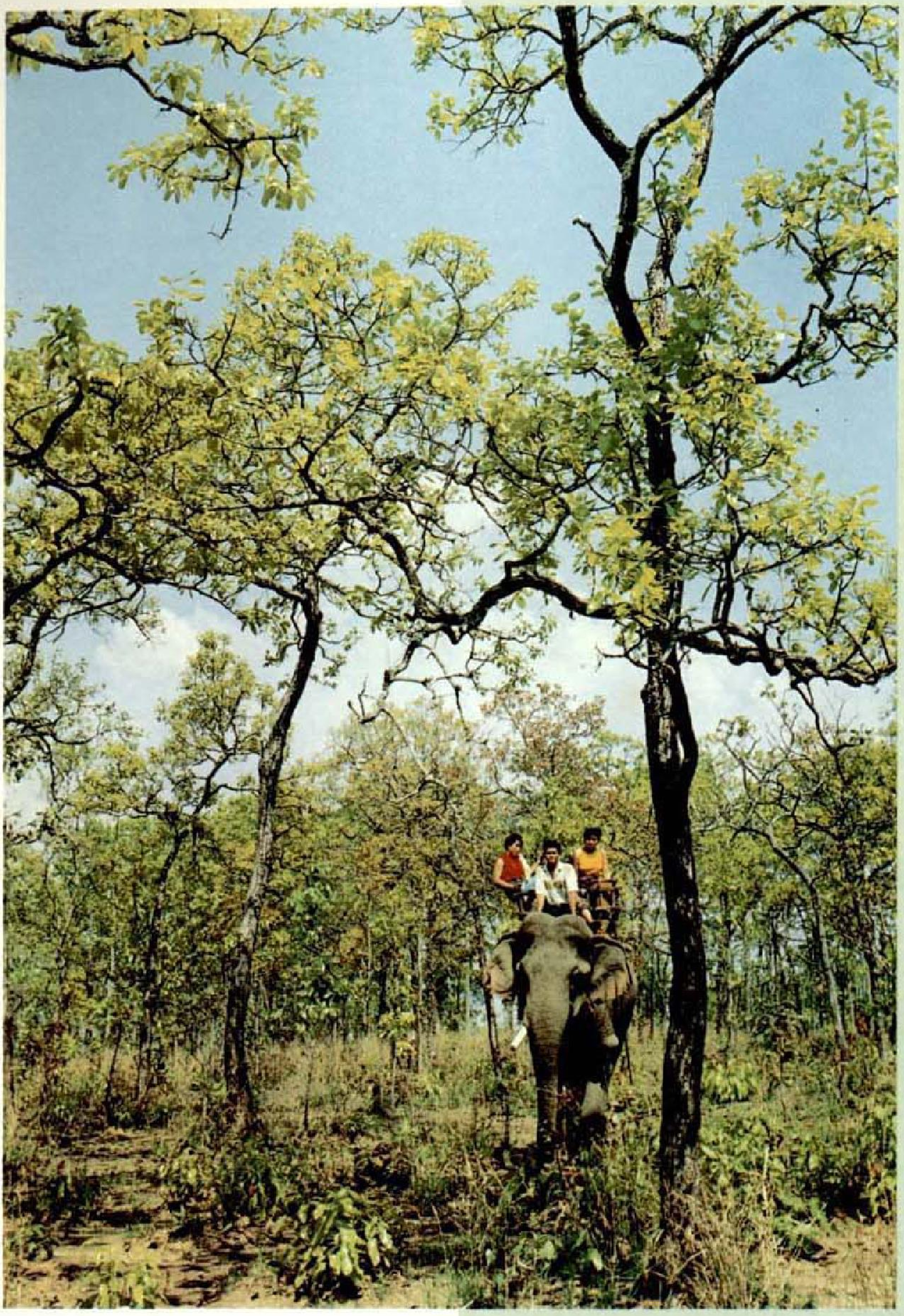

Tháng ba, Tây Nguyên mời du khách / March in Tay Nguyen so inviting

Nếu thảm thực vật đa dạng phong phú bao nhiêu thì quần thể động vật cũng vậy. Ở Việt Nam do còn nhiều loài di lưu của giới động vật cổ nhiệt đới, nên hiện nay có gần 200 loài thú, gần 800 loài chim, 100 loài lưỡng cư, trên 150 loài bò sát, 1000 loài ở lưỡng biển, 200 loài nước ngọt.

Các rừng rậm, rừng núi đá vôi, rừng nhiều tầng lá, là nơi cư trú của nhiều loài khỉ, vẹc, vượn, mèo rừng, sóc. Các loài vẹc đặc hữu của rừng Việt Nam là vẹc đầu trắng, vẹc mũi hếch, vẹc quần đùi trắng, vẹc đen ; chim cũng có nhiều loài quý như :

calamander, barian kingwood, aquilaria, species of peumou, yellow wood pedo-carpus fleuryi, camphor-trees also abound. The virgin forests have a reserve of wood of over 300 cubic meters per hectares.

The replanted forests have only species of poor quality wood which grow quickly ; the area is about 3 million hectares with a total reserve of 400 million cubic meters of wood ; four or five million cubic meters can be exploited each year.

The sparse replanted forests have an area of about 5 million hectares ; they have an average wood reserve of 40 cubic meters per hectares. They are found in the hilly areas near villages and roads and give only poor quality wood.

The forests with only one species of wood have an area of about one million hectares ; there are about 60 species of bamboo. The total reserve amounts to about 11 billion trees.

Secondary forest products are abundant ; many of them are used as foodstuffs : bamboo shoots, yam, scented mushroom, cat's ear ; others are used as raw materials for industry : palm trees, caryote, rattan, cane, litsea citronne, canarium, and pharmaceutical herbs of which over 1,300 species belong to the family of laurier rose, fragrant cynanthe, mulberry, jute and over 500 species containing different alkaloids such as dry coconut tree with 74 alkaloids, two or three-leaf pine species producing an abundant quantity of turpentine.

The fauna is as abundant and diversified as the flora. In Vietnam, there exist a variety of ancient tropical fauna and about 200 species of animals, 800 species of birds, 100 species of amphibians and over 150 species of reptiles. 1,000 species live in the seas and rivers and 200 species live in fresh water.

Dense forests, limestone mountain forests, multi-canopied forests constitute the habitat of different species of monkeys, langurs, gibbons, wild cats and squirrels. Vietnamese forests have typical monkey species such as white-headed langurs, rhinopithecus, black monkeys. Likewise, there are valuable species of birds such as pheasants, pheinardia ocellata. There are many species of reptiles : boas, iguanas, snakes, chameleons, centipedes. The high mountains in the north have many furred wild animals like selenarctos, small bears, big black squirrels, foxes, otters, civet cats. Many animals are used as pharmaceutical products : antlers, young antlers, bones of tigers, deers and monkeys, gall from bears and civets.

trĩ cổ khoang, trĩ sao. Loài bò sát có rất nhiều : trăn, kỳ đà, rắn, tắc kè, rết. Núi cao miền Bắc có nhiều loài thú lông dày : gấu ngựa, gấu chó, sóc đen to, cáo, rái cá, cầy chiết. Lại còn có nhiều loài động vật cho dược liệu : gạc, nhung, nai, xương hổ, hươu, khỉ, mật gấu, xạ hương.

Các loài thủy sinh nước ngọt có 250 loài cá, vùng nước lợ và ven biển có 1000 loài cá, 300 loài cua, 40 loài tôm he, tôm hùm, 300 loài trai, ốc biển, lại có sò huyết, hải sâm, đồi mồi, trai ngọc, 300 loài rong biển và đặc biệt là chim yến ở núi đá các đảo.

Tài nguyên động vật ở Việt Nam tuy phong phú, đa dạng, có nhiều loại quý hiếm giá trị cao, song không phải loại nào cũng sẵn. Trong nhiều năm qua, do chiến tranh và do khai thác bừa bãi, do thiếu ý thức bảo vệ môi trường sinh thái ở nhiều người nên một số loài đang trở nên hiếm hoặc đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt.

Về khoáng sản và các tài nguyên trong lòng đất, dưới đáy biển, Việt Nam cũng là một nước có nhiều tiềm năng. Không kể dầu mỏ và khí đốt

Thiếu nữ Êđê duyên dáng
A charming girl of Ede ethnic minority

Animals living in fresh waters comprise 250 fish species ; brackish water and coastal areas are the habitat of 1,000 species of fishes, 300 species of crabs, 40 species of shrimps and lobsters, 300 species of oysters and sea snails. Besides, there are clams, seaslugs, sea turtles, pearl oysters ; 300 species of seaweeds ; in particular there are salanganes on rocky mountains on islands.

Though the Vietnamese fauna is rich, varied and comprises rare species of high value, not all of them are available in large quantities. A number of species have become rare or are confronted with a danger of extinction due to war, indiscriminate exploitation and lack of a sense of eco-environmental protection.

Vietnam has great potentialities for mineral ores, underground resources, and riches under the sea-bed. It ranks among the countries having average reserves of oil and gas which are gradually being exploited for the sake of the national and people's welfare. All kinds of mineral resources exist, some with large reserves : coal, iron, bauxite, etc. Small mines are scattered all over the country. This is convenient for the economic development of various regions, especially in mountainous areas. Mineral potentialities are waiting to be exploited for industrialization and modernization.

The natural conditions of Vietnam also present an unfavourable aspect. A particular feature of the monsoon climate is its uncertaintly. Cold comes early in some years, late in others. Some years are marked by heavy rains and big floods, and others by prolonged periods of drought.

Consequently, an accurate determination of sowing time, stabilization of yields, full control over the water resources for the sake of irrigation and drainage, preventive measures against storms and floods and the infiltration of salt water in the dry season are prerequisites for the development of agriculture. The humid maritime climate facilitates the generation of fungi and insects while accelerating the corrosion of machinery and equipment. Steep slopes and the existence of many rivers and streams creates difficulties for the building of the communication network. Land erosion is a danger to be checked in the first place when exploiting, forests and reclaiming land for agricultural purposes. The diversity of flora and fauna and their existence in scattered state and small quantity make it difficult to organize breeding and exploitation in a concentrated manner. Above all, mention must be made of the destruction and impoverishment of nature resulting from the voracious exploitation by the former colo-

được xếp vào loại nước có trữ lượng trung bình và đang được từng bước khai thác để phục vụ quốc kế dân sinh, các khoáng sản trong lòng đất cũng khá phong phú. Nếu kể tên, Việt Nam có đủ loại khoáng sản, trong đó có một số mỏ có trữ lượng lớn như than, quặng sắt, bốcxít v.v... Còn các mỏ nhỏ thì ở rải rác khắp nơi, thuận tiện cho việc phát triển kinh tế đồng đều trong các vùng, nhất là ở các vùng rừng núi. Nhiều tiềm năng khoáng sản đang chờ bàn tay khai thác của con người để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Nhưng, điều kiện thiên nhiên Việt Nam không phải chỉ có thuận lợi mà không có bất lợi.

Khí hậu gió mùa có đặc điểm là thất thường. Có năm rét sớm, có năm rét muộn, có năm mưa to lũ lớn, có năm lại hạn hán kéo dài. Vì thế, việc xác định chính xác thời vụ gieo trồng, việc ổn định năng suất, việc chủ động nguồn nước cho tưới tiêu, đề phòng mưa bão ngập lụt và sự xâm nhập nước mặn vào mùa không mưa là điều kiện tiên quyết để phát triển nông nghiệp. Khí hậu hải dương ẩm dễ phát sinh nấm mốc, sâu bệnh, đồng thời gia tăng tốc độ han rỉ, hao mòn máy móc, thiết bị. Địa hình đồi núi dốc, có nhiều sông suối gây khó khăn cho việc xây dựng mạng lưới giao thông. Nạn xói mòn đất là nguy cơ phải phòng chống đầu tiên khi khai thác rừng và khai hoang mở rộng đất đai nông nghiệp. Sự đa dạng về loài thực vật cũng như động vật nhưng số lượng ít lại phân tán nên khó nuôi trồng và khai thác một cách tập trung. Bao trùm lên tất cả phải nói đến sự tàn phá, sự nghèo đi rõ rệt của tự nhiên do sự khai thác tham lam của chế độ thực dân trước kia và sự tàn phá nặng nề của trên 30 năm chiến tranh liên tục, trong đó có sự tàn phá của bom đạn, của chất độc hóa học màu da cam trong cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành ở Việt Nam với những hậu quả khôn lường đối với con người và môi trường sinh thái. Sau hết, cũng phải kể đến sự khai thác bừa bãi do vô ý thức và thiếu kiến thức hoặc do lợi ích thiển cận của một bộ phận không nhỏ người dân v.v... Tất cả đều là những khó khăn và tồn tại không nhỏ.

Nhân dân Việt Nam đang quyết tâm xây dựng đất nước giàu mạnh trên cơ sở khai thác mọi nguồn lực, trong đó có nguồn lực thiên nhiên, một cách khôn ngoan hơn, có hiểu biết hơn, văn minh hơn, đồng thời cũng đang nghiên cứu những biện pháp có hiệu quả để không làm cạn kiệt các tài nguyên thiên nhiên, trái lại còn làm giàu thêm cho nó.

Đại Lãnh - Văn Phong - Nha Trang, đoạn bờ biển đẹp nhất Việt Nam với nhiều bãi tắm lý tưởng kéo dài từ Đại Lãnh qua Nha Trang tới Ninh Trũ, Cà Ná (Ninh Thuận) để lại cho du khách những ấn tượng sâu đậm.

Đại Lãnh là một trong những thắng cảnh nằm trên đoạn bờ biển phong cảnh hữu tình giữa đèo Cả và đèo Cổ Mã, phía bắc là vũng Rô, một vũng biển đẹp nổi tiếng và phía nam là bán đảo Hòn Gốm, điểm cực đông của Việt Nam. Bãi biển Đại Lãnh rộng, cát trắng mịn có dáng hình lưỡi liềm trông ra làn nước biển trong vắt. Cách 9 km về phía nam là suối nước nóng Tu Bông.

Vịnh Văn Phong là một kỳ quan thiên nhiên với nét đẹp đặc thù của một môi trường quý hiếm và được coi là một trong những khu vực đẹp nhất Đông Nam Á. Nó có chiều dài 35km, rộng 25km, cách Nha Trang 80 km và cách Tuy Hoà 35km. Vịnh này gồm 2 vịnh nhỏ : vịnh Hòn Khói ở phía nam và vịnh Trần Nam ở phía bắc. Trong vịnh có nhiều đảo, lớn nhất là Hòn Lớn (dài 42 km, rộng 5km). Với khí hậu dễ chịu, nhiều bãi biển đẹp, cát mịn, đồi núi hùng vĩ bao quanh, có rừng nhiệt đới, xen lẫn rừng cây bụi trên những cồn cát trắng chạy dài theo bờ biển, vịnh Văn Phong sẽ làm hài lòng du khách thích nghỉ ngơi giữa cảnh biển trời bao la.

Nha Trang là một thành phố biển nằm trên quốc lộ 1, cách Hà Nội 1450 km và cách thành phố Hồ

LỊCH SỬ
HÀNG NGHÌN NĂM VĂN HIẾN

Trống đồng Ngọc Lũ, văn hóa Đông Sơn, thời đại đồng thau cách đây 3.000 năm
Ngoc Lu bronze drum, Dong Son culture, Bronze age dated 3,000 ago

Ảnh: Viện Bảo tàng Lịch sử / Photo: History Museum

HISTORY OF A MULTI-THOUSAND - YEAR CIVILIZATION

thắng của trận chiến đấu và niềm vui chiến thắng vẫn hiện ra lồ lộ. Ta sẽ theo đoàn quân đến đền Mẫu - nơi thờ mẹ người anh hùng. Ở đấy, đoàn quân lấy nước giếng trong đền rửa vũ khí trước khi lâm trận. Rồi đến cảnh một đoàn quân mấy trăm người do các thiếu niên 11-13 tuổi sắm vai, rầm rộ

Ảnh/Photo: Đào Hoa Nữ

Cầu ngói Thanh Toàn / The Thanh Toan tile-roof bridge

kéo theo con ngựa và người anh hùng, quân địch là các cô gái, đóng quân cách đấy hàng kilômét. Để tìm hiểu tình hình địch, có hai "tiểu hiệu", tức trinh sát. "Trận đánh" được diễn ra trên một cái chiếu có những cái bát úp, biểu tượng cho trại địch. Người đóng vai Dóng cầm một cái cờ múa trên cái chiếu đó. Ba ván cờ múa được gọi là "ba ván nghịch", biểu thị ba trận đánh không thành. Sau đó sẽ là "ba ván thuận" mà trong khi múa người đóng vai Dóng lần lượt đá bay những chiếc bát úp ra khỏi chiếu thể hiện việc tiêu diệt giặc, giành thắng lợi hoàn toàn. Cuộc diễu hành trở về đền thờ Dóng còn rầm rộ hơn lúc ra trận, vì đó là đoàn quân chiến thắng và có cả tù binh nữa. Hàng ngũ cuộc diễu hành luôn bị chen lấn, xô đẩy vì nhân dân dự hội chen vào ngày một nhiều.

Tất cả những điều mô tả tóm tắt trên đều diễn ra một ngày, trong không khí náo nức, nồng nhiệt của hàng chục ngàn người từ khắp đất nước kéo về dự hội. Sau hội, nhiều người còn lưu lại Phù Đổng để đi đến những di tích về Dóng và sự nghiệp của Dóng. Sẽ có nhiều điều thú vị chờ đợi ta. Đây là tấm đá lớn, tương truyền là

The festival that Mr. Dumoutier attended many years ago is still held at the beginning of April (solar calendar) in Phu Dong village, nearly 30 kilometers from Hanoi. The festival is the simulation of the life of a mythical hero who lived 2,600 years ago. The legend has it that a boy, Dong by name, was the son of the Thunder God and a poor woman in the village. Three years after he was born, he couldn't even walk or speak, but just lay in the cradle. That year the country was threatened by invaders, and the king ordered his messengers to announce the king's call for men to fight the invaders. When Dong heard the announcement, he suddenly sat up and told the king's messenger : "Tell the king to forge an iron horse and an iron rod for me, and I will destroy the invaders". Then he ate 7 large baskets of rice, three baskets of egg-fruits and drank a large part of a river ; he then stretched out and turned into a giant with a body as big as a mountain. He mounted the horse and with the iron rod in hand he rallied strong, young people in other villages to fight the invaders. During the battle, the horse spat out fire, but suddenly Dong's rod broke. He had to pull up bushes of bamboo trees to fight the invaders. When the enemy was entire-

Ảnh/Photo: Cao Phong

Hội quan họ (quan họ ngày xuân)
The Lim folk songs Festival (Quan Ho in the Spring)

của lịch sử thời kỳ nguyên thủy Việt Nam.

Văn hoá Sơn Vi (Vĩnh Phú) thuộc hậu kỳ thời đại đá cũ, có niên đại cách đây 11-18 nghìn năm, phân bố rất rộng trong các hang động và thềm sông cổ từ Lao Cai đến Nghệ An. Những nhóm cư dân nguyên thủy này sinh sống bằng hái lượm và săn bắt trong một hệ sinh thái miền nhiệt - ẩm với một thế giới động vật và thực vật phong phú, đa dạng.

Từ văn hoá Sơn Vi phát triển lên văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn thuộc thời kỳ nguyên đá mới (protonéolithique) và sơ kỳ đá mới (néolithique inférieur) tồn tại cách đây trên dưới 1 vạn năm. Văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn phân bố trên địa bàn rộng của Đông Nam Á gồm cả Lào, Campuchia, Thái Lan, Mianma, Malaysia, đông Sumatra, song cội nguồn là Việt Nam. Cư dân Hoà Bình - Bắc Sơn đã biết trồng trọt và Việt Nam cũng như Đông Nam Á được coi là *một trung tâm nông nghiệp vào loại sớm nhất của loài người* bên cạnh trung tâm Trung Đông, Trung Mỹ, Pêru. Đó là bước mở đầu của "cuộc cách mạng đá mới" mà thành tựu chủ yếu là sự phát sinh nông nghiệp.

Đến hậu kỳ đá mới cách ngày nay khoảng 4-5 nghìn năm, các di tích văn hoá tiền sử phân bố rộng khắp lãnh thổ Việt Nam trên các địa hình khác nhau, từ Bắc chí Nam, từ miền núi rừng cao nguyên phía tây đến châu thổ ven biển và hải đảo phía đông. Đó là văn hoá Hạ Long (Quảng Ninh), văn hoá Bàu Tró (Quảng Bình), văn hoá Cầu Sắt (Đồng Nai)... và các di vật tìm thấy ở hầu khắp mọi nơi. Đây cũng là thời kỳ biển lui và hình thành các đồng bằng châu thổ ven biển. Từ các miền gò đồi, miền chân núi, cư dân nguyên thủy tiến xuống chinh phục vùng châu thổ, phát triển *nền nông nghiệp trồng lúa nước*. Trên cơ sở kinh tế trồng lúa nước kết hợp với các loại

the history of the primitive era of Vietnam.

Son Vi culture (Vinh Phu province) belonging to the later epoch of the Paleolithic age 11-18,000 years ago was widely distributed in caves and old river beds from Lao Cai to Nghe An province. Those primitive population groups lived by hunting and gathering in a humid tropical eco-system with rich and diversified fauna and flora.

Son Vi culture developed into the Hoa Binh-Bac Son culture belonging to the protoneolithic age and the earlier epoch of the Neolithic age about 10,000 years ago. The Hoa Binh-Bac Son culture was distributed over a wide area of Southeast Asia comprising Laos, Cambodia, Thailand, Myanmar, Malaysia and East Sumatra but had its origin in Vietnam, Hoa Binh-Bac Son inhabitants knew how to cultivate. Vietnam as well as Southeast Asia is considered *one of the earliest agricultural centres of mankind* beside the Middle East, Central America and Peru. That is the beginning of the "new stone revolution", the main achievement of which, is the birth of agriculture.

In the later epoch of the Neolithic age, about 4,000-5,000 years ago, relics of the prehistoric age were widely distributed throughout the territory of Vietnam in different areas from north to south, from the mountain, forests, high plateaus in the west to the coastal delta and islands in the east. There existed the cultures of Ha Long (Quang Ninh province), Bau Tro (Quang Binh province), Cau Sat (Dong Nai province)... with relics found everywhere. This was also the era when the sea retreated and formed coastal plains. From hilly and mountainous areas, primitive inhabitants went

Mũi tên đồng Cổ Loa đầu thời đại đồ sắt, cách đây 2.000 năm

A bronze arrows at Co Loa, Metal Age dated 2000 years

down to conquer the delta and developed *water rice culture*. On the economic basis of the cultivation of water rice and other plants in coordination with handicrafts, hunting and gathering, husbandry and fishing, the people's life gradually stabilized with the settlement of agricultural hamlets and villages based on a matriarchal clan relationship. This is *the origin, from time immemorial, of the traditional civilization of Vietnam.*

cây trồng khác, kết hợp với các nghề thủ công, với hái lượm, săn bắn, chăn nuôi, đánh cá, cuộc sống của con người dần dần ổn định với những xóm làng nông nghiệp định cư dựa trên quan hệ thị tộc mẫu hệ. Đó là *cội nguồn xa xưa của nền văn minh Việt Nam cổ truyền.*

A 3000 -year-old bronze statue - one man on back of the other

Tượng người cõng nhau bằng đồng thuộc thời đại đồng thau cách đây 3000 năm

Photo: History Museum

Ảnh: Viện Bảo tàng Lịch sử

BUILDING THE COUNTRY DURING THE REIGN OF HUNG VUONG AND AN DUONG VUONG

The evolution from the Stone Age to the Metal Age - Bronze Age and Iron Age was a tremendous change in the history of mankind. It was an era of a metallurgical revolution in which appeared the first civilizations and States and also the first era of national construction.

On the territory of Vietnam, the earliest civilization was the culture along the Red River which was closely connected with the well-known Dong Son culture, with the formation *of the State of Van Lang in the reign of Hung Vuong and the State of Au Lac in the reign of An Duong Vuong.*

Dong Son cultural relics were widely distributed throughout North Vietnam in the basin of the Red River, the Ma and Lam rivers. The

THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC ĐỜI HÙNG VƯƠNG VÀ AN DƯƠNG VƯƠNG

Từ thời đại đồ đá tiến lên thời đại kim khí - thời đại đồ đồng và đồ sắt - là một chuyển biến lớn lao của lịch sử nhân loại. Đó là thời kỳ cách mạng luyện kim, thời kỳ xuất hiện những nền văn minh và nhà nước đầu tiên, và cũng là thời kỳ mở đầu sự nghiệp dựng nước của dân tộc.

Trên lãnh thổ Việt Nam, nền văn minh sớm nhất là nền văn minh sông Hồng gắn liền với nền văn hoá Đông Sơn nổi tiếng, với quá trình hình thành *nước Văn Lang đời Hùng Vương và nước Âu Lạc đời An Dương Vương.*

Di tích văn hoá Đông Sơn phân bố rộng khắp miền Bắc Việt Nam trên lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Lam. Văn hoá Đông Sơn tồn tại trong khoảng 7-8 thế kỷ trước công nguyên đến 1-2 thế kỷ sau công nguyên, thuộc thời kỳ thịnh đạt của đồ đồng và sơ kỳ đồ sắt. Đó là sự hội tụ của nhiều chặng đường và nhiều con đường dẫn đến Đông Sơn.

Dong Son culture which lasted from the 7th - 8th century B.C to the 1st - 2nd century A.D , belonged to the flourishing era of the Bronze Age and the earlier epoch of the Iron Age. Following this was the convergence of the many roads leading to Dong Son.

In the Red River basin, archaeologists have established a genealogy comprising three pre-Dong Son periods from the second millennium to early in the first millennium B.C. :

The Phung Nguyen cultural period belonged to the earlier epoch of the Bronze Age.

The Dong Dau cultural period belonged to the intermediate epoch of the Bronze Age.

The Go Mun cultural period belonged to the later epoch of the Bronze Age.

The Ha Long culture in the northeast area, the Hoa Loc and Dong Khoi cultures in the Ma river area and the Bau Tro culture in the Lam river area, were the cultural periods leading to Dong Son.

These cultural currents were interrelated and bore various forms which reflected the life of the inhabitants - tribes or allied tribes - in different areas. At the time of the Dong Son culture, local forms still existed but cultural uniformity prevailed and became predominant. No matter what relics are found in any area, the Dong Son culture always had common characteristics, as shown by uncovered relics comprising tools (axes, hoes, shovels, ploughshares, etc.), weapons (combat axes, daggers, lances, arrow heads, etc.), or household goods and jewelry (glazed terra-

Tượng đá đầu người mình chim thế kỷ XI
The bird statue with man's head of 11th century

Trên lưu vực sông Hồng, khảo cổ học đã xác lập được một phổ hệ gồm 3 giai đoạn trước Đông Sơn diễn ra trong thiên niên kỷ 2 đến đầu thiên niên kỷ 1 trước công nguyên :

Giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên thuộc sơ kỳ đồng thau.

Giai đoạn văn hoá Đồng Đậu thuộc trung kỳ đồng thau.

Giai đoạn văn hoá Gò Mun thuộc hậu kỳ đồng thau.

Ở vùng đông bắc từ văn hoá Hạ Long, ở vùng sông Mã từ văn hoá Hoa Lộc, Đông Khối, ở vùng sông Lam từ văn hoá Bàu Tró, cũng có những giai đoạn văn hoá dẫn đến Đông Sơn.

Những dòng văn hoá đó có quan hệ giao lưu với nhau, nhưng cũng mang những dáng vẻ khác nhau phản ánh cuộc sống của những nhóm cư dân - bộ lạc hay liên minh bộ lạc - trên những địa bàn khác nhau. Đến văn hoá Đông Sơn thì các loại hình địa phương vẫn tồn tại, nhưng tính thống nhất văn hoá trở nên bao trùm và chi phối. Dù thuộc di tích nào, ở địa phương nào, văn hoá Đông Sơn vẫn mang những đặc trưng chung biểu thị trong các loại hình di vật gồm công cụ (rìu, cuốc, xẻng, lưỡi cày...), vũ khí (rìu chiến, dao găm, mũi dáo, mũi tên...), đồ dùng và đồ trang sức (thạp, thố, vòng tay, khuyên tai...) ; trong kỹ thuật chế tác và trong nghệ thuật trang trí. Di vật tiêu biểu nhất của văn hoá Đông Sơn là trống đồng Đông Sơn nổi tiếng (trống đồng

loại 1 theo phân loại của Heger). Trống đồng tìm thấy trong một khu vực rộng lớn bao gồm cả miền Nam Trung Quốc, bán đảo Đông Dương, Thái Lan, Malaysia, nhưng miền Bắc Việt Nam được coi là một trung tâm phát sinh sớm nhất. Văn hoá Đông Sơn vừa có cội rễ bản địa, vừa qua giao lưu và hội nhập, tiếp thụ một số ảnh hưởng văn hoá bên ngoài từ phương bắc và từ phương nam.

Quá trình thống nhất văn hoá Đông Sơn cũng là quá trình liên kết các nhóm cư dân Việt cổ - người Lạc Việt và người Âu Việt - thành một cộng đồng quốc gia với một hình thái nhà nước sơ khai. Đó là nước Văn Lang đời Hùng Vương và tiếp theo là nước Âu Lạc đời An Dương Vương. Đây là một thời đại để lại dấu ấn rất sâu đậm trong ký ức của nhân dân Việt Nam với bao huyền thoại và truyền thuyết lưu truyền rộng rãi trong dân gian từ đời này qua đời khác. Truyền thuyết Lạc Long Quân lấy Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng nở ra trăm con, được coi như tổ tiên chung của cộng đồng dân tộc. Truyền thuyết trầu cau, bánh chưng, bánh dày, Sơn Tinh - Thủy Tinh, Thánh Dóng phá

cotta jars, bracelets, ear rings, etc.), in their production technique and style of ornamental design. The most typical relic of Dong Son culture is the reputed Dong Son bronze drum (the first category of bronze drum according to Heger classification). Bronze drums have been discovered in a large area comprising South China, the Indochinese peninsula, Thailand and Malaysia but North Vietnam is considered as the earliest source. Through exchanges and integration, the Dong Son culture received foreign cultural influences from the north and the south.

The uniformity of the Dong Son culture was also the result of an alliance between groups of ancient Viet inhabitants - the Lac Viet and Au Viet - into a national community with a primary form of a State. It was the Van Lang State during the reign of Hung Vuong, then the Au Lac State during that of An Duong Vuong. This was an era which has left very deep impressions in the memory of the Vietnamese people with innumerable legends and myths which were widely circulated and passed on from generations to generations. Legend has it that Lac Long Quan married Au Co who gave birth to an egg with a hundred yolks which developed into one hundred infants ; the latter are considered ancestors of the

Đền Cổ Loa / Co Loa Temple

Đền thờ Vua Hùng / Hung King Temple

national community. The myths of betel, areca, *banh chung* (square glutinous rice cake), *banh day* (glutinous rice dumpling), Son Tinh - Thuy Tinh, Thanh Dong who defeated the An aggressors reflected the ancient Viet's life, labour and combat. The 10th of the 3rd month of the lunar calendar is the anniversary of the death of King Hung who is considered the ancestor of the whole nation. For generations, the Vietnamese people have always kept in mind that *"wherever they go, they should remember the anniversary of their ancestor's death - the 10th of the third month."*

giặc Ân phản ánh cuộc sống lao động và chiến đấu của người Việt cổ. Ngày 10 tháng 3 âm lịch được coi là ngày giỗ vua Hùng và cũng là ngày Giỗ Tổ của cả dân tộc. Người Việt Nam từ bao đời nay luôn luôn nhắc nhở nhau :

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mồng mười tháng ba.

Nước Văn Lang và Âu Lạc ra đời trên một nền tảng kinh tế đã phát triển, chủ yếu là kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước đạt đến trình độ dùng lưỡi cày bằng đồng thau và sức kéo của trâu bò. Chăn nuôi có chó, lợn, gà, vịt, trâu, bò, voi. Nghề thủ công có đúc đồng, luyện sắt, làm đồ gốm, đan lát, mộc, dệt, sơn... Nhà cửa, trang phục, nhiều phong tục tập quán, sinh hoạt văn hoá còn được ghi lại bằng hình ảnh trên các di vật Đông Sơn, nhất là

" Các vua Hùng có công dựng nước,
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước "

" The Hung Kings founded the country,
we must together preserve it "

Thống gốm vẽ nâu thời Trần, thế kỷ XIII, XIV

A ceramic vase with brown glaze of Tran Dynasty, 13rd and 14th centuries

trên trống đồng. Tiếp nối nước Văn Lang, nước Âu Lạc ra đời vào nửa sau thế kỷ III trước công nguyên, còn để lại dấu tích của kinh đô Cổ Loa (Đông Anh-Hà Nội) với ba vòng thành dài trên 16km.

VĂN HOÁ SA HUỲNH, ỐC EO VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC CHAMPA, PHÙ NAM

Văn hoá Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) phân bố trên địa bàn miền Trung từ nam đèo Hải Vân đến đông Nam Bộ. Các di tích văn hoá này thường được phát hiện trên vùng gò đồi và cồn cát ven biển, phát triển liên tục từ sơ kỳ đồng thau đến sơ kỳ đồ sắt, với thời gian tồn tại trong khoảng thiên niên kỷ 1, 2 trước công nguyên. Những di vật thường tìm thấy là mộ chum, đồ gốm tô màu đỏ và màu chì, đồ trang sức. Vào giai đoạn cuối, đồ sắt rất phát triển với các loại di vật như dao, rìu, thuổng... Văn hoá Sa Huỳnh có quan hệ giao lưu với văn hoá Đông Sơn ở phía bắc và lan tỏa ảnh hưởng sang Thái Lan và vùng hải đảo.

Cư dân Sa Huỳnh biết trồng lúa nước và các loại cây ăn quả, biết luyện kim, làm đồ gốm, dệt vải kết hợp với nghề rừng, nghề biển.

Văn hoá Sa Huỳnh là cơ sở dẫn đến sự thành lập nước Champa cổ vào thế kỷ đầu công nguyên.

Văn hoá Ốc Eo là một nền văn hoá nổi tiếng ở miền Nam Việt Nam. Trên lưu vực sông Đồng Nai và sông Vàm Cỏ, những thập kỷ gần đây đã phát hiện một hệ thống di tích khảo cổ học, cũng phát triển tuần tự từ sơ kỳ đồng thau đến sơ kỳ đồ sắt trong khoảng thiên niên kỷ 2 đến vài thế kỷ trước công nguyên. Tiếp theo đó, vào những thế kỷ đầu công nguyên, văn hoá Ốc Eo ra đời và để lại một loạt di tích trải rộng từ miền tây Hậu Giang qua

The State of Van Lang and Au Lac came into being on the basis of a developed agricultural economy with water rice culture using bronze ploughshares pulled by a buffalo or an ox. Various kinds of animals were domesticated or tamed, including dogs, pigs, chickens, ducks, buffaloes, oxen, cows and elephants. The handicrafts included bronze casting, iron metallurgy, pottery, plaiting, carpentry, weaving, painting, etc. Depicted on Dong Son relics especially on bronze drums were house models, clothing, customs, habits and cultural activities. After the Van Lang, the Au Lac State came into being in the second half of the third century B. C., the ruins of Co Loa capital of the Au Lac State (Dong Anh district, Hanoi) still remain, with three circles of ramparts 16 km long.

SA HUYNH, OC EO CULTURES AND THE BIRTH OF CHAMPA, PHU NAM STATE

The Sa Huynh culture (Quang Ngai) was encompassed within the central area of Vietnam, south of Hai Van pass to the east of Nam Bo. This culture, the remnants of which were discovered in the hilly areas and coastal sand dunes, continuously developed from the earlier epoch of the Bronze Age to the earlier epoch of the Iron Age i.e. about the first millennium B.C. Objects found are jar tombs, red and lead-coloured pottery, and jewelry. In the last period, iron implements abounded such as knives, axes, spades, etc. The Sa Huynh culture had exchanges with the Dong Son culture and spread its influence to Thailand and the island areas.

Sa Huynh inhabitants knew how to cultivate water rice and fruit trees, practised metallurgy, produced ceramics and practised weaving as well as exploiting the forests and the seas. The Sa Huynh culture was the basis which led to the founding of the Champa State in the first century A.D.

The Oc Eo culture was a well-known culture in South Vietnam. In the Dong Nai and Vam Co river basins in recent years, a series of archaeological relics, which indicate a progressive development from the earlier epoch of

the Bronze Age to that of the Iron Age i.e. from the second millennium to some centuries B.C, have been discovered. In the first centuries A.D., the Oc Eo culture came into being which left a series of relics spreading from west of Hau Giang across the Plain of Reeds to the higher reaches of the Dong Nai river. These were the ruins of religious architecture, such as a temple tower (only the foundation is left), tombs, the remains of houses and wooden columns, the traces of houses on stilts.

These remnants comprised architectural works made of brick and stone, ceramics, sophisticatedly carved jewelry made with precious stones, gold and silver, statues made of wood, baked clay and bronze ; seals, coins and gold sheets inscribed with ancient scripts. In the coastal area, foreign relics such as statues and jewelry of Indian design, Chinese bronze mirror of the Han dynasty as well as Roman Antonius (152) and Marius Aurelius (161 - 180) medals have been discovered. The Oc Eo culture oriented toward the East Sea had trade relations with China, India and even the Roman world.

The Oc Eo culture lasted from the first century AD to the 6th, 7th century. The vestiges of a flourishing kingdom were noted down in history with the name of Phu Nam State which might comprise a number of smaller kingdoms.

Dong Son, Sa Huynh and Oc Eo were the three earliest centres of civilization on Vietnamese territory in ancient times. The States of Van Lang - Au Lac, Champa and Phu Nam have, after countless historic upheavals, finally integrated into the history of Vietnam, the main current being that of Van Lang - Vietnam.

vùng Đồng Tháp Mười đến thượng lưu sông Đồng Nai. Đó là những di tích kiến trúc tôn giáo như đền tháp (chỉ còn nền móng), di tích mộ táng, di chỉ cư trú với dấu tích cọc gỗ của nhà sàn...

Những di tích ấy chứa đựng nhiều vật liệu kiến trúc bằng gạch đá, nhiều đồ gốm cùng rất nhiều đồ trang sức bằng đá quý, vàng, bạc chạm khắc tinh vi, những tượng bằng gỗ, đất nung, đồng thau ; những con dấu, đồng tiền và những lá vàng có khắc chữ cổ. Trong những di tích gần ven biển cổ còn tìm thấy những di vật ngoại nhập như tượng và đồ trang sức mang đậm phong cách Ấn Độ, những gương đồng Trung Quốc đời Đông Hán, những huy chương Antonius (152), Marius Aurelius (161-180) của La Mã. Văn hoá Ốc Eo hướng ra Biển Đông và có quan hệ giao lưu mật thiết với Trung Quốc, Ấn Độ và với cả thế giới La Mã.

Văn hoá Ốc Eo tồn tại từ đầu công nguyên đến thế kỷ VI, VII. Đó là dấu tích của vương quốc một thời thịnh đạt được sử sách ghi chép với tên gọi là nước Phù Nam, có thể bao gồm nhiều tiểu quốc.

Đông Sơn cùng Sa Huỳnh, Ốc Eo là ba trung tâm văn minh sớm nhất trên lãnh thổ Việt Nam thời cổ đại. Những nước Văn Lang - Âu Lạc, Champa, Phù Nam, trải qua nhiều biến thiên lịch sử, cuối cùng đã hội nhập vào lịch sử Việt Nam mà dòng chảy chủ lưu là Văn Lang - Việt Nam.

Ảnh/Photo: TTXVN

Tháp Chàm trầm mặc

The meditative Cham Tower

Lễ hội Hai Bà Trưng - hai nữ anh hùng dân tộc / Festival in memory of the Two Trung Sisters - National Heroines

HƠN NGHÌN NĂM THÁCH THỨC VÀ QUẬT KHỞI

Khi các tộc người trên lãnh thổ Việt Nam vừa mới hình thành nhà nước thì ở phương bắc đế chế Tần (221-206 trước công nguyên) thành lập và bắt đầu bành trướng xuống phương nam.

Cư dân Văn Lang - Âu Lạc đã bền bỉ chiến đấu chống lại cuộc xâm lược đại quy mô của đế chế Tần, giữ yên bờ cõi. Chính trong cuộc kháng chiến này, người Lạc Việt và người Âu Việt đã thắt chặt quan hệ liên kết, và từ nước Văn Lang lập ra nước Âu Lạc. Người chỉ huy cuộc kháng chiến thắng lợi là Thục Phán trở thành vua nước Âu Lạc với danh hiệu An Dương Vương.

Nhưng đến năm 179 trước công nguyên, nước Âu Lạc bị Triệu Đà - vua nước Nam Việt ở Nam Trung Quốc - thôn tính. Từ đó người Việt bị chìm đắm trong một thời kỳ mất nước kéo dài hơn nghìn năm (179 trước công nguyên - 938). Các triều đại Trung Quốc từ Hán (206 trước công nguyên - 220) đến Tùy (581-618), Đường (618-907) đã áp dụng nhiều thủ đoạn đàn áp nhằm dập tắt ngọn lửa đấu tranh của người Việt và thực hiện nhiều chính sách đồng hoá nhằm sáp nhập đất nước Âu Lạc vào lãnh thổ Trung Quốc. Năm 111 trước công nguyên,

OVER ONE THOUSAND YEARS OF CHALLENGES AND HEROIC STRUGGLES

When the people in Vietnam had just established their state, further to the north the Chin monarchy (221 - 206 BC) was formed and began to expand to the south.

The Van Lang - Au Lac inhabitants perseveringly fought against this large-scale aggression to defend their country. In this war of resistance, the Lac Viet and Au Viet peoples cemented their relations and the Van Lang State was turned into the Au Lac state. The leader of this successful resistance was Thuc Phan who became King of Au Lac with the title of An Duong Vuong.

In 179 BC, the Au Lac state was conquered by Chao Ta - King of South Yue in South China. From that time, the Viet people were plunged into an over 1,000-year (179 BC - 938) period of foreign domination. The Chinese dynasties of Han (206 BC - 220), Sui (581 - 618) and Tang (618 - 907) resorted to many schemes in order to repress and quench the Viet people's struggle and carried out policies of assimilation to annex the Au Lac into the Chinese ter-

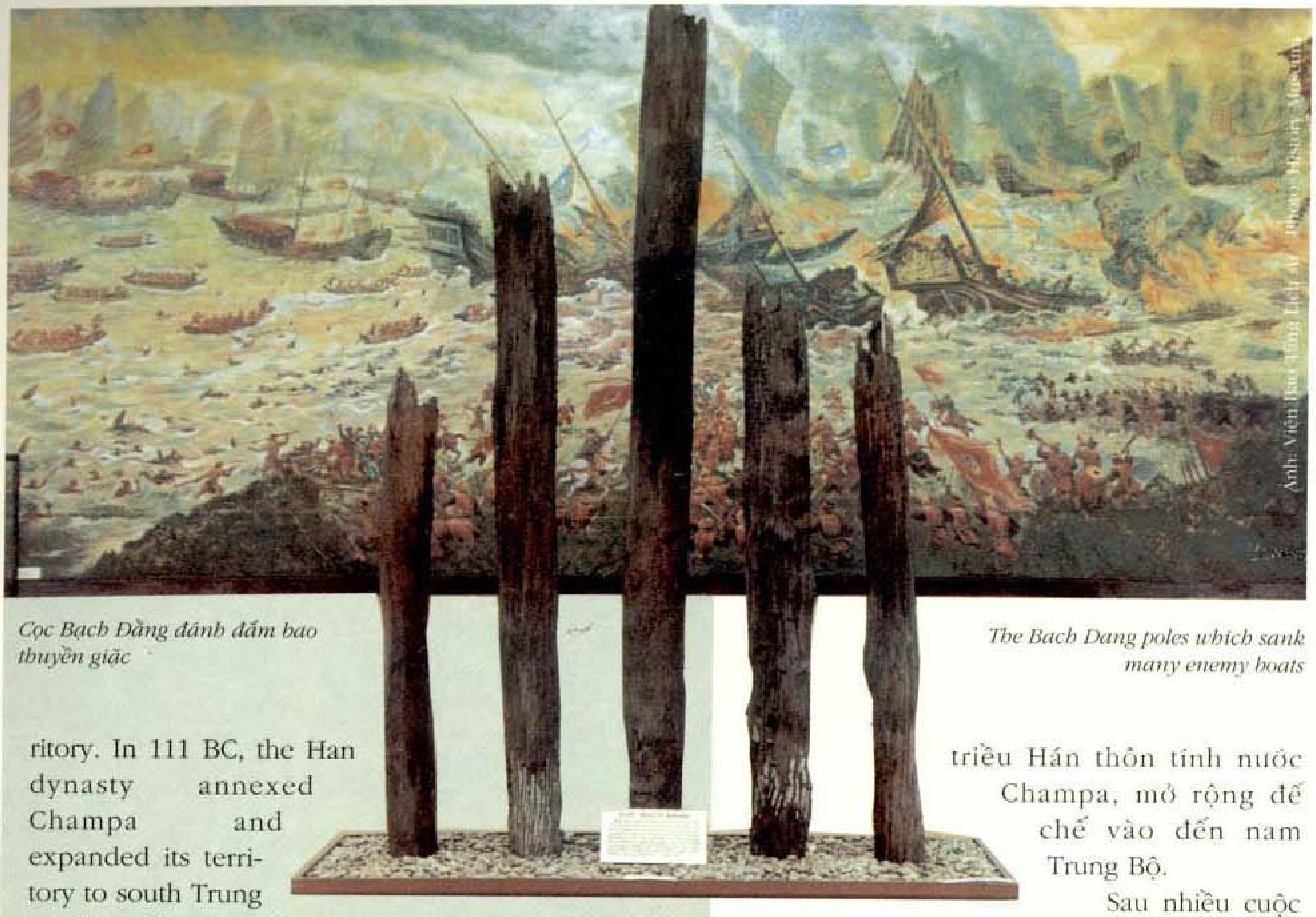

Cọc Bạch Đằng đánh đắm bao thuyền giặc

The Bach Dang poles which sank many enemy boats

ritory. In 111 BC, the Han dynasty annexed Champa and expanded its territory to south Trung Bo (Central Vietnam).

After many uprisings, the Cham people wrested back their country and founded an independent Champa at the end of the second century. The struggle waged by the Viet people was to be harder and more enduring.

In the spring of 40, under the leadership of two heroines Trung Trac and Trung Nhi, the Viet uprising was successful. The Trung Vuong independent administration came into being but lasted for only two years ; the resistance ended in failure.

Many uprisings broke out but they were either suppressed or could wrest back power for only a short time and were finally defeated such as uprisings of Lady Trieu (248), Ly Bi (542), Mai Thuc Loan (722), Phung Hung (767), etc. The Ly Bi uprising gained victory and led to the founding of Van Xuan, an independent country, but failed in the end (602).

In the 10th century, Khuc Thua Du successfully led an uprising which established the autonomous administration of the Khuc family (905 - 930), and was transferred to the Duong family (931 - 937). Then in 938, Ngo Quyen won a victory at Bach Dang over the South Han aggressors. This decisive victory of the national liberation had put an end to over ten centuries of the northern domination.

Our people who had their country occupied for over a thousand years successfully resisted assimilation and finally won the struggle to wrest back their

triều Hán thôn tính nước Champa, mở rộng đế chế vào đến nam Trung Bộ.

Sau nhiều cuộc khởi nghĩa, người Chăm giành lại đất nước và thành lập nước Champa độc lập vào cuối thế kỷ thứ II. Cuộc đấu tranh của người Việt lâu dài, gian nan hơn nhiều.

Mùa xuân năm 40, dưới sự lãnh đạo của hai nữ anh hùng Trưng Trắc, Trưng Nhị, cuộc khởi nghĩa của người Việt thắng lợi. Chính quyền độc lập Trưng Vương ra đời, nhưng 2 năm sau, cuộc kháng chiến bị thất bại.

Tiếp theo đó, nhiều cuộc khởi nghĩa bùng nổ, nhưng hoặc bị đàn áp, hoặc giành lại được chính quyền một thời gian rồi bị thất bại. Đó là khởi nghĩa Bà Triệu (248), khởi nghĩa Lý Bí (542), khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722), khởi nghĩa Phùng Hưng (767)... Khởi nghĩa Lý Bí cũng đã thắng lợi, lập ra nước Vạn Xuân độc lập, nhưng rồi cuối cùng bị thất bại (602).

Vào thế kỷ thứ X, Khúc Thừa Dụ khởi nghĩa thành công, lập ra chính quyền tự chủ họ Khúc (905-930) rồi chuyển sang chính quyền tự chủ họ Dương (931-937) dẫn đến chiến thắng Bạch Đằng do Ngô Quyền lãnh đạo năm 938 đánh bại cuộc xâm lược của quân Nam Hán. Đến đây sự nghiệp giải phóng đất nước mới giành được thắng lợi quyết định, chấm dứt hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc.

Hoa Lư / Hoa Lu

Mất nước hơn nghìn năm mà không bị đồng hoá và cuối cùng tự đấu tranh giành lại chủ quyền, đó là trường hợp hiếm có trong lịch sử. Nguyên nhân giải thích thành công đó là, một mặt, trước Bắc thuộc, nước Văn Lang - Âu Lạc đã là một thực thể quốc gia đạt đến một trình độ văn minh và cố kết cộng đồng bền chặt. Mặt khác, dưới nền thống trị nước ngoài, người Việt biết gìn giữ và phát huy vốn văn hoá cổ truyền, đồng thời biết tiếp thụ và tiêu hoá những thành tựu văn hoá bên ngoài, kể cả của nước xâm lược, để tăng thêm tiềm lực của đất nước. Trong thời kỳ này, từ Trung Quốc, Nho giáo, Đạo giáo, chữ Hán, nghề làm giấy, một số kỹ thuật nông nghiệp... , và từ Ấn Độ, Phật giáo, kỹ thuật chế thuỷ tinh, hương liệu... đã truyền vào Việt Nam. Vào đầu công nguyên, Luy Lâu (Hà Bắc) trở thành một trung tâm Phật giáo do các sư tăng Ấn Độ trực tiếp truyền bá bằng đường biển trước khi Phật giáo thịnh đạt ở Trung Quốc ảnh hưởng xuống phía nam.

Trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc, làng xã người Việt giữ một vai trò trọng yếu. Đó là những thế giới riêng của người Việt với những quan hệ cộng đồng chặt, tính tự

sovereignty, which was a rare case in histories. The reason for this ultimate victory was that on the one hand, prior to northern domination, the Van Lang - Au Lac country was a distinct civilized state and entity with a closely united community. On the other, under foreign domination, the Viet people knew how to preserve and bring into full play their traditional culture. At the same time, they received and adopted foreign cultural achievements, including those from their aggressors, in order to enrich the potential of their country. In this period, Taoism, Confucianism, Chinese script, papermaking, some agricultural techniques from China and Buddhism, glass manufacturing and the production of aromatic substances from India were introduced into Vietnam. Early in the first century BC, Luy Lau (Ha Bac province) became a Buddhist centre where Indian monks, coming by sea, preached religion before the influence of a flourishing Chinese Buddhism spread to the south.

In the struggle against northern domination, the Viet villages played a very important role. They constituted the Viet people's private world which had close relations within the community and a high sense of autonomy which the Chinese ruling administration could neither intervene nor govern. In their villages, the Viet people preserved their traditional cultural values, selected foreign cultural elements

appropriate to their life and united in the struggle for the defence of their country. Some historians have remarked that under the over-one-thousand-year northern domination, Vietnam had been ruled by foreign aggressors but its villages had not been invaded and these autonomous villages were a "green fortress" which played a vital role in the struggle for the preservation of national culture and national liberation.

THE ERA OF DAI VIET CIVILIZATION

After regaining its independence in the 10th century, the country still faced countless difficulties left by the northern domination which had existed for over a thousand year. During the reign of Ngo (939 - 965), Dinh (969 - 979) and anterior Le (980 - 1009) dynasties, the independent administration was still young, rebel forces repeatedly rose up. The most serious was the insurrection of twelve warlords (965 - 968) which caused the collapse of the Ngo dynasty. From the north, the Sung dynasty (960 - 1279) attempted to invade our country. The anti-Sung resistance war waged by Le Hoan reaffirmed national sovereignty and the repression led by Dinh Bo Linh against the twelve warlords firmly established the unity of the country. These very important victories created the conditions for the country to enter a period of renaissance and powerful development under the dynasties of Ly (1010 - 1225), Tran (1226 - 1400), Ho (1400 - 1407) and Le (1428 - 1527) with the country's name of Dai Viet (known as Dai Ngu in the Ho reign) and with Thang Long (Hanoi) as the capital. That was the era of Dai Viet civilization and glorious Thang Long culture in the history of Vietnam.

Water rice culture was still the foundation of Dai Viet civilization. Many land reclamation schemes by the State (plantations), the aristocratic class (farms and farmstead) and the peasants (village formation) were successfully carried out and

trị cao mà chính quyền đô hộ Trung Quốc không thể nào can thiệp và chi phối được. Trong làng xã, người Việt bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống, tiếp thụ có gạn lọc những yếu tố văn hoá ngoại nhập phù hợp với cuộc sống của mình và liên kết lại trong cuộc đấu tranh giành lại đất nước. Có nhà sử học đã nhận xét rằng, trong hơn nghìn năm Bắc thuộc, Việt Nam mất nước nhưng không mất làng và chính các làng tự trị đó là những "pháo đài xanh" phát huy hiệu quả to lớn trong cuộc đấu tranh gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc và giải phóng dân tộc.

KỶ NGUYÊN VĂN MINH ĐẠI VIỆT

Sau khi giành lại độc lập, trong thế kỷ thứ X, đất nước còn đứng trước nhiều khó khăn do hậu quả hơn nghìn năm Bắc thuộc để lại. Dưới các vương triều Ngô (939-965), Đinh (969-979), Tiền Lê (980-1009), chính quyền độc lập còn non trẻ, các thế lực cát cứ nhiều lần trỗi dậy, đặc biệt nghiêm trọng là loạn Mười hai sứ quân (965-968) đã làm sụp đổ triều Ngô. Từ phương bắc, triều Tống (960-1279) cũng lăm le xâm lược. Cuộc kháng chiến chống Tống do Lê Hoàn lãnh đạo đã khẳng định chủ quyền quốc gia và cuộc đấu tranh dẹp loạn Mười hai sứ quân của Đinh Bộ Lĩnh đã xác lập nền thống nhất đất nước. Đó là những thắng lợi trọng đại tạo lập điều kiện đưa đất nước bước vào thời kỳ phục hưng và phát triển mạnh mẽ dưới các vương triều Lý (1010 - 1225), Trần (1226-1400), Hồ (1400-1407) và Lê (1428-1527) với tên nước Đại Việt (Đại Ngu dưới triều Hồ) và kinh thành Thăng

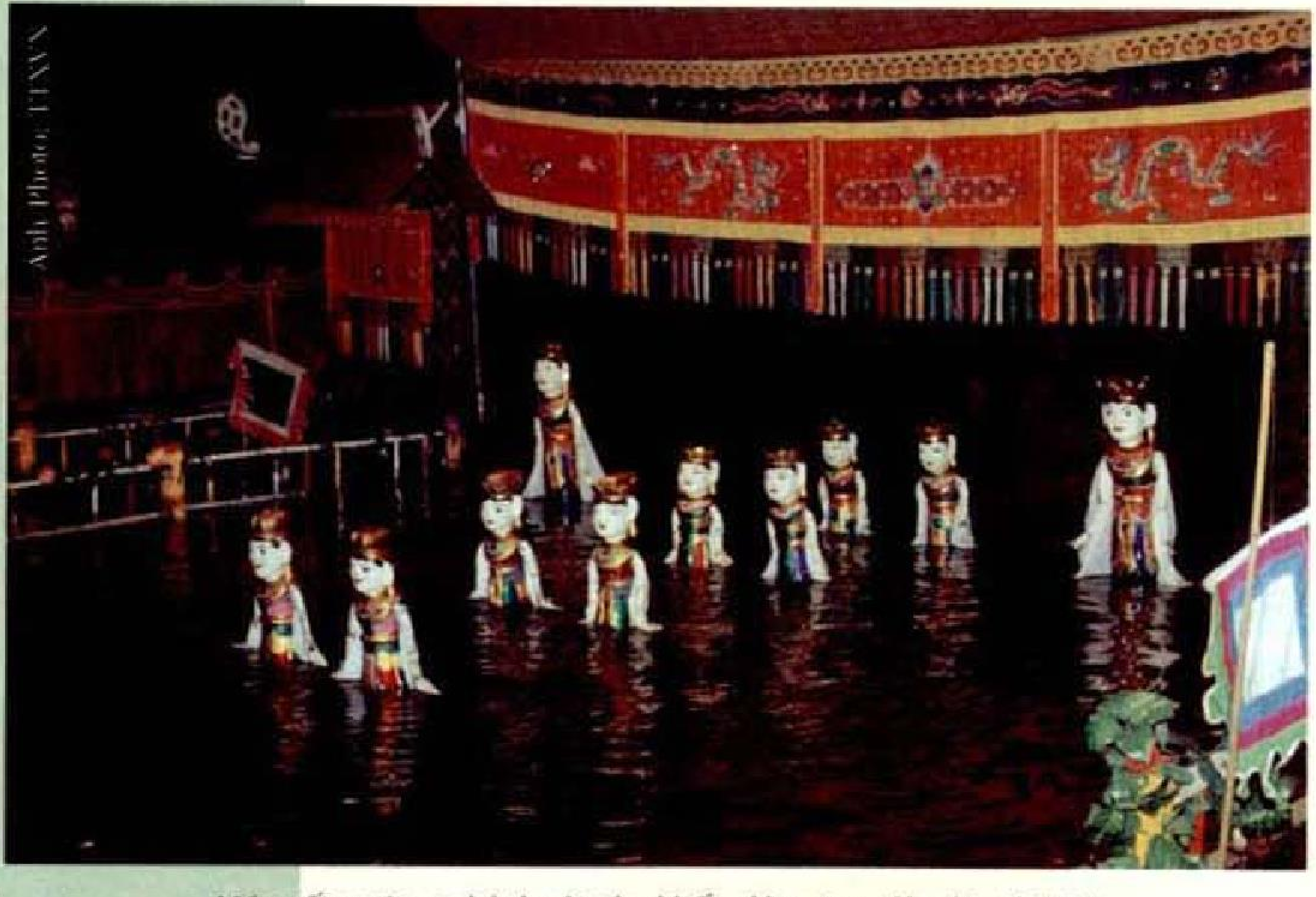

Múa rối nước, nghệ thuật sân khấu dân gian độc đáo thời Lý
The water puppetry a special folk performance from Ly Dynasty

Long (Hà Nội). Đó là kỷ nguyên văn minh Đại Việt và nền văn hoá Thăng Long rực rỡ trong lịch sử Việt Nam.

Nông nghiệp trồng lúa nước vẫn là nền tảng của văn minh Đại Việt. Nhiều công trình khai hoang của nhà nước (đồn điền), của quý tộc (trang trại, điền trang) và của nông dân (lập làng) được thực hiện thành công, mở rộng đất đai trồng trọt và xóm làng xuống vùng đồng bằng ven biển, vùng trung du và miền đất chưa khai phá phía nam. Hệ thống đê sông, đê biển do nhà nước quản lý được xây dựng quy mô lớn và hàng năm được bồi trúc, bảo vệ tốt. Nhiều kênh đào được mở mang để phát triển giao thông đường thủy và để tưới tiêu cho đồng ruộng.

Trong nông thôn, nhiều làng thủ công nghiệp ra đời và hệ thống chợ làng phát triển. Cùng với nông dân, tầng lớp thợ thủ công, thương nhân có xu hướng tăng nhanh, nhưng cuộc sống vẫn gắn bó với nông nghiệp. Trong quan hệ buôn bán trong nước và nước ngoài, một số thành thị và thương cảng trở nên phồn thịnh, tiêu biểu là Thăng Long (Hà Nội) và Vân Đồn (ngoài hải đảo, Quảng Ninh).

Trong hoàn cảnh độc lập và phát triển, nền văn hoá dân tộc cũng bước vào thời kỳ phục hưng. Di sản văn hoá cổ truyền được kế thừa và nâng cao trên cơ sở lao động sáng tạo của nhân dân và giao lưu văn hoá với nước ngoài. Nền văn hoá Thăng Long đã cống hiến nhiều công trình và nhiều tên tuổi làm phong phú và rạng rỡ nền văn hoá dân tộc.

Trong thời Lý, Trần, Phật giáo cùng Đạo giáo, Nho giáo đều được tôn trọng trong tinh thần bao dung tôn giáo của vương triều và của nhân dân. Ngoài các dòng Phật giáo du nhập từ bên ngoài, vua Trần Nhân Tông sáng lập ra phái Trúc Lâm là một thiền phái Việt Nam. Cuối Trần, một số trí thức Nho giáo bắt đầu bài xích Phật giáo, và sang thời Lê, Nho giáo được nâng lên địa vị độc tôn. Đó cũng là lúc chế độ quân chủ tập quyền chuyển sang mô hình Nho giáo.

Nền giáo dục và thi cử cũng bắt đầu được xây dựng từ đời Lý với việc mở khoa thi đầu tiên năm 1075 và lập Quốc Tử Giám năm 1076. Chữ Hán được sử dụng như chữ viết chính thức của vương triều, nhưng từ chữ Hán, người Việt sáng tạo ra chữ Nôm để ghi lại tiếng Việt. Văn học chữ Hán, chữ Nôm đồng thời phát triển và để lại nhiều tác phẩm gắn liền với tên tuổi nhiều danh nhân văn hóa, tiêu biểu là Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi... Bộ quốc sử đầu tiên mang tên Đại Việt sử ký được Lê Văn Hưu biên soạn và hoàn thành năm 1272.

expanded cultivated land and villages to coastal plains, midlands and virgin land in the south. The State-managed network of river and sea dykes was built on a large scale and was consolidated and well protected every year. Many canals were dug in order to develop communications and to irrigate ricefields.

In rural areas, handicraft villages came into being and the network of village markets developed. Along with farmers, the number of handicraftsmen and traders rapidly increased but their life was still closely linked with agriculture. In domestic and foreign trade relations, some cities and commercial ports became increasingly prosperous ; typical among them were Thang Long (Hanoi) and Van Don (on the islands in Quang Ninh).

In this period of independence and development, national culture also entered a period of renaissance. Cultural traditions were inherited and improved on the basis of the people's creative labour and cultural exchanges with foreign countries. The Thang Long culture contributed many works and outstanding personalities, enriching and glorifying the national culture.

Under the Ly and Tran dynasties, Buddhism, Taoism, and Confucianism were respected in the spirit of religious tolerance by the Court and people. Besides, Buddhist lines introduced from outside, King Tran Nhan Tong founded Truc Lam which was the Vietnamese Buddhist sect. At the end of the Tran dynasty, a number of Confucian intellectuals began to criticize Buddhism and under the Le dynasty, Confucianism had a monopoly. It was also the time when the centralized monarchical regime shifted to the Confucian model.

Education and examinations began to take a central place under the Ly dynasty with the opening of the first exam in 1075 and the founding of Quoc Tu Giam (Royal College) in 1076. Chinese script was used as the official written language of the Court, but from Chinese script, the Viet invented Nom script (demotic Chinese) to record the Vietnamese language. Chinese and Nom literatures developed simultaneously and left many works written by Ly Thuong Kiet, Tran Quoc Tuan, Tran Quang Khai, Truong Han Sieu and Nguyen Trai. The first national history books entitled "Dai Viet History" was compiled by Le Van Huu and completed in 1272.

The folklore culture which was the basis of national culture was revived, developed and connected with the rich and diversified cultural activities of the villages. Village festivals were generally organized in spring and autumn and were opportunities for displaying folk cultural activities such as boat races, wrestling, cock-fights, cloth ball throwing, cultural performances, water puppetry, etc. Water puppetry is a stage art typical of a country having rivers, ponds and water rice culture. It can only be found in Vietnam and has developed strongly since the reign of the Ly dynasty.

In these five centuries of renaissance, Dai Viet had, on repeated occasions, fought against aggressors and recorded glorious exploits. These were the second resistance war against the Sung (1075 - 1077) under the Ly dynasty led by Ly Thuong Kiet and three resistance wars waged by the prominent commander Tran Quoc Tuan against the Mongol-Yuan (in 1258, 1285, 1287 - 1288) under the Tran dynasty. The following poem written by Ly Thuong Kiet in the anti-Sung resistance war has been considered the first Declaration of Independence of the nation :

The Emperor of the South reigns over the mountains and rivers of the South
That is the destiny determined forever in the celestial book
Why can those savage people dare to invade our country
Their audacity is doomed to ignominious failure.

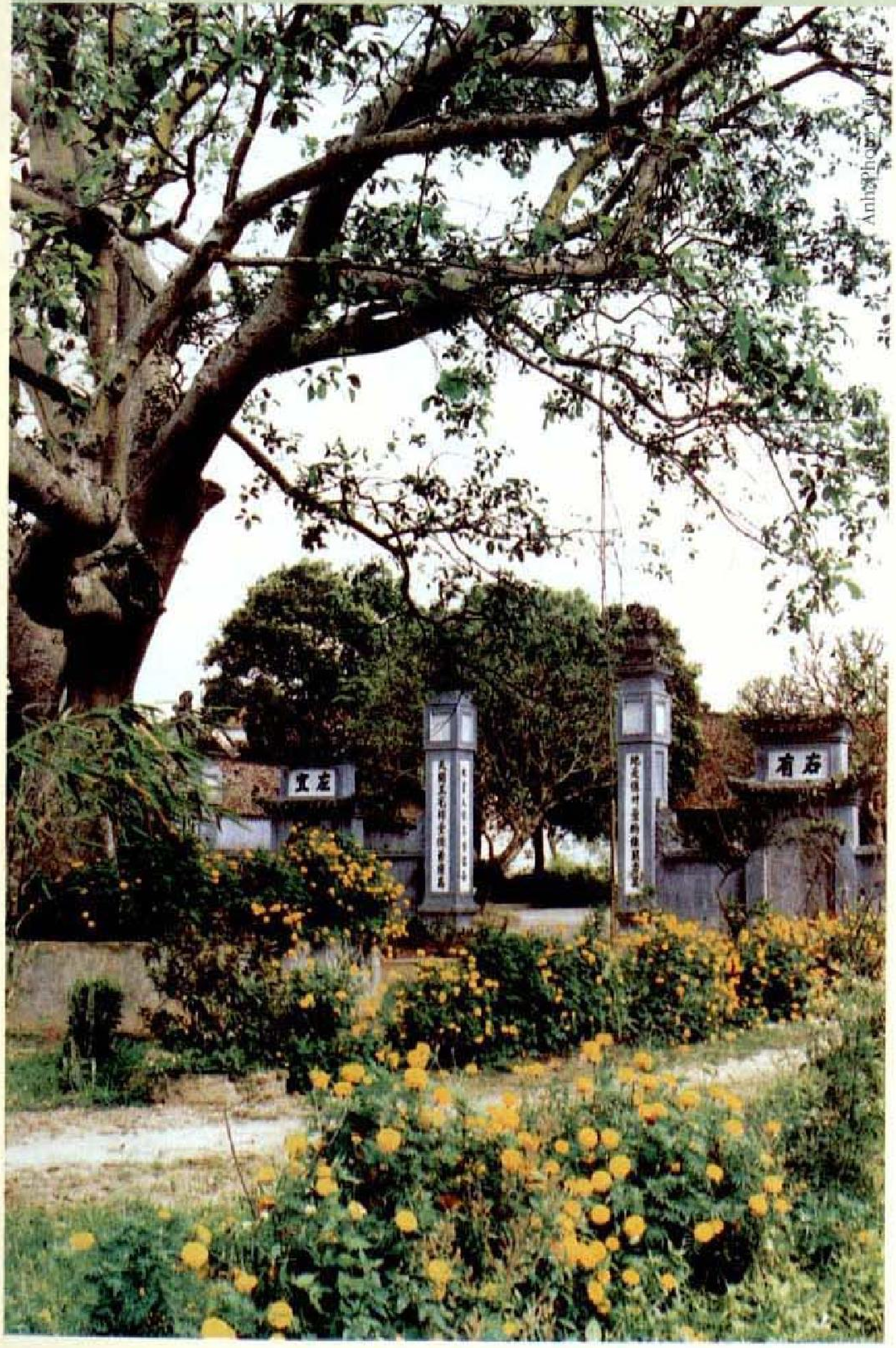

Đền thờ Trần Hưng Đạo/ Temple to Tran Hung Dao

Văn hoá dân gian là cơ sở chủ yếu của văn hoá dân tộc cũng được hồi sinh và phát triển gắn liền với nhiều sinh hoạt văn hoá phong phú, đa dạng của các làng xã. Hội làng thường tổ chức vào mùa xuân và mùa thu là dịp biểu thị tập trung các sinh hoạt văn hoá dân gian như đua thuyền, đấu vật, chọi gà, ném còn, đánh phết, trình diễn hát chèo, hát tuồng, múa rối nước... Múa rối nước là một nghệ thuật sân khấu dân gian độc đáo của xứ sở sông nước, ao đầm và của nông nghiệp lúa nước, chỉ tìm thấy ở Việt Nam và đã phát triển mạnh từ đời Lý.

Trong 5 thế kỷ phục hưng này, nước Đại Việt cũng phải nhiều phen cầm vũ khí chống ngoại xâm, lập nên nhiều vũ công hiển hách. Đó là kháng chiến chống Tống lần thứ II (1075-1077) dưới triều Lý do Lý Thường Kiệt lãnh đạo, ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên (1258, 1285, 1287- 1288) dưới triều Trần mà vị thống soái kiệt xuất là Trần Quốc Tuấn. Bài thơ của Lý Thường Kiệt ra đời trong kháng chiến chống Tống được coi như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên phận định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Kháng chiến chống Minh năm 1406-1407 do triều Hồ lãnh đạo bị thất bại và đất nước bị triều Minh đô hộ trong 20 năm (1407-1427). Nhưng trong thời Minh thuộc đó, nhân dân Đại Việt nổi dậy khởi nghĩa gần như liên tục, và cuối cùng, khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) do Lê Lợi - Nguyễn Trãi tổ chức và lãnh đạo đã hoàn thành sứ mạng giải phóng dân tộc, bảo đảm cho đất nước tiếp tục những trang sử của kỷ nguyên văn minh Đại Việt. Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi nêu cao ước vọng của dân tộc : "mở nền muôn thuở thái bình".

Kỷ nguyên Đại Việt đã để lại những thành tựu trên cả hai lĩnh vực xây dựng và bảo vệ đất nước, vừa rực rỡ văn trị, vừa chói lọi võ công. Đó cũng là thời kỳ nâng cao sự cố kết dân tộc, trưởng thành của ý thức dân tộc và định hình tính cách dân tộc Việt Nam.

NƯỚC ĐẠI VIỆT - ĐẠI NAM THẾ KỶ XVI-XIX

Chế độ quân chủ Nho giáo đã góp phần củng cố chế độ trung ương tập quyền và nền thống nhất quốc gia, nhưng tính quan liêu, chuyên chế của nó cũng gây ra những hậu quả nặng nề bộc lộ rõ từ đầu thế kỷ XVI. Mâu thuẫn giữa nhân dân và vương triều tăng lên và các phe phái phong kiến lao vào con đường tranh ngôi đoạt quyền. Năm 1527 triều Lê sụp đổ, triều Mạc (1527-1592) thay thế. Nhưng các thế lực chống Mạc tập hợp lại ở Thanh Hóa, dưới danh nghĩa khôi phục triều Lê, do họ Nguyễn rồi họ Trịnh cầm đầu. Từ đó, đất nước lâm vào cảnh chia cắt và nội chiến kéo dài với chiến tranh Lê - Mạc (1543-1592) rồi chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627-1672). Dòng sông Gianh (Quảng Bình) bị coi như giới tuyến phân chia đất nước làm Đàng Ngoài thuộc chúa Trịnh và Đàng Trong thuộc chúa Nguyễn, kéo dài cho đến năm 1786. Ở Đàng Trong, sau nhiều lần di chuyển, Phú Xuân (Huế) được chọn làm thủ phủ của chính quyền chúa Nguyễn.

Chia cắt và nội chiến gây ra nhiều hậu quả tai hại cho đời sống của nhân dân, nhưng trên phạm vi cả nước nền kinh tế trong thế kỷ XVII - XVIII vẫn có những bước phát triển đáng kể.

Công cuộc khai hoang được đẩy mạnh, nhất là về phía nam, và đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Sau khi khai phá vùng Thuận Hoá (Quảng Bình đến Thừa Thiên-Huế), Quảng Nam (Quảng Nam - Đà Nẵng đến Phú Yên), các chúa Nguyễn mở rộng dần bờ cõi về phía nam đến tận đồng

The anti-Ming resistance war in 1406 - 1407 waged by the Ho dynasty met with defeat and the country was placed under the domination of the Ming for 20 years (1407 - 1427). During this period, the Dai Viet people continuously rose up and finally the Lam Son insurrection (1418 - 1427) organized and led by Le Loi - Nguyen Trai fulfilled the task of national liberation, ensuring the continuation of the glorious historic pages of the era of Dai Viet civilization. In his "Binh Ngo Dai Cao", Nguyen Trai highlighted the people's aspiration for "an everlasting peace".

The Dai Viet era recorded achievements in national construction and defence and outstanding literary works and glorious exploits. It was also a period of strengthening national unity, maturing national consciousness and shaping the Vietnamese national character.

THE DAI VIET - DAI NAM COUNTRY FROM THE 16th TO 19th CENTURY

The Confucian monarchical regime contributed to the consolidation of a centralized authority and national unity but its bureaucracy and autocracy resulted in heavy consequences clearly seen in the beginning of the 16th century. The contradiction between the people and the Court increased and feudal factions plunged headlong into the strives for power. In 1527 the Le dynasty collapsed and was replaced by the Mac dynasty (1527 - 1592). But the anti-Mac forces led by the Nguyen and Trinh families gathered in Thanh Hoa in the name of the restoration of the Le dynasty. From then, the country was divided and civil war raged : hostilities between the Le and the Mac dynasties (1543 - 1592) then between the Trinh and the Nguyen (1627 - 1672). The Gianh river (Quang Binh province) was used as the frontier dividing the country into two parts : northern part (Dang Ngoai) placed under the authority of the Trinh lords and southern part (Dang Trong) under the Nguyen lords. This situation lasted until 1786. In Dang Trong, Phu Xuan (Hue) was selected as the capital city of the Nguyen administration.

Partition and civil war caused disastrous consequences to the people's life but the country as a whole recorded significant economic developments in the 17th - 18th centuries.

Land reclamation was stepped up, particu-

larly in the south, and scored great achievements. After reclaiming the areas of Thuan Hoa (from Quang Binh to Thua Thien - Hue) and Quang Nam (from Quang Nam - Da Nang to Phu Yen), the Nguyen Lords expanded their territory southwards to the Mekong delta. Peasants emigrated in large numbers to the new land and turned the marshy waste land into ricefields and villages. Rich landlords and mandarins were encouraged by the Nguyen Lords to recruit poor peasants for land reclamation. The agricultural economy witnessed a spectacular development and since the mid-18th century, the Mekong delta has become a granary with the highest output and the cheapest paddy in comparison with other regions of the country.

The geographic discoveries at the end of the 15th century, especially the discovery by Vasco Da Gama of a sea route via the southernmost African cape to the Indian Ocean, opened the way for a strong development of exchanges between the East and West. Trade on the East Sea flourished when Southeast

bằng sông Cửu Long. Hàng loạt nông dân đã di cư vào vùng đất mới, biến đất hoang, sình lầy thành đồng ruộng và xóm làng. Những địa chủ và quan lại giàu có cũng được chúa Nguyễn khuyến khích chiêu mộ dân nghèo đi khai hoang. Kinh tế nông nghiệp có bước phát triển vượt bậc và từ giữa thế kỷ XVIII, đồng bằng sông Cửu Long trở thành vựa lúa với năng suất cao nhất và giá thóc gạo rẻ nhất so với các vùng trong nước.

Những phát kiến địa lý cuối thế kỷ XV, nhất là việc Vasco Da Gama tìm ra con đường biển qua mũi cực nam châu Phi sang Ấn Độ Dương, đã mở đường cho sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ giao lưu Đông - Tây. Buôn bán ở Biển Đông trở nên sôi động trong mối quan hệ giữa Đông Nam Á với Trung Quốc, Nhật Bản ở Đông Á, với Ấn Độ ở Nam Á và với một số nước tư bản chủ nghĩa phương Tây.

Trong bối cảnh mới đó, kinh tế hàng hoá của Đại Việt cũng tăng trưởng nhanh trong quan hệ buôn bán trong nước cũng như quan hệ giao thương với nước ngoài. Quan hệ hàng hoá thâm nhập vào nông thôn và bên cạnh các làng nông nghiệp, làng thủ công nghiệp, đã xuất hiện những làng buôn và những làng hỗn hợp nông - công - thương. Hệ thống chợ làng phát triển rộng khắp, có làng có đến 1-2 chợ, nhưng thường từng cụm 3-4 làng có một chợ. Nhiều thành thị và thương cảng ra đời, nổi

Phố cổ Hội An, dấu tích kiến trúc xưa
The Ancient street of Hoi An - old architecture

tiếng nhất là Thăng Long (còn gọi là Kinh Kỳ hay Kẻ Chợ, nay là Hà Nội), Phố Hiến (Hải Hưng)... ở Đàng Ngoài và Thanh Hà (Thừa Thiên - Huế), Hội An (Quảng Nam - Đà Nẵng), Gia Định (thành phố Hồ Chí Minh)... ở Đàng Trong. Tại đây, thuyền buôn của Trung Quốc, Nhật Bản... và một số nước phương Tây như Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... đến buôn bán, có lúc lập thương điếm tại chỗ. Một số người Hoa, người Nhật cũng ở lại sinh sống, dựng phố buôn bán lâu dài.

Trong quan hệ mậu dịch này, Việt Nam tiếp xúc với thị trường khu vực và thị trường thế giới đang hình thành, và qua đó, tiếp nhận nhiều ảnh hưởng văn hoá bên ngoài, kể cả một số tri thức văn hoá và kỹ thuật phương Tây. Một người Bồ Đào Nha là Jao Da Cruz đã giúp chúa Nguyễn mở xưởng đúc súng ở Phú Xuân. Một người thợ thủ công là Nguyễn Văn Tú sau 2 năm sang Hà Lan, đã học được nghề chế tạo đồng hồ và kính thiên lý.

Từ giữa thế kỷ XVIII, những mâu thuẫn của chế độ phong kiến phát triển gay gắt dẫn đến sự bùng nổ của khởi nghĩa nông dân. Phong trào bắt đầu từ Đàng Ngoài rồi lan rộng ra cả nước, đưa đến đỉnh cao của phong trào Tây Sơn. Từ một cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1771, phong trào Tây Sơn đã phát triển thành một phong trào dân tộc rộng lớn, vừa

Tranh đẹp nhờ bàn tay tài hoa (tranh dân gian Đông Hồ)
Nice paintings, from artisan's hands (Dong Ho folk paintings)

Asia, China, Japan, India and a number of occidental countries had connections.

With this new situation, the Dai Viet domestic and foreign economic activities also increased quickly. Trade relations reached down to the countryside where trading villages, and agricultural - industrial - commercial villages sprang up beside agricultural and handicraft villages. The village market network developed widely with some villages having 1-2 markets but in general 3-4 villages shared one market. Many towns and commercial ports came into existence. The most well known were Thang Long (still known as Kinh Ky or Ke Cho, now Hanoi), Pho Hien (Hai Hung province)... in Dang Ngoai, and Thanh Ha (Thua Thien - Hue), Hoi An (Quang Nam - Da Nang), Gia Dinh (Ho Chi Minh City)... in Dang Trong. Merchant boats from China, Japan and occidental countries such as Portugal, Holland, Great Britain and France came to trade and sometimes set up business offices. A number of Chinese and Japanese stayed for a long time to do business and earn their living.

Through these trade relations, Vietnam made contacts with the regional and the world markets which were then being shaped and, through these contacts, received further influences from foreign cultures including cultural and technological knowledge from the West, Jao Da Cruz, a Portuguese helped the Nguyen Lords to found a guncasting workshop in Phu Xuan. A handicraftsman named Nguyen Van Tu, after two years in the Netherlands, learned the art of clock-making and the use of the telescope.

From the mid-18th century the contradictions within the feudal regime became acute and led to peasant uprisings. One peasant movement began in Dang Ngoai, spread throughout the country and reached its climax with the Tay Son movement. From a peasant revolt in 1771, the Tay Son movement developed into a national one which overthrew the ruling regimes of the Nguyen and Trinh Lords and abolished the two-century long partition of the country. It initially re-established national unity and successfully waged the anti-Siam resistance war (1784 - 1885) in the south and the anti-Qing resistance

war (1788 - 1889) in the north. Quang Trung Nguyen Hue, leader of the Tay Son movement, became a national hero displaying his outstanding military talents.

After the death of Quang Trung (1792), the Tay Son dynasty weakened and was defeated by Nguyen Anh in 1802. The Nguyen dynasty (1802 - 1945) was established, moved the capital to Hue and named the country Vietnam which was later changed to Dai Nam. In the first half of the 19th century, the Nguyen dynasty carried out a number of administrative reforms in order to consolidate national unity and some positive policies of land reclamation and cultural development. But in the world context of the 19th century, the Nguyen dynasty was a conservative monarchy unable to bring the country to a level which could keep pace with the evolutionary trend of the era.

From the 16th to the 19th century, national culture was governed by the historical circumstances of the country and by outside influences. Confucianism was considered as an orthodox ideology but Buddhism seemed to undergo a revival and Catholicism was introduced to Vietnam. In the 17th century, a number of western missionaries came to Vietnam. One of them was Alexandre de Rhodes who made a great contribution by utilizing the Roman alphabet to record the Viet language giving birth to the present Romanized Vietnamese script. A typical cultural characteristic of this era was the emergence of folk culture in literature, art and village cultural activities. Popular paintings were also a creation. The Nom literature entered an unprecedented period with many valuable works which were widely known and appreciated among the people such as Truyen Kieu by Nguyen Du. Le Huu Trac (1720 - 1791), Le Qui Don (1726 - 1784), Phan

đánh đổ chính quyền thống trị của chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vừa xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước kéo dài trên 2 thế kỷ, bước đầu lập lại nền thống nhất quốc gia và thực hiện thành công hai cuộc kháng chiến chống Xiêm (1784-1785) ở phía nam và kháng chiến chống Thanh (1788-1789) ở phía bắc. Quang Trung Nguyễn Huệ là một thủ lĩnh của phong trào Tây Sơn trở thành một anh hùng dân tộc với tài năng quân sự kiệt xuất.

Sau khi Quang Trung mất (1792), triều Tây Sơn suy yếu và bị Nguyễn Ánh đánh bại năm 1802. Triều Nguyễn (1802-1945) thành lập, đóng đô ở Huế và đặt tên nước là Việt Nam rồi đổi là Đại Nam. Trong nửa đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn có đưa ra một số cải cách hành chính nhằm củng cố quốc gia thống nhất và một số chính sách khai hoang, mở mang văn hoá có ý nghĩa tích cực. Nhưng đặt trong bối cảnh thế giới thế kỷ XIX, triều Nguyễn vẫn là một vương triều quân chủ chuyên chế bảo thủ, không có khả năng đưa đất nước tiến kịp trào lưu tiến hoá của thời đại.

Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, nền văn hoá dân tộc cũng chịu sự chi phối của hoàn cảnh lịch sử trong nước và những ảnh hưởng bên ngoài. Nho giáo vẫn được các vương triều coi là hệ tư tưởng chính thống, nhưng Phật giáo có phần phục hưng và Kitô giáo được du nhập vào Việt Nam. Thế kỷ XVII, một số giáo sĩ phương Tây mà người có công lớn là Alexandre de Rhodes đã dùng chữ cái Latin để ghi âm tiếng Việt, sáng chế ra chữ quốc ngữ. Một nét đặc sắc của văn hoá thời kỳ này là sự trỗi dậy của văn hoá dân gian trong văn học, nghệ thuật và sinh hoạt văn hoá làng xã. Tranh dân gian là một sáng tạo độc đáo. Văn học viết bằng chữ Nôm phồn vinh chưa từng thấy với nhiều tác phẩm có giá trị, phổ biến rộng rãi trong nhân dân, tiêu biểu là Truyện Kiều của Nguyễn Du. Lê Hữu Trác (1720-1791), Lê Quý Đôn

Hội gò Đống Đa (Hà Nội) với chiến công đầu xuân Kỷ Dậu

Dong Da Festival (Hanoi) - memorial to the victory in early Spring Ky Dau

(1726-1784), Phan Huy Chú (1782-1840) là những nhà văn hóa lớn, để lại những công trình nghiên cứu đồ sộ trên nhiều lĩnh vực. Nghệ thuật kiến trúc và tạo hình cũng đóng góp cho di sản văn hoá dân tộc nhiều công trình có giá trị như đình Đình Bảng (Hà Bắc), chùa Bút Tháp (Hà Bắc), chùa Tây Phương (Hà Tây) và quần thể kiến trúc của đô thành Huế.

Huy Chu (1782 - 1840) were great cultural researchers who left great works in many fields. Architecture and plastic art also contributed to the national cultural heritage valuable works, such as Dinh Bang communal house (Ha Bac), But Thap pagoda (Ha Bac), Tay Phuong pagoda (Ha Tay) and architectural works in Hue City.

Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931) / Nghe Tinh Soviet Movement (1930 - 1931)

MỘT THẾ KỶ ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA THỰC DÂN

Sau một thời gian chuẩn bị, năm 1858 quân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Sau hơn 20 năm, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Nam Kỳ rồi Bắc Kỳ và năm 1883 tấn công kinh đô Huế, buộc triều Nguyễn ký hoà ước năm 1883 và năm 1884 thừa nhận nền thống trị của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, dân tộc Việt Nam phải đương đầu với hoạ xâm lược của một nước công nghiệp phương Tây. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, yêu cầu bảo vệ độc lập dân tộc phải gắn liền với yêu cầu cải cách đưa đất nước thoát khỏi tình trạng chậm tiến và trì trệ của phương đông. Một số trí thức tiến bộ cũng đã nhận thức được điều đó khi dệ trình lên nhà vua những điều trần canh tân đất nước, tiêu biểu là điều trần

ONE CENTURY OF STRUGGLE AGAINST COLONIALISM

After years of setting the scene, in 1858, French troops shelled Da Nang and began an aggressive war against Vietnam.

Over the next 20 years, they successively occupied Nam Ky (South Vietnam), then Bac Ky (North Vietnam) and in 1883 attacked Hue, the capital, forcing the Nguyen dynasty to sign the 1883 Peace Treaty and recognize French domination over all Vietnamese territory in 1884.

It was the first time in history that the Vietnamese people had to face aggression by a western industrialized country. In such historic conditions, the defence of national independence had to be closely linked with efforts to bring the country out of the backwardness and stagnation predominant throughout the East. A

của Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) và Đặng Huy Trứ (1825-1874). Nhưng triều Nguyễn tỏ ra bảo thủ, đã khước từ mọi đề nghị canh tân, đẩy đất nước vào tình trạng bế tắc, dẫn đến thảm hoạ mất nước kéo dài gần một thế kỷ.

Trong lúc đó, ngay trong quân đội của triều đình không ít những tấm gương chiến đấu anh dũng như Nguyễn Tri Phương đã hy sinh khi bảo vệ thành Hà Nội năm 1873, Hoàng Diệu đã tuẫn tiết với thành Hà Nội năm 1882. Đặc biệt, quân Pháp đến đâu thì lập tức ở đó dấy lên phong trào kháng chiến rộng lớn của nhân dân. Cuộc chiến đấu bắt đầu từ miền Nam với Trương Định dưới lá cờ Bình Tây đại nguyên soái do nhân dân trao cho ông. "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây", đó là lời tuyên bố của Nguyễn Trung Trực, người con anh hùng của nhân dân miền Nam.

Sau khi đặt được nền thống trị trên cả nước, chính quyền cai trị vẫn phải đối phó vất vả với nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo, gọi chung là phong trào Cần Vương kéo dài cho đến những năm cuối thế kỷ XIX. Khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa, 1886-1887), Bãi Sậy (Hải Hưng, 1885-1889), khởi nghĩa Phan Đình Phùng (Hà Tĩnh, 1885-1886), Hoàng Hoa Thám (Hà Bắc, 1885-1913) là những cuộc chiến đấu tiêu biểu.

Thực dân Pháp vừa đàn áp phong trào yêu nước của nhân dân, vừa tổ chức bộ máy cai trị và từng bước thực hiện chủ trương khai thác thuộc địa, biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hoá, nơi cung cấp nguyên liệu và nhân công rẻ mạt cho chúng. Dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, kinh tế, xã hội, văn hoá Việt Nam trải qua nhiều biến đổi sâu sắc.

Một số thành thị, thương cảng theo cấu trúc đô thị phương Tây xuất hiện như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Sài Gòn... Nhiều đồn điền, hầm mỏ ra đời, một số cơ sở công nghiệp được thành lập, hệ thống đường sắt, đường bộ được mở mang. Chế độ giáo dục, thi cử Hán học chấm dứt, chuyển sang hệ thống trường tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học kiểu phương Tây dùng tiếng Pháp và chữ quốc ngữ.

Mái nhà đơn sơ nơi Bác Hồ ở trong thời niên thiếu tại Làng Sen
The simple home in Lang Sen village where Ho Chi Minh spent his childhood

Trong tiếp xúc văn hoá Pháp - Việt, một số ảnh hưởng văn hoá Pháp cũng thâm nhập vào đời sống Việt Nam, nhất là ở thành thị.

Nhưng bao trùm và chi phối cuộc sống thuộc địa là thảm họa mất nước, không khí đàn áp ngột ngạt và sự bần cùng hoá của đông đảo nhân dân. Xã hội Việt Nam bị phân hoá và một số giai tầng mới ra đời như giai cấp công nhân, giai cấp tư sản dân tộc, tầng lớp trí thức, viên chức mới... Do tác động của những thay đổi trong nước và những ảnh hưởng từ bên ngoài, phong trào yêu nước cũng chuyển biến theo những xu hướng mới.

Đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước mang tính chất dân tộc - dân chủ phát triển sôi nổi với những hoạt động Duy tân và Đông du của Phan Bội Châu, cuộc vận động cải cách dân chủ của Phan Chu Trinh, những hoạt động của Đông Kinh nghĩa thục, phong trào chống sưu thuế của nông dân Trung Kỳ, khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên...

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước càng phát triển cao với nhiều xu hướng chính trị, xã hội khác nhau.

Tầng lớp tư sản dân tộc với phong trào chấn hung nội hoá, lập đảng lập hiến đấu tranh chống độc quyền của tư bản Pháp, đòi tự do dân chủ.

Tầng lớp trí thức hình thành nhiều tổ chức chính trị với những hoạt động báo chí và xuất bản cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân.

Năm 1927, Việt Nam quốc dân đảng theo tư tưởng dân chủ tư sản ra đời, đã tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930). Cuộc khởi nghĩa thất bại, nhưng có tiếng vang lớn trong nước.

number of progressive intellectuals, being conscious of the situation, submitted to the King proposals to renovate the country. Typical were petitions by Nguyen Truong To (1828 - 1871) and Dang Huy Tru (1825 - 1874). But the Nguyen dynasty appeared to be conservative and rejected all proposals for renovation. This brought the country to a standstill, leading to foreign domination which lasted for nearly one century.

Even so, Royal troops set some examples in the heroic struggle. Nguyen Tri Phuong sacrificed himself when defending Hanoi citadel in 1873 and Hoang Dieu committed suicide at the fall of Hanoi citadel in 1882. Wherever French troops, the people's resistance war spread against them. The struggle began in the South with Truong Dinh leading the fight under the people's banner entitled "Fighting the French". "Only when the French pull out all the weeds of Vietnam, there will no longer be Vietnamese fighting them", vowed Nguyen Trung Truc, a heroic son of the Vietnamese people.

After establishing domination over the entire country, the ruling regime had to face many people's uprisings led by intellectual patriots, generally known as Can Vuong movements which lasted till the final years of the 19th century. Typical were the uprisings of Ba Dinh (Thanh Hoa, 1886 - 1887), Bai Say (Hai Hung, 1885 - 1889), Phan Dinh Phung (Ha Tinh, 1885 - 1886) and Hoang Hoa Tham (Ha Bac, 1885 - 1913).

While repressing the people's patriotic movement, the French colonialists organized an administrative machinery, gradually carried out their policy of colonial exploitation and turned Vietnam into a consumer market, and a source of raw materials and cheap labour. Under the domination of French colonialism, the Vietnamese economy, society and culture underwent profound changes.

A number of cities and commercial ports were built in the western style of architecture such as Hanoi, Hai Phong, Nam Dinh, Sai Gon, etc. Many plantations and mines appeared along with the establishment of some industrial installations. A network of railways and roads were developed. The system of Chinese-pattern education and exams ended and was replaced with the western system of primary, secondary and higher education, using the French and Vietnamese languages. In the contact between the French and the Vietnamese cultures, some influences from the French culture infiltrated into Vietnamese life, mainly in cities.

But the overwhelming feature in the colony was the colonialist sinister occupation, the oppressive atmosphere, harsh repression and the impoverishment of the people. Vietnamese society was changed and new strata of people came into being such as workers, national bourgeois, intellectuals, new functionaries, etc. Due to the impact of domestic upheavals and outside influence, the patriotic movement also changed accordingly.

At the beginning of the 20th century, the patriotic movement bore a national democratic character and developed strongly through the activities of Duy Tan (Modernization) and Dong Du, (Movement to go to eastern countries such as China and Japan to study) initiated by Phan Boi Chau and the movement for democra-

Phong trào yêu nước phát triển liên tục, mạnh mẽ, nhưng cuối cùng đều thất bại. Giữa lúc đó, xuất hiện một xu hướng cách mạng mới do Nguyễn Ái Quốc khởi xướng và lãnh đạo. Năm 1911, Nguyễn Ái Quốc (lúc đó là Nguyễn Tất Thành) rời đất nước sang phương Tây để tìm hiểu tận gốc rễ nền văn minh phương Tây và tìm ra một con đường cứu nước mới cho dân tộc. Sau nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, Người thấy rõ mối quan hệ giữa chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa tư bản, và con đường cứu nước thành công phải kết hợp phong trào giải phóng dân tộc với phong trào công nhân quốc tế. Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, cổ vũ phong trào yêu nước, phong trào công nhân để hình thành các tổ chức cách mạng theo xu hướng mới. Từ những hoạt động của Thanh niên cách mạng đồng chí hội do Người sáng lập năm 1925, những tổ chức cộng sản đầu tiên đã ra đời năm 1929. Ngày 3-2-1930, dưới sự chủ trì của Người, đại biểu ba tổ chức cộng sản đã họp hội nghị ở Cửu Long (gần Hồng Kông), quyết định thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cách mạng Việt Nam đã trải qua cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh năm 1930 - 1931, cao trào dân chủ năm 1936-1939 và cao trào cứu nước trong chiến tranh thế giới lần thứ II (1939-1945) dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và trịnh trọng tuyên bố trước toàn thế giới : "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".[1]

Cách mạng tháng Tám thành công đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp và phát xít Nhật, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử Việt Nam : Kỷ nguyên đấu tranh giành độc lập thống nhất và phục hưng đất nước mà chủ thể của sự nghiệp vĩ đại này không có ai khác là con người Việt Nam, là cộng đồng dân tộc Việt Nam luôn mang trong mình khí phách hào hùng của mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước rực rỡ văn trị, chói lọi võ công.

1. Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 1-4.

tic reforms sponsored by Phan Chu Trinh. The activities of "Dong Kinh Nghia Thuc" - an association for the free education of the people, the Central Vietnam peasants' struggle against taxes and the insurrection waged by Thai Nguyen soldiers, etc. all contributed to this development.

After World War I, the patriotic movement gained moment turn with different political and social tendencies.

The national bourgeoisie with the movement for the restoration of domestic production, founded lawful parties to struggle for freedom and democracy against the monopoly of French capitalists.

The intelligentsia founded political organizations and used the press and other publications to encourage the people's patriotism.

In 1927, "Vietnam Quoc Dan Dang" (Vietnam Nationalist Party) came into being with a democratic bourgeois ideology and organized Yen Bai uprising (1930). The insurrection was unsuccessful but echoed throughout the country.

The patriotic movement developed continuously and powerfully but failed in the end. At that time, there appeared a new revolutionary tendency sponsored and led by Nguyen Ai Quoc. In 1911, Nguyen Ai Quoc (then known as Nguyen Tat Thanh) left for the West to learn about the source of western civilization and try to find a new way to national salvation. After many years abroad, he clearly realized the relationships between colonialism and capitalism and that national salvation would only be successful if there was a coordination between the national liberation movement and the international worker movement. He participated in the founding of the French Communist Party, propagated Marxism - Leninism in Vietnam, stimulated the patriotic and the worker movement in order to shape revolutionary organizations in accordance with the new tendency. With the activities of the Association of Revolutionary Youth, which he founded in 1925, the first communist organizations came into being in 1929. On February 3, 1930, under his sponsorship, the representatives of the three communist organizations held a congress near Hong Kong and decided to found the Communist Party of Vietnam.

Under the leadership of the Communist Party of Vietnam, the Vietnamese revolution

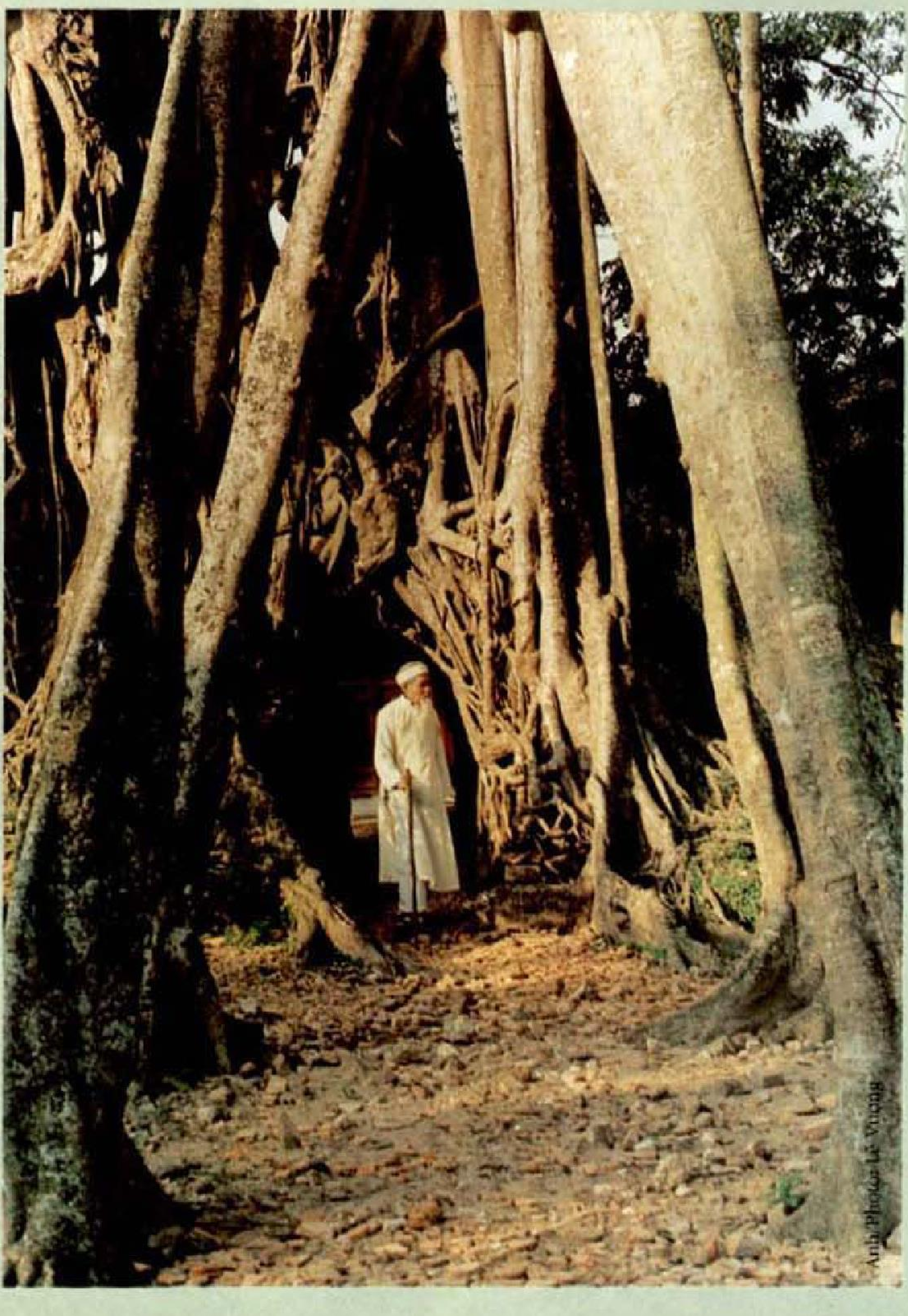

Cội nguồn
The source

passed through the high tide of the Nghe Tinh Soviet in 1930 - 1931, the democratic high tide in 1936 - 1939 and that of national salvation in World War II (1939 - 1945) which led to the victory of the August 1945 Revolution.

On September 2, 1945 in Ba Dinh square (Hanoi), President Ho Chi Minh read the Declaration of Independence which gave birth to the Democratic Republic of Vietnam and solemnly declared to the world :

"All nations in the world are born equal, every nation has the right to life, happiness and freedom... Vietnam has the right to enjoy freedom and independence, and in fact, has become a free and independent country. The entire Vietnamese people are determined to devote all their spirit and strength, life and property to preserving their freedom and independence" [1].

The victory of the August Revolution ended the domination of French colonialism and Japanese fascism and opened a new era in the history of Vietnam. The main artisans of this great cause for national independence, unity and restoration are no others but the Vietnamese people, the Vietnamese community who always bear the heroic character of the glorious history of thousands of years full of brilliant exploits in building and defending their country.

1. Ho Chi Minh: *Complete Works,* Vol. 4, Su That Publishing House, Hanoi, 1984, p. 1-4.

CON NGƯỜI VIỆT NAM
MẤY ĐẶC TRƯNG CHỦ YẾU

SOME MAIN FEATURES OF THE VIETNAMESE PEOPLE

Độc tấu đàn Tỳ Bà / Ty Ba soloist

Trải qua trường kỳ lịch sử, bằng lao động bền bỉ và liên tục, người Việt cổ đã sáng tạo nên các nền văn hoá Sơn Vi, Hoà Bình, Bắc Sơn, Quỳnh Văn, làm chủ đồng bằng và bước vào thời đại Kim Khí Đông Sơn rực rỡ, xây dựng nền *văn minh sông Hồng* có một nhà nước sơ khai. Quá trình vận động của lịch sử hàng chục vạn năm đã tạo lập cơ sở bền vững cho văn hoá Việt Nam, con người Việt Nam. Nông nghiệp lúa nước gia đình, làng xóm định cư và công cuộc giữ nước, dựng nước đầy gian khổ là những nhân tố cơ bản quy định đặc trưng của người Việt.

Đàn T'rưng của dân tộc E-đê
Trưng string instrument of Ede ethnic group

Throughout their long history, the ancient Viet people have created with tenacious efforts the Son Vi, Hoa Binh, Bac Son and Quynh Van cultures, conquered the Delta, ushered in the brilliant Dong Son Metal Age and built up the *Red River civilization* with a primitive state. This multi-thousand-year history has laid a solid foundation for the Vietnamese culture and people. The basic factors which have shaped the characteristics of the Vietnamese people sprang from the family-based water rice cultivation, *village and hamlet* settlement patterns and the hardships in defending and constructing their country.

PATRIOTISM

Vietnam is a multi-ethnic state with fifty four ethnic groups living on the Vietnamese territory. The Viet (Kinh) account for over 85% of the population, the other ethnic minorities mostly inhabit the mountainous areas.

Over 3,000 years ago, during the Dong Son period, settlements of the ancient Viet already emerged in the Red River delta. These were probably among the earliest permanent agricultural settlements in Southeast Asia. The existence of these settlements gave rise to the awareness of the native land. With the population growth, the Viet gradually moved south along the riparian and coastal plains to the lower reaches of the Mekong delta.

Permanent settlement and water rice cultivation necessitated efforts in flood and water control and protecting the inhabitants from wild beasts and enemies from the outside. These efforts strengthened the consciousness of nationhood. Patterns and drawings on the Dong Son drum clearly show scenes of festivals - boating, hunting, dancing and singing which reflect the association of individuals and families in the villages.

In the early part of the first Millennium B.C. "clusters of villages" appeared in Vietnam and were referred to in ancient history as *the 15 tribes*. The attachment to the villages gradually became attachment to the country.

It was this attachment that saved Vietnam from risk being assimilated under the Chinese feudal domination for more than one thousand years. The risk was a real but never happened. As assessed by many historians, "the country was lost, but the villages were not". The Vietnamese people were receptive to many elements of Han culture, which enriched their own culture, language, economic and social life, and strengthened their national resilience. The long-standing customs in the villages continued to be preserved and passed down through generations, reminding the inhabitants of their national origins and nurturing the traditional Vietnamese soul and spirit.

From 938 A.D., Vietnam actually entered the era of independence although it had subsequently to wage fierce wars of resistance against the Sung, Yuan Mongolian, Ming, Qing aggressors from China, then the French and

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc. Hiện có 54 tộc người cư trú trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó người Việt (Kinh) chiếm trên 85% dân số. Đồng bào các dân tộc thiểu số chủ yếu cư trú ở miền núi.

Cách ngày nay hơn 3000 năm, vào thời kỳ Đông Sơn, các xóm làng của người Việt cổ đã được hình thành ở khu vực đồng bằng sông Hồng. Đó là những cụm cư dân nông nghiệp định cư, định canh vào loại sớm nhất Đông Nam Á, và từ đó tạo ra ý thức quê hương. Dần dần dân số ngày càng phát triển, người Việt di chuyển theo các vùng đồng bằng ven sông, ven biển đến hạ lưu sông Cửu Long.

Nền nông nghiệp lúa nước định cư định canh với những yêu cầu về trị thủy và thủy lợi cùng với việc bảo vệ an ninh cuộc sống, chống thú dữ và kẻ thù bên ngoài làm cho ý thức quê hương bền chặt.

Giã gạo mừng công (dân tộc Ba Na)
Pounding rice to celebrate victory - Bana ethnic group

Tranh chân dung Nguyễn Trãi (1380 - 1442)
Portrait of Nguyen Trai (1380 - 1442)

Trống đồng Đông Sơn đã miêu tả những cảnh lễ hội bơi thuyền, đi săn, nhảy múa ca hát phải chăng chính là những hoạt động thể hiện sự liên kết các cá nhân và các gia đình trong xóm làng.

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, đến khoảng giữa thiên niên kỷ 1 trước công nguyên đã có những "cụm liên làng" lớn rộng mà sử cũ gọi là 15 bộ lạc, thì tình cảm xóm làng được nâng lên thành tình cảm quê hương đất nước.

Trong hơn nghìn năm bị phong kiến Trung Quốc thống trị, tưởng rằng người Việt bị đồng hóa thành người Hán, đất nước Việt Nam thành địa phương của Trung Quốc. Nhưng không. Đúng như nhiều nhà sử học nhận định : "nước mất, nhưng làng không mất" . Dù tạm thời bị đô hộ, người Việt Nam vẫn biết tiếp nhận nhiều yếu tố văn hoá Hán, lại làm cho văn hoá, ngôn ngữ và cuộc sống kinh tế và xã hội của chính mình thêm phong phú, tăng thêm sức tự cường cho dân tộc. Các phong tục tập quán được hình thành lâu đời trong làng quê vẫn được bảo vệ và lưu truyền, luôn luôn nhắc nhở con người về cội nguồn dân tộc, nuôi dưỡng tâm hồn Việt Nam truyền thống, duy trì tinh thần quốc gia.

Từ năm 938 về sau, Việt Nam thực sự bước vào kỷ nguyên độc lập tuy sau đó vẫn phải tiến hành các cuộc kháng chiến toàn dân khốc liệt : chống Tống, chống Nguyên Mông, Minh, Thanh, Pháp, Mỹ... Mỗi lần kháng chiến, tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam càng được củng cố. Lý Thường Kiệt khẳng định "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn nói với vua: "Xin bệ hạ hãy chém đầu thần trước rồi hãy hàng", Tướng quân Trần Bình Trọng mắng quân giặc: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc". *Đó chính là tinh thần xả thân vì nước.*

Tới thế kỷ XV, tinh thần yêu nước lại được nâng lên với lòng tự hào dân tộc là có một nền văn minh cao. Nguyễn Trãi nói: "Duy ngã Đại Việt chi quốc thực vi văn hiến chi bang" (Bởi nước Đại Việt ta thực sự

American invaders... Each war of resistance further strengthened the patriotism of the Vietnamese nation. Ly Thuong Kiet affirmed that "The Emperor of the South reigns over the mountains and rivers of the South" Tran Quoc Tuan told his Emperor : "If your Majesty wants to surrender, behead me first". Captured by the Yuan Mongolian invaders, general Tran Binh Trong replied to their enticement : "I would rather be a phantom in the Southern land than be a king in the Northern land" [1]. *These statements reflected willingness to sacrifice one's life for the country.*

By the 15th century, patriotism was further enhanced by the pride in the nation's civilization. Nguyen Trai said : "... Our country, Dai Viet, really has an age-old culture".

In Vietnam, patriotism was not confined to the ruling circles only. It pervaded the whole nation. At the end of the 18th Century, Emperor Quang Trung, a national hero who originated from the lower classes, told the people : "Let us fight so that the (Qing) invaders understand that heroic Vietnam has its own masters".

In almost all their resistance wars, uprisings and liberation wars, the Vietnamese people had to fight stronger and bigger enemies. In such conditions, patriotism played a decisive role, creating an extraordinary strength. During the anti-French and anti-American wars of resistance, patriotism reached its peak. For 30 consecutive years the whole Vietnamese nation fought the aggressors with all its might

1. The south refers to the land ruled by the Vietnamese, as distinguished from the North, ruled by the Chinese (Translator's note).

là nước văn hiến).

Lòng yêu nước Việt Nam đâu phải chỉ có ở nhà cầm quyền, mà đó là tình cảm sâu nặng của toàn dân. Cuối thế kỷ XVIII, người anh hùng áo vải Quang Trung nói trước dân chúng : "Đánh cho giặc (Thanh) biết rằng nước Việt Nam anh hùng có chủ riêng (của nó)".

Trong hầu hết các cuộc kháng chiến chống xâm lược, các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng, nhân dân Việt Nam đều phải tiến hành ở thế lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều. Trong điều kiện này, tinh thần yêu nước là nhân tố có ý nghĩa quyết định tạo nên sức mạnh phi thường. Thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ lòng yêu nước lại được nhân lên gấp bội. Trong 30 năm liên tục, toàn dân Việt Nam đã dốc sức chống kẻ thù xâm lược quyết giành lại nền độc lập dân tộc theo khẩu hiệu "Tất cả để chiến thắng". *Yêu nước trở thành quy phạm đạo đức cao nhất* và cũng là *chuẩn mực giá trị cao nhất của con người Việt Nam*. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" thể hiện nguyên tắc cuộc sống.

Nhiều người nói lòng yêu nước của Việt Nam như một chủ nghĩa chỉ dẫn cách ứng xử xã hội. Đúng. Nhưng lòng yêu nước của người Việt Nam hoàn toàn không tạo nên sự thù hằn dân tộc, không có tư tưởng sô vanh hẹp hòi, mà phân biệt rõ ràng kẻ thù xâm lược với quần chúng nhân dân ; kiên quyết đánh đổ đế quốc xâm lược nhưng luôn luôn giữ quan hệ hữu nghị đoàn kết với nhân dân các nước.

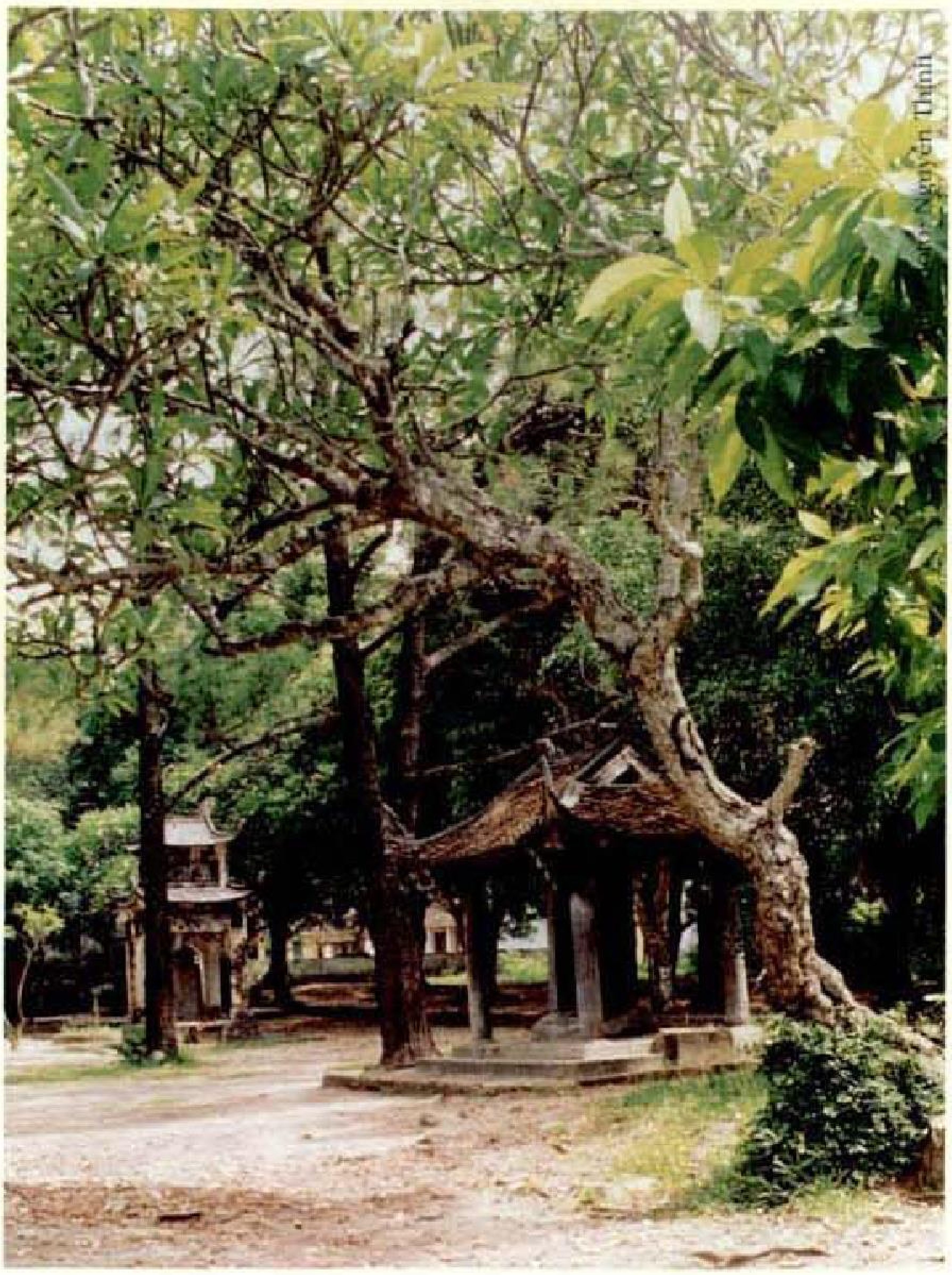

Đền thờ Nguyễn Trãi - anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế kỷ XV

The temple to Nguyen Trai - National Hero and Great man of culture, 15th century

Ảnh: Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
Photo: Management Board of President Ho Chi Minh's Mausoleum

to regain national independence under the motto : "Everything for victory". *Patriotism has become the highest ethical norm and the highest standard of value in Vietnam.* President Ho Chi Minh said : "We would rather sacrifice everything than lose independence and become slaves", "Nothing is more precious than independence and freedom". Indeed, patriotism is a principle in our life.

To many, it is true that patriotism is a guide to social behaviour in Vietnam. But Vietnamese patriotism does not involve in any way national hatred or chauvinism ; it makes a clear distinction between the aggressors and the broad masses in its fight against the imperialist aggressors while maintaining solidarity and friendship with the peoples.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bia kỷ niệm Nguyễn Trãi
President Ho Chi Minh reading the memorial stela to Nguyen Trai

TINH THẦN CỘNG ĐỒNG

Hiện nay hơn 80% dân số Việt Nam trong các làng ấp, bản, buôn ở nông thôn. Giữa những con người trong các làng ấp, bản, buôn... còn bảo lưu nhiều quan hệ cộng đồng chồng xếp lên nhau.

Trước hết, đó là tinh thần cộng đồng gia đình và dòng họ. Gia đình Việt Nam phổ biến là loại gia đình hạt nhân hay nửa hạt nhân. Một số dân tộc miền núi ở Tây Bắc và Tây Nguyên còn mang dấu vết đại gia đình. Nhưng nền kinh tế nông nghiệp lúa nước truyền thống đã khiến cho các cá nhân và gia đình phải liên kết lại. Mối liên kết đầu tiên có tính tự nhiên là theo huyết thống và nó luôn luôn được tái sinh, tái lập. Bởi vậy, nên cộng đồng dòng họ xuất hiện sớm, tồn tại phổ biến lâu dài trong hầu hết các làng quê và thành thị. Tục ngữ Việt Nam có câu "giọt máu đào hơn ao nước lã". Nhiều dòng họ còn có "tộc ước" quy định những điều lệ giúp nhau sản xuất, học hành, đối xử với nhau theo lễ nghĩa, có kỷ cương, lương thiện, nhân từ.

Ngoài ra, người Việt còn có cộng đồng lân cư xóm ngõ trong làng. Mỗi làng ấp theo các trục đường làng, cư dân được phân chia theo từng xóm nhỏ. Mỗi làng phổ biến hơn 1000 người, được phân thành 4, 5 xóm. Mỗi xóm lại là một cộng đồng cư dân nhỏ, sống bên cạnh nhau. Cộng đồng xóm ngõ bổ sung hữu hiệu và giúp đỡ kịp thời cho gia đình nông dân trong công việc đồng áng, trong đời sống vật chất và tinh thần. Vào những ngày mùa màng bận rộn, các gia đình nông dân dựa vào quan hệ lân cư tổ chức vần công, đổi công. Khi gia đình nào cần kinh doanh, xóm ngõ cùng với họ hàng giúp vốn ; lúc gặp khó khăn nguy hiểm, xóm ngõ giúp nhau vượt qua.

Người Việt còn có cộng đồng nghề nghiệp. Trên cơ sở nông nghiệp, người Việt ở nông thôn Bắc, Trung, Nam còn có những "làng nghề" (buôn bán hay thủ công nghiệp). Đó là những làng chuyên làm gốm, làng chuyên dệt, làng làm nghề khảm trai, làng làm nghề xây dựng v.v.. Và như vậy, mỗi làng lại có thêm phường thủ công theo nghề nghiệp hoặc buôn bán. Cộng đồng phường hội còn mở rộng sang cả nông nghiệp với các phường thợ gặt, phường thợ cấy...

Ở Việt Nam lại còn có thêm các cộng đồng theo lứa tuổi. Hầu hết các làng quê - thành thị đều có hội Lão (với các tên gọi khác nhau, trước năm 1945, có nơi gọi là hội Kỳ lão, nay là các hội Bảo thọ, hội Các cụ về hưu,...). Ở miền núi, Hội đồng già làng có vai trò rất quan trọng trong quản lý làng xã. Ở nhiều tỉnh

Bản làng ở Lai Châu / Minority village in Lai Chau

COMMUNITY SPIRIT

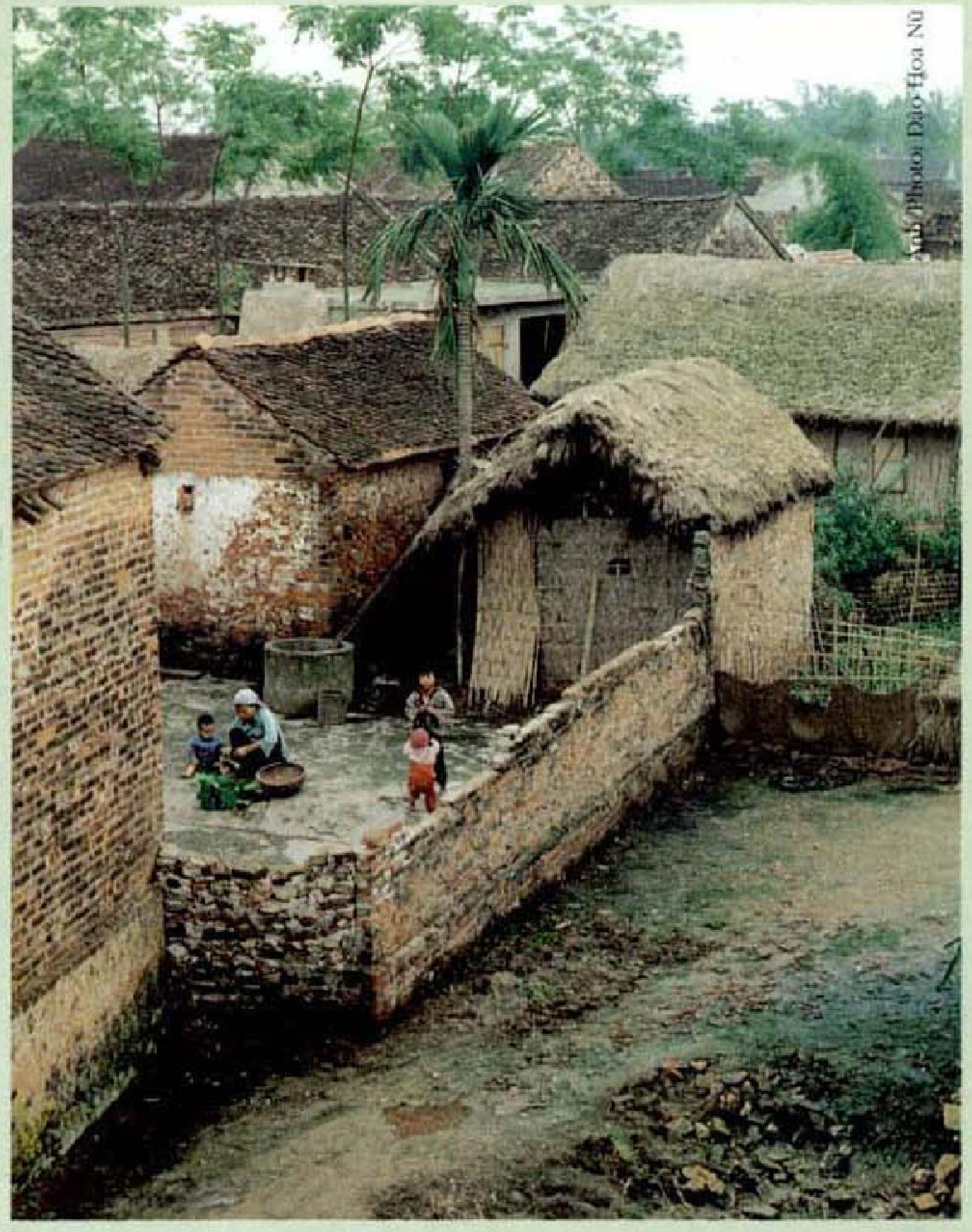

Xóm cũ cảnh xưa / An old village and past memories

Over eighty percent of Vietnam's population live in rural areas where intricate community relations are maintained. The spirit, first of all, is the community spirit in the family and clan. Nuclear families or semi-nuclear families are common in Vietnam, though joint families can be found among ethnic groups inhabiting Northwest Vietnam and the Central Highlands. It is the traditional water rice agricultural economy that associates individuals with families. The first associated link is a natural one bonded by consanguinity which was continuously regenerated. Therefore, the family community came into being at an early period and existed on a lasting and widespread basis in rural and urban areas. A Vietnamese saying stresses this bond : "a drop of blood is more valuable than a pond of water". Many family groups have set their own rules with regards to mutual assistance in production and study, and the values in relation to mutual respects, discipline, honesty and generosity.

A community spirit is also appreciated among neighbours living in and around the village. Each village has a number of lanes along which smaller units called hamlets are located. Generally, each village has over 1,000 inhabitants distributed in to four or five hamlets. Each hamlet is a small community, where inhabitants live in close to one another. The hamlet community provides timely and efficient material and spiritual assistance to member families in time of need. During busy periods of field work, labour exchange teams are required peasants have to rely on each other. Assistance also includes lending money to members who wish to start a business. In times of difficulties and dangers, assistance again plays an important role.

Another community spirit is related to trades. Apart from farming, villages also engaged in commerce or handicrafts such as cloth weaving, pottery, pearl-shell inlays, construction and etc. Such villages have guilds specializing in certain trades or commerce. Agricultural work also involves ambulatory teams which offer hired labour service in harvesting, replanting seedlings.

In addition, some communities are formed on the basis of age. Before 1945, there were associations of the aged known as Associations of Venerable Aged in almost all rural and urban areas. Presently, they are Associations for the Protection of the Aged, Associations of the Retired. In the mountainous areas, the Council of the Aged Villagers plays a very important role in the management of village affairs. It is possible to find in the Northern part of Vietnam specific associations related to birth dates. For example, persons born in the year of the Dog should form their own association. These associations hold regular meetings which are sometimes quite moving, involving members who stay and work far away. The Information about their association and its members is kept up to date so that appropriate assistance can be provided. Some villages also have associations of buffalo boys.

The consciousness and psychological patterns of the Vietnamese are characterized by their community spirit. The annual traditional festivals, pervaded with jubilance and heartfelt solidarity help to enhance it. In general, all these community relationships which coexist in harmony and complement one another, constitute a support structure, in many respects, for the life of each individual and each family. The Association of the Aged helps the elderly people to mix with society, and to overcome feeling of isolation and solitude. The Buffalo Boys Association helps promote feelings of solidarity and love among children from an early age and guides them in performing useful tasks for their families. Trade and commerce guilds provide assistance to solve financial difficulties and other issues of materials and goods. The family-based community the village neighbourhood community help the peasants to overcome difficulties of manpower, etc. *The community is a support structure for the Vietnamese in their life in both peace and war times.*

As a matter of fact, the community spirit contains many positive elements. Yet, unsatisfactory solutions of the relationships between the smaller and the bigger communities has led to *localism and sectarianism* both in the approach to daily life problems and public administration.

In addition to the community spirit, the Vietnamese are conscious of their individual "personality", as reflected in the old saying : "Each one enjoys the fruits of one's own merits, and must bear the consequences of one's offenses". Talent, personality and dignity are highly valued by the Vietnamese. It is likely that in the future development of our society, individual personality will have an ever clearer and more important role.

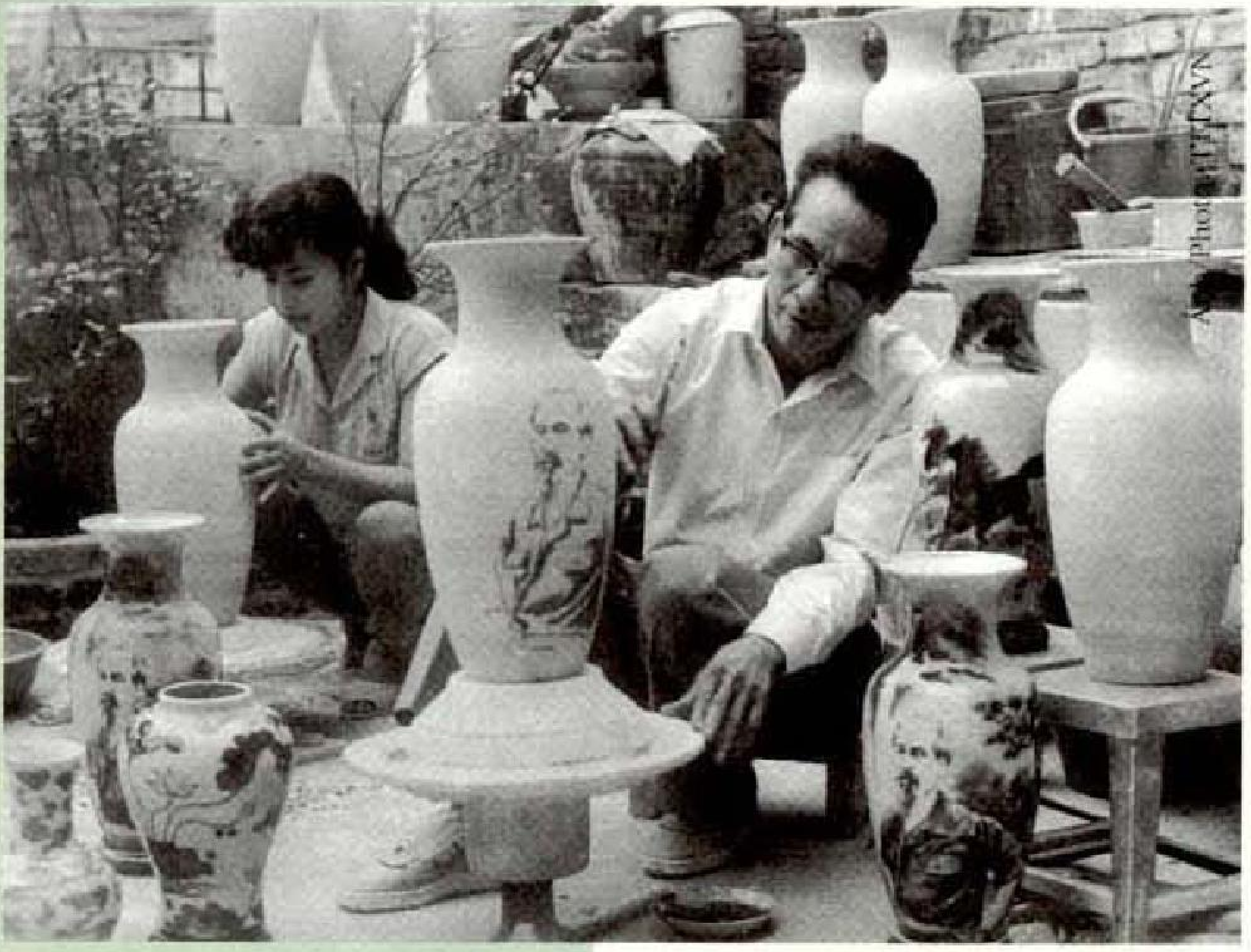

Gốm sứ Việt Nam / Vietnamese ceramics

miền Bắc còn có hội đồng niên (chẳng hạn như hội của những người cùng tuổi tuất, tuổi hợi...). Buổi họp mặt của những hội đồng niên thật cảm động, người đi xa cũng về quê gặp bạn. Ai còn ai mất, ai giàu ai nghèo, ai gặp tai nạn được tìm hiểu cặn kẽ và có cách giúp nhau. Một số nơi còn có hội mục đồng của trẻ chăn trâu.

Tinh thần cộng đồng là nét quan trọng trong ý thức và tâm lý người Việt Nam. Những lễ hội truyền thống với niềm hân hoan và sự cộng cảm cao độ được tổ chức hàng năm lại thắt chặt thêm mối quan hệ cộng đồng. Nhìn chung, các quan hệ cộng đồng như trên cùng đồng thời tồn tại, không mâu thuẫn mà nhiều khi lại bổ sung cho nhau cũng là chỗ dựa trong mọi mặt cuộc sống của từng cá nhân, từng gia đình. Hội lão giúp cho người già hoà nhập vào xã hội, không đơn lẻ. Hội mục đồng giúp cho trẻ em biết đoàn kết, yêu thương, biết giúp gia đình và làng xóm từ thuở nhỏ. Phường hội nghề nghiệp giúp nhau khi thiếu vốn, thiếu hàng. Dòng họ và xóm làng giúp cho người nông dân vượt qua những trở ngại khó khăn. *Cộng đồng là những điểm tựa của người Việt trong cuộc sống hàng ngày, trong hoà bình và cả trong chiến tranh.*

Trên thực tế thì tính cộng đồng vốn có nhiều yếu tố tích cực, song trong một số trường hợp do giải quyết thiếu hài hoà mối quan hệ giữa cộng đồng nhỏ với cộng đồng lớn nên đã làm nảy sinh tính địa phương, cục bộ trong xử lý cuộc sống cũng như trong quản lý hành chính.

Cũng cần phải thấy người Việt Nam không phải chỉ có tính cộng đồng mà còn có ý thức về "bản ngã" của mình. Từ xa xưa người Việt đã có câu tục ngữ "công ai nấy hưởng, tội ai nấy chịu". Người Việt rất coi trọng tài năng và nhân cách cá nhân. Có thể cho rằng, trong quá trình phát triển sau này của xã hội thì cái "bản ngã" sẽ ngày càng được khẳng định rõ trong cuộc sống.

Cổng làng quê / Village gate

Ảnh/Photo: Trần Thăng

INTEGRATED RELIGIOUS BELIEFS

The Vietnamese practise the cult of ancestors which some persons would ascribe to Chinese cultural influence. In fact, the cult of ancestors has existed for a long time among the inhabitants of Vietnam. Chinese cultural influence has only given more emphasis to it. A close look at the Chinese culture would show that the Chinese cult of their ancestors is governed solely by considerations of consanguinity, while the Vietnamese practise it mainly out of gratitude. Evidence of this can be seen on signboards in ancestors' worship houses of Vietnamese families, which usually carry phrases like "Gratitude for good deeds and ethics handed down to offsprings". In the Vietnamese genealogy books, opening phrases such as : "Water has its source, humans have their ancestors" are common. These all mean that one should not forget the source when one drinks water, and descendants must remember the merits of their ancestors who brought them up. Thus, the cult of ancestors among the Vietnamese is mainly predicated on gratitude.

A communal house exists in every village of Northern and Central Vietnam, but in Southern Vietnam there are fewer. The communal house is the place where the villagers gather to discuss their own problems and where

TÍN NGƯỠNG HOÀ NHẬP

Trước hết người Việt có đạo thờ cúng tổ tiên. Có người nói : đó là ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa. Sự thực thì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vốn đã có trong cư dân Việt Nam, ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa chỉ làm cho sâu đậm thêm. Nhưng nếu quan sát chi tiết thì thấy việc thờ cúng tổ tiên của người Hán là cái gì đương nhiên mang tính huyết thống, còn ở người Việt thì dường như có cách suy nghĩ riêng : đó là vì ơn nghĩa, và là để đền ơn đáp nghĩa. Trên bức đại tự của nhiều nhà thờ họ thường có câu "Ân đức lưu truyền" và trong nhiều gia phả các dòng họ Việt Nam thường có câu mở đầu "Nước có nguồn, người có tổ tiên ; do vậy, uống nước phải nhớ nguồn và con cháu phải luôn luôn nhớ công lao nuôi dạy của tổ tiên". Có thể cho rằng đạo thờ cúng tổ tiên của người Việt trước hết là ghi nhớ ơn nghĩa người xưa.

Mỗi một làng Việt đều có đình *thờ thành hoàng*. Ở vùng Nam Bộ thì số lượng đình ít hơn. Đình làng vốn là nơi dân tụ họp bàn bạc công việc và cũng là thờ các vị thành hoàng, thần tượng cao nhất của làng. Tục thờ thành hoàng ở làng và ngôi đình làng là điểm độc đáo của Việt Nam, nông thôn Trung Quốc và các nước chung quanh không có. Thần thành hoàng thờ trong các đình có thiên thần (các hiện tượng tự nhiên có liên quan đến nông nghiệp như mây, mưa, đất, nước...) và nhân thần (những người đã khuất nổi tiếng trong làng, trong nước). Phần lớn các nhân thần là những anh hùng dân tộc, là những người có công khai cơ lập ấp. Quốc tổ vua Hùng và nhiều anh hùng chống Tống, Nguyên, Minh, Thanh, là thành

Photo: History Musuem

Ảnh: Viện Bảo tàng Lịch sử

Tượng Phật bà Quan âm nghìn mắt nghìn tay

The statue of Buddha with thousand hands and thousand eyes

Ảnh/Photo: Văn Phúc

Mái chùa Tây Phương thanh thoát
The elegant roof of Tay Phuong pagoda

the village genie is worshiped. The cult of village genies and communal houses are a typical feature of Vietnamese rural areas. They are not found in China or in other neighbouring countries. The genies worshiped in communal houses comprise celestial deities (natural elements which have a bearing on agriculture such as clouds, rains, soil, water...). Human deities are usually famous persons or national heroes who made outstanding contributions to the country and village in their lifetime. They comprise the founders of the Hung Dynasty, the heroes and martyrs who distinguished themselves in the wars of resistance against the Sung, Yuan Mongolian, Ming and Qing aggressors. Recently, a number of heroes and martyrs in the anti-French and anti-American wars of resistance have been selected as additional deities to be worshiped in communal houses.

The Vietnamese also worship the deities of the Kitchen, the land, and even big banyan and fig trees. In North Vietnam, the cult of Mother Lieu Hanh and Princess Thuong Ngan is somewhat related to Taoism and remains popular to this day. In the first half of this century, two new religions came in to existence in South Vietnam : Cao Dai and Hoa Hao. In particular, the Cao Dai sect worship dozens of deities, Eastern and Western, ancient and contemporary : Sakyamuni, Jesus Christ, Confucius, Lao-Tze, Sun Yat-Sen and others.

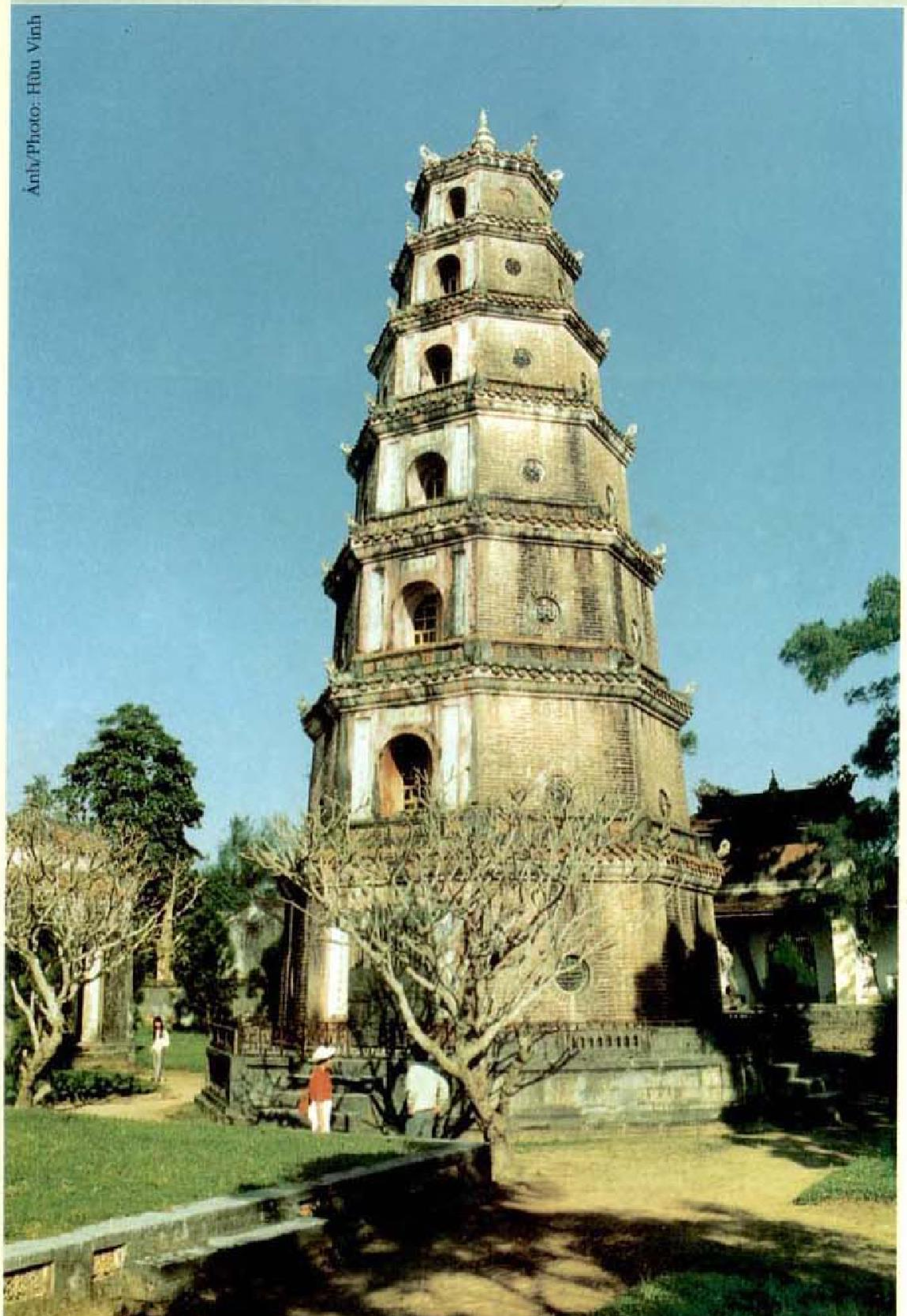
Ảnh/Photo: Hữu Vinh

hoàng. Gần đây một số anh hùng liệt sĩ đánh Pháp, đánh Mỹ cũng được nhân dân một số nơi đưa vào thờ thêm ở đình làng.

Ngoài ra, người Việt còn thờ các dạng thần như thần bếp, thần thổ công, kể cả các cây đa, cây đề to lớn cũng được cúng thờ. Ở miền Bắc, tục thờ mẫu Liễu Hạnh, chúa Thượng Ngàn có phần mang màu sắc Đạo giáo còn phổ biến cho đến ngày nay. Vào nửa đầu thế kỷ này ở Nam Bộ còn có Cao Đài và Hoà Hảo ra đời. Đạo Cao Đài thờ nhiều thần : có Thích ca, Giêsu, Khổng Tử, Tôn Trung Sơn... tất cả đến hơn chục vị, khắp đông tây kim cổ.

Nói đến tín ngưỡng Việt Nam, phải nói đến Phật giáo và Công giáo. Phật giáo ở đây là Thiền Tông nhập thế, có ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian.

Như vậy, người Việt có tín ngưỡng đa thần (trừ Công giáo). Thần của người Việt không ở cao xa như một "lý trí tuyệt đối" siêu nhiên như Chúa Giêsu, như Thánh Ala hoặc như Phật Như Lai. Thần

Tháp chùa Linh Mụ cổ kính
The Tower of ancient Linh Mu Pagoda

The main religions in Vietnam are Buddhism and Christianity. The Dzen Buddhist sect has widespread and deep influence among the population.

Thus, except for Christianity, most Vietnamese adopt polytheism. They do not worship deities who embody "absolute reason" and are supernatural like Jesus Christ, Allah or Sakyamuni, or who are the Creator and the Saviour of mankind. The deities of the Vietnamese "live" close to humans and perform the task of "protecting the country and the people" assigned by the royal edicts. The Vietnamese worship their deities for the sake of their immediate life, not in the hope of having their souls saved or being able to stay near God after death. They worship deities, including Buddha, for the sake of their present and not future life, for affirming and not evading the reality.

The Vietnamese are not religiously fanatic. Various religions and religious beliefs, and various relationships (family, family group, village, commune and the state) integrate with and complement one another. One single person, one single family may engage simultaneously in the cult of ancestors, of the village genie, of Buddha and Confucius. Such a mixture is an indication of the preference for religious integration and realism of the ancient and contemporary Vietnamese society.

của người Việt cũng không phải là "Chúa sáng thế" hay "Chúa cứu thế" sinh ra loài người và cứu vớt loài người. Thần của người Việt "sống" bên cạnh con người, làm nhiệm vụ "hộ quốc, bảo dân", như sắc thần của triều đình ban xuống. Người ta thờ thần trước hết vì cuộc sống trước mắt chứ không phải để cứu vớt linh hồn lên với chúa trời. Người ta thờ thần và cả thờ Phật trước hết là vì hiện thế chứ không phải vì lai thế, không phải để trốn tránh hiện thực mà khẳng định hiện thực.

Người Việt Nam không cuồng tín tôn giáo. Các thứ lớp tôn giáo và tín ngưỡng, gia đình, dòng họ, làng xã và quốc gia hoà hợp nhau, bổ sung cho nhau. Thậm chí trong một con người, trong một gia đình đều có thờ tổ tiên, thành hoàng, cả Phật, Khổng Tử. Sự hỗn hợp này là đặc điểm rất lớn, thể hiện sự hoà nhập tôn giáo và tính hiện thực của tín ngưỡng tôn giáo người Việt xưa và nay.

Ảnh/Photo: Đức Huy

Nhà thờ Đức Bà
Virgin Mary Cathedral

MIDDLE COURSE MENTALITY AND OPEN-MINDEDNESS

It is inappropriate to separate Vietnamese thoughts from religious beliefs and religions. The Vietnamese are deeply influenced by Confucianism due to a long period of Confucian learning and civil service examinations. The Vietnamese follow the teachings of Dzen Buddhism which is characterized by compassion, kindness and realism. They also believe in many concepts of Taoism. These were Chinese ideologies and religions which came to Vietnam during the A.D. period. Confucianism induces the people to abide by the existing social order. Buddhism comforts humans and endeavours to "save" them from "the sea of sufferings", while Taoism provides them with dreams about flying away from the world. The coexistence of these three ideologies and religions shows that the Vietnamese are not obstinate, but open-minded and tolerant. From the Ly to the end of the Nguyen Dynasty, Vietnamese society was organized along the lines of Confucianism, yet virtually all villages had Buddhist pagodas. The flexible

TƯ DUY TRUNG HOÀ VÀ MỞ RỘNG

Khi xét về tư tưởng của con người Việt Nam không nên tách biệt với tín ngưỡng và tôn giáo. Người Việt chịu ảnh hưởng của Nho giáo khá sâu đậm qua giáo dục và thi cử Nho học hàng ngàn năm, đồng thời người Việt cũng theo Phật giáo Thiền tông, từ bi nhân hậu mà rất hiện thực. Người Việt cũng có nhiều yếu tố Đạo giáo. Đó là những hệ tư tưởng và tôn giáo từ Trung Quốc truyền nhập vào các thế kỷ sau công nguyên. Nho giáo ràng buộc con người vào trật tự xã hội, Phật giáo lại an ủi "giải thoát" cá nhân khỏi "bể khổ trầm luân" và Đạo giáo lại tạo ra một ước mơ bay bổng cho cuộc đời. Cả ba hệ tư tưởng và tín ngưỡng trên dung hoà, thể hiện tư duy người Việt không cố chấp, mà ngược lại, rất cởi mở, bao dung. Từ thời Lý đến cuối thời Nguyễn, người Việt đã sử dụng Nho giáo để tổ chức xã hội, nhưng hầu như làng quê nào cũng có chùa của Phật giáo. Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo vẫn cùng nhau tồn tại làm cho tư duy của người Việt linh hoạt.

Bão tố, lụt ngập, nắng hạn, thường xuyên đe dọa cuộc sống con người ; điều này khiến cho người Việt bao giờ cũng mong muốn có cuộc sống

Một buổi hành lễ ở Tòa Thánh Tây Ninh / A Ritual ceremony in Tay Ninh Catherdral

Nhà thờ Phát Diệm / Phat Diem church

ổn định, hoà nhập vào thiên nhiên, vào xã hội. Dân tộc Việt Nam luôn luôn trải qua nhiều thử thách và sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách để bảo vệ cuộc sống của mình, nhưng người Việt không muốn tạo ra sự thử thách, không thích mạo hiểm. Đề tài phổ biến trong văn học và nghệ thuật là những ước mơ về gia đình, tình yêu. Những bức tranh tứ bình, tứ quý, thủy mặc vẽ cảnh thiên nhiên êm dịu, gần gũi mà sâu lắng. Thiên nhiên trong tranh Việt Nam không phải là bão tố dữ dằn đối lập với con người, xô đẩy con người ; xã hội trong văn học Việt Nam truyền thống được khuôn lại trong khung cảnh gia đình, họ hàng và làng quê nhỏ hẹp mà nhân hậu.

Do những hạn chế của điều kiện lịch sử, chế độ "chia đều" ruộng đất công của làng xã cho các thành viên và sự duy trì lâu dài nền sản xuất gia đình tiểu nông tự túc tự cấp khiến cho *tâm lý bình quân* trở thành tâm lý phổ biến. Tinh thần cộng đồng sâu sắc và ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo đã tạo ra nếp tư duy *trung hoà* hạn chế cạnh tranh. Nếp tư duy ấy đã khiến cho cuộc sống của người Việt luôn biết cách kết hợp các yếu tố cá nhân, xã hội và thiên nhiên để có những hành vi ứng xử cân bằng, hài hoà. Tục ngữ Việt Nam có câu "Một sự nhịn là chín sự lành", là tiêu biểu cho sự trung hoà này.

thinking of the Vietnamese is the result of the co-existence of Buddhism, Confucianism and Taoism.

The influx of Western ideologies, sciences and techniques in the 20th century had strong impact on Vietnam. It has brought about, among other things, the movement of "new poems" which ushered in a new era in the Vietnamese poetry and which, from the perspectives of philosophy, was indeed the new thinking in the Vietnamese poetry.

History and geography have compelled the Vietnamese to closely link national construction with national defense. Foreign aggressions have given Vietnam no other choices but to fight stronger and bigger enemy forces with their weaker and smaller force. The Vietnamese have, in the course of history, worked out a creative military thinking which has found expression in such formulas as "to use a smaller force to defeat a bigger enemy", "unity is a strong rampart" (Tran Quoc Tuan), "to use justice to win over cruelty, to rely on the people to defeat the enemy" (Nguyen Trai).

The Vietnamese are frequently threatened by the recurring typhoons and storms, floods and drought. As a result they always, long for a

Người Việt rất coi trọng học thức. Trước đây, kẻ sĩ được xếp hàng đầu trong các tầng lớp xã hội. Kinh đô Thăng Long có Văn Miếu dựng 82 văn bia tiến sĩ thời Lê, làng xã có bia đá khắc tên những người trong quê có học vị khoa cử. Tri thức cao có giá trị xã hội lớn, thậm chí còn được tôn thờ. Ở Việt Nam có nhiều làng được gọi là "làng học", khoảng mấy trăm năm lại đây hầu như khoa thi nào cũng có người đỗ đạt cao. Đó là những làng Quỳnh Đôi (Nghệ An), Hành Thiện (Nam Hà), Mộ Trạch (Hải Hưng), Cổ Am (Hải Phòng), Đông Ngạc (Hà Nội) và rất nhiều làng khác, huyện, tỉnh nào cũng có. Đến ngày nay, phong trào giáo dục của những làng này vẫn khá cao, cung cấp cho đất nước nhiều nhà khoa học và quản lý xã hội.

Có người nói tâm lý làng xã là "đóng kín". Có phần như vậy, nhưng tâm lý ấy chỉ thể hiện trên một số mặt. Còn nhìn chung, phương pháp tư duy của người Việt Nam từ kẻ sĩ đến bình dân phần lớn là cởi mở, dễ dàng chấp nhận những yếu tố bên ngoài phù hợp với mình. Dân gian vẫn thường nói "đi một ngày đàng học một sàng khôn", "đi cho biết đó biết đây, ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn".

Chính kiểu tín ngưỡng đa thần, không cuồng tín mà lại dung hợp và hiện thực cùng với việc tôn trọng trí thức, ham học hỏi đã tạo nên một phương pháp tư duy mở thoáng dễ hoà nhập vào thế giới bên ngoài. Nói như vậy không phải không có một số hiện tượng bảo thủ để lại những tác hại lịch sử không nhỏ, chẳng hạn như tư tưởng độc tôn Nho giáo ở thời Nguyễn (giữa thế kỷ XIX), nhưng điều này chủ yếu thể hiện trong tập đoàn thống trị và cũng chỉ tồn tại ở một số thời kỳ nhất định.

Những tính cách tốt đẹp của con người Việt Nam truyền thống đã hình thành và trải qua thử thách trong trường kỳ lịch sử, một lần nữa, được kế thừa, phát huy, nâng cao và phát triển trong kỷ nguyên mới, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, trào lưu tiến hóa của nhân loại.

stable life and an integration between nature and human society. As a nation, Vietnam has gone through numerous trials and are ready to cope with all challenges to preserve its existence. However, the Vietnamese people are not inclined to undertake adventurism. This has gone into the themes of Vietnamese arts and literature full of yearnings and hopes for the family and love. The Vietnamese classical paintings - the 4 screens, the 4 seasons, Chinese black ink paintings - usually depict beautiful and quiet nature as close to humans. They never show fierce storms which challenge and overwhelm humans. In the Vietnamese traditional literature, society is usually confined to the context of the family and the village. The scope is narrow yet full of kindness.

Historical limitations, the system of dividing communal land into "equal shares" among the villagers and the self-sufficient family-based and small-scaled agricultural production system have created *egalitarianism* as a widespread mentality. Furthermore, the deep community spirit and the influence of Confucianism have fostered the *middle course* thinking which discourages competition but enables the Vietnamese to combine individual, social and natural elements and adopt a balanced and harmonious pattern of behaviour which finds reflected in this saying : "One gesture of forbearance gives you nine good things".

The Vietnamese highly value education and learning. In the feudal society, scholars and students were placed at the top rank in the social hierarchy. The Temple of Literature in the country's ancient capital, Thang Long, Hanoi nowadays, contains 82 stone slabs recording 82 scholars of the Le Dynasty. Stone slabs were also erected in their native villages. Great scholars were highly respected and even worshiped. Many villages were called "scholar villages" because during the last few centuries many of their members successfully passed the royal civil service examinations. That is the case of Quynh Doi (Nghe An), Hanh Thien (Nam Ha), Mo Trach (Hai Hung), Co Am (Hai Phong), Dong Ngac (Hanoi) and others. In recent years, the performance of these villages in the field of education has remained quite high. A good number of their offsprings have succeeded as scientists and officials.

Some people believe that rural areas are a "closed" society. This is only partly true and applicable to a number of fields. In general, most Vietnamese, from scholars to the common men, are open - minded and receptive to intellectual wisdom from the outside. This is reflected in the popular sayings : "A day of travel gives you a basket of wisdom", "travel and learn, as staying home with mother will not give adequate wisdom".

Polytheism, absence of fanaticism, a conciliatory attitude, realism, respect for knowledge and eagerness to

learn... have indeed created an intellectual approach characterized by open-mindedness, easy integration with the outside world. Conservative attitudes as a result of the dominance of Confucianism did produce harmful consequences in Vietnam's history. This was obvious during the Nguyen Dynasty (in mid-19th century), and mainly with the ruling circles and lasted for a short period of time.

The fine qualities of the Vietnamese people which have taken shape and have been tested in the course of a long history should be maintained and promoted in the new period of development.

· Bia tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám
Stelas to Ancient Scholars in the Temple of Literature (Van Mieu - Quoc Tu Giam)

Ảnh/Photo: Văn Phúc

Hội trường Ba Đình / The Ba Dinh Conference Hall

50 NĂM

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ VẺ VANG

50 YEARS

A GLORIOUS HISTORICAL STAGE

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Cách đây đúng 50 năm, cùng với chiến thắng của các nước đồng minh đánh tan chủ nghĩa phát xít đã gây nên cuộc thế chiến lần thứ II đẫm máu, nhân dân Việt Nam đã nhất tề vùng lên đánh đổ ách thống trị của phát xít Nhật, làm cuộc Cách mạng tháng Tám thành công. Chỉ trong vòng hai tuần lễ, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã diễn ra trên khắp cả ba miền đất nước Việt Nam. Ngày 19 tháng Tám năm 1945, cả Thủ đô Hà Nội nổi dậy, chính quyền cách mạng được thành lập. Đây là ngày đã được ghi vào lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam như một trong những mốc son chói lọi nhất.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là kết quả đấu tranh lâu dài của nhân dân Việt Nam chống chủ nghĩa đế quốc thực dân, phát huy cao nhất truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đã được hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử. Từ khi những phát đại bác đầu tiên của các chiến hạm Pháp bắn vào Đà Nẵng năm 1858 mở đầu cho sự xâm lược của thực dân Pháp vào Việt Nam, từ Hiệp ước Patenôtre năm 1884 mà triều đình phong kiến Việt Nam phải thừa nhận sự thống trị của Pháp trên một xứ sở cách xa nước Pháp hàng vạn cây số, nhân dân Việt Nam đã liên tiếp nổi dậy chống thực dân đế quốc. Khi đất nước đã trở thành thuộc địa thì thân phận nô lệ chẳng chừa một ai. Vì vậy phong trào yêu nước đã lôi cuốn các tầng lớp nhân dân rộng lớn, từ miền Bắc đến miền Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, từ các bậc sĩ phu quan lại chốn cung đình, kẻ chợ, đến những người cùng đinh nơi thôn dã, ngày càng tham gia đông đảo vào cuộc đấu tranh chống sưu cao thuế nặng, chống thuốc phiện rượu cồn, chống bắt lính bắt phu, chống sự đầy đọa trong đau khổ, đói nghèo, ngu dốt tối tăm, chống sự đàn áp tàn bạo mà chủ nghĩa thực dân - đế quốc đã dành cho họ. Có những phong trào đã diễn ra cùng một lúc trong nhiều địa phương và kéo dài trong nhiều năm, như phong trào Văn thân nghĩa sĩ chống Pháp ở miền Nam (1860-1870), phong trào Cần vương ở miền Trung (1885-1896). Ở miền Bắc thì nổi bật nhất là phong trào nghĩa quân Yên Thế (1885-1913), nghĩa quân Bãi Sậy (1885-1889). Các phong trào Đông Du (1904-1908), Duy Tân (1906-1908), Đông Kinh nghĩa thục (1907) cũng như hàng loạt các cuộc nổi dậy chống thuế, chống đi phu, đánh đồn, phá ngục đã liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ này. Nhưng vì không có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, tất cả các cuộc nổi dậy đã bị chính quyền thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, tất cả các phong trào chống thực dân - đế quốc đều bị thất bại. Không biết bao nhiêu người Việt Nam yêu nước đã bị bắn giết, giam cầm, tù tội hay bị lưu đày biệt xứ. Cả đất nước Việt Nam như bị chìm trong đêm tối, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam như không có đường ra.

Hồ Chí Minh đã xuất hiện đúng lúc cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam đang đòi hỏi. Với tấm lòng yêu nước nồng nàn và tình thương yêu bao la đối với đồng bào cùng khổ, với truyền thống quật cường của dân tộc và tư duy độc lập vượt qua mọi lối mòn của những người đi trước, Hồ Chí

The August Revolution

AND THE BIRTH OF THE DEMOCRATIC REPUBLIC OF VIETNAM

Fifty years ago, along with the Allied Powers' victory over fascism in the Second World War, the Vietnamese people rose up in arms to overthrow the Japanese fascist rule and brought the August Revolution to success. Within only two weeks, the General Uprising had triumphed all over Vietnam. On August 19, 1945, the revolutionary power was established in Hanoi. The date is recorded as one of the most brilliant milestones in the history of the Vietnamese people's liberation struggle.

The August 1945 Revolution in Vietnam was the result of a long struggle waged by the Vietnamese people against imperialism and colonialism, bringing into full play the Vietnamese nation's patriotic tradition in the struggle against foreign aggression which had taken shape through thousands of years of history. Since the shelling of Da Nang by French gunboats in 1858 marking the start of the French colonialists' invasion of Vietnam and the signing of the 1884 Patenotre Treaty, under which the Vietnamese feudal Court had to recognize the French rule over the land thousands of miles away from France, the Vietnamese people had staged repeated struggles against colonialists and imperialists. The country having become a colony, nobody was spared the status of slave. Therefore, patriotic movement involved broad social strata from north to south, from the plains to the mountains, from Court dignitaries to rural pariahs. More and more people joined the struggles against heavy taxation, the forcible use of opium and alcohol, the forcible recruitment of soldiers and coolies, against sufferings, misery, ignorance and brutal repression by colonialism and imperialism. Many movements broke out simultaneously in various areas and lasted for many years, such as, the anti-French Movement of scholars in the South (1860 - 1870), the Can Vuong (royalist) movement in the Centre (1885 - 1896). In the North, the most outstanding were the Yen The (1885 - 1913), Bai Say (1885 - 1889), Dong Du (1904 -

Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào
Hong Thai Communal house, Tan Trao Banyan tree

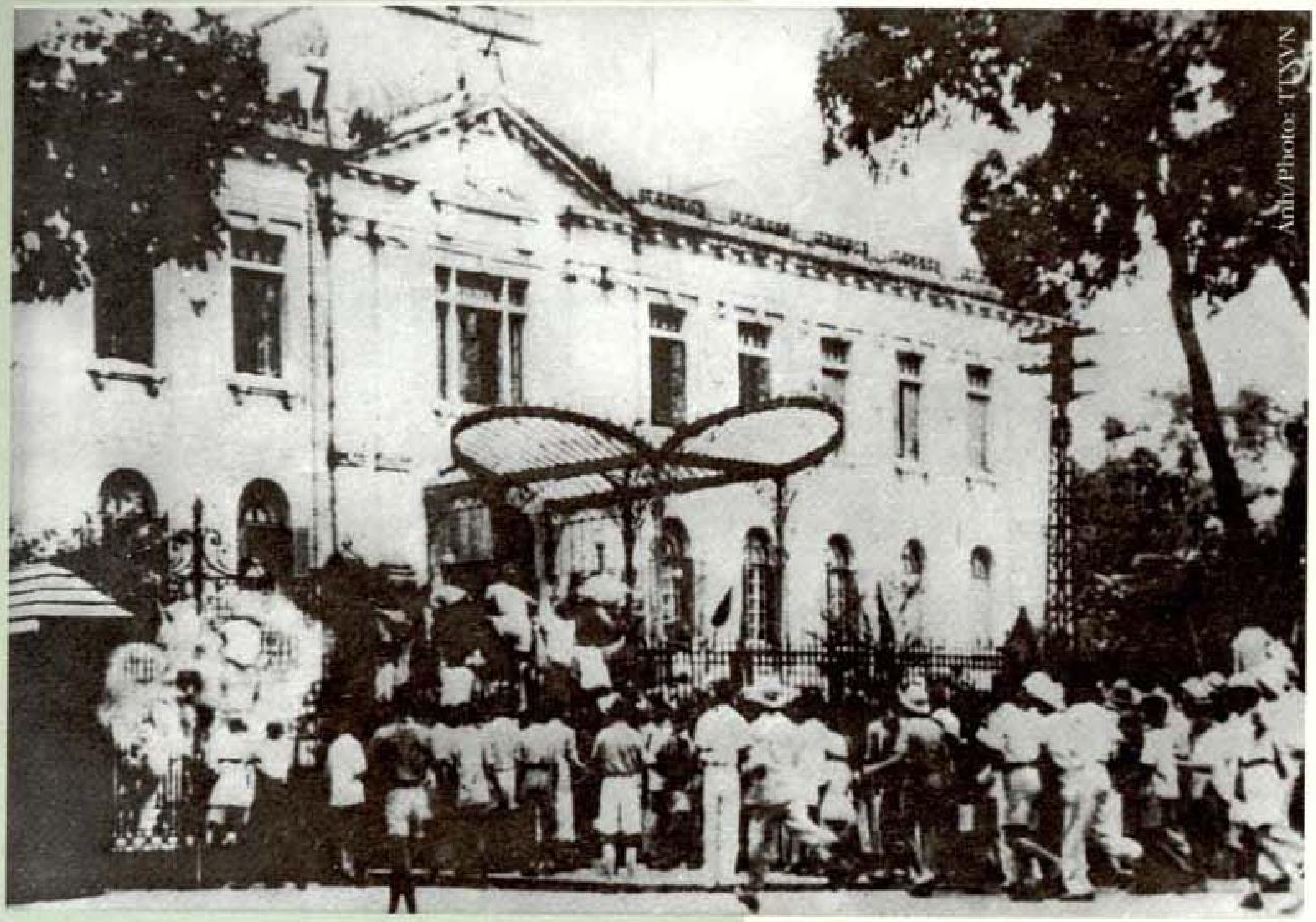

Tháng Tám sôi sục cách mạng ở thủ đô Hà Nội / The seething August of 1945 in Hanoi

1908), Duy Tan (1906 - 1908) and Dong Kinh nghia thuc (1907) movements. A host of uprisings against taxation and the recruitment of coolies, attacks against enemy posts, destructions of prisons successively broke out in various places during the first two decades of the century. In the absence of correct revolutionary lines and methods, all the uprisings were mercilessly suppressed by the French administration. All the anti-colonial movements encountered defeat. Countless Vietnamese patriots were killed, jailed or exiled. Vietnam was plunged into darkness and the Vietnamese people's struggle seemed driven to a dead end.

Ho Chi Minh emerged as the right man at the right time for the struggle of the Vietnamese. With his ardent patriotism and immense love for his poor countrymen, with the indomitable tradition of the nation deep-rooted in him and his independent thinking he did not follow the beaten track of his predecessors, and went abroad to discover the way for the benefit of his people. Throughout ten years of his active commitment in the workers' and national liberation movements, he visited Asia, Europe, Africa and America, studied the situation in the capitalist and imperialist countries and studied the revolutions in the United States, France, Russia and China. Eventually, he found the way for the Vietnamese national liberation. *That was to associate national independence with socialism, the Vietnamese revolution*

Minh đã từ Việt Nam đi ra thế giới để xem các nước làm ăn ra sao rồi trở về cứu giúp đồng bào mình. Suốt 10 năm lăn lộn trong phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc, Người đã đi qua cả 4 châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ, tìm hiểu tình hình các nước thuộc địa cũng như các nước tư bản - đế quốc; nghiên cứu các cuộc cách mạng Mỹ, Pháp, Nga, Trung Quốc; cuối cùng đã tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Đó là con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, gắn dân tộc Việt Nam với thời đại mà nhân loại đã bước vào, nhằm đấu tranh cho những mục tiêu cao cả nhất là hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Con đường ấy đã được phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam tiếp nhận từ giữa những năm 20 của thế kỷ này. Nó đã trở thành đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng cách mạng chân chính do Hồ Chí Minh sáng lập vào năm 1930. Từ đó trở đi, Hồ Chí Minh đã trở thành lãnh tụ của Đảng, rồi của cả dân tộc. Đảng do Người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo đã thực sự đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, trở thành lực lượng chính trị tiên phong duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Những cao trào cách mạng 1930 - 1931 và 1936 - 1939 diễn ra đã làm rung chuyển cả chế độ thuộc địa, đã thực sự là những bước chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám về sau này.

Bước vào những năm 40, khi tình hình thế giới và Việt Nam đã biến đổi nhanh chóng, và Hồ Chí Minh sau đúng 30 năm bôn ba ở nước ngoài đã trở về Tổ quốc để cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thì một cao trào cách mạng mới đã dâng lên chưa từng thấy trên cả nước Việt Nam. Dưới ngọn cờ của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam từ năm 1941 đã đứng về phía đồng minh chống phát xít, đã trực tiếp có mối liên

hệ với phe đồng minh ở phía nam Trung Quốc, đã tổ chức và phát triển lực lượng rất nhanh chóng và đã giành được thắng lợi quyết định khi thời cơ đến. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một sự phối hợp hiếm thấy giữa cuộc đấu tranh của một dân tộc thuộc địa với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống phát xít, đặc biệt là với cuộc tiến công của phe đồng minh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít để kết thúc cuộc thế chiến lần thứ II.

Cách mạng tháng Tám trước hết là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì nó đã kết thúc chế độ thuộc địa trên 80 năm của thực dân Pháp và chế độ bóc lột cực kỳ tàn bạo mà phát xít Nhật đã áp đặt từ năm 1940 đến năm 1945 trên đất nước này. Bằng cuộc Cách mạng tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã chấm dứt cuộc đời nô lệ, đã đưa hai chữ *Việt Nam* trở lại trên bản đồ thế giới mà chủ nghĩa thực dân, phát xít đã xóa bỏ suốt gần một thế kỷ. Đây thực sự là một cuộc cách mạng của dân tộc Việt Nam với một quá trình huy động lực lượng của toàn dân để tiến hành khởi nghĩa từng nơi, từng phần và đi đến đỉnh cao thắng lợi bằng cuộc Tổng khởi nghĩa toàn dân, toàn quốc vào tháng Tám năm 1945.

Cách mạng tháng Tám còn là cuộc *cách mạng dân chủ nhân dân*, vì nó còn làm nhiệm vụ xóa bỏ chế độ phong kiến đã được thiết lập suốt mấy chục thế kỷ trên đất nước này, nhằm đem lại ruộng đất cho dân cày, dân chủ cho nhân dân. Tổng hợp cả hai nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến, Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được gọi là cuộc *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*. Chính những mục tiêu dân tộc và dân chủ đã lôi cuốn các tầng lớp nhân dân Việt Nam, trước hết là công nông và mọi người lao động chân tay cũng như trí óc tham gia cách mạng, tạo nên lực lượng vô cùng to lớn để đưa cách mạng đến thắng lợi. Nhưng nhiệm vụ phản đế

Chủ tịch Hồ Chí Minh với bản Tuyên ngôn Độc lập nổi tiếng ngày 2-9-1945
President Ho Chi Minh reading the well-known Declaration of Independence on September 2nd, 1945

with the world revolution, the Vietnamese nation with the loftiest objectives or the epoch : peace, independence, democracy and social progress of mankind. This way had been accepted by the workers' and the patriotic movements in Vietnam since the mid-1920's. It served as the line of the Communist Party of Vietnam - the genuine revolutionary party founded by Ho Chi Minh in 1930. Since then, Ho Chi Minh became the leader of the Party, then of the whole nation. The Party founded, tempered and led by him truly represented the interests of the working class, the labouring people and the whole nation. It became the sole vanguard political force leading the Vietnamese revolution. The high tides of the revolution in 1930 - 1931 and 1936 - 1939 really shook the colonial regime and were, as a matter of fact, the preparatory steps for the August Revolution.

In the 1940's, situations in Vietnam and in the world witnessed rapid changes. Ho Chi Minh, after 30 years of wandering overseas, returned home to join the Party's Central Committee in giving direct leadership to the Vietnamese revolution. An unprecedented revolutionary high tide surged up in the whole of Vietnam. Under Ho Chi Minh's banner, the Vietnamese revolution since 1941 *had stood on the side of the Allied Powers to oppose fascism* ; it had established direct ties with the Allied Powers in Southern China, organized and developed forces very rapidly, and won a

đã được đặt lên hàng đầu để tập trung lực lượng của cả dân tộc Việt Nam nhằm đánh đổ chế độ thực dân phát xít, còn nhiệm vụ phản phong kiến, thực hiện dân chủ lại được rải ra để làm sau khi chính quyền cách mạng đã được thành lập.

Cách mạng tháng Tám là một bước ngoặt lịch sử, đã *mở ra một thời đại mới ở Việt Nam,* thời đại nhân dân Việt Nam làm chủ vận mệnh của đất nước và của chính bản thân mình. Đó là thời đại mang tên người con vĩ đại của dân tộc, từ người đi tìm đường cứu nước đã trở thành người dẫn đường cho dân tộc giành được thắng lợi - *thời đại Hồ Chí Minh quang vinh.* Từ Cách mạng tháng Tám, những tiếng Việt Nam - Hồ Chí Minh đã gắn liền với nhau và trở thành quen thuộc với cả thế giới.

Chỉ hai tuần sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đã long trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập và tuyên bố với toàn thế giới về *sự ra đời của nước Việt Nam mới - nước Việt*

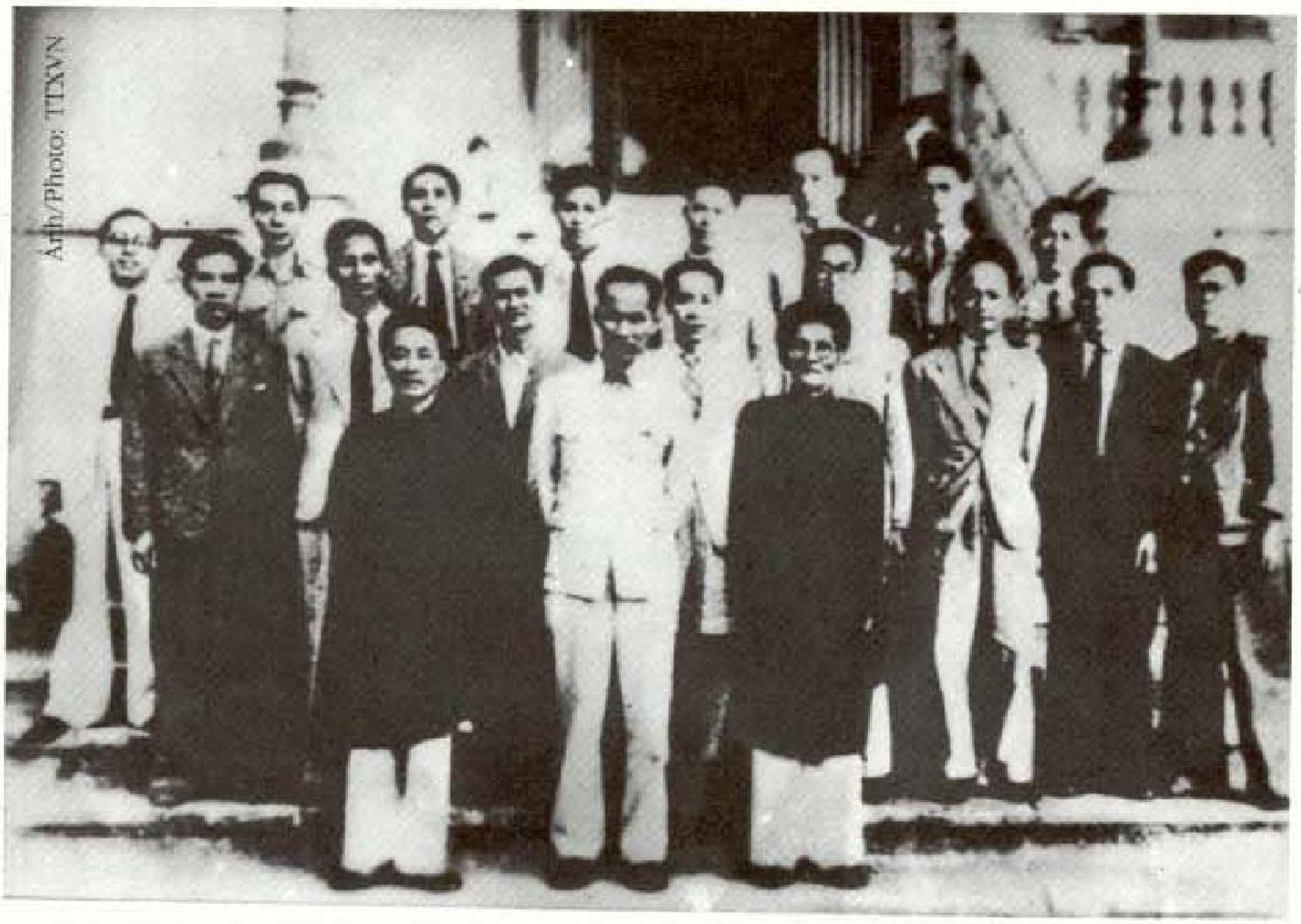

Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Quốc hội khóa I bầu ra, tháng 11-1946
The Government of Democratic Republic of Vietnam, elected by the first National Assembly, November 1946

decisive victory when the opportunity presented itself. The August 1945 Revolution in Vietnam was a rare coordination of the struggle of a colonial country and that of the world's peoples against fascism, especially with the offensive of the Allied Powers to eradicate fascism and bring World War II to an end.

The August Revolution was, above all, *a national liberation revolution* because it put an end to the 80-year-old colonial regime of the French colonialists and the ruthless exploitation imposed by the Japanese fascists on this land from 1940 to 1945. With the August Revolution, the Vietnamese people ended their life of slavery, brought back to the world map the word *Vietnam* which had been obliterated for nearly a century. This was indeed a revolution of the Vietnamese nation with the total mobilization of all the forces of the people in partial uprisings, which culminated in the success of the General Uprising in August 1945.

The August Revolution was also *a people's democratic revolution* because it ruled out the millenary feudal regime in Vietnam for land distribution to peasants and democracy to people. With the anti-imperialist and anti-feudal tasks combined, the August 1945 Revolution in Vietnam was referred to as *a people's national, democratic revolution.* It was the national and democratic objectives of the revolution that had involved all the Vietnamese social strata, and in the first place, workers, peasants , labourers and intellectuals, thus creating a driving force leading the revolution to success. Nevertheless, the anti-imperialist task was set as the main objective to rally forces of the entire Vietnamese nation for the overthrow of the colonialist-fascist regime, whereas the task of fighting feudalism and exercising democracy was to be gradually carried out after the establishment of the revolutionary power.

The August Revolution was, no doubt, a historic turning point *which ushered in a new epoch in*

Nam độc lập, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Đại biểu cho cả dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định những tư tưởng về quyền con người đã được ghi trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ và bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1789 là những "tư tưởng bất hủ", những "lẽ phải không ai chối cãi được". Nhưng dân tộc có được độc lập thì con người mới có thể có tự do, hạnh phúc ; không thể có được quyền con người khi quyền độc lập của dân tộc bị chà đạp. Con người ở đây phải là mọi người, trước hết là những người lao động bị áp bức bóc lột chiếm tuyệt đại bộ phận trong nhân dân Việt Nam. Độc lập, Tự do, Hạnh phúc - những nội dung ấy được Hồ Chí Minh nêu lên đã *gắn bó quyền của dân tộc với quyền con người.* Đó cũng là tư tưởng bất hủ mà Hồ Chí Minh đã đặt ra với cả thế giới, khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời và đứng vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thực sự là một *mũi đột phá vào khâu yếu nhất của chủ nghĩa thực dân, là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc giành được thắng lợi đầu tiên ở thế kỷ XX,* với tinh thần "đem sức ta mà giải phóng cho ta", như Hồ Chí Minh đã xác định ngay từ những năm 20, khi tìm thấy con đường đi lên của cách mạng Việt Nam. Cùng với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, là một đóng góp có ý nghĩa lịch sử của dân tộc Việt Nam vào việc mở ra một *thời đại thắng lợi của độc lập dân tộc* đối với phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ chúng ta.

Nhưng, Cách mạng tháng Tám năm 1945 không phải là sự kết thúc, mà mới chỉ là sự mở đầu cho thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ sau tháng Tám năm 1945 đã chứng thực điều đó. Nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam do Người đứng đầu, đã buộc phải liên tục chiến đấu chống thù trong giặc ngoài suốt 30 năm liền, vượt qua muôn trùng hiểm nguy, có khi như "ngàn cân treo sợi tóc" để bảo vệ nền độc lập mới giành được, bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ, để giành thắng lợi từng bước và đi đến thắng lợi cuối cùng. Phải 9 năm sau Cách mạng tháng Tám, với thắng lợi Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc Việt Nam mới được giải phóng. Nhân dân Việt Nam lại phải đi tiếp một chặng đường dài trên 20 năm nữa mới giải phóng được miền Nam với chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, mới hoàn thành được sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Cuộc chiến đấu lâu dài của nhân dân Việt Nam, theo tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của Hồ Chí Minh, đã góp phần quan trọng vào việc làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mở đầu cho sự thất bại của chủ nghĩa thực dân mới trong thế kỷ XX này. Cùng với cuộc chiến đấu thắng lợi của Việt

Vietnam, the epoch in which the Vietnamese people restored the mastership of themselves and of their country.

This was the epoch named after the great son and path-finder of the nation, who eventually led the nation to success - *the glorious epoch of Ho Chi Minh.* The names of Vietnam and Ho Chi Minh have become closely associated and well-known to the whole world, since the August Revolution.

On September 2, 1945, two weeks after the victory of the August Revolution, Ho Chi Minh solemnly read the Declaration of Independence and proclaimed to the whole world *the birth of the new, independent Vietnam - the Democratic Republic of Vietnam.* On behalf of the entire Vietnamese nation, he asserted the thoughts of human rights which had been mentioned in the 1776 Declaration of Independence of the United States and the 1789 Declaration of the French Revolution on Human and Civil Rights as "immortal thoughts", and "indisputable truths". But no man can enjoy freedom and happiness without the independence of his country ; no human rights can exist when the independence of the nation is trampled upon. "Man" here must mean all people, and in the first place, the oppressed and exploited labouring people who made up the overwhelming majority of the Vietnamese nation. Independence, freedom, happiness - goals set by Ho Chi Minh *have linked the rights of the nation to those of man.* These are also the immortal ideas that Ho Chi Minh presented to the whole world when the Democratic Republic of Vietnam was born and ranked among the vanguard nations struggling for national, social and human liberation.

The August 1945 Revolution in Vietnam was obviously *a breakthrough in the weakest link of colonialism, the first national liberation revolution to gain victory in the 20th century* in the spirit of "liberating oneself with one's own power", as Ho Chi Minh put it in the early 20's when he found out the

Nam, phong trào giải phóng dân tộc đã phát triển mạnh mẽ và rộng khắp. Chính vì vậy, đến năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã phải tuyên bố lên án và đòi phải xoá bỏ chủ nghĩa thực dân. Từ đó đến nay, bằng những hình thức đấu tranh khác nhau, hàng trăm nước thuộc địa đã trở thành những nước độc lập dân tộc. Dù cho mức độ độc lập không giống nhau và việc củng cố nền độc lập còn rất khó khăn phức tạp, nhưng ý thức về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia đã được nâng cao chưa từng thấy ở các nước vốn là thuộc địa và phụ thuộc. Chủ nghĩa thực dân dù dưới hình thức nào cũng không bao giờ còn được thế giới chấp nhận.

Độc lập dân tộc phải gắn với và dẫn đến tự do hạnh phúc cho nhân dân, cho mỗi con người. "Nếu nước được độc lập mà nhân dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có lý gì", tư tưởng đó của Hồ Chí Minh đã tìm thấy lời giải đáp trong chủ nghĩa xã hội, một chủ nghĩa xã hội đích thực có khả năng giải quyết triệt để vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Chính vì vậy, Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhưng lại mở đường để Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội khi những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã cơ bản hoàn thành. Trong khi còn phải chống ngoại xâm để bảo vệ độc lập dân tộc và giành lại nền độc lập trọn vẹn, vấn đề chủ nghĩa xã hội mới chỉ được đặt ra trong một chừng mực rất hạn chế ở miền Bắc Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội chỉ trở thành vấn đề chung của cả nước Việt Nam sau khi miền Nam đã được giải phóng và việc thống nhất nước Việt Nam đã được thực hiện.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - đó là ngọn cờ đã đưa Cách mạng tháng Tám năm 1945 của Việt Nam đến thành công, đưa các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đến thắng lợi. Ngọn cờ đó đang dẫn dắt sự nghiệp đổi mới hiện nay của Việt Nam đi đến mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, với tinh thần Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra một thời đại mới ở Việt Nam. Thời đại ấy đã ghi thêm những mốc son mới trong sự nghiệp chiến đấu và xây dựng của nhân dân Việt Nam trong nửa thế kỷ vừa qua. Tinh thần Cách mạng tháng Tám vẫn sống mãi với dân tộc Việt Nam trong những năm còn lại của thế kỷ XX, để bước vào thế kỷ XXI với những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Hoa đào Cao Bằng / The peach blossoms in Cao Bang

Ảnh/Photo: Lê Vượng

way for the Vietnamese revolution. Along with the victory of the August Revolution, the birth of the Democratic Republic of Vietnam, the first people's democratic State in Southeast Asia, was a contribution of historic significance made by the Vietnamese nation to the opening of *a successful epoch of the national liberation movement* in the present century.

However, the August 1945 Revolution was not the end but only the start of the victory of the people's democratic revolution in Vietnam. This has been convincingly testified by the practice of the Vietnamese revolution since August 1945. The Vietnamese people, under the leadership of Ho Chi Minh and the Communist Party of Vietnam, were compelled to wage for over 30 years a continuous struggle against internal and external enemies. They overcame countless dangers, at times extremely big, to defend their newly gained independence, and the young revolutionary power, to win one success after another before achieving the final victory. Only nine years afterwards, Northern Vietnam was liberated following the Dien Bien Phu victory in 1954. They had to fight on for another 20-odd years before liberating the South with the 1975 "Ho Chi Minh campaign" and completing the cause of national liberation and reunification.

The long struggle of the Vietnamese people, under Ho Chi Minh's motto "Nothing is more precious than independence and freedom", has made an important contribution to the collapse of colonialism and marked the start of the failure of neo-colonialism in the 20th century. In line with Vietnam's victorious fight, the national liberation movement surged forward most vigorously. Therefore, the UN General Assembly issued in 1960 a statement condemning colonialism and demanding its elimination. Since then, hundreds of colonies, in various forms of struggle, have won independence. Although the extent of independence varied and the consolidation of independence still encounters many difficulties and complexities, the sense of national independence and sovereignty has been raised to unprecedented levels in former colonial and dependent countries. Colonialism, in any forms, is no longer accepted by the world.

National independence must link with and result in freedom and happiness for people. "If the country is independent but the people cannot enjoy happiness and freedom, the independence has no significance". This of Chi Minh's ideas has found an answer in socialism, a genuine socialism capable of bringing about a thorough solution to the problem of national, social and human liberation.

For this reason, the August 1945 Revolution in Vietnam, a people's democratic revolution, has paved the way to socialism for Vietnam when the people's national democratic revolution has been basically completed. While the struggle against foreign aggression to defend national independence and regain complete independence was going on, the question of socialism was raised only to a very limited extent in North Vietnam. Socialism becomes a common concern of the whole country only after the liberation of South Vietnam and the reunification of the country.

National independence closely linked to socialism is the banner under which Vietnam's August 1945 Revolution was led to success and the Vietnamese people's wars of resistance to victory. Under this banner, Vietnam is performing *Doi moi* (Renovation) the objective of which is a wealthy people, a strong country, a fair and civilized society. And in this spirit, Vietnam wishes to befriend all countries and strives for peace, friendship, cooperation and development.

The August 1945 Revolution ushered in a new epoch in Vietnam. This epoch has added new milestones to the national struggle and construction of the Vietnamese people for over half a century. The spirit of the August Revolution will live on with the Vietnamese nation in the remaining years of the 20th century and heralds bigger achievements in the 21st century.

CUỘC TRƯỜNG CHINH

GIÀNH ĐỘC LẬP TỰ DO THỐNG NHẤT TRỌN VẸN (2-9-1945 - 30-4-1975)

ĐỨNG TRƯỚC THỬ THÁCH SỐNG CÒN...

Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vừa ra đời đã đứng trước thử thách khắc nghiệt "ngàn cân treo sợi tóc". Theo nghị quyết của Hội nghị Pôtsđam, quân đồng minh đã kéo vào Việt Nam để tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật : phía bắc vĩ tuyến 16 là gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch, kéo theo là bọn tay sai tập trung trong hai tổ chức Việt Quốc và Việt Cách ; phía nam vĩ tuyến 16 là hơn một vạn quân Anh và núp dưới bóng quân Anh là quân Pháp đã quay trở lại xâm lược Việt Nam. Ngày 23-9-1945, tức là hơn 20 ngày sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập, được sự giúp đỡ và che chở của quân Anh, Pháp đã nổ súng xâm lược ở Nam Bộ, chính thức tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam một lần nữa. Trên đất nước Việt Nam vẫn còn hơn 6 vạn quân Nhật, tuy đã đầu hàng đồng minh nhưng sẵn sàng bị các thế lực đế quốc lợi dụng để chống phá cách mạng. Núp dưới bóng quân xâm lược nước ngoài, bọn phản động trong nước điên cuồng chống phá. Chúng cướp chính quyền cách mạng ở một số nơi, lập ra cái gọi là "chiến khu". Chúng ra báo công khai xuyên tạc, vu khống, kích động nhân dân lật đổ chính quyền, tống tiền, cướp của, gây rối trật tự trị an và an ninh xã hội. Thêm vào đó, nhà nước cách mạng phải tiếp thu cả một gia tài đổ nát do chế độ cũ để lại : nền kinh tế tiêu điều xơ xác, kiệt quệ, tài chính trống rỗng, nạn đói trầm trọng, 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội đầy rẫy, ta lại chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý chính quyền nhà nước. Giặc ngoài, thù trong, cộng với khó khăn chồng chất đã đặt nền độc lập vừa giành được đứng trước nguy cơ bị thủ tiêu.

Cách mạng tháng Tám đã đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận người dân mất nước trở thành người làm chủ. Sức sống của dân tộc đã được nâng lên gấp bội lần sau hơn 80 năm nô lệ.

Tổ quốc trên hết ! Dân tộc trên hết ! Triệu người Việt Nam như một dưới ngọn cờ đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã sẵn sàng hy sinh tất cả tính mạng và tài sản để bảo vệ nền độc lập, tự do vừa giành được.

"Kháng chiến - kiến quốc" ! Hồ Chí Minh kêu gọi cả nước tập trung chống ba thứ giặc : giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Giữa lúc tình hình nước sôi lửa bỏng, ngày 6-1-1946 tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên đã thể hiện quyết tâm sắt đá và ý chí độc lập của mình bằng việc tiến hành cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử nước nhà để bầu Quốc hội, tổ chức ra bộ máy nhà nước cách mạng để chính thức công bố trước thế giới. Nhân dân Nam Bộ đã tiến hành bầu cử dưới bom đạn của quân Pháp, phải hy sinh cả xương máu để thực thi quyền dân chủ thiêng liêng mà cách mạng vừa đem lại. Hồ Chí Minh đã trúng cử với số phiếu rất cao : 98,4%. Quốc hội đã hội tụ tất cả các thành phần giai cấp xã hội, dân tộc, tôn giáo, thể hiện ý chí độc lập, thống nhất và đại đoàn kết của nhân dân Việt Nam.

Tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội, ngày 9-11-1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã ra đời. Hiến pháp được xây dựng trên nguyên tắc đoàn kết, đảm bảo

Long March

FOR COMPLETE INDEPENDENCE, FREEDOM AND UNITY
(SEPTEMBER 2, 1945- APRIL 30, 1975)

LIFE-AND-DEATH ORDEALS. . .

Right after its birth, the Democratic Republic of Vietnam was confronted with a harsh test threatening its very existence. Under the resolutions of the Potsdam Conference, allied troops entered Vietnam to witness the surrender by Japan. Approximately 200,000 men of the Chiang Kai - shek army with their Vietnamese lackeys from two organizations - Viet Quoc and Viet Cach in the northern part of the 16th parallel; over 10,000 British troops with the French troops in their shadow who tried to stage a comeback in the southern part of the 16th parallel entered Vietnam. On September 23, 1945, i.e over 20 days after Vietnam's Declaration of Independence, the French with the assistance of the British troops opened fire in Nam bo, formally unleashing their war of reconquest. In Vietnam at the time, there remained over 60,000 Japanese troops who, in spite of their surrender to the Allied Powers, were ready to serve the imperialist forces against the revolution. Under the shadow of the foreign aggressors, the local reactionaries raged. They overthrew the revolutionary power in a number of places and established so-called "resistance zones", published newspapers to spread misleading information and slanders to incite the people against the revolutionary power. They performed kidnapping, blackmailing and caused social and public disorder and insecurity. To make the matter worse, the former regime left an exhausted economy, an empty treasury, rampant famine, raging social evils and a population with 90% illiterate. Furthermore, we were inexperienced in running the State apparatus. External and

Kéo cày thay trâu / Tilling instead of buffalo

internal enemies and multiple difficulties all put the newly-regained independence at risk.

The August Revolution restored the mastership to the Vietnamese people who used to be enslaved citizens of the lost land. The nation's vitality rose vigorously despite over 80 years under slavery.

Motherland is above all! Under Ho Chi Minh's banner of solidarity, millions of Vietnamese as one were prepared to sacrifice their lives and property for the newly - regained independence and freedom.

"Resistance-Construction" was Ho Chi Minh's appeal to the entire country to concentrate efforts to fight their three foes : famine, ignorance and foreign invasion.

On January 6, 1946 all Vietnamese citizens 18 years of age upwards displayed their strong will and determination by joining the first general elections for the National Assembly ever held in their history to organize the revolutionary State apparatus as an official proclamation to the world. In Nam bo, the elections were held under French bombs and shells. Some people had to sacrifice even their lives in exercising their democratic rights brought about by the revolution. Ho Chi Minh was elected with 98,4% of the votes. The National Assembly rallied all social classes, ethnic groups, religious communities and obviously manifested the Vietnamese people's will for independence, unity and solidarity.

At the second session of the National Assembly, on November 9, 1946, the first

Cảnh chết đói năm 1945 - tội ác của bọn phát xít thực dân
Famine in 1945 - The crimes of the fascist and colonialists

các quyền tự do dân chủ và thực hiện chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt, nhằm thực hiện một "nước Việt Nam độc lập và thống nhất tiến bước trên đường vinh quang, hạnh phúc, cùng nhịp với trào lưu tiến bộ của thế giới và ý nguyện hoà bình của nhân loại" (Lời nói đầu). Hiến pháp đã khẳng định: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo" (Điều thứ 1), "Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia" (Điều thứ 2) [1].

Để chiến thắng giặc đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi cứu đói : đồng bào hãy nhường cơm sẻ áo, cứu giúp lẫn nhau. Và chính Người đã nêu gương trước : 10 ngày nhịn ăn một bữa lấy gạo giúp dân nghèo. Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, một phong trào tăng gia sản xuất diễn ra rầm rộ khắp thành thị, thôn quê : Tăng gia sản xuất ! Tăng gia sản xuất ngay ! Tăng gia sản xuất nữa ! Giặc đói bị đẩy lùi. Thật là một kỳ công hiếm có xét trong điều kiện lịch sử của Việt Nam lúc bấy giờ. Nhân dân còn nô nức hưởng ứng "Tuần lễ vàng" nhằm xây dựng nền tài chính đầu tiên của nước Việt Nam mới. Chỉ trong một tuần lễ, nhân dân đã đóng góp 270 kg vàng và hàng chục triệu đồng vào "Quỹ Độc lập".

Để chiến thắng giặc dốt, một phong trào Bình dân học vụ đã diễn ra sôi nổi khắp thành thị, thôn quê. Người biết chữ dạy người không biết chữ, con dạy cha, chồng dạy vợ, đâu đâu cũng vang lên tiếng học bài. Chỉ trong vòng một năm trời, hơn 2 triệu người đã thoát nạn mù chữ. Một nếp sống mới lành mạnh nảy nở dưới chế độ mới.

Cùng với kiến quốc và để kiến quốc, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà phải tiến hành cuộc đấu tranh vô cùng gay go gian khổ với các tập

1. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam : *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 272.

đoàn xâm lược và tay sai đang mưu toan bóp chết nhà nước cách mạng non trẻ, kéo Việt Nam trở lại chế độ thuộc địa như cũ. Cuộc đấu tranh này đặt trong các mối quan hệ quốc tế đan xen chồng chéo và mâu thuẫn quyền lợi hết sức phức tạp diễn ra ở Việt Nam lúc bấy giờ. "Dĩ bất biến ứng vạn biến" (lấy cái không biến đổi để ứng phó với cái biến đổi), dựa trên nguyên tắc tối cao là chủ quyền thiêng liêng của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thi hành một sách lược vô cùng kiên quyết và mềm dẻo để từng bước loại bớt kẻ thù, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua muôn thác ghềnh tiến lên phía trước.

Tạm hoà hoãn với quân Tưởng Giới Thạch ở phía bắc để tập trung mũi nhọn vào chống xâm lược Pháp ở miền Nam, bởi vì Pháp là kẻ quyết tâm chiếm lại nước ta và trên thực tế chúng đã nổ súng ở Nam Bộ. Để hoà hoãn, Việt Nam đã chấp nhận những điều kiện ngặt nghèo như cung cấp gạo ăn cho quân Tưởng Giới Thạch, chấp nhận 70 ghế của bọn tay sai vào Quốc hội không qua bầu cử và 5 ghế trong Chính phủ... Cả nước đã dồn sức cho Nam Bộ kháng chiến. Nhân dân Nam Bộ, tiêu biểu là nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn, đã vùng lên bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, kể cả gậy tầm vông, giáng trả quân Pháp, chặn bàn tay xâm lược của chúng.

Cuối tháng 2-1946 Tưởng Giới Thạch nhân nhượng cho Pháp đưa quân ra chiếm đóng miền Bắc dưới danh nghĩa thay thế mình để tiếp nhận sự

Một lớp học bình dân / A adult literacy class

Constitution of the Democratic Republic of Vietnam came into existence. It was built on the principle for promoting solidarity, ensuring the rights to democracy and freedom, and achieving a strong, clear-sighted administration which was to bring about "an independent and united Vietnam marching on the road of glory and happiness keeping pace with the progressive trend of the world and sharing with mankind's aspirations for peace (Preface). The Constitution asserted : "All the powers in the country belong to the Vietnamese people irrespective of race, sex, condition of fortune, social class, religious belief" (Article 1). "The Vietnamese land, Central, South and North, is one united and indivisible" (Article 2) [1]

To fight famine, President Ho Chi Minh called on the countrymen to share food and clothes, and help one another. He himself set a bright example by abstaining from one meal every 10 days to save rice for the poor. In response to his appeal, a great movement to increase production swept over the country : *Increase production! Increase production now ! Increase production more!* It was indeed a rare achievement in view of the historical conditions prevailing at the time in Vietnam. People also gave a warm response to the "Gold Week" aimed at building the basis of the finances of the new Vietnam. In a week alone, they contributed 270kg of gold and tens of millions of dong to the "Independence Fund".

To fight ignorance, a strong movement for Popular Learning was promoted throughout the country. The literate taught the illiterate, children taught their parents; husbands taught their wives. Voices of people reading their lessons could be heard everywhere. Within only one year, over 2 million people were freed from illiteracy. A new, healthy way of life blos-

1 The National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam : *History of the Vietnamese National Assembly 1946-1960*, National Political Publishing House, Hanoi, 1994, p.272.

somed under the new regime.

Along with national construction, the Democratic Republic of Vietnam had to wage an extremely arduous struggle against aggressive groups and their lackeys that were scheming to stifle the young revolutionary State, and drive Vietnam back to the former colonial regime. This struggle took place in the context of overlapping international relations and complex contradictions of interests that prevailed in Vietnam at the time. "The invariable is used to cope with the variable", with the supreme principle of defending the sacred national sovereignty in mind, President Ho Chi Minh resorted to very firm and flexible tactics to rule gradually out a number of foes and push the Vietnamese revolutionary boat forward through countless falls and cascades.

Ho Chi Minh showed a conciliatory attitude to the Chiang Kai - shek troops in the North and concentrated the spearhead of struggle against the French aggressors who were determined to re-occupy Vietnam and had actually opened fire in Nam Bo. To this end, Vietnam accepted hard conditions such as to ensure food supplies for the Chiang Kai - shek troops, give their lackeys 70 seats in the National Assembly and 5 seats in the Government. The whole country gathered forces for the resistance in Nam Bo. The Nam Bo people, the Saigon - Cholon people in particular, rose up with all available weapons including bamboo sticks to oppose the French troops and stop their bloody hands.

In late February 1946, Chiang Kai - shek made a conciliatory move with the French allowing them to bring troops to the North, under the pretext of replacing his troops in observing the Japanese surrender. Confronted with the hard choice between of war and peace, Vietnam adopted the tactics of "conciliation for advance". To show its will for peace and for negotiated settlements of disputes, Vietnam signed with France the Preliminary Agreement of March 6, 1946, allowing the French to send to the north 15,000 troops who were to be withdrawn completely after a period of five years. France recognized Vietnam as a free state.

The Chiang Kai - shek troops pulled out and their lackeys were disbanded and fled. The British troops were also brought home and the Japanese troops repatriated.

đầu hàng của Nhật. Cách mạng Việt Nam đã đứng trước sự lựa chọn ngặt nghèo : chiến tranh hay hoà bình. Biết mình, biết người, Việt Nam đã chấp nhận sách lược "hoà để tiến". Để thể hiện ý chí hoà bình, giải quyết những vấn đề tranh chấp bằng thương lượng, Việt Nam đã ký với Pháp bản Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946, thừa nhận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc và sau thời hạn 5 năm số quân này phải rút hết về nước. Pháp thừa nhận Việt Nam là một nước tự do.

Quân Tưởng rút về, bọn tay sai tan tác và tháo chạy. Quân Anh cũng rút về nước và quân Nhật lần lượt hồi hương.

Nam Bộ kháng chiến
The resistance of Nam Bo

Đoàn quân Nam tiến / A South ward expedition

"THÀ HY SINH TẤT CẢ, CHỨ NHẤT ĐỊNH KHÔNG CHỊU MẤT NƯỚC, NHẤT ĐỊNH KHÔNG CHỊU LÀM NÔ LỆ"

Pháp coi việc đưa quân ra miền Bắc như là một chiến thắng không cần một tiếng súng. Thái độ thiện chí của Việt Nam được họ coi là dấu hiệu của sự yếu đuối. Họ thi hành chính sách lấn dần từng bước một, không chịu đình chiến ở Nam Bộ, lập ra cái gọi là "nước Nam Kỳ tự trị", gây sức ép toàn diện về chính trị, quân sự, ngoại giao, khiêu khích phá hoại ở nhiều nơi, hòng thủ tiêu nước Việt Nam tự do mà chính họ đã thừa nhận. Trải qua hai lần đàm phán, trù bị ở Đà Lạt và chính thức ở Phôngtenơbơlô, họ vẫn khăng khăng bám giữ lập trường thực dân lỗi thời, đẩy cuộc đàm phán đến chỗ đổ vỡ. Để cứu vãn hoà bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Pháp bản Tạm ước ngày 14-9-1946, nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá. Nhưng thực dân Pháp càng lấn tới vì quyết cướp nước Việt Nam một lần nữa. Sau một loạt các hành động khiêu khích, phá hoại trắng trợn, cuối cùng họ đòi tước vũ khí tự vệ và đòi giữ trật tự Hà Nội, thực chất là buộc Việt Nam phải đầu hàng vô điều kiện. Tình thế không còn con đường nào khác là phải cầm vũ khí vùng dậy để bảo vệ quyền độc lập tự do thiêng liêng của Tổ quốc. Ngày 19-12-1946 cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân Việt Nam bắt đầu.

Ngay sau khi tiếng súng kháng chiến toàn quốc vừa bùng nổ, đêm 19-12-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi nhân dân :

"Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

... Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước" [1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Sđd, tr. 202.

"WE WOULD RATHER SACRIFICE EVERYTHING THAN LOSE INDEPENDENCE AND BECOME SLAVES"

The French regarded the dispatch of troops to the North as a victory won without a single shot. They saw in Vietnam's good-will attitude a sign of weakness. They exercised the policy of gradual encroachment, refused to cease fire in Nam Bo, established the so-called "autonomous Nam Ky State", and put Vietnam under coordinated pressure - political, military, diplomatic, indulged in provocations and disruptive activities in various places, in an attempt to abolish the free Vietnamese State which they themselves had recognized. In two rounds of talks, one in Da Lat and the other in Fontainebleau, they obstinately stuck to an obsolete colonialist stand, bringing the negotiations to a breakdown. For the sake of peace, President Ho Chi Minh signed with France the Modus Vivendi of September 14, 1946, making some more economic and cultural concessions. However, the French colonialists did not learn to stop at what they were offered as they were resolved to reconquer Vietnam. Following a series of open provocations, they demanded that the Vietnamese self-defence groups be disarmed, and the task of maintaining order in Hanoi be undertaken by themselves. For Vietnam, this would amount in essence to an unconditional surrender. The situation came to such a point that there was no other choice than to take up arms to defend the sacred independence and freedom of the Motherland. On December 19, 1946, the Vietnamese people's national resistance war started.

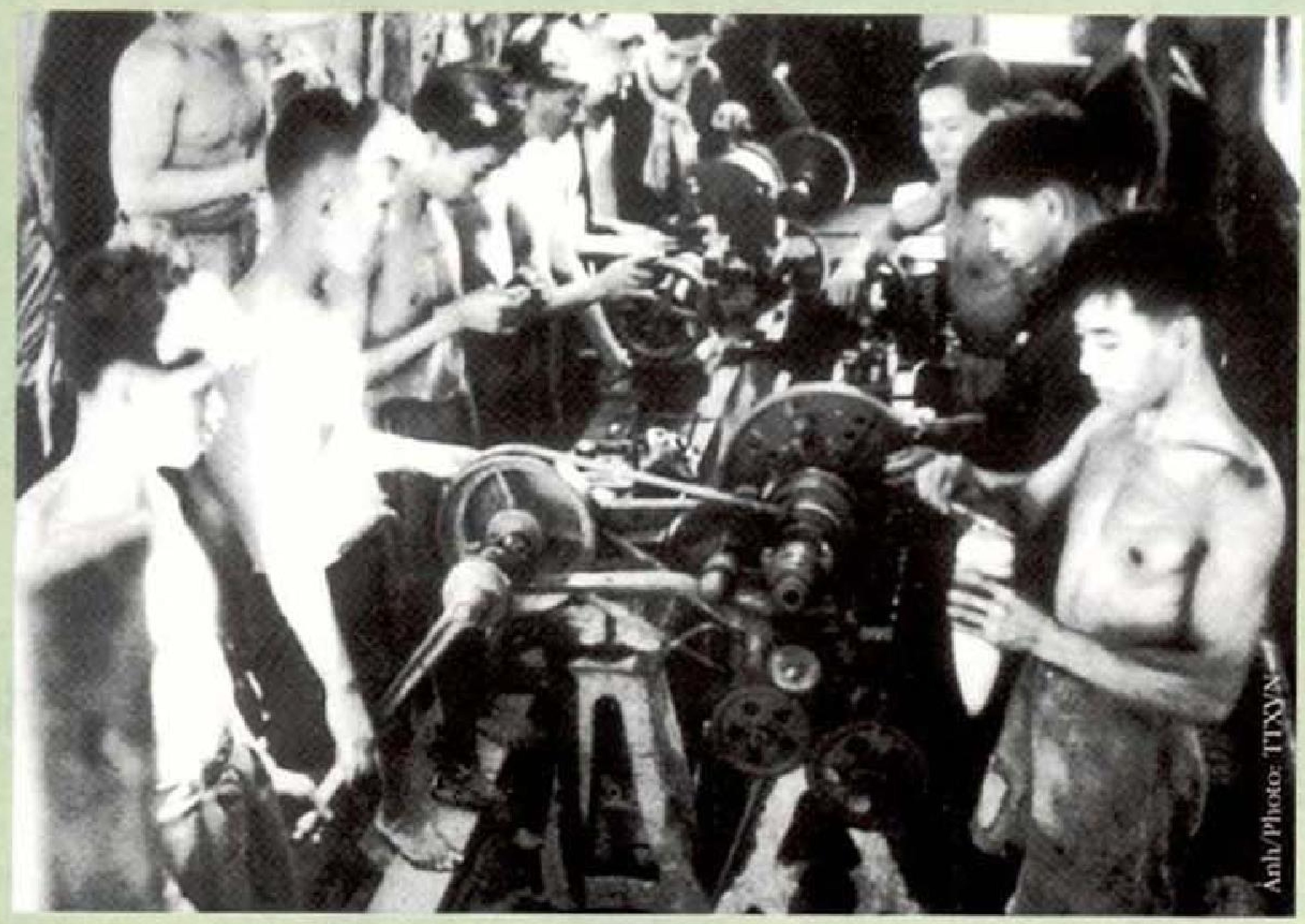

Một công binh xưởng ở trong rừng / An arms workshop in the forest

Cả nước đã nhất tề vùng dậy giáng trả quân xâm lược. Cuộc chiến đấu 60 ngày đêm của nhân dân Thủ đô Hà Nội được coi là biểu tượng anh hùng của nhân dân Việt Nam trong những ngày đầu kháng chiến. Âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bị chặn lại. Hàng vạn tấn máy móc, tài liệu đã được chuyển về chiến khu và lực lượng kháng chiến rút về nông thôn chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã về Việt Bắc để chỉ đạo kháng chiến. Việt Bắc trở thành căn cứ địa kháng chiến thần thánh của cả nước.

Chiến tranh Việt - Pháp đã nổ ra nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tìm mọi cách giải quyết bằng con đường hoà bình với Pháp. Người đã nhiều lần tha thiết kêu gọi nhà cầm quyền Pháp hãy chấm dứt chiến tranh. Trong một lá thư gửi cho nhân dân Pháp, Người viết :

"Chúng tôi muốn hoà bình. Chúng tôi muốn nước chúng tôi độc lập và thống nhất trong Liên hiệp Pháp.

... Chúng tôi chiến đấu vì công lý. Chúng tôi sẽ chiến thắng.

Hỡi nhân dân Pháp !

Các bạn hãy giúp chúng tôi cứu lấy tính mạng bao nhiêu thanh niên Pháp và Việt, cứu lấy tình thân thiện giữa hai dân tộc, và cứu lấy khối Liên hiệp Pháp" [1].

Giới cầm quyền Pháp vẫn lao vào cuộc chiến tranh phi nghĩa mà họ tưởng rằng sẽ nắm chắc phần thắng trong tay, đơn giản như một cuộc "du hành" quân sự.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Sdd, tr. 361-362.

On the night of December 19, 1946, right after the resistance fire was opened, President Ho Chi Minh issued an appeal to the people :

"We would rather sacrifice everything than lose independence and become slaves.

... Every Vietnamese, old or young irrespective of religious belief, party affiliation, ethnic group, must stand up to fight the French colonialists and save the Motherland. Those who have rifles will use rifles, those who have swords will use swords, those who have no sword will use picks, spades or sticks. Everybody must endeavours to fight the French colonialists and save the country". [1]

The whole country rose up to repel the aggressors. The 60 days and nights resistance of Hanoi served as a symbol of Vietnamese heroism in the first days of the war. The French scheme for a quick victory was foiled. Tens of thousands of tonnes of machinery and documents were carried from cities to the resistance zone and the resistance forces withdrew to rural areas in preparation for a protracted resistance. President Ho Chi Minh and his government went to Viet Bac which became a sacred resistance base for the whole country.

In spite of the outbreak of the Vietnam - French war, President Ho Chi Minh continued to seek a peaceful settlement with France. He called upon the French authorities to put an end to the war. In a letter to the French people, he wrote :

"We want peace. We want our country to be independent and united within the French Union.

... We are fighting for justice. We shall win.

People of France !

Help us save the lives of so many French and Vietnamese youths, save the friendship between the two nations, and save the French Union" [2]

The French authorities engaged deeper in the unjust war as they believed that victory would be theirs, a simple military "promenade".

1,2. Ho Chi Minh: *Complete Works*, Vol. 4, p. 202,361-362.

Đoàn xe đạp thồ chuyển lương thực ra tiền tuyến / A convoy of bycicles transporting foods to the front line

"CHÍN NĂM LÀM MỘT ĐIỆN BIÊN"

Tiến hành cuộc chiến tranh chính nghĩa ngay trên đất nước của mình, trong hoàn cảnh của một nước nông nghiệp, lạc hậu chống lại một cường quốc công nghiệp mạnh hơn mình, người Việt Nam tìm ra cách đánh giặc có hiệu quả. Đó là cả nước đánh giặc, kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh. Mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm, đường phố là một chiến hào, đánh giặc mọi nơi, mọi lúc và bằng mọi thứ vũ khí trong tay. Đánh giặc cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và ngoại giao. Thời gian sẽ ủng hộ Việt Nam để đi từ yếu đến mạnh, đánh thắng kẻ thù từng bước, đi đến giành thắng lợi hoàn toàn. Ra sức phát huy cao độ sức người, sức của, trí tuệ của người Việt Nam, đồng thời tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới.

Kháng chiến vô cùng gay go gian khổ, nhưng tinh thần của nhân dân Việt Nam ngày càng cao, tin tưởng vững chắc vào thắng lợi cuối cùng. Tháng 2-1951, Đảng Lao động Việt Nam (tức Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay) ra mắt, công khai hoạt động lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Chính quyền cách mạng ngày càng mở rộng và tồn tại bí mật ngay cả trong những vùng quân Pháp kiểm soát.

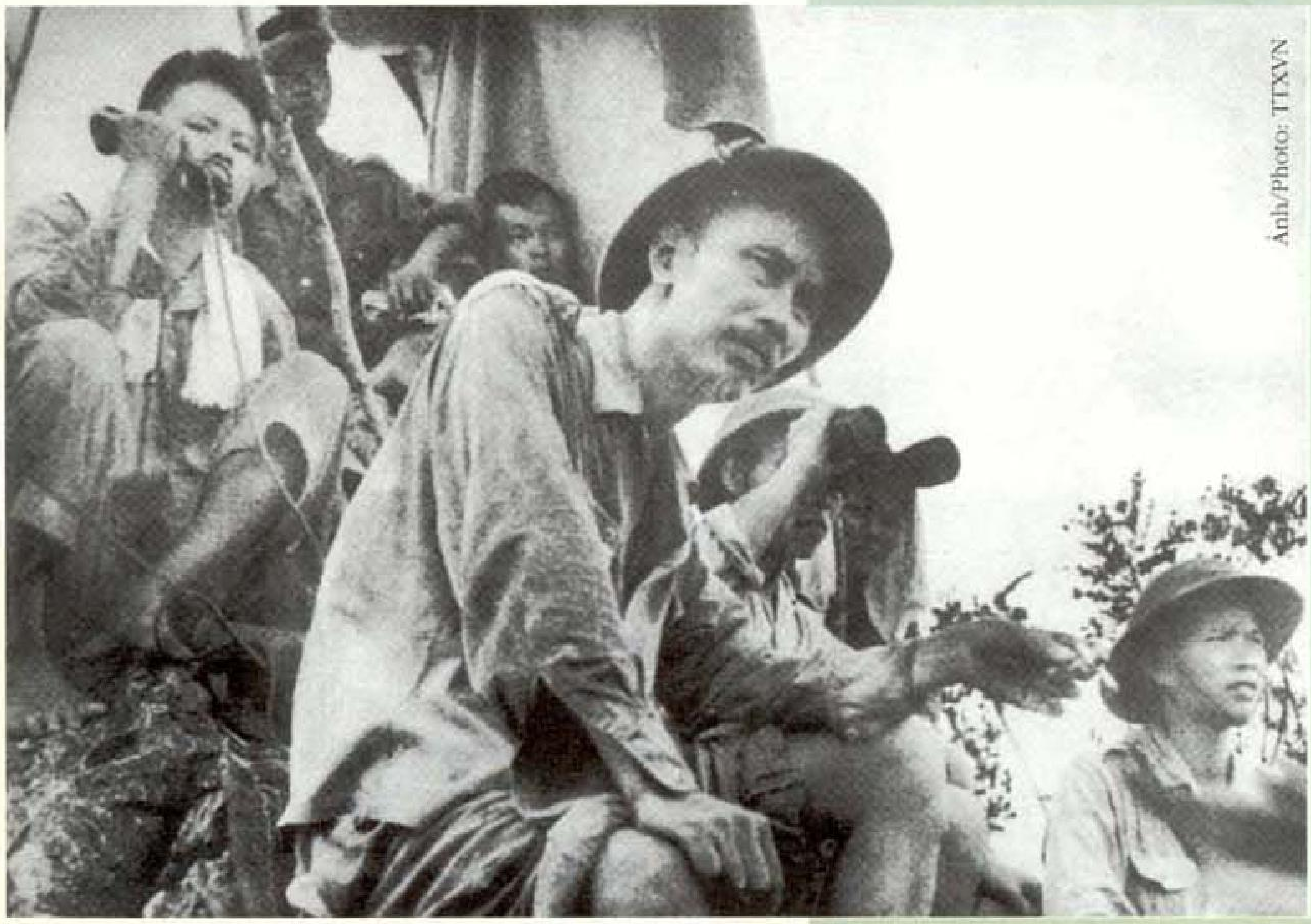

Bác Hồ quan sát chiến dịch Biên giới / Uncle Ho was watching the Frontier offensive campaign

"NINE YEARS LONG MAKING UP A DIEN BIEN"

In the context of a backward agricultural country fighting an industrial super-power much stronger than themselves, the Vietnamese had to find an effective way to conduct their just war on their own soil. The entire country participated in the war and the whole people conducted an all-out protracted and self - reliant resistance.

Each citizen was a fighter, each village, each street, a combat trench, the enemy was fought everywhere, at any time and with all available weapons. The struggle was waged in all fields - military, political, economic, cultural, social and diplomatic. The time would support the Vietnamese to grow from weakness to strength, step by step defeat the enemy for the ultimate victory. Every effort was made to bring into full play the material and intellectual resources of the Vietnamese and win the sympathy and support of the world peoples.

The resistance was extremely arduous, but it all the more strengthened the determination of the Vietnamese people and their firm confidence in the ultimate victory. In February 1951, the Vietnam Workers' Party (now the Communist Party of Vietnam) came into the open to lead the people's resistance. The revolutionary power was increasingly broadened and existed underground right in the midst of French controlled areas.

In order to mobilize economic resources for the resistance, establish and consolidate the rear of the people's war, Vietnam made the most of the potential of an agricultural economy to oppose an industrial power. Amidst the enemy's encirclement, it displayed a high spirit of indepen-

dence, sovereignty and self - reliance. Rear areas were built for the whole country, for each strategic zone, and for each locality. Wide varieties of handicrafts were developed to meet the people's pressing daily requirements. In face of the extreme shortages of machinery, equipment, raw materials and technical expertise. An industry, mainly a military defence one with hundreds of production establishments was built in the deep base areas. It was one of the three sources of weapons used in the resistance war (weapons captured from the enemy, those turned out by ourselves, and those from late 1950 international aid).

Bộ Chính trị quyết định chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954
The Politburo decided to open the Winter - Spring Campaign 1953 - 1954

Agriculture was always an important front. Almost all major water irrigation works had been destroyed by the French; tens of thousands of hectares of land left uncultivated; buffaloes and oxen were killed and the cultivation technique was primitive. The State took resolute steps to promote agricultural production. One of them was to resolve gradually the peasants' rights to land. A series of decrees were promulgated on the reduction of land rents and interest rates, distribution to poor peasants land which belonged to absent owners or the

Để huy động kinh tế cho kháng chiến, xây dựng và củng cố hậu phương của chiến tranh nhân dân, Việt Nam đã biết khai thác hợp lý tiềm năng của một nền kinh tế nông nghiệp để chống chọi với một cường quốc công nghiệp. Giữa vòng vây của quân thù, Việt Nam đề cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường cao độ. Xây dựng hậu phương trong cả nước, hậu phương của từng vùng chiến lược, hậu phương tại chỗ. Một mạng lưới thủ công nghiệp đã được phát triển rộng rãi, nhằm đáp ứng những nhu cầu bức thiết hàng ngày cho nhân dân. Vượt qua muôn ngàn khó khăn về máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, trình độ chuyên môn, một nền công nghiệp, chủ yếu là công nghiệp quốc phòng đã được xây dựng với hàng trăm cơ sở sản

Cờ quyết chiến quyết thắng trên nóc hầm Đờ Cát
The victory flag, fluttered on top of the Command Shelter of General De Castries

xuất nằm sâu trong các vùng căn cứ địa. Số vũ khí sản xuất đã trở thành một trong ba nguồn vũ khí đánh giặc trong kháng chiến (cướp súng giặc giết giặc, tự sản xuất, và từ cuối năm 1950 có thêm sự viện trợ quốc tế).

Nông nghiệp luôn luôn là mặt trận quan trọng. Hầu hết các công trình thủy lợi lớn bị Pháp phá hủy, hàng vạn hécta đất bị bỏ hoang, trâu bò bị giết hại, kỹ thuật canh tác thô sơ. Nhà nước đã đề ra nhiều biện pháp kiên quyết để đẩy mạnh và khuyến khích sản xuất nông nghiệp. Một trong những biện pháp đó là từng bước giải quyết quyền lợi của nông dân về ruộng đất ; ban hành một loạt sắc lệnh về giảm tô, giảm tức, chia ruộng đất công, đất vắng chủ, ruộng đất của thực dân Pháp và tay sai cho dân cày nghèo. Tháng 12-1953, Quốc hội thông qua Luật cải cách ruộng đất, bắt đầu thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Nhờ đó mà nông nghiệp đã cung cấp ngày càng cao cho tiền tuyến, bảo đảm cho bộ đội "ăn no đánh thắng". Kháng chiến tuy rất gian khổ, nhưng trong những vùng giải phóng không hề có nạn đói xảy ra, đời sống nhân dân ổn định.

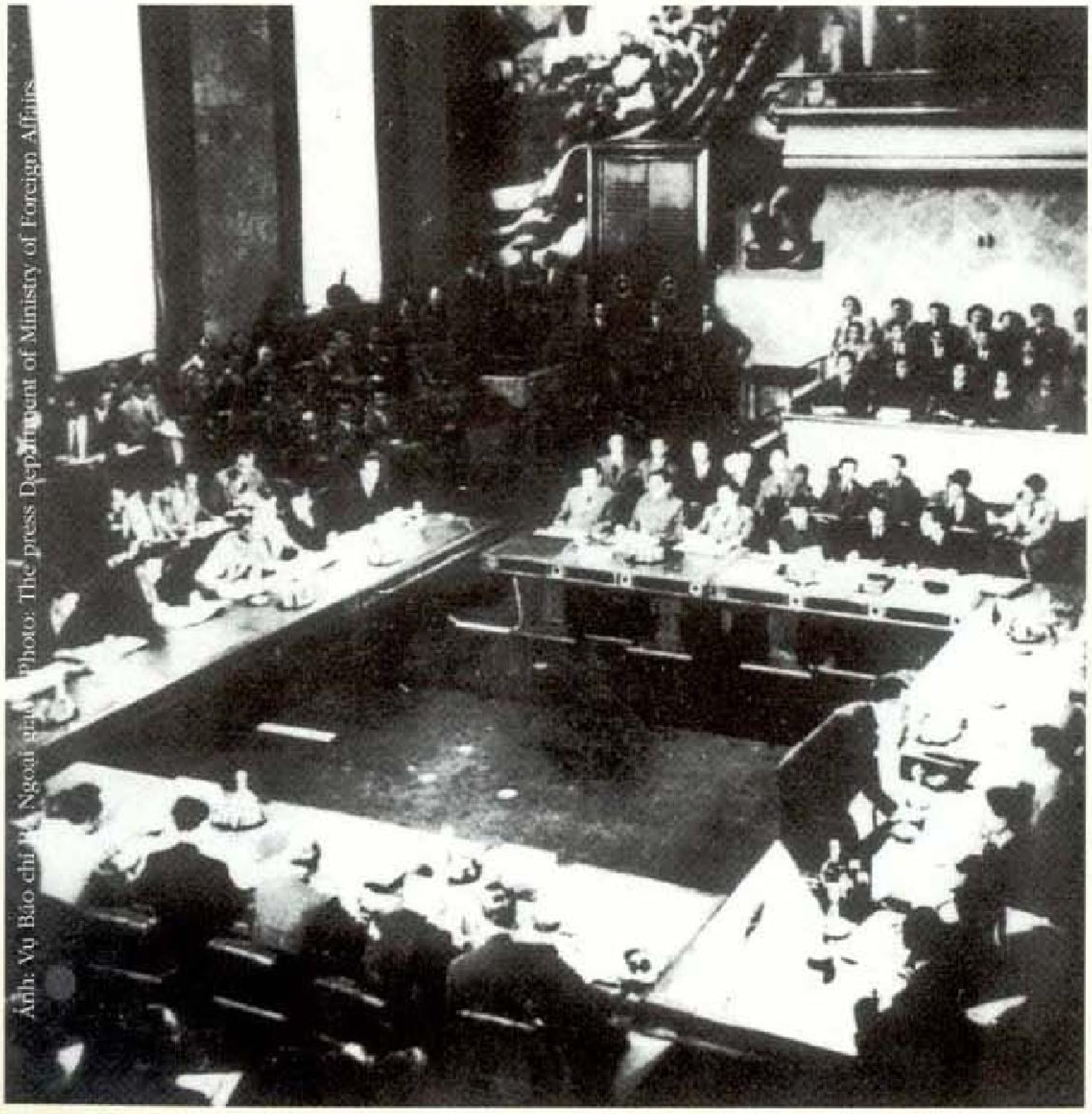
Ảnh: Vụ Báo chí Bộ Ngoại giao / Photo: The press Department of Ministry of Foreign Affairs

Hội nghị Giơnevơ về Việt Nam / The Geneva Conference on Vietnam

Trong kháng chiến, chống giặc dốt vẫn được tiếp tục, thêm hàng triệu người biết đọc, biết viết. Một hệ thống giáo dục được hình thành bao gồm từ bậc phổ thông, bổ túc, chuyên nghiệp đến đại học. Một nền văn hoá mới được xây dựng, hướng vào phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến theo phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng. Một mạng lưới y tế nhân dân hình thành, nhiều dịch bệnh bị đẩy lùi.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam ngày càng được sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp. Liên minh chiến đấu 3 nước Đông Dương không ngừng được mở rộng.

Sức mạnh của kháng chiến toàn dân, toàn diện nói trên đã góp phần tạo nên sức mạnh chung của kháng chiến trên mặt trận quân sự để đánh thắng kẻ thù. Hàng chục vạn thanh niên đã tình nguyện lên đường tòng quân giết giặc. Hàng triệu người đã đi dân công phục vụ tiền tuyến hoặc trực tiếp cầm súng đánh giặc giữ làng ở địa phương. Lực lượng vũ trang nhân dân 3 thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) đã ra đời và ngày càng trưởng thành cả về số lượng, chất lượng, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Kháng chiến ngày càng giành được thắng lợi to lớn. Chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947 đập tan cuộc tiến công lớn của Pháp đánh vào căn cứ địa Việt Bắc, làm thất bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

Cùng với phong trào chiến tranh du kích phát triển ngày càng mạnh mẽ ở trong vùng Pháp tạm chiếm, làm thất bại âm mưu "dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của Pháp, Việt Nam đã liên tiếp chủ động mở các chiến dịch lớn.

Chiến thắng Biên giới Thu - Đông năm 1950 giải phóng biên giới, đánh thông đường liên lạc quốc tế, phá vỡ thế bao vây của Pháp. Tiếp theo là hàng loạt chiến dịch lớn phá vỡ từng mảng hệ thống phòng ngự của Pháp, đẩy Pháp vào tình trạng ngày càng sa lầy bị động.

Mùa hè năm 1953, được Mỹ giúp đỡ, Pháp thực hiện kế hoạch quân sự Nava, một kế hoạch

Mùa xuân vùng cao
Spring in the Highlands

French colonialists and their lackeys. In December 1953, the National Assembly adopted the land reform law, the slogan "Land to the tillers" began to be implemented. As a result, agriculture ensured increasing supplies for the front-line. Soldiers "had enough to eat for the sake of victorious fighting". Throughout the hard resistance war, there was no famine in the liberated zones and people enjoyed stable living conditions.

The fight against ignorance was pursued during the resistance war. Millions more people became literate. A system of education took shape, which included general, complementary, vocational and higher education. A new culture of national, scientific and mass character was promoted and oriented to serve the people and the resistance; a network of public health service took shape and various epidemics were eradicated.

The Vietnamese resistance war received increasingly stronger sympathy and support from the world peoples including the progressive French. The militant alliance of the three Indochinese countries was unceasingly broadened.

The strength of the nation-wide and all-out resistance war contributed to the creation of the overall strength of the military front. Hundreds of thousands of youths volunteered to join the army. Millions of people carried out services for the front line or directly took up arms to fight the enemy in their own localities. The people's armed forces including three kinds of troops (main force units, local troops, militias and guerrillas), were born and grew up in both quantity and quality to serve as a nucleus to fight the enemy.

The resistance recorded ever greater victories. The Viet Bac victory in Autumn-Winter of 1947 smashed the great French attack on the Viet Bac base and marked the complete failure of the French strategy for quick victory.

Along with the strong development of the guerrilla movement in the French - occupied areas, which foiled the French scheme "to use Vietnamese to fight Vietnamese", "use war to entertain war", Vietnam repeatedly launched major campaigns.

The Border Victory in Autumn - Winter of 1950 liberated the border areas, paved the way for international liaison and broke the French blockade. It was followed by a series of major campaigns which destroyed the French defence system considerably, and drove the French into an increasingly passive position.

In Summer 1953, the French, with US assistance undertook the Navarre military plan, the biggest one in the Indochina war, in the hope of pacifying Vietnam within 18 months and finding an "honourable" way out. With ever deeper US intervention in the war, the situation in Indochina took an increasingly dangerous and complex turn.

In face of the above situation, on the basis of the capabilities and growth of its resistance, Vietnam launched the great strategic offensive of Winter - Spring of 1953 - 1954 which climaxed in the historic Dien Bien Phu campaign, completely smashing the Navarre military plan. After this heavy defeat, on July 20, 1954, the French were compelled to sign the Geneva Agreements on Indochina stipulating the withdrawal of the French troops, the ending of the war, and the

restoration of peace on the basis of respect for the national sovereignty of Vietnam, Cambodia and Laos.

The Vietnamese people's anti-French resistance came to an end, and this was also the complete and definite end of French colonialists' policy of aggression which had lasted for nearly a century on Vietnamese soil.

THE SOUTH ROSE UP TO LIBERATE ITSELF, THE WHOLE COUNTRY MARCHED TO THE FRONT

Vietnam is one country, the Vietnamese are one nation. President Ho Chi Minh asserted "Rivers may dry up, mountains may erode away, but this truth will never change" [1].

Yet, under the provisions of the Geneva Agreements, Vietnam was temporarily divided into two zones South and North with the 17th parallel being a provisional military demarcation line, free general elections were to be held two years after to reunify the country.

The North was completely liberated and entered the period of transition to socialism.

The South was under the domination of the imperialists and their lackeys. In the place of the French, the United States took direct hold of South Vietnam and turned it into a US new-type colony and military base. The Vietnamese people's liberation struggle was not

Ảnh: Bảo tàng Quân đội / Photo: The Army Museum

Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (Khóa II), quyết định đường lối cách mạng ở miền Nam
The 15th Plenum of Central Committee of Party decided the revolutionary policy for Southern Vietnam

1. Ho Chi Minh: *Complete Works*, Vol. 4, p. 139.

lớn nhất trong chiến tranh Đông Dương, hy vọng bình định Việt Nam trong vòng 18 tháng để tìm lối thoát trong "danh dự". Với việc can thiệp ngày càng sâu của Mỹ vào chiến tranh, tình hình Đông Dương càng trở nên nguy hiểm và phức tạp.

Trước tình hình trên, căn cứ vào khả năng và sự trưởng thành của kháng chiến, Việt Nam mở cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 vĩ đại mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, đập tan hoàn toàn kế hoạch quân sự Nava. Trước thất bại nặng nề đó, ngày 20-7-1954, Pháp buộc phải ký kết Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương. Hiệp định quy định quân Pháp rút về nước, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình trên cơ sở tôn trọng chủ quyền dân tộc của 3 nước Việt Nam, Campuchia, Lào.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam đã kết thúc, đồng thời cũng là kết thúc hoàn toàn và vĩnh viễn chính sách xâm lược, gây chiến của chủ nghĩa thực dân Pháp gần một thế kỷ trên đất nước Việt Nam.

MIỀN NAM VÙNG LÊN GIẢI PHÓNG, CẢ NƯỚC RA TRẬN

Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định : "Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi" [1].

Tuy nhiên, theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, nước Việt Nam tạm thời chia ra làm hai miền Nam Bắc, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, sau 2 năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước.

Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Còn miền Nam vẫn đang chìm dưới ách thống trị của đế quốc và tay sai. Thay chân Pháp, Mỹ nhảy vào trực tiếp nắm lấy miền Nam

1. Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, tập 4, Sdd, tr. 139.

Ảnh/photo: TTXVN

Đội quân tóc dài đi đấu tranh
The long-hair troop in fighting

Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam vẫn chưa hoàn thành.

Ngay sau khi giải phóng, miền Bắc đã bắt tay ngay vào khôi phục nền kinh tế bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, hoàn thành khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Sau 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng (1954-1965), miền Bắc đã tiến một bước dài. Từ một nền kinh tế nông nghiệp phân tán, rất nghèo nàn lạc hậu, miền Bắc đã trở thành một nền kinh tế bước đầu phát triển. Một mạng lưới công nghiệp, kể cả công nghiệp nặng đã bước đầu hình thành. Cơ sở vật chất kỹ thuật tuy còn nhỏ bé, nhưng đã tạo ra những tiền đề và làm thay đổi căn bản bộ mặt miền Bắc. Đời sống vật chất, tinh thần, văn hoá, giáo dục đều tiến một bước quan trọng. Sự nhất trí về chính trị trong xã hội rất cao. Miền Bắc đã trở thành chỗ dựa chắc chắn về vật chất và tinh thần cho cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam ruột thịt.

Ở miền Nam, Mỹ đã dựng lên chế độ độc tài phát xít tay sai Ngô Đình Diệm, phá hoại toàn diện và có hệ thống Hiệp định Giơnevơ. Ngô Đình Diệm công khai từ chối hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. "Chống cộng", thực chất là chống lại nhân dân miền Nam, được coi là quốc sách. Diệm huy động hầu như toàn bộ cảnh sát, mật vụ và một phần quân đội vào các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng". Thực chất chúng đã tiến hành cuộc "chiến tranh đơn phương" chống lại nhân dân miền Nam. Hàng vạn người yêu nước đã bị giết hại, tù đày.

Cả miền Nam chìm trong đau thương tang

yet completed.

The North, immediately after liberation, started the restoration of its war - stricken economy, and put into practice the slogan : "Land to the tillers". After 10 years of restoration, transformation and construction (1954 - 1965), much progress had been achieved. From a sparse, poor and backward agricultural economy, it began to take off. A network of industry, including heavy industry, began to take shape. Material and technological installations, though still small, created positive premises and radically changed its face. The material and spiritual life, culture and education were brought to a better dimension. Political unity proved extremely high. The North obviously became a solid material and spiritual backing for the struggle to liberate the South.

The United States, in the South set up the Ngo Dinh Diem fascist dictator regime, and sabotaged the Geneva Agreements in an all-round and systematic way.

Ngo Dinh Diem openly refused to hold consultations on the general elections to reunify the country. "Anti - communism", which by nature was an opposition to the southern people, was regarded as a national policy. Diem virtually mobilized all the police, secret agents and a part of the army in campaigns "to denounce" and "destroy communists". A "unilateral war" was actually waged against the southern people. Tens of thousands of patriots were killed or exiled.

The whole of South Vietnam was plunged into suffering and mourning. Millions of people took to the street to demand the implementation of the Geneva Agreements, oppose repressions and terror and demand rights to democracy. In the late 50's, the political situation in South Vietnam grew more and more suffocating. The enemies could no longer rule in the former way. They had to resort to the most savage and brutal steps to maintain their domination : promulgating the 10-59 Law, dragging the guillotines to all places in South Vietnam. In March 1959 Ngo Dinh Diem put

tộc. Hàng triệu lượt người đã xuống đường đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống đàn áp, khủng bố, đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ. Cuối những năm 50, tình hình chính trị miền Nam càng ngày càng ngột ngạt. Kẻ thù không thể thống trị như cũ được nữa. Chúng đã phải dùng những biện pháp dã man, tàn bạo nhất để duy trì nền thống trị của mình : đề ra luật 10-59, lê máy chém đi khắp miền Nam. Tháng 3-1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Còn nhân dân miền Nam cũng không thể sống như cũ được nữa. Quần chúng nhiều nơi đã sẵn sàng vùng dậy.

Cơn bão táp cách mạng đang âm ỉ, khởi nghĩa đã nổ ra lẻ tẻ ở nhiều nơi để rồi bùng lên thành một cao trào "Đồng khởi" vĩ đại đầu năm 1960. Từ nhiều nơi và nhất là từ tỉnh Bến Tre, "Đồng khởi" nhanh chóng lan rộng ra khắp đồng bằng Nam Bộ, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Hệ thống chính quyền địch ở nông thôn bị phá vỡ từng mảng, hàng nghìn thôn xã được giải phóng. Chính quyền cách mạng, lực lượng vũ trang cách mạng và vùng giải phóng đã ra đời. Phong trào chống Mỹ - Diệm tăng lên nhanh chóng, đưa đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960). Cương lĩnh chính trị

Nam Bắc một nhà - Bờ Bắc cầu Hiền Lương
North and South are under one roof - Northern bank of Hien Luong River

10 điểm của Mặt trận đã trở thành ngọn cờ đoàn kết toàn thể nhân dân miền Nam đấu tranh đánh đổ ách thống trị của Mỹ và tay sai, vì một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà.

Để cứu vãn tình thế, đầu năm 1961 Mỹ đã chuyển sang thực hiện "chiến tranh đặc biệt", một hình thức thấp của chiến tranh thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam ; đề ra kế hoạch Xtalay-Taylo nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Với một lực lượng quân Sài Gòn khoảng nửa triệu người, được trang bị bằng các phương tiện hiện đại của Mỹ, do hàng vạn cố vấn Mỹ chỉ huy và bằng quốc sách dồn dân lập "ấp chiến lược", Mỹ - Diệm hy vọng có thể đàn áp được phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Từ "Đồng khởi" nhân dân miền Nam đã tiến lên làm cuộc chiến tranh cách mạng, đánh địch bằng cả lực lượng chính trị và vũ trang, tiến công địch bằng cả 3 mũi là chính trị, vũ trang, binh vận, đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược là nông thôn, rừng núi, đồng bằng và đô thị.

South Vietnam in a state of war. The people of South Vietnam could no longer live the way they did. In many places, the masses were ready for uprising.

A revolutionary tempest was brewing, sporadic uprisings broke out in various places to gather force into a great wave of "Simultaneous Insurrections" in early 1960. From various places especially Ben Tre, the simultaneous insurrections rapidly spread to the whole plain of Nam Bo, the Central Highlands and South Central Vietnam. The enemy administrative system in rural areas was destroyed by breaches, thousands of villages and hamlets were liberated. The revolutionary power, the revolutionary armed forces and the liberated zones came into existence. The anti-US - Diem movement rapidly developed and led to the birth of the South Vietnam National Liberation Front (December 20, 1960). The 10-point political programme of the Front became a banner under which the whole people of South Vietnam were united in the struggle against the US and its lackeys, for an independent, democratic, peaceful and neutral South Vietnam, and eventually for national reunification.

In early 1961, the US, with the hope to better the situation, shifted to the "Special war", a low form of neo-colonialist war in South Vietnam ; it advanced the Staley - Taylor plan for pacifying South Vietnam in 18 months.

With about half a million Saigon troops equipped with modern American arms, under the command of tens of thousands of US advisers, and with the national policy of regrouping people into "strategic hamlets", the US - Diem clique hoped to suppress the struggle of the South Vietnamese people.

From the simultaneous uprisings, the people of South Vietnam pushed forward a revolutionary war, fighting the enemy with both political and armed forces, launching three thrusts of attacks - political, military, and proselytizing agitation work among enemy troops, attacking the enemy on the three strategic areas : rural, mountainous and urban areas.

The US plan for 18 months pacification went bankrupt despite its extension. In November 1963, the US engineered a coup d'Etat, killed the Ngo Dinh Diem brothers, brought new stooges to power and advanced the Johnson-

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời
Birth of the National front for liberation of South Vietnam

McNamara plan as a substitute for the purpose of achieving pacification in key areas of South Vietnam. Under strong attacks by the Liberation Army, the Saigon troops disintegrated in large units. The Saigon administration became all the more chaotic through repeated coups d'etat. The Saigon administration and army were facing total collapse. In late 1964 - early 1965, the US "Special war" basically went bankrupt.

The US shifted to the "Local war", a high form of neocolonialist war, and deployed massively US troops into South Vietnam. In the summer of 1965, the first units of the US expeditionary corps arrived and started their operations. The US troops and those from a number of pro-American countries rapidly increased and exceeded 600,000 men at its height. On August 5, 1964, the United States staged the "Bac Bo Gulf" incident as a pretext to bomb the North. In February 1965, it started a massive bombing and openly waged the first war of destruction against North Vietnam.

With these actions, the United States hoped to save the situation and subjugate the people of South Vietnam. The war spread in both South and North. The entire Vietnamese people entered a period of a more fierce resistance against US aggression for national salvation. This fight became the most sacred task for each patriot. Ho Chi Minh asserted : "The war may last five, ten, twenty years or longer. Hanoi, Hai Phong and a number of cities and enterprises may be destroyed. The Vietnamese people are by no means frightened ! *Nothing is more precious than independence and freedom*. After victory, our people will rebuild a more beautiful country !" [1]

In the South, our army and people maintained their initiative, and conducted a thorough war relying mainly on their own forces. They prepared for a protracted war while striving to win victory in the

1. Ho Chi Minh: *Complete Works,* Vol. 10, Su that Publishing house, Ha noi, 1989, p. 375.

Vượt Trường Sơn chi viện cho tiền tuyến lớn / Passing Truong Son range to help the great front line

shortest possible time. After successively smashing two big US counter attacks in the dry seasons of 1965 - 1966 and 1966 - 1967, the South Vietnamese people, in early 1968, launched the big general offensive and uprising which shook the entire South Vietnam and shocked the public opinion in the United States and around the world. The United States had to abruptly give up the "search and destroy" military strategy and replaced it with the passive "sweep and hold" strategy.

In the meantime, North Vietnam, in spite of the US bombardments, steadily shifted its economic orientation, conducting both production and fighting at the same time, and waged an unprecedented people's war against the US air and naval campaigns of destruction. The Northern great rear area unceasingly sent human and material reinforcement to the Southern great frontline. Thousands of US modern planes were shot down. On November 1, 1968, the United States had to declare an unconditional cessation of the bombing of the North.

In January 1969, the four - party conference was held in Paris which included the participation of the delegation of the South Vietnam National Liberation Front.

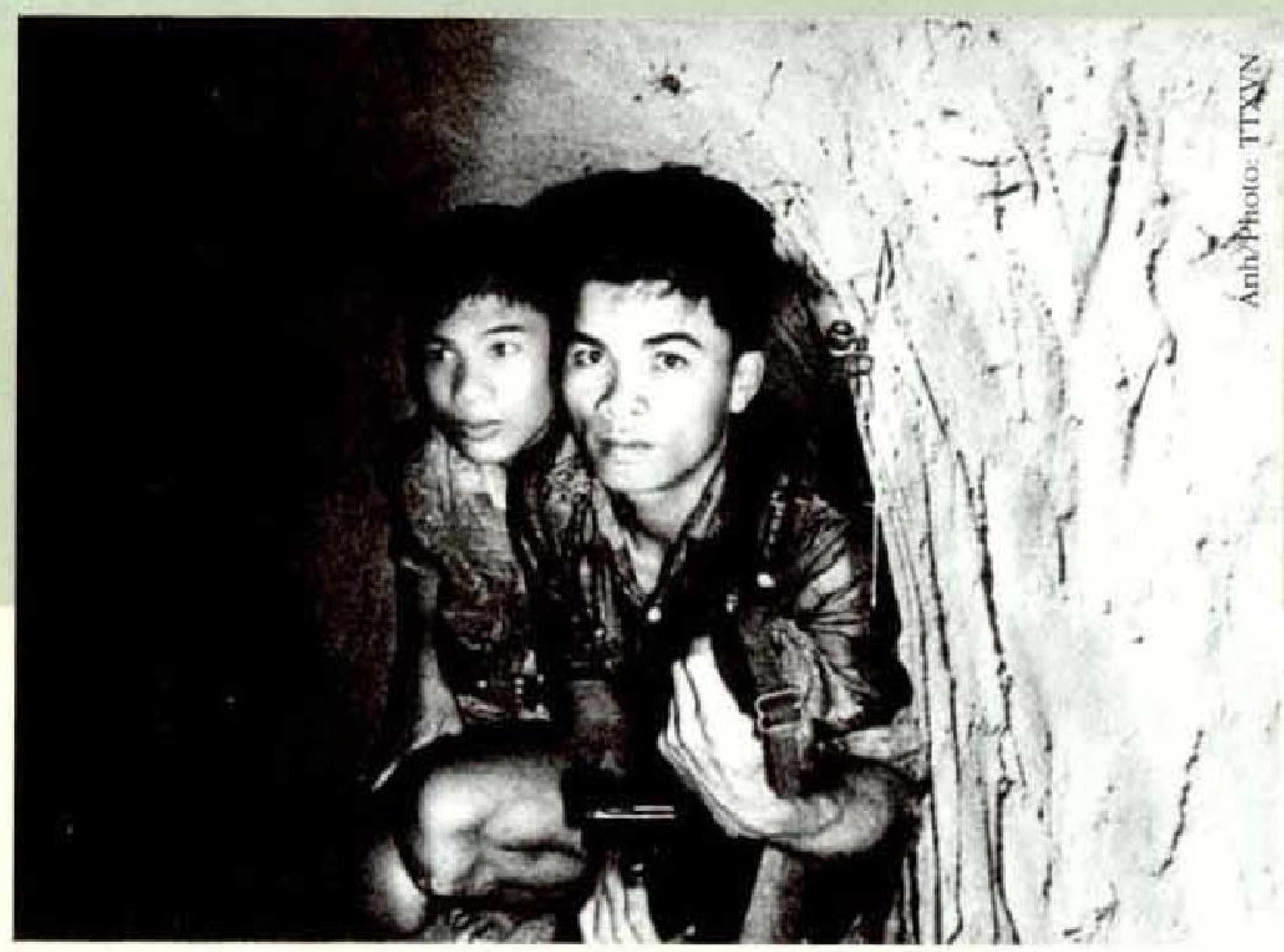

Sẵn sàng xông lên tiêu diệt địch
Ready to wipe out the enemies

Kế hoạch bình định 18 tháng của Mỹ phải kéo dài nhưng vẫn bị phá sản. Tháng 11-1963 Mỹ làm cuộc đảo chính giết chết anh em Ngô Đình Diệm, đưa bọn tay sai mới lên cầm quyền và đề ra kế hoạch Giônxơn-Mác Namara để thay thế nhằm bình định có trọng điểm ở miền Nam. Nhưng rốt cuộc, trước những đòn tiến công mạnh mẽ của quân giải phóng, quân đội Sài Gòn đã tan vỡ từng đơn vị lớn. Chính quyền Sài Gòn ngày càng rối loạn qua hàng loạt cuộc đảo chính tranh giành quyền lực nổ ra liên tiếp. Chính quyền và quân đội Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Cuối năm 1964 đầu năm 1965 "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ bị phá sản về căn bản.

Mỹ chuyển sang "chiến tranh cục bộ", một hình thức cao của chiến tranh thực dân kiểu mới, đưa quân Mỹ ồ ạt vào miền Nam Việt Nam. Mùa hè năm 1965 những đơn vị quân viễn chinh Mỹ đầu tiên đã vào miền Nam và bắt đầu tham chiến. Số quân Mỹ và quân một số nước thân Mỹ đã tăng lên nhanh chóng ; thời kỳ cao điểm lên tới trên 60 vạn. Đối với miền Bắc, ngày 5-8-1964, Mỹ gây ra sự kiện "vịnh Bắc Bộ" để lấy cớ ném bom miền Bắc. Và tháng 2-1965 Mỹ đã ném bom ồ ạt miền Bắc, chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đối với miền Bắc Việt Nam.

Bằng các hành động trên, Mỹ hy vọng cứu vãn được tình thế và khuất phục được nhân dân miền Nam. Chiến tranh lan rộng ra cả hai miền Nam Bắc. Nhân dân Việt Nam bước vào thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại. Chống Mỹ, cứu nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mỗi người dân yêu nước. Hồ Chí Minh đã khẳng định : "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn !" [1].

Ở miền Nam, quân và dân ta tiếp tục giữ vững thế chủ động tiến công, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính, đánh lâu dài, đồng thời tranh thủ giành thắng lợi trong thời gian ngắn nhất. Sau khi liên tiếp đập tan 2 cuộc phản công lớn mùa khô 1965-1966, 1966-1967 của Mỹ, đầu năm 1968 nhân dân miền Nam đã làm cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân vĩ đại làm rung chuyển cả miền Nam, chấn động dư luận nước Mỹ và thế giới. Mỹ buộc phải đột ngột từ bỏ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr. 375.

FIGHTING FOR A COMPLETE WITHDRAWAL OF THE US TROOPS

After coming to power, Nixon publicized a new global doctrine, and undertook the "Vietnamization of the war" in South Vietnam. US troops were gradually pulled out under pressure of the condemnation of the US authorities' war by public opinion in the United States and the world. Meanwhile, the Saigon army was strengthened with the US maximum firepower to replace the departing Americans. The United States expanded the war to both Laos and Cambodia. Making use of the contradictions among the socialist countries, especially between the Soviet Union and China, the United States tried by every means to put the Vietnamese people's resistance under pressure. The situation became much more difficult and complex.

chiến lược quân sự " tìm diệt" để thay bằng chiến lược bị động "quét và giữ".

Trên miền Bắc, bất chấp bom đạn của Mỹ, miền Bắc đã vững vàng chuyển hướng kinh tế, vừa sản xuất vừa chiến đấu, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chưa từng có chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ. Hậu phương lớn miền Bắc vẫn không ngừng chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Hàng ngàn máy bay hiện đại Mỹ bị tiêu diệt. Ngày 1-11-1968 Mỹ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện ném bom miền Bắc.

Tháng 1-1969, Hội nghị 4 bên ở Pari đã họp trong đó có mặt của đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

ĐÁNH CHO QUÂN MỸ PHẢI RÚT HẾT

Sau khi lên cầm quyền, Níchxơn đưa ra học thuyết toàn cầu mới, thực hiện "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam. Quân Mỹ rút dần về nước để chống đỡ với dư luận Mỹ và thế giới đang lên án cuộc chiến tranh của nhà cầm quyền Mỹ, đi đôi với tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn để thay thế cộng với hoả lực tối đa của Mỹ. Mỹ mở rộng chiến tranh sang cả Lào và Campuchia. Lợi dụng những mối bất đồng trong các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc, Mỹ tìm mọi cách gây sức ép với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Tình hình càng trở nên khó khăn và phức tạp bội phần.

Tiếp tục sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Việt Nam đẩy mạnh tiến công địch trên cả 3 mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao. Ngày 6-6-1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã được thành lập. Vừa ra đời, Chính phủ cách mạng đã được hàng chục nước và tổ chức quốc tế công nhận.

Ảnh/Photo: Trần Thắng

Nữ du kích vùng địa đạo Củ Chi
Girl - guerrilla in Cu Chi Tunnels

Bí thư thứ nhất Lê Duẩn báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng miền Nam
First Secretary Le Duan briefing President Ho Chi Minh on the revolution in South Vietnam

Hội nghị liên minh 3 nước Đông Dương (4-1970) ra tuyên bố đoàn kết chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ.

Các cuộc hành quân thí điểm "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ và quân đội Sài Gòn liên tiếp bị bẻ gẫy. Cuối tháng 3-1972 quân và dân ta mở cuộc tiến công lớn phá sập nhiều phòng tuyến của địch ở miền Nam. Hoảng hốt, tháng 4-1972, Mỹ vội vàng ném bom trở lại miền Bắc, tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc Việt Nam, với quy mô và mức độ ác liệt gấp bội lần trước. Một lần nữa miền Bắc lại chuyển hướng kinh tế, vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Phản bội lại những thỏa thuận đạt được ở Pari, ngày 18-12-1972, Mỹ huy động một lực lượng lớn máy bay chiến lược B.52 tiến hành cuộc tập kích đường không quy mô rất lớn đánh vào Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi trên miền Bắc hòng gây sức ép tối đa, buộc nhân dân Việt Nam phải chấp nhận những điều kiện đầu hàng do Mỹ đưa ra. Nhân dân miền Bắc, tiêu biểu là nhân dân Thủ đô Hà Nội, đã tiến hành trận "Điện Biên Phủ trên không" vĩ đại 12 ngày đêm, đập tan hoàn toàn cuộc tập kích nói trên. Cái gọi là "uy thế không lực Hoa Kỳ" bị chôn vùi. Ngày 27-1-1973, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari về Việt Nam, rút toàn bộ quân Mỹ và quân các nước thân Mỹ về nước, chấm dứt mọi dính líu quân sự, tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Pursuing the resistance to US aggression for national salvation, the Vietnamese people boosted their offensive on all the three fronts : political, military and diplomatic. On June 6, 1969, the Provisional Revolutionary Government of South Vietnam was established. It was immediately recognized by tens of countries and international organizations. The Alliance Conference of the three Indochinese countries (April 1970) issued a statement on solidarity against the common enemy - the US imperialists.

The pilot operations conducted by the United States and Saigon troops in the framework of the Vietnamization of the war were successively foiled. In late March 1972, our army and people launched a major offensive destroying several enemy defence lines in South Vietnam. Panic-stricken, the US resumed in April 1972 the bombing of North Vietnam, unleashing a second war of destruction on a much larger scale and with increased fierceness. Once again, the North shifted its economic orientation, conducting both production and fighting at the same time. In defiance of the agreements reached in Paris, the United States, on December 18, 1972, mobilized a great force of B. 52 strategic aircraft to launch a large-scale air attack on Hanoi, Hai Phong and other places in North Vietnam to create maximum pressure, and to impose on the Vietnamese people the American conditions for withdrawal. The people of the

North, notably, the people of Hanoi, fought a big "air Dien Bien Phu", lasting 12 days and nights and completely smashed the air strike. The so-called "supremacy of the US airforce" was buried. On January 27, 1973, the United States had to sign the Paris Agreement on Vietnam, withdraw all its troops and those of the pro-American countries, end all military involvement, and respect the sovereignty, independence, unity and territorial integrity of Vietnam.

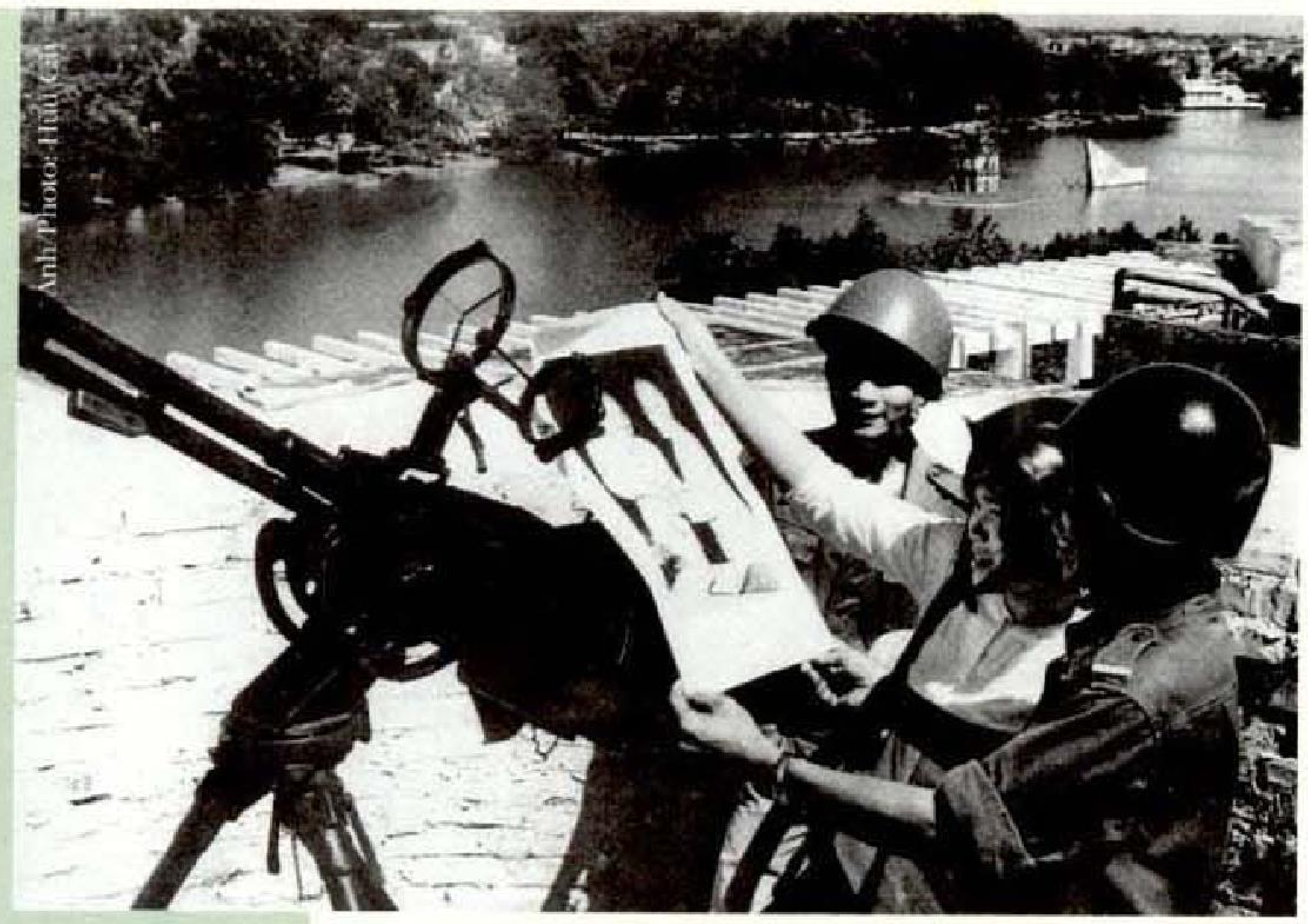

Trận địa trên cao / Air Battle field

FIGHTING FOR THE COLLAPSE OF THE SAIGON REGIME, ACHIEVING COMPLETE INDEPENDENCE, FREEDOM AND UNITY

Although it had pulled out its troops, the United States sought all possibilities to maintain neocolonialism in South Vietnam. It gave the Saigon administration massive aid amounting to millions of tonnes of weapons, left behind tens of thousands of military advisers in civilian guise, exercising an all - round and systematic sabotage of the Paris Agreement on Vietnam. The Saigon administration launched tens of thousands of big and small mopping up operations to "flood the territory", carrying out

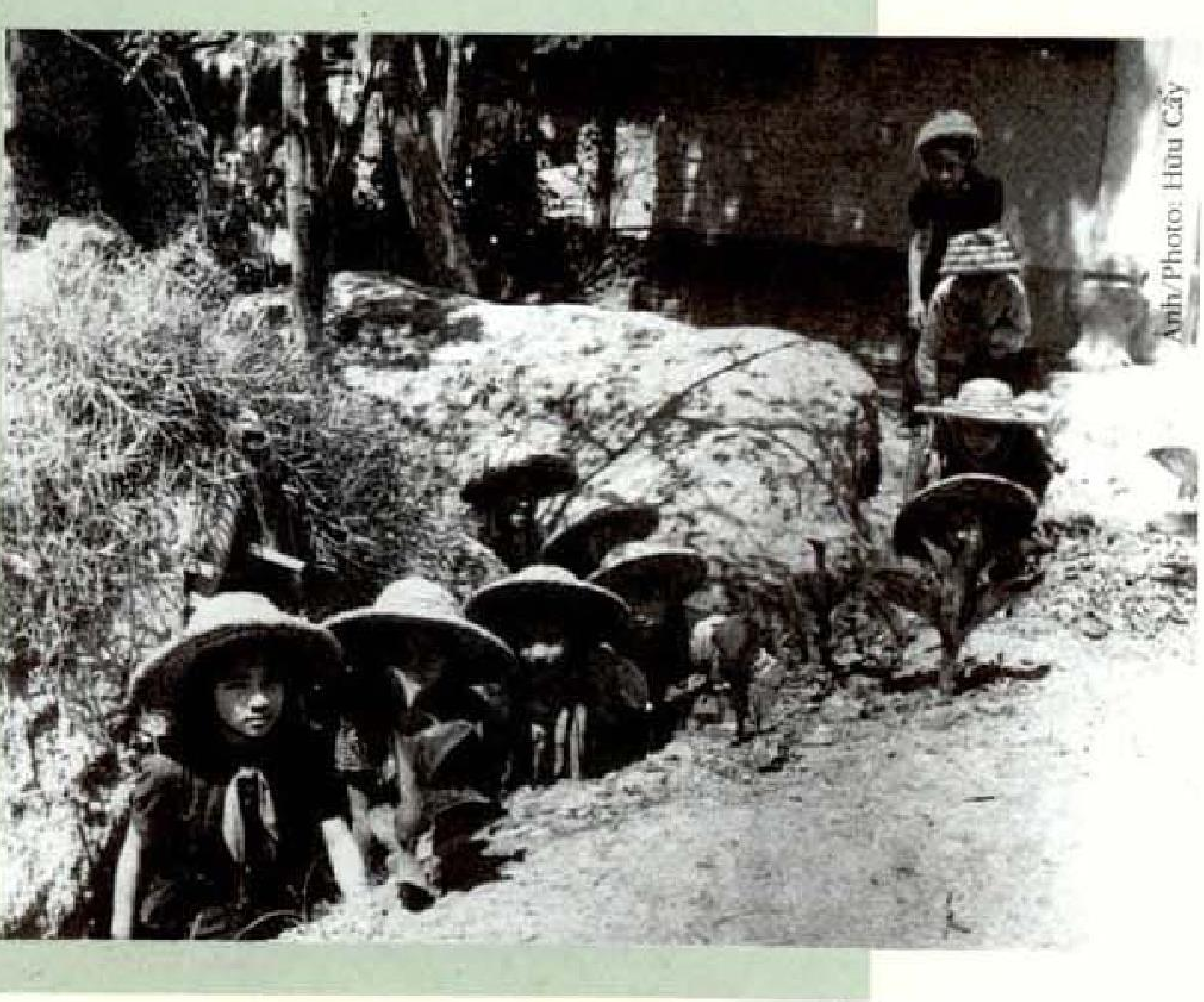

Đi học trong thời chống Mỹ, cứu nước
Going to school during war time against the US aggressors

ĐÁNH CHO CHẾ ĐỘ SÀI GÒN SỤP ĐỔ, GIÀNH ĐỘC LẬP, TỰ DO VÀ THỐNG NHẤT TRỌN VẸN

Mặc dầu phải rút quân về nước, nhưng Mỹ vẫn tiếp tục tìm mọi cách duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam : viện trợ ồ ạt cho chính quyền Sài Gòn hàng triệu tấn vũ khí, để lại hàng vạn cố vấn quân sự khoác áo dân sự, phá hoại toàn diện và có hệ thống Hiệp định Pari về Việt Nam. Chính quyền Sài Gòn mở hàng vạn cuộc càn quét lớn nhỏ để "tràn ngập lãnh thổ", đàn áp khủng bố, nhằm xóa bỏ thực trạng 2 vùng, 2 chính quyền, 2 quân đội, 3 lực lượng chính trị mà Hiệp định Pari đã công nhận. Miền Nam vẫn chưa có một ngày hoà bình, thậm chí có nơi, có lúc chiến tranh còn căng thẳng hơn trước.

Nhân dân Việt Nam không còn con đường nào khác là tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến đấu. Sau khi quân Mỹ rút đi, chính quyền và quân đội Sài Gòn mất chỗ dựa trực tiếp, tinh thần và sức chiến đấu giảm sút nghiêm trọng. Vụ

repression and terror with a view to eliminating the actual existence of two zones, two administrations, two armies and three political forces as recognized by the Paris Agreement. South Vietnam did not enjoy a single day of peace. War became even fiercer.

The Vietnamese people were left with no other alternative but to step up the fight. After the withdrawal of the US troops, the Saigon administration and army had lost direct backing and their fighting spirit and capacity were dramatically reduced. Back in the US, the Watergate scandal compelled Nixon to resign ahead of time. The socio - political situation in the United States became more unstable. Meanwhile, North Vietnam endeavoured to restore the economy, healed the war wounds and continued to strengthen its economic and defence potentials. The position and power of the revolutionary forces in South Vietnam also witnessed a fast growth. Conditions for a complete liberation of South Vietnam grew mature. In late 1974 and early 1975, the Political Bureau of the central Committee of the Vietnam Workers' Party met and worked out a

Oatoghết đã buộc Níchxơn phải từ chức trước thời hạn. Tình hình chính trị, xã hội nước Mỹ càng thêm mất ổn định. Trong khi đó miền Bắc Việt Nam khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng. Thế và lực của cách mạng miền Nam cũng tăng lên nhanh chóng. Thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam dần dần đi đến chín muồi. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp và đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975-1976, đồng thời, dự kiến nếu thời cơ cho phép sẽ giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975.

Tháng 3-1975 cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu. Trải qua 3 chiến dịch lớn liên tiếp mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975 cờ cách mạng đã cắm trên Dinh Độc Lập. Tổng thống chính quyền Sài Gòn phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Sự kiện trọng đại này kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ròng rã 21 năm của nhân dân Việt Nam, và cũng là kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ảnh/Photo: TTXVN

Vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu / Working while being ready for fighting

Nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam
American protesters against the US. Government's aggressive war in Vietnam

plan for a complete liberation of South Vietnam in the two years of 1975 and 1976. At the same time, it was expected that South Vietnam might be liberated in 1975 if opportunity arose.

In March 1975, the general offensive and uprising started. Through three major successive campaigns climaxing in the historic Ho Chi Minh campaign, the banner of the revolution was flown on the Independence Palace at 11h30 on April 30, 1975. The President of the Saigon administration had to declare an unconditional surrender. This event of great importance marked the end of the Vietnamese people's 21-year-long resistance against the US aggression for national salvation, and also the victorious end of the liberation revolution in the South and the reunification of the country.

It was a great patriotic war, a typical war for national liberation and national defence, a protracted war against a much stronger force of aggression.

Under five succeeding presidents, with four war strategies, each one fiercer than the previous, carried out on an increasing scale along with two wars of destruction against North Vietnam, the United States spent on this war far more money than it did

Đó là cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc điển hình, một cuộc chiến tranh kéo dài chống lại thế lực xâm lược lớn mạnh hơn mình gấp bội lần.

Suốt năm đời tổng thống Mỹ nối chân nhau, đã liên tiếp đưa ra 4 chiến lược chiến tranh khác nhau, với quy mô ngày càng lớn, tinh vi và ác liệt, cùng với hai cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Mỹ chi vào cuộc chiến tranh này vượt xa số tiền bạc họ chi trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II và cuộc chiến tranh Triều Tiên trước đó. Hơn 60 vạn quân Mỹ và quân của 5 nước thân Mỹ, với trên 1 triệu quân của chính quyền Sài Gòn, cùng một khối lượng các phương tiện chiến tranh khổng lồ và hiện đại nhất (trừ vũ khí hạt nhân) đã được huy động. Hơn 7,8 triệu tấn bom đạn đã trút xuống hai miền Nam - Bắc Việt Nam, hủy diệt nhiều thành phố, thị xã, nhiều cơ sở kinh tế, văn hoá, giết hại hàng triệu dân thường, gây cho nhân dân Việt Nam muôn vàn đau thương tang tóc.

Nhưng cuối cùng nhân dân Việt Nam đã chiến thắng. Thắng lợi đó "mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc" [1].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam : *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 5-6.

Nhân dân miền Nam đấu tranh chống chính quyền Sài Gòn
Southern people protesting the Sai gon Regime

during World War II and the Korean war. Over 600,000 American soldiers and the troops of five pro - American allies together with over one million troops of the Saigon administration, and a tremendous volume of the most modern weapons of war means (with the exception of nuclear weapons) had been mobilized. Over 7.8 million tones of bombs and shells had been rained on Southern and Northern Vietnam, devastating many towns, cities, economic and cultural establishments, killing millions of civilians, and causing untold suffering and mourning to the Vietnamese people.

However, the Vietnamese people won the final victory which "will be forever recorded in the national history as one of the most brilliant chapters, a shining symbol of the complete victory of revolutionary heroism and human intelligence, and will enter the world history as a great feat of the 20th century, an event of great international importance and epochal significance" [1].

This victory has led to the complete liberation of South Vietnam and firmly defended the new regime in the North. It forever put an end to the rule of imperialism which had lasted for over 100 years. It also terminated the feudal regime which had existed for thousands of years in Vietnam. The victory has washed away the suffering and shame of a lost country and won back independence, freedom and complete unity. The victory has also opened a new era in the nation's history, that of independence, freedom, unity, the whole country marching together to socialism.

That is the reason why when the unconditional surrender of the Saigon administration was announced on the "Voice of Vietnam", the Vietnamese poured out into streets with flags and flowers, and jubilantly celebrated the victory.

"We hail our glorious Motherland which is from now freed forever from foreign enslavement, from the danger of partition. We hail the beautiful Vietnamese country forming one stretch from Lang Son to the Ca Mau Cape, which has become completely independent and for ever free" [2].

In the light of the truth of Ho Chi Minh's thoughts : "Nothing is more precious than independence and freedom", Vietnamese patriotism and revolutionary heroism have been promoted and strength-

1. The Communist Party of Vietnam : *Political Report of the Party's Central Committee to the 4th National Congress*, Su that Publishing House, Hanoi, 1977, p. 5-6.

2. Le Duan : *Speech delivered at the meeting of the Hanoi people to celebrate the historic Victory of the nation*. *Nhan dan* Newspaper, May 16, 1975.

Thắng lợi này đã đi đến giải phóng hoàn toàn miền Nam, bảo vệ vững chắc chế độ mới ở miền Bắc. Nó đã chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc tồn tại hơn 100 năm và chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm ở Việt Nam, rửa sạch nỗi đau và nỗi nhục mất nước, giành độc lập, tự do, thống nhất trọn vẹn, giang sơn thu về một mối. Thắng lợi đó đã mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Vì thế, ngay khi Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam thông báo chính quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, người Việt Nam đã đổ ra tràn ngập đường phố, xóm làng rực rỡ cờ hoa hân hoan mừng thắng lợi. "Chúng ta chào mừng Tổ quốc vinh quang của chúng ta từ nay vĩnh viễn thoát khỏi ách nô dịch của nước ngoài, vĩnh viễn thoát khỏi hoạ chia cắt, chào mừng non sông gấm vóc Việt Nam liền một dải từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau từ nay hoàn toàn độc lập tự do và vĩnh viễn độc lập tự do" [1].

1. Lê Duẩn : *Diễn văn đọc tại cuộc mít tinh của nhân dân Hà Nội chào mừng ngày chiến thắng lịch sử của dân tộc*, Báo *Nhân dân*, ngày 16-5-1975.

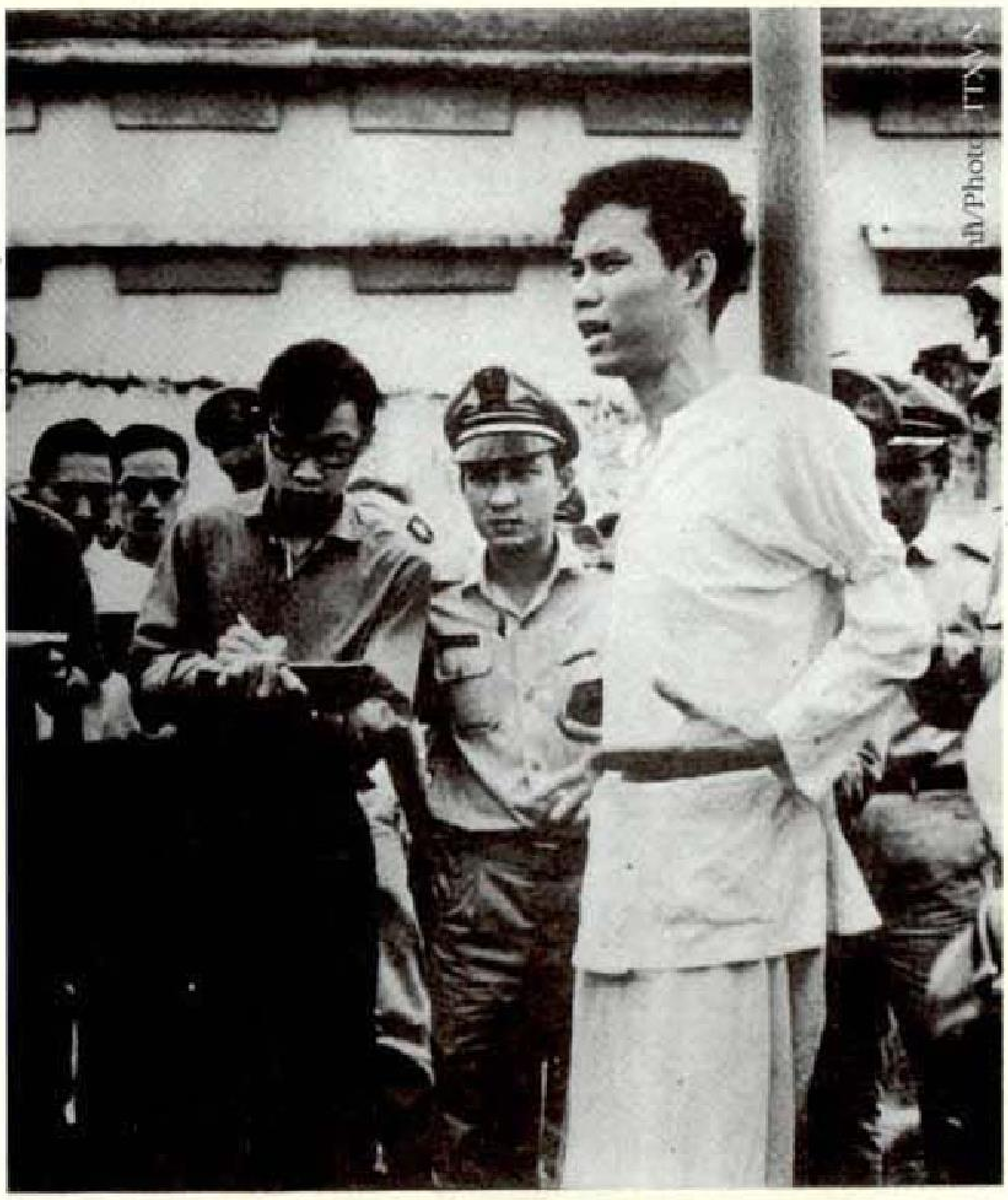

Có những phút làm nên lịch sử
(Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi tại pháp trường)
The moment that makes history
(Hero Nguyen Van Troi at the execution ground)

Dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh với chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam đã được phát huy và nâng lên gấp bội lần. Bất chấp bom đạn và vượt lên đau thương tang tóc, sức sống của dân tộc Việt Nam vẫn hiên ngang đứng vững và vươn lên kỳ diệu. Cả miền Bắc và miền Nam, cả hậu phương và tiền tuyến, cả nước đánh giặc. Biết bao bà mẹ Việt Nam anh hùng đã tiễn đưa người con cuối cùng của mình ra mặt trận để cứu nước, cứu nhà. Hàng triệu thanh niên nam nữ đã lớp lớp "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước". Hậu phương tuôn người tuôn của ra tiền tuyến. Hàng triệu người con ưu tú của dân tộc đã ngã xuống. Tư tưởng "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công" của Hồ Chí Minh đã kết chặt người Việt Nam thành một khối vững chắc để "nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước" [1].

Thắng lợi đó là thành quả của liên minh ba nước Đông Dương, những người bạn chiến đấu cùng chung một chiến hào, thuỷ chung suốt những năm tháng chiến tranh gian khổ.

Đó còn là chiến thắng của lương tri thời đại và phẩm giá con người. Nó cổ vũ và thúc tỉnh mạnh mẽ hàng triệu người và các dân tộc bị áp bức trên thế giới đấu tranh cho độc lập, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Sự nghiệp giải phóng của nhân dân Việt Nam diễn ra trong một bối cảnh tình hình quốc tế thuận lợi. Nhân dân Việt Nam đã nhận được sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào giải phóng dân tộc, của các lực lượng dân chủ, hoà bình và của cả loài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Mỹ. Trong những năm tháng đó, hàng triệu người Mỹ đã xuống đường lên án chính sách của nhà cầm quyền Mỹ, đòi chấm dứt chiến tranh, ủng hộ Việt Nam. Tình đoàn kết quốc tế đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân Việt Nam, góp phần to lớn vào việc tăng cường sức mạnh kinh tế và khả năng phòng thủ đất nước.

Trong không khí tưng bừng của ngày chiến thắng, biết bao gia đình Việt Nam, cha mẹ, vợ chồng, con cái, họ hàng mừng tủi gặp lại nhau sau mấy chục năm trời đằng đẵng phân ly. Người người trở về quê hương, dựng lại nhà cửa, thu dọn bom mìn, khôi phục ruộng hoang... Cùng với việc bắt tay ngay vào khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, Việt Nam đã hoàn thành việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước - một bước quan trọng trong quá trình thống nhất toàn diện đất nước. Đó là một nhiệm vụ rất cấp bách, có quan hệ tới vận mệnh của dân tộc và tiền đồ của Tổ quốc.

1. Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 36.

ened. In defiance of the bombardments, and overcoming suffering and mourning, the vitality of the Vietnamese nation proudly stood and amazingly grew. The whole country, both North and South Vietnam, both rear and frontline areas fought the enemy. Countless heroic Vietnamese mothers bade farewell to their last sons going to the front to save their country and their home. Millions of young men and women one after another "cut along the Truong Son mountain range to save the country". The rear areas dispatched human and material resources to the frontline. Millions of elite sons of the nation fell. Ho Chi Minh's idea of "Unity, unity, great unity. Success, success, great success" joined all the Vietnamese into a solid bloc "to drown

Các lão dân quân bắn rơi máy bay Mỹ bằng súng bộ binh
The old-age guerrillas shot down the US bomber with rifles

Ảnh/Photo: TTXVN

Máy bay Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội

A US. plane burned in the Hanoi sky

Thống nhất đất nước là nguyện vọng vô cùng tha thiết và thiêng liêng của toàn thể nhân dân Việt Nam. Đó cũng là quy luật sinh tồn và phát triển của dân tộc. Hiện thực thống nhất đất nước đã tồn tại hàng nghìn năm trên đất nước Việt Nam, khắc sâu vào lịch sử, địa lý, văn hoá, ngôn ngữ, tâm hồn của mỗi người Việt Nam. Kẻ thù xâm lược qua các thời đại, mỗi khi xâm lược nước ta, đều tìm mọi cách để chia cắt đất nước, chia rẽ dân tộc, thực hiện chính sách "chia để trị" rất thâm độc để dễ bề khuất phục. Sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc luôn luôn gắn liền với đấu tranh để bảo vệ sự thống nhất toàn vẹn của đất nước.

all invaders and traitors" [1].

This triumph was the achievement of the three Indochinese countries' alliance, the brothers-in-arms sharing the same trench and remaining faithful throughout the hard years of war.

It was also the victory of the conscience of the epoch and of human dignity. It inspired and strongly awakened millions of people and the oppressed nations in the world to fight for independence, peace, democracy and social progress. The Vietnamese people launched their liberation struggle in a favourable international context. They enjoyed strong sympathy and support and great effective assistance from the Soviet Union, China, the other socialist countries, the national liberation movements, the forces of democracy and peace and all progressive mankind including the American people. In those years, millions of Americans took to the street to condemn the policy of their authorities, to demand an end to the war, and to support Vietnam. International solidarity strongly inspired the Vietnamese people and greatly contributed to increasing their economic strength and their defence possibilities.

In the buoyant atmosphere of the Victory Day, countless Vietnamese families, parents and children, husbands and wives, relatives were reunited with both joy and tears after long years of separation. People returned home, rebuilt their houses, removed bombs and mines, reclaimed waste lands. Along with the restoration of the economy and the healing of the war wounds, Vietnam completed the reunification of the country on the state level - an important step for a comprehensive unity of the country. That was an extremely urgent task relevant to the destiny of the nation and the future of the Motherland.

National reunification is an earnest and sacred aspiration of all the Vietnamese people. It is also

1. Ho Chi Minh: *Complete Works*, Vol. 6, Su That Publishing House, Hanoi, 1986, p. 36.

the law of existence and development of the nation. The unity of the country has existed for thousands of years. It is deeply engraved in history, geography, culture, language, and in the soul of every Vietnamese. In the course of Vietnamese history, the aggressors have tried all means to divide the country and the nation, and to exercise the perfidious policy of "divide and rule" for the purpose of an easy subjugation. The struggle for national independence has always been closely linked to the struggle for the preservation of the country's complete unity.

In August 1945, the Vietnamese stood up to smash the rule of the foreign aggressors and their lackeys. They established the Democratic Republic of Vietnam - a united legal state entity on a country-wide scale. But foreign aggressive forces soon returned ; war raged on continually and the country was again divided into different regions. Then came the partition into South and North which lasted for over two decades. The victory of the resistance war against the US aggression for national salvation removed all the obstacles on the way to national reunification.

In response to the sacred and deep aspiration of the entire nation, on November 15, 1975, the representatives of the two zones, South and North, held the Political Consultative Conference in Saigon to discuss the reunification of Vietnam. The Communique of the Conference dated November 21, 1975 asserted :

It is necessary to accomplish the reunification of the country on the basis of national independence and socialism. That is the most complete and solid unity.

For the implementation of the Consultative Conference resolution, on April 25, 1976, more than 23 million voters (accounting for 98.8% of voters in the country) went to the polls to elect the common National Assembly of the reunified Vietnam. That was the second general election held in the whole country after the first organized on January 6, 1946.

In late June and early July 1976, the National Assembly with 492 deputies called the 6th-term National Assembly to imply the continuation of the work of the previous five sessions of the National Assembly since the August 1945 Revolution when it held its first session in Hanoi. The National Assembly decided to rename the country the Socialist Republic of Vietnam from July 2, 1976 ; Saigon - Gia Dinh was named after Ho Chi Minh. The National Assembly also elected the highest leading bodies and offices of reunified Vietnam.

The success of the first session of the 6th-term National Assembly marked the completion of the reunification of the country at the state level. From then on, the completion manifested in all political, economic, cultural, and social fields is to be linked to the implementation of common revolutionary

Tháng 8-1945 cả dân tộc ta đã vùng dậy đập tan ách thống trị của bọn xâm lược nước ngoài và bè lũ tay sai, dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà - một chủ thể pháp lý nhà nước được xác lập thống nhất trên phạm vi cả nước. Nhưng không bao lâu, các thế lực xâm lược nước ngoài lại kéo vào, chiến tranh diễn ra liên miên, đất nước lại bị chia cắt thành nhiều vùng khác nhau ; tiếp đến là Nam - Bắc phân chia suốt hơn hai thập kỷ. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã xóa bỏ mọi chướng ngại trên con đường thực hiện thống nhất đất nước.

Đáp ứng nguyện vọng thiêng liêng và sâu xa của đồng bào cả nước, ngày 15-11-1975, đại biểu hai miền Nam - Bắc đã họp Hội nghị hiệp thương chính trị tại Sài Gòn để bàn về thống nhất nước Việt Nam. Thông cáo Hội nghị ngày 21-11-1975 đã khẳng định :

Cần hoàn thành thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sự thống nhất trọn vẹn và vững chắc nhất.

Thi hành Nghị quyết của Hội nghị hiệp thương, ngày 25-4-1976, hơn 23 triệu cử tri (chiếm 98,8% tổng số cử tri của cả nước) đã đi bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất.. Đây là lần thứ hai cuộc tổng tuyển cử tiến hành trong cả nước sau lần đầu tiên tổ chức vào ngày 6-1-1946.

Cuối tháng 6 đầu tháng 7-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất với 492 đại biểu được gọi là Quốc hội khóa VI với ý nghĩa kế tục sự nghiệp của 5 khóa Quốc hội trước đó kể từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, đã họp kỳ thứ nhất tại Hà Nội. Quốc hội đã quyết định đổi tên nước là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kể từ ngày 2-7-1976 ; thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội cũng đã bầu các cơ quan và chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Việt Nam thống nhất.

Thắng lợi kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI đánh dấu công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. Từ đây việc hoàn thành thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội sẽ gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng chung trong phạm vi cả nước.

Ngày 31-1-1977, tại thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam đã họp để thống nhất thành mặt trận dân tộc duy nhất là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tất cả các đoàn thể quần chúng cũng lần lượt được tổ chức thống nhất lại.

Việc hoàn thành thống nhất toàn diện đã cho phép nhân dân Việt Nam có thể động viên được sức mạnh to lớn của cả dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Hội nghị Pari về Việt Nam / Paris Conference on Vietnam

tasks on a country-wide scale.

Xe tăng quân cách mạng chiếm Dinh Độc Lập
The tank of Revolutionary Army attacked the Independence Palace

On January 31, 1977, in Ho Chi Minh City, the congress of representatives of the Vietnam Fatherland Front, the South Vietnam National Liberation Front and the Vietnam Alliance of National, Democratic and Peace Forces was held to merge into a single national front - the Vietnam Fatherland Front. All mass organizations were also reunified one after another.

The completion of comprehensive national reunification allowed the Vietnamese people to mobilize forces to the whole nation for national construction and defence.

A peaceful, independent and reunified Vietnam created favourable conditions for an expansion of relations with other countries in the world.

On September 20, 1977, Vietnam became the 149th member of the United Nations.

A new chapter in the history of the nation opened !

New difficulties and trials which arose due to the aftermaths of the war were heavy. The agricultural economy, originally very poor and backward, became all the worse after the war. Thousands of factories, enterprises and economic and cultural establishments were in ruins, hundreds of thousands of hectares of land were left uncultivated, millions of unemployed, invalids, hundreds of thousands of orphans were seen everywhere. Foreign aid was reduced or completely cut. Two wars on southwestern and northern borders seriously threatened the security and sovereignty of the country.

However, new opportunities have been opened to the Vietnamese people on the way to a prosperous and strong country. The major difficulties and short-comings of the new period will make the Vietnamese calmer and more practical and raise their consciousness of themselves and their revolutionary cause so as to bravely turn to the future.

Đón đồng đội trở về / Meeting the companion - in - arms from the battle

Nước mắt dành cho ngày gặp lại / Tears at the reunion

Nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới. Ngày 20-9-1977 Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

Một trang sử mới của dân tộc đã mở !

Nhưng những khó khăn thử thách mới cũng đặt ra. Hậu quả chiến tranh còn để lại nặng nề. Nền kinh tế nông nghiệp vốn rất nghèo nàn, lạc hậu lại thêm chiến tranh tàn phá càng thêm tiêu điều, xơ xác. Hàng nghìn nhà máy, xí nghiệp và các cơ sở kinh tế, văn hoá đổ nát, hàng chục vạn hécta đất bỏ hoang, hàng triệu người thất nghiệp, thương tật, hàng chục vạn trẻ em mồ côi... Nguồn viện trợ nước ngoài giảm sút hoặc cắt hẳn. Hai cuộc chiến tranh biên giới phía tây - nam và phía bắc đã đe dọa nghiêm trọng an ninh và chủ quyền Tổ quốc.

Nhưng một thời cơ mới, vận hội mới đã mở ra cho nhân dân Việt Nam trên con đường xây dựng đất nước phồn vinh, dân giàu nước mạnh. Những khó khăn, vấp váp to lớn của thời kỳ mới càng làm cho người Việt Nam bình tĩnh hơn, thực tế hơn, nhận rõ mình và sự nghiệp cách mạng của mình hơn để dũng cảm hướng tới tương lai.

MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH MỚI

Lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam trên mấy nghìn năm đã xuất hiện nhiều chu kỳ phát triển lớn, và ngày nay đang đi vào một chu kỳ phát triển lớn hơn.

Chu kỳ phát triển thứ nhất bắt đầu từ sự liên minh các bộ tộc, bộ lạc thành một nhà nước Lạc Việt, và hai nhà nước Lạc Việt, Âu Việt thành nước Âu Lạc. Đấy là thời kỳ phát triển từ nền văn minh đồi rừng lên nền văn minh nông nghiệp đồng bằng lúa nước với công cụ đồng sắt và nền văn hoá thống nhất trong đa dạng nhiều dân tộc, bộ tộc. Sau khi thoát khỏi nền thống trị của nước ngoài, từ thế kỷ thứ ba trước công nguyên đến năm 939, nước Việt Nam đi vào chu kỳ phát triển thứ hai cho đến năm 1874. Đây là một thời kỳ phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hoá, mở rộng lãnh thổ, tăng nhanh dân số. Cho đến năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, xác lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đây là một chu kỳ phát triển rực rỡ, mở ra một thời đại mới ở Việt Nam - thời đại Hồ Chí Minh quang vinh.

Trong lịch sử lâu dài của mình, dân tộc Việt Nam phải không ngừng tiến hành những cuộc đấu tranh chống sự xâm lược của nước ngoài. Gần như không có thế hệ nào được sống trong một nền hoà bình vững chắc. Thế kỷ X Việt Nam đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa phong kiến phương Bắc, giành lại độc lập, tự chủ. Nhưng từ năm 1858 lại phải đương đầu với các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân cũ và mới suốt hơn một trăm năm.

Trong thế kỷ XX này Việt Nam trở thành chiến địa của nhiều cuộc chiến tranh xâm lược hết sức tàn bạo kế tiếp nhau.

Vì phải chịu đựng quá nhiều chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc do chủ nghĩa thực dân cũ và mới gây ra, người Việt Nam tha thiết hơn ai hết với hoà bình. Họ chưa từng gây chiến với bất cứ ai, nhưng vẫn phải trả lời bằng vũ khí những kẻ châm lửa đốt nhà mình. Nhân dân Việt Nam cởi mở, muốn mở rộng quan hệ với bốn biển năm châu.

Bài học lớn nhất của Việt Nam là khi nào dân tộc thống nhất, có ý chí quyết thắng, tự cường, đi theo con đường của mình thì thắng lợi, đi lên. Văn hoá dân tộc là một sức mạnh lớn nhất, nhờ nó, tập hợp được dân tộc, tổ chức được những cuộc chiến đấu lớn thắng lợi. Là một dân tộc nhỏ, nhờ thống nhất ý chí và hành động, Việt Nam nhiều lần đánh thắng các thế lực thù địch mạnh hơn mình gấp bội.

Sức mạnh vốn có của Việt Nam trong mấy nghìn năm lịch sử là sức mạnh văn hoá, tinh thần dân tộc, dân chủ (quan hệ cộng đồng làng xã, quan hệ đoàn kết giữa vua quan và dân chúng, nhất là khi đất nước gặp tai họa). Ý chí độc lập, tự chủ là động lực to lớn của các cuộc chiến đấu chống xâm lược ngày hôm qua. Ý chí tự cường, gắn liền lợi ích của các gia đình và lợi ích của Tổ quốc, là động lực của sự phát triển ngày hôm nay.

* * *

Thắng lợi của nhân dân ta vào mùa xuân năm 1975 mở ra một bước ngoặt, một chu kỳ phát triển lớn trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

A New Journey

The multi-thousand-year history of the Vietnamese nation has witnessed many great cycles of development. Now it is entering a greater one.

The first cycle began at the time when tribes and clans joined up into the State of Lac Viet, and later, the two states of Lac Viet and Au Viet merged to form the State of Au Lac. It was the time when wild civilization developed into agricultural civilization based on water rice culture in which many bronze and iron tools were used, and the cultures of diverse tribes and clans were unified. Having been freed from foreign domination, which had lasted from the third century B.C. to 939 AD, Vietnam entered the second cycle of development which lasted until 1874. It was the period of comprehensive development in politics, economy, culture, territorial expansion and population growth. In 1945, the August Revolution led to the birth of the Democratic Republic of Vietnam. It started another cycle of development - a new era in the history of Vietnam : the glorious Ho Chi Minh era.

Đoàn tàu Thống Nhất Bắc Nam / The North-South Thong Nhat Express

In the course of history, the Vietnamese people had to wage successive struggles against outside invaders. Almost no generation of the Vietnamese people could live in stable peace. In the tenth century, Vietnam put an end to the yoke of Northern feudalist oppressors and won back its independence. But for over 100 years since 1858 Vietnam had to face aggressive wars of both old and new colonialism.

In the 20th century, Vietnam becomes a battlefield of successive bloody wars of invasion.

The Vietnamese people who had to suffer countless wars waged by old and new colonialists, and launched many struggles for national defence and liberation cherish a passionate desire to live in peace more than anyone else. They were never warmongers. Yet they have to resort to weapons to fight those who "set fire to their home". The open-hearted Vietnamese people want to befriend the international community.

One of the most important lessons that the Vietnamese people have learned is that victories can only be obtained when they are a united nation, determined to win, to develop on their own and to go their own way. Their national culture is their greatest power to mobilize the people and to lead their struggles to success. Although Vietnam is a small nation, it has defeated many far stronger hostile forces owing to its unity of thought and efforts.

The strength of the Vietnamese people during their multi-thousand-year history lives in their culture, their national and democratic spirit which can be best expressed in relations between members of rural communes, and between rulers and the common people, especially when the nation is at risk. It

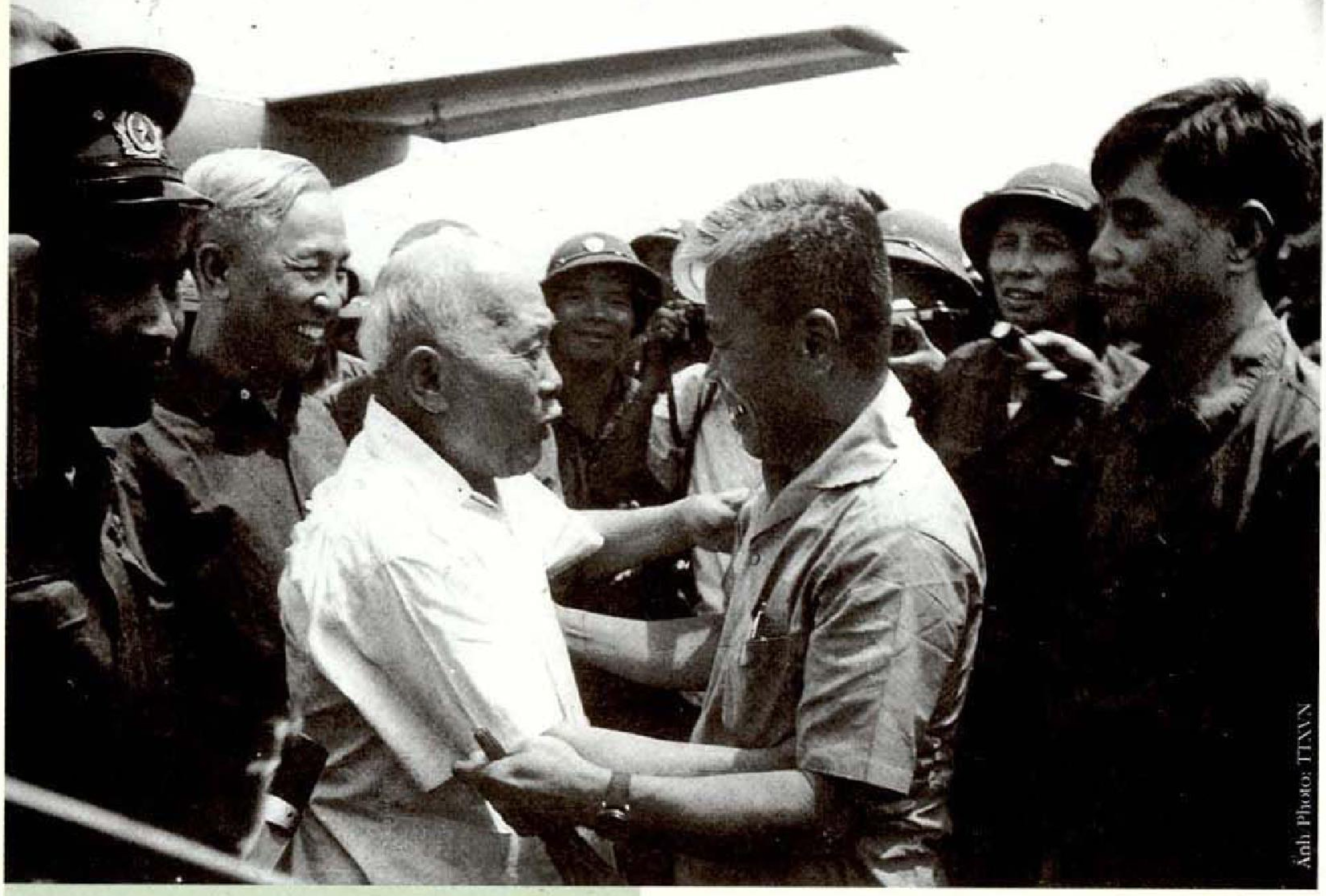

Chủ tịch Tôn Đức Thắng thăm miền Nam ngay sau khi nước nhà thống nhất
President Ton Duc Thang visited South Vietnam right after the reunification of the country

was the determination to be independent and self-determined that motivated the Vietnamese people to fight against aggressors. The present strength comes from the will to self-reliance and the combination of individual and social interests to develop their country.

* * *

The Spring 1975 victory was a turning point, ushering in a new cycle of development. This victory put an end to the 30-year resistance against foreign aggressors, accomplishing national liberation and reunification and leading the whole country to a new period of peaceful development building a happy life for the people.

Peace, independence, unity, democracy, prosperity have been the desire of many Vietnamese generations and the objectives of their struggles.

Part of the country was lost in 1861 and the whole of it in 1884. The August 1945 insurrection overthrew the Japanese rule (set up after the Japanese coup against the French in March that year), ruled out the local puppet feudalist rulers and regained independence.

Thắng lợi ấy chấm dứt ba mươi năm kháng chiến chống xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc; đưa cả nước tiến vào giai đoạn hoà bình phát triển, xây dựng cuộc sống mới văn minh, hạnh phúc.

Hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh là những mục tiêu phấn đấu và khát vọng của nhiều thế hệ người Việt Nam.

Chúng ta mất nước một phần năm 1861 và mất cả nước năm 1884. Cuộc Tổng khởi nghĩa của toàn dân ta tháng 8 năm 1945, lật đổ chế độ thống trị do Nhật Bản thiết lập (sau khi họ lật đổ ách thống trị của Pháp tháng 3 năm đó), xóa bỏ chế độ vua quan bù nhìn, khôi phục nền độc lập chưa được một tháng đã phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của Pháp. Từ ngày 30 tháng 4 năm 1975, nước Việt Nam mới có hoà bình, độc lập hoàn toàn.

Bị chia cắt là một tai họa lớn của nước Việt Nam. Pháp chia cắt nước Việt Nam làm ba kỳ với hình thức cai trị khác nhau. Pháp lại mưu toan tách Nam Bộ thành một Nhà nước tự trị. Mỹ thì chia cắt Việt Nam từ vĩ tuyến 17.

Chấm dứt tai họa chia cắt là hạnh phúc lớn của dân tộc Việt Nam. Đất nước bị chia cắt thì suy yếu ; thống nhất lại thì lực lượng tăng lên.

Sức mạnh tiềm tàng quyết định sự phát triển của dân tộc Việt Nam là tinh thần đoàn kết cộng đồng, là ý chí độc lập, tự chủ, tinh thần chiến đấu dũng cảm, đức hy sinh vì nước của nhân dân ta, đã hình thành từ thời xa xưa, từ cộng đồng Lạc Việt.

Tinh thần, ý chí ấy thể hiện trong cuộc đấu tranh dai dẳng một nghìn năm chống lại hiểm họa nô dịch và đồng hoá; khôi phục nền tự chủ, đánh thắng các thế lực xâm lược, cũng một nghìn năm nữa.

Bước ngoặt lịch sử do thắng lợi năm 1975 tạo ra đối với sự phát triển của dân tộc ta, có phần giống như bước ngoặt do thắng lợi của Ngô Quyền năm 939 mở đầu sự phát triển gần một nghìn năm của nền văn minh Đại Việt.

Sự phát triển từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 18 của dân tộc ta hoà nhập trào lưu phát triển chung của các dân tộc trong giai đoạn lịch sử đó.

Do những nguyên nhân bên trong và bên ngoài, dân tộc ta đã lỡ bước trong cuộc cách mạng công nghiệp. Những cuộc chiến tranh diễn ra liên tục gần nửa thế kỷ lại làm cho chúng ta chậm bước vào cuộc cách mạng hiện đại.

Sự kết thúc thắng lợi các cuộc chiến tranh giải phóng mang lại cho dân tộc ta một thời cơ lớn, một tầm cỡ mới, mở đường cho đất nước ta hoà nhập trào lưu chung của thời đại mới.

Hậu quả chiến tranh, sự chậm trễ là những trở ngại không nhỏ của cuộc hành trình mới. Và khi bước vào một giai đoạn mới cũng phải trả giá cho sự dò tìm con đường cụ thể cho sự phát triển của đất nước theo định hướng chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta trở lại nắm chắc những bí quyết thành công, nguồn gốc sức mạnh của mình là tinh thần độc lập, tự chủ, phát huy trí tuệ và hoà hợp cộng đồng, tập hợp lực lượng toàn dân tộc, và nắm bắt thời cơ, tranh thủ mọi khả năng từ bên ngoài,

Vietnam, only a month later, had to confront with a second French war of invasion. Only since 30 April, 1975 has Vietnam enjoyed real peace and independence.

The partitioning of the country was a big disadvantage to Vietnam. The French divided Vietnam into three parts with different forms of domination. They made an attempt to make Nam Bo (the South of Vietnam) a separate autonomous state. The Americans then divided Vietnam with the 17th parallel.

It is a great happiness to the Vietnamese that partitioning has been done away with. If the country is divided, it will weaken ; if the country is reunified, it will strengthen.

The potential strength that decides the

Ảnh/Photo: Đào Hoa Nữ

Một góc sân chim Bạc Liêu / A corner of the bird yard in Bac Lieu

development of Vietnam originates from community solidarity, determination to independence and self-government, courage and voluntary sacrifice for the homeland. These valuable qualities have been age-old traditions the community since the Lac Viet existence. They were reflected in the protracted 1,000-year resistance against the threat of being assimilated and enslaved, and another 1,000-year struggle for independence and freedom.

The turning point of historic significance in the present stage of development brought about by the 1975 Victory recalls, to some extent, the one made by Ngo Quyen in 939 before the Dai Viet's civilization that started its 1,000-year development era.

The development of Vietnam from the 10th to the 18th century was integrated into the common course of the world's development of the time. But for many internal and external reasons, our nation dallied away the chance to take part in the Industrial Revolution. Half a century of wars also made Vietnam fall behind in the modern revolution.

The successful liberation struggle offered Vietnam a new opportunity, and a new status and paved the way for its integration into the common trends of the time.

War consequences and delays are no small obstacles on the new journey. Entering a new period Vietnam has to pay the price for seeking a practical way to develop the country in accordance with the socialist orientation.

The secret to success and the sources of power that we must grasp rest with such factors as the determination to independence and self-determination ; promotion of people's wisdom, community concord, consolidation and mobilization of the whole nation, ability to make the best use of every opportunity and outside assistance and the integration into the international community for national development.

From the experience of its long struggles and of other nations, Vietnam can affirm that the determination and spirit of a nation are among those factors which constitute its national power.

Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kỳ thứ nhất
The First Session of the National Assembly of Reunified Vietnam

Vietnam owes its success in the most difficult wars to its determination to independence and self-determination and its national spirit and ardent patriotism.

With independent thinking, Vietnam has learned to make the best use of mankind's wisdom, to enrich its own intellectual wealth, to upgrade its knowledge to the level of intellectual development of the age.

No one ever hopes to get over his enemies if he cannot outwit them. The deep sources for all success lie in the mind, spirit, and culture of one nation. Human power also originates from these factors.

The Vietnamese spiritual and intellectual power was greatly enhanced after the victories over foreign invaders. This is the most important and fundamental asset of the nation in face of the new turning point of national development.

Although the country possesses huge natural and material resources, the victory won in the war in itself cannot be a ground for development without the above-mentioned conditions.

Many risks might occur after a victory. Euphoria after glory, weariness, and loss of orientation are by no means rare phenomena. Humans are wise, but to err is human. However, in many cases, failure opens one's eyes.

After Ngo Quyen, Dinh Bo Linh, and Le Hoan won their victories and Ly Cong Uan moved the capital from Hoa Lu to Dai La and renamed it Thang Long (939 - 1010), Vietnam began a radiant age of development, which lasted through the Ly, Tran, Le, and Tay Son dynasties (1010 - 1801).

In our time, the 1975 victory initiated a new period of development. The development of a nation is the cause of many generations. The younger generation continues what is left by the previous one. The latter is to maintain the right spirit of the former. "Ups and downs" is not an inevitable law of historical evolution but they occur as a result of human's blunders. Moreover, the downfall of one generation might well lead to that of many successive generations. It is easier to fall down than to rise up.

However, another law that also exists is the younger generation is wiser than the previous one, for it inherits and develops the knowledge and experience of its predecessors.

hoà nhập đời sống quốc tế, đưa đất nước tiến lên.

Qua cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân ta, và quan sát, học hỏi kinh nghiệm các dân tộc khác, chúng ta có thể khẳng định một trong những nhân tố quan trọng tạo ra sức mạnh của một dân tộc là ý chí, tinh thần của dân tộc ấy.

Nhờ có ý chí độc lập, tự chủ, tinh thần dân tộc, chủ nghĩa yêu nước nồng nàn, nhân dân ta đã tiến hành thắng lợi những cuộc chiến tranh vào loại khó nhất.

Nhờ có tư duy độc lập, tự chủ, chúng ta biết thu hút được những tinh hoa trí tuệ của loài người, làm phong phú thêm những vốn liếng trí tuệ của mình, nâng trình độ hiểu biết của mình lên kịp sự phát triển trí tuệ của thời đại.

Thấp kém trí tuệ so với đối phương thì không thể thắng chúng. Nguồn gốc sâu xa của mọi thắng lợi là trí tuệ, tinh thần, văn hoá. Thắng bằng sức mạnh của con người, mà sức mạnh ấy trước hết là của trí tuệ, tinh thần.

Sau thắng lợi của các cuộc chiến tranh chống xâm lược, sức mạnh trí tuệ, tinh thần của Việt Nam đã có một bước phát triển mới. Đây là cái vốn quan trọng nhất, cơ bản nhất của dân tộc ta trước bước ngoặt mới của sự phát triển của dân tộc.

Thắng lợi của một cuộc chiến tranh không tự nó chuẩn bị cho sự phát triển nếu thiếu những điều kiện nói trên, dù đất nước có những tài nguyên và nguồn vật chất to lớn.

Nhiều nguy cơ có thể xảy ra sau một thắng lợi. Say mê với vinh quang hoặc mệt mỏi, mất phương hướng là những hiện tượng không phải là cá biệt. Con người rất khôn ngoan nhưng cũng dễ mắc sai lầm. Nhiều khi thất bại lại làm cho người ta tỉnh táo.

Thắng lợi của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, việc Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên Kinh đô là Thăng Long (939-1010) hình thành đoạn đường đầu của một giai đoạn phát triển rực rỡ lâu dài của dân tộc ta từ Lý, Trần, Lê đến Tây Sơn (1010-1801).

Lần này, bắt đầu từ thắng lợi năm 1975, giai đoạn phát triển mới còn ở bước đầu. Sự phát triển của một nước là sự nghiệp của nhiều thế hệ. Thế hệ trước chuẩn bị cho thế hệ sau. Thế hệ sau nối chí, tiếp tục sự nghiệp thế hệ trước. Thăng trầm không phải là một quy luật vận động tất yếu của lịch sử, nhưng cũng thường xảy ra do sai lầm của con người. Một thế hệ đi xuống rất có thể kéo theo nhiều thế hệ đi xuống tiếp theo. Đi xuống dễ dàng hơn đi lên.

Cũng có quy luật : lớp người sau khôn ngoan hơn lớp người đi trước vì thực hiện được sự kế thừa và phát triển.

MƯỜI NĂM

TRĂN TRỞ, SUY TƯ ĐỂ TÌM CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

NHỮNG THÁCH THỨC LỚN NHỮNG TRĂN TRỞ VÀ SUY TƯ

1. Năm 1975, sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, cách mạng Việt Nam bước sang thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước. Tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam được tiến hành sau khi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã giành được hoàn toàn thắng lợi. Đại hội đã tổng kết một giai đoạn cách mạng, rút ra những bài học cơ bản, đề ra đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế nhằm khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh và xây dựng lại đất nước.

Sau Đại hội IV, có nhiều Hội nghị Trung ương, trong đó có 5 hội nghị chuyên bàn về kinh tế : Hội nghị Trung ương 2 (2-1977) bàn về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp ; Hội nghị Trung ương 3 (12-1977) bàn về kế hoạch kinh tế năm 1978, về khắc phục sự trì trệ trong sản xuất và về quản lý kinh tế ; Hội nghị Trung ương 5 (12-1978), phân tích tình hình kinh tế - xã hội và xác định ba nhiệm vụ lớn ; Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) bàn về những vấn đề kinh tế cấp bách và sản xuất hàng tiêu dùng ; Hội nghị Trung ương 9 (12-1980) bàn về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế năm 1981.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội IV và Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương, nhân dân Việt Nam đã dũng cảm phấn đấu và đạt được những thành tựu quan trọng : sản xuất nông nghiệp đã có tiến bộ đáng kể về thâm canh, tăng vụ, bước đầu phá thế độc canh và chuyển biến theo hướng phát triển toàn diện. Cùng với ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp không ngừng vươn lên, các cơ sở ban đầu của nền công nghiệp lớn được từng bước xây dựng. Thương nghiệp mở rộng mạng lưới, nắm được 80% nguồn hàng công nghiệp. Qua cải tạo công thương nghiệp, nhà nước đã quản lý các ngành kinh tế quan trọng : kinh tế quốc doanh và công tư hợp doanh chiếm 100% trong ngành năng lượng ; 45% trong ngành cơ khí ; 100% trong ngành bia, bột ngọt, thuốc lá ; 45% trong ngành chế biến đường, dầu thực vật ; 60% trong ngành dệt ; 100% trong ngành sản xuất giấy v.v.. Quan hệ sản xuất mới được xác lập và đã phát huy tác dụng tích cực. Cơ sở vật chất và kỹ thuật với tài sản cố định tăng gấp bội trong vòng 10 năm (1976-1986), tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân trong những năm tiếp theo. Sự nghiệp giáo dục, văn hoá, y tế, xã hội ngày càng mở rộng. Lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật tăng khá nhanh, là vốn quý trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Những thành tựu đã đạt được rất quan trọng, song nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ này đứng trước những mất cân đối nghiêm trọng, và vào cuối những năm 70 đã dẫn đến một cuộc khủng hoảng về kinh tế - xã hội. Do áp dụng mô hình kinh tế hiện vật, không coi trọng sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường, nên lực lượng sản xuất chậm phát triển. Nền sản xuất xã hội và hoạt động kinh tế vừa cứng nhắc vừa thụ động, lãng phí, tham ô tăng lên, còn năng suất lao động và hiệu quả

Ten Years

OF PONDERING TO FIND THE PATH OF RENOVATION

MAJOR CHALLENGES-CONCERNS AND REFLECTIONS

1. After the liberation of South Vietnam and the reunification of the country in 1975, the Vietnamese revolution entered a new period - that of socialist construction on a nation wide scale. The 4th National Congress of the Communist Party of Vietnam was held in December 1976 following the total victory of the people's national democratic revolution. The Congress summed up a revolutionary stage, drew fundamental lessons, worked out the general line and the line of economic development designed to overcome the heavy aftermaths of the war and to rebuild the country.

After the 4th Congress, the Central Committee held several meetings among which five were devoted to economic problems : the second meeting (February 1977) discussed the problems of agriculture, forestry and fishery ; the third meeting (December 1977) discussed the 1978 economic plan and the solution to stagnation in production and economic management ; the fifth meeting (December 1978 analysed the socio-economic situation and laid down three major tasks ; the sixth meeting (August 1979) discussed pressing economic issues and the problem of consumer goods production ; the ninth meeting (December 1980) discussed the orientation and economic tasks in 1981.

In the light of the Resolutions of the 4th Congress and the decisions of the Central Committee meetings, the Vietnamese people made sustained efforts and recorded important achievements ; notable progress was made in intensive cultivation, the annual number of crops were increased, first steps were made to give up the practice of mono-culture and to shift to a comprehensive development. Along with the steady advance of small industry and handicrafts, initial installations of bigger industry were built step by step. Trade expanded its network and managed to handle 80% of industrial

Đồng ruộng sau khi nông dân được trao quyền sử dụng lâu dài / The rice fields after they were given to farmer for long-term use

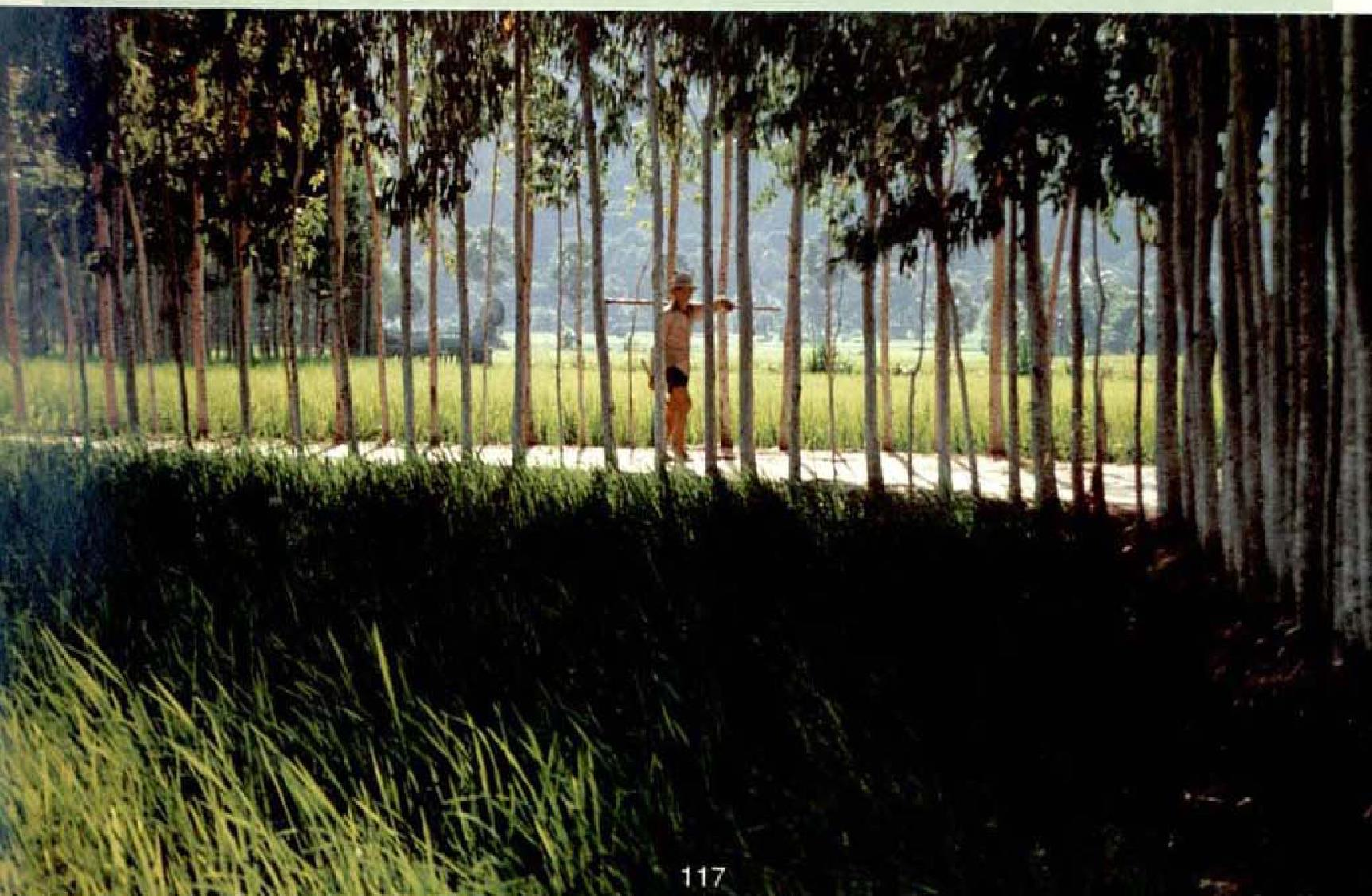

Ra đồng / Going to farm

commodities. Through the reformation of industry and trade, the State took control of the management of important economic branches : the State economic sector and the joint State - Private economic sector accounted for 100% of the production of the power industry, 45% in the engineering industry, 100% in brewery, sodium glutamate, cigarettes, 45% in the processing of sugar, vegetable oil, 60%in the textile industry, 100% in the paper industry... The newly established relations of production promoted their positive effects. The material and technological installations had their fixed assets increased by multiples in 10 years (1976- 1986), creating favourable conditions for the development of the national economy in subsequent years. The educational, cultural, public health and social work was broadened with every passing day. The scientific and technological cadres increased in number at a fairly quick tempo and constituted a valuable asset in national construction.

The achievements recorded were very important, yet the Vietnamese economy in this

kinh tế thì giảm xuống. Lợi ích cá nhân của người lao động và lợi ích của toàn xã hội bị tổn hại. Phương thức quản lý tập trung quan liêu, hành chính mệnh lệnh cùng với cơ chế bao cấp và bình quân đã tạo ra nhiều kẽ hở để gia tăng nạn tham nhũng, đặc quyền đặc lợi.

Mặt khác, do nhận thức và xử lý không đúng mối quan hệ giữa nhân tố kinh tế với nhân tố xã hội, nên dẫn tới sự rối loạn các lợi ích và làm suy giảm động lực phát triển nội tại của xã hội. Do đó, nó tạo điều kiện cho sự tách rời chính sách kinh tế với chính sách xã hội, vừa không nhận rõ các vấn đề xã hội và hậu quả xã hội phát sinh từ các chính sách, các giải pháp kinh tế, vừa không coi trọng các bảo đảm kinh tế - vật chất cần thiết đối với việc thực hiện các chính sách xã hội.

Do vậy, mô hình cũ và các chính sách phát triển xã hội theo mô hình đó đã gây trở ngại cho việc xây dựng một xã hội công bằng, thực hiện quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân làm chủ, đảm bảo cho mọi thành quả lao động, mọi giá trị vật chất và tinh thần do nhân dân tạo ra phải thuộc về nhân dân, làm cho mỗi người cảm thụ được hạnh phúc thực tế, có điều kiện phát triển, thấy được triển vọng cuộc sống của tương lai.

2. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội vào cuối những năm 70 thật sự là một thách thức lớn đối với cả dân tộc ta, nó đòi hỏi sự đóng góp trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, tìm mọi cách để thoát ra khủng hoảng. Trước tình hình ấy, Hội nghị Trung ương 6 Khóa IV họp tháng 8-1979, đã mở ra một hướng mới trên con đường đổi mới.

Hội nghị đã chỉ rõ những khuyết điểm, sai lầm trong lãnh đạo kinh tế : chưa kết hợp chặt chẽ kế hoạch hoá với sử dụng thị trường, chậm phát huy năng lực của kinh tế quốc doanh, cũng như chưa sử dụng đúng các thành phần kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân ở miền Nam, chậm khắc phục sự trì trệ, bảo thủ trong việc xây dựng các chính sách về kinh tế, tài chính nhằm khuyến khích sản xuất ; đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam có những biểu hiện giản đơn, nóng vội.

Hội nghị chủ trương phải ban hành các chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Hội nghị chỉ rõ phải tận dụng các thành phần kinh tế quốc doanh, công tư hợp doanh, tập thể, cá thể (kể cả tư sản được kinh doanh hợp pháp), uốn nắn những quan niệm lệch lạc đối với kinh tế tư bản tư nhân, tận dụng mọi khả năng lao động, kỹ thuật, quản lý của các thành phần kinh tế ấy nhằm phát triển sản xuất v.v..

Rõ ràng, Hội nghị Trung ương 6 đã đề ra một số quan niệm, chủ trương đổi mới, tuy chưa cơ bản và toàn diện, nhưng là bước mở đầu quan trọng. Tư tưởng nổi bật của Hội nghị là làm cho "sản xuất bung ra", khắc phục những khuyết điểm trong quản lý kinh tế, đề ra chủ trương phù hợp để phát triển lực lượng sản xuất.

Thực hiện nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, Chỉ thị 100 về khoán sản

period presented serious imbalances that led to a socio-economic crisis in the late 70's. The application of the pattern of the natural economy, not paying due attention to commodity production and the market economy, slowed down the development of the productive forces. Social production and economic activities were both rigid and passive, waste and corruption increased while labour productivity and economic effectiveness were lowered. The personal interests of the labourer and the interests of the whole society were affected. The mode of bureaucratic centralized management and administrative commandership together with the subsidy - based and egalitarian mechanism created many breaches which increased corruption and special privileges.

An incorrect understanding and handling of the relationships between the economic and social factors led to a confusion of interests and weakened the driving force behind social development. Conditions were thus created for a dissociation of economic policies from social policies. The social issues and the social consequences arising from economic policies and measures were not fully realized. At the same time, due attention was not paid to the economic and material guarantees required by the implementation of social policies.

As a result, the old pattern and the social development policies resulting from it hindered the building of a just society and the implementation of the motto : power really belongs to the people who are the masters, all the fruits of labour, all material and cultural values created by the people belong to the people, each person enjoys real happiness and is in a position to develop, and to realize the prospects of future life.

2. The socio-economic crisis of the late 70's was indeed a major challenge to our whole nation. It required the whole Party and people to find a way

Ảnh/Photo: Hữu Cầy

Nhớ lại thời bao cấp
Reminiscence of the subsidy system

out. In this situation, the 6th meeting of the 4th Central Committee held in August 1979 opened a new orientation on the path of renovation.

The meeting pointed out the shortcomings and mistakes in economic leadership : failure to achieve a close combination of planning and the utilization of the market, failure to promote the capabilities of the State economy, failure to achieve a correct use of the individual and private economic sectors in South Vietnam, delays in overcoming stagnation and conservatism in the development of economic and financial policies to encourage production and hastes in socialist transformation in South Vietnam.

The meeting advocated the promulgation of policies to develop agriculture, forestry, fishery, the production of consumer goods and to promote exports. It pointed out the need to make the most of the various economic components : State-run enterprises, joint State-private ventures, collective units, individual establishments (including those which belong to capitalists legally allowed to carry out business). It put right the erroneous conceptions about the private capitalist economy, pointed out the need to put into use all capabilities of these economic sectors with regard to labour, technology and management.

Obviously the 6th meeting of the Central Committee worked out a number of concepts about renovation which, though not fundamental and comprehensive, constituted an important start. The outstanding idea was to achieve "a production explosion", to overcome shortcomings in economic management, to adopt adequate policies to develop the productive forces.

In furtherance of the basic content of the Resolution of the 6th meeting of the Central Committee of the Party, directive No 100 issued by the Central Committee's Secretariat on the allotment of production quotas to groups and individual labourers created a new motive force in agricultural production. There had been as yet no economic form that enjoyed, after its birth, such widespread welcome and encouragement and brought about such great economic effects and opened up such fine prospects as the allotment of production quotas to individual labourers.

phẩm đến nhóm và người lao động của Ban Bí thư Trung ương đã tạo ra một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp. Cho đến lúc này, hiếm có một hình thức kinh tế nào khi ra đời lại được hoan nghênh, cổ vũ, nhân ra rộng rãi và mang lại hiệu quả kinh tế lớn, mở ra triển vọng tốt đẹp như hình thức khoán sản phẩm đến người lao động.

Trong lĩnh vực công nghiệp thì quyết định số 25CP ngày 21-1-1981 là một sự đổi mới có ý nghĩa trong quản lý công nghiệp. Quyết định nêu lên ba nguyên tắc để định hướng cho các chủ trương, biện pháp cải tiến công tác kế hoạch hoá và hạch toán kinh tế ở các xí nghiệp quốc doanh. Quyết định còn chỉ rõ phương châm tiến hành một số công tác, trong đó có việc cải tiến công tác làm kế hoạch. Vào thời điểm nền kinh tế nước ta đang trong cơn khủng hoảng mà quyết định 25CP đã đề ra được một số phương châm, biện pháp cải tiến quản lý xí nghiệp quốc doanh như vậy thì đó là điều

Ảnh Photo: Văn Thọ

Ngày cuối cùng của chế độ tem phiếu / The last day of the rations system

In the industrial field, decision No 25 CP dated January 21, 1981 was a significant step in renovating industrial management. It laid down three principles to orientate the policies and measures to improve planning and economic accounting in State enterprises. It also indicated guiding principles for carrying out a number of tasks, including the improvement of planning work. At a time when our economy was in a crisis, the fact that Decision No 25CP set forth such guiding principles and measures to improve the management of State enterprises was a significant one : it helped the establishments to resolve by their own means part of their difficulties in production, business and the people's livelihood. It suggested ideas about continued renovation not only in planning, but also in the field of prices, profits, and rewards. The partial renovation of the management of the enterprises resulted in a fairly great development of industrial production during that period. The average annual growth rate increase was 9,5% during the 1981 - 1985 period.

The 5th National Congress of the Party held in March 1982 set forth new ideas in economic guidance and management. It pointed out that during the five years 1981 - 1985 and in the 80's, efforts should be concentrated on a strong development of agriculture regarded as a front of prime importance. At the same time, we must strive to promote the production of consumer goods, combine agriculture, consumer goods industry and heavy industry in a rational industrial - agricultural structure. The Congress indicated that this was the main content of industrialization in the immediate future, aimed at developing the productive forces, and preparing the basis and forces for stepped-up industrialization in subsequent years. It pointed out that during a definite period, there remained in South Vietnam five economic sectors (State, collective, joint venture, individual and private capitalist).

Following the fifth Congress, 11 Central Committee Meetings were mostly devoted to economic issues, with particular attention being paid to distribution and circulation - a hot but unresolved field.

During the year 1981 - 1985, there were galloping price increases : 100% in 1976, 313.7% in 1981, and a much higher figure in 1985. Outstanding features in the way to deal with the distribution and circulation issue at that time (the first reform of prices and wages was carried out in 1981 - 1982) were :

có ý nghĩa, giúp cho các cơ sở tự giải quyết một phần khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và trong đời sống. Nó gợi mở ra những suy nghĩ đổi mới tiếp không những trong công tác kế hoạch hoá mà cả trong lĩnh vực giá cả, lợi nhuận, tiền thưởng. Chủ trương cải tiến một bước quản lý xí nghiệp đã làm cho sản xuất công nghiệp trong thời gian này phát triển khá, tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 1981-1985 là 9,5%.

Đại hội lần thứ V của Đảng họp vào tháng 3-1982 đã có những chuyển hướng mới về tư tưởng chỉ đạo và quản lý kinh tế. Đại hội nhấn mạnh : Trong 5 năm 1981-1985 và những năm 80, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đồng thời ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, kết hợp nông nghiệp - công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Đại hội chỉ rõ, đó là nội dung chính của công nghiệp hoá trong chặng đường trước mắt nhằm phát triển sức sản xuất, chuẩn bị tiền đề và lực lượng cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá trong những năm tiếp

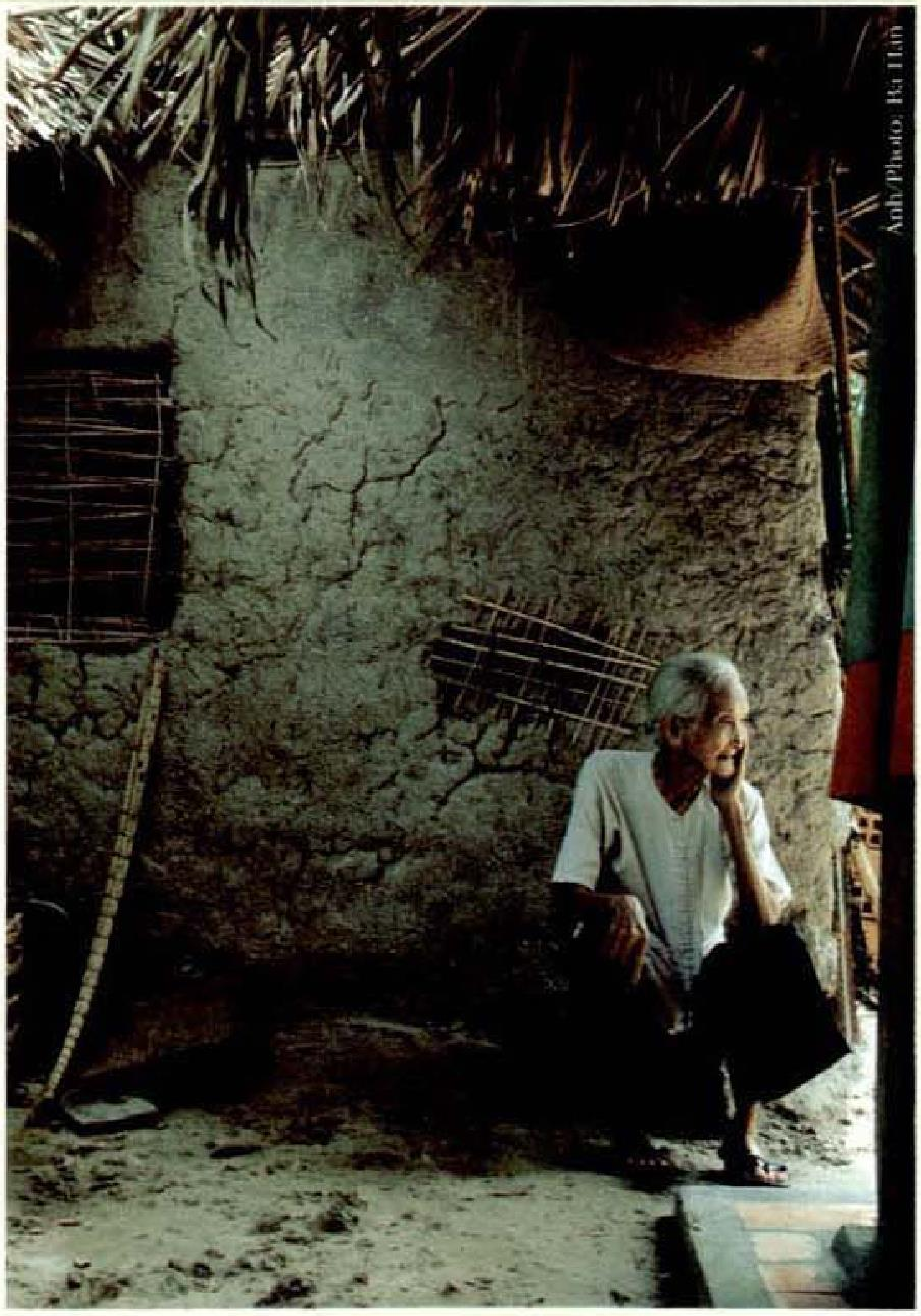
Ảnh/Photo: Bá Hân

Suy tư / Pondering

increased prices, increased wages, a shift from the mechanism of one price fixed by the State to that of two prices with regard to consumer goods ; materials sold and products bought under contract, a reduced number of rationed items, sale of most commodities at commercial prices instead of subsidized ones. As a result, in the 1981 - 1985 period, production and circulation increased at a greater tempo, the State budget deficit decreased in 1983 and 1984.

However, the system of subsidized prices was maintained for a protracted period and many other prices were mainly fixed by the State. This resulted in a growing gap between the State's and the free market prices with regard to both the total index number and specific items. The extensive application of the "two prices" mechanism over a long period led to increased compensation needed for the losses incurred by the State sector while no effective steps were taken to check soaring inflation ; which resulted in an even quicker increase of market prices and more serious inflation.

In the face of this situation, the eighth meeting of the central Committee in June 1985 to discuss the price-wage-currency issue made a correct decision to do away once for all with the subsidy-based bureaucratic centralized mechanism and to correctly apply an economic accounting system. It is asserted that the decisive breakthrough to shift the economy to an economic accounting system is to do away with the system of subsidies through prices and wages, to resolutely apply the one-price mechanism (reasonable expenses fully included in the cost of the products) and to ensure that the wage-earners live mainly on their actual wages, to do away with the subsidies in goods. All production and business establishments, economic and technical branches and local echelons must shift all their activities to the socialist economic accounting system, remove all unreasonable compensations for losses, except in isolated cases... The above-mentioned correct stipulations show that at the 8th Central Committee Meeting there was a notable renovation of thinking with regard to distribution and circulation.

It is regrettable that some fundamental contents of the Resolution of the 8th meeting of the Central Committee were not fully comprehended and applied. This resulted in bad consequences for the economy. The 1985 gen-

theo. Đại hội xác định trong một thời gian nhất định, ở miền Nam còn 5 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư nhân).

Sau Đại hội V, có 11 Hội nghị Trung ương phần lớn là bàn về vấn đề kinh tế, trong đó lĩnh vực phân phối lưu thông được đặc biệt chú ý, vì đây là lĩnh vực nóng bỏng, nhưng chưa được giải quyết.

Trong những năm 1981-1985 giá cả tăng đến mức phi mã : nếu năm 1976 là 100% thì năm 1981 là 313,7% và năm 1985 còn cao hơn nhiều. Cách xử lý vấn đề phân phối lưu thông trong thời kỳ này (tiến hành cải cách giá và lương lần thứ nhất năm 1981 - 1982) có những nét nổi bật là tăng giá, tăng lương, thực hiện việc chuyển đổi từ cơ chế một giá do Nhà nước quy định sang cơ chế hai giá đối với cả giá hàng tiêu dùng, giá bán vật tư và giá mua sản phẩm theo hợp đồng, giảm mặt hàng cung cấp theo tem phiếu, chuyển phần lớn giá cung cấp qua giá kinh doanh thương nghiệp. Kết quả thực hiện trong 4 năm 1981 - 1985, sản xuất, lưu thông tăng với tốc độ khá hơn, bội chi ngân sách Nhà nước có giảm xuống trong hai năm 1983 và 1984.

Nhưng hệ thống giá cung cấp vẫn được duy trì tiếp trong thời gian dài, nhiều loại giá khác chủ yếu vẫn do Nhà nước quy định. Hậu quả là giá Nhà nước và giá thị trường tự do càng cách xa nhau về tổng chỉ số và nhất là đối với từng mặt hàng. Do thời gian thực hiện cơ chế "hai giá" kéo dài trên diện rộng, làm tăng phần bù lỗ và bù giá cho khu vực Nhà nước, trong khi chưa có những giải pháp hữu hiệu kìm chế lạm phát. Lạm phát do đó trầm trọng thêm, lại đẩy giá thị trường tiếp tục tăng nhanh.

Trước tình hình đó, tháng 6-1985, Hội nghị Trung ương lần thứ 8 chuyên bàn về *giá - lương - tiền* đã đưa ra quyết định đúng đắn là phải dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng chế độ hạch toán kinh doanh. Hội nghị khẳng định : Khâu đột phá có ý nghĩa quyết định để chuyển nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh là *xoá bỏ bao cấp qua giá và lương*. Kiên quyết thực hiện cơ chế một giá (tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm). Bảo đảm cho người ăn lương sống chủ yếu bằng tiền lương thực tế, xoá bỏ chế độ cung cấp bằng hiện vật. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các ngành kinh tế, kỹ thuật và các địa phương phải chuyển hẳn mọi hoạt động sang chế độ hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, xoá mọi khoản bù lỗ bất hợp lý, trừ trường hợp cá biệt v.v.. Những quyết định đúng đắn nói trên chứng tỏ Hội nghị Trung ương 8 đã có một sự đổi mới tư duy trên lĩnh vực phân phối lưu

thông một cách đáng kể.

Điều đáng tiếc là một số nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 8 không được quán triệt và vận dụng đầy đủ, nên đã gây những hệ quả xấu đối với nền kinh tế. Đặc biệt là cuộc tổng điều chỉnh giá - lương và đổi tiền năm 1985 đã tiến hành ồ ạt, toàn diện với mức độ lớn trong một thời gian ngắn dồn dập, gây ra cú sốc mạnh và giáng một đòn nặng vào toàn bộ nền kinh tế, đẩy cuộc khủng hoảng khởi đầu từ lĩnh vực kinh tế sang một số lĩnh vực khác.

Tình thế lúc này đòi hỏi bức thiết là không thể tiếp tục kéo dài mô hình cũ, duy trì những chủ trương, chính sách, bộ máy tổ chức - quản lý và đội ngũ cán bộ như trước được nữa.

Tóm lại, trong 10 năm từ 1976-1986 là thời kỳ mô hình cũ được mở rộng trong phạm vi cả nước. Những sai lầm của mô hình ấy là trở lực lớn đối với sự phát triển, đẩy cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đến mức gay gắt. Đây cũng là thời kỳ mà tư duy mới từng bước hình thành và phát triển bắt nguồn sâu xa từ thực tiễn. Chính từ cuộc sống đòi hỏi trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân phải suy tư, nghiền ngẫm phân tích tình hình, tìm rõ nguyên nhân và vạch ra các giải pháp để thay đổi mô hình cũ, từng bước xây dựng mô hình mới.

eral readjustment of prices-wages and monetary reform carried out in a massive, all-round way in a short period of time, creating a massive shock, deal a severe blow to the whole economy, and spread the crisis, originally an economic one, to other fields.

The situation prevailing at the time urgently required that the old pattern should be discontinued, the old policies, organizational managerial apparatus and cadres should not be maintained.

In a word, the 10 year period 1976- 1986 was one in which the old pattern of organization developed to a high extent and on a nation - wide scale. The mistakes inherent in this pattern constituted a great obstacle to development and greatly aggravated the socio - economic crisis. It was also the period in which the new thinking gradually took shape and developed from practice. Life itself required the entire Party and people to ponder over, analyze the causes of the crisis and work out solutions to change the old pattern and gradually build a new one.

Cờ người / A man chess ground

OPPORTUNITIES AND MOTIVE FORCE OF DEVELOPMENT

Social renovation started with the economy, and became accordingly a vital problem for the whole nation. It clearly originated from domestic factors and international circumstances.

Social renovation is precisely a process of removing all obstructions to development, reorganizing society, bringing into the operating mechanism of society an integrated system of material and moral factors and create a motive force for rapid development.

To renovate itself, each country must have a strategy for developing and liberating the productive forces, in combination with the open-door line, and effectively exploit the external favourable conditions for multiplying the internal strength. The important significance lies in the existence of countless distinctive features, and specific national historical traditions which take part in the process of social development. But it is absolutely impossible to have an isolated development confined to one nation. Any sound policy for social development, at a time when the country is in a crisis, must be a policy capable of bringing about stability and development, drawing in external resources, leading to association and cooperation, and avoiding the danger of isolation in action.

To carry out renovation in order to develop is precisely and correctly to determine the strategic solutions to pass the threshold of poverty and backwardness towards prosperity and development. The point here is whether the actual situation and the objective trend of

THỜI CƠ VÀ ĐỘNG LỰC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Đổi mới xã hội bắt đầu từ kinh tế, do đó trở thành vấn đề sống còn của cả dân tộc. Đổi mới ở Việt Nam rõ ràng có nguồn gốc từ những yếu tố trong nước, tất nhiên là cũng có quan hệ đến các yếu tố bên ngoài.

Đổi mới chính là quá trình rời bỏ khỏi mình những gì đang kìm hãm và cản trở sự phát triển ; tổ chức lại xã hội, đưa vào cơ chế vận hành của xã hội một hệ thống đồng bộ các yếu tố vật chất và tinh thần, tạo nên lực đẩy cho sự phát triển vượt bậc.

Để đổi mới, mỗi nước cần phải có chiến lược phát triển lực lượng sản xuất, giải phóng sức sản xuất, kết hợp với đường lối mở cửa, hướng ra bên ngoài. Khai thác có hiệu quả những thuận lợi ở bên ngoài để nhân lên sức mạnh ở bên trong. Ý nghĩa quan trọng ở đây là có vô số sắc thái độc đáo, những truyền thống lịch sử dân tộc riêng biệt, khác nhau tham gia vào quá trình phát triển xã hội, nhưng tuyệt đối không thể có sự phát triển biệt lập, cô lập, đóng kín trong phạm vi dân tộc. Mọi chính sách phát triển xã hội đúng đắn trong tình thế mà đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng phải là chính sách có khả năng tạo thế ổn định và phát triển ở trong nước, thúc đẩy và lôi cuốn nguồn lực bên ngoài, có khả năng liên kết hợp tác và tránh được nguy cơ trở nên đơn độc, cô lập trong hành động. Đổi mới để phát triển chính là xác định đúng các giải pháp chiến lược để vượt qua cửa ải đói nghèo, lạc hậu, tiến tới giàu mạnh và phát triển. Vấn đề đặt ra ở đây là có đặt thực trạng và xu hướng vận động khách quan của xã hội Việt Nam trong xu hướng chung biến đổi và phát triển không ngừng của thế giới ngày nay, của nền văn minh hiện đại đang chín muồi những dấu hiệu bừng nở, phát sáng những tài năng và trí tuệ con người trên quy mô và tầm vóc mới so với thời đại Phục hưng và Khai sáng trước đây mà loài người đã đi qua hay không. Việt Nam đặc biệt chú trọng khai thác nhân tố khách quan thuận lợi này vào công cuộc đổi mới đất nước.

Một góc chợ nông thôn
A corner of a rural market

Đánh giá đúng ảnh hưởng và tác dụng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhận rõ đặc điểm của thời đại hiện nay và những thời cơ và thách thức của nó, Việt Nam đã có những quyết định sáng suốt, những chính sách đúng đắn. Do kiên trì mở cửa và hợp tác, thu hút vốn đầu tư, thiết bị kỹ thuật và tiến bộ công nghệ từ bên ngoài, nên Việt Nam có thể mau chóng nhân lên sức mạnh của chính mình. Ở trong nước tiến hành đổi mới toàn diện, trong đó lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, giải phóng mọi năng lực sản xuất, khai thác mọi tiềm năng, làm sống động nền kinh tế hướng vào mục tiêu : *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*, dựa trên cơ sở lợi ích của người sản xuất, người lao động, xem đó là động lực trực tiếp của sự phát triển xã hội.

Việt Nam dám chấp nhận thách thức, nắm lấy thời cơ, gấp rút xây dựng đất nước để tiến kịp và rút ngắn khoảng cách giữa mình với cộng đồng thế giới. Nhiệm vụ của chúng ta là phải phấn đấu không mệt mỏi, phát huy đầy đủ cố gắng chủ quan và tìm mọi cách hạn chế, khắc phục những khó khăn khách quan nhằm tạo ra cho mình một môi trường quốc tế thuận lợi để có thể tập trung xây dựng đất nước, đuổi kịp và sánh ngang hàng với các nước phát triển.

Do vậy, tiến hành đổi mới ở Việt Nam là con đường tất yếu khách quan và hợp quy luật. Đó thật sự là một quá trình *giải phóng đối với cá nhân và xã hội nhằm phát triển lực lượng sản xuất*. Đó còn là quá trình giải phóng tinh thần, phát huy tự do tư tưởng, thực hiện dân chủ hoá mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. *Đổi mới, giải phóng và phát triển* làm bộc lộ và nhân lên sức mạnh của các tiềm năng xã hội, cả vật chất lẫn tinh thần. Với những nội dung thực chất ấy, đổi mới sẽ được nâng lên tầm vóc của những cải biến cách mạng sâu sắc và triệt để từ quan niệm, tư duy đến hoạt động thực tiễn, làm thay đổi căn bản phương thức lãnh đạo và quản lý xã hội. Những biến đổi lịch sử đó sẽ diễn ra trong tiến trình đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị với hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp. Sự nghiệp đổi mới với quy mô, tầm vóc như thế sẽ làm nổi bật vai trò của *nhân tố con người*, được khái quát trong các luận đề : *Con người là nguồn lực lớn nhất và quan trọng nhất trong các nguồn lực phát triển xã hội. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thực chất là chiến lược con người.*

Đổi mới để ổn định và phát triển - đó là cuộc đấu tranh chống bảo thủ, trì trệ, chống quan liêu và tham nhũng, thực hiện dân chủ, công

Vietnamese society have been placed in the general trend of constant change and development of the present-day world, the modern civilization in which conditions are growing ripe for the blossoming of human talents and wisdom on a new scale and with new dimensions as compared with the epoch of Renaissance and Enlightenment that the humankind has experienced. Vietnam attaches particular importance to exploiting this favourable factor for the sake of renovation.

With a correct assessment of the influence and effects of the scientific and technological revolution and full consciousness of the particular features of the present epoch with its opportunities and challenges, Vietnam managed to take clear-sighted decisions and adopt sound and flexible policies. When sustained efforts are made in the open-door and cooperation policy, in attracting investments, technological equipment and progress, Vietnam can rapidly multiply its own strength. At home, an all-round renovation is to be achieved with the main stress laid on economic renovation, a multi-sectoral commodity economy is to be developed, all production capabilities are to be liberated, all potentialities exploited. The economy is to be made lively and oriented to the objectives of making the people rich, the country strong and society fair and civilized on the basis of the interests of the producers and the labouring people. This is considered as direct driving force behind social development.

Vietnam dares to accept the challenges, seize the opportunities, diligently carry out national construction to catch up with the world and close the gap between itself and the world community. It is our tireless duty, to make every effort and seek every means to limit and overcome the objective difficulties in order to create a favourable international environment so as to be able to concentrate on national construction and catch up with the developed countries.

Accordingly, renovation in Vietnam is an objective and inevitable necessity in keeping with the law of social development. It is indeed a process of emancipation of the individual and society in order to develop the productive forces. It is also a process of moral emancipation to promote freedom of thought, achieve democratization in all fields of social life. Renovation, emancipation and development reveal and multiply the strength of the social potentialities, both material and moral. With these substantial con-

tents, the renovation will be raised to the stature of profound and radical revolutionary changes from conception to practical activities, radically transforming the mode of leadership and social management. These historical changes will take place in the process of economic and political renovation with appropriate forms, measures and tempo. The renovation on such a scale and dimension will bring out the role of the human factor as generalized in these theses : *Man is the greatest and most important of all resources in social development. The strategy of socio-economic development is in essence the strategy of human development.*

To carry out renovation is to achieve stability and development. It is a struggle against conservatism, stagnation, bureaucratism and corruption, for democracy, justice and social equity, to ensure the legitimate and vital daily interests of the labouring people, the rights and obligations of the citizens. To achieve renovation is to serve the purpose of social progress effective exploitation of all creative potentialities for the sake of man and his development. The profound democratic and humanitarian ideal of renovation aims at defining and actually ensuring the labouring people's actual right to mastership, freedom and creativity towards society. Renovation has placed man in the centre of social development, regarding man's interests as the roots of everything else.

In this basic spirit, renovation is also a faithful reflection of Vietnam's particular historical features and conditions of socio-economic development. It joins the trend of development of the epoch, the scientific and technological revolution, the current economic relations and political changes in international life, which are exerting a constant influence and creating positive both and negative effects on renovation in Vietnam. To correctly comprehend and objectively assess the effects of the international factors on the renovation process in Vietnam is to clearly understand that renovation is to welcome the opportunity and accept the challenges for the purpose of development. The alternatives are either to catch up with the general development of the world to become a civilized and modern State with a timely, correct and creative renovation or to accept backwardness, recession and subordination if the historical chances of renovation are missed or to carry out renovation in an adventurous, risky, extremist, dogmatic way without a correct political orientation.

This process is not a simple one. It contains in itself a host of contradictions which must be accepted and appropriately dealt with. The way to solve the contradictions is to resolutely carry out renovation, achieve social stability, make use of peace and

bằng và bình đẳng xã hội, bảo đảm những lợi ích chính đáng và thiết thân hàng ngày của người lao động, các quyền và nghĩa vụ của công dân. Đổi mới để thực hiện tiến bộ xã hội, khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng sáng tạo vì mục đích phục vụ con người, phát triển con người. Lý tưởng dân chủ và nhân đạo sâu xa của đổi mới là hướng tới việc xác lập và bảo đảm thực tế quyền làm chủ, quyền tự do và quyền sáng tạo của nhân dân lao động đối với xã hội. Đổi mới đã đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển xã hội, xem con người là thước đo của tất cả.

Đổi mới, theo tinh thần cơ bản đó, cũng là sự phản ánh đúng đắn những đặc điểm lịch sử và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, nó thuận với trào lưu và xu hướng phát triển của thời đại, của cách mạng khoa học và công nghệ, của các quan hệ kinh tế và các biến động chính trị đang diễn ra trong đời sống quốc tế, là những nhân tố đang thường xuyên tác động và gây ra những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Nhận thức đúng và đánh giá khách quan những tác động, ảnh hưởng của các nhân tố quốc tế đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam để hiểu rõ đổi mới là sự *đón nhận thời cơ*, cũng đồng thời *là chấp nhận những thách thức* để phát triển. Hoặc tiến kịp trình độ phát triển chung của thế giới để trở thành một quốc gia văn minh, hiện đại nếu đổi mới kịp thời, đổi mới đúng và sáng tạo, hoặc sẽ lạc hậu, suy thoái và lệ thuộc nếu bỏ lỡ cơ may lịch sử của đổi mới, cũng như đổi mới một cách phiêu lưu mạo hiểm, cực đoan, giáo điều, mất phương hướng chính trị.

Quá trình này diễn ra không giản đơn. Bản thân nó bao hàm hàng loạt mâu thuẫn khác nhau, phải chấp nhận và biết cách xử lý. Con đường giải quyết đúng đắn là phải kiên quyết thực hiện *sự nghiệp đổi mới, ổn định xã hội, tranh thủ hoà bình, mở rộng quan hệ quốc tế.*

Ổn định xã hội là điều kiện tiên quyết để phát triển xã hội, xây dựng đất nước. Vì một xã hội nếu cứ luôn luôn biến động và xáo trộn, kỷ cương bị đảo lộn, luật pháp không nghiêm minh, an ninh chính trị không giữ vững, an toàn xã hội không bảo đảm, tiêu cực tràn lan, thì một khung cảnh xã hội như vậy sẽ làm tiêu tan hết mọi động

lực thúc đẩy con người hăng hái tiến lên, quyết tâm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, đem lại ấm no cho bản thân mình và đưa lại sự phồn vinh cho đất nước. Hơn nữa, một khung cảnh xã hội như vậy sẽ không còn gây hấp dẫn gì để phát triển các mối quan hệ quốc tế.

Nhưng muốn ổn định xã hội để dành ưu tiên cho công cuộc xây dựng đất nước thì cần phải có *hoà bình*, thực hiện tích cực chính sách độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với các nước trong khu vực và các nước khác trong cộng đồng thế giới. Gần nửa thế kỷ qua, đất nước ở trong tình trạng chiến tranh tàn khốc và sau khi giải phóng miền Nam lại ở tình trạng bị bao vây cô lập nặng nề, tiêu huỷ của chúng ta bao nhiêu là nguồn lực vật chất và tinh thần, gây ra vô vàn khó khăn chồng chất. Vì vậy, với một đường lối hành động thông minh, sáng tạo, Việt Nam cố gắng bằng mọi cách giành lại thế chủ động, phá thế bị bao vây, cô lập, khai thác các mối tương quan trong nền kinh tế, chính trị thế giới để giữ thế cân bằng có lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.

Ổn định xã hội, tranh thủ hoà bình không có nghĩa là thực hiện chủ nghĩa đóng cửa, tự mình làm lại tất cả từ đầu. Vấn đề là phải mạnh dạn mở cửa ra bên ngoài, hoà nhập quốc tế, tham gia thị trường thế giới dưới nhiều hình thức. Mở rộng quan hệ buôn bán, trao đổi, hợp tác kinh tế, kỹ thuật với các nước và các tổ chức quốc tế, qua con đường đó tranh thủ vốn, kỹ thuật, thông tin, tạo những điều kiện thuận lợi cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từng bước rút ngắn khoảng cách lạc hậu so với các nước phát triển.

Mở cửa, hoà nhập quốc tế tất nhiên có nhiều phức tạp, nhiều khi phải trả giá. Nhưng nếu đóng cửa thì giá phải trả càng đắt hơn, sẽ dẫn đến khoảng cách lạc hậu giữa Việt Nam và các nước càng xa. Tất nhiên là phải lường được những mặt tiêu cực xảy ra trong khi mở cửa. Nhưng Việt Nam sẵn sàng chấp nhận giá phải trả và sẽ tìm cách để khắc phục nó. Đây là sự dũng cảm chấp nhận đương đầu với những thách thức đang đặt ra cho cả dân tộc Việt Nam.

Chiến lược và chính sách phát triển xã hội đúng đắn phải được xác định để trả lời thách thức này. Ngoài ra không có câu trả lời nào khác.

expand international relations.

Social stability is a precondition for social development and national construction. Because a society with continual disturbances, lack of discipline, void of strict law, political and social security and widespread with negative phenomena will discourage man to march forward with the determination to check poverty and backwardness, bring about welfare to the individuals and prosperity to the country. Moreover, such a social background will have nothing attractive to boost the development of international relations.

But if social stability is to be achieved with priority given to national construction, there must be peace. Like wise the policy of independence, self-governing, peace, friendship, cooperation and development of relationships with other countries in the region and in the world must be actively pursued. In the past half a century or so, our country has gone through fierce wars and after the liberation of South Vietnam, the country had to face the heavy blockade and isolation that destroyed so many material and moral resources and created countless difficulties. That is the reason why with an intelligent and creative line of action, Vietnam has been striving by every means to regain the initiative, break the blockade and state of isolation, exploit the relations in world economics and politics to achieve a balance in favour of national construction.

To strive for social stability and peace does not mean to carry out a closed-door policy, to restart by oneself everything from scratch. The problem is to boldly open the door to the outside, to achieve international integration, to participate in the world market in various forms ; to expand trade relations, exchanges, economic and technological cooperation with other countries and international organizations. This channel will help secure funds, technologies, information and create favourable conditions for industrialization and modernization, and gradually narrow the gap between Vietnam and the developed countries.

Of course, opening the door and achieving international integration presents complex features, and a price must often be paid. But if we close the door, the price will be even higher as this would lead to an even greater gap between Vietnam and other countries. Of course, we have to foresee the negative aspects that will appear when we open the door. However, Vietnam is ready to pay a price. This is a valiant acceptance of the need to confront the challenges to the Vietnamese nation.

Sound strategies and policies of social development are to be worked out to meet this challenge. There is no other choice.

VIỆT NAM

TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI VÀ ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Vào giữa những năm 80, từ thực tế Việt Nam và trong bối cảnh quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức ra và công khai vạch rõ những sai lầm, khuyết điểm, và đã đề ra đường lối đổi mới, đánh dấu sự mở đầu bằng Đại hội lần thứ VI của Đảng năm 1986 và tiếp theo là Đại hội lần thứ VII năm 1991. Từ đó, nước Việt Nam bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn đổi mới mà "nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo" [1]. Trong khuôn khổ đổi mới toàn diện, *đổi mới kinh tế* (về cơ cấu và cơ chế) *được xem là trọng tâm* nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đổi mới kinh tế để phù hợp với cơ cấu kinh tế và cơ chế kinh tế mới, cũng đã đề ra nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị và Nhà nước : "đổi mới một cách căn bản tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị", "thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước".

Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và hệ thống chính trị đã có những chuyển biến lớn, trong đó thành tựu nổi bật về kinh tế là đã khắc phục được nhiều mặt đình đốn, suy thoái, tốc độ tăng trưởng khá và liên tục trong 3 năm qua, đã tiếp tục giữ vững sự ổn định chính trị, quan hệ đối ngoại được mở rộng ở khắp các châu lục.

Đất nước Việt Nam đang chuyển vào một thời kỳ phát triển mới với thời cơ lớn và những thách thức lớn đan quyện vào nhau.

Đó là thời kỳ phát huy truyền thống ngàn xưa và hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 42.

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đại hội của đổi mới và chủ nghĩa xã hội
The 6 th Congress of Vietnam Communist Party - The Congress of Renovation and Socialism

Vietnam

ON THE PATH OF RENOVATION AND SOCIO-POLITICAL STABILIZATION

1. In the mid-1980's, from the specific situation in Vietnam and the international context, the Communist Party of Vietnam recognized and openly pointed out its errors and defects and laid down the line of renovation. This line started with the 6th Party Congress held in 1986 and the following 7th Congress in 1991. Since then, Vietnam has entered a new stage, the stage of renovation in which the "overall tasks and objectives of the remaining years of the initial stage are to stabilize all socio-economic aspects, to establish premises for the promotion of socialist industrialization in the following stages"[1]. Within the framework of comprehensive renovation, *economic renovation* (in terms of structure and mechanism) *is considered as the central task* aimed at releasing all current production capabilities, exploiting all potentials, developing a multi-sector commodity economy under the State management and with a socialist orientation. On the basis of the economic renovation performed in conformity with the new economic structure and mechanism, the Communist Party of Vietnam also laid down the task of renovating the political and state system. This is "to renovate fundamentally operational mode and organization of the political system" and "to carry out a big renovation in the organization of the State apparatus".

After 5 years of implementation, the socio-economic situation of the country and the political system have undergone significant changes. Vietnam has achieved outstanding economic achievements over the past three years in successfully overcoming stagnation and recession in many respects and continuously recorded positive economic growth rates. Political stability has been firmly preserved and external relations expanded to all continents. Vietnam is moving to a new period of development with big opportunities and major challenges.

This is a time to bring in to full play the age-old and modern traditions of great national unity, promoting the human factor, allowing each and every individual to develop freely in and with the community. It is a time to treasure, mobilize and make better use of domestic and foreign resources for higher and steadier economic growth for better cultural and social progress in order to push the country up along the path of industrialization and modernization. This is to achieve the ultimate goal of "a wealthy nation, a strong country, a fair and civilized society".

Xây dựng con đường mới
Building up a new road

1. The Communist Party of Vietnam : *Documents of the 6th National Representative Congress,* Su that Publishing House, Hanoi, 1987, p.42.

đại là đại đoàn kết dân tộc, phát huy nhân tố con người, từng cá nhân tự do phát triển trong cộng đồng và gắn với cả cộng đồng, quý trọng và huy động cao hơn và sử dụng tốt hơn các nguồn lực trong nước và ngoài nước để tăng trưởng kinh tế nhanh hơn, vững chắc hơn, gắn chặt hơn với những tiến bộ về văn hóa, xã hội, đưa đất nước tiến lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Thực tiễn đổi mới trong những năm qua với những thành tựu nổi bật về kinh tế đặt ra những yêu cầu mới : *Một là*, tiếp tục đổi mới sâu hơn, cao hơn, toàn diện hơn về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ; *hai là*, tiếp tục khắc phục những yếu kém tồn tại từ lâu, con đẻ của thời kỳ chiến tranh kéo dài và cơ chế quản lý tập trung quan liêu - bao cấp ; *ba là*, khắc phục những sự hư hỏng đẻ ra từ trong bước chuyển đổi, biểu hiện mặt trái của cơ chế thị trường còn nhiều yếu tố tự phát, chưa được Nhà nước quản lý hợp lý. Nhìn chung, đó là những bệnh quan liêu, thiếu kỷ cương, thiếu trong sạch, thiếu kiến thức. Đó cũng là những thử thách trong quá trình lớn lên, những giá phải trả cho sự trưởng thành. Đó cũng là những đòi hỏi vừa cấp bách vừa cơ bản của xã hội, của con người, là mệnh lệnh của cuộc sống : kinh tế tăng trưởng nhanh hơn, bền vững hơn ; thoát khỏi đói nghèo và sống tốt hơn trong một môi trường dân chủ hơn, trật tự an toàn và công lý hơn ; xã hội lành mạnh, công bằng, văn minh hơn ; đất nước yên bình, không sợ ai xâm lược và làm bạn với tất cả các dân tộc trên thế giới.

2. Những đòi hỏi cấp bách và cơ bản không chỉ đối với kinh tế, xã hội mà cũng là đòi hỏi đối với hệ thống chính trị, trước hết là đối với Nhà nước, đối với nền hành chính quốc gia.

Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, *đổi mới kinh tế gắn bó với đổi mới chính trị, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính*. Đó là những mặt đổi mới đi liền với nhau cùng một nhịp, hỗ trợ nhau, thúc đẩy nhau.

Đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội VI
Truong Chinh - General Secretary of the Vietnam Communist party reading the Political Report at the 6th Congress

The renovation marked by outstanding economic achievements over the recent years has posed new requirements :

- to continue with deeper, more comprehensive and more intensive renovation, in all the economic, political, cultural and social fields.
- to overcome the weaknesses born of the war time and bureaucratic subsidized mechanism.
- to overcome defects that have appeared in the transitional stage and the negative side of the market mechanism which contains many spontaneous elements and which the State has not been able to control effectively. Basically, these defects are bureaucratism, indiscipline, dishonesty and lack of knowledge. They are also the challenges which we must face and the price for maturity.

A faster and steadier economic growth, an end to poverty, a better life in a more democratic, more orderly and safer environment, a healthier, more equitable and civilized society, a peaceful country free from the fear of aggression and building friendship with all nations in the world are all the fundamental needs of the Vietnamese people and society.

2. Political system, and primarily the State and State administration also face basic and urgent requirements.

In the process of renovation, *economic development is linked with political renovation, continuous efforts are made to build and perfect the State of the Socialist Republic of Vietnam with a primary focus on reforming the administrative system*. These are the aspects of renovation that support and stimulate one another.

If economic renovation pioneers, it will provide a basis for political renovation. The latter, in its turn, is the concentrated expression and factor that guides and promotes economic renovation. A system of institutions based on private ownership, market economy, political pluralism (multiparty system) and democratic bourgeois state under capitalism has existed for more than 300 years. In spite of its long existence, the system contains inner contradictions which in the end must be and will be replaced with a higher social system.

The socialist regime is beginning to enter the market economy, determine new forms of ownership, to build a democratic law-governed state of the working people. It has an inner logic of its own. For a genuine model of scientific socialism, research and experiments must be performed.

Vietnam has experienced thousands of years of building and defending itsself and over half a century of glorious struggle for independence. The Vietnamese people have chosen their own path to a socialist society, the one which would lead to "a wealthy nation, a strong country, a fair and civilized society". This is the present line of political renovation in Vietnam. This helps to create a favourable environment for the country's socio-economic development.

Over the last few years, partial reforms dictated by life and economic renovation have taken place in our political system and state apparatus. The most outstanding work of the National Assembly of 8th legislature was the adoption of a new Constitution issued on April, 18, 1992. This is the Constitution of the renovation period. It not only inherited and preserved the basic ideas of the three previous constitutions (1946-1959-1980) but also developed new concepts and contents in conformity with the new situation and the new tasks of the country.

The main agenda of the political system as stipulated in the 1992 Constitution is the entrance into the transitional period to socialism, national unity in building Vietnam as an independent, democratic, peaceful, prosperous and powerful country and a fair and civilized society.

Vietnam is an independent, sovereign, unified and territorially indivisible country. The State of Vietnam is a State of people, by the people and for the people. The whole power of the state belongs to the people with the alliance of the working class, peasantry and intelligentsia as its foundation.

It is necessary to build up a law-governed state of the people, a state in which power is an integral whole with appropriate division of responsibility and a close coordination among state agencies in enforcing the three areas : legislative, executive, and judicial.

The new Constitution has defined a new economic system : a multi-sector economy which operates under the market mechanism and is regulated by the State through laws, plans, and policies. It attaches great importance to and clearly defines the basic rights and obligations of citizens and the human rights which are specified in the rights of citizens. More particularly, the new Constitution makes amendments and lays greater emphasis on such civic rights as the right to free enterprise, the

Nếu như đổi mới kinh tế đi trước một bước làm cơ sở cho đổi mới chính trị, thì ngược lại đổi mới chính trị lại là biểu hiện tập trung, là yếu tố dẫn đường và thúc đẩy cho đổi mới kinh tế. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, một hệ thống thiết chế sở hữu tư nhân, kinh tế thị trường, chính trị đa nguyên (đa đảng), Nhà nước pháp quyền dân chủ tư sản đã tồn tại hơn 300 năm, song nó cũng chứa đựng những mâu thuẫn cơ bản nội tại mà cuối cùng phải được và sẽ được giải quyết bằng sự thay thế bởi một hệ thống thiết chế mới cao hơn. Chế độ xã hội chủ nghĩa đang bắt đầu đi vào kinh tế thị trường, xác lập chế độ sở hữu mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền dân chủ của nhân dân lao động. Nó có lôgích nội tại của nó. Để xác lập được mô hình đích thực của chủ nghĩa xã hội khoa học, chúng ta cần phải từng bước tìm tòi, thử nghiệm. Từ trong cội nguồn lịch sử mấy nghìn năm dựng nước, giữ nước, trải qua hơn nửa thế kỷ của kỷ nguyên hiện đại vô cùng oanh liệt đấu tranh cho độc lập, tự do, tiếp cận và hội nhập vào thời đại mới, dân tộc Việt Nam đã chọn con đường xã hội chủ nghĩa của mình, con đường "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Đó là con đường đổi mới chính trị của Việt Nam ngày nay. Đó cũng là tạo môi trường thuận lợi, tốt đẹp cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Những năm qua, trong lĩnh vực hệ thống chính trị và Nhà nước cũng diễn ra những bước cải cách bộ phận đặt ra từ cuộc sống và từ đổi mới kinh tế. Sự kiện nổi bật nhất là Quốc hội khóa VIII đã thông qua bản Hiến pháp mới, được ban hành ngày 18-4-1992. Đây là bản Hiến pháp của thời kỳ đổi mới. Nó kế thừa và giữ vững những tư tưởng cơ bản của ba bản Hiến pháp trước (1946-1959-1980), nhưng phát triển những tư tưởng mới, nội dung mới, phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới của đất nước.

Nội dung cơ bản của hệ thống chính trị trong bản Hiến pháp năm 1992 là :

Cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, toàn dân đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ...

Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh công nhân, nông dân và trí thức.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân - một Nhà nước mà quyền lực thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền : lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Hiến pháp mới đã xác định chế độ kinh tế mới - nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách. Bản Hiến pháp mới rất xem trọng và quy định rõ ràng các quyền và nghĩa vụ cơ bản

right to ownership and lawful income, the freedom of movement and residence in the country as well as the right to travel overseas and to return.

The renovation itself and the economic achievements have a basic and profound political significance. Citizens have the right to free enterprise and ownership, various forms of ownership (State, collective, individual, private capitalist)) are all lawful and equal before the law. All business activities are governed by the market mechanism, and within the framework of the laws of the State. The renovation is not merely economic as it creates a material basis for the political renovation, the renovation on human rights and the rights of citizens in a society during the transition to socialism.

The great revolutionary significance of the economic renovation is not the change in the chosen path but it is the renovation of thinking, concepts towards a correct scientific and political path to socialism. Thanks to this, the basic changes in viewpoints, guidelines and economic policies do not lead to socio-political abrupt turns but help to consolidate policies and political system, further enrich and develop its superior nature, enable Vietnam to integrate with the international life and the progressive trend of mankind in the new epoch. The stabilization of Vietnam's political system during the renovation process once again shows the vitality of Ho Chi Minh's thoughts which remain as deep and bright as ever. *The Declaration of Independence* on September 2, 1945, and the two first Constitutions drafted by him and his many speeches have expressed this deep thought of his : "Nothing is more precious than independence and freedom". This is an organic harmony and unity between national independence, democracy and socialism. This is a state marked by continuity, a state under which there are no acute contradictions between classes and strata of the population and ethnic groups. In short, it is a State of broad national unity, independence and freedom.

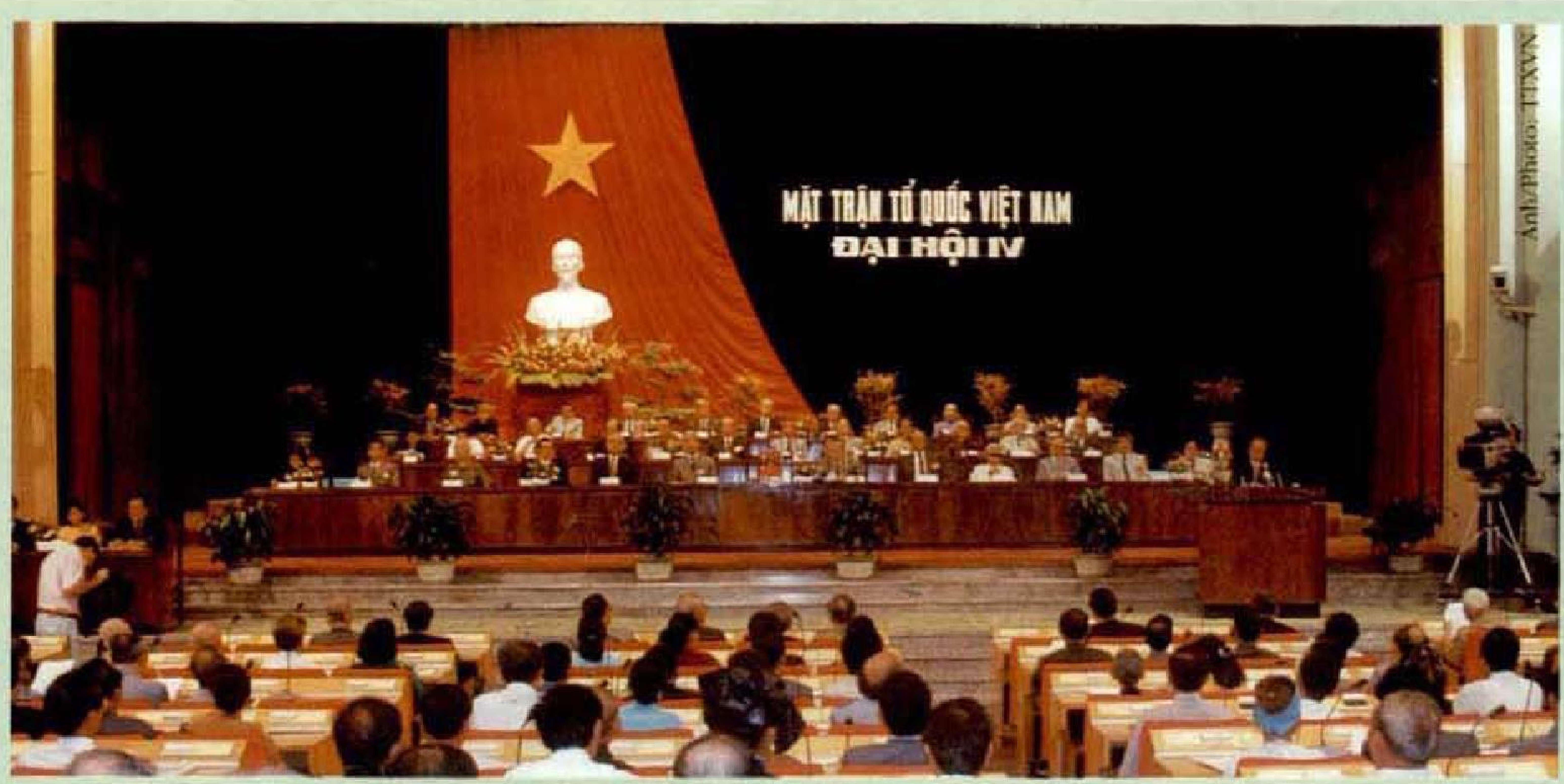

Đại hội IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Đại hội nêu cao truyền thống đại đoàn kết dân tộc
The 4th Conference of the Vietnam National Front-The Conference of enhancing the National solidality tradition

With respect to the renovation of the political system, Vietnam has recorded initial achievements in renovating and reforming the State apparatus including the bodies which perform the three functions of power : legislative, executive and juridical.

As for the *legislative* category, the State and National Assembly have vigorously turned to the legislative work, tried to keep pace with the demands of the new situation. The concept of a Law-governed State is deep-rooted in the wisdom of many Vietnamese generations and was reflected in young Nguyen Ai Quoc's thoughts in Paris in 1919 - 1920 [1]. These ideas were realized by his policies from the time he established the Democratic Republic of Vietnam up to his death and are continued to this day. Over the recent years, the Vietnamese National Assembly of the 8th legislature (1987-1992) and of the 9th legislature, (1992-1997) has acquired a higher profile, with more regular sessions and with special attention given to legislative work [2]. The lack of laws under the subsidized mechanism, has been rectified by a series of laws and decrees adopted by the National Assembly and its Standing Committee such as : Criminal Law, Civil Law, Law on Legal Proceeding ; Commercial Laws (Law on joint stock companies, private companies, foreign investment, domestic investment, bankruptcy.etc), laws on land, labour, marriage, family ; administrative laws such as law on the organization of the National Assembly, the Government, the People's Council and People's Committee at various levels, and many other legal writings in various fields.

In accordance with the 1992 Constitution, the Government of Vietnam has been reformed in the spirit of distinct division of power. The Government is "the executive body of the National Assembly and is the supreme State executive body of Socialist Republic of Vietnam [3]. This means that the Government holds full executive powers, with a clear distinction between the legislative power and the executive power, as well as between the legislative power and the Court which holds the judicial power.

1. The 8-point demand of the Vietnamese people submitted by Nguyen Ai Quoc to the Versailles Conference in Paris, were later put in verses in 1922. The version includes the two following verses :

"Seven, the promulgation of a Constitution is requested
All must be governed by the spirit of the God's Law".

These verses reminds me of Montesquieu's work *"Esprit des Lois"*

2. The National Assembly 8th Legislature adopted the 1992 Constitution and 31 laws, 43 decrees (from December 1987 to April 1992), the 9th Legislature of National Assembly had adopted 24 laws and 19 decrees (from September 1992 to May 1994).

3. Replacing the Article 104 of the 1980 which reads : "The Council of Ministers is the government of the Socialist Republic of Vietnam, the supreme state executive and administrative body and the highest body of state power". This is an ambiguous division between the legislative and executive power.

The Government structure and management mechanism have also been renovated, including the merging and incorporation of a number of ministries [1], particularly ministries in charge of economic area. This was to exercise the policy of "unified management of the implementation of the political, economic, cultural, social defence, security and foreign relations tasks of the State" to make a clear distinction between the economic management function and the business management function of enterprises. This also aimed to gradually remove the system under which ministries and people's committees act as the "direct owners" of State enterprises, to strengthen the unified hierarchy of the executive power and the administrative machinery from the central Government down to the grass-roots level and to promote the regulatory function of the executive power of the Government and the legislative power of the National Assembly.

The Government is carrying out an administrative reform considering it as a central part of the reform of the State apparatus. The State administration (the public administration) inherent with the common disadvantages, defects of the former State apparatus which proved adequate for the former centralized, planned, bureaucratic subsidized economy has appeared unsuitable for a market economy and for strengthening and perfecting the political system. From the practical, juridical and scientific

1. In 1982, Vietnam had 34 ministries and 65 institutions at ministerial level ; in 1990, only 40 ministries ; and in 1991, only 25 ministries. The State administrative staff has been reduced by 20%.

của công dân và các quyền con người, được thể hiện ở các quyền công dân, trong đó đặc biệt có bổ sung hoặc nhấn mạnh hơn Hiến pháp trước là quyền tự do kinh doanh, quyền tư hữu tài sản và quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, quyền tự do đi lại và cư trú trong nước cũng như quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước...

Bản thân sự đổi mới và những thành tựu trên lĩnh vực kinh tế do đổi mới mang lại cũng mang một ý nghĩa và nội dung chính trị cơ bản và sâu sắc ; đó là : người công dân có quyền tự do tư hữu và kinh doanh, các hình thức sở hữu khác nhau (Nhà nước, tập thể, cá thể, tư bản tư nhân...) đều hợp pháp và bình đẳng trước pháp luật, mọi hoạt động kinh doanh đều theo cơ chế thị trường, trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước. Đó không chỉ đơn thuần là một sự đổi mới kinh tế, mà còn là và cơ bản là tạo ra cơ sở vật chất của đổi mới về chính trị, về quyền con người và quyền công dân trong một xã hội quá độ phát triển lên chủ nghĩa xã hội.

Ý nghĩa cách mạng lớn lao của sự đổi mới về kinh tế không phải là sự thay đổi con đường đã chọn mà là cuộc đổi mới tư duy, quan niệm, xác định đường lối chính trị và phương pháp tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách chính xác, khoa học, thực tiễn hơn. Nhờ vậy những sự thay đổi cơ bản quan điểm, chủ trương và chính sách kinh tế không đưa đến sự đảo lộn chính trị - xã hội, mà là củng cố nền chính trị và hệ thống chính trị, bồi đắp và phát triển tốt hơn bản chất ưu việt của nó, khiến cho nó có khả năng hội nhập vào đời sống quốc tế và trào lưu tiến bộ của nhân loại trong thời đại mới. Sự ổn định vững chắc của hệ thống chính trị Việt Nam trong quá trình đổi mới, một lần nữa, chứng minh sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh được khơi sâu và sáng tỏ mãi mãi. Trong *Tuyên ngôn độc lập* ngày 2-9-1945, trong hai bản Hiến pháp đầu tiên do Người đích thân khởi thảo, cũng như trong nhiều bài nói của Người đã thể hiện sâu sắc tư tưởng của Người : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Đó là một sự hoà hợp và thống nhất hữu cơ giữa độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đó là một Nhà nước không hề đứt đoạn, không có mâu thuẫn giữa giai cấp, nhân dân và dân tộc, tóm lại là Nhà nước của đại đoàn kết dân tộc, độc lập, tự do.

Trong hệ thống chính trị, Việt Nam đã đạt được những thành tựu bước đầu về đổi mới và cải cách bộ máy Nhà nước, bao gồm cả các cơ quan của ba quyền : lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Trong lĩnh vực *lập pháp*, Nhà nước, Quốc hội đã chuyển mạnh sang công tác lập pháp, cố gắng theo kịp đòi hỏi của tình thế mới. Tư tưởng Nhà nước pháp quyền của Việt Nam, không kể nguồn gốc lịch sử sâu xa trong nhiều triều đại phong kiến "Vua hiền", đã nằm trong tư tưởng của Hồ Chí Minh khi Người còn là người thanh niên Nguyễn Ái Quốc ở Pari trong những năm 1919-1920 [1]. Tư tưởng đó được thể hiện

1. Trong bản yêu sách của dân tộc Việt Nam mà Người gửi cho Hội nghị Versailles ở Pari "diễn ra thành Việt Nam yêu cầu ca" (1922), gồm có 8 điều, trong đó có câu :

"Bảy xin Hiến pháp ban hành
Trăm điều phải có Thần linh Pháp quyền".

(Người ta có thể liên tưởng đến tác phẩm *Tinh thần của pháp luật* "Esprit des lois" của Montesquieu).

point of view, the State administration with the function of exercising executive power, is the last link in the whole process of implementing the Party's guidelines, policies, and National Assembly's laws and serving the people. It is also the place where the evils of bureaucratism authoritarianism, sectarianism, indiscipline, dishonesty, poor knowledge of modern management are most concentrated and most serious.

The course of renovation has started a long-term programme and included the following aspects : organization of the State administrative apparatus ; jurisdiction, personnel and finance. The target of the reforms is to build a democratic administration in accordance with a scientific, standard and modern legislation, at the same time, maintaining specific features and national traditions in combination with the modernity of the world's progressive administrations. Moreover, these reforms also aim to ensure the implementation of the State's political tasks and to satisfy effectively and efficiently the basic rights and interests as well as the daily demands of the people.

Many concrete and practical reforms have been carried out under the Government's programme of action such as reforming administrative procedures, enhancing the sense of responsibility and discipline, reforming public work, training and retraining of officials, reforming salary structure, perfecting the Central apparatus (the Government, ministries) while ensuring a clearer distinction of relations

trong hoạt động thực tiễn của Người từ khi lập nên Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà cho đến khi Người qua đời, và được nối tiếp cho đến ngày nay. Trong những năm qua, Quốc hội khóa VIII (1987-1992) và Quốc hội khóa IX (1992-1997) có một vị trí được nâng cao, hoạt động thường xuyên hơn, và đặc biệt chăm lo công tác lập pháp [1]. Khoảng trống pháp luật lâu nay dưới cơ chế bao cấp đã được bổ sung bằng một loạt đạo luật của Quốc hội và pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các ngành luật : luật hình sự và luật tố tụng hình sự, luật thương mại của nền kinh tế thị trường (như luật công ty cổ phần, luật công ty tư nhân, luật đầu tư của người nước ngoài, luật đầu tư trong nước, luật phá sản...), luật đất đai, luật lao động, luật hôn nhân và gia đình, luật công đoàn, một số luật về dân sự và tố tụng dân sự, luật hành chính, luật tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương... và nhiều pháp lệnh (một loạt văn bản có tính cách luật thuộc lập pháp ủy quyền) từ các lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính.

Trong lĩnh vực *hành pháp*, căn cứ vào Hiến pháp năm 1992, Chính phủ đã được cải tổ theo tinh thần phân công rành mạch các quyền hành, là "cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam" [2], tức là cơ quan nắm trọn quyền hành pháp, phân công rành mạch với Quốc hội về mặt phân biệt quyền lập pháp và quyền hành pháp (nắm quyền lập quy), và với Tòa án nắm quyền tư pháp (xét xử). Cơ cấu Chính phủ và cơ chế quản lý của Chính phủ cũng đã được đổi mới, sáp nhập và giảm bớt số bộ [3], nhất là các bộ quản lý các ngành kinh tế; thực hiện chức năng "thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước..." ; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế phân biệt với chức năng quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp công cũng như tư ; xoá bỏ dần "chế độ chủ quản" của bộ và cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương đối với các doanh nghiệp nhà nước ; tăng cường tính hệ thống thứ bậc thống nhất, thông suốt của quyền hành pháp và của bộ máy hành chính nhà nước từ Chính phủ xuống cấp chính quyền cơ sở ; đẩy mạnh công tác lập quy (Reglementation) thuộc quyền hành pháp của Chính phủ, song song với công tác lập pháp (Législation) thuộc quyền lập pháp của Quốc hội.

Chính phủ cũng đang tiến hành công cuộc cải cách hành chính, xem là trọng tâm của cải cách bộ máy nhà nước. Nền hành chính quốc gia (nền hành chính công) vốn đã mang nặng những nhược điểm,

1. Quốc hội khóa VIII thông qua Hiến pháp năm 1992, và 31 đạo luật, 43 pháp lệnh (từ tháng 12-1987 đến tháng 4-1992). Quốc hội khóa IX thông qua 24 đạo luật và 19 pháp lệnh (từ tháng 9-1992 đến tháng 5-1994).

2. Thay cho Hiến pháp năm 1980 (Điều 104) : "Hội đồng Bộ trưởng là Chính phủ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan chấp hành và hành chính nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất", là một sự thiếu phân công rành mạch giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp.

3. Năm 1982 có 34 bộ, 65 cơ quan ngang bộ ; năm 1990 có 40 bộ, năm 1991 có 25 bộ. Đã giảm 20% biên chế của bộ máy hành chính nhà nước.

between the legislative and executive bodies and strengthening the centralization of power from the central to grassroots organizations. Struggling against the evils of indiscipline, segmentation of the unified State administrative mechanism ; perfecting the local administrative apparatus and defining the hierarchy of responsibility under the new law on people's councils and committees in the direction of democratization are all part and parcel of the renovation process. A clearer division of responsibility among local administrative institutions having the status of public jurisdiction ; setting up a system of administrative courts to protect civic rights against wrong decisions, misdoings and illegal actions of the State body in accordance with the judicial procedures but not the administrative ones.

In terms of juridicial power, legal reforms have been studied and carried out step by step and in conjunction with others in the last few years. The administrative reforms such as the issue of new laws on Court and the institutions of investigation, the consolidation of the civil courts' system on the basis of the delineation of the jurisdiction of the courts ; the establishment of the economic court and the preparation for the establishment of the Court on administration and some other specialized courts and the issue of directives and orders on the steps and consequences of judgment, on advocates, on jurisprudence etc have been carried out. The practice of electing judges is replaced by appointment. This is to ensure "the independence and the strict observance of the law" by the judge and the counselor during judgements.

Along with the economic renovations and achievements, positive changes are also made in the fields of *culture, social affairs, security and defense.* Population and family planning, job creation and the reduction of unemployment have been paid due attention to and yielded some initial success. Education and training from primary to tertiary levels have been renovated and the system of semipublic and private schools shaped. Specialized and vocational education is strongly developed while tertiary and post-graduate training has recorded considerable achievements. The Hanoi National

khuyết điểm chung của bộ máy nhà nước và thích ứng với nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp cũ, đến nay đã tỏ ra không còn hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường và củng cố, hoàn thiện hệ thống chính trị. Xét trên ý nghĩa các mặt : thực tiễn, pháp lý, khoa học, nền hành chính quốc gia, với chức năng là quyền hành pháp hành động, nó là khâu cuối cùng trong cả chuỗi quy trình từ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Quốc hội đi đến nhân dân, tiếp cận và phục vụ người dân, nhưng nó cũng là nơi thể hiện tập trung nhất, nghiêm trọng nhất của bệnh quan liêu, cửa quyền, phân tán, tự do vô kỷ luật, thiếu trong sạch, thiếu kiến thức quản lý hiện đại.

Cuộc cải cách đã bắt đầu theo một chương trình dài hạn, bao gồm các lĩnh vực : thiết chế tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ; pháp lý, nhân sự ; tài chính. Mục tiêu cải cách là xây dựng một nền hành chính dân chủ, theo pháp chế, khoa học, chính quy và hiện đại ; giữ vững bản sắc và truyền thống dân tộc kết hợp với tính hiện đại của các nền hành chính tiên tiến trên thế giới, đảm bảo thực hiện và phục vụ những nhiệm vụ chính trị của Nhà nước và đáp ứng những quyền và quyền lợi cơ bản cũng như những nhu cầu hàng ngày của nhân dân với một hiệu lực và hiệu quả cao.

Nhiều công việc cải cách cụ thể và thiết thực đang được tiến hành trong chương trình hoạt động của Chính phủ như : cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường chế độ trách nhiệm và kỷ luật, cải cách nền công vụ đi đôi với việc đẩy mạnh đào tạo và đào tạo lại công chức, cải cách tiền lương, kiện toàn bộ máy hành chính trung ương (Chính phủ, Bộ) theo hướng xác lập rõ hơn quan hệ giữa hành pháp với lập pháp và tăng cường tính tập quyền thống nhất từ Trung ương xuống cơ sở ; chống bệnh phân tán, thiếu kỷ cương, cắt khúc hệ thống hành chính Nhà nước thống nhất ; kiện toàn bộ máy hành chính địa phương và quy định chế độ phân cấp theo đạo luật mới về Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp theo hướng dân chủ hoá và phân quyền rành mạch hơn cho các đơn vị hành chính địa phương có tư cách pháp nhân công pháp ; thiết lập chế độ tài phán và hệ thống tòa án hành chính để bảo vệ các quyền của công dân chống lại những quyết định và hành động sai trái, bất hợp pháp của cơ quan Nhà nước theo trình tự tố tụng tư pháp chứ không chỉ theo trình tự hành chính.

Trong lĩnh vực *tư pháp,* mấy năm qua cuộc cải cách tư pháp cũng đang nghiên cứu và tiến hành song song từng bước. Tiến hành cải cách hành chính, như ban hành các luật mới về Tòa án và Viện Kiểm sát, củng cố hệ thống các Tòa án dân sự trên cơ sở phân định thẩm quyền xét xử của các Tòa án là cơ bản ;

thiết lập thêm Tòa án kinh tế và chuẩn bị lập Tòa án hành chính và một số tòa án chuyên ngành khác, ban hành những pháp lệnh và quy chế về trình tự xét xử, về luật sư, về án lệ (Jurisprudence), ... ; thực hiện chế độ bổ nhiệm thẩm phán thay cho chế độ bầu... ; tất cả nhằm bảo đảm "tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" của thẩm phán và hội thẩm khi xét xử.

Đi đôi với những đổi mới và thành tựu về kinh tế, các lĩnh vực *văn hoá - xã hội - an ninh, quốc phòng* cũng có một số biến chuyển tích cực. Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình, giải quyết việc làm, giảm bớt thất nghiệp được quan tâm và có hiệu quả bước đầu. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo từ tiểu học đến đại học được đổi mới một bước ; hệ thống trường bán công, dân lập đã hình thành. Giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề phát triển mạnh, đào tạo đại học và sau đại học có nhiều tiến bộ, đã thiết lập Đại học quốc gia [1]. Các hoạt động khoa học, công nghệ, môi trường có những tiến bộ đáng kể. Nhiều chương trình y tế được triển khai tốt. Các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao phong phú về hình thức, thể loại và phong cách phục vụ dân chúng. Các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là phát thanh, truyền hình được mở rộng. An ninh quốc gia được giữ vững, lực lượng vũ trang giảm về quân số nhưng được nâng cao về chất lượng ; những âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch đã bị đập tan ; nhiều đợt tấn công truy quét tội phạm hình sự đã giữ vững được trật tự và an toàn xã hội.

Những tiến bộ trên các lĩnh vực văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho việc tiếp tục đẩy mạnh đổi mới kinh tế và củng cố hệ thống chính trị của đất nước.

3. Một nhân tố cực kỳ trọng yếu của công cuộc ổn định chính trị và củng cố hệ thống chính trị *là sự lớn mạnh của các đoàn thể nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*. Nhân dân là chủ thể cơ bản, là nhân vật trung tâm của toàn hệ thống và Mặt trận chính là tổ chức chính trị - xã hội tiêu

1. - Đến cuối 1993, cả nước có 180 trường phổ thông bán công, dân lập với 17,3 vạn học sinh và hơn 2000 giáo viên. Đã có một số trường Đại học dân lập ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Số học sinh phổ thông năm 1994 tăng 5% so với năm 1990 (13.690.000/12.097.000), số sinh viên đại học tăng 50%(45.000/30.000).

- Đại học Quốc gia Hà Nội mới được thành lập giữa năm 1994, là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành và liên ngành lớn, một trung tâm văn hóa và đầu mối giao lưu khoa học và văn hóa quan trọng.

University is established [1]. Significant progress has been made in the fields of science, technology and environment. A number of medical programs are well developed. Cultural, information, and sport activities are rich in forms, and styles. The media, especially radio and television, has been expanded. State security has been steadily preserved. The armed forces have been reduced in quantity but strengthened in quality ; the schemes of "peaceful evolution", and subversion by reactionary forces are smashed. Offensives to wipe out criminals help to maintain social order and security.

The advances in the fields of culture, social affairs, security and defense have contributed to the maintenance of political stability, to the creation of a favourable environment for stepping up economic renovation and consolidating the country's political system.

3. Another extremely essential factor in the course of political renovation and the political system's consolidation is *the growth of the mass organizations and the Fatherland Front.* People are the main subject, the central point of the whole system and the Front is the most representative socio-political organization of the people. This is stipulated in the 1992 Constitution : "the Fatherland front of Vietnam and its member organizations are the political base of the people's power". The Congress of the Fatherland Front held in August 1994 expressed and heightened the tradition of great National unity, the invincible strength of the Vietnamese nation in its long history of building and defending the country. From the Vietminh Front during the August revolution in 1945, through to the Lien Viet and the present Fatherland Front of Vietnam, the great national unity bloc, following Ho Chi Minh's idea : "The more we are united, the greater is our success"

1. - To the end of 1993, there were 180 semipublic and private secondary schools in the whole country with 170,300 students and more than 2000 teachers. Some private colleges in Hanoi and Ho Chi Minh City have started their operation. The number of secondary students of 1994 increased by 5% in comparation with 1990 (13,690,000/12,097,000). The number of university students increased by 50% (45,000/30,000).

- The Hanoi National University was established in 1994. It is a big training and multi-discipline, interdisciplinary research and cultural center and an important seat for scientific and cultural transactions.

has gathered all social strata of the people under the banner of patriotism and socialism. At present, the Fatherland Front, more than ever, brings into full play the strength of the great forces of unity in the course of renovation. The Front has laid down the programme of great national unity for building and defending the country :

"To unite broadly all Vietnamese including groups, individuals of all classes, ethnic groups, religions, at home and abroad, regardless of their past or ideology, to defend independence, unity, sovereignty and territorial integrity, to push forward socio-economic development, to get rid of poverty and backwardness, to turn the desire of many generations into reality : a wealthy people, a strong country and a just and civilized society" [1].

4. In the political system of Vietnam, if the people are the roots and the main subject, and the State is the public power organization that manages and regulates the country and the backbone of the political system, then *the Communist Party of Vietnam*, the party in power, is the spirit, the leader of the whole society and the whole political system.

The Communist Party of Vietnam has shown its role in the whole process of the revolution for the liberation and construction of the country. It was the initiator and now is leading the cause of renovation that meets the desires of the people and conforms with the interests of the nation and the international trends. The leading role of the party is an objective and historically inevitable result of the development of Vietnamese society from the beginning of the 20th century to the present. It is the only party that could stand up in the struggle against the ruthless schemes, maneuvers and actions of colonialists, imperialists and feudalists while other patriotic parties earlier or later couldn't survive under the oppression and repression of the enemy. Some other political parties collaborated with foreign reactionary forces and eventually perished with their patrons. In the modern history of the Vietnam within the international context, the Communist Party of Vietnam has been placed in a position of

1. The magazine *Great Solidarity* No 35, 36, dated August 27, 1994, p.5.

biểu rộng lớn nhất của nhân dân, như Điều 9 Hiến pháp năm 1992 đã nêu : "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân". Đại hội Mặt trận Tổ quốc tháng 8-1994 đã thể hiện và nêu cao truyền thống quý báu đại đoàn kết dân tộc, sức mạnh vô địch của dân tộc Việt Nam trong suốt lịch sử xa xưa và hiện đại dựng nước và giữ nước. Từ Mặt trận Việt Minh trong quá trình Cách mạng tháng Tám năm 1945, trải qua Mặt trận Liên Việt, đến Mặt trận Tổ quốc ngày nay, khối đại đoàn kết toàn dân, theo tư tưởng Hồ Chí Minh : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ; thành công, thành công, đại thành công" đã tập hợp mọi tầng lớp nhân dân dưới ngọn cờ yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Ngày nay Mặt trận Tổ quốc phát huy sức mạnh đại đoàn kết hơn lúc nào hết trong sự nghiệp đổi mới. Mặt trận đã đề ra Chương trình đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước : "Đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam, bao gồm tập thể và cá nhân thuộc tất cả các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người trong nước và người ở nước ngoài, không phân biệt quá khứ và ý thức hệ, cùng nhau giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, biến nguyện vọng lâu đời của nhân dân ta thành hiện thực : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh..." [1].

4. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, nếu nhân dân là gốc, là chủ thể cơ bản, và Nhà nước là tổ chức công quyền quản lý và điều hành đất nước, là bộ xương sống của hệ thống chính trị thì *Đảng Cộng sản Việt Nam*, Đảng cầm quyền, là linh hồn, là người lãnh đạo toàn xã hội, toàn hệ thống chính trị.

Đảng Cộng sản Việt Nam, đã thể hiện vai trò của mình trong cả lịch trình cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, là người đã đề xướng và đang lãnh đạo công cuộc đổi mới hợp lòng dân, hợp với lợi ích của dân tộc, hợp với trào lưu quốc tế. Vai trò lãnh đạo của Đảng là kết quả của một quá trình lịch sử khách quan của xã hội Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay. Đó là Đảng duy nhất đã trụ vững trong cuộc đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn, hành động cực kỳ ác liệt của thực dân, đế quốc và phong kiến, trong khi một số đảng yêu nước khác ra đời sớm muộn cũng không tồn tại nổi trước sức đàn áp và khủng bố của kẻ thù, hoặc một số đảng tay sai cho những thế lực phản động ngoại bang thì cũng đã tàn lụi cùng số phận của quan thầy chúng. Lịch sử cận đại và hiện đại của Việt Nam và nhân dân Việt Nam trong bối cảnh chung của thế giới, đã đưa Đảng Cộng sản Việt Nam lên vị trí độc tôn (hégémonie), chủ

1. *Báo Đại đoàn kết*, số 35, 36 ra ngày 27-8-1994, tr. 5.

hegemony without any imposition from any individual or any group. It is because the party has embodied the will and the desires of the people and is the only one which is able to chart the victorious path for national salvation. At the present time, the party is also the initiator and the leader of the course of renovation that has scored achievements victories on the way to building a new society.

To fulfill the mission entrusted by history, the Party is renovating itself, overcoming the weaknesses concerning qualities, virtues, morality and the capability of communists. The renovation of the Party is carried out through the expansion of the great unity bloc of the whole people, the consolidation of the close relations between the party and the people. This aims to increase its leadership of the State apparatus and to make the State a powerful, capable, forceful and effective government truly by the people, of the people and for the people. This is a very important and urgent task in the course of renovating the political system.

5. Though the State and the political system have been renovated, initial achievements have been recorded, *prospects and favourable opportunities* have emerged, there still exist many weaknesses, defects and *great challenges* confronting the country. Some weaknesses that are inherent in the circumstances of a country developing from a backward agricultural economy, a society under long feudal and colonialist rules, a country which had to go through tens of years of war for independence. Weaknesses and problems also arose in the process of the comprehensive renovation, especially in the economic, cultural and social fields. The most noteworthy of these weaknesses are the difficulties and trials of the economy in conditions where the market mechanism is in its primary stages and contains many spontaneous elements. The economic growth rate and the ability to curb inflation are not yet stable. The problem of employment is still serious. Education is still weak in quality, literature and the arts are under the influence of the poor tastes of the market mechanism, social justice is not satisfactory, population growth rate is still high (2.2%) while social evils such as smuggling, corruption, gambling, drug addiction, prostitution and crime are not yet effectively checked. All these badly affect peo-

không phải bất kỳ một cá nhân hay một nhóm nào áp đặt được. Đó là vì Đảng là hiện thân ý chí và lòng dân, là người duy nhất đề ra được con đường cứu nước đúng dắn, và ngày nay cũng là người đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đang thu được những thắng lợi trên con đường xây dựng xã hội mới.

Để làm tròn sứ mệnh lịch sử đã được giao phó, Đảng cũng đang tự đổi mới, tự chỉnh đốn, khắc phục nhược điểm về trình độ, phẩm chất, đạo đức, năng lực của đảng viên. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, thông qua việc mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo đối với bộ máy nhà nước làm cho Nhà nước thực sự là một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, có đủ quyền lực, năng lực, hiệu lực, hiệu quả. Đó là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cấp bách trong công cuộc đổi mới hệ thống chính trị.

5. Tuy đất nước và hệ thống chính trị đã có những đổi mới và thành tựu bước đầu, đang *có những cơ hội và tiền đồ tốt đẹp* ; song còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm, và đang đứng trước *nhiều thách thức to lớn*. Có những mặt yếu kém vốn có từ trong hoàn cảnh của một nước đi từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, một xã hội lâu ngày nằm trong chế độ phong kiến, thực dân, một đất nước đã phải trải qua mấy chục năm chiến tranh giành và giữ độc lập. Có những mặt yếu kém và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình chuyển đổi toàn diện, đặc biệt là về kinh tế, văn hoá, xã hội. Trước hết phải kể những khó khăn, thử thách về kinh tế trong hoàn cảnh cơ chế thị trường đang ở giai đoạn sơ khai, mang nhiều yếu tố tự phát, tốc độ tăng trưởng và khả năng kiềm chế lạm phát chưa vững chắc. Còn có những khó khăn về thiếu việc làm, giáo dục còn yếu cả về chất lượng và hiệu quả, văn hoá, văn nghệ đang chịu sự tác động của thị hiếu không lành mạnh của cơ chế thị trường, công bằng xã hội chưa tốt, tỷ lệ tăng dân số còn cao (2,2%), những tệ nạn xã hội như buôn lậu, tham nhũng, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm, trộm cướp còn chưa bị ngăn chặn có hiệu quả. Tất cả tình hình đó gây ảnh hưởng lớn đến niềm tin của nhân dân đối với chế độ và trở thành một nhân tố có tác động nhất định vào hệ thống chính trị.

Xét bản thân của hệ thống chính trị thì tuy chính trị được giữ ổn định trong thế năng động phát triển, song còn nhiều yếu tố phức tạp, yếu kém. Hệ thống chính trị đứng trước những thách thức lớn : nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, và không đơn thuần là kinh tế mà còn có thể mang tính chất phức tạp về chính trị ; nguy cơ tệ quan liêu, nạn tham nhũng làm suy giảm quyền lực và uy tín của Đảng cầm quyền và của Nhà nước. Những non kém đó nếu không được khắc phục, tự nó chứa đựng khả năng tiềm ẩn là nguy cơ "đi chệch hướng con đường xã hội chủ nghĩa" và nguy cơ "diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra.

Nhân dân Việt Nam giữ vững lòng tin vào chế độ, vào nền chính trị và hệ thống chính trị được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và đặt nền tảng từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và với sự khai sinh của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Cốt lõi của hệ thống chính trị mới nói trên là *sự kết hợp hài hòa mọi tinh hoa của nền văn hoá Việt Nam,* truyền thống yêu nước, tự chủ, tự cường, đại đoàn kết và lòng nhân ái của dân tộc ; truyền thống triết lý, đạo đức nhân văn của phương Đông ; tư tưởng tự do dân chủ và quyền con người của phương Tây ; và tư tưởng triệt để giải phóng loài người khỏi áp bức, bóc lột, khỏi hận thù giai cấp và dân tộc của chủ nghĩa xã hội khoa học. Nói tóm lại, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy dân tộc Việt Nam, lấy dân Việt Nam làm gốc, hòa hợp và bổ sung bằng những giá trị các tư tưởng cổ, kim, đông, tây tiến bộ của loài người. Thành tựu giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị trong bước đường đổi mới toàn diện là do: nó ra đời từ trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam tự lập, tự cường, không do một lực lượng chính trị hay quân đội nước ngoài nào đến giải phóng giúp ; nó cắm rễ sâu trong lịch sử hàng nghìn năm và kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc ; nó tiếp nhận và đồng hóa tất cả tinh hoa của nền văn minh nhân loại hiện đại ; nó dựa vào và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân ; nó là môi trường và phương hướng chỉ ra cho nhân dân con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hiểu một cách sáng tỏ và hợp lòng dân là : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", là "làm cho ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành", là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Khó khăn, thách thức còn nhiều. "Lửa thử vàng, gian nan thử sức". Nhân dân Việt Nam đã trải qua một chặng đường 50 năm vô cùng gian khổ và cũng vô cùng hào hùng trong lịch sử từ Cách mạng tháng Tám đến nay. Ngày nay, lại có nhiều thuận lợi cơ bản, nhân dân Việt Nam nhất định giữ vững truyền thống của Cách mạng tháng Tám và những thành tựu đạt được 50 năm qua, ra sức khai thác thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, thực hiện mục tiêu tổng quát là : "vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay" [1].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 60.

ple's confidence in the regime and, to a certain extent, affect the political system.

Though politics in the general political system is stable, there exist many complex and weak factors. The political system is facing great challenges. The danger of further lagging behind economically leads to not only economic but also political consequences. Corruption and bureaucratism may erode the authority and prestige of the party in power and of the State. These weaknesses, if not overcome, contain in themselves potential danger of "derailing the country from the socialist path" in favour of the "peaceful evolution" engineered by hostile forces.

The Vietnamese people firmly hold trust in the regime and the political system initiated and founded by President Ho Chi Minh and the Communist Party of Vietnam after the triumph of the August Revolution and the birth of the Democratic Republic of Vietnam.

The essence of the abovementioned political system is a *harmonious combination of the quintessence of Vietnamese culture :*

Independence, self-development, great unity and benevolence ;

The oriental philosophy and humanism ;

Ideas of freedom, democracy and human rights of the West and ;

The idea based on scientific socialism, the complete liberation of mankind from oppression, exploitation, enmity among classes and nations.

In brief, these of Ho Chi Minh's thoughts regarding the people as the centre have displayed a harmonized combination of the old and new values, Eastern and Western and progressive ideas of mankind. The basis of our achievements recorded in the defence and

Cao và Xanh
Scraping the sky

consolidation of political stability on the path of a comprehensive renovation results from the revolutionary struggle of the Vietnamese people with a strong sense of self-reliance and self-determination. It originates from Vietnam's millennial history and the successful development of the Nation's finest traditions. It accepts and adopts all the essential elements of modern human civilization and relies on the forces of the people's great unity. These ideas are guidelines for the people on the path to socialism, and are expressed concretely in these theses : "Nothing is more precious than independence and freedom", "everyone should have food, clothes and the opportunity to study", "a wealthy people, a strong country, a just and civilized society".

The road is full of difficulties and trials. However, we often say : "Gold purity is measured in fire ; human strength is measured difficulties".

Since the August Revolution, the Vietnamese people have passed through fifty years of difficult but glorious history. At present, the Vietnamese people will certainly defend the traditions of the August Revolution and the achievements recorded over the past 50 years, in favourable conditions. They will do their utmost to make the best use of the advantages and opportunities to push back dangers, to overcome difficulties, to achieve the ultimate objective : "socio-economic development, political stability, liquidation of negative phenomena and social injustices and to take the country out of the present crisis" [1].

1. The Communist Party of Vietnam : *Documents of the 7th Nation-wide representative Congress*, Su that Publishing House, Hanoi 1991, p. 60.

Ảnh/Photo: Tam Thái

ĐỔI MỚI KINH TẾ

THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG

BỐI CẢNH ĐỔI MỚI

Ngay từ giữa những năm 60, mặc dù đất nước còn trong hoàn cảnh chiến tranh, Chính phủ Việt Nam đã nhận thấy những hạn chế trong hệ thống kinh tế và tìm kiếm các giải pháp khắc phục, song do hoàn cảnh chiến tranh ngày càng ác liệt và bối cảnh quốc tế, đã không cho phép tổ chức nghiên cứu và tiến hành các giải pháp cải cách kinh tế.

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, cả nước bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế, với phương châm đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ, trong khi mô hình quản lý kế hoạch hoá tập trung được áp dụng sâu rộng trên phạm vi cả nước nên tình trạng kinh tế phát triển chậm và ngày càng lâm vào trì trệ.

Trong tình hình đó, cuối những năm 70, cải cách đầu tiên bắt đầu từ những chủ trương quan trọng của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (8-1979) với tư tưởng nổi bật là làm cho "sản xuất bung ra". Chủ trương mới ấy đã tạo thêm niềm tin và sức sống cho các thí điểm trong nông nghiệp, do những cán bộ ở hợp tác xã và địa phương tiến hành xuất phát từ những đòi hỏi bức bách của cuộc sống, được các cán bộ khoa học, các cán bộ hoạch định chính sách ở Trung ương ủng hộ, tổng kết, xây dựng thành Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (1-1981). Chính thức đưa cơ chế khoán vào cuộc sống được coi là khâu đột phá, tạo ra những động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển và chặn đứng sự sa sút trong

Economic Renovation

ACHIEVEMENTS AND PROSPECTS

BACKGROUND

In the mid-1960s when the war was raging in Vietnam, the Vietnamese government was already aware of the limitations of the economic system and seeking remedies. But due to the ever fiercer war and the international context of the time it was impossible to carry out reforms.

During the post-1975 period, the reunified Vietnam entered the stage of economic construction and development with the stepped-up socialist industrialisation as the central task of the transition period while the centralized planned economic system was applied nation-wide. Therefore, economic growth slowed down and fell into a more and more serious stagnation.

To cope with this situation, the first reform was introduced by the end of the 1970's by the 6th meeting of the Party Central Committee (8-1979) with the outstanding idea of "production explosion". This new policy created confidence and vitality for the implementation of trial measures in agriculture. These measures originated from the initiatives by some local authorities - co-operative managers and leaders at the grassroots level - to remedy the worsening economic situation. They were supported, summed up and developed into Directive No 100 of the Secretariat of the CPV (January 1981) by scientific researchers and policy makers at the central level. The introduction of the contract system into production was regarded as a breakthrough, presenting new impetus for production development and checking the downfall in agricultural production in the late 1970's.

In the field of industry, "fence breaking" was made by a number of state enterprises in Hanoi and Ho Chi Minh City with the support of the local authorities. With due examination of this spontaneous initiative and its results, the government issued Decision No 25-CP (January-1981) granting state enterprises more autonomy to do business and the right to enter production contracts in response to the requirements of the market. This decision marked the adoption of a number of elements of the market economy while the centralized planned mechanism at the macro level still remained unchanged.

The trial application of the single price mechanism in Long An province the Mekong Delta actually provided further practical suggestions for abandoning the centralized planned economic system. It had its advantages during the war time but has revealed many shortcomings in peace conditions especially under the market mechanism.

Thus, at the initial stage, the renovation was the meeting point of both the creative search by the people and officials at the grassroots level who understood the real situation and the interests of the labouring people and, the renewed thinking of the top leaders. This was indeed the first important feature of the renovation.

Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định và mở rộng đường lối đổi mới

The 7th Congress of Vietnam Communist Party reaffirmed and expanded the renovation policy

nông nghiệp của những năm cuối thập kỷ 70.

Trong công nghiệp, hiện tượng "xé rào" trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, được các nhà lãnh đạo địa phương ủng hộ đã đem lại chất liệu thực tiễn để hình thành Quyết định 25-CP (1-1981) của Chính phủ, cho phép các doanh nghiệp được tự chủ nhiều hơn trong kinh doanh và được ký kết hợp đồng sản xuất theo nhu cầu thị trường, tức là đã chấp nhận một số yếu tố của kinh tế thị trường trong khuôn khổ cơ chế kế hoạch tập trung chưa thay đổi ở tầm vĩ mô.

Được mùa / Good crop

Những thí điểm tiếp theo về cơ chế một giá được tiến hành ở tỉnh Long An, đồng bằng sông Cửu Long, đem lại những gợi ý thực tế cho việc từ bỏ chế độ kế hoạch hoá tập trung có tác dụng trong chiến tranh, nhưng bộc lộ nhiều nhược điểm trong hoà bình, chuyển sang cơ chế thị trường.

Như vậy, công cuộc cải cách giai đoạn đầu ở Việt Nam là sự gặp gỡ giữa sự tìm tòi, sáng tạo của quần chúng, cán bộ ở cơ sở và địa phương - những người gắn bó với thực tế và lợi ích của người

The early 1980's witnessed a series of successive reforms which resulted in humble success in Vietnam. These measures which involved experiments and attempts to solve major economic difficulties within the framework of the old mechanism, could not curb inflation and economic recession. Indeed, a slow-down in economic growth occurred while assistance from the former Soviet Union and East European countries decreased and the US embargo continued. All these further aggravated Vietnam's economic and social difficulties. In 1986, galloping inflation reached 774.7% while the declining agricultural production could not meet domestic demands. This further worsened the living conditions of the people. About two million people suffered from hunger by the end of 1987. The economic crisis became all the more serious.

Bác Hồ tát nước chống hạn cùng với nông dân ngoại thành Hà Nội
Uncle Ho fighting drought with Hanoi suburban farmer

HISTORIC DECISION

After summing up the lessons of success and failure from the searches and experiments of the 1981-1985 period, and studying the experience of a number of countries, the Communist Party and government of Vietnam put forward basic viewpoints and decided to carry out *"a comprehensive renovation of the country's economy"* as laid down in the Resolutions of the 6th Congress of the CPV (December 1986). This new line, which was reaffirmed and developed by the CPV 7th Congress (June 1991), supported the development of a multi-sector commodity economy governed by the socialist-oriented and state-controlled market mechanism.

In the period of 1986-1990, the renovation was oriented "to concentrate human and material resources on the implementation of the three target programme of *food and foodstuffs*, con-

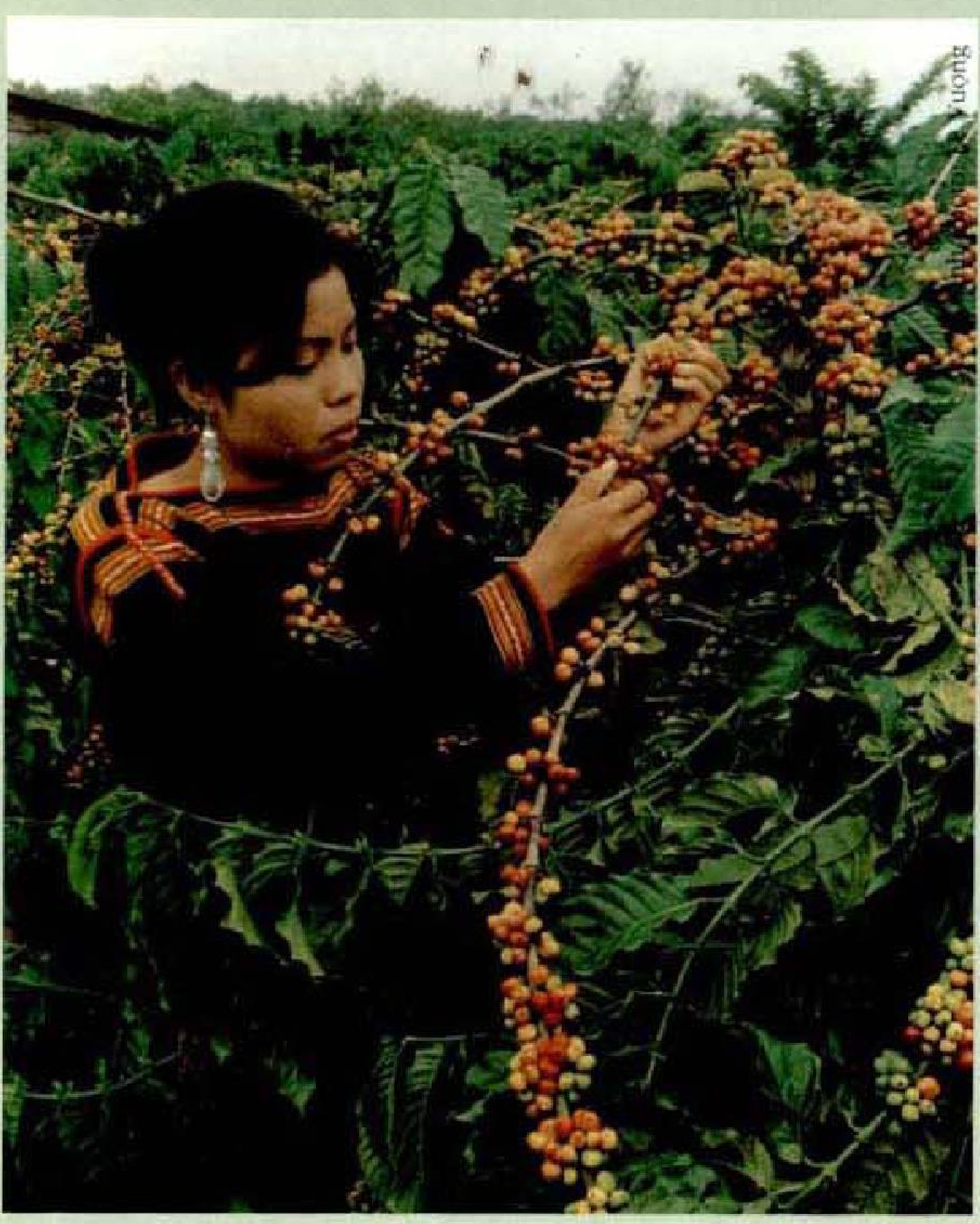

Cà phê Buôn Ma Thuột / Coffee plantation in Buon Ma Thuot

lao động - với sự đổi mới tư duy của những người lãnh đạo đất nước. Đó chính là đặc trưng quan trọng đầu tiên của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Những năm đầu của thập kỷ 80 chứng kiến những cải cách liên tục nhưng ít thành công ở Việt Nam. Đó là sự thử nghiệm, tìm tòi giải quyết các khó khăn to lớn về kinh tế trong khuôn khổ cơ chế cũ và đã không ngăn chặn được lạm phát và suy thoái kinh tế. Tăng trưởng kinh tế chậm và không tương xứng với tiền vốn và lao động đã bỏ ra, sự trợ giúp ở bên ngoài từ Liên Xô và các nước Đông Âu giảm sút dần trong điều kiện Mỹ tiếp tục bao vây cấm vận đã làm trầm trọng thêm những khó khăn kinh tế xã hội. Lạm phát phi mã lên tới 774,7% vào năm 1986, sản xuất nông nghiệp giảm sút, không đủ đáp ứng nhu cầu trong nước, dẫn đến đời sống nhân dân có nhiều khó khăn, gần 2 triệu người đói ăn vào cuối năm 1987, cuộc khủng hoảng kinh tế trở nên gay gắt.

QUYẾT ĐỊNH LỊCH SỬ

Để vượt qua những thử thách to lớn đó, từ những bước tìm kiếm, thử nghiệm ở thời kỳ 1981-1985, Đảng và Chính phủ Việt Nam trên cơ sở tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học thành công và chưa thành công, tham khảo kinh nghiệm tốt của các nước..., đã đề ra những quan điểm cơ bản và đi đến quyết định tại Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) : *phải đổi mới toàn diện nền kinh tế đất nước*. Quan điểm đó được tiếp tục khẳng định và nâng cao tại Đại hội lần thứ VII của Đảng (6-1991). Đường lối đổi mới được khẳng định là : xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công cuộc đổi mới trong bước đi trước mắt (1986-1990) được định hướng : "Tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về *lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*" nhằm đạt kết quả :

- Về lương thực, thực phẩm : đảm bảo lương thực đủ ăn cho toàn xã hội và có dự trữ. Đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm, mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động.
- Về hàng tiêu dùng : sản xuất đáp ứng được nhu cầu bình thường của nhân dân thành thị và nông

thôn về những sản phẩm công nghiệp thiết yếu.

- Về hàng xuất khẩu : tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực ; đạt kim ngạch xuất khẩu đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hoá cần thiết [1].

Phương hướng đổi mới được nâng lên tầm cao, vượt khỏi các cải cách có tính bộ phận của những năm trước, khắc phục triệt để cơ chế kế hoạch hoá tập trung theo các định hướng :

1. Tự do hóa giá cả kết hợp với thắt chặt chính sách tiền tệ và tài khoá để chống lạm phát, thúc đẩy phát triển sản xuất.

Tự do hoá giá cả là một biện pháp cải cách tất yếu của một nền kinh tế chuyển đổi. Đầu năm 1989, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện tự do hóa giá cả đối với hầu hết các sản phẩm hàng hoá (trừ điện, dịch vụ bưu điện, nước, xi măng, phân bón, v.v...), kết thúc sự tồn tại của chế độ hai giá, và khởi đầu thời kỳ một hệ thống giá thống nhất, chủ yếu do thị trường quyết định. Cơ chế giá thị trường phản ánh cung cầu và giá trị thực của hàng hóa và dịch vụ. Biện pháp này đã loại bỏ những sai lệch nghiêm trọng trong giá cả mà trong quá khứ đã dẫn đến kìm hãm sản xuất do phải bán dưới giá thành và kích thích tiêu dùng gia tăng một cách giả tạo do duy trì giá bán quá thấp.

Sự thành công của cải cách giá đã góp phần quyết định vào việc hình thành cơ chế thị trường trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho các cơ sở thực hiện quyền tự chủ kinh doanh, thực hiện cạnh tranh theo pháp luật, đem lại động lực mới cho nền kinh tế.

Tự do hóa giá cả thường kèm theo lạm phát cao. Vì vậy, đồng thời với tự do hóa giá cả, Chính phủ Việt Nam đã thắt chặt cung ứng tiền tệ, thắt chặt chính sách tài khoá bằng các biện pháp :

Cải cách hệ thống ngân hàng, thực hiện ngân hàng hai cấp, tách chức năng quản lý nhà nước của ngân hàng nhà nước ra khỏi hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 47.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng sau khi ra lệnh ngăn sông Đà đợt I tới quan sát hiện trường
Pham Van Dong, Chairman of Council of Ministers, visiting work site after the first barring of Black River

Hình 1 - Quan hệ giữa chỉ số giá cả và lãi suất tiền gửi tiết kiệm (1988 - 1994)
Figure 1 - Relationship Between CPI and Interest Rate for savings (1988 - 1994)

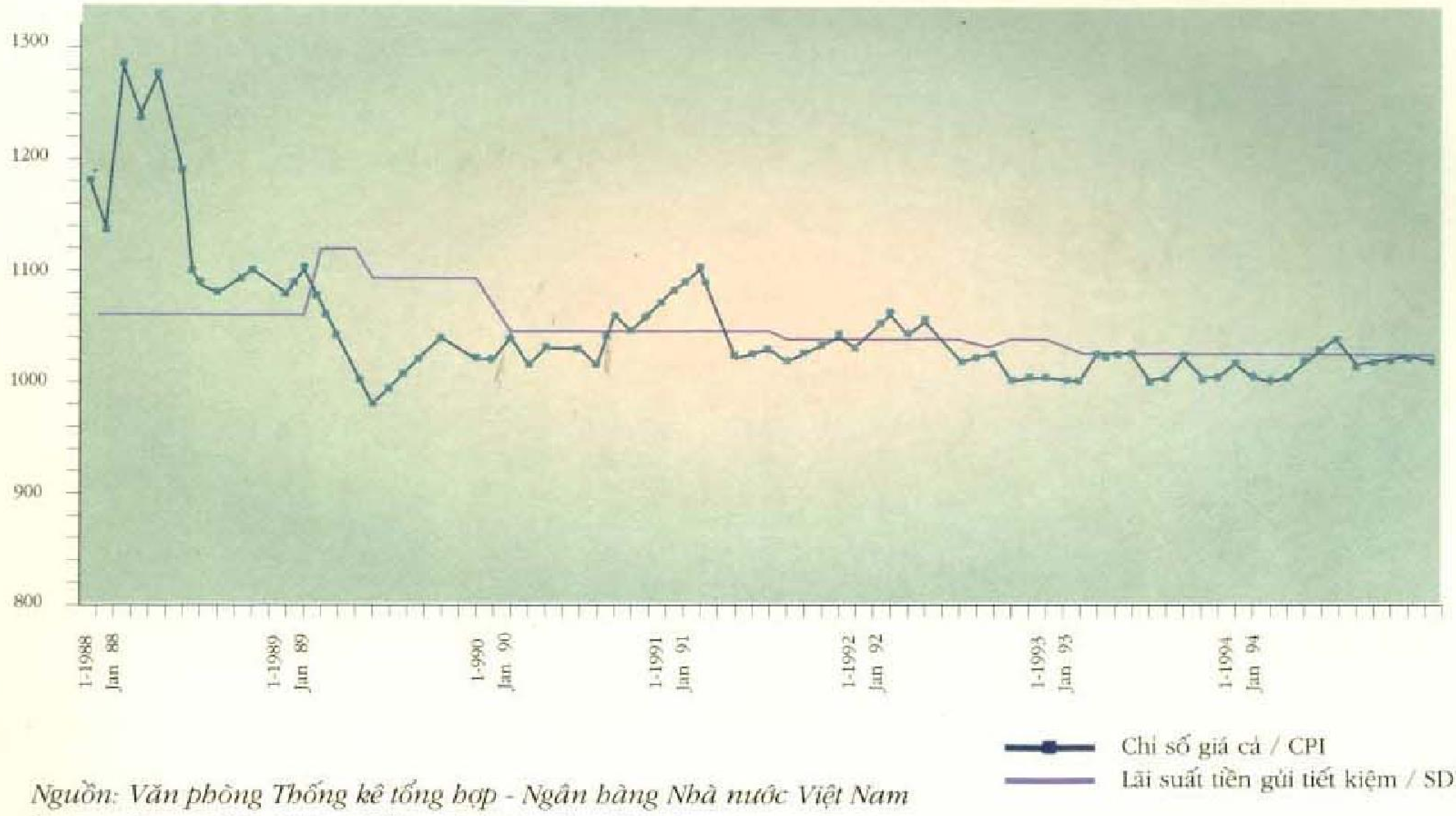

Nguồn: Văn phòng Thống kê tổng hợp - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Source: General Statistical Office, State Bank of Vietnam

sumer goods and goods for exports. They served to achieve the following goals :

- *food and foodstuffs :* To provide sufficient food for the whole society and to set up food reserves, people's essential needs of foodstuffs must be met on a stable basis. The quantity and quality of food and foodstuffs must ensure the reproduction of labour force.

- *consumer goods :* To be able to meet the needs for essential industrial goods of the urban and rural population.

- goods for exports : To identify core items of exports. The gains should be adequate to pay off for imported materials, machinery, accessories, spare parts and other essential goods [1].

Renovation was then raised to a higher level compared with the previous year. Reforms were carried out to overcome the weaknesses of the centralized planned economy along the following directions :

1. To combine price liberalization with stringent monetary and fiscal policies with a view to combatting inflation and increasing production.

The liberalization of prices is an inevitable reform for an economy in transition. Early in 1989, the Vietnamese Government liberalized prices of most commodities (excluding power, postal services, water, cement, fertilizers) ending the two-price system and ushering in a new system of prices mainly determined by the market. The market-price mechanism is actually the true reflection of the demand-supply relations and the real value of commodities and services. This measure has eliminated the pricing blunders of the past which hindered production due to the selling of goods below production costs, resulting in over-consumption because of absurdly low prices.

The success of the pricing reform plays a decisive role in the formation of a market economy, giving business and production establishments more autonomy, facilitating law-governed competition and giving the economy new impetus.

Price liberalization is often accompanied by high inflation rate. The Vietnamese government, on one the hand, liberalizes prices, and on the other, tightens monetary supplies and fiscal policy with following measures :

- Reforming the banking system, practising the two-tiers banking mechanism, separating the state management function of the State Bank

1. Communist Party of Vietnam : *Documents of the 6th National Congress,* p. 47.

Hình 2 - Tiền gửi Ngân hàng hàng tháng
Figure 2 - Monthly Bank Deposit

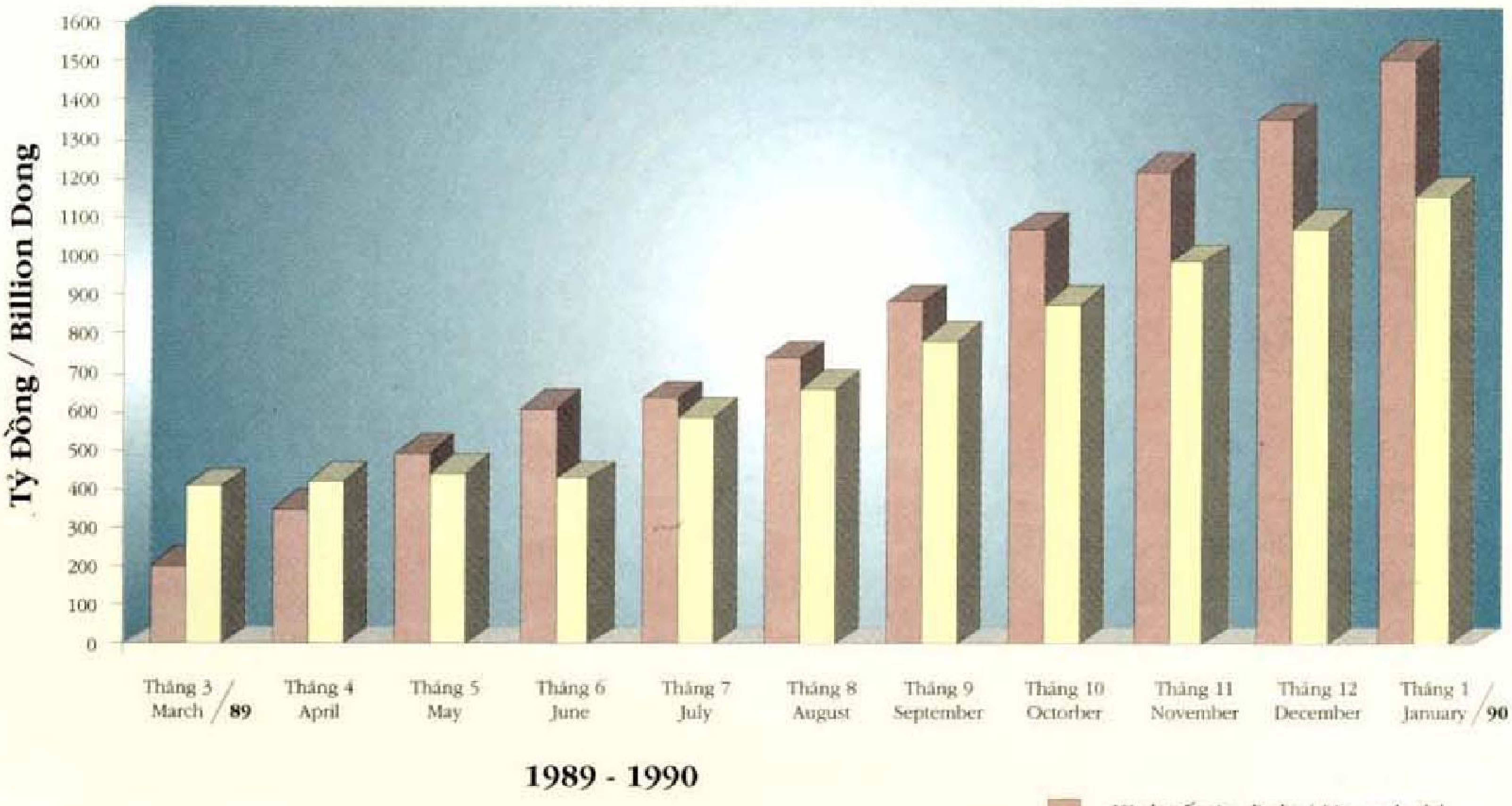

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Source: State Bank of Vietnam

kiểm soát việc cung ứng tiền tệ, bao gồm cả tiền mặt và tín dụng, góp phần kiềm chế lạm phát.

Nâng lãi suất tiết kiệm lên cao hơn mức lạm phát, tức áp dụng lãi suất thực dương. Hình 1 cho thấy diễn biến của chỉ số giá cả và lãi suất tiền gửi tiết kiệm từ tháng 3-1989 cho đến tháng 7-1994.

Biện pháp đó đã có hiệu lực mạnh mẽ, ngay lập tức huy động được một khối lượng tiền nhàn rỗi lớn, làm giảm áp lực của cầu trên thị trường. Hình 2 cho thấy sự gia tăng mạnh mẽ của tiền gửi tiết kiệm sau khi áp dụng các biện pháp trên. Số tiền gửi của dân cư đã vượt cả tiền gửi của các doanh nghiệp vào đầu năm 1990.

Thúc đẩy các ngân hàng thương mại quốc doanh hoạt động theo nguyên tắc thương mại, khuyến khích thành lập và phát triển các ngân hàng thương mại tư nhân, kể cả ngân hàng nước ngoài.

2. Xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước với các nội dung :

Đổi mới và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng thu gọn số lượng các doanh nghiệp nhà nước và mở rộng quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước, áp dụng nguyên tắc và kỷ luật thị trường đối với hoạt động của loại doanh nghiệp này, từng bước tạo khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước.

Đổi mới quản lý hợp tác xã, trước hết là các hợp tác xã nông nghiệp, thừa nhận các hộ nông dân trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ, thực sự được giao đất để sử dụng ổn định lâu dài, có quyền chuyển nhượng, chuyển đổi, thế chấp, thừa kế và cho thuê, có quyền tự do quyết định sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Còn các hợp tác xã chỉ làm chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ đầu vào và đầu ra cho các hộ nông dân tự chủ.

Công nhận quyền sở hữu tư nhân, khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể.

Để tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, mấy năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã ban hành một khung khổ pháp lý kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp, bảo đảm quyền tự do kinh doanh cho tất cả các doanh nghiệp và công dân theo đúng pháp luật.

3. Cải cách hệ thống tài chính và thuế, tăng cường tài chính Nhà nước.

Từng bước thiết lập hệ thống thuế tương ứng với nền kinh tế thị trường, làm cho nguồn thu về thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách. Thực hiện các biện pháp cắt giảm chi tiêu ngân sách, xoá bỏ các

from the business operation of the State Commercial Banks. State banks control the monetary supplies in cash and in credit to help to control inflation.

- Raising savings interest rates to a level higher than the inflation rates - application of positive interest rates. Figure 1 shows the progress of price and savings interest rates from March 1989 to July 1994. This measure yielded strong effects and immediately mobilized a huge amount of idle money and thus reduced the demand in the market.

Figure 2 shows a significant increase in savings after the measure was taken. Personal bank deposits even exceeded those of enterprises in early 1990.

Promoting State Commercial Banks to operate under commercial principles, facilitating the establishment and development of private commercial banks, including foreign ones.

2. To establish and develop a multi-sector economy which operates in accordance with the market mechanism under the state management, the following tasks must be done :

- Renovating and restructuring state enterprises by reducing their number, expanding their business and financial autonomy, injecting market principles and discipline into their activities. Eventually, favourable conditions will be created for them to engage in competition.

- Renovating the management of co-operatives, the agricultural ones first. Peasant households should be recognized as independent economic units. They are to be allocated land for stable and long-term use, and to have the right to transfer or exchange, mortgage and lease it. They are also to be free to decide what to produce and are free to sell their products on the market. Co-operatives are left with the functions of providing services to independent peasant households.

- Recognizing the right to private ownership, encouraging the development of various types of business in the private and individual economic sectors.

In recent years, in order to create conditions for the development of the multi-sector economy, the Vietnamese government has created a

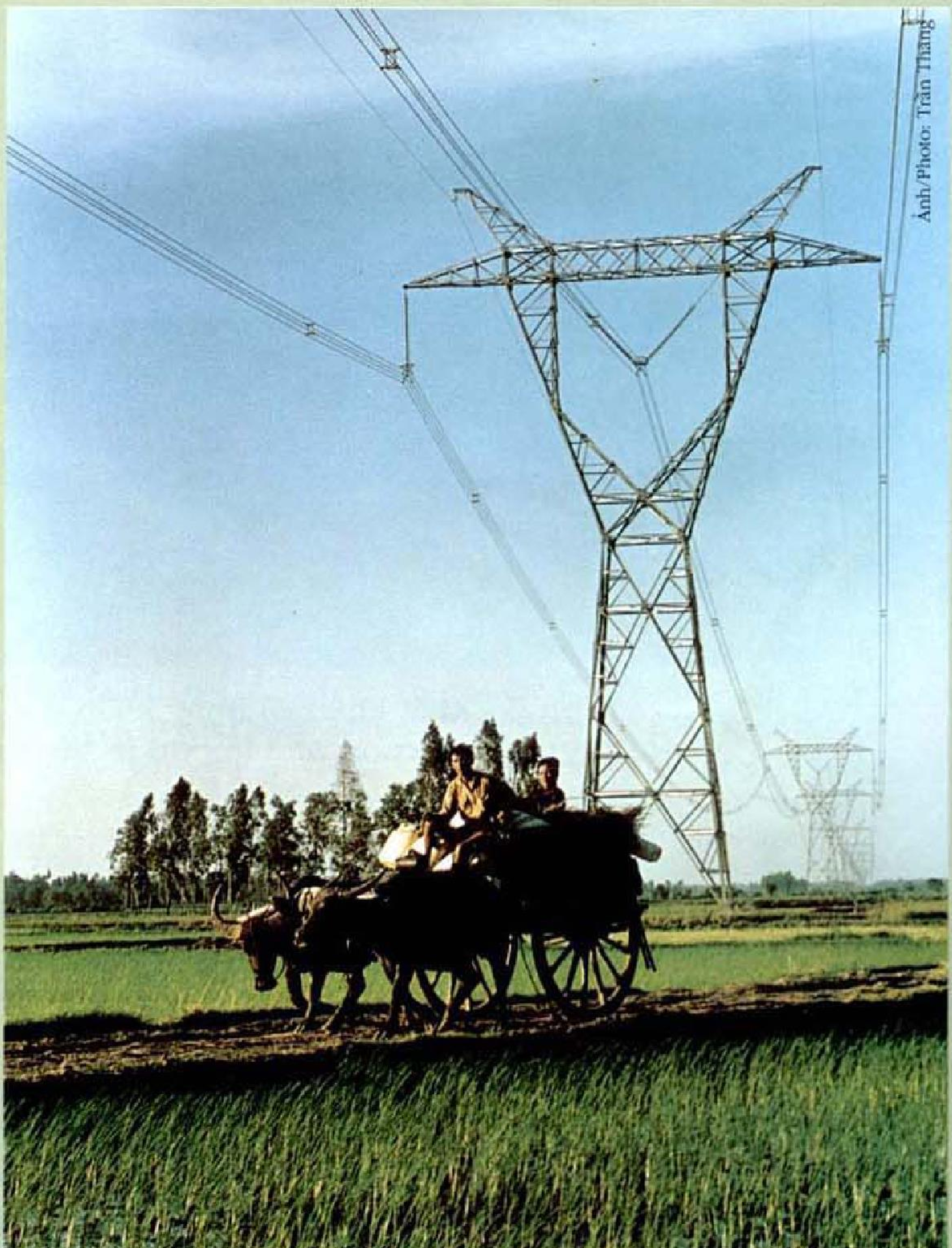

Đường dây 500KV về với đồng ruộng miền Nam
The high voltage transmission line has reached the Southern fields

legal framework to ensure all enterprises and citizens of business freedom and equality in accordance with the laws.

3. To reform financial and taxation system and to strengthen the State finance.

A taxation system corresponding to the market economy is to be gradually set up, in order that tax revenues will make up the main source of the budget. Measures are to be taken to reduce budget expenditures, eliminate subsidies, especially those reserved for state-owned enterprises. State bodies are to be streamlined and state investment reduced. The issuance of bank-notes to make up for budget deficits is to be abolished. Instead, borrowings are to be made from both domestic and foreign capital markets.

4. Expanding international relations and gradually integrating Vietnam's economy with the regional and world economy.

To this end, the Vietnamese government has implemented such new policies and measures as :

- Liberalizing both domestic and foreign trade, reducing taxes on essential consumer goods imported for a non-commercial purposes, and many other imported goods. This helps to enable the rapid inflow of high-grade consumer goods which local producers are not yet able to produce. Figure 3 shows a sharp increase in both exports and imports from 1989.

- Promulgating a liberal and attractive Law on Foreign Investment (issued in 1987) to attract direct foreign investments and abolish state monopoly in foreign trade. This helped to expand foreign trade activities to companies from various economic sectors.

- Applying flexible exchange rates based on market demand and supply, thus, reflecting the real value of the Vietnamese Dong compared against foreign currencies. This acts as strong incentives to export.

- Shifting from quotas and licenses to customs taxes as the main instrument of foreign trade control.

- Taking necessary measures and preparing conditions for Vietnam to join regional and international organizations as ASEAN, GATT etc as a full member.

Domestically, freedom to conduct business under the law has been extended to citizens. Many families have started business mainly in retail trade and services, thus, providing more products and services to society and more jobs and income for people. The government has expanded gold, silver and gems business, and encouraged individuals to engage in housing construction, which expands the scope of market and financial activities. The gap between supply and demand has been narrowed.

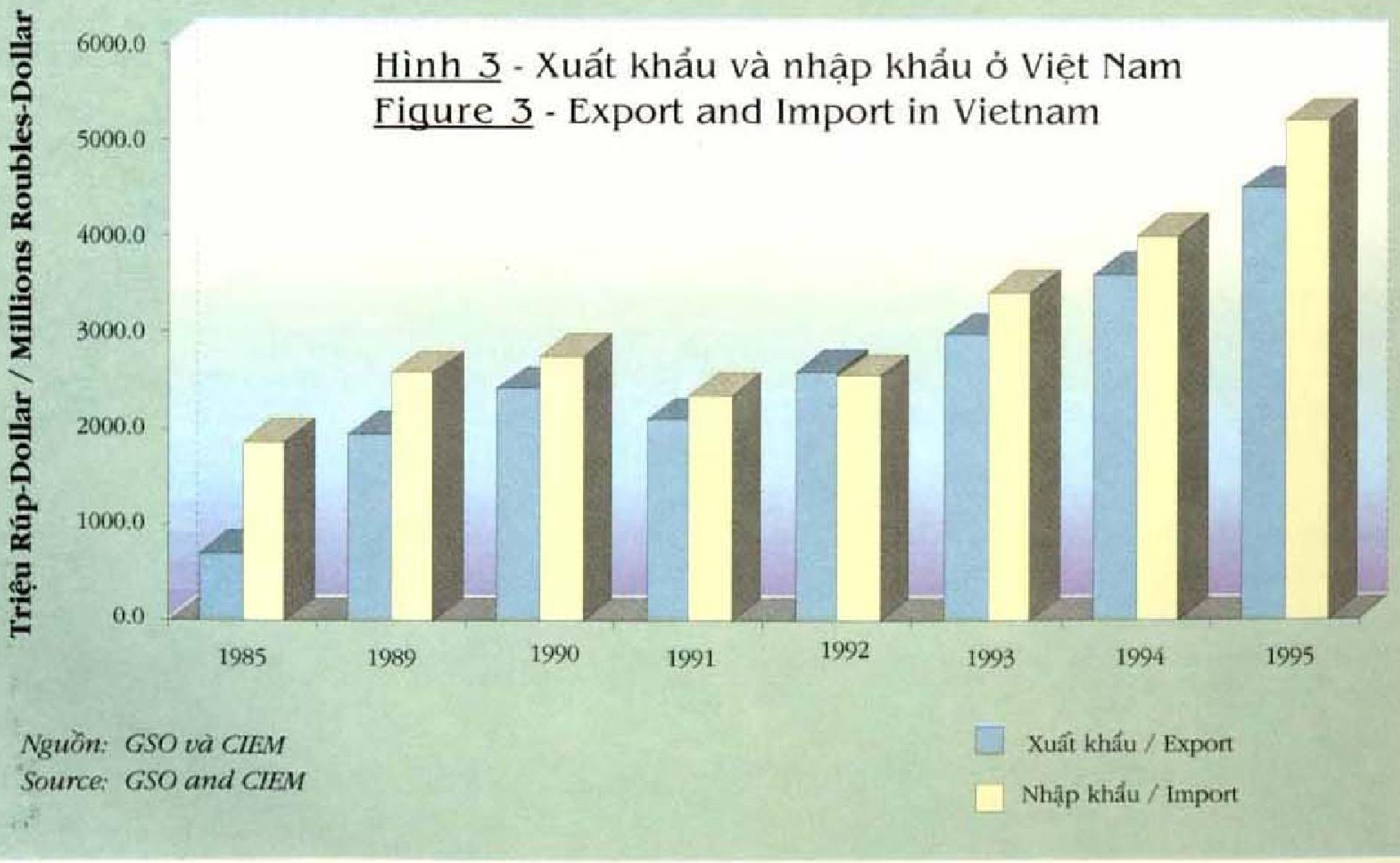

Nguồn: GSO và CIEM
Source: GSO and CIEM

Giàn khoan mỏ dầu Bạch Hổ / The Bach Ho oil rig

khoản bao cấp, đặc biệt là bao cấp cho doanh nghiệp nhà nước, giảm biên chế, thu hẹp đầu tư của Nhà nước. Chấm dứt phát hành để bù đắp bội chi ngân sách, thay vào đó phải vay trên thị trường vốn nội địa và quốc tế.

4. Đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ quốc tế, từng bước hội nhập nền kinh tế Việt Nam với kinh tế khu vực và thế giới.

Để thực hiện đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện các biện pháp chính sách mới như :

Thực hiện tự do hoá thương mại cả trong nước lẫn ngoài nước, giảm thuế đối với các hàng tiêu dùng thiết yếu được nhập khẩu phi mậu dịch, giảm thuế nhập khẩu đối với nhiều mặt hàng khác. Biện pháp này đã nhanh chóng đưa vào thị trường trong nước một khối lượng lớn hàng tiêu dùng cao cấp mà trong nước chưa sản xuất được. Hình 3 cho thấy sự tăng vọt của cả xuất khẩu lẫn nhập khẩu từ năm 1989.

Ban hành Luật về đầu tư nước ngoài cởi mở và hấp dẫn để thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài (1987). Xoá bỏ độc quyền nhà nước về ngoại thương. Xóa bỏ độc quyền ngoại thương, biến hoạt động kinh doanh xuất khẩu không còn là lãnh địa riêng của các công ty thương mại nhà nước, và mở rộng đối với tất cả doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt theo cung cầu thị trường, phản ánh giá trị thực của đồng tiền Việt Nam đối với ngoại tệ. Biện pháp này đã khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu. Chuyển quản lý ngoại thương bằng giấy phép và quôta, sang chủ yếu bằng thuế quan. Tiến hành các biện pháp cần thiết chuẩn bị các điều kiện để Việt Nam tham gia với tư cách là thành viên đầy đủ của các tổ chức quốc tế như ASEAN, GATT, v.v...

Ở trong nước, mở rộng quyền tự do kinh doanh theo pháp luật cho các công dân. Nhiều gia đình đã bỏ vốn ra đầu tư kinh doanh, chủ yếu trên các lĩnh vực thương mại bán lẻ và dịch vụ, vừa tăng thêm sản phẩm và dịch vụ cho xã hội, vừa tạo việc làm và thu nhập cho không ít lao động. Chính phủ đã cho phép mở rộng diện kinh doanh vàng bạc, đá quý, khuyến khích tư nhân xây dựng nhà cửa, qua đó mở rộng phạm vi hoạt động của thị trường, thu hút được một số lượng tiền không nhỏ, làm giảm bớt chênh lệch giữa cung và cầu.

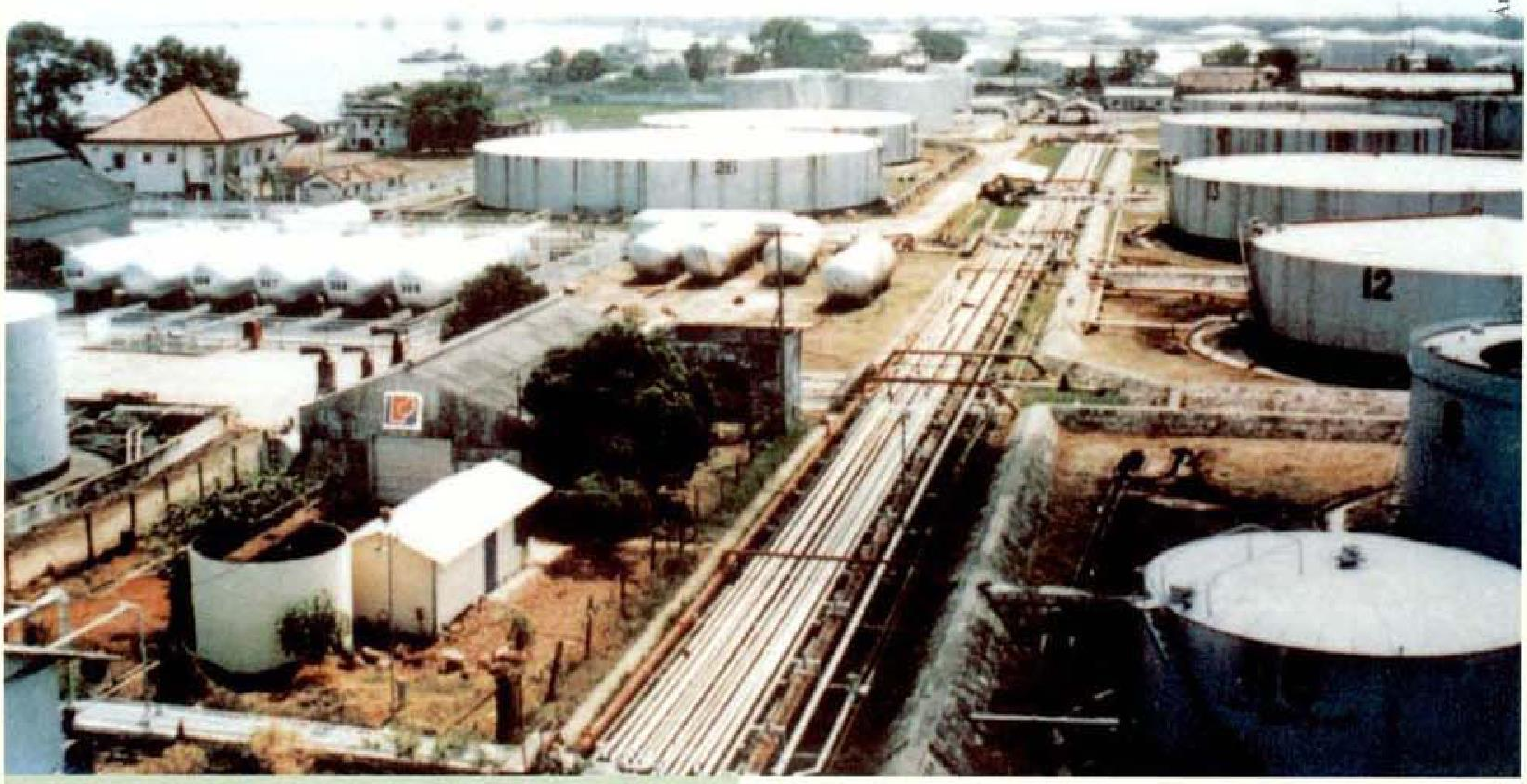

Tổng kho xăng dầu / A Mother Petrol Depot

ACHIEVEMENTS AND PROSPECTS

Eight years of effective implementation of renovation policies have scored important economic and social achievements :

Galloping inflation was halted right from 1989 and gradually reduced in the following years (See table 1) ; Vietnamese economy was stabilized and developed in the pre-1991 period with little assistance from foreign sources. While GDP during the 1986-1990 period averagely increased by 3.9 per annum, its growth rate gradually went up : 6% (1991), 8.6% (1992), 8.1% (1993), 8.8% (1994). An annual 7.9% was an average increase rate.

As a result of fairly high economic growth rates, the savings-to-consumption ratio had considerable improvement as domestic savings gradually increased, accounting for 15.0% of the GDP (1991), 17.6% (1992) and 20.5% (1993).

Reforms have provided the economy with new motive forces as reflected in the rapid growth of agricultural and industrial production and services. The output of various branches has shown positive changes in terms of GDP value. In 1990, industrial volume, including capital construction accounted for 22.7% of the

THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG

Sau gần 8 năm thực hiện chủ trương, chính sách đổi mới, hiệu quả của các biện pháp đồng bộ đó đã làm cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam đạt những thành tựu quan trọng trên các mặt :

Lạm phát phi mã đã được chặn đúng ngay từ năm 1989 và giảm dần vào những năm tiếp theo (xem Bảng 1) ; nền kinh tế Việt Nam bình ổn và phát triển mà không có một sự trợ giúp nào đáng kể từ bên ngoài (thời kỳ trước 1991). Nếu giai đoạn 1986-1990 GDP tăng bình quân 3,9% năm thì từ năm 1991-1994 tăng dần lên 6% (1991), 8,6% (1992), 8,1% (1993), và 8,8% (1994), bình quân tăng khoảng 7,9%/năm.

Do kinh tế tăng trưởng khá nên quan hệ tích luỹ - tiêu dùng được cải thiện rõ rệt theo hướng phần tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế tăng dần lên : năm 1991 tích luỹ bằng 15,0% GDP, năm 1992 đạt 17,6% và năm 1993 đạt 20,5%.

Đổi mới đã đem lại động lực mới, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ đều tăng nhanh. Tỷ trọng giá trị sản lượng các ngành trong GDP có sự thay đổi tích cực. Năm 1990 tỷ trọng công nghiệp gồm cả xây dựng cơ bản là 22,7%, nông nghiệp 38,7% và dịch vụ chiếm 38,6%, đến năm 1994 công nghiệp tăng lên 29,6%, nông nghiệp 28,7% và dịch vụ là 41,6%.

Tổng Bí thư Đỗ Mười xem loại tơ 4A tại Nhà máy ươm tơ tự động

General Secretary Do Muoi studying the 4A silk fiber of the Automated silk factory

Sản xuất nông nghiệp có mức tăng trưởng khá, giai đoạn 1986-1990 tăng bình quân 3,7%, giai đoạn 1991-1994 tăng bình quân 4,2%; đặc biệt sản xuất lương thực tăng đáng kể, từ 17,56 triệu tấn năm 1987 lên 25,5 triệu tấn năm 1993 và năm 1994 đạt 26,0 triệu tấn, đã nâng mức bình quân lương thực đầu người từ 281 kg (1987) lên 359 kg (1994). Do tăng sản lượng lương thực, Việt Nam không những không phải nhập khẩu (trước năm 1988 mỗi năm nhập khoảng 500.000 tấn) mà còn có dự trữ khá, có lượng gạo xuất khẩu mỗi năm một tăng (từ 1,4 triệu tấn năm 1989 lên 1,9 triệu tấn năm 1994).

Sản xuất công nghiệp sau một số năm giảm sút, từ năm 1991 bắt đầu tăng lên 9% và tiếp tục tăng vào các năm sau ; năm 1992 tăng 14%, năm 1993 tăng 13,1%, năm 1994 tăng 14%.

Về xuất khẩu : hệ số xuất - nhập khẩu giai đoạn 1976-1990 là 1/4, với tổng kim ngạch xuất khẩu chưa vượt quá 500 triệu rúp đôla, đến năm 1989 kim ngạch xuất khẩu đã vượt qua cửa ải 1 tỷ đôla, và sau đó giá trị xuất khẩu liên tục tăng lên : năm

GDP, agriculture 38.7% and services 38.6% while in 1994 the share of industry was 29.6%, agriculture 28.7% and services 41.6%.

Agricultural production had fairly good growth rate : an average annual rate of 3.7% during the 1986-1990 period ; 4.2% during 1991-1994 period. Food production in particular achieved considerable progress, rising from 17.56 million tonnes in 1987 to 25.5 million tonnes in 1993 and 26.0 million tonnes in 1994. The per capita food rose from 281 kg (1987) to 359 kg (1994). As a result, Vietnam no longer had to import food (500.000 tonnes of food imports per annum prior to 1988). It could even have sizable food reserves and export rice (from 1.4 million tonnes in 1989 to 1.9 million tonnes in 1994).

After several years of decline, industrial production started growing by 9% in 1991, and

Trụ sở Petrolimex / Head office Petrolimex

1993 đạt 2,98 tỷ đôla, năm 1994 đạt 3,6 tỷ đôla, tăng 20,8% so với năm 1993, đặc biệt trong năm 1992, lần đầu tiên Việt Nam cân bằng được xuất nhập khẩu.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã khơi dậy trí sáng tạo, tính năng động, tinh thần lao động cần cù của người lao động Việt Nam, làm cho nền kinh tế sôi động và hiệu quả kinh doanh ở tầm doanh nghiệp tăng lên. Mức sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt : số gia đình làm ăn giàu có và số hộ trung bình khá tăng lên, số hộ nghèo và mức nghèo giảm. Tuy nhiên bộ phận dân cư nghèo trong xã hội còn lớn, đặc biệt sự chênh lệch về thu nhập giữa các vùng còn xa nhau, đây là vấn đề nhức nhối mà Chính phủ Việt Nam đang quan tâm giải quyết.

Thắng lợi đó đã đem lại sự tin tưởng và ủng hộ của đông đảo nhân dân ở thành thị và nông thôn đối với công cuộc đổi mới. Nó khẳng định tính đúng đắn của các biện pháp đổi mới. Có được thắng lợi nhanh chóng đó cũng nhờ có những cải cách ở cấp vi mô trước đó, chuẩn bị cho các doanh nghiệp và người nông dân tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh.

Những năm đổi mới kinh tế ở Việt Nam đồng thời cũng là những năm Việt Nam phải đối phó với những thay đổi nhanh chóng trên thế giới. Trong những năm 1989, 1990, 1991, viện trợ và tín dụng của Liên Xô và các nước Đông Âu đã giảm sút nhanh chóng và đi đến chấm dứt vào năm 1991. Với sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô, Việt Nam không những mất đi những khoản tài trợ to lớn đã từng

achieved higher rate in the following years : 14% (1992), 13.1% (1993), 14% (1994).

In foreign trade, during the 1976-1990 period the exports and imports ratio was 1 to 4, with export figures barely exceeding 500 million USD. From 1989, Vietnam's export volume and value exceeded one billion USD and continuously increased in subsequent years : 2.98 billion USD in 1993, 3.6 billion USD in 1994 (an increase of 20.8% as compared with 1993). Notably, in 1992 Vietnam could balance its exports and imports.

The policy on multi-sector economy has encouraged the creativeness, dynamics, diligence of the Vietnamese labourers, made the economy bustle with activity and to enhance the business efficiency at the enterprise level. People's living standards have visibly improved, with an increase in the number of rich and well-off families and a reduction of poor and hungry families. However, the rate of poor people is still high. The disparity in income among regions of the country is big. This is indeed a thorny problem which calls for more concerns and efforts of the Vietnamese government.

The success of the reforms has won confidence and support of the overwhelming majority of the people in urban and rural areas. This indicates the correctness of reform measures. The achievements have been rapid thanks to previous reforms at the micro level which had given enterprises autonomy and peasant

Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm Nhà máy ươm tơ tự động "Tháng 8"

Prime Minister Vo Van Kiet visiting the Automated Thang Tam silk factory

Dệt len / Wool weaving

households responsibility and freedom to take up businesses.

In the same years, Vietnam had to cope with the impact of rapid changes in the world, notably in the USSR and Eastern European countries. Grants and credits from the latter rapidly decreased in 1989, 1990 and 1991 and ended in 1991. Indeed, the collapse of Eastern European socialist states and the disintegration of the Soviet Union deprived Vietnam of huge financial aid which, in the 1970's, accounted for over 40% of its budget revenues, 70% and 50% of Vietnam's imports and exports respectively.

The timely reforms at the macro and micro level have enabled Vietnam to switch rapidly to other markets and ensure the normal functioning of its economy and society. While the imports from the USSR accounted for 65% of Vietnam's total import volume in 1988, the ratio came down to 5% in 1991. All this progress is reflected in Figure 4.

Table 1 and Figure 5 show how Vietnam's economy could successfully cope with severe challenges and continue to develop with rising inflation in 1990 and 1991. What was qualitatively new was that, from 1991, the economy could not only stand firmly on its own feet but also record ever higher growth rate thanks to its own inner strength. The US embargo did create big difficulties for Vietnam but could not cripple it and, instead, strengthened the determination of Vietnam's leaders and its people to make further efforts to overcome the difficulties.

Thus, in 1989 and 1990, Vietnam applied both gradual reforms and, on a necessary scale, "shock therapy", which proved quite efficient, to shift the economy to a new mechanism.

chiếm đến hơn 40% nguồn thu của ngân sách nhà nước trong những năm 70, mà còn mất đi thị trường ngoại thương chiếm đến 70% nguồn nhập khẩu và trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong những năm đó.

Nhờ kịp thời cải cách cả ở tầm vi mô và vĩ mô, Việt Nam đã nhanh chóng chuyển đổi thị trường, bảo đảm cho nền kinh tế và xã hội hoạt động bình thường. Nếu như trong năm 1988 Việt Nam còn nhận được của Liên Xô tới 65% tổng kim ngạch nhập khẩu thì năm 1991 chỉ còn chiếm 5%. Hình 4 phản ánh những diễn biến đó.

Bảng 1 dưới đây cũng như Hình 5 cho thấy, trong hai năm 1990 và 1991, nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua được những thử thách khắc nghiệt đó, vẫn tiếp tục tăng trưởng tuy lạm phát có tăng lên. Chất lượng mới của nền kinh tế Việt Nam là từ năm 1991 trở đi, nền kinh tế Việt Nam không chỉ đứng vững mà còn tăng trưởng với nhịp độ ngày càng cao, bằng năng lực của chính mình. Những khó khăn do cuộc cấm vận của Mỹ gây ra cho Việt Nam là to lớn song đã không làm cho Việt Nam kiệt quệ, trái lại, những khó khăn đó đã thúc đẩy quyết tâm của những người lãnh đạo cũng như của toàn dân tộc vượt qua thách thức đó.

Như vậy, trong năm 1989-1990 Việt Nam đã thực hiện phương pháp cải cách từng bước, đồng thời cũng đã áp dụng một cách kiên quyết và có hiệu quả "liệu pháp sốc" ở quy mô cần thiết, đưa nền kinh tế chuyển sang hoạt động theo cơ chế mới.

Table 1 *: Growth rates and inflation rates during the reforms years (figures indicate percentage of rise with the preceding year being 100)*

Years	GDP (%)	RPI (%)
1989	2.7	34.7
1990	2.3	67.1
1991	6.0	67.5
1992	8.6	17.5
1993	8.1	5.2
1994	8.8	14.4

Source : The General Department of Statistics

The following years witnessed continued reforms on a large scale. The state sector was reorganized. By January 1, 1990, there were 12,054 state enterprises. By 1994, the number decreased to 7,500 of which 6,544 were registered anew while some 1,000 others had to fulfill requirements before they were accepted. Of the 4,500 state enterprises which had been closed down, about 3,000 were incorporated

Bảng 1 *: Tốc độ tăng trưởng và mức độ lạm phát trong những năm cải cách (phần trăm tăng lên, năm trước là 100)*

Năm	GDP %	RPI %
1989	2,7	34,7
1990	2,3	67,1
1991	6,0	67,5
1992	8,6	17,5
1993	8,1	5,2
1994	8,8	14,4

Nguồn : Tổng cục Thống kê

Trong những năm tiếp theo, Việt Nam tiếp tục cải cách trên quy mô rộng lớn. Kinh tế quốc doanh đã được cải tổ lại cả về cơ chế lẫn tổ chức. Nếu như ngày 1-1-1990 số doanh nghiệp nhà nước là 12.054 thì năm 1994 chỉ còn lại khoảng 7.500, trong đó có 6.544 doanh nghiệp nhà nước đã được đăng ký lại, còn khoảng 1.000 doanh nghiệp nhà nước khác cần được tiếp tục đăng ký lại. Trong số 4.500 doanh nghiệp không còn tồn tại, có 3000 doanh

Công nghiệp sợi / The yarn industry

Hình 4 - Nhập khẩu của Việt Nam - Các đối tác thương mại chủ yếu
Figure 4 - Vietnam's Import - Major Trading Partners

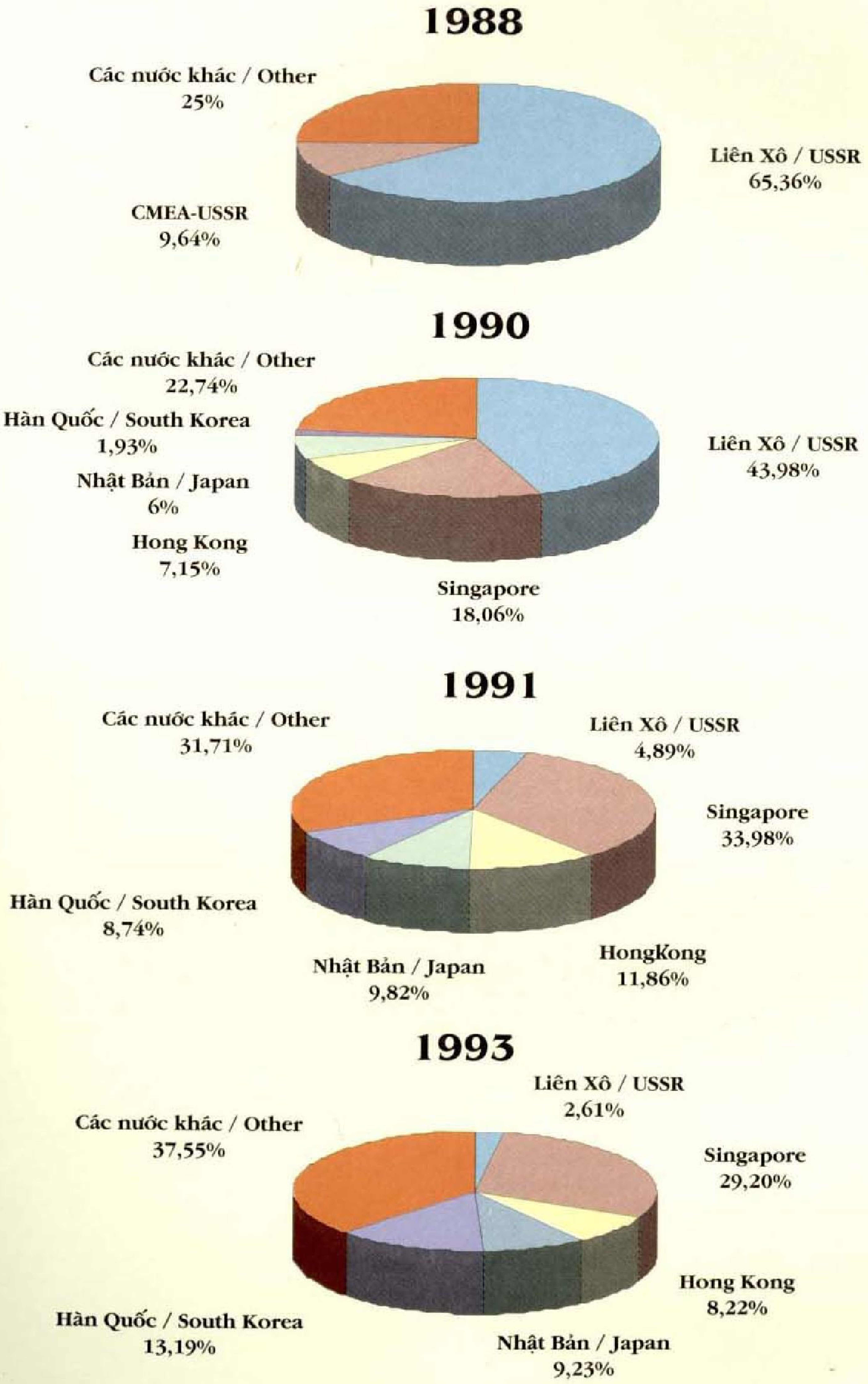

Hình 5 - Tỷ lệ tăng trưởng của CPI và GDP
Figure 5 - Growth rate of CPI and GDP

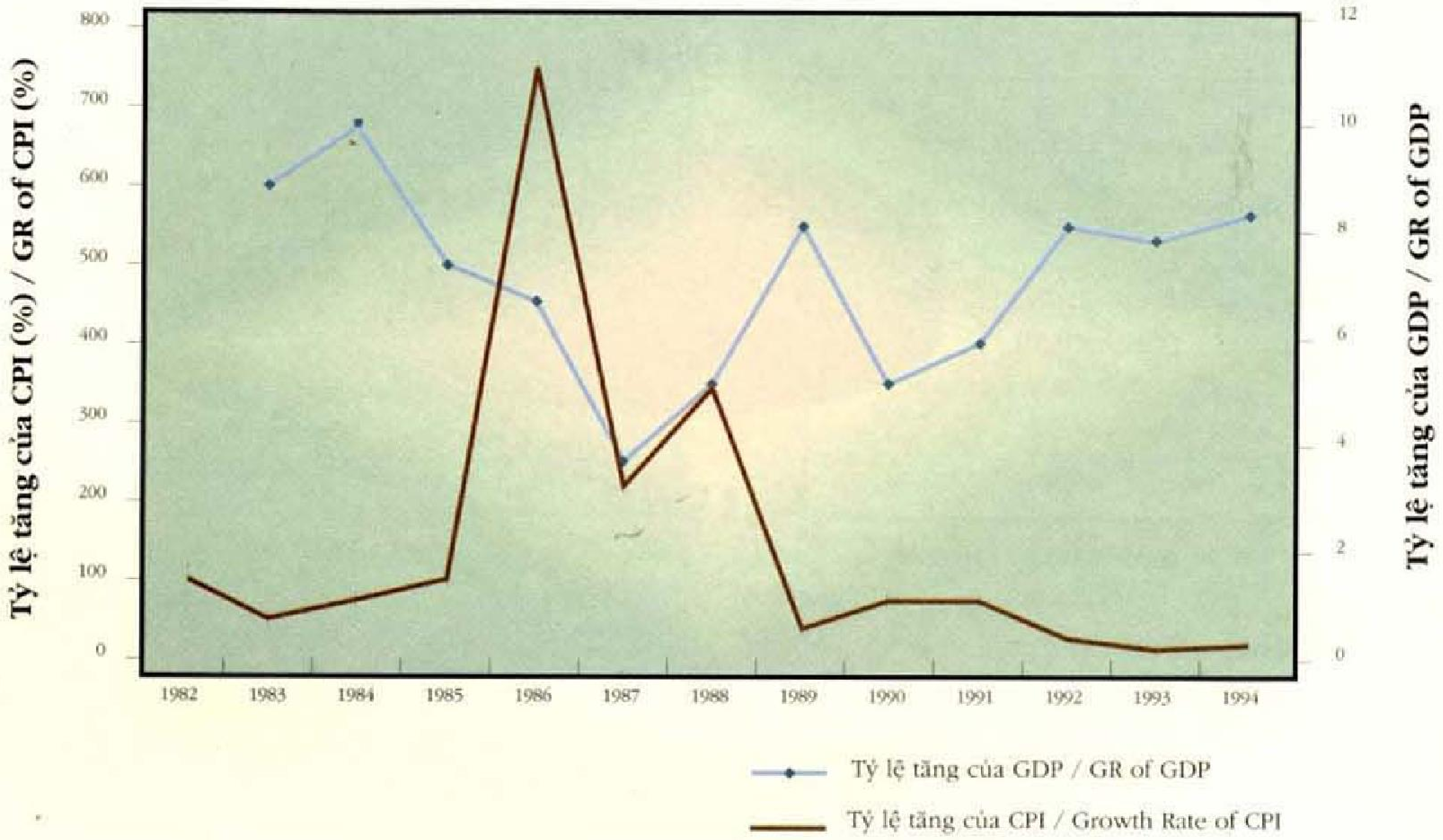

Nguồn: từ 1982 - 1985 ADB; từ 1986- 1994 - Văn phòng Thống kê tổng hợp
Source: from 1982 - 1985ADB; from 1986- 1994 General Statistical Office

into other enterprises, while the other 1,500 were disbanded. Those disbanded were small units, which proved unable to compete in the market mechanism, and accounted for only 3.6% of the total capital, 5% of the total turnover and 2% of the total contribution to the budget of all state enterprises. The 50,000 employees of the disbanded enterprises were given financial allowance to facilitate them to find new jobs. Thanks to substantial investments of the state, the volume of the state sector in the GDP increased from 33% in 1990 to 42% in 1993 and 45% in 1994. State enterprises are granted business autonomy and responsible for their profits and losses, but must fulfill their tasks assigned by the State.

The share of state enterprises in industry, including energy, continues to rise and presently accounts for 77.2% of industrial production, while their share in agriculture and services is still small. Table 2 shows the volume of state enterprises in the national economy.

Table 2 : *Share of state enterprises in GDP of three branches of the national economy in %*

Area	1990	1994
Agriculture, forestry, fisheries	2.9	2.9
Industry, capital construction	52.7	68.8
Services	42.3	45.9
The whole economy	29.4	40.4

Source : The General Department of Statistics

Một góc làm việc của Bưu điện vùng cao / A corner of the Post Office in the hinglands

nghiệp được sáp nhập vào những doanh nghiệp khác, còn 1500 doanh nghiệp đã được giải thể. Những doanh nghiệp được giải thể là những doanh nghiệp loại nhỏ, không còn có khả năng cạnh tranh trong cơ chế thị trường, chỉ chiếm 3,6% tổng số vốn, 5% doanh số và 2% tổng số thu nộp ngân sách từ các doanh nghiệp nhà nước. Nhà nước đã trợ cấp để 50.000 công nhân viên chuyển sang làm công việc mới. Nhờ có sự đầu tư mạnh mẽ của Nhà nước, tỷ trọng của thành phần kinh tế nhà nước đã tăng từ 33% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 1990 lên 42% năm 1993 và 45% năm 1994. Doanh nghiệp nhà nước được tự chủ trong kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi, đồng thời phải thực hiện những nhiệm vụ Nhà nước giao.

Tỷ trọng của doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp, kể cả năng lượng, đã tiếp tục tăng lên và hiện đang chiếm 77,2% trong công nghiệp, trong khi trong nông nghiệp và dịch vụ tỷ trọng đó là nhỏ bé. Bảng 2 cho ta tỷ trọng của doanh nghiệp nhà nước trong các ngành kinh tế quốc dân.

Bảng 2 *: Tỷ trọng doanh nghiệp nhà nước trong tổng sản phẩm trong nước theo ba khu vực (theo giá thực tế - phần trăm).*

Khu vực	1990	1994
Khu vực nông, lâm, thủy sản	2,9	2,9
Khu vực công nghiệp, xây dựng cơ bản	52,7	68,8
Khu vực dịch vụ	42,3	45,9
Toàn nền kinh tế	29,4	40,4

Nguồn : Tổng cục Thống kê

The government has undertaken a pilot project on the equitization of 2 state enterprises in Ho Chi Minh City. Equitization on a large scale will require the solution of many problems such as the legal basis regarding the transfer of ownership, technical issues concerning the valuation of each enterprise.

Despite many efforts and some progress, many State enterprises are still less than efficient, and the results achieved do not commensurate the invested funds and labour. The competitiveness of many of their products is still low, and the technology used in many enterprises is obsolete and lacks synchronization. For the purpose of modernization, state enterprises require a great amount of capital and new management competence to enhance their efficiency and competitiveness.

While the co-operative sector is facing huge difficulties in the process of shifting to the market mechanism, the private and individual sectors have achieved vigorous growth. Table 3 shows a sharp decline of the co-operative sector and the growth of the private sector.

Table 3: *Industrial growth rate per economic sector (on basis of fixed prices, the preceding year being 100)*

	1986	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993
Total industrial output	106.2	110.0	114.3	96.7	103.1	110.4	117.1	112.1
State sector	106.2	109.3	115.5	97.5	106.1	111.8	120.6	113.3
Non-state sectors	106.2	110.9	112.9	95.7	99.3	107.4	109.6	109.0
Co-operatives	114.3	105.8	101.0	63.9	80.0	58.4	68.9	97.7
Private enterprise sector	93.5	119.9	131.8	134.5	110.4	126.7	116.9	110.2

Source : The General Department of Statistics

Chính phủ đã thực hiện thí điểm chủ trương cổ phần hoá ở hai doanh nghiệp nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh, song việc chuyển sang làm đại trà chưa thực hiện được vì còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết như cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi sở hữu hay các vấn đề kỹ thuật để đánh giá doanh nghiệp...

Mặc dù đã có nhiều cố gắng và tiến bộ, song nhiều doanh nghiệp nhà nước vẫn kinh doanh chưa có hiệu quả, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiền vốn và lao động đang sử dụng. Sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn thấp, công nghệ của nhiều doanh nghiệp nhà nước còn lạc hậu và chưa đồng bộ. Các doanh nghiệp nhà nước đang cần một khối lượng vốn lớn để hiện đại hoá cũng như cần có những năng lực mới về quản lý để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong kinh doanh.

Trong khi kinh tế hợp tác xã gặp khó khăn lớn trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường thì kinh tế tư nhân và cá thể có bước phát triển mạnh mẽ. Bảng 3 cho thấy mức tăng trưởng của hợp tác xã bị giảm mạnh trong khi kinh tế tư nhân phát triển, song tốc độ phát triển đó không bù được mức giảm sút của kinh tế hợp tác xã.

Bảng 3 : *Tốc độ phát triển công nghiệp theo thành phần kinh tế (theo giá cố định, năm trước bằng 100)*

	1986	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993
Tổng sản lượng công nghiệp	106,2	110,0	114,3	96,7	103,1	110,4	117,1	112,1
Kinh tế quốc doanh	106,2	109,3	115,5	97,5	106,1	111,8	120,6	113,3
Tổng sản lượng ngoài quốc doanh	106,2	110,9	112,9	95,7	99,3	107,4	109,6	109,0
Hợp tác xã	114,3	105,8	101,0	63,9	80,0	58,4	68,9	97,7
Tư nhân	93,5	119,9	131,8	134,5	110,4	126,7	116,9	110,2

Nguồn : Tổng cục Thống kê

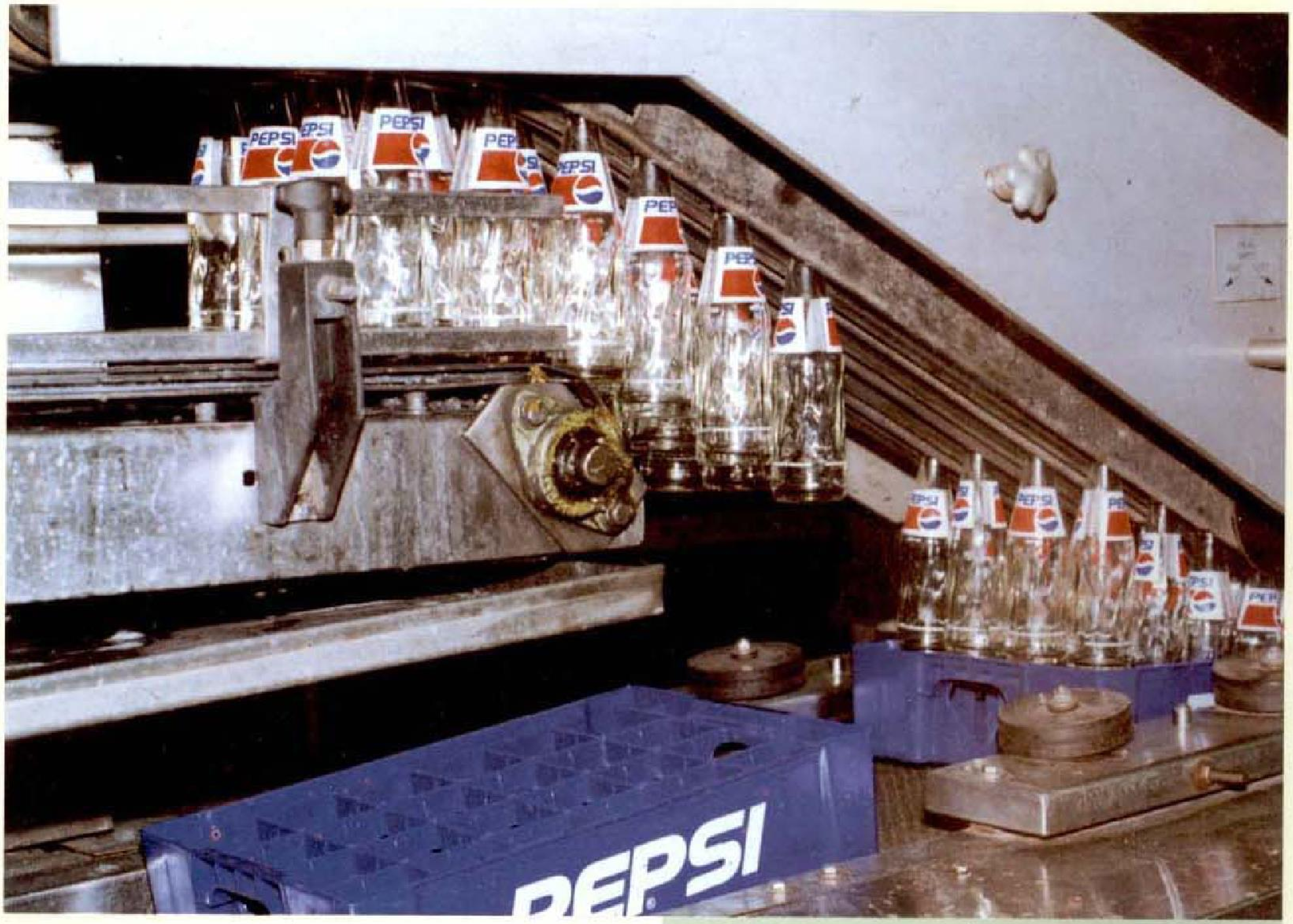

Một góc dây chuyền sản xuất của IBC / One corner of the production line of IBC

Thông qua việc ban hành Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân (1990) và việc Hiến pháp mới năm 1992 thừa nhận quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân, Nhà nước đã thừa nhận và bảo hộ sở hữu và sự tồn tại lâu dài của kinh tế tư nhân. Điều đó đã tạo điều kiện và khuyến khích tư nhân hoạt động kinh doanh mạnh mẽ, vượt xa các con số thống kê được, góp phần làm cho nền kinh tế trở nên năng động hơn và đời sống của người dân được cải thiện hơn. Đến tháng 12-1994 có khoảng 19025 doanh nghiệp và công ty tư nhân chính thức đăng ký và hoạt động hợp pháp, gồm 13772 là doanh nghiệp tư nhân (vốn đăng ký bình quân 145 triệu đồng) , 5120 công ty trách nhiệm hữu hạn (vốn đăng ký bình quân 703 triệu đồng) và 133 công ty cổ phần (vốn đăng ký bình quân 7683 triệu đồng). Trong đó, 71% là doanh nghiệp tư nhân (một chủ) có vốn pháp định đăng ký từ 100-130 triệu đồng (10.000-13.000 USD), 28% là công ty trách nhiệm hữu hạn với số vốn pháp định từ 600-700 triệu đồng (60.000-70.000 USD), chỉ có 1% là công ty cổ phần với số vốn pháp định từ 2-6 tỷ đồng (200.000 - 600.000 USD). Mặc dù có mức gia tăng nhanh chóng, song tổng số vốn tư nhân đăng ký mới bằng 4.000 tỷ đồng (400 triệu USD), chỉ tương đương với 11,5% số vốn

The "1990 Company Law" and "Law on Private Enterprises", as well as the 1992 Constitution of Vietnam recognize the freedom of all citizens to engage in business in accordance with the civil law. The State recognizes and undertakes to protect the private ownership and long-term existence of the private economy. This has provided conditions and incentives to private enterprises and individuals to engage in vigorous business activities which have exceeded the recorded statistical figures and have injected further dynamism into the economy and considerably contributed to the improvement of people's living conditions. By December 1994, Vietnam had 19,025 officially registered private enterprises legally conducting business (of which 13,772 were private enterprises with registered capital amounting to 145 million Dongs), 5,120 limited liability companies with registered capital amounting to 703 million Dong, 133 joint-stock companies with average registered capital amounting to 7,683 million Dongs). Of these, 71% were individual business units (each owned by one person), with registered capital ranging from 100 to 130 million Dong (10,000 to 13,000 USD), 28% lim-

Một góc phân xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Bình Tiên (Biti's)
A corner of the workshop of the Binh Tien Company Limited (Biti's)

ited liability companies with registered capital ranging from 600 to 700 million Dong (60,000 to 70,000 USD), 1% joint-stock companies with registered legal capital ranging from 2 to 6 billion Dong (from 200,000 to 600,000 USD). In spite of the rapid growth rate, the total legal capital of private enterprises was only valued at 4,000 billion Dong (400 million USD), equivalent to 11.5% of the total capital of state enterprises. There were, in addition, about 1.1 million households engaged in small trades and services, accounting for 77.8% of total retail turn-over.

Thus, the private sector of Vietnam is still very small and needs State assistance in many respects. In June 1994, the Vietnamese National Assembly adopted the "Law on Encouraging Domestic Investments" which provides broad measures of support to mobilize all resources for national construction. This Law stipulates that the State protects the right of ownership and the right to enjoy lawful incomes of all those who engage in lawful business activities.

Further reforms in banking and finance have brought about major changes and promoted economic development. Four state com-

của các doanh nghiệp nhà nước. Ngoài ra còn khoảng 1,1 triệu các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ và dịch vụ, chiếm 77,8% tổng doanh số bán lẻ.

Doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam còn rất nhỏ bé và cần sự hỗ trợ nhiều mặt của Nhà nước. Tháng 6-1994, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật khuyến khích đầu tư trong nước với nhiều biện pháp hỗ trợ và khuyến khích rộng rãi nhằm huy động mọi nguồn lực vào công cuộc xây dựng đất nước, trong đó, Nhà nước đã bảo hộ quyền sở hữu và thụ hưởng lợi nhuận hợp pháp cho mọi pháp nhân và thể nhân tham gia kinh doanh theo pháp luật.

Những cải cách tiếp tục trên lĩnh vực ngân hàng và tài chính đã đem lại những thay đổi to lớn và thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Đã thiết lập bốn Ngân hàng thương mại của Nhà nước, đồng thời cho phép hình thành một hệ thống ngân hàng nhiều thành phần, bao gồm cả ngân hàng nước ngoài. Tính đến tháng 6-1994 đã cấp giấy phép thành lập thêm 43 ngân hàng cổ phần, 2 công ty tài chính cổ phần, 73 hợp tác xã cổ phần ở vùng nông thôn và 118 quỹ tín dụng cổ phần. Mặc dù các thể chế tín dụng ngoài quốc doanh đã phát triển nhanh chóng, song tổng số vốn huy động được chỉ chiếm 14% số vốn có thể huy động được, trong khi bốn ngân hàng nhà nước chiếm 86%. Từ

năm 1992 đến tháng 6-1994 đã cấp giấy phép cho 9 ngân hàng nước ngoài và 3 ngân hàng hợp doanh giữa nước ngoài và Việt Nam hoạt động.

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ như thiết lập thị trường ngân hàng, cải tiến và hiện đại hoá khâu thanh toán..., hệ thống ngân hàng ở Việt Nam vẫn còn yếu, chưa thu hút được phần quan trọng tiền vốn kinh doanh lưu chuyển trong xã hội, chưa huy động được tiền vốn trong dân và chưa đáp ứng thích đáng nhu cầu tín dụng của nền kinh tế đang tăng trưởng nhanh. Hệ thống ngân hàng cần được tiếp tục phát triển, mở rộng, hiện đại hoá và tiếp tục cải cách.

Từ năm 1991, Chính phủ đã thực hiện một chính sách tiền tệ chặt, chấm dứt sử dụng phát hành để bù đắp bội chi ngân sách và kiểm soát chặt chẽ hơn mức gia tăng tín dụng. Trên lĩnh vực tài chính, đã cải cách hệ thống thuế. Từ mức 30 đến 40% nguồn thu ngân sách phụ thuộc vào nguồn thu bên ngoài, nhờ những biện pháp cải cách, các nguồn thu trong nước đã đảm bảo hầu như toàn bộ nguồn thu ngân sách như Bảng 4 dưới đây minh hoạ :

***Bảng 4** : Nguồn thu thuế và bán dầu trong tổng thu ngân sách (phần trăm của tổng thu ngân sách)*

Năm	Nguồn thu trong nước trong tổng thu
1990	73,7
1991	92,7
1992	83,6
1993	91,2
1994	93,0

Nguồn : Bộ Tài chính

Do có những tiến bộ đáng kể trong thu ngân sách, Nhà nước đã cải cách tiền lương, tăng gấp đôi thu nhập của các viên chức nhà nước hai năm 1993-1994. Hệ thống kế hoạch tập trung trước đây bao gồm chỉ tiêu về hàng vạn mặt hàng đã được loại bỏ. Thay vào đó, công tác kế hoạch hoá nay tập trung chủ yếu vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, dự báo và sử dụng các công cụ kinh tế và luật pháp để định hướng nền kinh tế, bao gồm tất cả các thành phần kinh tế. Tuy vậy, công tác quy hoạch và dự báo vẫn còn nhiều yếu kém, chưa phát huy đầy đủ tác dụng trong thực tế, nhất là đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Như vậy, cải cách ở Việt Nam đã được tiến

mercial banks have been set up. Permits are given to the establishment of a multi-sector banking system and the opening of foreign bank branches in Vietnam. By June 1994, licences had been issued for the establishment of 43 joint stock banks, 2 joint-stock financial companies, 73 joint stock rural co-operatives and 118 joint stock credit funds. Non-state credit organizations have obviously made some progress, but the capital mobilized by them barely accounts for 14% of the total capital while the four state banks account for 86%. From 1992 to June 1994 licences had been issued to 9 branches of foreign banks and 3 joint-venture banks between Vietnamese banks and their foreign partners.

While some progress has been made such as the establishment of a banking market, the improvement and modernization of payment procedures etc. the banking system of Vietnam is still weak. It is not yet able to attract an important portion of capital circulating inside the country, mobilize the capital unused by people and adequately meet the demands in credits of a fast growing economy. Therefore, further reforms are necessary for the sake of a continued development, expansion and modernization of the banking system.

Since 1991, the government has implemented a tight money policy, stopped the issuance of new bank-notes to make for budget deficits and controlled the increase of credits more strictly. The tax system has been reformed. In the past, 30%- 40% of budget revenue came from foreign sources. At present, thanks to the reform measures, domestic sources are able to provide most of the revenues for the budget, as illustrated in Table 4.

***Table 4** : Shares of taxes and oil sales in total budget revenues (% of total budget revenues)*

Year	Share of internal revenue in total revenues
1990	73.7
1991	92.7
1992	83.6
1993	91.2
1994	93.0

Source : Ministry of Finance

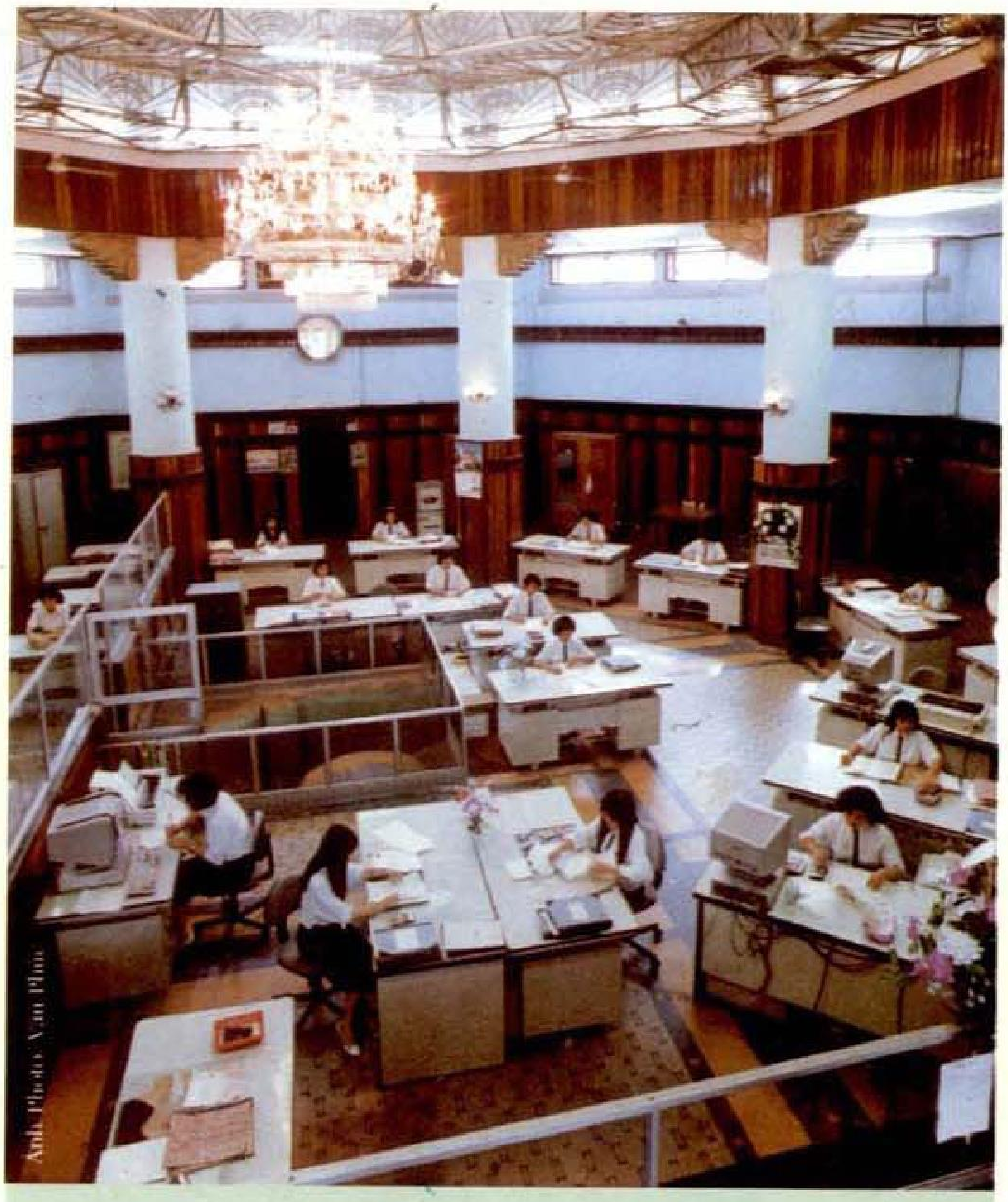

Notable improvements in budget revenues have enabled the state to reform salaries and wages, and to double the income of government officials during 1993 and 1994. The previous centralized, planned system which involved targets and quotas on tens of thousands of products was abolished. At present, planning is mainly focused on drafting strategies and master plans, forecasting, and using economic and legal instruments to provide guidance to the economy and all sectors. Obviously, there are still many weaknesses in the master plans and plan forecasting is not able to exert adequate impact on non-state economic sector.

Reforms have been carried out in Vietnam in a relatively consistent manner, with changes simultaneously taking place in many different fields. The reforms have evolved the market mechanism under state management with freedom for citizens to conduct business in accordance with the law. The reforms have also created a strong effect on mobilizing the potential capability of the country and the economy which so far has not been efficiently exploited. They have enabled Vietnam to overcome the economic crisis and difficulties, achieve political and social stability and improve the people's living conditions. Vietnam's status on the international arena is growing. Vietnam is no longer seen as a nation with people deserting the country as in the late 1970s and 1980s, but as a courageous, resolute and self-confident nation in the world, working enthusiastically with a firm determination to develop itself. Vietnam's relations

hành một cách tương đối đồng bộ, cùng một lúc, trên nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó việc vận dụng cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và tự do kinh doanh theo pháp luật đã đem lại hiệu quả to lớn trong việc phát huy các năng lực tiềm tàng của đất nước và nền kinh tế mà trước đây chưa được khai thác có hiệu quả.

Nhờ công cuộc đổi mới, Việt Nam đã vượt qua được những khó khăn và khủng hoảng về kinh tế, ổn định về chính trị và xã hội, cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân. Ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng rõ nét. Thế giới không còn thấy hình ảnh những người vượt biên trái phép như cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80, mà thấy dân tộc Việt Nam quả cảm, tự tin, hăng say làm việc, dũng cảm quyết tâm xây dựng đất nước. Việt Nam đã bình thường hoá quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế và nhận được sự trợ giúp kỹ thuật và kinh tế song phương và đa phương.

Chính công cuộc đổi mới đã góp phần tạo ra vị trí quốc tế thuận lợi hiện nay, vượt qua sự cấm vận và bao vây về kinh tế, mở ra giai đoạn hợp tác và hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam đã được công nhận có quy chế quan sát viên tại các tổ chức GATT, PECC, ASEAN, và đã nộp đơn để sớm trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN và GATT.

Từ một nước toàn bộ tích luỹ và một phần tiêu dùng hàng năm phải nhờ vào viện trợ nước ngoài trong những năm 70 và 80, Việt Nam đã bắt đầu có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế. Mức đầu tư trong toàn xã hội năm 1991 chiếm 15,0% GDP và tăng 11,7% so với năm 1990, năm 1992 chiếm 17,6% GDP và tăng 26,9%, năm 1993 chiếm 20,5% GDP và tăng 44%, năm 1994

chiếm 25% GDP và tăng 35% so với năm trước. Tuy vậy, mức đầu tư vẫn thấp và chưa bảo đảm nhịp độ tăng trưởng cao và lâu bền của nền kinh tế.

Đặc trưng của tình hình kinh tế của Việt Nam hiện nay là đang đứng trước những cơ hội to lớn đồng thời cũng đứng trước những thách thức và đòi hỏi mới rất gay gắt. Những thành tựu đã đạt được chưa đủ để bảo đảm mức tăng trưởng cao và lâu bền, chưa tạo ra các tiềm năng và kỹ năng mới để Việt Nam có thể tăng trưởng cao, liên tục, phát triển toàn diện để khắc phục được tụt hậu, rút ngắn khoảng cách giữa Việt Nam và các nước trong khu vực.

Việt Nam vẫn là một nước có thu nhập quốc dân rất thấp, được xếp thứ 150 trên 173 nước trên thế giới, mới bắt đầu công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chưa có khoa học và công nghệ hiện đại, chưa có các năng lực quản lý kinh tế vĩ mô và vi mô hiện đại. Việt Nam cần vốn, công nghệ hiện đại để công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tổng số vốn ước cần đến năm 2000 lên đến khoảng trên 50 tỷ USD. Và quan trọng hơn là những năng lực vật chất - những năng lực quản lý mới ở tầm vĩ mô và vi mô - để sử dụng những trang thiết bị mới, hiện đại hơn, với hiệu quả cao, tạo ra năng lực cạnh tranh mới cho toàn bộ nền kinh tế.

with international financial institutions have been normalized and the country is now the recipient of bilateral and multilateral technical and economic assistance.

It is precisely the renovation that has helped create the present international favourable conditions, making it possible for Vietnam to overcome the economic embargo, to usher in a new period of co-operation and to integrate with the region and the world. Vietnam has become an observer to GATT, PECC and ASEAN and has applied for full membership of ASEAN and GATT.

In the 1970s and 1980s, all Vietnam's accumulation and a part of its consumption depended on foreign assistance. At present, it has started to have internal savings and accumulation. The country's domestic investments accounted for 15.0% of the GDP in 1991, i.e. an 11.7% increase compared with 1990 ; 17.6% in 1992, i.e. a 26.9% increase compared with 1991 ; 20.5% in 1993, i.e. a 44% increase compared with 1992 ; and 25% in 1994, i.e. a 35% increase compared with the previous year. However, such a level of domestic investment is still low and cannot ensure a high and sustainable growth rate for the long-term development of the economy.

As an outstanding feature, Vietnamese economy is now facing big opportunities as well as acute challenges and new demands. The achievements so far scored are not sufficient to guarantee a sustained development and high growth rate. The economy of Vietnam calls for bigger efforts to create the new potentials and skills and attain high and constant growth rates. Indeed, a comprehensive development is needed to reduce the gap between Vietnam and its neighbours.

Vietnam is fully aware that its GNP is extremely low - ranking the 150th among 173 countries in the world. The country has just started the process of industrialization and modernization and lacks modern science and technology and modern macro and micro economic management capability. Vietnam requires capital and modern technology in order to industrialize and modernize itself. In terms of capital, Vietnam requires about 50 billion USD from now up to the year 2000. More important still are the management skills required at different levels that would allow the country to make full use of new and more modern equipment and to create a new competitive strength for its entire economy.

Một góc chợ Bến Thành
A corner of the Ben Thanh Market

FURTHER REFORMS

Renovation must be continued in two areas.

First, a multi-sector market economy must be built in which the state sector maintains the leading role. This socialist - oriented economy will operate under the state management and in accordance with the law.

Second, the state must be governed by law. It must be a state of the people, by the people and for the people and governs the society by law. It has to pay due attention to education, enhance revolutionary ethics, reinforce socialist laws for the sake of a prosperous country, and a fair and civilized society.

These two areas are closely linked and complement each other. They are conditions and prerequisites for each other. An efficient economy would operate and create material conditions for a stable society, and a strong, and prosperous state. The State must implement both economic and social reforms, renovate and perfect the state apparatus, promote economic development and at the same time seek to limit and overcome the defects of the market mechanism.

CHẶNG ĐƯỜNG CẢI CÁCH TIẾP

Việt Nam cần tiếp tục công cuộc đổi mới trên hai bình diện :

Một là, xây dựng nền kinh tế thị trường gồm nhiều thành phần kinh tế, trong đó thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hoạt động có hiệu quả theo pháp luật.

Hai là, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân, quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức cách mạng, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa phù hợp với sự nghiệp xây dựng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Hai mặt đó gắn liền với nhau, bổ sung cho nhau và tạo điều kiện, tiền đề cho nhau. Nền kinh tế hoạt động có hiệu quả, tạo cơ sở vật chất để làm cho xã hội ổn định, Nhà nước vững mạnh. Nhà nước tổ chức thực hiện cuộc cải cách cả về kinh tế và xã hội, tự đổi mới và hoàn thiện bộ máy nhà nước, thúc đẩy kinh tế phát triển, đồng thời hạn chế và khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường.

Hiện nay, Việt Nam chưa thiết lập và vận

Khu chợ Huỳnh Thúc Kháng trong đổi mới / Huynh Thuc Khang market in renovation

Ảnh/Photo: Đức Huy

hành được cơ chế thị trường hoàn chỉnh hoạt động theo pháp luật, nhất là chưa có các thể chế và cơ chế huy động vốn ở trong dân để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ và chưa được thực hiện đúng đắn. Các doanh nghiệp còn thiếu nhiều kỹ năng để tổ chức kinh doanh hiện đại, thực hiện hợp tác quốc tế và đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Vì vậy, sắp tới Việt Nam cần vừa cải cách ở khâu vĩ mô, vừa cải cách ở tầm vi mô, tập trung vào một số trọng điểm như sau :

- Cải cách và hiện đại hoá hệ thống tài chính, ngân hàng, sử dụng có hiệu quả cao các nguồn vốn trong nước và ngoài nước để nền kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng cao. Đồng thời, hệ thống thuế cần được tiếp tục cải cách nhằm tái phân phối thu nhập, vừa bảo đảm công bằng về thu nhập trong xã hội, thu hẹp dần phạm vi của nền kinh tế hoạt động ngoài sự kiểm soát của tài chính và ngân hàng, vừa tạo điều kiện để bảo đảm phúc lợi xã hội. Tài chính nhà nước cần được tăng cường để bao quát đầy đủ các thành phần kinh tế, quản lý được tài nguyên của đất nước, bảo đảm tài chính của Nhà nước được sử dụng có hiệu quả và những nhiệm vụ phục vụ lợi ích chung của đất nước. Hệ thống kế toán, kiểm toán độc lập và công khai quyết toán tài chính cuối năm cần được đổi mới cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Ngân hàng cần được xây dựng để trở thành trung tâm kinh tế, huy động vốn và đầu tư có hiệu quả, hình thành cơ cấu kinh tế có hiệu quả phù hợp với kinh tế thị trường. Thị trường vốn, nhất là thị trường vốn dài hạn cần phải từng bước được hình thành để thu hút các nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội. Các ngân hàng hoạt động có hiệu quả và đáng tin cậy là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm tính ổn định và hiệu quả của nền kinh tế thị trường. Các dịch vụ thanh toán trong xã hội cần được hiện đại hoá để phần lớn được thực hiện qua ngân hàng. Đồng tiền Việt Nam phải được bảo đảm có giá trị ổn định và từng bước trở thành đồng tiền có giá trị chuyển đổi.

- Hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế cần được bổ sung và hoàn chỉnh, bảo đảm tính đồng bộ, tính nhất quán và bao quát được những nội dung và lĩnh vực chủ yếu của cơ chế và thể chế của kinh tế thị trường, trong đó các quan hệ về sở hữu cần được pháp luật quy định rõ ràng.

- Khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân cần được tiếp tục cải cách cả về cơ cấu lẫn cơ chế nhằm hình thành cơ cấu kinh tế có hiệu quả, hợp lý, có sự phối hợp, hợp tác, đồng thời cạnh tranh lành mạnh theo pháp luật, có năng lực quản lý hiện đại, đáp ứng được yêu cầu cạnh tranh rất gay gắt đang diễn ra trên thị trường thế giới.

At present, Vietnam has not yet established and operated a full-fledged market mechanism which functions in accordance with the law. Particularly, it has no institutions or mechanism with which to efficiently mobilize the capital from the people for investments in production and business. Its legal system is inadequate and poorly operates. Its enterprises lack skills for conducting modern business, promoting international cooperation and for competition at home and abroad.

Therefore, in the coming period, Vietnam must simultaneously carry out reforms at both macro and micro levels, focusing on the following points :

- The financial and banking systems must be reformed and modernized to efficiently use domestic and foreign resources for the achievement of high economic growth rate. The tax system continues its reform to create social equity in terms of income redistribution and harness economic activities within the control of the financial and banking systems. Conditions have to be created to ensure social welfare. State financial institutions must be strengthened to cover adequately all the economic sectors and to manage the country's resources. They must ensure that State funds are efficiently used to serve the common good of the country. Accounting and auditing, and year ending balance sheets must be updated to match with international practice.

- Banks must be transformed into financial centres which can mobilize capital and make efficient investments compatible with the market economy. The capital market, especially the long-term one must be created to attract the idle capital in society. Efficient and reliable banks would be one of the most important factors which ensures the stability and effectiveness of the market economy. Means of payment must be modernized so that most payments could be made through the banks. We must make sure that the Vietnamese Dong has a stable value and can gradually become a convertible currency.

Legal system and economic policies must be updated so as to be coherent, consistent and able to cover main areas of the market economy, including a clear definition of ownership relations.

- Để mở rộng và đa dạng hoá quan hệ kinh tế đối ngoại, các quy chế của Việt Nam phải phù hợp với quy định của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia, phù hợp với thông lệ quốc tế. Các tổ chức kinh tế của Việt Nam cần nhanh chóng vươn ra khỏi thị trường trong nước, tăng nhanh xuất khẩu, mở rộng hợp tác quốc tế.

Quá trình đó, trước hết là quá trình phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam, tạo ra những năng lực mới, làm chủ được khoa học và công nghệ hiện đại, làm chủ được quản lý kinh tế cả ở tầm vĩ mô và vi mô.

- Hiện nay, Nhà nước ở Việt Nam chưa thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường theo pháp luật. Nhà nước còn trực tiếp đảm nhận nhiều hoạt động kinh tế, quan hệ của một số cơ quan nhà nước với các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, chưa được tách bạch rõ. Chính sách kinh tế của Nhà nước chưa đầy đủ nhưng hay thay đổi, chưa đem lại sự an tâm của các nhà đầu tư trong nước. Trước mắt, Nhà nước cần định hướng phát triển và tạo những điều kiện kinh tế, xã hội thuận lợi để huy động có hiệu quả mọi tiềm năng trong nước, phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tạo môi trường xã hội ổn định, thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhằm đạt được nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và lâu bền.

Nhà nước thực hiện cải cách hành chính, nâng cao trình độ cán bộ, đưa hoạt động của bộ máy và viên chức nhà nước vào khung khổ luật pháp, làm cho bộ máy nhà nước thực sự trong sạch, có hiệu lực, gọn nhẹ, trở thành một bộ máy của dân, do dân và vì dân.

Công cuộc đổi mới gắn liền với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của một nền kinh tế sử dụng có hiệu quả cao tài nguyên, lao động, tiền vốn và tham gia tích cực vào phân công lao động quốc tế.

Mặc dù trước mắt còn nhiều khó khăn, trở ngại, song về cơ bản và lâu dài, công cuộc đổi mới ở Việt Nam sẽ thắng lợi, góp phần xây dựng một tương lai tươi sáng cho dân tộc Việt Nam.

Chợ miền núi Bắc Hà / A market in the northern mountain area

Mấy vi tính đến với tỉnh vùng cao Tuyên Quang
Computers have reached mountain area of Tuyen Quang province

- The State and private economic sectors must be further reformed in terms of both structure and mechanism to build efficient and rational economic structures which are characterized by co-ordination, co-operation and healthy competition in accordance with the laws. They are also expected to acquire modern management skills to meet the demands of acute competition in the world markets.

- For the expansion and diversification of foreign economic relations, Vietnam's laws and regulations must be updated and be in line with the international practice and regulations of international organizations of which Vietnam is a member. Vietnam's enterprises must increase their export, and promote their international co-operation.

This process would involve, first of all, the development of Vietnam's human resources, the ability to master modern science and technology and economic management skills at macro and micro levels.

At present, the Vietnamese government has not yet fully and correctly performed its State management functions in accordance with the law and with respect to the market economy. The State is still directly in charge of many economic activities. The relationships between a number of State agencies and business enterprises, especially State enterprises, are not clearly defined. As the government's economic policies are not adequate and are subject to frequent changes, investors feel insecure to perform their business activities. In the immediate future, the State must specify directions for effective mobilization of all national potentials, develop education and training, improve technical infrastructure, promote a stable social environment and attract foreign investment with a view to attaining a high and sustainable economic growth rate.

The State must undertake administrative reforms, raise the capacity and skills of its staffs ; it must make sure that its staffs function strictly within the framework of the law, and become really clean and efficient. It must be State machinery of the people, by the people and for the people.

Renovation is closely linked with industrialization and modernization, with the development of a material and technical basis for an economy which is capable of efficiently using natural, human and financial resources and actively participating in the international division of labour.

Numerous difficulties and obstacles still lie ahead. But in the long run, renovation in Vietnam will bring success and help bring about a bright future to the Vietnamese people.

CHĂM LO CHO CON NGƯỜI

NHƯ LÀ MỤC TIÊU VÀ ĐỘNG LỰC CỦA ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thực sự đổi đời cho nhân dân Việt Nam : đem lại quyền con người cho mỗi công dân và quyền được độc lập cho cả dân tộc. Ngay từ ngày đầu tiên khi chính quyền về tay nhân dân, công việc cấp bách mà Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đề ra và thực hiện là chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Không chống được nạn đói trầm trọng và tình trạng mù chữ nặng nề (trên 95% dân số lúc đó mù chữ) thì không thể có tiềm lực để giữ được độc lập dân tộc, bảo vệ được chính quyền non trẻ mà nhân dân đã phải đổ bao nhiêu xương máu mới giành được.

Trước Cách mạng tháng Tám, người dân Việt Nam phải chịu đựng chính sách "giới hạn việc học ở mức thấp nhất" do chính phủ bảo hộ chủ trương. Toàn quyền Merlin đã thi hành chương trình "phát triển theo chiều nằm chứ không theo chiều đứng" bởi lẽ, theo ông ta, 9 phần 10 học sinh nông thôn Việt Nam không có năng lực học hết bậc sơ học ! Theo chương trình này, hầu như ở các địa phương chỉ có những trường gồm 2 lớp đầu của trường tiểu học như trường hương học (École communale) ở Bắc Kỳ, trường dự bị (École préparatoire) ở Trung Kỳ và lớp phù trợ dự bị (cours auxiliaire préparatoire) ở Nam Kỳ. Trường tiểu học hoàn chỉnh (trường kiêm bị) chỉ có ở thị trấn, thị xã (tương đương trình độ lớp bốn bậc tiểu học hiện nay). Trường cao đẳng tiểu học (tương đương với cấp II phổ thông, tức trung học cơ sở hiện nay) có thể đếm trên đầu ngón tay.

Nữ sinh trung học / Secondary school girls

Care For Man

AS AN OBJECTIVE AND AN IMPETUS FOR RENOVATION AND DEVELOPMENT

The August 1945 Revolution profoundly transformed the Vietnamese people's life. It ensured human rights to every citizen and independence to the whole nation. No sooner had political power been transferred to the people than the Democratic Republic of Vietnam carried out the pressing task of fighting famine, illiteracy and foreign invasion. Severe famine and high illiteracy rate (over 95 per cent of the population were illiterate) would make it impossible to maintain national independence and protect the newly - born administration for which the people had shed a great deal of their blood.

Prior to the August Revolution, the Vietnamese people were subjected to the protectorate Government policy of "limiting general education to the lowest level". Governor General Merlin worked out a "horizontal and not vertical development" programme, since, in his view, 9 out of every 10 Vietnamese pupils in rural areas were not able to finish their primary schooling. Under this programme, most localities only had schools consisting of the first two grades of primary education, such as the Communal School in Bac Ky (the North), the Preparatory School in Trung Ky (the Centre) and the Preparatory Auxiliary Course in Nam Ky (the South). Comprehensive primary education schools were only available in townlets, and provincial capitals (equal to the 4th grade of the current primary school). The number of secondary schools could be counted on finger tips.

Following is the statistical statement on general education for the school year of 1941-1942 :

Level	Public schools		Private schools	
	No. of schools	No. of pupils	No. of schools	No. of pupils
High schools	3	625		
Secondary schools	16	5,521	49	11,203
Primary schools	503	58,629	234	29,573
Elementary schools	8,775	486,362	906	48,675
Total of pupils		551,137		89,451

During this period, in Indochina (including Vietnam, Cambodia and Laos), there was only one university with three faculties : Law, Medicine-Pharmacology and Science. Later, a number of colleges were set up (fine-arts, public works, veterinary medicine) with the number of students not exceeding 800 in the highest school year.

In public health, the network of hospitals was too thin. Only Ha Noi, Sai Gon and Hue had hospitals of 500-bed size and in the provincial capitals there were only hospitals for the government's employees and the rich. In the border provinces, French military physicians headed the local hospitals. At that time, almost no public health services were available in rural areas.

Under those circumstances, the Vietnamese people's average life expectancy was only 34 years. Population growth was then very slow. In 1945, Vietnam's population was 24,000,000. Infant mortality was extremely high. The average mortality rate was 24% and the children's mortality rate was 12%-30%.

In those days, there were only one medical college, a national obstetrical faculty, and five nurse-training schools in Indochina. 10-15 physicians, 3-5 pharmacists and 10 midwives graduated from these schools annually.

Dưới đây là thống kê tình hình giáo dục phổ thông năm học 1941 - 1942 :

Bậc học	Trường công		Trường tư	
	Số trường	Số học sinh	Số trường	Số học sinh
Trung học	3	625		
Cao đẳng tiểu học	16	5.521	49	11.203
Tiểu học	503	58.629	234	29.573
Sơ học	8.775	486.362	906	48.675
Cộng số học sinh		551.137		89.451

Trong thời gian đó, ở Đông Dương (bao gồm Việt Nam, Campuchia và Lào) chỉ có 1 trường đại học gồm 3 khoa : luật, y dược và khoa học. Sau đó có một số trường cao đẳng được hình thành (mỹ thuật, công chính, thú y) với số lượng học sinh không quá 800 người vào năm cao nhất.

Về y tế, mạng lưới bệnh viện quá mỏng. Chỉ có ở Hà Nội, Sài Gòn, Huế là có bệnh viện với quy mô khoảng 500 giường, còn thì ở hầu hết các tỉnh lỵ chỉ có bệnh viện dành cho công chức và người có tiền. Ở các tỉnh biên giới, các bác sĩ quân y người Pháp làm trưởng bệnh viện địa phương. Hầu như trong giai đoạn này, ở nông thôn không có tổ chức y tế.

Hồn nhiên / Innocence

Cô và cháu trường mầm non Tân Bình
The nurse and little children of Tan Binh Mam Non kinder-garten

Trong hoàn cảnh ấy, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam chỉ đạt 34 tuổi. Dân số lúc đó tăng rất chậm. Năm 1945, dân số Việt Nam là 24.000.000 người. Nạn hữu sinh vô dưỡng rất phổ biến. Tỷ lệ chết chung là 24‰ và tỉ lệ chết của trẻ em từ 12 đến 30%.

Cả Đông Dương thời đó chỉ có 1 trường đại học y dược và một khoa nữ hộ sinh quốc gia, 5 trường đào tạo y tá. Mỗi năm tốt nghiệp khoảng 10-15 bác sĩ y khoa, 3-5 dược sĩ đại học, 10 nữ hộ sinh.

Về nghiên cứu khoa học, khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, Nhà nước tiếp quản của chế độ cũ có 4 viện : Viện Pasteur Hà Nội, Viện Pasteur Sài Gòn, Viện Pasteur Nha Trang và Viện Pasteur Đà Lạt. Cả 4 viện này trực thuộc Viện Pasteur Pari, chuyên nghiên cứu bệnh nhiệt đới.

Ngay sau khi chính quyền về tay nhân dân, Nhà nước cách mạng đã có những hành động tỏ rõ sự quyết tâm phát triển giáo dục và thanh toán nạn mù chữ. Ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ở Việt Nam có :

- 4952 trường tiểu học với 284.314 học sinh ;
- 29 trường trung học với 2.378 học sinh ;
- 3 trường đại học (y dược, văn khoa và lớp chính trị - xã hội).

Việc thanh toán nạn mù chữ dựa vào các lực lượng xã hội để triển khai rộng rãi. Ngày 9-9-1945 (sau ngày tuyên bố độc lập đúng 1 tuần), Nha Bình dân học vụ được thành lập. Ngay năm đó, 100.000 người đăng ký dạy các lớp bình dân không có thù lao. Sau đúng 1 năm, có tới 2.000.000 người thoát nạn mù chữ. Trong suốt 10 năm kháng chiến chống Pháp từ năm 1946 đến năm 1954, trong

As far as scientific research was concerned, when the Democratic Republic of Vietnam came into being, the Government took over four institutes from the old regime : the Pasteur Institutes of Hanoi, Sai Gon, Nha Trang and Da Lat. All these four institutes were under the control of the Paris Pasteur Institute specialising in research on tropical diseases.

Right after the Administration was in the people's hand, the revolutionary State took actions with a determination to develop education and eliminate illiteracy. At the beginning of the first academic year under the Democratic Republic of Vietnam, there were :

- 4,952 primary schools with 284,314 pupils.
- 29 secondary schools with 2,378 pupils.
- 3 colleges *(medicine-pharmacology, literature, socio-political course).*

The elimination of illiteracy relied on the social forces to expand. On 9th September, 1945, (precisely one week after the Declaration of Independence), the General Department of Popular Education was established. In the same year, 100,000 people volunteered as tutors for the popular classes without receiving payment. One year later, 2,000,000 people could read and write. Throughout the ten years of the resistance war against French colonialism from 1946 to 1954, in extremely hard circumstances, many people eagerly attended complementary education classes. By the end of 1954, in the North, there remained only 3,400,000 illiterate people from 12 to 50 years of age. Three years

Học sinh trường dân tộc tỉnh Hà Giang
Ethnic school children in Ha Giang

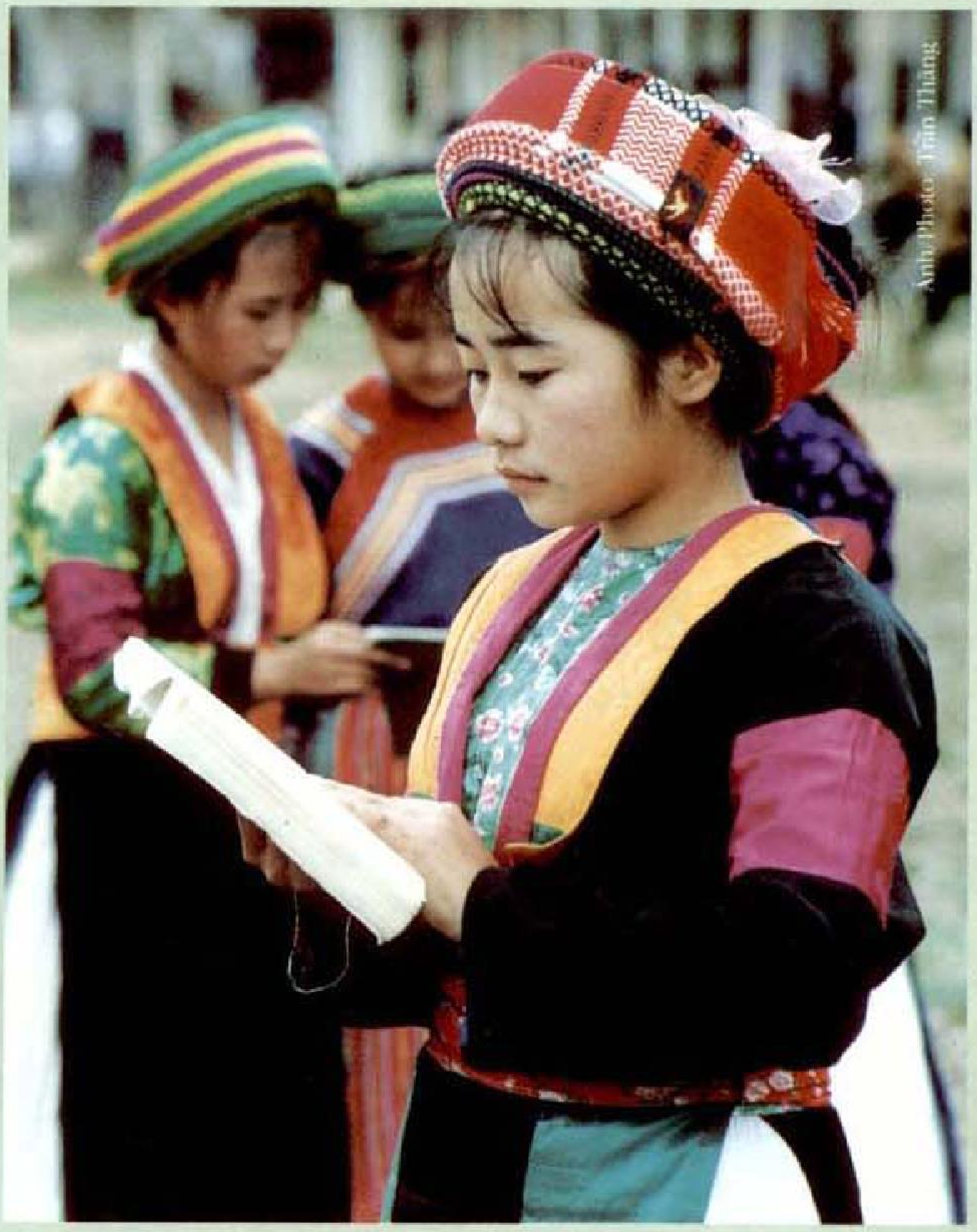

later, 2,161,700 more people (including 62,600 ethnic minority people) overcame illiteracy. From the 1955- 1956 school year, a new type of general education-labour schools was established in Vietnam. By the end of 1960, there had been 25 schools of this kind (including one school at the central level). The students in these schools were key cadres of various branches. The complementary education school system was also further developed. By the end of the 1950s, 16,854 people had finished primary education programme through this system. Apart from these schools, there were full-time schools for workers and farmers (one at the central level and 9 in the provinces) with 6,902 students. By the end of 1960, the number of people enrolled in part-time classes came up to 1,300,000.

hoàn cảnh vô cùng gian khổ của chiến tranh, người dân Việt Nam vẫn gắng sức đi học bổ túc văn hoá. Cuối năm 1954, trên miền Bắc chỉ còn 3.400.000 người từ 12 đến 50 tuổi chưa biết chữ. Sau đó 3 năm, có thêm 2.161.700 người (trong đó có 62.600 người thuộc dân tộc thiểu số) thoát nạn mù chữ. Từ năm học 1955-1956, ở Việt Nam xuất hiện loại trường phổ thông lao động. Đến cuối năm 1960, tính ra đã có 25 trường này (trong đó có 1 trường của trung ương). Đối tượng đi học trường này là những cán bộ cốt cán của các ngành. Hệ thống trường bổ túc văn hoá cũng phát triển. Trong mấy năm cuối của thập kỷ 50, đã có 16.854 người học xong chương trình văn hoá cấp I qua hệ bổ túc văn hoá. Ngoài ra còn có những trường bổ túc công nông (1 trường ở trung ương, 9 trường cấp tỉnh) với 6.902 học viên. Đến cuối năm 1960, số học viên bổ túc văn hoá lên tới 1.300.000 người. Nhờ hệ thống bổ túc văn hoá, thanh niên công nông có điều kiện đi học chuyên nghiệp ngày càng nhiều. Nếu trong năm học 1957 - 1958 tỷ lệ sinh viên công nông là 28,7% thì đến năm 1959 - 1960, tỷ lệ đó đã là 40,7%. Khi miền Bắc bị máy bay Mỹ ném bom gây nên cảnh chiến tranh trong cả nước (5-8-1964), hệ bổ túc văn hoá đã có 4.500.000 học sinh.

Trường nội trú của con em các dân tộc
A Boarding school for ethnic minority children

Thanks to the complementary education system, the number of young workers and farmers who were given the opportunity to attend vocational schools increased day by day. In the 1957- 1958 school year, the number of worker/farmer students accounted for 28.7 per cent, then 40.7 per cent in 1959 - 1960. When the North was bombed by the US (5th August, 1965) 4,500,000 students had enrolled into part-time study system.

During the war against French colonialism, the system of general education unceasingly developed as illustrated in the following table :

	Number of pupils				Number of teachers			
	1945	1950	1952	1954	1945	1950	1952	1954
Primary school	284,314	416,546	474,746	633,718	3,534	10,547	8,552	12,589
Secondary school	4,849	21,849	52,369	63,209	95	584	605	1,305
High school		735	2,089	3,423		31	30	96

Source: 1 - These figures are from the Ministry of Education's archives

2 - The statistic statement does not include Nam Bo (the South)

From 1954 to 1964, in such a short period of time for national construction, people in the North expedited the establishment of education system from pre-school to tertiary level. The State line of "reliance on the people" to promote education, proved entirely correct. At the time of the restoration of peace (1954) there were only 700,350 pupils in the general education system in the entire North, ten years later that number rose to 3,000,000 pupils.

The vocational system was also rapidly promoted in response to the needs for industrial development. By the end of this period (1965), there were in the North 200 vocational schools with 20,000 students, including 30 modern ones with 8,000 students. For the five years 1961 - 1965 alone, the

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, hệ thống giáo dục phổ thông không ngừng phát triển. Sau đây là mấy con số minh hoạ:

	Số học sinh				Số giáo viên			
	1945	1950	1952	1954	1945	1950	1952	1954
Cấp I	284.314	416.546	474.746	633.718	3.534	10.547	8.552	12.589
Cấp II	4.849	21.849	52.369	63.209	95	584	605	1.305
Cấp III		735	2.089	3.423		31	30	96

Ghi chú : 1. Số liệu này lấy trong hồ sơ lưu trữ của Bộ Giáo dục

2. Bản thống kê không bao gồm Nam Bộ

Từ năm 1954 đến năm 1964, một thời gian kiến thiết đất nước ngắn ngủi, nhân dân miền Bắc đã đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống giáo dục từ ngành mầm non đến đại học. Chủ trương "dựa vào dân" để phát triển giáo dục của Nhà nước là hoàn toàn đúng đắn. Khi hoà bình lập lại (1954) cả miền Bắc chỉ có 700.350 học sinh phổ thông, thì 10 năm sau đó, số học sinh đã tăng lên khoảng trên 3.000.000 học sinh.

Hệ thống dạy nghề cũng tăng trưởng nhanh theo nhu cầu phát triển công nghiệp. Cuối giai đoạn này (1965), trên miền Bắc đã có 200 trường lớp dạy nghề với 20.000 học sinh, trong đó có 30 trường dạy nghề chính quy với 8.000 học sinh. Riêng 5 năm 1961-1965, ngành dạy nghề đã đào tạo 120.000 công nhân kỹ thuật.

Ba trung tâm đại học từ vùng kháng chiến được chuyển về sáp nhập với các cơ sở đại học và cao đẳng được thành lập ở vùng tạm chiếm trước đó. Năm học 1956-1957, có 4 trường đại học được thành lập (Đại học Tổng hợp, Đại học Bách khoa, Đại học Nông lâm, Đại học Kinh tế - kế hoạch). Trước đấy, 3 trung tâm đại học chỉ đào tạo 10 ngành thì đến năm 1965, các trường đại học đã có gần 200 ngành.

vocational schools had trained 120,000 technical workers.

Three tertiary centres were moved from the liberated areas during the war of resistance to the capital to be merged with the universities and colleges which had previously been established in the enemy-occupied areas. In the 1956 - 1957 academic year, there were four universities (the Ha Noi University, the Polytechnic College, the Agriculture-Forestry College and the Economics and Planning College). Earlier, the three tertiary centres offered only ten subjects, in 1965 the number increased to about 200.

The fierce anti-US imperialist war of resistance broke out. Yet, education continuously developed even in the most difficult circumstances. In schools, the slogan "sing to drown the blast of bombs" reflected the young generation's eagerness in study. By 1975, every village had at least one primary school, 86 per cent of villages had a junior secondary school (former high primary schools or lower secondary schools at present), and every district had a high school.

The number of vocational and high schools has rapidly increased. By the time the anti-US. imperialist war of resistance was about to end, the number of vocational schools had increased to 185 with 78,000 students and near-

Cuộc kháng chiến chống Mỹ hết sức ác liệt đã diễn ra, nhưng, ngay trong hoàn cảnh khó khăn nhất, giáo dục vẫn không ngừng phát triển. Khẩu hiệu "Tiếng hát át tiếng bom" ở trường học nói lên khí thế học tập của thế hệ trẻ. Đến năm 1975, xã nào cũng có ít nhất 1 trường tiểu học, 86% xã có trường cấp II (cao đẳng tiểu học cũ hay trung học cơ sở hiện nay) và huyện nào cũng có trường phổ thông trung học.

Số trường dạy nghề và trường trung học tăng lên rất nhanh. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ sắp kết thúc, số trường dạy nghề lên tới 185 với 78.000 học sinh và gần 1000 lớp dạy nghề tại cơ sở sản xuất. 101 trường trung học chuyên nghiệp được thành lập ; chỉ tiêu tuyển sinh tăng lên trên 6 lần.

Từ tháng 5-1975 trở lại đây, đất nước Việt Nam thống nhất, hệ thống giáo dục hoàn chỉnh được xây dựng. Bên cạnh hệ phổ thông, hệ đại học và chuyên nghiệp, hệ giáo dục mầm non, giáo dục năng khiếu, giáo dục trẻ có tật cũng phát triển nhanh. Các loại hình trường lớp cũng ngày càng đa dạng. Từ năm 1986, với chủ trương ĐỔI MỚI, hệ thống giáo dục phát triển theo hướng xã hội hoá các nguồn đầu tư, đa dạng hoá các hình thức giáo dục và đào tạo, dân chủ hoá công tác quản lý trường học và hiện đại hoá nội dung, phương pháp, trang thiết bị dạy học. Đến năm học 1994-1995, năm học cuối của nửa thế kỷ xây dựng nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, thống nhất, hệ thống giáo dục đã có cơ cấu khá hoàn chỉnh.

Nhà rông của đồng bào Tây Nguyên / The communal house of ethnic minority in Tay Nguyen

Ngành học	Trường, lớp, giáo viên, học sinh	Năm học	
		1975-1976	1994-1995
Sau đại học	- Cao học	-	1.900
	- Nghiên cứu sinh	-	600
Đại học, cao đẳng	- Trường	57	109
	- Cán bộ giáo dục	9.642	21.700
	- Sinh viên	42.077	200.300 (kể cả tại chức)
Trung học chuyên nghiệp	- Trường	186	266
	- Giáo viên	6.895	9.600
	- Học sinh	79.061	154.000
Dạy nghề	- Trường	185	203
	- Giáo viên	4.222	6.200
	- Học sinh	92.800	69.800
Giáo dục phổ thông	- Trường	13.000	20.100
	- Giáo viên	313.400	467.400
	- Học sinh	10.319.000	14.587.400

ly 1,000 vocational classes held in production establishments. 101 secondary vocational schools were established, the number of enrolled students increased by over six times.

Since May 1975, Vietnam has been reunified, and a comprehensive educational system established. Beside the system of general education, tertiary and vocational education, the systems of pre-school education, aptitude education and education for the handicapped children have also rapidly developed. Forms of schools and classes have been diversified. Since 1986, when the policy of renovation (DOI MOI) was adopted, the educational system has been developed on the basis of the socialization of investment resources, diversification of forms of education and training, democratization of school management, modernization of curriculum, methods and teaching facilities. In the 1994 - 1995 academic year, the last academic year of half a century of construction of a peaceful, independent, democratic, and reunified Vietnam, the structure of educational system is satisfactorily completed.

Branches of Education	Schools, Classes, Teachers, students	Academic year	
		1975-1976	1994-1995
Post-graduate	-Post graduate	-	1,900
	-M.A.	-	600
Tertiary	-Universities, college	57	109
	-Educational cadres	9,642	21,700
	-Students	42,077	200,300 (includingi n-service courses)
Secondary vocational	-Schools	186	266
	-Teachers	6,895	9,600
	-Students	79,061	154,000
Vocational	-Schools	185	203
	-Teachers	4,222	6,200
	-Students	92,800	69,800
General education	-Schools	13,000	20,100
	-Teachers	313,400	467,400
	-Pupils	10,319,000	14,587,400

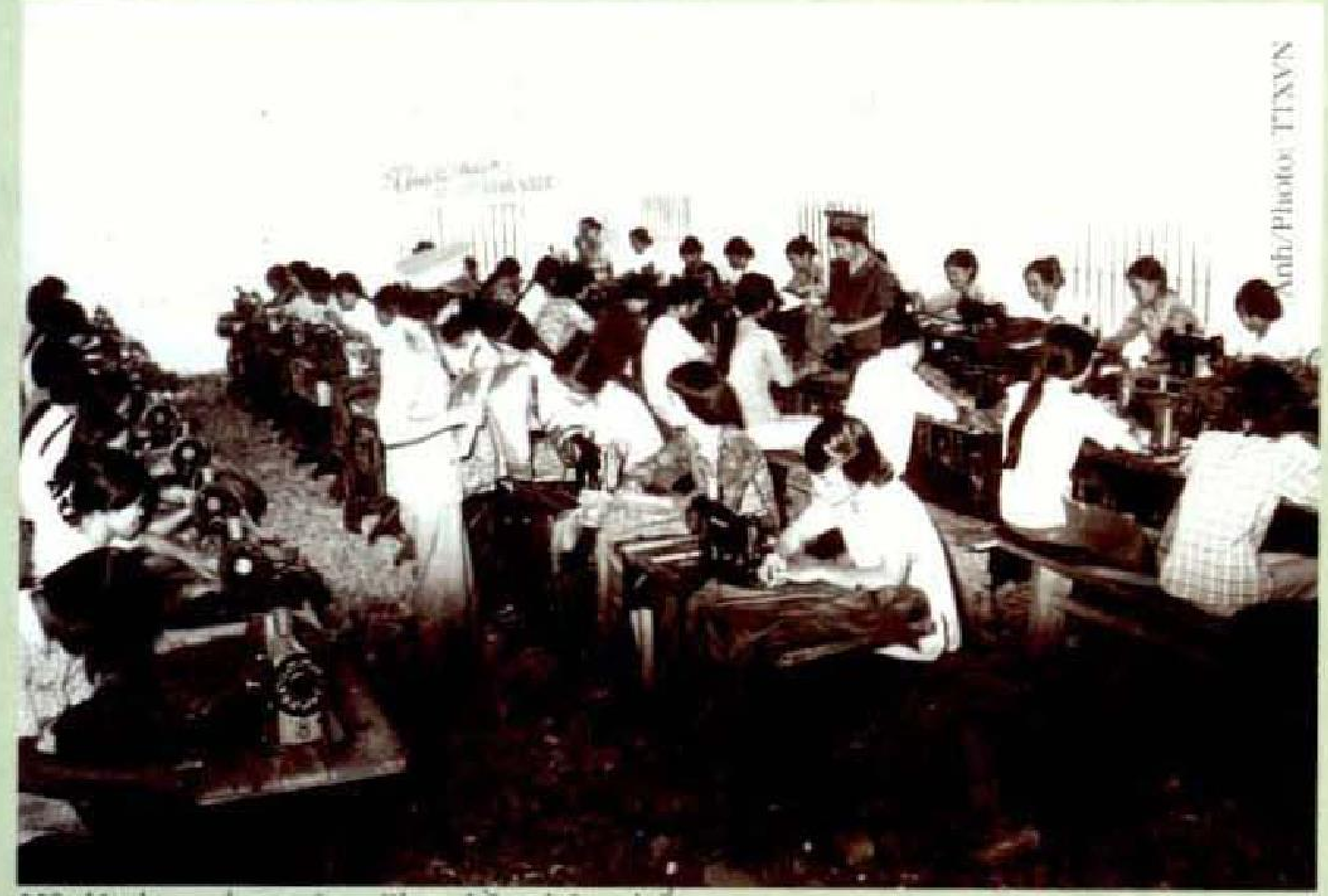

Một lớp học của trường Phục hồi nhân phẩm
A class of the School for Human dignity restoration

Along with the development of education, public health has also received considerable attention from the Party and the Government. In fighting famine and illiteracy, the public health service had to urgently tackle such important issues as :

- Setting up a health care network for rural areas, medical teams for villages ; training hygiene and first aid workers, making sure that every village had a medical team, every district - a clinic, every province - a hospital.
- Formulating the concept of preventive medicine, promoting environmental hygiene and the control of smallpox, cholera, typhoid (enteric fever), dysentery, malaria...
- Providing urgent training of medical workers : nurses, physicians, testing personnel.
- Conducting research on the production of medicine from local pharmaceutical materials and medical equipment.

Since the August 1945 Revolution, Vietnam's public health service has strongly developed and recorded remarkable achievements that the country may be proud of. Following are the most basic achievements :

1. Efficient medical workers have been rapidly trained:

	1945	1955	1965	1975	1985	1994
Medical doctors	51	110	2,207	8,256	22,394	29,700
Junior physicians	152	393	11,080	25,172	48,294	44,800
High level pharmacists	22	45	421	2,756	6,083	5,900
Secondary level pharmacists	22	59	703	4,136	6,106	6,100
Traditional medical workers			411	564	3,340	792
Midwives				3,494	14,913	11,100
Nurses				27,865	77,547	50,800

2. In financial field, investments in medical establishments have continuously increased. Following are the investments in Vietnam's public health service :

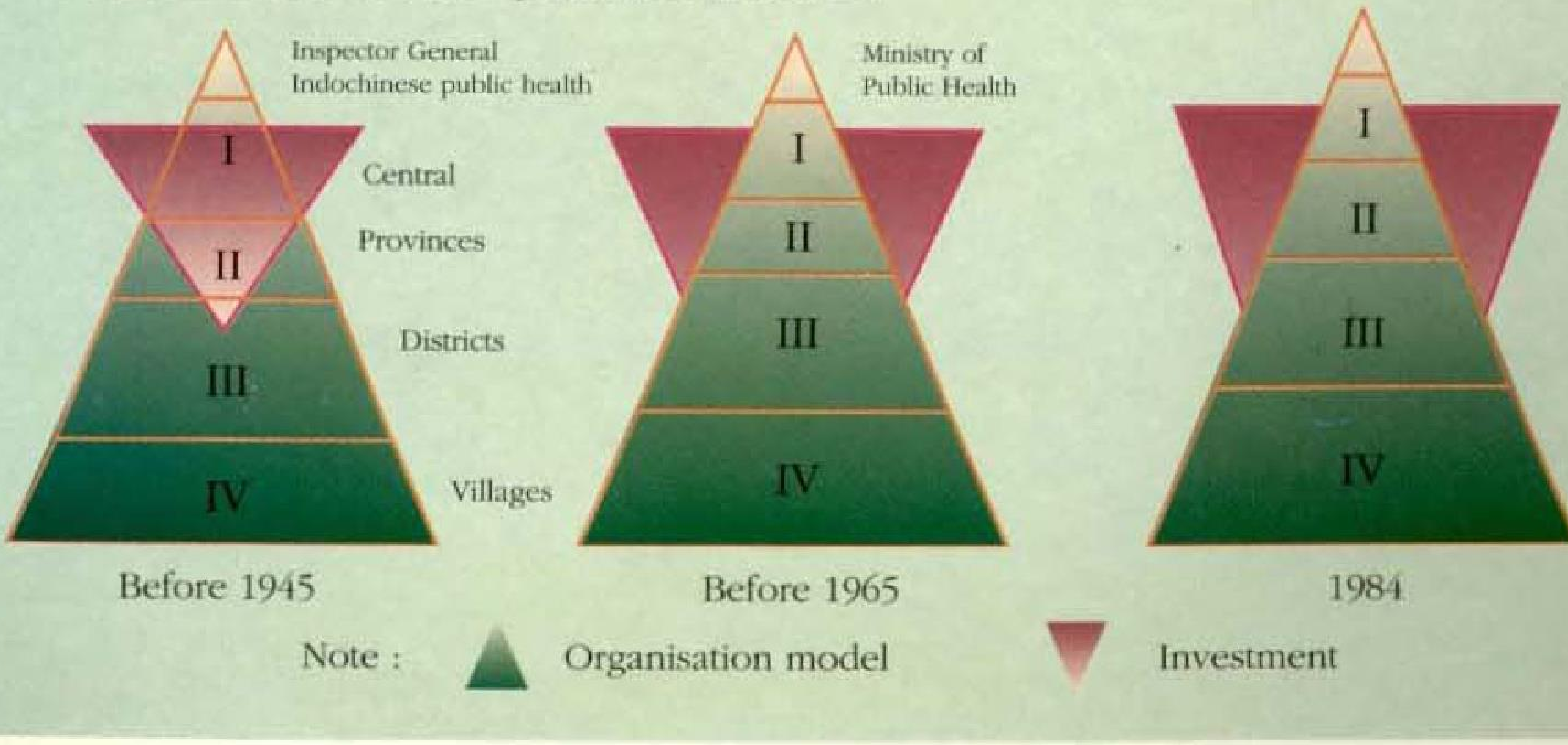

Trong quá trình phát triển giáo dục, ngành y tế cũng được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Giữa lúc chống giặc đói và giặc dốt, ngành y tế phải khẩn trương giải quyết những nhiệm vụ quan trọng như :

- Xây dựng mạng lưới y tế nông thôn và đội ngũ cán bộ y tế xã, đào tạo vệ sinh viên và nhân viên cứu thương. Mỗi xã có 1 tổ y tế, mỗi huyện có 1 phòng khám hoặc bệnh xá, mỗi tỉnh có 1 bệnh viện;
- Xây dựng quan điểm y tế dự phòng, đẩy mạnh vệ sinh môi trường, khống chế các bệnh đậu mùa, dịch tả, thương hàn, đường ruột, sốt rét...
- Khẩn trương đào tạo cán bộ y tế : y tá, nữ hộ sinh, xét nghiệm viên, y sĩ trung học.
- Nghiên cứu sản xuất thuốc men, y cụ từ dược liệu địa phương.

Một buổi bảo vệ luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử
A presentation of candidate to doctorate disertation on History Science

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ngành y tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ, làm nên nhiều thành tựu đáng tự hào của đất nước. Có thể kể đến những thành tựu cơ bản nhất sau đây :

1. Nhanh chóng xây dựng được đội ngũ cán bộ đông đảo, phục vụ có hiệu quả :

	1945	1955	1965	1975	1985	1994
Bác sĩ y khoa	51	110	2.207	8.256	22.394	29.700
Y sĩ	152	393	11.080	25.172	48.294	44.800
Dược sĩ cao cấp	22	45	421	2.756	6.083	5.900
Dược sĩ trung cấp	22	59	703	4.136	6.106	6.100
Lương y	-	-	411	564	3.340	792
Nữ hộ sinh	-	-	-	3.494	14.913	11.100
Y tá	-	-	-	27.865	77.547	50.800

2. Về mặt đầu tư, ở cơ sở ngày càng được tăng cường hơn. Sau đây là tổ chức y tế Việt Nam về mặt đầu tư :

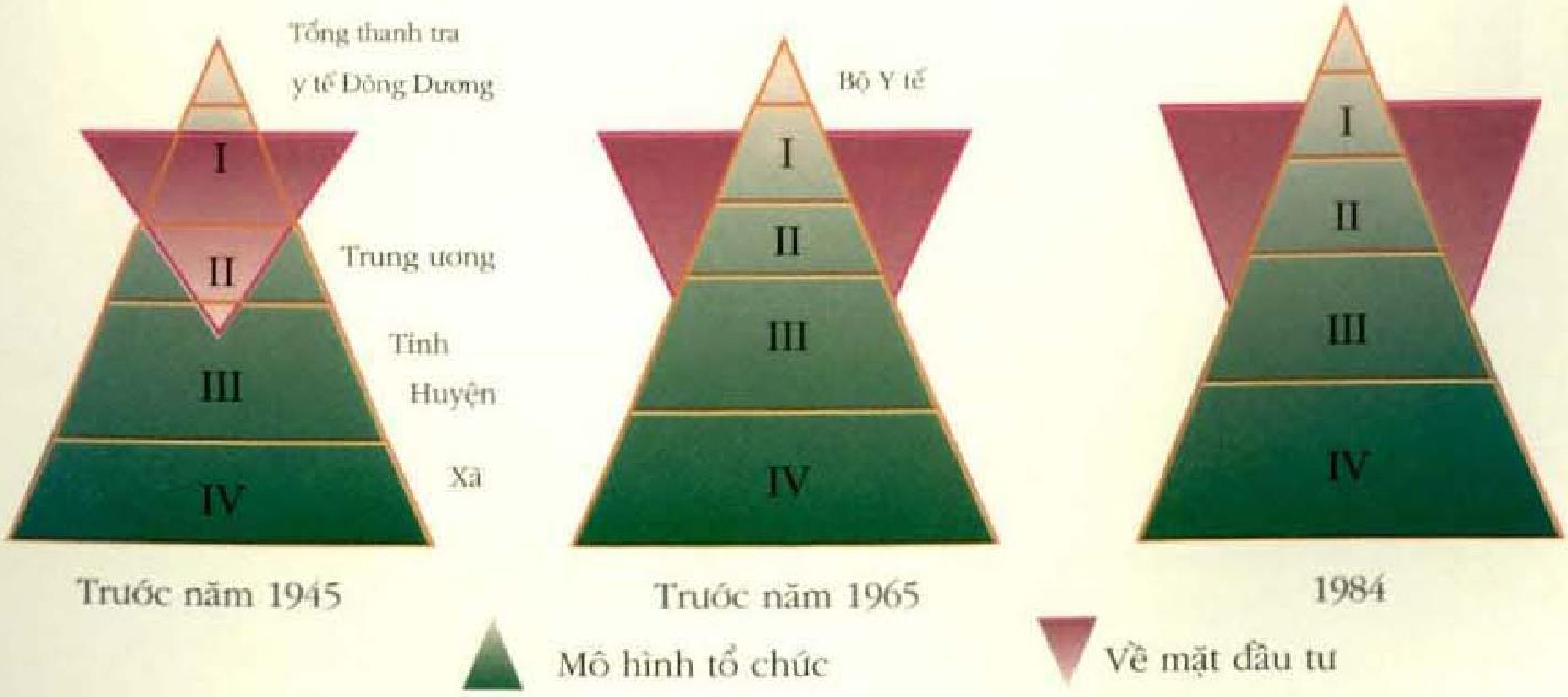

3. The achievements in public health service and education may serve as beautiful flowers of a social regime for the benefit of man. After 50 years under the Revolutionary Administration, the education system has transformed a society in which 95 per cent of the population were illiterate to one in which 95 per cent of the population are literate. The public health service system has increased the life expectancy from 34 to 64 years. The education system has nearly eradicated illiteracy, the public health service has totally wiped out a number of diseases.

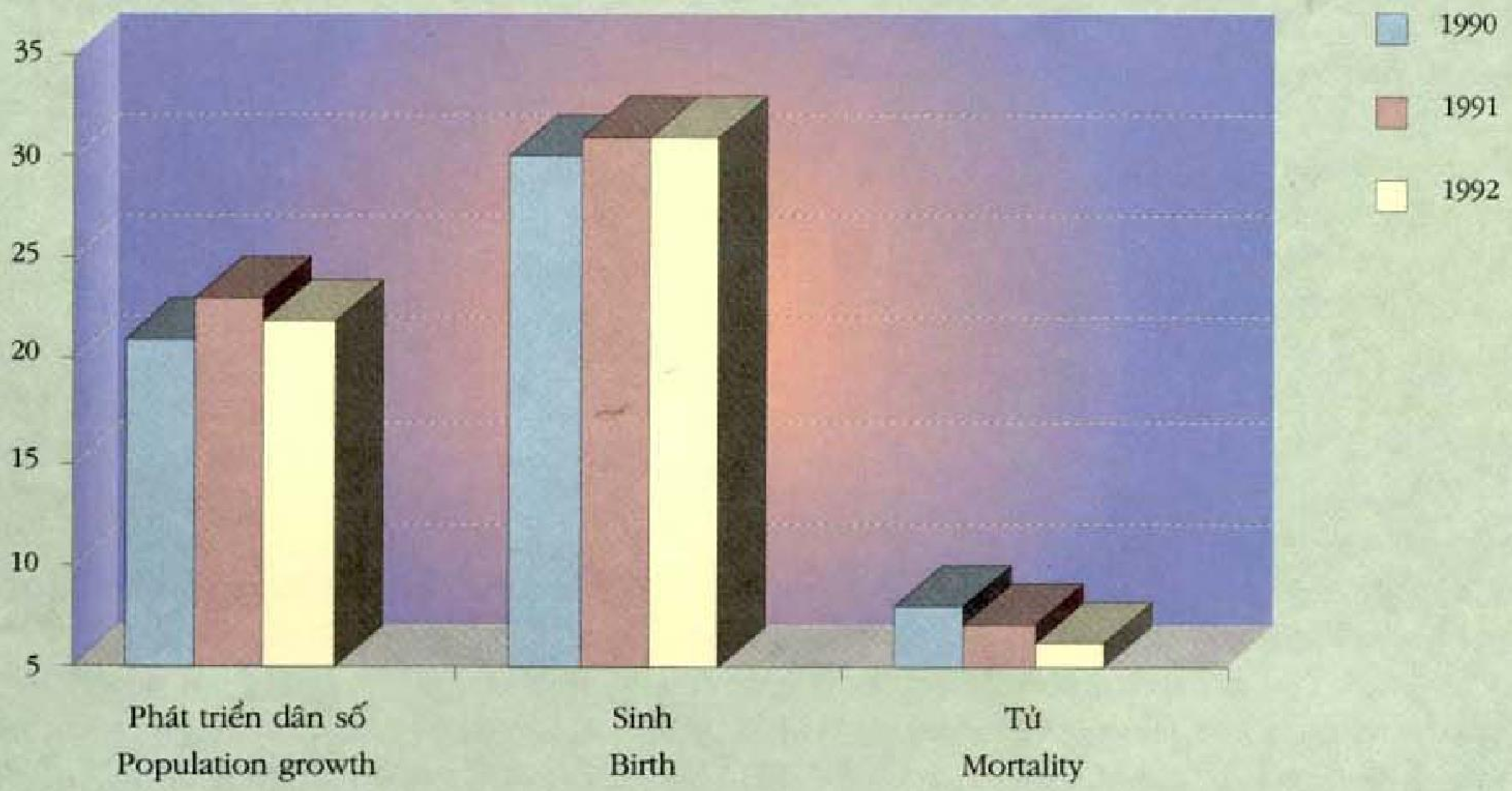

Một buổi trình diễn thời trang / A fashion show

4. The public health network has covered all villages, groups of inhabitants, production establishments. Up to 1990, the public health network was as presented in the following diagram :

3. Những thành tựu của ngành y tế cũng như của ngành giáo dục là những bông hoa đẹp của một chế độ xã hội vì con người. Nếu như sau 50 năm chính quyền cách mạng, ngành giáo dục đã làm cho một xã hội có 95% dân cư mù chữ thành một xã hội có tới 95% dân cư biết chữ, thì ngành y tế đã nâng tuổi thọ trung bình từ 34 tuổi lên đến 64 tuổi. Nếu ngành giáo dục đã xoá gần sạch nạn mù chữ thì ngành y tế đã thanh toán vĩnh viễn một số bệnh tật.

4. Mạng lưới y tế đã phủ kín đến xã phường, đến các cụm dân cư, đến từng cơ sở sản xuất. Tính đến năm 1990, mạng lưới đó được thể hiện ở sơ đồ dưới đây :

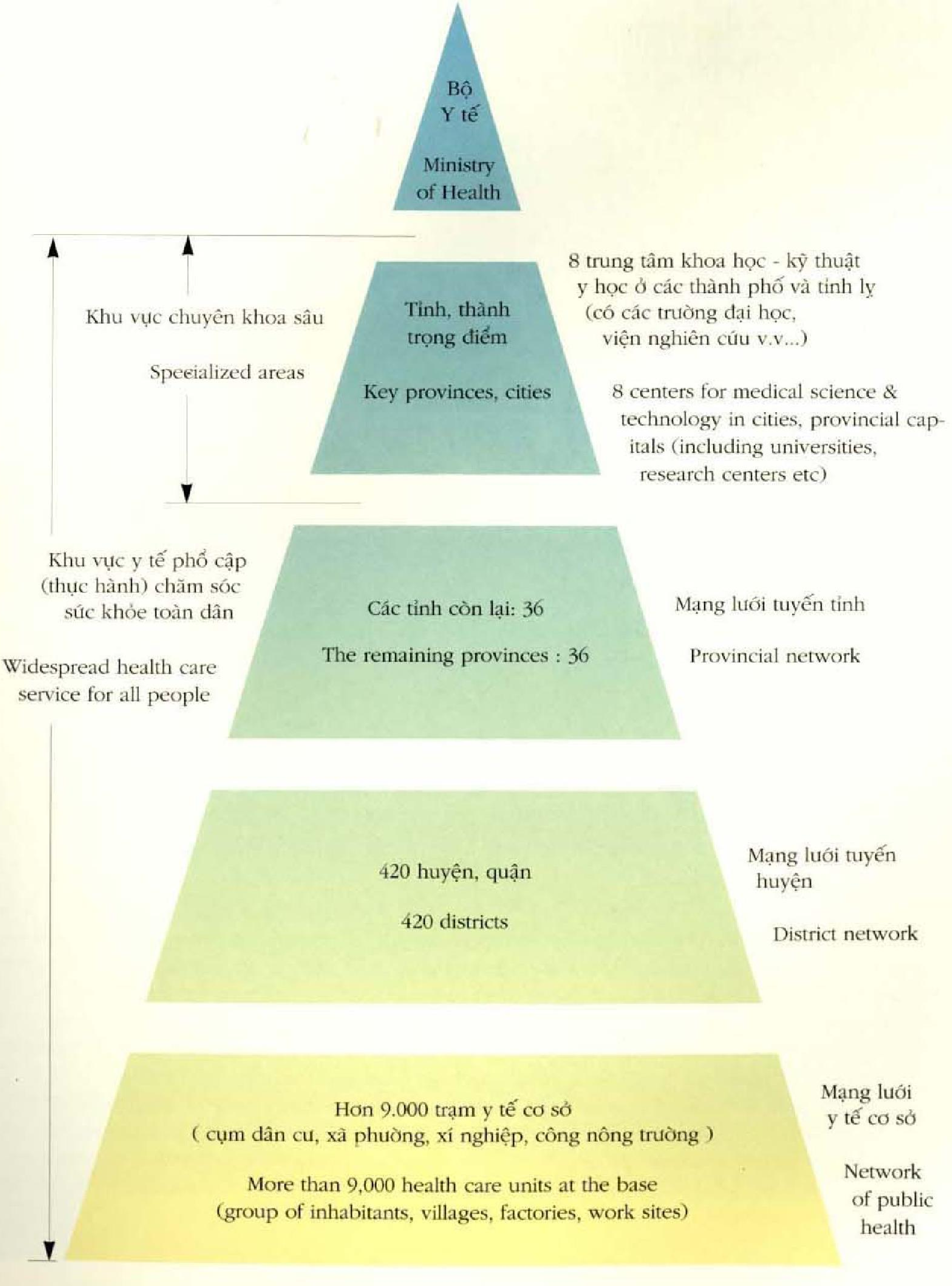

From this comprehensive health care network, services for the care of people's health has become diversified.

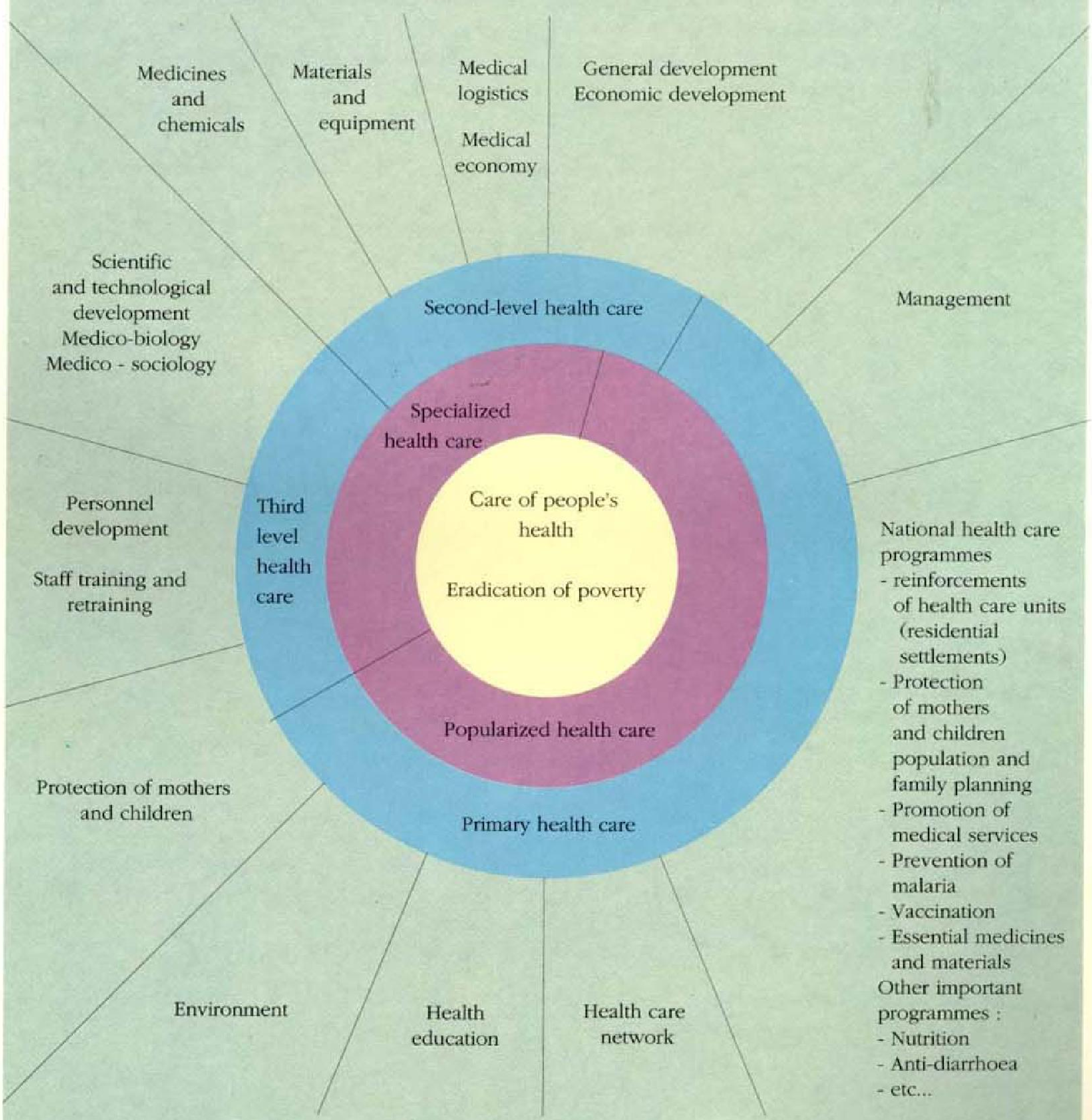

The concern about the welfare of man throughout the last 50 years might be well demonstrated in President Ho Chi Minh's teaching "For the benefit of ten years, plant trees ; for the benefit of hundred years, raise man". This has created big intellectual potentials - a contingent of intellectuals. In 1954, there were in the North only 500 people with university qualifications and 3,000 persons with secondary vocational qualifications. Forty years later, in 1994, Vietnam had 700,000 university graduates, 7,000 associate professors, professors, Ph. D's and candidates to Doctorate.

By the end of 1993, there were 23,113 lecturers in 53 universities and 30 colleges including 211 Ph.D's, 2.666 and candidates to Doctorate, 2,773 M.A. In 253 scientific research establishments, there were 24,796 cadres including 160 Ph. D's, 1,735 candidates to Doctorate, 166 professors, 501 associate professors. In social sciences, there were 63,751 university graduates including 53 Ph.D's, 1,272 candidates to Doctorate.

Từ mạng lưới y tế dày đặc ấy, những dịch vụ chăm sóc sức khỏe của nhân dân trở nên rất đa dạng.

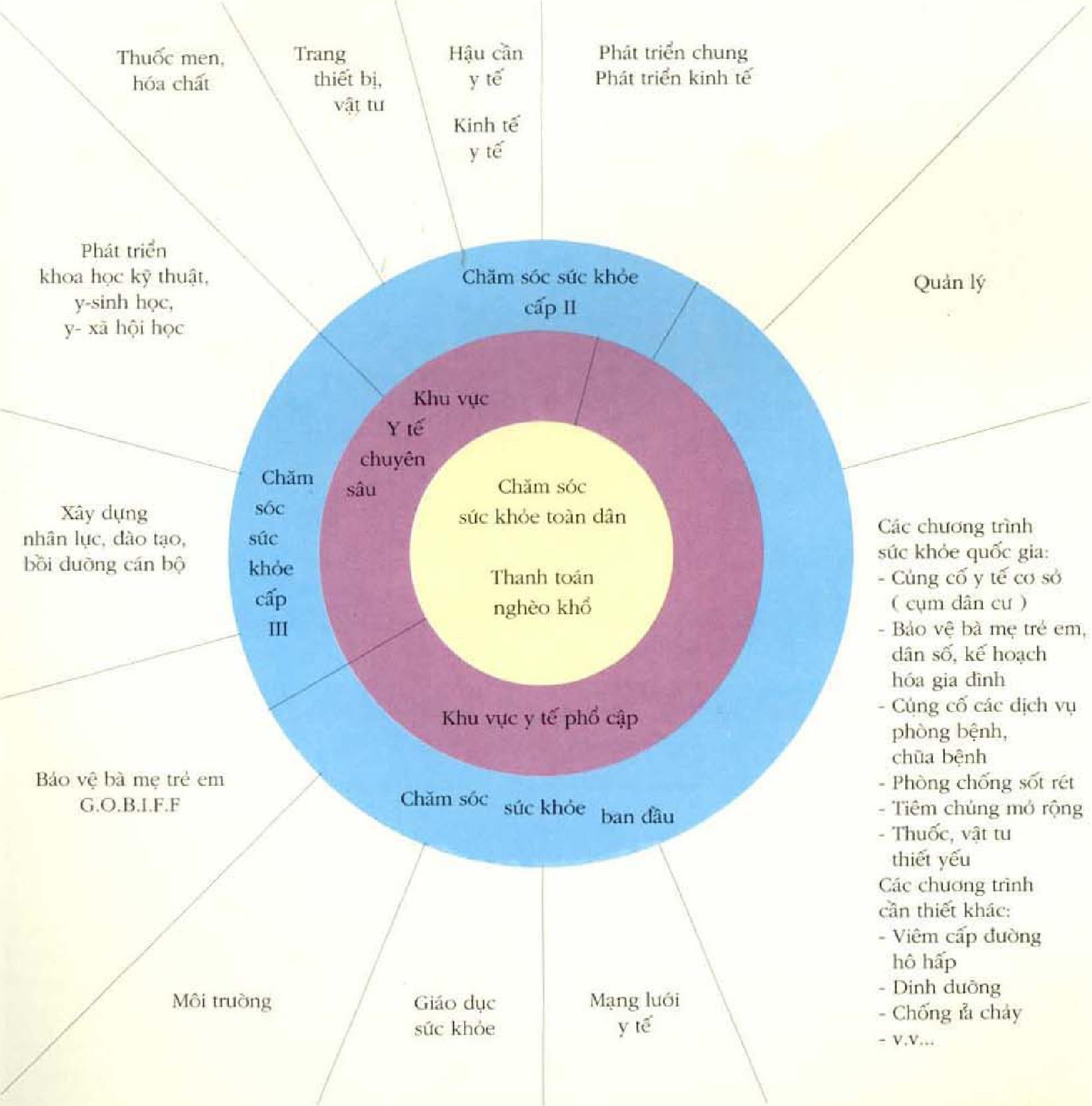

Sự quan tâm đến con người trong suốt 50 năm qua theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Vì lợi ích mười năm, trồng cây ; vì lợi ích trăm năm, trồng người" đã làm cho Việt Nam có một tiềm năng trí tuệ lớn lao. Đó là đội ngũ trí thức. Năm 1954, ở miền Bắc chỉ có 500 người đạt trình độ đại học và 3.000 người có trình độ trung học chuyên nghiệp. 40 năm sau, vào năm 1994, Việt Nam đã có 700.000 người tốt nghiệp đại học, trong đó 7.000 người có học hàm, học vị (phó giáo sư, giáo sư, phó tiến sĩ, tiến sĩ).

Tính đến hết năm 1993, tại 53 trường đại học và 30 trường cao đẳng có 23.113 cán bộ giảng dạy, trong đó có 211 tiến sĩ, 2.666 phó tiến sĩ, 2.773 thạc sĩ. Tại 253 cơ quan nghiên cứu khoa học có 24.796 cán bộ, trong đó có 160 tiến sĩ, 1.735 phó tiến sĩ, 166 giáo sư, 501 phó giáo sư. Ở lĩnh vực khoa học xã hội có 63.751 người tốt nghiệp đại học, trong đó có 53 tiến sĩ, 1.272 phó tiến sĩ.

For the last few years, the post-graduate education has been gradually broadened and the figure of intellectuals keeps increasing.

Múa nón / A dance with conical hats

Thanks to the system of university education, the number of intellectuals with Doctors, associate Doctors degrees has greatly increased. Following are the figures showing the increase of post-graduates :

Year	1959	1965	1975	1988	1994
Number	12	107	1,724	6,019	7,000

Previously, post-graduate training mainly relied on the assistance from foreign countries. Since 1976, Vietnam has opened a new system of post-graduate training to promote the training of highly qualified intellectuals. By the end of the 1980s, there had been 300 universities and 34 scientific research institutes entrusted with the task of selecting and training post-graduates. After ten years of implementation, the number of post-graduates students amounted to 2,100. By 1988, only 795 people got Doctors degrees and 4 associate Doctors' degrees. Scientific workers with post-university degrees are categorised as follows :

(Cand. to Doctorate)	Doctors (%)	Associate Doctors (%)
Natural sciences	46,7	34,2
Technological science	23,9	32,3
Medical-pharmaceutical science	8,3	6,0
Agricultural science	5,1	6,5
Social sciences	15,9	20,9
Military science		0,16
	100	100

Mấy năm nay, quy mô đào tạo cao học và nghiên cứu sinh mở rộng dần, từ đó đội ngũ trí thức ngày càng được bổ sung nhiều hơn.

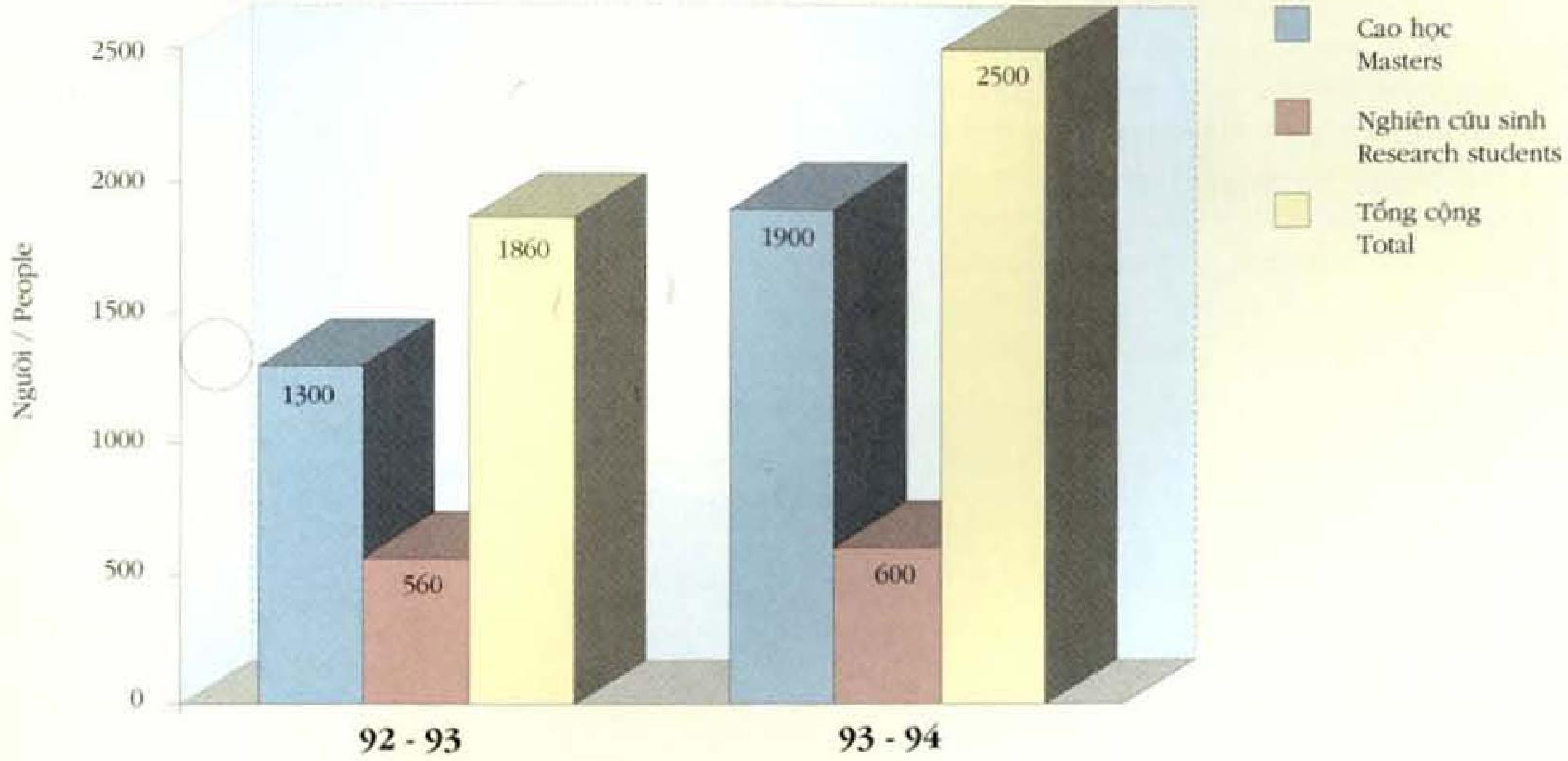

Nhờ vào hệ thống đào tạo đại học, đội ngũ trí thức có trình độ phó tiến sĩ, tiến sĩ tăng lên khá nhanh. Ta có thể thấy được động thái phát triển cán bộ sau đại học như sau :

Năm	1959	1965	1975	1988	1994
Số lượng	12	107	1.724	6.019	7.000

Trước đây, việc đào tạo cán bộ sau đại học chủ yếu là dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài. Từ năm 1976, Việt Nam bắt đầu mở ra hệ đào tạo sau đại học để đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ trí thức có trình độ cao. Đến cuối thập kỷ 80, đã có 30 trường đại học và 34 viện nghiên cứu khoa học được giao nhiệm vụ tuyển chọn và đào tạo nghiên cứu sinh. Sau hơn 10 năm thực hiện công tác này, số người được tuyển vào học chế độ nghiên cứu sinh là 2.100. Tính đến năm 1988, đã có 795 người bảo vệ thành công luận án phó tiến sĩ và 4 người bảo vệ luận án tiến sĩ. Lực lượng cán bộ có trình độ sau đại học hiện có cơ cấu như sau :

	Tiến sĩ (%)	Phó tiến sĩ (%)
Khoa học tự nhiên	46,7	34,2
Khoa học kỹ thuật	23,9	32,3
Khoa học y - dược	8,3	6,0
Khoa học nông nghiệp	5,1	6,5
Khoa học xã hội	15,9	20,9
Khoa học quân sự		0,16
	100	100

At present, scientists, especially those intellectuals having highly specialised knowledge have made great contributions to scientific research. Hundreds of national programmes with thousands of research theses have been successfully carried out over the past years :

- 1981 - 1985 Five Year Plan : 76 programmes (1,300 theses)
- 1986 - 1990 Five-Year Plan : 56 programmes (876 theses)
- 1991 - 1995 Five-Year Plan : 31 programmes (496 theses)

Those scientific theses have addressed a series of issues in the fields of industry, agriculture, education, arts, management and etc. The fundamental purpose of these theses is to serve human interests, considering man as the objective and the impetus for socio-economic development.

The development of a contingent of scientists helps promote the training of people. In the coming years. Both the scale and quality of post-university training will be enhanced, more investments made in scientific research, national universities and research centres gradually established. Along with the afore-said work, from now up to the year 2000, Vietnam will completely eliminate illiteracy, popularize primary education in the whole country and generalize secondary education in cities and favourable areas.

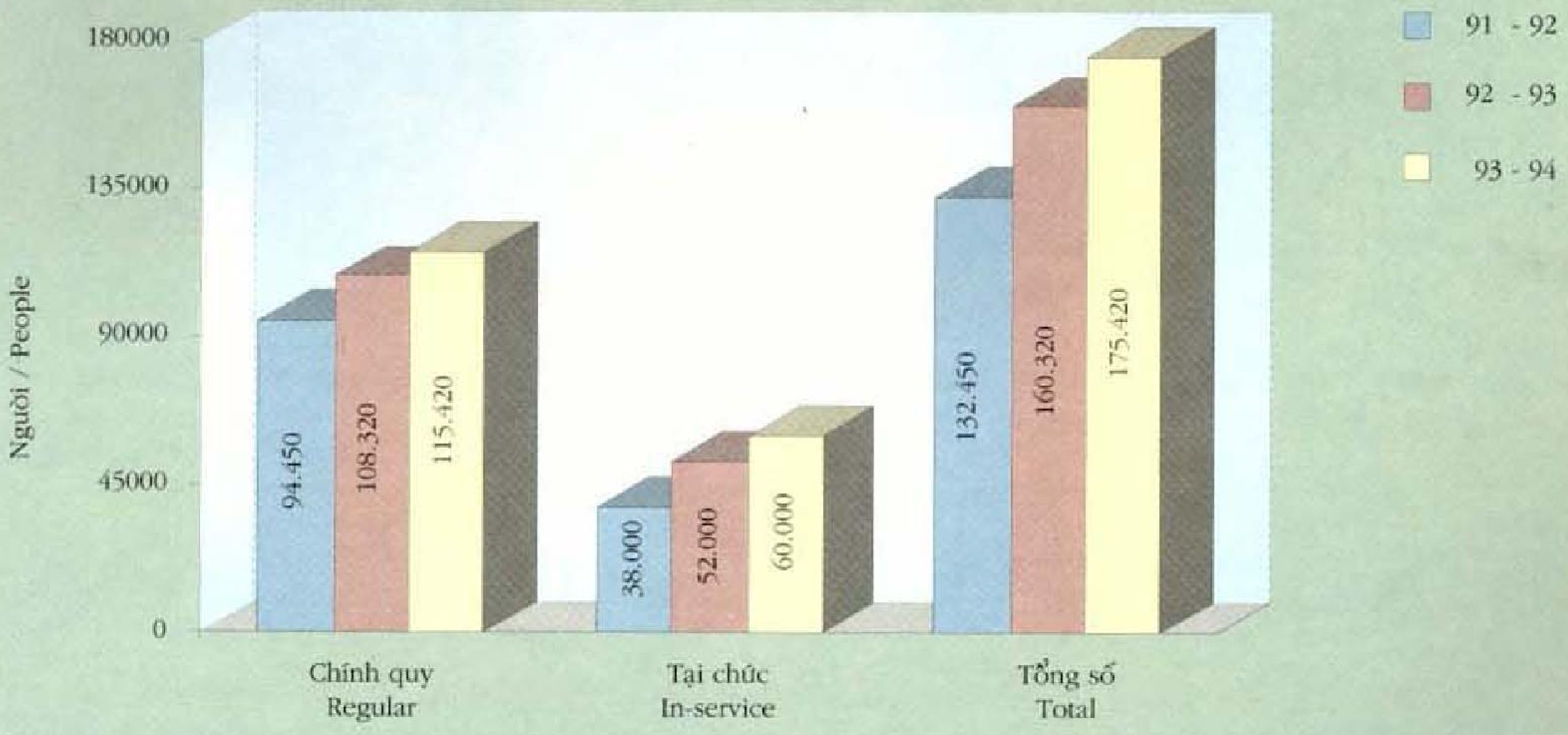

For the past 50 years, Vietnam has overcome innumerable difficulties and obstacles. From the end of 1945 to several years after the liberation of the South, Vietnam had always been in a state of war against foreign invasions. Yet, the Vietnamese people have brought into full play their tradition of industriousness and pushed their brave struggle forward. Their sense of revolutionary optimism constitutes a very important spiritual impetus to nurture the vitality of the nation.

Since the 6th Congress of the Communist Party of Vietnam (1986), Vietnam has vigorously been transformed thanks to its renovation and open door policy. The rapid and steady growth during the last ten years has brought about the socio-political stability of Vietnam. The aforesaid stability has, in its turn, created conditions for growth. Throughout the period from 1992 up to this day the GDP has increased by 8 per cent per annum. The current stability will enable us to maintain and increase GDP for the time being. Presumably, if the 8 per cent growth is maintained, the average per capita GDP in US$ from the start of 1990s to 2010 will be as follows :

1992	1993	1994	1995	2000	2005	2010
234 8%	252 8%	272 8%	294 8%	432 8%	635 8%	934 8%

Lực lượng cán bộ khoa học hiện nay, đặc biệt là những trí thức có trình độ chuyên môn cao, đã góp phần to lớn vào việc nghiên cứu khoa học. Hàng trăm chương trình quốc gia với hàng ngàn đề tài nghiên cứu đã được thực hiện tốt trong nhiều năm qua :

- Kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 : 76 chương trình (1300 đề tài)
- Kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 : 56 chương trình (876 đề tài)
- Kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 : 31 chương trình (496 đề tài)

Các đề tài khoa học đã giải quyết hàng loạt vấn đề thuộc các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, văn hoá, giáo dục, nghệ thuật, quản lý v.v... nhưng tinh thần cơ bản là phục vụ lợi ích con người, coi con người như là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội.

Sự phát triển của đội ngũ khoa học có tác dụng thúc đẩy công tác đào tạo con người. Những năm tới, quy mô và chất lượng đào tạo đại học sẽ được nâng lên, việc nghiên cứu khoa học sẽ được đầu tư nhiều hơn, các trường đại học quốc gia, các trung tâm nghiên cứu quốc gia dần dần hình thành. Cùng với những việc nói trên, từ nay đến năm 2000, Việt Nam sẽ xoá xong nạn mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học trong toàn quốc và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở những thành phố và những nơi có điều kiện.

Chặng đường đi 50 năm qua của Việt Nam có muôn vàn khó khăn trở ngại. Suốt từ cuối năm 1945 cho đến một số năm sau ngày giải phóng miền Nam, ở Việt Nam luôn có trạng thái chiến đấu chống xâm lược. Song, nhân dân Việt Nam đã biết phát huy cao độ truyền thống lao động cần cù và truyền thống đấu tranh dũng cảm của dân tộc để đi lên. Tinh thần lạc quan cách mạng của người Việt Nam là động lực tinh thần hết sức quan trọng trong việc nuôi dưỡng sức sống của dân tộc, của đất nước.

Vượt ngầm / Passing the underwater pass

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam đến nay, Việt Nam chuyển mình mạnh mẽ nhờ đường lối đổi mới và mở cửa. Sự tăng trưởng nhanh chóng và vững chắc trong 10 năm qua đã tạo ra ở Việt Nam sự ổn định chính trị, ổn định xã hội. Đến lượt mình, sự ổn định đó lại tạo ra những điều kiện để tăng trưởng. Suốt từ năm 1992 đến nay, mức tăng trưởng tổng sản phẩm xã hội luôn đạt 8%. Sự ổn định hiện nay đang hứa hẹn giữ vững và tăng mức tăng trưởng ở Việt Nam trong giai đoạn trước mắt. Giả định rằng, nếu giữ được mức tăng trưởng 8% thì tổng sản phẩm xã hội bình quân đầu người tính bằng USD từ đầu thập kỷ 90 đến năm 2010 như sau :

1992	1993	1994	1995	2000	2005	2010
234 8%	252 8%	272 8%	294 8%	432 8%	635 8%	934 8%

Đến nay, Việt Nam bắt tay vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đó là con đường tiến tới "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh". Vấn đề tăng tốc phát triển, chuyển cơ cấu kinh tế của một nước nông nghiệp sang một nước công nghiệp là một mục tiêu phấn đấu của Việt Nam trong những năm trước mắt. Nếu mức độ phát triển được giữ vững và có chiều gia tăng thì viễn cảnh kinh

Vietnam has now embarked on the process of national industrialization and modernization. This is the road to "a wealthy people, a prosperous country, a civilised and equitable society". Development and the transformation of the economic structure of an agricultural country into that of an industrialized country are the objective Vietnam is striving for in the immediate future. If the present development rate is maintained or increased, the economic prospects in Vietnam will be as follows :

Year	1994	1995	2000	2010
GDP structure (%)				
Agriculture	28.7	34.17	26.26	14.28
Industries	29.6	22.58	28.01	40.04
Services	41.6	43.25	45.72	45.68

Một thế võ Uxu / One posture of Uxu Kungfu

Estimated growth rates are :

Agriculture : 4.5 - 5%
Industries : 13.0 - 15.0%
Services : 9.0 - 11.0%

Economic growth will be a condition for strong development of human education

Forms of training	1991	1995	2000	Comparison %	
				3/2	4/3
1	2	3	4	5	6
Pre-school education	2,493,000	2,558,000	3,257,000	103	127
General education	12,294,000	13,931,000	16,000,000	113	115
New selections for secondary-vocational training	49,200	55,000	60,000	112	109
New selections for training	250,000	300,000	340,000	120	113
University new enrolment	24,000	30,000	35,000	125	116
M.A. training	1,300	1,500	2,000	115	130
Ph.D. training	900	1,000	1,000	110	110

Heading for the 21st century, Vietnam is strongly determined to observe its human strategy, to invest more in human resource development through various programmes, such as popularization of primary education, better people's health care and development of science and technology by the year 2000 etc... At present, Vietnam's average per capita income ranks 150th among 173 countries, average life expectancy is lower than that in some other countries. Yet, Vietnam's strategy for human development will surely give impetus to a swift change. One of the solutions is to enhance knowledge. According to UNDP, in 1993, Vietnam's index of knowledge was 2.10, approximately equal to that of Thailand, and having surpassed those of Malaysia, China etc... This orientation clearly indicates Vietnam's views on man : man is both the objective of and the impetus to socio-economic development.

tế ở Việt Nam được phác họa như sau :

Năm	1994	1995	2000	2010
Cơ cấu GDP (%)				
_ Nông nghiệp	28,7	34,17	26,26	14,28
_ Công nghiệp	29,6	22,58	28,01	40,04
_ Dịch vụ	41,6	43,25	45,72	45,68

Nhịp độ tăng trưởng dự kiến sẽ là :

Nông nghiệp : 4,5 - 5%
Công nghiệp : 13,0 - 15,0%
Dịch vụ : 9,0 - 11,0%

Sự tăng trưởng kinh tế sẽ là điều kiện để lĩnh vực đào tạo con người phát triển mạnh.

Hoa hậu Báo Tiền Phong 1994
Miss Tien Phong Newspaper, 1994

Hình thức đào tạo	1991	1995	2000	So sánh %	
				3/2	4/3
1	2	3	4	5	6
Giáo dục mầm non	2.493.000	2.558.000	3.257.000	103	127
Giáo dục phổ thông	12.294.000	13.931.000	16.000.000	113	115
Tuyển mới đào tạo trung học chuyên nghiệp	49.200	55.000	60.000	112	109
Tuyển mới đào tạo công nhân kỹ thuật	250.000	300.000	340.000	120	113
Tuyển mới đại học	24.000	30.000	35.000	125	116
Đào tạo thạc sĩ	1.300	1.500	2.000	115	130
Đào tạo tiến sĩ	900	1.000	1.000	110	100

Hướng đến thế kỷ XXI, Việt Nam quyết tâm thực hiện chiến lược con người, đầu tư mạnh hơn nữa cho con người thông qua các chương trình như: phổ cập giáo dục tiểu học đến năm 2000, sức khỏe của nhân dân năm 2000, phát triển khoa học, công nghệ đến năm 2000 v.v... Hiện nay thu nhập bình quân của Việt Nam mới được xếp thứ 150 trong tổng số 173 nước, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam còn thua một số nước. Nhưng chiến lược phát triển con người của Việt Nam sẽ nhất định tạo ra động lực đủ để tăng tốc. Một trong những giải pháp là nâng cao trình độ học vấn. Theo UNDP, năm 1993, chỉ số học vấn ở Việt Nam là 2,10, xấp xỉ với Thái Lan và vượt Malaysia, Trung Quốc v.v.. Hướng đi này thể hiện rất rõ quan điểm về con người ở Việt Nam : Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Từ năm 1986, Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, một bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước.

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của đường lối đổi mới và Hiến pháp năm 1992, Nhà nước Việt Nam đã cụ thể hóa thành một hệ thống các quan điểm cụ thể về chính sách xã hội.

Phát triển xã hội và tiến bộ xã hội là những vấn đề có tính toàn cầu. Trong mỗi thời đại, có những vấn đề nổi cộm, đòi hỏi được lý giải và giải quyết bằng những chính sách xã hội cụ thể thích hợp. Hiện nay, toàn cầu quan tâm tới chống đói nghèo, mở rộng việc làm, tạo ra mạng lưới an ninh xã hội, hoà nhập cộng đồng, phòng chống tệ nạn xã hội. Ở Việt Nam, đó cũng là những vấn đề cần được quan tâm giải quyết. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, mỗi quốc gia phải tự giải quyết các vấn đề xã hội của mình theo chính sách riêng phù hợp. Bối cảnh đổi mới ở Việt Nam đòi hỏi cùng với đổi mới cơ chế và chính sách kinh tế, phải đổi mới cơ chế và chính sách xã hội phù hợp các quy luật khách quan. Đây là vấn đề rất mới, phức tạp và khó khăn. Vì vậy, để có thể quyết định một chính sách xã hội đúng đắn, phải có những căn cứ khoa học rút ra từ việc nghiên cứu nghiêm túc, đồng thời phải có những luận cứ thực tiễn rút ra từ việc tổng kết đời sống xã hội. Hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam được xây dựng trên nền tảng lấy con người làm trung tâm, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân và toàn thể cộng đồng dân tộc, và phục vụ lợi ích của con người ; thực hiện công bằng xã hội. Chính sách xã hội, do đó, tạo lập ổn định xã hội và định hướng cho sự phát triển của đất nước.

Chính sách xã hội gắn hữu cơ với chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước. Giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội và thúc đẩy tiến bộ xã hội có mối quan hệ biện chứng. Chính trên mối quan hệ đó để lựa chọn mô hình phát triển của đất nước và hoạch định chính sách xã hội. Phải kết hợp ngay từ đầu chính sách kinh tế và chính sách xã hội (thực chất là giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội), và kết hợp hài hoà trong từng bước phát triển. Một chính sách kinh tế phải tìm được động lực trong xã hội, bảo đảm ổn định xã hội, không chạy theo kinh tế thị trường tự do đơn thuần, làm kinh tế với bất cứ giá nào mà không tính đến hậu quả về mặt xã hội ; ngược lại, một chính sách xã hội phải hướng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế và phù hợp với điều kiện kinh tế cho phép. Phải coi đầu tư vào phát triển xã hội là điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự phát triển kinh tế.

Thực tế ở Việt Nam cho thấy, các chính sách đối với người có công với đất nước có vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ các chính sách xã hội. Nguyên tắc công bằng là nguyên tắc cao nhất trong cân đối mặt bằng chính sách xã hội. Nguyên tắc này đảm bảo sự hài hoà trong quan hệ xã hội, trước hết là quan hệ lợi ích, để không làm triệt tiêu động lực phát triển kinh tế - xã hội do chủ nghĩa bình quân gây nên, cũng không tạo ra chênh lệch quá đáng, dẫn đến

Social Policies

IN THE PROCESS OF RENOVATION

Since 1986, Vietnam has embarked upon a process of comprehensive renovation, a turning point in the construction and development of the country. Proceeding from the fundamental points of the renovation policy and of the 1992 Constitution, the State of Vietnam has set forth specific guide lines on social policies.

Social development and social progress are issues of global significance. Each period of history has dominant problems that require explanations and solutions through specific and appropriate social policies. At present, the whole world is focusing on alleviating poverty and hunger, creating employment, ensuring social security, integrating with the community and getting rid of social evils. In Vietnam, these are also problems to which due attention must be paid and solution must be found. As indicated by world experiences, each nation has to find solutions to their social problems through specific and suitable policies. The renovation of Vietnam requires the reforms of economic mechanism and policies along with the renewal of social mechanism and policies in accordance with objective laws. This is a new, complex and difficult problem. Therefore, the formulation of correct social policies must be based on careful scientific considerations and on specific social charateristics. The social policies of Vietnam are based and focus on humans as central concern, on developing individual capabilities and those of the entire nation, and on serving human and realizing social justice. As a result, social policies have brought about social stability and helped orient national development.

Social policies are closely linked to the strategy for socio-economic stability and development and the industrialization and modernization of the country. There exist dialectical relationships between economic growth, the realization of social equality and the promotion of social progress. These relationships serve as foundation for the choice of the pattern of national development and the formulation of social policies. Right from the start, economic and social policies must be coordinated (in fact, this being the coordination between economic growth and the realization of social equality), and this

Đại hội các bà mẹ Việt Nam anh hùng / The Meeting of Vietnamese heroic-mothers

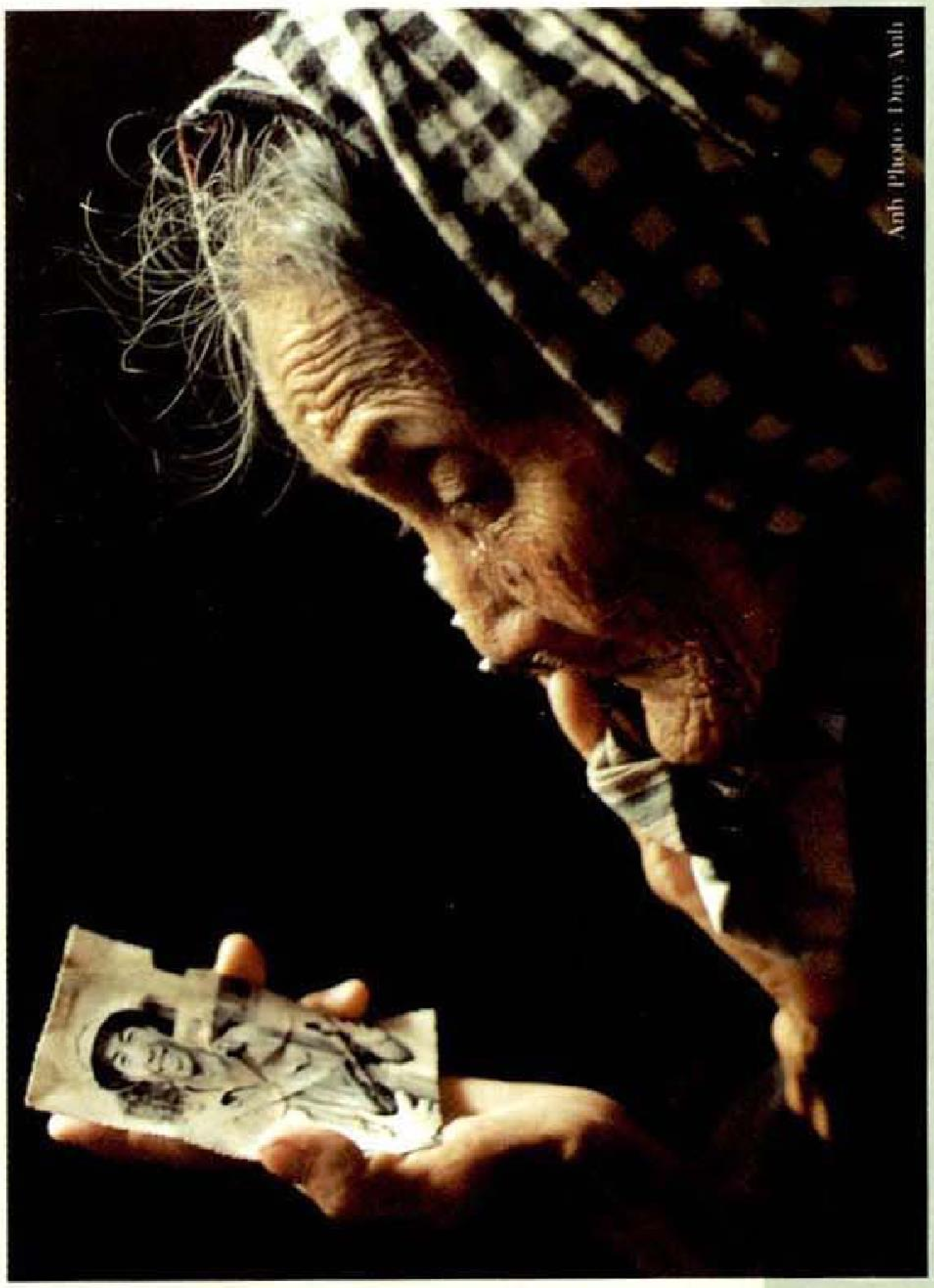

Kỷ vật của Mẹ
Mum's keepsake

bất công, gây ra những "điểm nóng" về mặt xã hội. Một hệ thống chính sách xã hội được xây dựng trên những nguyên tắc cơ bản đó, sẽ có vai trò như "bà đỡ" để các nhóm dân cư bị thiệt thòi có thể hoà được vào cộng đồng xã hội. Làm cho các chính sách xã hội phát triển được một cách thuận lợi là điều không phải giản đơn, xét cả từ góc độ đầu tư cũng như từ góc độ quản lý.

Thực hiện các chính sách xã hội phải thông qua các chương trình dự án tầm quốc gia, định rõ mục tiêu, lồng ghép vào các chương trình, dự án kinh tế xã hội khác, phải xác định các cơ chế vận hành phù hợp cho từng loại chương trình, dự án xã hội, đảm bảo nguyên tắc các nguồn tài chính đến đúng mục tiêu, đối tượng và có hiệu quả.

Trong quá trình đưa chính sách xã hội vào cuộc sống, phải nắm vững ba khâu then chốt : tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước ; phát huy sức mạnh cộng đồng và xã hội hoá các công tác xã hội ; bản thân các đối tượng hưởng chính sách xã hội vươn lên hội nhập cộng đồng. Phải coi trọng các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các xã, phường, bản, làng, vì đây là cái cầu nối giữa mọi chính sách xã hội với nhân dân. Đây cũng là

combination must be carried out in harmony with each stage of development. Economic policies must have social implication which ensure social security, avoid the pursuit of a uniquely free market economy or economic profits regardless of social consequences. In return, social policies must help promote economic development, and be suitable to existing economic conditions. Investments in social development must be considered prerequisites to economic development.

As the realities in Vietnam have shown, policies towards people who have done good services to the country are of great significance in the whole system of social policies. The principle of equality is the top priority in developing social policies. This principle ensures harmony in social relationships, first of all, in the relations of interests and helps to prevent egalitarianism from discouraging the driving force of economic development. Differences, injustice and social "hot spots" will be reduced. A system of social policies based on these fundamental principles will serve as a "midwife" who helps the socially handicapped people (the disabled persons) integrate with the social community. It is not easy to carry out social policies smoothly in terms of investments and management.

Social policies must be carried out through projects on a national scale with clearly defined objectives. Social policies must be included into other socio-economic projects and programmes. An operational mechanism appropriate for each category of socio-economic projects must be specified so that financial resources will be effectively and appropriately used.

If social policies are to be brought into real life, three key factors must be fully realized. First, the State management must be enhanced. Second, the strength of the community must be brought into full play and social

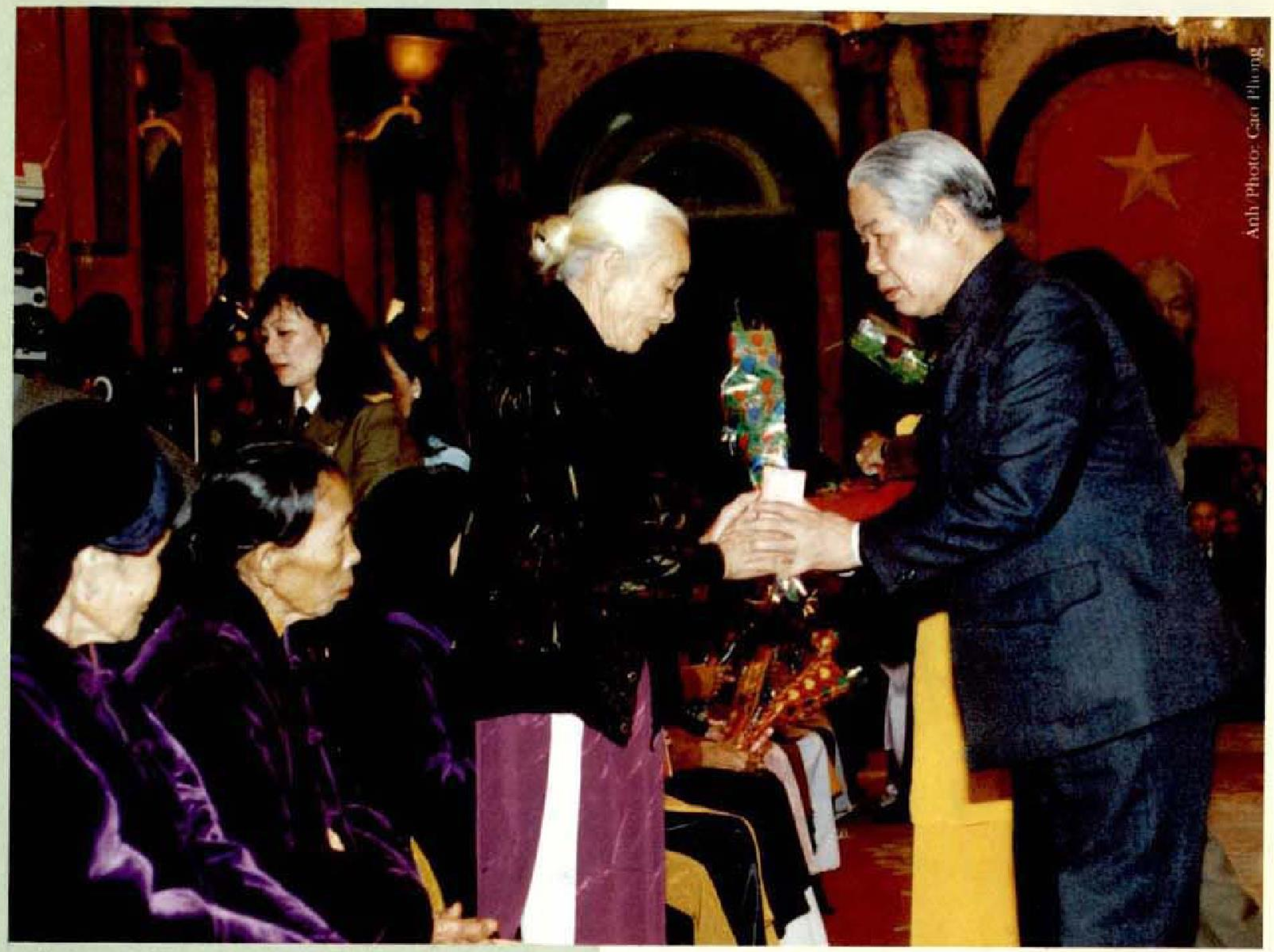

Tổng Bí thư Đỗ Mười tặng hoa các bà mẹ Việt Nam anh hùng
General Secretary Do Muoi presenting Vietnamese heroic-mothers with flowers

activities must be socialized. Third, the beneficiaries of social policies should strive to integrate with the community. Due attention must be paid to political and social organizations, to rural areas, and town districts, since they are the bridges between social policies and the people. These factors, which represent the guide lines for action, stem from the tradition of the Vietnamese nation.

A tendency that has become increasingly evident in the world is that the States are playing ever more important roles in shaping and implementing social policies. This requires, first of all, the building of a State ruling by laws, a State of the people, by the people and for the people. The State plays a key role in the materialization of social policies, defining and legalizing the objectives, setting up institutions and mechanisms for their implementation and ensure that they will be correctly and effectively applied. These are crucial issues that must be solved, if social policies are to be brought into actual life.

In addition to economic growth, the reno-

phương châm hành động, bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Một xu hướng ngày càng hiện rõ trên phạm vi toàn cầu là, Nhà nước ngày càng có vai trò quan trọng hơn trong xây dựng, quản lý các chính sách xã hội. Điều đó đòi hỏi trước hết phải xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Vai trò then chốt của Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách xã hội là thể chế hoá mục tiêu, mô hình hoá thiết chế và cơ chế vận hành chính sách xã hội đến đúng mục tiêu, đối tượng và hiệu quả. Đó là những vấn đề cốt yếu để đưa được chính sách xã hội vào cuộc sống.

Cùng với những kết quả về kinh tế, công cuộc đổi mới những năm qua đã đạt được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ về phát triển xã hội, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển. Thể hiện rõ nhất là *tính năng động xã hội được phát huy, đời sống của đa số nhân dân được cải thiện*, các hoạt động xã hội được đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Trước kia, trong cơ chế bao cấp và phân phối bình quân, mọi người thường trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể. Giờ đây, trong điều kiện

vation policy in recent years has brought about encouraging achievements in social development. They have contributed to the stabilization of the socio-political situation and to the promotion of economic development. The fact that social activities have dynamically developed is most evident. *The living standards of the majority of the people have improved.* In the past, with the subsidized and egalitarian distribution system, individuals used to rely on the State. At present, in the multi-component market economy, individuals must make every effort to make use of their sources of capital, work experience and expertise to take care of their own life and their families and at the same time contribute to national construction. As a result, fundamental changes have taken place, promoting various forms of social activities.

As indicated in a survey by the General Department of Statistics in 1993, 51.7% of the households in the country have better living standards as compared with 1990, and 30.7% of the households believe that their living conditions remain unchanged.

Besides, *the State investments in social fields has steadily gone up.* The recent economic achievements have enabled the government to mobilize new financial, material and labour resources for social projects of larger scales. The funds allocated for social activities account for 24.4 to 28.4% of the State budget. These include the expenditures for population control and family planning, health care, education and training, social sponsorship, employment generation, for overcoming the consequences of natural calamities, protecting the environment, alleviating and reducing the number of poor households and preventing and getting rid of social evils. Thanks to the support of the people and the increased funds of the State, many achievements have been recorded in social affairs.

1. *Population control and family planning:*

In recent years, population control and family planning has been one of the major national programmes. The universal education on population control with the family planning services brought down to villages, communes and districts have increased the percentage of couples willing to avoid pregnancy from 44% in 1991 to 51% in 1993 and the raw birth rate has reduced from 30.4% in 1991 to 28.5% in 1993. The average number of children per woman of child bearing age has gone down from 4 in 1989 in 1993 to 3.6.

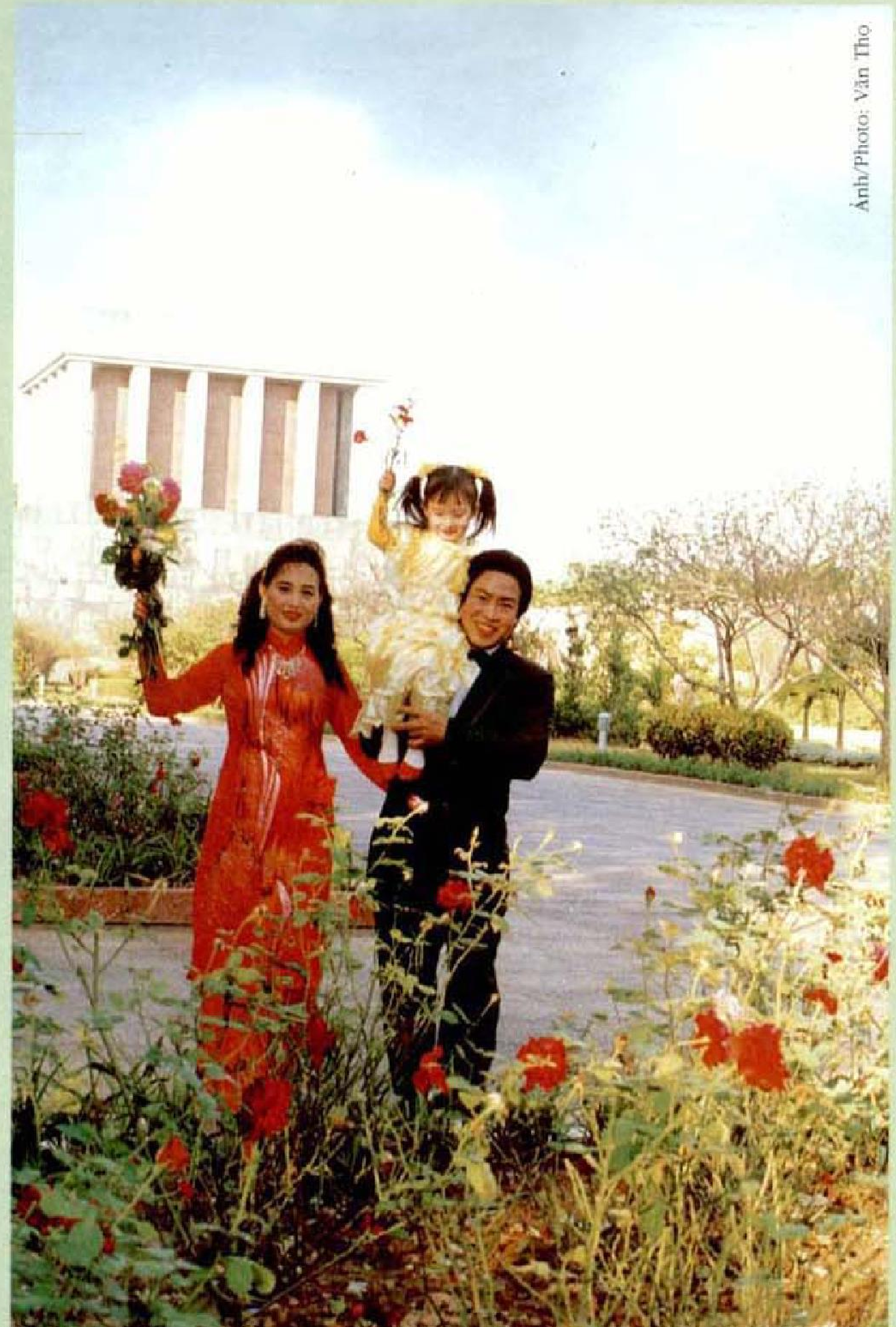

Ảnh/Photo: Văn Thọ

Một gia đình đoạt giải thi "Gia đình hạnh phúc" thành phố Hà Nội

A family who won the competition "A happy family" of Ha Noi City

kinh tế thị trường nhiều thành phần, mọi người phải tìm cách khai thác các tiềm năng về vốn, lao động, kinh nghiệm và sự hiểu biết để lo liệu cuộc sống cho mình và gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước. Nhờ đó, có những chuyển biến căn bản, thúc đẩy các hình thức hoạt động xã hội.

Theo số liệu điều tra do Tổng cục Thống kê tiến hành năm 1993, cả nước có 51,7% gia đình tự đánh giá có mức sống khá lên so với năm 1990, 30,7% gia đình tự đánh giá có mức sống như cũ, không thay đổi.

Mặt khác, *đầu tư của Nhà nước cho các lĩnh vực xã hội tăng dần.* Kết quả về phát triển kinh tế những năm qua đã cho phép Chính phủ huy động được nhiều nguồn lực mới (cả về tài chính, vật chất và nhân lực) để đầu tư cho các lĩnh vực xã hội ngày một tăng. Tỷ trọng chi cho các lĩnh vực xã hội chiếm từ 24,4% đến 28,4% tổng ngân sách Nhà nước, bao gồm : chi cho dân số - kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khoẻ, giáo dục và đào tạo, bảo trợ xã hội, tạo việc làm, bảo vệ môi trường, khắc phục thiên tai, giảm nhẹ và thu hẹp diện các hộ đói nghèo, phòng chống các tệ nạn xã hội.

Nhờ sự hỗ trợ của nhân dân và sự tăng cường đầu tư của Nhà nước, các lĩnh vực xã hội đã đạt được một số thành tựu :

1. *Về dân số - kế hoạch hoá gia đình* : Trong những năm gần đây, dân số - kế hoạch hoá gia đình đã trở thành một trong những chương trình quốc gia lớn nhất của đất nước. Việc mở rộng giáo dục truyền thông dân số kết hợp với dịch vụ kế hoạch hoá gia đình được đưa xuống tận xã phường đã nâng tỷ lệ các cặp vợ chồng tự nguyện chấp nhận các biện pháp tránh thai từ 44% năm 1991 lên 51% năm 1993; tỷ lệ sinh thô của dân số từ 30,4% năm 1991 giảm xuống 28,5% năm 1993; số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ 4 con năm 1989 xuống còn 3,6% con năm 1993.

2. *Về giải quyết việc làm* : Những năm gần đây, người lao động không chờ đợi Nhà nước bố trí, sắp xếp việc làm, mà họ chủ động tạo việc làm cho mình và cho người khác trong môi trường kinh tế - xã hội, luật pháp thuận lợi do Nhà nước tạo ra. Nhà nước đã ban hành cơ chế, chính sách, luật pháp bảo đảm cho người lao động tự do hành nghề, liên doanh, liên kết, hợp tác và tự do thuê mướn lao động. Khuyến khích phát triển các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hộ gia đình để tạo ra nhiều chỗ làm việc mới. Nhà nước còn có chính sách hỗ trợ như xây dựng chương trình quốc gia giải quyết việc làm và lập quỹ hỗ trợ việc làm. Cùng với các cố gắng của Nhà nước, các đoàn thể, hội quần chúng như : Phụ nữ, Thanh niên, Tổng liên đoàn Lao động, Hội Nông dân v.v... cũng đã tham gia rất tích cực vào việc giải quyết việc làm cho hội viên của mình với các hình thức phong phú như : Phụ nữ nghèo giúp nhau làm kinh tế ; Quỹ thanh niên lập nghiệp v.v... Do đó, việc giải quyết việc làm đã có những chuyển biến quan trọng. Trong 4 năm qua (1991-1994), bình quân mỗi năm đã tạo việc làm cho trên 1 triệu người. Số lao động không có việc làm trong tổng số lực lượng lao động xã hội đã giảm từ 8-9% năm 1990 còn khoảng 6-7% năm 1994.

2. *The provision of employment*

In recent years, workers do not only rely on the State for jobs. They look for employment in favourable social, economic and legal circumstances created by the State. The State has introduced regulations, policies and laws to ensure that workers are free to practise their trades, enter into joint ventures, integrate or cooperate with one another, and to hire labour force, thus encouraging the creation and development of small and medium-size enterprises and family economies in order to create new employment. The State has also taken measures, such as the implementation of national programmes to generate more employment or the allocation of funds to help job seekers. Along with the State efforts, mass organizations, such as women and youth associations, trade unions, and peasants' associations have been actively engaged in seeking employment for their respective members. For instance, poor women help each other to do business, the youth raise funds for vocational training etc. As a result, significant gains have been obtained in the generation of employment.

3. *Social sponsorship*

The people receiving support under the social sponsorship programme account for 6.7% of the population, a large percentage of whom have made worthy contributions to the national defence and national construction. The social sponsorship policy pursued by Vietnam in recent years reflects the profound sense of "showing gratitude for the source while drinking water" and constitutes a great social policy. In the 1991-1994 period, the State funds for social sponsorship increased four times. Besides, the community also made contributions through the "movements to show gratitude", for

instance, building "gratitude houses" or conferring savings books etc. Thanks to these activities, the assistance to the beneficiaries of the sponsorship policy in 1994 increased two times as compared with that of 1990. As a result, the lives of these people have been stabilized.

4. *The eradication of starvation and reduction of poverty*

The market economy has led to economic growth. However, it has also created the polarization of incomes in society. A section of the population have enriched themselves while others have fallen into poverty. This is an acute social problem that must be solved. To this end, apart from encouraging every person to enrich himself in legal ways, the government of Vietnam has carried out policy of eradicating starvation and alleviating poverty. So far, 43 out of 53 provinces and cities in the country have worked out the programmes aimed at doing away with famine and alleviating poverty with a total investment of 1-2% of local budgets. From 1991 to 1994, the Bank for Agricultural Development provided loans to 35% of farming households with low interest rates so that they can increase their incomes. The provision by the government of four items free of charge, i.e., iodized salt, kerosene, note-books for pupils and medicine, has alleviated the hardships of the people in mountainous regions.

In general, in recent years, much attention has been paid to various aspects of social development both in scope and quality. As a result, initial achievements have been obtained. Although they have not met all the requirements of daily life, they have partly improved the people's life, thus, contributing to the socio-economic stability and to laying the foundation for future developments.

As has been mentioned, although some initial encouraging results have been scored in socio-economic development, Vietnam still has to overcome numerous, great difficulties and challenges in the process of renovation.

Economically, Vietnam is still a poor country. (According to the UNDP report in 1994, Vietnam's GDP per capita ranked 150th among 173 countries. If the indices for labour force development are taken into account, Vietnam is placed 116th among 173 countries). In addition to that, the infrastructure of the country is still to be developed. The country still needs more qualified personnel, especially

3. *Về bảo đảm xã hội* : Số người thuộc diện bảo đảm xã hội hàng năm lên 6-7% dân số, chủ yếu là những người có công trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước. Chính sách bảo đảm xã hội của Việt Nam những năm quả thể hiện tình cảm sâu nặng "uống nước nhớ nguồn", và là một chính sách xã hội lớn. Trong thời gian 1991 - 1994, ngân sách Nhà nước chi cho bảo đảm xã hội tăng 4 lần, ngoài ra còn có sự tham gia của cộng đồng thông qua phong trào đền ơn đáp nghĩa như : làm nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm... Nhờ đó, mức trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội năm 1994 đã tăng lên gần gấp 2 lần so với năm 1990, góp phần ổn định đời sống cho các đối tượng này.

4. *Về xóa đói giảm nghèo* : Việc chuyển sang nền kinh tế thị trường, tuy đã đạt được sự tăng trưởng kinh tế, nhưng đồng thời cũng làm xuất hiện hiện tượng phân cực về thu nhập : một bộ phận dân cư giàu lên, còn một nhóm dân cư rơi vào tình trạng nghèo khổ. Đây là vấn đề xã hội gay gắt cần được tập trung giải quyết. Đi đôi với việc khuyến khích mọi người dân làm giàu hợp pháp, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo. Đến nay, đã có 44/53 tỉnh, thành phố trong cả nước xây dựng được chương trình xóa đói, giảm nghèo với tổng số vốn từ 1-2% ngân sách ở địa phương. Từ 1991-1994, Ngân hàng phát triển Nông nghiệp đã cho 35% tổng số hộ nông dân vay vốn với lãi suất thấp để phát triển sản xuất, tăng thu nhập. Việc Chính phủ cấp không 4 mặt hàng : muối iốt, dầu thắp sáng, vở học sinh, thuốc chữa bệnh cho các huyện vùng cao, đã giảm bớt nhiều khó khăn của các hộ nghèo.

Nhìn chung, trong những năm qua, các lĩnh vực phát triển xã hội được chú ý đẩy mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu, đã thu được một số kết quả bước đầu, tuy chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình thực tế đặt ra, song cũng đã cải thiện được một bước đời sống nhân dân, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo đà cho những bước phát triển tiếp theo.

Những thành tích bước đầu về kinh tế - xã hội là đáng khích lệ, song trên con đường đổi mới, Việt Nam còn phải vượt qua nhiều khó khăn, thử thách lớn :

Về kinh tế : Việt Nam vẫn còn là nước nghèo, (theo báo cáo của UNDP năm 1994, mức GDP bình quân đầu người của Việt Nam đứng thứ 150/173 nước, nếu tính thêm các chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực thì đứng thứ 116/173 nước). Thêm vào đó là sự yếu kém của kết cấu hạ tầng, sự thiếu hụt về đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ quản lý. Nhìn chung, do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc, nên ***nguy cơ tụt***

hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và thế giới đang là thách thức lớn đối với Việt Nam hiện nay.

Về xã hội : Vấn đề xã hội nóng bỏng hiện nay là số người không có hoặc thiếu việc làm còn rất đông, nhất là số thanh niên đến tuổi lao động, trong khi tỷ lệ tăng dân số vẫn còn ở mức cao (2,2%). Đó là nhân tố cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em vẫn còn cao (42%). Các bệnh xã hội như sốt rét, lao, phong, bướu cổ còn khá phổ biến trong cả nước, nhất là ở các tỉnh miền núi. Hậu quả của chiến tranh ác liệt kéo dài 30 năm đã để lại hơn 4 triệu người thương tật và tàn phế, hơn 1 triệu người già bị mất nguồn nuôi dưỡng do con cái chết trong chiến tranh, trên 300.000 trẻ em mồ côi, và nhiều nạn nhân khác bị bệnh tâm thần, dị tật chưa điều tra hết. Việc chuyển sang nền kinh tế thị trường và mở cửa, ngoài những kết quả tích cực về tăng trưởng kinh tế cũng đã làm nảy sinh những

managers. Due to the fact that Vietnam has started its development process from a very low level, economic growth remains unsteady and *the threat of lagging further* behind other countries in the region and the world constitutes a great challenge to the country.

With regards to *social affairs*, a large number of jobless people, especially young persons of working age, now represent a burning matter. Meanwhile, the birth rate still remains high (2.2%), which hinders socio-economic development and the improvement of living standards. The percentage of children who still suffer from malnutrition is by no means small (42%). Such diseases as malaria, tuberculosis, leprosy, goiter are still a problem throughout the country, especially in the mountainous areas. Thirty years of war have left heavy consequences with 4 million wounded and disabled persons. Over 1 million parents have lost their children during the war, over 300,000 children turned orphans. Many people suffer from mental diseases and strange deformities which have not yet been fully investigated. Although the shift to the open-door policy and the market economy has led to social achievements and economic growth, it has also created new and complex social problems, such as new social differentiation, polarization of incomes and living standards, in both rural and urban areas, increase of social evils, especially the appearance of AIDS never seen in Vietnam before. The difficulties due to the abolition and reduction of the subsidized system have been largely overcome. However, retired officials, poor persons, women, ethnic minorities etc. are still faced with many problems that need solving.

Beside difficulties and challenges, there are also good opportunities and favorable conditions for Vietnam. Traditionally, the Vietnamese people

Ảnh/Photo: Nguyệt Cầm

Nuôi ngọc trai / Growing pearls

have a deep sense of community, national unity and the strong custom of mutual assistance and care. Compared with other countries, Vietnam has attained a high educational level that is reflected by the relatively low percentage of illiteracy. Situated in an economically dynamic region of the world, and having just started its development process, Vietnam can learn from the experiences of the countries that have developed earlier. The Vietnamese government has realized the importance of the solutions to social problem in the overall development of the country. The economic growth rate of Vietnam, which has been fairly high in recent years, (8- 9% annually) serves as an important base for the implementation of social policies.

On the basis of the strategy for stability and socio-economic development to the year 2000, the strategy for social development from now to the year 2000 and the first years of the 21st century may be outlined as follows.

THE GENERAL OBJECTIVES

At present, Vietnam is entering a new stage of development with a view to speeding up the economic growth rate, further advancing towards industrialization and modernization so that poverty and backwardness can be soon overcome and the gap in development between Vietnam and other countries in the region gradually narrowed. Vietnam will step by step attain the objectives of enriching the people and turning the country into a strong, just and civilized society.

The strategy of social development of Vietnam to the year 2000 is closely linked to that of economic development. Broadly speaking, it is also closely related to the strategy of cultural development and environmental protection to ensure healthy, harmonious and stable development. This is a strategy for development of the people and by the people. It focuses on the care of the people, developing and bringing into full play human factors, regarding man as the greatest driving force for social development and the creator of all the material and spiritual life of society. This strategy considers the welfare, freedom and happiness of the people as the highest objective to be realized.

vấn đề xã hội mới, phức tạp như : sự phân tầng xã hội, phân hoá về thu nhập và mức sống diễn ra ở cả thành thị và nông thôn ; các tệ nạn xã hội tăng lên, đặc biệt là căn bệnh thế kỷ AIDS trước đây chưa có ở Việt Nam thì nay đã xuất hiện. Những hẫng hụt của nhân dân trong việc xóa bỏ và giảm bớt chế độ bao cấp tuy đã được khắc phục nhiều, nhưng đối với các đối tượng như người về hưu, người nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số v.v.. vẫn còn gặp nhiều khó khăn cần được tiếp tục giải quyết.

Bên cạnh khó khăn và thử thách, Việt Nam cũng có nhiều thuận lợi và cơ may : Nhân dân Việt Nam vốn có ý thức cộng đồng sâu sắc, truyền thống đoàn kết rộng rãi và tinh thần tương trợ, đùm bọc lẫn nhau. So với nhiều nước, trình độ dân trí của nhân dân, thể hiện ở tỷ lệ số người biết chữ, tương đối cao. Việt Nam lại nằm ở khu vực phát triển năng động của thế giới, là nước đi sau nên có thể học hỏi nhiều kinh nghiệm của các nước đi trước. Chính phủ Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của việc giải quyết các vấn đề xã hội trong sự phát triển chung của đất nước. Kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá (8-9%/năm), đây là cơ sở rất quan trọng để thực hiện các chính sách xã hội.

Trên cơ sở chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, có thể phác họa chiến lược phát triển xã hội đến năm 2000 và những năm đầu của thế kỷ XXI, như sau :

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Hiện nay, Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới : Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm sớm khắc phục tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước trong khu vực, tiến tới thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Chiến lược phát triển xã hội của Việt Nam đến năm 2000 và những năm tiếp theo gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế. Trên một ý nghĩa rộng lớn hơn, nó còn có quan hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường vì sự phát triển *lành mạnh, hài hoà và bền vững*. Đó là chiến lược phát triển vì nhân dân và do nhân dân. Chiến lược đó đặt trọng tâm vào việc chăm lo, bồi dưỡng, phát huy cao độ nhân tố con người, xem con người là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội, đồng thời coi ấm no, tự do, hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất.

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI NHỮNG LĨNH VỰC XÃ HỘI CHỦ YẾU

Xuất phát từ thực tế của đất nước, Chính phủ Việt Nam đề ra kế hoạch hành động trên những vấn đề xã hội lớn sau đây :

1. MỞ RỘNG VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực của Việt Nam năm 1994 có khoảng 38,2 triệu người. Trong khoảng thời gian 1996-2000 mỗi năm sẽ tăng tự nhiên thêm 1 triệu người, và dự báo số cần giải quyết việc làm trong thời gian này là khoảng 7 triệu lao động (chưa kể số người thiếu việc làm ở nông thôn).

Rõ ràng, giải quyết việc làm cho người lao động vừa là vấn đề cấp bách trước mắt, vừa là vấn đề có tính chiến lược lâu dài của Việt Nam.

Việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội tổng hợp, chứ không chỉ là vấn đề kinh tế hay xã hội đơn thuần. Do đó, giải quyết việc làm phải gắn rất chặt và được thực hiện thông qua các chương trình phát triển kinh tế nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng, đồng thời cũng qua đó giảm dần tỷ lệ thất nghiệp, thu hẹp diện thiếu việc làm, đảm bảo ổn định và an toàn xã hội.

Giải quyết việc làm phải hướng vào mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, cần đa dạng hoá các hình thức giải quyết việc làm theo quan điểm : "mọi hoạt động lao động tạo ra thu nhập, không bị pháp luật cấm, đều được thừa nhận là việc làm". Bộ Luật lao động vừa được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn đã khẳng định : tạo thị trường lao động, đảm bảo cho mọi người lao động được tự do hành nghề, tự do thuê mướn nhân công, phát huy khả năng tự tạo việc làm và phát triển việc làm trong khuôn khổ luật pháp.

Đối tượng cấp bách cần giải quyết việc làm hiện nay là thanh niên đến tuổi lao động chưa có việc làm. Chính phủ Việt Nam đã xây dựng và đang thực hiện Chương trình tổng thể quốc gia về giải quyết việc làm. Chương trình này có mục tiêu từ nay đến năm 2000 bình quân mỗi năm tạo việc làm cho khoảng 1,2 -1,3 triệu lao động. Ngoài việc thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thông qua hệ thống cơ chế và chính sách khuyến khích dân đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ để tạo thêm việc làm mới, Chính phủ còn đầu tư

THE OBJECTIVES AND SOLUTIONS TO ESSENTIAL SOCIAL PROBLEMS

Proceeding from the actual conditions of the country, the government of Vietnam has set forth a programme for action concerning major social problems. This programme is as follows.

1. CREATION OF JOBS

The labour force of Vietnam in 1994 stood at 38.2 millions. From 1996 to the year 2000, this figure is expected to increase each year by one million, so the number of people who need employment during this period is expected to reach 7 millions (excluding those who are not fully employed in rural areas).

Obviously, the creation of jobs for workers is not only urgent in the immediate future, it represents a long-term question of strategic nature as well.

The question of employment is a complex socio-economic problem. It is not simply a question of economic or social nature. Therefore, the creation of employment must be linked to and settled through the implementation of economic projects designed to speed up economic growth. In return, economic growth will reduce unemployment and the number of under-employed people, at the same time, ensure social stability and security.

The provision of jobs must be oriented to developing the labour force, effectively employing them and meeting the required transformation of the economic and labour structure in the process of industrialization and modernization. In the multi-component market economy, the provision of jobs must be diversified in accordance with the concept that : "Any labour that creates income and is in conformity with law, is recognized as an employment". The Labour Code that has just been passed by the National Assembly of Vietnam will help create labour markets, the freedom to practice trade and to employ workers, and to use one's capability to generate employment for oneself and for others in conformity with the law.

The jobless youths who have reached working age urgently need employment. Accordingly the government is implementing a programme for the provision of jobs to 1.2 - 1.3 million persons from now to the year 2000. In addition to the programme for socio-economic development and the mechanism and policies that encourage investments for increased pro-

duction and services to create more jobs, the government is investing in the following projects :

To cultivate fallow lands and bare hills and to promote the exploitation of marine resources. At present, Vietnam has about 13 million hectares of fallow lands, bare hills, and unused coastal plains. These areas have great potentials for generating long-term employment and for environmental protection. Every year now, the government allocates funds from domestic and foreign sources for the afforestation of 200,000 hectares, the reclamation of 40,000 - 50,000 hectares for the cultivation of industrial plants and fruit trees for export, building infrastructures, developing production, increasing the labour force for fishery and cultivation of sea products and speeding up the exploration of oil reserves at sea. Millions of new jobs can be created from now till the year 2000.

The establishment of national funds from the State budget and other sources for the generation of jobs and other purposes :

These funds are used to grant soft loans for small projects to support employment-generating bodies in organizing short-term vocational training. Employment bureaus also assist former employees in the State sector now transferred to other economic sectors because of changes in economic mechanism, etc. This is a new employment policy widely supported by the general public in Vietnam. The investment by the State is only an initial support to help the people get employed. Reality in recent years has shown that when the State investment is one, private investment is one to three times larger. This means that employment-generating funds are actually very large in the coming years.

The establishment of vocational training centers and job-generating offices.

The aim of these centers consists in vocational training, re-training and improving the workers' skills, so that they can meet the requirements of the market economy and the change in the present economic and labour structure. Through these centers, workers can increase their competitiveness on the markets and find jobs more easily. Employers can have a better choice in recruiting workers who meet the requirements of production and business. Every year, the State invests about 2 million US

thông qua các chương trình dự án cụ thể :

Thực hiện chương trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và đẩy mạnh khai thác tài nguyên biển. Hiện nay,Việt Nam có khoảng 13 triệu ha đất trống, đồi núi trọc và đất bồi ven biển chưa được sử dụng. Đây là một tiềm năng lớn để tạo việc làm lâu dài và bảo vệ môi trường. Chính phủ tập trung đầu tư bằng nguồn vốn trong nước và nước ngoài để hàng năm trồng mới khoảng 200.000 ha rừng, tập trung khai hoang từ 40.000 đến 50.000 ha đất nông nghiệp nhằm mở rộng các vùng cây công nghiệp và cây ăn quả xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng, mở mang sản xuất, thu hút lao động phát triển nghề đánh bắt và nuôi trồng thuỷ hải sản, đẩy mạnh thăm dò, khai thác các mỏ dầu khí dưới đáy biển, nhằm tạo thêm hàng triệu việc làm từ nay đến năm 2000.

Thành lập Quỹ quốc gia hỗ trợ giải quyết việc làm từ ngân sách Nhà nước và các nguồn khác, sử dụng theo các nội dung:

Cho vay theo các dự án nhỏ giải quyết việc làm với lãi suất ưu đãi ; đầu tư hỗ trợ các trung tâm xúc tiến việc làm để dạy nghề ngắn hạn và giới thiệu việc làm cho người lao động ; giúp đỡ những người lao động ở khu vực Nhà nước do thay đổi cơ chế phải chuyển sang các thành phần kinh tế khác v.v... Đây là một chính sách mới về giải quyết việc làm ở Việt Nam, được dư luận rộng rãi đồng tình, ủng hộ. Sự đầu tư của Nhà nước chỉ là trợ giúp ban đầu để dân tự tạo việc làm. Thực tế những năm qua cho thấy, vốn Nhà nước hỗ trợ là 1 thì dân đầu tư thêm 1 - 3, do đó Quỹ giải quyết việc làm, trên thực tế là rất lớn, và còn tiếp tục mở rộng trong những năm tới.

Hình thành hệ thống các trung tâm dạy nghề và xúc tiến việc làm. Nhiệm vụ của các trung tâm này là dạy nghề, đào tạo lại và hoàn thiện kỹ năng, nâng cao tay nghề cho người lao động, đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hiện nay. Thông qua các trung tâm này, người lao động có cơ hội tăng sức cạnh tranh của lao động trên thị trường và dễ dàng hơn trong khi tìm việc ; còn người sử dụng lao động cũng có điều kiện để tuyển chọn được lao động theo yêu cầu của sản xuất - kinh doanh. Hàng năm, Nhà nước đầu tư khoảng 2 triệu USD cho việc mở rộng các trung tâm này. Phấn đấu trong 2 - 3 năm tới mỗi tỉnh có ít nhất là một trung tâm xúc tiến việc làm để tạo điều kiện cho thị trường lao động hoạt động và phát triển.

Giải quyết việc làm thông qua các Chương trình viện trợ nhân đạo của nước ngoài, như Cộng hoà Séc, Cộng hoà Slôvakia, Cộng hoà Liên bang Đức và Liên minh châu Âu (EU)... cho những người

đi hợp tác lao động về nước trước thời hạn và những người vượt biên trái phép tự nguyện hồi hương. Chính phủ và các nước nói trên hiện nay đã viện trợ nhân đạo cho Việt Nam để tổ chức dạy nghề, đầu tư các dự án nhỏ về kết cấu hạ tầng và cho vay vốn tạo việc làm, ổn định đời sống và tái hoà nhập với cộng đồng của các đối tượng trên.

Khuyến khích các hội đoàn thể quần chúng như Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, Hội Nông dân và các hội nghề nghiệp khác tạo việc làm cho các hội viên bằng các nguồn vốn tự đóng góp của các hội. Ngoài ra, còn có nguồn tài trợ của ngân sách Nhà nước và viện trợ nhân đạo quốc tế. Các tổ chức quần chúng nói trên hàng năm đã tham gia tích cực và rất có trách nhiệm đối với các hội viên của mình về tìm kiếm việc làm.

Giải quyết việc làm cho các đối tượng tệ nạn xã hội, trước hết là những người nghiện hút ma túy và gái mại dâm. Chính phủ Việt Nam đã có hai Nghị định quan trọng : Nghị định 05/CP, ngày 29-1-1993 về phòng chống tệ nạn mại dâm và Nghị định 06/CP, ngày 29-1-1993 về phòng chống và

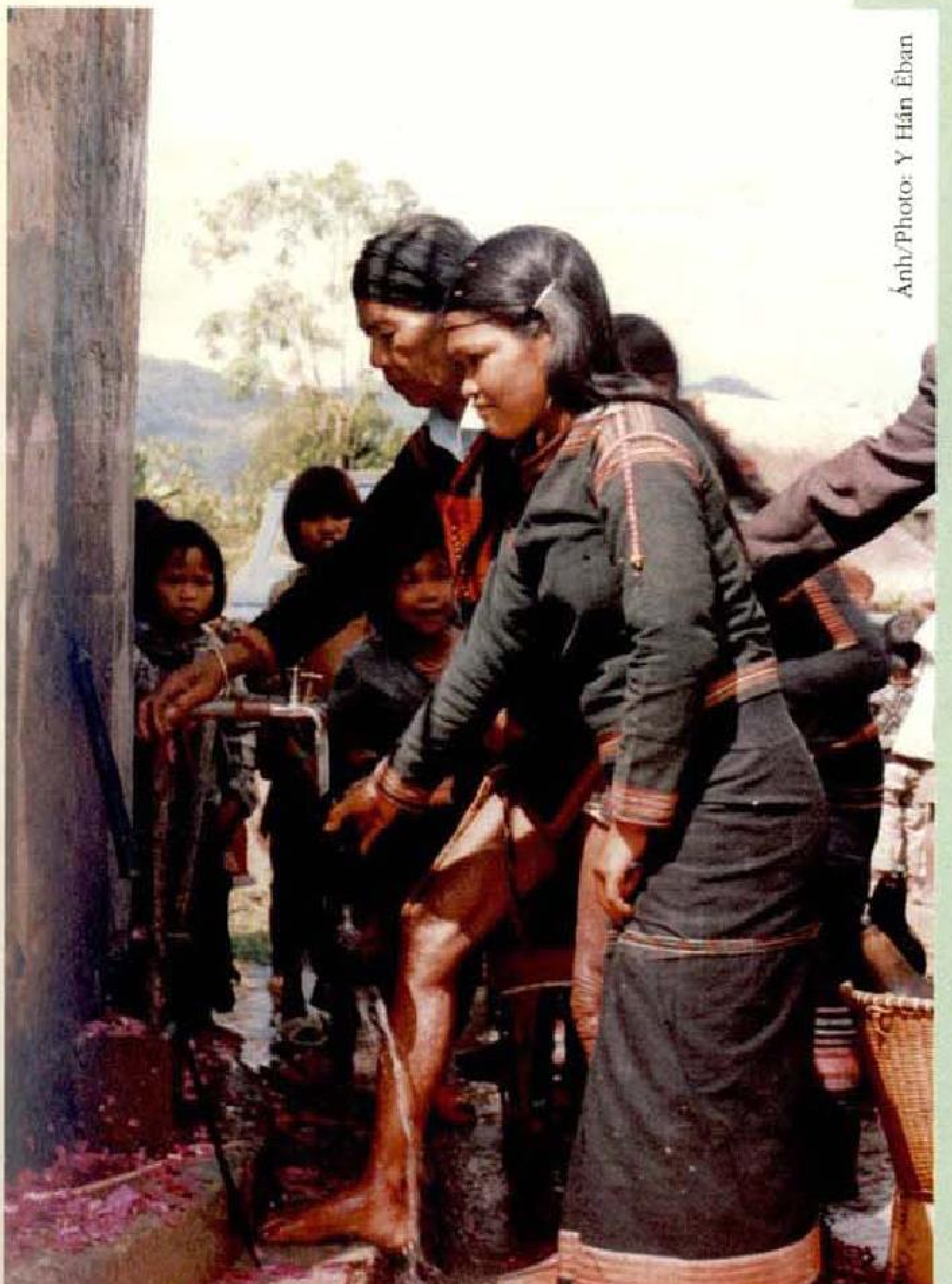

Ảnh/Photo: Y Hân Êban

Nước sạch lên đến vùng cao
Clean water has come to the highlands

dollars to improve these centers. It is expected that in the next 2-3 years, each province will have at least one job-generating center, so that the labour market can operate and develop.

To provide employment through humanitarian assistance programmes initiated by the Czech Republic, the Slovak Republic, the Federal Republic of Germany and the European Union... to support Vietnamese workers who return home before the end of their terms and illegal emigrants repatriated on a voluntary basis. These governments are providing humanitarian assistance to Vietnam in training, developing small infrastructure projects. They also provide loans for employment creation with a view to stabilizing the living conditions of these people and helping them re-integrate into the Vietnamese society.

To encourage mass organizations, such as the Youth Unions, the Women's organization, the Trade Unions, the Peasants Association and other professional organizations to create employment for their members with their self-generated funds, or funds from the State budget, or foreign humanitarian assistance. In fact, contributions have been made by these organizations with a high sense of responsibility for the purpose of employment creation.

Employment creation for victims of social evils, primarily drug addicts and prostitutes. To this end, the Government has issued two important Decrees - No. 05/CP dated January 29, 1993 on preventing and combating prostitution ; and No. 06/CP dated January 29, 1993 on drugs prevention and control. Both Decrees provide measures for information and educational work, medical treatment, job training and job creation, etc. Assistance from the State amount to 7 - 8 millions USD per annum, apart from mass organizations, enterprises and individuals, have been used to help the victims to undergo medical treatment, to learn skills, to find jobs and to integrate into society.

The eradication of starvation and the alleviation of poverty. Surveys carried out in 1993 on income and living conditions in the 53 provinces and major cities of the country showed that in general 20% of Vietnamese households were poor, with calorie intake being less than 2100 calories

per day per person. This is an urgent social problem which Vietnam must deal with the process of economic and social development.

As early as September 1945, when the Democratic Republic of Vietnam was founded, President Ho Chi Minh described hunger and poverty as one of the "enemies" of the nation which must be "destroyed". Vietnam's strategy for economic stability and development to the year 2000 encourages all citizens to enrich themselves lawfully and regards the existence of a wealthy section of the population as a most necessary factor for national development and progress. At the same time, special measures are worked out to help the poor to eliminate poverty and to gradually reduce the gap between the rich and the poor. Vietnam's goal from now to the year 2000 is to improve the people's living conditions and to reduce the number of poor households both in absolute and relative terms. There will be no poor households by the year 2010.

2. SOCIAL INTEGRATION

It is the goal of Vietnam's policies on social integration to gradually create conditions for all citizens to be equal in terms of political and economic rights and interests as well as in terms of social services regarding education, medical treatment, cultural entertainment and old age security. The policy is primarily focused on important but disadvantaged and vulnerable sections of the society.

2.1 The ethnic groups

Vietnam has over 54 minority ethnic groups with a 8.4 million strong population or 10% of the total population of the country. They are scattered in the highland areas which account for 2/3 of the total area of the country and which are characterized by difficult natural conditions, poor infrastructure and hard living conditions. It is the government's policy to promote unity, equality, and mutual assistance among all nationalities and to encourage their cooperative endeavours to build up a happy life for all. Care is taken to preserve and develop the fine identity of each ethnic group.

With regard to the ethnic minorities, social integration consist in creating necessary conditions for them to enjoy full equality, political, economic, cultural, social rights and interests in the general development of the nation.

Xuống chợ / Down to the market

kiểm soát ma túy. Cả hai Nghị định này đều có các biện pháp về tuyên truyền, chữa bệnh, dạy nghề và giải quyết việc làm v.v... Ngoài việc các tổ chức quần chúng, các nhà doanh nghiệp và nhân dân tự đóng góp hàng năm, Nhà nước đã đầu tư 7-8 triệu USD để giúp các đối tượng trên chữa bệnh, học nghề, tạo việc làm, hoà nhập cộng đồng.

Xóa đói, giảm nghèo. Kết quả điều tra về thu nhập và mức sống ở cả 53 tỉnh, thành phố trong cả nước năm 1993 cho thấy : tính chung, có khoảng 20% tổng số hộ thuộc diện nghèo, với mức tiêu dùng nhiệt lượng dưới 2100 calo/ngày/người. Đây là vấn đề xã hội búc xúc mà Việt Nam phải phấn đấu giải quyết trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

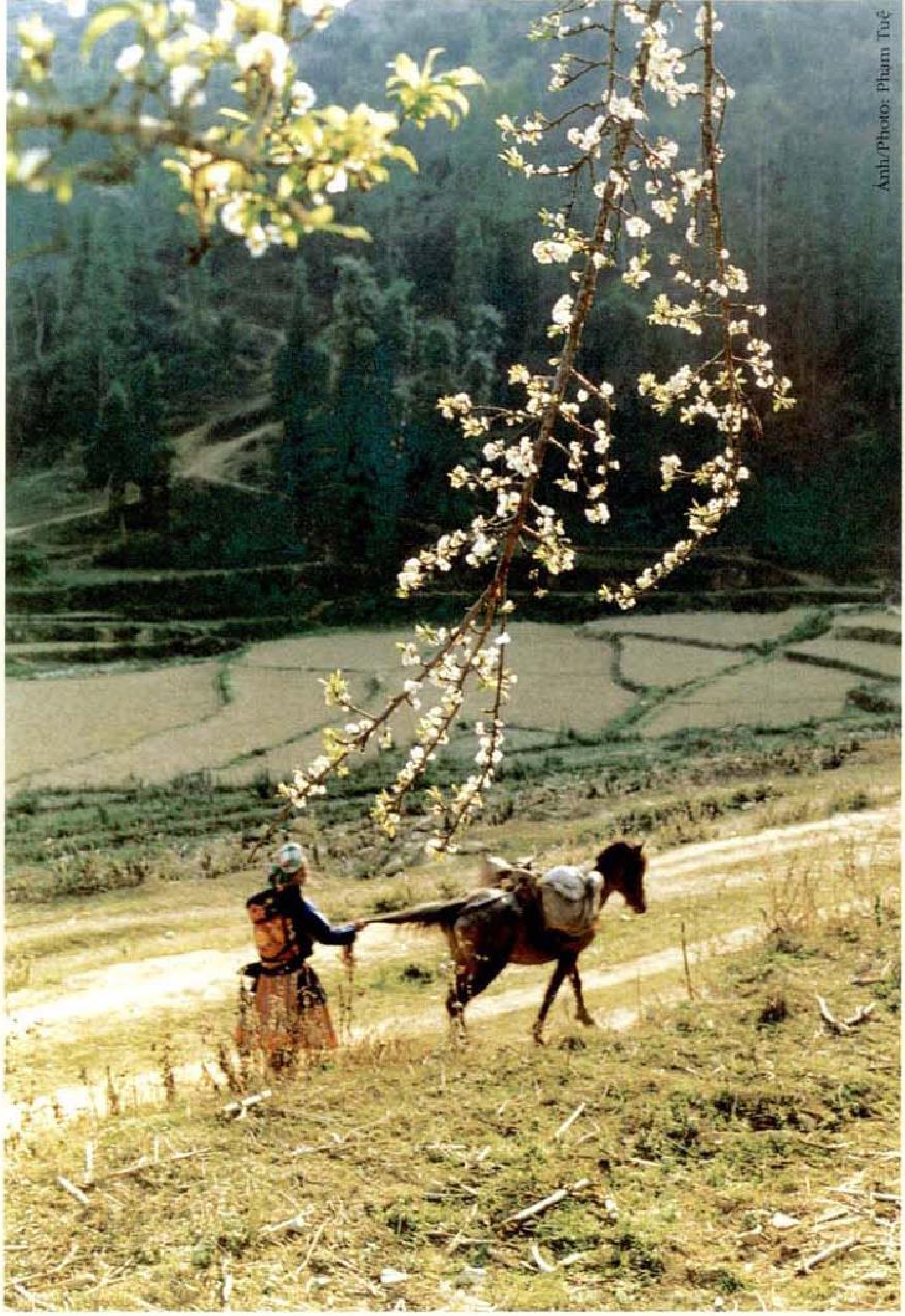

Sau buổi chợ xuân / After the spring market

Ngay từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, tháng 9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi đói nghèo là một thứ "giặc", và đặt ra nhiệm vụ phải "diệt". Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000 của Việt Nam đề ra chủ trương khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp, coi một vùng, một bộ phận dân cư giàu trước là rất cần thiết cho sự phát triển và tiến bộ chung. Đồng thời có chính sách đặc biệt trợ giúp người nghèo, nhằm xoá hộ nghèo, dần dần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.

Mục tiêu phấn đấu của Việt Nam từ nay đến năm 2000 là xoá hộ đói, cải thiện đời sống và từng bước thu hẹp diện các hộ nghèo cả về số tuyệt đối và tương đối, để đến năm 2010 có thể xoá tất cả các hộ nghèo với chuẩn mực trên.

2. HOÀ NHẬP XÃ HỘI

Mục tiêu của chính sách hoà nhập xã hội của Việt Nam là phấn đấu từng bước tạo cơ hội đảm bảo sự bình đẳng cho mọi người về các quyền lợi chính trị, kinh tế và các dịch vụ xã hội về học tập, chữa bệnh, hưởng thụ văn hoá, bảo đảm tuổi già. Đối tượng của chính sách này tập trung trước hết vào các nhóm xã hội quan trọng bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương :

2.1. Dân tộc

Đồng bào các dân tộc thiểu số của Việt Nam gồm hơn 54 dân tộc khác nhau, có khoảng 8,4 triệu người, chiếm hơn 10% dân số chung, sống phân tán ở các vùng miền núi, trên diện tích bằng 2/3 tổng diện tích của cả nước với điều kiện thiên nhiên khó khăn, kết cấu hạ tầng thấp kém và có mức sống thấp

hơn nhiều so với vùng đồng bằng và đô thị. Chính phủ chủ trương đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc.

Mục tiêu hòa nhập xã hội đối với đồng bào các dân tộc là tạo điều kiện để đồng bào được hưởng mọi quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, hoà nhập với sự phát triển chung của đất nước.

Muốn vậy, cần phải nâng cao từng bước trình độ văn hoá, chuyên môn, nghề nghiệp của đồng bào các dân tộc ; thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế miền núi nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng to lớn của rừng, cơ cấu kinh tế mới của miền núi phải được hình thành theo yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước nhằm hoà nhập với sự phát triển chung của cả nước ; xây dựng kết cấu hạ tầng : nâng cấp các tuyến đường quốc lộ quan trọng, cải thiện hệ thống đường từ huyện đến trung tâm xã hoặc các cụm dân cư ; giải quyết vấn đề nước cho sản xuất, đời sống, tăng cung cấp điện năng, bảo đảm nhu cầu ánh sáng và mở rộng mạng lưới thông tin liên lạc ; phát triển giáo dục, y tế, xã hội, có các hình thức tổ chức giáo dục thích hợp để thu hút hầu hết số học sinh trong độ tuổi ở mỗi bản, củng cố và phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú ; xoá các xã trắng về y tế ở tất cả các tỉnh miền núi, đẩy lùi từng bước các bệnh: sốt rét, bướu cổ, phong, tiêu chảy... ; vận động đồng bào định canh, định cư kết hợp với trồng rừng và bảo vệ rừng. Đối với đồng bào dân tộc ở những vùng cao đặc biệt khó khăn thì cấp không 4 mặt hàng : thuốc chữa bệnh, giấy viết cho học sinh, muối iốt và dầu thắp sáng.

Mở rộng mạng lưới phát thanh và truyền hình, hoàn thành việc phủ sóng truyền hình cho tất cả các huyện. Có cơ chế thích hợp đảm bảo cung cấp phương tiện cho các đồng bào dân tộc thiểu số có thể nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam.

2.2. Người tàn tật

Do hậu quả của chiến tranh, hiện nay ở Việt Nam có tới gần 5 triệu người tàn tật, chiếm gần 7% dân số, trong đó nữ 58%, trẻ em dưới 15 tuổi 27%, chủ yếu là tật chi, mắt, thần kinh, liệt. Bảo đảm cho những người tàn tật có được mức sống ngày càng khá hơn và được quan tâm đầy đủ hơn về các quyền lợi giáo dục, đào tạo và các dịch vụ xã hội khác là mục tiêu phấn đấu của Chính phủ đối với người tàn tật.

To this end, measures must be taken to gradually improve their cultural, technical and professional standards. The economy in the highland areas must be also restructured with a view to exploiting efficiently huge potentials of the forests. The new economic structure of the highlands must be in keeping with the requirements of the markets at home and abroad and with the general development of the country. Regarding infrastructural development, major national highways will be upgraded, while the road network linking district towns to the communes or other settlements will be improved. Steps are made to solve the question of water for production and for living, to increase power supply and electricity for lighting, and to expand the communications network. With respect to education, health care and social development, appropriate forms must be worked out to attract all school-age children in each commune. At the same time, primary and secondary boarding schools in ethnic minority areas should be strengthened. Every commune should be provided with adequate primary health care facilities, and measures must be taken to gradually control malaria, goiter, leprosy, diarrhoea etc. Motivating the people to practise settled agriculture and permanent residence, to plant and protect forests. Minority ethnic groups living in the highlands where special difficulties prevail, are supplied with medicine, writing paper, iodized salt and kerosene for lighting free of charge,

The radio and television broadcasting network must be expanded so as to cover all districts and enable the minority people to listen to the Voice of Vietnam.

2.2. The war invalids :

As a result of war, Vietnam now has nearly 5 million war invalids or nearly 7% of the population. Fifty eight percent of them are women and 27% are children under 15 age. They suffer from physical defects, eye and nerve diseases and paralysis, etc. The Vietnamese government is striving to ensure better living conditions and adequate education, vocational training and social services for these disadvantaged people.

With a view to protecting the right to work of the disabled, the Government has stipulated the ratio of infirm labour hands in a number of productive branches and professions. Employers are to accept them within the limits of the fixed ratio, if not they may contribute a specified amount of

Chính phủ thực hiện chính sách bảo hộ quyền làm việc của người tàn tật và khuyến khích thu nhận, tạo việc làm cho họ. Chính phủ quy định tỷ lệ lao động là người tàn tật ở một số nghề và công việc mà các doanh nghiệp phải nhận, nếu không, các doanh nghiệp phải đóng một khoản tiền theo quy định vào quỹ việc làm để góp phần giải quyết việc làm cho người tàn tật ; những cơ sở sản xuất nhận người tàn tật vào làm việc được Nhà nước giảm thuế, cho vay vốn với lãi suất thấp ; thời gian làm việc của người tàn tật không quá 7 giờ một ngày hoặc không quá 42 giờ một tuần ; hàng năm, Nhà nước dành một khoản ngân sách cho vay với lãi suất thấp để người tàn tật tự tạo việc làm và tự ổn định đời sống.

2.3. Tái hoà nhập những người hồi hương với cộng đồng

Từ năm 1991 đến nay, Chính phủ Việt Nam đã tiếp nhận 70 ngàn người vượt biên trái phép tự

Một buổi biểu diễn văn nghệ của các em bị mù

An art performance of the blind children

money to the employment creation funds in favour of the disabled. Enterprises which employ disabled workers receive State assistance in terms of tax reduction, low interest loans, etc. Disabled labourers are required to work less than 7 hours per day or less than 42 hours per week. Annual budget allocations are granted by the State to provide low interest loans to the disabled and help them find occupations and live a stable life.

2.3. Re-integration of the repatriated emigrants

From 1991, the government of Vietnam has accepted the voluntary repatriation of 70,000 persons and reintegrated them into society. The repatriates have been treated equal with other citizens, free from any discrimination or any action which might give rise to an inferiority complex. Moreover, the government has created favourable conditions such as places of residence, land, production facilities, medical treatment and education of their children, etc. In addition, the EU countries and the UNHCR have given financial assistance, amounting to 35-40 million USD for the 1991-94 period, to provide loans to the repatriates and help them in production and employment creation, to train them in various skills, and to invest in small-scale projects of economic and social development. These comprise water irrigation, clean water supply, construction of hospitals, schools, roads in areas where the repatriates settle and are faced with difficulties.

This has helped stabilize their living conditions and facilitate their reintegration into society. So far, most of the repatriates have a stable and better life than before their leaving the country. Furthermore, they are reunited with their relatives and can benefit the solicitude of the local community.

Tái hòa nhập những người hồi hương với cộng đồng

Reintegrating repatriates emigrants with the community

2.4. Measures designed to cope with natural calamities and to help the people of affected areas integrate with the community.

Vietnam lies in one of the centers affected by big storms of the world. Forests and mountains account for 2/3 of the total area of the country, but at present only 28% of the forests are left. The country annually faces some 10 typhoons which cause floods in many areas, especially in the coastal regions of Central Vietnam and the Red River and Mekong River deltas. The government of Vietnam is fully aware of this problem. It has always endeavoured to take active measures to foresee and to cope with natural calamities, with a view to reducing to the minimum their consequences and to diminish the difficulties of the people. Coping with natural calamities is regarded as a major task of the Government, and a National Committee to deal with Natural Calamities has been set up. It functions at different levels in close cooperation with other branches concerned in directing and performing this task.

3. POPULATION CONTROL AND FAMILY PLANNING

The government of Vietnam has early realized the close relationshipsbetween population control and development and took the first decision in 1961 to deal with this problem. The decision reads : "For the sake of the health of mothers, the happiness and concord of families, adequate care and education of children, appropriate guidance must be given to the population with respect to births". In spite of this, protracted war and many other causes

nguyện hồi hương tái hoà nhập với cộng đồng. Những người hồi hương đã được đối xử bình đẳng, không những không bị ngược đãi và mặc cảm, mà còn được tạo mọi điều kiện về chỗ ở, đất đai, sản xuất, đăng ký hộ khẩu, khám chữa bệnh, giúp các cháu học hành. Cùng với những cố gắng của Chính phủ, các nước khối Liên minh châu Âu (EU) và tổ chức HCR của Liên hợp quốc đã tài trợ cho người hồi hương từ năm 1991 đến năm 1994 khoảng 35-40 triệu USD để cho vay phát triển sản xuất tạo việc làm, dạy nghề và đầu tư các dự án nhỏ về phát triển kinh tế - xã hội như : thuỷ lợi nhỏ, nước sinh hoạt, bệnh viện, trường học, đường giao thông ở những vùng có nhiều người hồi hương và có nhiều khó khăn, tạo điều kiện ổn định đời sống cho người hồi hương và hoà nhập họ với cuộc sống chung của cộng đồng. Đến nay, hầu hết những người hồi hương đều có cuộc sống ổn định, được cải thiện hơn so với trước khi họ ra đi và được sống trong cảnh đoàn tụ thương yêu, đùm bọc của cộng đồng, cùng nhau xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

2.4. Phòng chống thiên tai, giúp đồng bào các vùng khó khăn có điều kiện hoà nhập với cộng đồng

Việt Nam nằm ở vị trí của một trong những trung tâm bão lớn của thế giới, 2/3 diện tích đất tự nhiên là rừng núi, nhưng độ che phủ tán rừng chỉ còn khoảng 28%. Hàng năm thường xuyên có trên dưới 10 trận bão gây ngập lụt ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các tỉnh ven biển miền Trung, vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Chính phủ Việt Nam luôn luôn coi trọng, chủ động và tích cực phòng chống thiên tai để hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do

thiên tai gây ra, nhằm giảm nhẹ khó khăn cho nhân dân, coi đây là một công tác lớn của Chính phủ. Ở Việt Nam đã thành lập Ủy ban quốc gia về phòng chống thiên tai từ trung ương đến các tỉnh, thành phố, để phối hợp với các ngành chỉ đạo và thực hiện công tác này.

3. DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

Chính phủ Việt Nam đã sớm nhận ra mối quan hệ sâu sắc giữa dân số và phát triển. Từ năm 1961, Việt Nam đã có quyết định đầu tiên nhấn mạnh vấn đề này : "Vì sức khoẻ của bà mẹ, vì hạnh phúc và hòa thuận trong gia đình, vì để nuôi dạy con cái được chu đáo, việc sinh đẻ của nhân dân cần được hướng dẫn một cách thích hợp". Quan điểm trên của Chính phủ được đề ra rất sớm, song do hoàn cảnh chiến tranh kéo dài và nhiều nguyên nhân khác, nên việc thực hiện chưa đạt kết quả mong muốn. Gần đây Chính phủ lại nhấn mạnh : "Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu, là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và toàn xã hội".

Giải pháp cơ bản để thực hiện công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình là vận động, tuyên truyền và giáo dục gắn liền với việc đưa dịch vụ kế

Vui chơi / Playing

made it impossible to achieve the desired results. Realizing its shortcomings, the Government has recently re-emphasized : "Population control and family planning constitute an important part of the country's development strategy, one of the primary economic and social problems and a basic factor for improving the quality of life for each individual, each family and the whole society".

To this end, the basic solution should combine diffusion, explanation and education work with family planning services made available to each person. On June 3, 1993, the Prime Minister signed Decision No. 279/TTg approving Vietnam's strategy on population and family planning up to the year 2000.

The target to be achieved is that each family should have only one or two children, so that by 2015, on a national scale, each couple will have two children on the average and the population size will be stabilized by the middle of the 21st century. By the year 2000, the target of 2.9 children per couple and a population of 82 million people will be achieved. The strategy on population and family planning will be implemented through three target programmes :

hoạch hoá gia đình đến tận người dân. Ngày 3-6-1993, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 279/TTg phê duyệt chiến lược dân số - kế hoạch hoá gia đình của Việt Nam đến năm 2000.

Mục tiêu đạt tới là mỗi gia đình chỉ nên có 1 hoặc 2 con để đến năm 2015 bình quân trong toàn xã hội (mỗi cặp vợ chồng) có 2 con, tiến tới ổn định quy mô dân số từ giữa thế kỷ XXI. Trước mắt, năm 2000 đạt 2,9 con (mỗi cặp vợ chồng) với quy mô dân số là 82 triệu người. Chiến lược dân số kế hoạch hoá gia đình được thực hiện thông qua 3 hệ chương trình mục tiêu : nâng cao năng lực quản lý ; nâng cao hiệu quả dịch vụ y tế kế hoạch hoá gia đình ; nâng cao hiệu quả thông tin, giáo dục, tuyên truyền.

Giải pháp để thực hiện mục tiêu ấy là : Hoàn chỉnh bộ máy chỉ đạo chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình theo 4 cấp : Trung ương, tỉnh, thành phố, huyện và xã, có hệ thống chuyên trách công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Ngoài ra còn huy động các hội, đoàn thể quần chúng tham gia như : Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội kế hoạch hoá gia đình. Đẩy mạnh công tác thông tin, giáo dục, tuyên truyền, đảm bảo công tác này đến các vùng quê xa xôi, vùng núi, ven biển, hải đảo, đến với từng gia đình và từng người dân. Tăng cường các phương tiện thông tin đại chúng và bố trí các cộng tác viên làm công tác truyền thông trực tiếp đến từng đối tượng. Đưa công tác giáo dục dân số vào các trường phổ thông và các trường chuyên nghiệp. Đưa dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến sát dân, các cụm dân cư, phấn đấu trong 3-4 năm tới tất cả các xã đều có thể làm dịch vụ y tế lâm sàng kế hoạch hoá gia đình tại xã, đảm bảo an toàn và thiết thực. Tăng cường đầu tư cho lĩnh vực dân số - kế hoạch hoá gia đình từ nguồn ngân sách Nhà nước, từ nguồn tài trợ nhân đạo quốc tế và nguồn vốn vay nước ngoài, phấn đấu đảm bảo mức đầu tư 0,6USD/người/năm.

4. BẢO ĐẢM XÃ HỘI

Bảo đảm xã hội là chính sách xã hội lớn của Việt Nam dựa trên truyền thống tương thân, tương ái, đùm bọc lẫn nhau đã có từ ngàn xưa. Nguyên tắc cơ bản của chính sách bảo đảm xã hội ở Việt Nam là kết hợp trách nhiệm của Nhà nước, của cộng đồng và mỗi cá nhân tự vươn lên hoà nhập với cộng đồng. Chính sách bảo đảm xã hội Việt Nam đang từng bước mở ra đến mọi đối tượng, với nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với nền kinh tế thị trường. Trước mắt, tập trung vào hai hình thức chủ yếu sau :

Một là, thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội thể hiện trong bộ Luật lao động bằng cách từng bước mở rộng và nâng cao việc đảm bảo vật chất, góp phần ổn định đời sống người lao động và gia đình trong các trường hợp người lao động ốm đau, thai sản, hết tuổi lao động, chết, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mất việc làm, gặp rủi ro hoặc có khó khăn khác. Đối tượng của bảo hiểm xã hội đang từng bước được mở rộng cho mọi người lao động ở mọi thành phần kinh tế. Quỹ bảo hiểm xã hội hình thành từ các nguồn : chủ sử dụng lao động đóng 15% quỹ tiền lương, người lao động đóng 5% tiền lương, Nhà nước đóng góp và hỗ trợ thêm từ ngân sách. Quỹ bảo hiểm xã hội được hạch toán độc lập, tự trang trải và được Nhà nước bảo hộ có mục tiêu xã hội, không phải vì lợi nhuận.

Hai là, đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Phải đảm

Ngôi nhà tình nghĩa
A house of gratitude

to enhance management capability, to enhance the efficiency of health services in family planning and to enhance the effectiveness of information, publicity and education work.

To this end, we should perfect the existing machinery to direct the family planning work, which is divided into 4 levels (Central level, provinces and cities, districts, and communes) with a specialized staff dealing with the problem. Mass organizations (Women, Youth, peasants, Trade Unions, Family planning associations, etc.) also take part in this work. Information, publicity and education work has been promoted to make the people aware of this task, including those families and individuals living in distant rural areas, highlands, coastal zones, and islands. Population control has been placed in the curricula of primary, secondary and vocational schools. We must make family planning services available to all settlements so that within the next 3-4 years, all communes can provide on-the-spot efficient and safe family planning clinical services. Investment into population and family planing from the State budget, foreign humanitarian assistance and foreign loans - should be increased to 0.6 USD per inhabitant per year.

4. SOCIAL WELFARE

Social welfare is a major policy of Vietnam which has its origin in the age-old national traditions of solidarity and mutual aid. The basic principle of the policy is to combine the responsibility of the State and the community with the efforts of each individual within the society. This policy is being gradually extended to all inhabitants, in various forms and in keeping with the market economy. At present, two main forms are being used.

4.1. To implement the social security policy as reflected in the Labour Law by gradually expanding and increasing the material guarantees (benefits), by contributing to the stabilization of the life of the workers and their families. These cover cases of illness, child birth, retirement, labour accidents, work-related illnesses and occupational diseases, loss of employment, risks, or other difficulties. The recipients of social security benefits are gradually expanded so as to encompass all workers in all economic sectors. Social security funds come from the following sources : employers contribution equivalent to 15% of the labour costs, workers contribution of 5% of their wages and funds from the State budget. The social security fund, which is non-profit and strictly dedicated to social goals, is managed in accordance with the principles of cost accounting and self-sufficiency and is protected by the State.

4.2. Social assistance aimed at ensuring a stable life to persons who have rendered good services to the cause of national liberation, persons who have suffered great disadvantages and mishaps in their lives, lonely old persons deprived of any support, orphans and unfortunate children, disabled persons and war victims... Funds for this social assistance scheme come partly form State Budget annual allocations and from contributions in various forms from the community. At the same time, the recipients are given due assistance so that they can engage in light, simple labour and thereby improve their own living conditions by themselves and contribute to national economic growth.

5. FAMILY

The Vietnamese family is obviously influenced by agricultural civilization. Due to the open-door policy, industrial civilization has been exerting a daily and hourly impact on the life of Vietnamese families which are being transformed from the extended families (comprising five, four generations) to nuclear families and two - generation families. The shift from traditional to modern families is associated not only with the process of industrialization and urbanization but also with cultural and religious factors.

The family is regarded as a cell of the society, the object and also the participant in the implementation of social policies. Family development is regarded as a strategy and a part of the general strategy of economic and social development of the country.

Vietnam's target up to the year 2000 is to build up modern families having Vietnamese characteristics, *well-fed, harmonious, progressive and happy.* To this end, the Government has laid down the following measures :

- The policy on population and family planning must be implemented. Social evils inside each family should be combated. Members of families must be provided with rational employment. Urbanization and industrialization are to provide employment and improve the living conditions of families.

- The set of laws relating to the family must be implemented correctly. These include the law on

marriage and family, the land law, the law on care and protection of children, the law on universal primary education, the labour law and etc.

- Policies on the provision of cultural will be implemented. Educational and health care services are provided for the families. Recommendation and reward may be awarded to the families which have brought up young talents for the country. Each family must have a medicine chest and mothers must be informed on health care and enabled to act as the physician of the family. Better care should be given to families of wounded servicemen and martyrs. Assistance must be given to families affected by special circumstances, lonely women, widows,

bảo cuộc sống của những đối tượng này bằng hoặc cao hơn đời sống trung bình của nhân dân nơi cư trú. Kế đến là những người chịu nhiều thiệt thòi, rủi ro trong cuộc sống, người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ mồ côi, bất hạnh trong cuộc sống, những người không còn khả năng lao động, những nạn nhân chiến tranh, nhằm đảm bảo cho các đối tượng trên có cuộc sống ổn định. Hàng năm, ngân sách Nhà nước dành một phần thích đáng để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội và huy động sự đóng góp dưới nhiều hình thức của cộng đồng. Đồng thời, các đối tượng cũng được giúp đỡ để có thể tham gia lao động với các công việc nhẹ nhàng, đơn giản, tự cải thiện được cuộc sống của mình và góp phần tăng trưởng kinh tế.

5. GIA ĐÌNH

Gia đình Việt Nam chịu ảnh hưởng rõ rệt của nền văn minh nông nghiệp. Do chính sách mở cửa, nền văn minh công nghiệp đang tác động hàng ngày, hàng giờ vào cuộc sống các gia đình Việt Nam. Hiện nay, gia đình đang bị phân hóa từ đại gia đình (ngũ đại đồng đường, tứ đại đồng đường) sang các gia đình hạt nhân, gia đình hai thế hệ. Sự chuyển tiếp từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại không chỉ gắn với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, mà còn chịu ảnh hưởng của những nhân tố văn hoá và tôn giáo.

Sinh hoạt gia đình sau một tuần lao động
A family relax after a working week

Ảnh (Photo): Đức Huy

Chính phủ coi gia đình là tế bào của xã hội, vừa là đối tượng vừa là yếu tố để thực hiện các chính sách xã hội. Phát triển gia đình được coi là một chiến lược và được đặt trong chiến lược phát triển chung về kinh tế - xã hội của đất nước.

Để thực hiện mục tiêu đến năm 2000 là xây dựng gia đình hiện đại mang bản sắc Việt Nam với các chuẩn mực *gia đình no ấm, hòa thuận, tiến bộ và hạnh phúc*, Chính phủ đã đề ra các giải pháp :

- Thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình, chống tệ nạn xã hội từ gia đình, thực hiện hợp lý công tác cho các thành viên trong gia đình, đô thị hoá tại chỗ, công nghiệp hoá tại chỗ để giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho các gia đình.

- Thực hiện tốt hệ thống luật pháp có liên quan tới gia đình như : luật hôn nhân gia đình, luật đất đai, luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em, luật phổ cập giáo dục tiểu học và luật lao động v.v..

- Thực hiện các chính sách hưởng thụ văn hoá, giáo dục, y tế cho các gia đình như : khen thưởng những gia đình có công nuôi dưỡng con cái trở thành các tài năng trẻ của đất nước. Mỗi gia đình phải có tủ thuốc, các bà mẹ phải được bồi dưỡng kiến thức về chăm sóc sức khỏe như thầy thuốc trong gia đình. Chăm sóc tốt hơn các gia đình thương binh, liệt sĩ, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, như phụ nữ độc thân, góa bụa, tàn tật v.v.. và nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong gia đình. Phát động phong trào xây dựng gia đình văn hoá, thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh trên phạm vi cả nước.

- Nhà nước tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học về gia đình, có chương trình phổ biến kiến thức về gia đình, hướng dẫn dư luận xã hội quan tâm đến đời sống gia đình, khuyến khích các ngành, đoàn thể có chương trình về công tác gia đình...

- Thực hiện công tác kế hoạch hoá môi trường cùng với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn. Ngân sách Nhà nước dành một khoản mục cân đối cho công tác môi trường, và nguồn vốn này được tăng dần hàng năm theo nhịp độ phát triển kinh tế.

- Nhà nước tổ chức tuyên truyền, giáo dục, đào tạo cán bộ quản lý chuyên môn về môi trường, đưa nội dung bảo vệ môi trường vào các cấp học từ phổ thông cơ sở đến các trường đại học chuyên nghiệp để nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường của toàn dân. Tiếp tục ban hành và bổ sung hoàn chỉnh các chính sách tài nguyên, môi trường.

Với truyền thống dân tộc và nền văn hiến Việt Nam, với bối cảnh mới của quốc tế và khu vực, Việt Nam có niềm tin vững chắc rằng chiến lược phát triển xã hội của đất nước sẽ được thực hiện tốt đẹp. Một đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh sẽ sánh vai cùng các dân tộc trên hành tinh của chúng ta.

disabled women etc. while enhancing the spirit of responsibility of family members towards their relatives. We must launch nation-wide campaigns to build cultured families having a civilized and healthy way of life.

- The State will invest more in scientific research on the family, implement a programme on diffusing knowledge relating to the family life. It must guide public opinion towards taking an interest in family life and encourage various agencies and organizations to work out programmes of action for families.

- The environmental protection and planning must be carried out along with the implementation of annual, five-year and long-term economic and social development plans. The State budget will provide appropriate allocations for environmental protection, which should be gradually increased each year in keeping with the rate of economic development.

- The State must organize information and education work on the environment and train specialized personnel in environmental management. Environmental protection should be introduced into the curricula of primary, secondary schools, colleges, and universities, etc., so as to raise the general consciousness of environmental protection. Efforts must be made to amend existing policies and issue new policies on natural resources and environment.

In view of Vietnam's traditions and old civilization and the new international and regional context, the Vietnamese are confident that the country's strategy on social development will be successfully implemented.

A prosperous Vietnam, provided with social equity and civilization, will emerge at the beginning of the next century and will march shoulder to shoulder with other nations in the world.

TRƯỜNG PHÁI

NGOẠI GIAO VIỆT NAM

Hiếm thấy một dân tộc nào trên thế giới lại phải vật lộn lâu dài và gian khổ để giành và giữ độc lập dân tộc như nhân dân Việt Nam. Trong mấy ngàn năm tồn tại, nước Việt Nam đã bị đô hộ trên một ngàn năm. Chỉ riêng 50 năm gần đây, kể từ sau khi trở thành nước độc lập, Việt Nam liên tục phải tiến hành chiến tranh để bảo vệ đất nước, thống nhất giang sơn. Hơn thế nữa, số phận lại đặt lên vai người Việt Nam gánh nặng luôn luôn phải chống trả sự tiến công của những nước mạnh hơn mình gấp nhiều lần về mặt lực lượng vật chất, do đó người Việt Nam phải sử dụng mọi hình thức để tự vệ, kể cả hình thức đấu tranh ngoại giao.

Chính vì vậy, ngoại giao ở Việt Nam luôn luôn đóng vai trò rất quan trọng. Chỉ cần nêu một ví dụ : Việt Nam là nước duy nhất trên thế giới kể từ sau đại chiến lần thứ II có hai Hiệp định quốc tế về lập lại hoà bình, đó là Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và Hiệp định Pari năm 1973. Ngày nay, khi nước Việt Nam mới đi vào mùa Xuân thứ 50 trong lịch sử của mình, bên cạnh những thành tựu đổi mới về kinh tế - xã hội được dư luận toàn thế giới đánh giá cao, nền ngoại giao Việt Nam cũng gặt hái được không ít kết quả đáng ghi nhận.

Trong dòng lịch sử mấy ngàn năm, nhất là nửa thế kỷ gần đây, đã hình thành trường phái ngoại giao Việt Nam với những truyền thống và bản sắc riêng.

Trường phái ấy quy tụ trong mình hương nhụy của "kim, cổ, đông, tây". Có thể nói, nền ngoại giao hiện đại của Việt Nam tiếp nối và vận dụng sáng tạo những tinh hoa ngoại giao của tổ tiên, kết hợp truyền thống phương Đông với kinh nghiệm đã được chắt lọc của nền ngoại giao phương Tây, tạo nên những triết lý riêng của mình.

Điều ấy thể hiện ngay từ trong mục tiêu theo đuổi chứ không chỉ trong phương cách hành động. Đối với nền ngoại giao Việt Nam, mục tiêu bất biến là góp phần giành và giữ độc lập dân tộc, đồng thời mở rộng quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước. Cái chí khí độc lập có nguồn gốc từ xa xưa. Đầu thế kỷ XII người anh hùng dân tộc của Việt Nam Lý Thường Kiệt (1019-1105) lãnh đạo nhân dân đánh đuổi quân xâm lược nhà Tống đã tự hào khẳng định :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên phận định tại thiên thư

Tám thế kỷ sau, trong Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng đọc ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trịnh trọng tuyên bố trước thế giới : "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy" [1].

Suốt 50 năm qua, ngoại giao Việt Nam đã tập trung trí tuệ và sức lực góp phần xứng đáng vào việc giành mục tiêu đó. Ngày nay nền ngoại giao Việt Nam tiếp tục theo đuổi mục tiêu bất biến này, đồng thời bổ sung một mục tiêu mới là tạo môi trường quốc tế thuận lợi để xây dựng đất nước, khắc phục nguy cơ bị tụt hậu về kinh tế. Sự đổi mới đó bắt

1. Hồ Chí Minh : *Toàn tập,* tập 4, Sđd, tr.4.

Vietnamese

DIPLOMATIC LINES

It is indeed difficult to find in the world any nation which had to wage protracted and tough struggles for its national defence and independence as Vietnam. Out of several thousands of years of existence, Vietnam was under foreign domination for over one thousand years. In the past fifty years, after having gained independence, Vietnam had to fight continuously for national defence and reunification. Moreover, it seems that destiny has determined that the Vietnamese people must bear the burden of fighting against attacks by much more powerful countries in terms of material forces. Therefore Vietnam has to resort to all forms of self-defence, including diplomatic struggle.

For this reason, Vietnamese diplomacy always plays a very important role. For instance, since World War II, Vietnam has been the only country in the world with two international agreements on the restoration of peace, namely the 1954 Geneva Agreement and the 1973 Paris Agreement. Today when the new Vietnam enters the 50th spring of its history, its diplomatic work has also obtained noteworthy results, besides socio-economic achievements in the renovation policy, which are highly valued by the whole world.

In the course of its long history, especially in the past half of a century, the Vietnamese diplomatic line was shaped with its specific traditions and national identity.

This school synthesizes the quintessence of "the present and the ancient times, the East and the West". It can be said that the Vietnamese people's contemporary diplomacy continues and creatively applies their ancestors' diplomatic genius with the traditions of the East and the experiences drawn from Western diplomacy and has created its own specific philosophy.

This is demonstrated right in the objectives to pursue, not simply in the means of action. It is the

Photo: The Press Department of Ministry of Foreign Affairs

Ảnh : Vụ Báo chí Bộ Ngoại giao

Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu phái đoàn Việt Nam sang đàm phán với Chính phủ Pháp (năm 1946) xuống Sân bay Le Bourger
President Ho Chi Minh, head of the Vietnamese delegation to the talks with French Government (1946) had landed at Le Bourger Airport

nguồn từ nhận thức về cơ hội "ngàn năm có một" là đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, an hưởng cuộc sống hoà bình và tự do, lần đầu tiên sau nhiều thập kỷ có điều kiện tập trung lực lượng và ý chí thực hiện ước mơ về "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Lòng mong muốn có hoà bình không chỉ bắt nguồn từ lợi ích có môi trường ổn định để xây dựng mà còn xuất phát từ truyền thống yêu chuộng hoà bình vốn có của người Việt Nam. Cũng vì lẽ đó mà Việt Nam luôn luôn cố gắng, ngay cả lúc tưởng như không còn cơ may giữ vững hoà bình, đưa mọi tranh chấp vào bàn thương lượng. Điều đó được thể hiện sinh động trong những nỗ lực đàm phán vào những năm 1945-1946, trước và thậm chí cả sau khi nổ ra cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ I. Điều đó thể hiện qua cuộc đàm phán mang tính việt dã tại Pari suốt 5 năm liền (1968-1973). Điều đó thể hiện qua những cố gắng không mệt mỏi hiện nay để giải quyết mọi bất đồng với các nước khác. Nói tóm lại, trên lá cờ của nền ngoại giao Việt Nam hiện nay đang in đậm khẩu hiệu : giữ vững độc lập, chủ quyền, bảo đảm hoà bình, mở rộng hợp tác để phát triển.

Phù hợp với sự đổi mới về mục tiêu, hoạt động ngoại giao Việt Nam ngày nay được bổ sung thêm nội dung về mở rộng hợp tác kinh tế và văn hoá, khoa học kỹ thuật. Ba nội dung chính trị - kinh tế - văn hoá, khoa học, kỹ thuật quyện chặt với nhau, hỗ trợ cho nhau, tạo nên mối quan hệ quốc tế đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung. Chính sự hợp tác về kinh tế và khoa học - kỹ thuật tạo nên cơ sở vật chất và sự hợp tác về văn hoá, tạo ra nền tảng về tinh thần cho quan hệ chính trị ; ngược lại, quan hệ chính trị tạo ra sung lực cho việc đẩy mạnh quan hệ kinh tế - văn hoá, khoa học, kỹ thuật. Chỉ trong những năm đầu của thập kỷ 90 này, Việt Nam đã ký hàng trăm hiệp định với hàng chục nước trên khắp 5 châu về sự hợp tác trong các lĩnh vực ấy. Nhờ những biến chuyển trong quan hệ chính trị, Việt Nam có thêm nhiều bạn hàng và đối tác, xuất khẩu hàng hoá tăng trên 20% /năm và đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam tăng trên 50%/năm, Hội nghị các nhà tài trợ họp tháng 11-1993 và tháng 11-1994 đã cam kết dành viện trợ phát triển cho Việt Nam gần 4 tỷ dôla Mỹ. Tính đến xu thế toàn cầu hoá, Việt Nam đã trở thành quan sát viên đầy đủ của GATT và đang chuẩn bị điều kiện để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) với tư cách là thành viên.

Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Lê Đức Anh đón Chủ tịch nước CHND Trung Hoa Giang Trạch Dân thăm hữu nghị Việt Nam
General Secretary Do Muoi and President Le Duc Anh receiving President Jiang Ze Min of People's Republic of China during his official friendship visit to Vietnam

set objective of the Vietnamese diplomacy to contribute to the defence of national independence and at the same time to the expansion of friendly relations with other peoples. The spirit of independence took root from time immemorial. At the beginning of the 12th century, Ly Thuong Kiet (1019 - 1105), a Vietnamese national hero, who led the people to drive out the Sung aggressors, proudly declared :

The Emperor of the South reigns over the mountains and rivers of the South
That is the destiny determined forever in the celestial book

Eight centuries later, in his well-known Declaration of Independence read on September 2, 1945, President Ho Chi Minh solemnly declared to the world : "All nations in the world are born equal ; every nation has the right to life, happiness and freedom. Vietnam has the right to enjoy freedom and independence, and in fact, has become a free and independent country. The entire Vietnamese people are determined to devote all their spirit and strength, life and property to preserving their freedom and independence" [1].

Over the past 50 years, Vietnamese diplomacy has been focusing on making a worthy contribution to achieving this objective. Today, it continues to pursue this immutable aim and at the same time adds a new goal, namely, the creation of a favourable international environment for national construction to avoid the risk of falling behind economically. This renovation originates from the concept of seizing "the one-in-a-million opportunity" to transform the country into a completely independent and unified one, where the Vietnamese people can enjoy a peaceful and free life. Thus, for the first time after many decades, conditions are favourable for Vietnam to concentrate its strength and will-power on the realization of its long-cherished dream of "a wealthy people, a powerful country, a fair and civilized society".

The desire for peace does not only originate from the interest to have a stable environment for national construction but also from the existing peace-loving tradition of the Vietnamese people. For this reason, Vietnam has always strived to bring all disputes to the negotiating table, even at times

1. Ho Chi Minh : *Complete works*, vol.4, p.4.

Tổng thống Pháp Francois Mitterand thăm khu di tích lịch sử Văn Miếu - Quốc Tử Giám
President Francois Mitterand visiting the Temple of Literature (Van Mieu - Quoc Tu Giam) - Historical site

Theo dõi hoạt động ngoại giao của Việt Nam có thể thấy khái niệm rất phổ biến là "sự kết hợp", "sức mạnh tổng hợp". Thật ra thành bại về ngoại giao của bất kỳ nước nào và vào bất kỳ thời đại nào cũng tùy thuộc rất nhiều vào thực lực của đất nước và sự khôn ngoan của con người. Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Song, trong thời chiến Việt Nam luôn luôn phải đối chọi với những địch thủ mạnh hơn bội phần, trong thời bình thì sức mạnh kinh tế của Việt Nam lại quá hạn hẹp. Vậy làm thế nào để bảo đảm thành công ? Đối với Việt Nam chỉ có một phương sách là kết hợp mọi lĩnh vực và hình thức hoạt động, huy động mọi lực lượng của đất nước, gắn với những xu hướng chủ yếu trên thế giới, tạo nên sức mạnh tổng hợp. Ở phương Tây người ta nói, các nhà ngoại giao vào cuộc khi tiếng súng ngừng nổ. Đối với Việt Nam thì ngoại giao vào cuộc ngay trong khi tiếng súng đang nổ, theo phương châm "vừa đánh vừa đàm", tức là kết hợp hoạt động ngoại giao với diễn biến trên chiến trường, huy động sự đồng tình, ủng hộ và sự giúp sức của dư luận thế giới, kể cả dư luận ngay ở nước tiến công mình, từ đó giành lợi thế trước đối thủ hùng mạnh. Ngày nay, trong hoàn cảnh hoà bình, kinh nghiệm ấy được vận dụng vào việc kết hợp các nội dung hoạt động nhằm mở rộng quan hệ chính trị - kinh tế - văn hoá, khoa học kỹ thuật với những xu hướng lớn đang diễn ra

when chances of maintaining peace seemed to be out of reach. This was vividly illustrated in Vietnam's efforts to negotiate before and after the first Indochinese War. This was again proved in the "cross-country" talks in Paris throughout the five consecutive years (1968 - 1973). This was also shown in its present untiring efforts to resolve differences with other countries. In a word, the following motto is now strongly inscribed on the banner of Vietnamese diplomacy : "firmly maintain independence and sovereignty, safeguard peace and expand co-operation for development".

Along with the renovation of objectives, Vietnamese diplomatic activities are further supplemented by the content of promoting co-operation in the economic, cultural, scientific and technical fields. The three contents, politico-economic-cultural, scientific and technical, strongly support and adhere to one another to create international relationships diversified in forms and rich in content. It is this economic, scientific and technical co-operation that creates the material basis and the cultural co-operation that facilitate the intellectual foundation for political relations. In their turn, political relations constitute an impetus to promote economic - cultural, scientific and technical rela-

Ảnh/Photo: TTXVN

Tổng Bí thư Đỗ Mười đón Thủ tướng Ấn Độ
General Secretary Do Muoi receiving the Prime Minister of India

Thủ tướng Võ Văn Kiệt tiếp Thủ tướng Nhật Bản T. Murayama
Prime Minister Vo Van Kiet receiving the Prime Minister of Japan T. Murayama

tions. Only in the early part of 1990s, Vietnam signed hundreds of agreements on co-operation in the above fields with dozens of countries over the five continents. Thanks to changes in political relations, Vietnam has attracted more customers and partners. Its annual exports has increased by over 20% and foreign investment by over 50% a year. The Conferences of donor countries held in November 1993 and November 1994 pledged to grant Vietnam a development aid of almost 4 billion US dollars. On the global scale, Vietnam has become a full observer of GATT and is preparing conditions to join the World Trade Organization (WTO).

Observing closely Vietnamese diplomatic activities, one can find some very common concepts such as "co-ordination", "aggregate strength". In fact, diplomatic success or failure of any country, in any period of time, depends much on the actual strength of that country and on human wisdom. Vietnam is not an exception. But in the war time, Vietnam had to face much stronger enemies. In the peace time, its economic potentials are too restricted. Then how can victory be achieved ? For Vietnam, there is only one way that is to co-ordinate all fields and forms of action, to mobilize all forces of the country, to stick to major trends of the world and to create an aggregate strength. It is said in the West that the diplomats only enter the game when the guns have stopped. But for Vietnam, diplomatic negotiations start right at the war time, in conformity with its guiding principle "talk and fight". That is to say diplomatic activities are co-ordinated with the developments in the battlefield, in order to mobilize the assistance of other peoples and to win the sympathy and support of world opinion including the opinion within the aggressor country. On this basis, a better posture can be secured against the stronger opponents. Nowadays, in the peace time, this experience is applied in co-ordinating the activities to expand politico - economic - cultural, scientific, technical relations with the great trends in the world. These are a common desire of every nation for peace, co-operation and development, the trend of internationalization and regionalization, self-reliance, and self-support of developing countries.

There is a phrase in the Vietnamese diplomatic strategy which sounds unfamiliar to western diplomats - "people's diplomacy". "Taking the people as the centre of concern" is a common concept in the East, according to which not only the ruling class but also different strata of people conduct interna-

tional interchange. This thereby contributes to the increase of mutual understanding and, at the same time, influences the Governments' calculations and eventually changes relations between states. As ever, this axiom is very much appreciated by Vietnamese diplomacy.

The humanism of the Vietnamese diplomatic line also constitutes a typical characteristic. Though they have been victims of many aggressions, the Vietnamese people never lose their compassion. Moreover, this generosity is a factor which creates the strength and the diplomacy of the nation. In the resistance war against the Ming, Nguyen Trai, a national hero of the 15th century, left a legendary guiding principle which remains even to the present day :

Using great justice to vanquish cruelty
Humanism to subdue brutality

Imbued with this ethic, the Vietnamese people never nurture national hatred. Even in the war time, they made a clear distinction between the enemy who caused sufferings and grief and the innocent people of the opponent country. Prisoners of war are always treated humanely by the Vietnamese people. They share the food with them and create even better material conditions for them than for themselves. President Ho Chi Minh is the finest symbol of the Vietnamese people's humanism. One could hardly find in any other State leader such concern about friendly relations with the people of the enemy country as in President Ho Chi Minh. When the war ends and peace is restored, Vietnamese diplomacy takes the initiative in renewing relations. This tradition can be clearly noted in the present policy of Vietnam : "to close the past and look forward to the future" in the relations with countries which waged aggression against Vietnam. When the issue of Vietnamese MIA was not yet settled Vietnam still generously extends co-operation with the United States in the settlement of this matter and reconciles with other countries having participated in the hostilities against Vietnam. This may serve as a typical evidence.

The traditional humanism also generates the openness of Vietnamese diplomacy. It is not just now that Vietnam implements an open, diversified, multi-sided diplomatic policy in conformity with the motto : "Vietnam wishes to be friends with all countries of the world community struggling for peace,

Thủ tướng Võ Văn Kiệt tiếp Thủ tướng Singapore Goh Chok Tong
Prime Minister Vo Van Kiet receiving the Prime Minister of Singapore Goh Chok Tong

independence and development". Right after the birth of the independent and democratic State of Vietnam, President Ho Chi Minh made every effort to carry out the motto : "Vietnam wishes to be friends with all democratic countries and harbours no grudge against anyone". In the past this wish did not come true. It was not the fault of Vietnamese diplomacy. Today this wish happens to meet the trends of peace, co-operation, diversification and multilateralization in the world. As a result, Vietnam can enjoy favourable conditions to turn its aspiration into reality. It has entertained relations with over 150 countries including, for the first time, relations of different levels with all five standing member-countries of the UN Security Council.

Other characteristics of the Vietnamese diplomatic school are its mobility and flexibility which are based on the firm grasp of policy and fundamental objectives. In conformity with the guiding principle laid down by President Ho Chi Minh "to use the invariable to address the variable" Vietnamese diplomacy persists in pursuing its basic principles with flexibility in performance, avoiding rigidity. Openness and flexibility are companions of Vietnamese diplomats and are heart-winning.

In the framework of its open, diversified and multilateral policy, Vietnam shows its primary concern about the development of friendly relations with neighbouring countries. A Vietnamese saying goes, "better near neighbours than far-off brothers". This illustrates our tradition of attaching importance first to relations with its neighbouring countries. This policy is clearly shown in Vietnam's continuous efforts to step up relations with Laos and Cambodia, to restore and develop relations with China, and to expand relations with East and Southeast Asian countries which account for 75% of export-import value of Vietnam and about 68% of total foreign investment in the country. This policy is also clearly expressed in Vietnam's active preparations for joining ASEAN. Vietnam has become an associate member of the Pacific Economic Co-operation Council (PECC), and has begun to take part in some activities of the Pacific Basin Economic Council (PBEC). When favourable conditions permit, it will participate in the Conference of Asia-Pacific Economic Co-operation (APEC).

Therefore, it can be said that the lively

trên thế giới như: ý nguyện của các dân tộc muốn có hoà bình và hợp tác để phát triển, xu thế toàn cầu hoá và khu vực hoá, xu thế tự lực tự cường của các nước đang phát triển...

Trong trường phái ngoại giao Việt Nam có một ngôn từ lạ tai đối với các nhà ngoại giao ở phương Tây. Đó là "ngoại giao nhân dân". "Lấy dân làm gốc" vốn là khái niệm phổ biến ở phương Đông, theo đó không những giới cầm quyền mà cả các tầng lớp nhân dân cũng xúc tiến sự giao lưu quốc tế, góp phần gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau, đồng thời tác động tới tính toán của các chính phủ, cuối cùng có thể góp phần chuyển hoá quan hệ giữa các quốc gia. Trước đây, ngày nay và sau này, nền ngoại giao Việt Nam luôn luôn coi trọng nhân tố này.

Bản chất nhân văn của trường phái ngoại giao Việt Nam cũng là một nét đặc thù. Mặc dầu là nạn nhân của biết bao cuộc xâm lược, người Việt Nam không bao giờ mất đi lòng nhân ái. Hơn thế nữa, chính lòng nhân ái là nhân tố tạo nên sức mạnh của dân tộc và nền ngoại giao Việt Nam. Nguyễn Trãi - người anh hùng dân tộc thế kỷ XV trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đã để lại một phương châm lưu truyền mãi đến tận ngày nay :

Lấy đại nghĩa thắng hung tàn

Lấy chí nhân thay cường bạo

Thấm nhuần đạo lý ấy, người Việt Nam không bao giờ nuôi dưỡng hận thù dân tộc, ngay dưới bom đạn vẫn phân biệt rạch ròi giữa những kẻ chủ trương gây tang tóc cho mình và những người dân lành của nước đến xâm lược. Đối với tù binh, người Việt Nam cũng luôn luôn cư xử nhân đạo, thậm chí còn nhường cơm xẻ áo, tạo cho họ điều kiện vật chất thậm chí tốt hơn bản thân mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất về lòng nhân đạo của người Việt Nam. Bạn không thể tìm thấy ở bất cứ nhà lãnh đạo quốc gia nào sự quan tâm tới mối giao hảo với nhân dân nước thù địch như ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi chiến tranh chấm dứt, vãn hồi hoà bình, nền ngoại giao Việt Nam luôn luôn chủ động nối lại bang giao. Truyền thống ấy có thể thấy rõ trong chủ trương hiện nay của Việt Nam là "khép lại quá khứ, nhìn về tương lai" trong quan hệ với các nước vốn đến xâm lược Việt Nam. Một bằng chứng điển hình là trong khi chưa giải quyết xong vấn đề MIA của bản thân, Việt Nam vẫn rộng lòng hợp tác giải quyết vấn đề MIA của Hoa Kỳ và hoà giải với các nước đã có xung đột với Việt Nam.

Cái chí nhân truyền thống cũng tạo nên tính cởi mở của nền ngoại giao Việt Nam. Không phải bây giờ Việt Nam mới tiến hành chính sách ngoại

giao rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá theo khẩu hiệu : "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển". Ngay từ khi Nhà nước Việt Nam độc lập và dân chủ mới ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói - và đã cố gắng làm - " Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với ai". Trước đây chưa thực hiện được lòng mong muốn này đâu có phải lỗi tại nền ngoại giao Việt Nam ? Ngày nay ý muốn này bắt gặp xu thế hoà bình và hợp tác cũng như xu thế đa dạng hoá, đa phương hoá trên toàn cầu, nhờ đó Việt Nam mới có điều kiện thực hiện ý nguyện của mình, có quan hệ với trên 150 nước, trong đó lần đầu tiên có quan hệ ở mức độ khác nhau với tất cả 5 nước ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Cơ động, linh hoạt trên cơ sở nắm vững chính sách và mục tiêu cơ bản cũng là bản sắc của trường phái ngoại giao Việt Nam. Phù hợp với phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra, nền ngoại giao Việt Nam vừa kiên trì những nguyên tắc cơ bản của mình, vừa linh hoạt ứng phó, tránh dập khuôn, cứng nhắc. Tính cởi mở cộng với sự linh hoạt luôn luôn là bạn đường của các nhà ngoại giao Việt Nam, góp phần thu phục nhân tâm.

Trong khuôn khổ chính sách rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá, Việt Nam dành mối quan tâm hàng đầu cho việc tăng cường bang giao với các nước láng giềng theo phương ngôn : "Bán họ hàng xa, mua láng giềng gần" nói lên truyền thống trước hết coi trọng sự giao hảo với các nước lân bang. Chính sách này thể hiện rõ nét trong những cố gắng liên tục của Việt Nam tăng cường quan hệ với Lào và Campuchia, khôi phục và phát triển quan hệ với Trung Quốc, mở rộng quan hệ với các nước Đông Á và Đông Nam Á mà nay chiếm 75% kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam và chiếm khoảng 68% tổng số vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam. Chính sách ấy còn được thể hiện rõ nét trong việc Việt Nam đang tích cực chuẩn bị hành trang gia nhập ASEAN, đã trở thành thành viên liên kết của Hội đồng Hợp tác kinh tế Thái Bình Dương (PECC), bắt đầu tham gia một số hoạt động của Hội đồng Kinh tế lòng chảo Thái Bình Dương (PBEC), và khi có điều kiện thuận lợi sẽ tham gia Hội nghị Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

Thủ tướng Võ Văn Kiệt tiếp đoàn thượng nghị sĩ Mỹ do Thượng nghị sĩ C. Samuel Bon dẫn đầu đến chào Thủ tướng
Prime Minister Vo Van Kiet receiving the delegation of American Senate led by Senator C. Samuel Bon

Như vậy, có thể thấy những hoạt động đối ngoại sôi động của Việt Nam không chỉ dựa trên chính sách đối ngoại đã được xác định vào đầu những năm 90 mà còn bắt nguồn từ những truyền thống được hun đúc từ hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Những tinh tuý "kim, cổ, đông, tây" đã giúp Việt Nam thu hoạch vụ mùa phong phú về ngoại giao, mở rộng quan hệ với nhiều nước và tổ chức quốc tế, tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho việc xây dựng đất nước, mở rộng thị trường và các đối tác, nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đương nhiên Việt Nam không chỉ có "thu hoạch" cho mình, mà trong phạm vi có thể, dưới hình thức thích hợp, còn đóng góp cho các trào lưu độc lập dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Cũng chính vì vậy mà trong các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, Phong trào không liên kết, Việt Nam luôn luôn cố gắng đóng góp tích cực cho những mục tiêu cao cả ấy. Cũng chính vì vậy mà người Việt Nam luôn luôn đồng cảm với những ai đấu tranh cho hoà bình và công lý. Cũng chính vì vậy mà Việt Nam nỗ lực góp phần vào việc củng cố xu thế hoà bình, ổn định, hợp tác ở khu vực Đông Nam Á và châu Á Thái Bình Dương.

Truyền thống và đường lối nói trên sẽ được kiên trì tiếp tục.

external relations of Vietnam are not only based on the foreign policy worked out in the early years of the 1990's but also originate from the multi-thousand-year tradition of national construction and defence. The quintessence of the "present and ancient times, of the East and the West" has helped Vietnam reap a diplomatic bumper crop. It has expanded relations with other countries and international organizations, created a favourable international environment for the building of the country and the expansion of markets and partners and the enhancement of the prestige of Vietnam on the international arena.

Vietnam does not only "reap a harvest" for itself but within its capabilities, in appropriate forms, it also makes its contribution to the movement of national independence, peace, democracy and social progress in the world. It is for this reason that in its relations with international organizations such as the United Nations, the Non-Aligned Movement, Vietnam has always made every effort to contribute actively to these lofty objectives. The Vietnamese people always sympathize with those who struggle for peace and justice. Vietnam will use all its strength to contribute to the consolidation of peace, stability and co-operation in Southeast Asia, Asia and the Pacific.

The above traditions and line will be constantly pursued.

SAU MỘT CHẶNG ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

TỒN TẠI HAY KHÔNG TỒN TẠI

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tuy hoà bình chưa trở về trọn vẹn trên lãnh thổ Việt Nam bởi những đe doạ và cả hành động chiến tranh phá hoại từ bên ngoài, song xu thế hoà bình dần dần chủ đạo đời sống Việt Nam. Nói cách khác, quy luật phát triển bình thường dần dần thay thế quy luật phát triển không bình thường. Từ tình trạng chiến tranh chuyển sang hoà bình, từ bị xâm lược thành một quốc gia độc lập, từ bị chia cắt thành một nước thống nhất - ít ra, sau đại thắng năm 1975 cũng có những thay đổi có tính toàn cục đó, và dĩ nhiên, kéo theo nó, một loạt quốc sách cần xác lập tương ứng với hiện thực và đòi hỏi mới.

Trong không khí chiến thắng, những người cộng sản Việt Nam đã nghĩ đến bước đi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong bối cảnh và điều kiện mà khó khăn, phúc tạp có nhiều, nhưng thuận lợi cũng rất cơ bản.

Khủng hoảng sớm xuất hiện, thúc đẩy sự tìm tòi lối thoát. Những "cải tiến" , "tháo gỡ" liên tục như những dọ dẫm, tìm đường, mở ra lối thoát. Cái kết luận mà kẻ sớm người muộn đều thống nhất là phải tạo sinh khí cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phải trẻ hoá chế độ. Chế độ cần một không gian thoáng để phát triển, một tương lai dài để vươn tới, một môi trường lành mạnh để sáng tạo. Do đó, giải phóng lực lượng sản xuất trở nên cấp bách hàng đầu. Trung tâm của đổi mới tư duy là ở chỗ này.

Đại hội toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đi vào lịch sử đất nước bằng một đường lối đổi mới toàn diện phù hợp với thời đại và đặc thù Việt Nam.

Phải nói rằng, đổi mới ở Việt Nam hoàn toàn không ngẫu nhiên. Nó là kết quả của bao nhiêu trăn trở, rút ra từ thực tiễn Việt Nam và quốc tế các kinh nghiệm lớn, là sự tính toán mục tiêu và bước đi đầy trách nhiệm, là

Mạ xuân

After a Stage
OF "DOIMOI"

TO BE OR NOT TO BE

After the big victory of Spring 1975, peace was not yet fully restored in the whole country, due to threats and even sabotaging acts of war from outside, but the trend of peace gradually dominated life in the country. In other words, the rule of normal development gradually took over the abnormal one. From the conditions of war to peace, from an occupied into an independent nation, from a divided into a unified country, and at least after the big victory of Spring 1975, Vietnam underwent these upheavals that, of course, required a series of policies to suit to the realities and new demands.

In the midst of the atmosphere of victory, many Vietnamese communists had already thought about the next steps of the socialist revolution in Vietnam and were aware of both difficulties and complexities and fundamental favourable conditions.

Crisis soon emerged and induced the search for a solution. Continuous "improvements" and "undoings" were fumbles in seeking a way out. A conclusion was finally reached to create the vitality for the construction of socialism in Vietnam and to revitalize the regime. The regime needed an open space to develop, a long future to grow, a healthy environment for creation. Therefore, the prime task was to liberate the productive forces. Herein lies the focus of renovation of thinking .

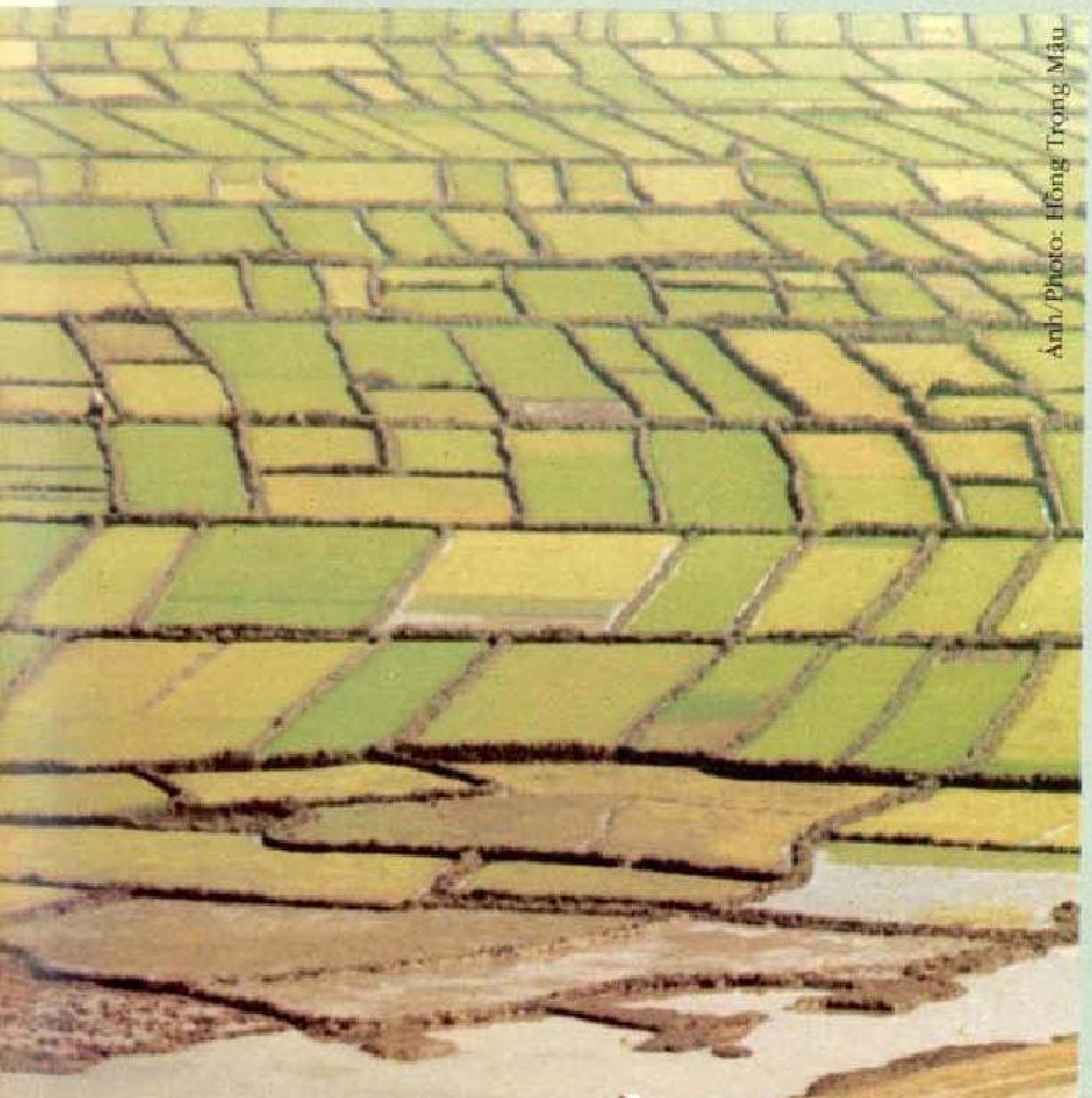

The spring rice seeding

The Sixth National Congress of the Vietnamese Communist Party has entered into the history of the country with a strategy of a comprehensive renovation in line with the times and Vietnam's specific features.

Strictly speaking, "doi moi" in Vietnam is by no means entirely accidental. It is the result of much thought, and the lessons of major experiences from Vietnamese and international realities. It is the responsible calculation of objectives and steps. It is the serious observation of the national tradition of "not remaining inactivated by fate" and of the teachings of President Ho Chi Minh : "Nothing is more precious than independence and freedom". It is an all-round effort for a wealthy people, a prosperous country, a fair and civilized society.

There are, obviously, objective pressures which are extremely hard :

Sang Xuân / The return of Spring

nghiêm túc tuân thủ truyền thống dân tộc "Không bó tay trước số phận", là vâng theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", phấn đấu vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Quả có sức ép khách quan - sức ép hết sức nặng nề : hệ thống xã hội chủ nghĩa khủng hoảng nghiêm trọng chưa từng thấy, Mỹ cấm vận, mối đe doạ về lãnh thổ, lãnh hải và thềm lục địa thường trực - song, nếu đổi mới không từ cái đầu tỉnh táo thì cơ nghiệp chắc chắn gặp khó khăn gay gắt. Đứng trước vấn đề "tồn tại hay không tồn tại", bản lĩnh Việt Nam giữ vai trò quyết định, như từng quyết định trong lịch sử.

Ở LÀN VÔI XUẤT PHÁT

Có thể phân mười năm đổi mới của Việt Nam - 1986 - 1995 - làm ba thời kỳ ngắn. Nhiều "thời kỳ" như thế bởi lẽ nhịp độ chuyển động cực kỳ dồn dập.

Thời kỳ thứ nhất từ khi Việt Nam chính thức thực hiện chính sách đổi mới sau Đại hội lần thứ VI. Đó là thời kỳ quyết tâm thực hiện một số hành động cụ thể, tiếp cận từng khía cạnh của đổi mới từ giác độ nhận thức chính sách, chủ yếu là chính sách kinh tế. Thời kỳ này diễn ra vào lúc mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu lung lay nhưng chưa sụp đổ.

Thời kỳ thứ hai diễn ra trong bối cảnh mô hình Đông Âu và Liên Xô đổ đồng loạt, kéo dài trong 2 năm. Như trên vừa nói, Việt Nam bắt đầu đổi mới có giới hạn, cục bộ, chưa thể tạo ngay được một thực lực mới, vẫn còn phụ thuộc rất lớn vào mối quan hệ vật tư, nguyên liệu, xuất khẩu - cả xuất khẩu lao động - với Liên Xô và Đông Âu, nên sự sụp đổ đồng loạt kia gây hụt hẫng nghiêm trọng đối với nền kinh tế - xã hội Việt Nam ; ta chưa nói mặt chính trị và tâm lý. Các thế lực phản động trong và ngoài nước đếm ngày cáo chung của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, bọn lưu vong hí hửng "chuyển lửa về quê" và mơ màng đến cảnh hỗn loạn, báo thù, và Việt Nam phải thần phục nước ngoài, tất cả thành quả độc lập, tự do, dân chủ của gần nửa thế kỷ cách mạng sẽ bị xoá sạch !

Nhưng, năm 1991 cho thấy một điều trái ngược : Việt Nam chẳng những đứng được nhưng không đứng với tư cách sống sót mà được tiếp nguồn sinh lực có vẻ chờ dịp để dựng dậy một cơ thể đủ sức hấp thụ các dinh dưỡng.

Thời kỳ thứ ba là từ năm 1991 đến nay. Trong thời kỳ này, như ta biết, bộ mặt mới của đất nước sáng sủa theo từng ngày, tất nhiên với không ít vấn

the unprecedented crisis of the socialist system, the US embargo, the permanent threats to the sovereignty and territory of Vietnam. If "doi moi" had not been with a cool heads, and clear minds, our cause would have certainly been extremely difficult. Facing the problem of "to be or not to be", the willpower of the Vietnamese people played the crucial role as has been demonstrated in the history of Vietnam.

AT THE START LINE

The ten years of "doi moi" in Vietnam (1986-1995) can be divided into three short periods, because the evolution tempo is very high.

The first period began when Vietnam officially implemented the "doi moi" policy after the 6th Congress of the Communist Party of Vietnam. It transformed determination into concrete actions and approached each aspect of "doi moi" from the angles of conceived policies, particularly, economic policies. This period took place while the socialist model in the Soviet Union and Eastern Europe was rickety but had not yet crumbled.

The two-year-long *second period* took place in the context of the simultaneous collapse of the Soviet Union and Eastern Europe. As was stated above, Vietnam was just at the beginning of the "doi moi" process which was restrained and partial. It could not spontaneously create new productive forces. It was still largely dependent on the Soviet Union and Eastern Europe for material, goods and export - even the export of labour forces. Therefore, the simultaneous collapse of these countries had serious consequences on the socio - economic development of Vietnam, not to mention their political and psychological consequences. Internal and external reactionary forces were counting down to the dooms day of the socialist regime in Vietnam. Reactionary Vietnamese expatriates were crazy on "passing on fires to the homeland" and dreamed of chaos, revenge and, believed that Vietnam would have to yield to external forces, that all the achievements of independence, freedom and democracy over the preceding half-century of revolution would be erased !

But the year 1991 showed the contrary : Vietnam had stood firm and surpassed survival level with enough vitality. It is seemingly bid-

ing its time to set up a mechanism capable of absorbing nutrients.

The third period has lasted from 1991 up to the present. As we have seen, the face of the country has brightened up day after day. Along with it, a number of problems have arisen - these would be discussed later.

The improvement of Vietnam's situation in the context of excessive disadvantages both internal and external has caused many politicians, scholars and journalists throughout the world who were often less sympathetic and even hostile to Vietnam to use the word "magic" in their evaluation. Earlier, everyone had laughed at the possibility of Vietnam becoming a "dragon", but now they consider this as the near future of Vietnam.

Đi chợ Tết / Going to the New year market (Tet market)

Thus, what essential lessons can we, the Vietnamese, learn from these short and stormy ten years ?

From the historical point of view, the Vietnamese nation and people have always been living in adversity. Besides the struggle against nature for survival, from ancient to modern times, the Vietnamese community had to resist foreign aggressions and domination. The will of self-reliance and self-strengthening is an element of the Vietnamese national character, an asset handed down like an instinct. This character was clearly expressed in the struggles to win back independence and

đề đặt ra, sẽ được nói ở phần sau.

Sự cải thiện tình thế của Việt Nam trong hoàn cảnh bên trong bên ngoài đều rất không thuận lợi khiến nhiều nhà chính trị, học giả, nhà báo thế giới - thường ít cảm tình, thậm chí ác cảm với Việt Nam - phải thốt lên hai tiếng "kỳ diệu" để đánh giá. Trước đây, thiên hạ cười chúng ta về khả năng "hoá rồng", nhưng bây giờ, lại xem đó là tương lai của Việt Nam, tương lai không quá xa.

Vậy thì, chúng ta, người Việt Nam, rút ra từ thời gian cô đặc mười năm ngắn ngủi và sóng gió ấy cái gì thuộc bản chất ?

Về mặt lịch sử, quốc gia và dân tộc Việt Nam luôn sống trong nghịch cảnh. Ngoài phấn đấu khắc chế thiên nhiên để sinh tồn, cộng đồng Việt Nam phải chống chọi với xâm lược và đô hộ nước ngoài từ cổ đại đến hiện đại. Trên một nghĩa nào đó, ý chí tự lực tự cường là thành tố trong dân tộc tính Việt Nam, một loại tài sản lưu truyền như bản năng. Thế mạnh này bộc lộ trong đấu tranh giành và giữ nước không phải chỉ phát huy trong một môi trường duy nhất.

Vận nước vào những năm 80 vừa qua thật hiểm nghèo. Chính vào lúc "ngàn cân treo sợi tóc" như thế, đổi mới xuất hiện. Nó nhất thiết phải dựa trên khả năng "chuyển nguy thành an" của tiềm lực con người Việt Nam. Lãnh đạo phải có lòng tin tuyệt đối vào dân tộc mình mới chọn con đường cứu nguy không phải không hàm chứa bất trắc. Từ quyết tâm mang tính định hướng chung, đổi mới trở thành vũ khí chiến đấu của đông đảo nhân dân. Và thực tiễn chiến đấu trả về cho tư duy lãnh đạo những sáng tạo vô giá. Đổi mới gắn hai mặt lợi ích - của Tổ quốc, cộng đồng và của từng người - vào một thể thống nhất mà phải nói rằng chỉ với quan điểm và chính sách đổi mới đúng đắn mới tạo ra được sự hài hoà thường khó dung hoà đó.

Lịch sử dân tộc đã chi viện cho chúng ta. Lịch sử còn chi viện cho chúng ta một phía khác, to lớn

không kém. Lãnh thổ Việt Nam như hình thể hiện nay ở vào vị trí địa lý thuận lợi khác thường, là điểm trung tâm của đường giao lưu thủy và không đông tây nam bắc bán cầu, có một bờ biển thật dài ngó ra Thái Bình Dương, là "mặt tiền" của tiểu lục địa châu Á, thuộc vùng tiếp giáp nhiệt và hàn đới, song xa xích đạo mà cũng xa bắc bán cầu hàn đới, môi trường sinh thái tốt, thời tiết khắc nghiệt chỉ cục bộ và từng lúc, mặt đất , mặt biển, thềm lục địa và hải đảo cùng lòng đất, lòng biển chứa của chìm của nổi chưa nói là quá dồi dào song không nghèo và nhất là chưa cạn kiệt... Chiến tranh tuy để lại những vết sẹo, song chiến tranh qua đi trong khi thiên nhiên tự nó đã "kéo da non" và cho một miền đất mà vào thời đại khai thác ồ ạt hiện nay, ai cũng thèm thuồng như miền đất hứa. Nếu dân tộc Việt Nam già dặn trong trận mạc thì lãnh thổ Việt Nam còn khá trinh nguyên cho sự phát triển vật chất.

Dĩ nhiên, đây không phải là thành quả của chế độ. Nó ra đời nhiều nghìn năm - chắc chắn, hơn nữa - trước khi con người có khái niệm về chế độ chính trị. Song, cái giỏi là chế độ ta hiện nay biết rõ sự vĩ đại của tiềm năng này, công hàng đầu của tạo hóa, dĩ nhiên, công của cha ông mở mang bờ cõi.

Tất cả đổi mới, dù thiện chí đến đâu, mà không có tiền đề vật chất, sẽ vô cùng khó khăn. Thành tựu của đổi mới mấy năm qua làm sao thoát ly được vị trí địa lý, tiềm năng, tài nguyên của đất nước này ?

Sau cùng, một ưu ái khác của lịch sử đối với Việt Nam : Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đặt Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh tách riêng thành một mục trong phân tích nguồn gốc của thành tựu mười năm đổi mới, chính là ghi nhận tác động của Đảng Cộng sản Việt Nam, dựng dậy và tiêm sinh lực vào những tiềm năng "còn ngủ".

Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng mang tên một con đường, một công viên lớn, thậm chí, một thành phố. Giữa lúc đất trời mù mịt, người cộng sản thấy ánh sáng con đường hầm và kêu gọi mọi công dân mở rộng con đường hầm ấy thành một đại lộ. Hồ Chí Minh, "vị cứu tinh dân tộc Việt" từ nô lệ sang tự do, đã dẫn dắt đồng bào của mình mở đường từ nghèo khổ sang "ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành".

Trong khi ở không ít nước, người ta hồ đồ đập phá và coi như "đập phá" là biểu trưng của cách mạng, thì Việt Nam trung thành với di huấn của Hồ Chí Minh, biết bảo lưu cái gì ưu tú và sửa chữa những sai phạm của thời kỳ cũ. Chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần đổi mới, song không

defend the country.

The fate of Vietnam in the 80's was indeed perilous. Right at the moment of "a huge weight hanging on the hair", "doi moi" emerged. It was decided upon the basis of the Vietnamese people's potential and ability to "change an emergency into security". Leaders must have had absolute confidence in their people when choosing a rescue strategy involving risks. From a general perspective, "doi moi" has become a fighting weapon for most people. And the actual struggle has given invaluable creative ideas to the leadership. "Doi moi" has harmoniously blended the interests of the nation and community with those of individuals. It can be said that harmony which used to be rare has been achieved only by a correct policy of "doi moi".

The nation's history has "backed" us. History has also given us another no less important help. Vietnam has an extraordinarily advantageous geographical position. It is middle point of many sea and air routes in the world. It has a long coastal line overlooking the Pacific Ocean, and is the "facade" of the Southeast Asian continent. Situated between the tropical and temperate zones but far from the equator and the frigid zone of the northern hemisphere. Vietnam's ecological environment is favourable. Harsh weather conditions are only confined to specific regions and time. Its land and sea, its continental shelf and offshore islands all treasure resources. The resources are neither over-abundant nor poor and particularly not yet exhausted. Wars have left scars in the land, but the wars were over. Nature has healed itself and offered the Vietnamese people a land that, at the time of massive exploitation, is covetously considered as promising. The Vietnamese people are battle-tempered, their country remains virgin for material development.

Such things are not the accomplishments of the present regime. They have existed for many thousand years, even before mankind had the concept of political regimes. But our present regime is clever enough to understand thoroughly the significance of its potentials. The prime credit is, of course, attributed to Nature and our ancestors' efforts in expanding the territory.

Whatever good will it may have, "doi moi" would be extremely difficult without a material

premise. The "doi moi" achievements of the past years are also associated with the geographic location, the potentials and the resources of the country.

Vietnam had another endowment in its history : Ho Chi Minh and Ho Chi Minh's ideology.

In the analysis of the origin of the achievements of the ten years of "doi moi", to distinguish Ho Chi Minh and his ideology as a separate part is to imply the impact of the Communist Party of Vietnam which awakened "sleeping" potentials and injected life into them.

A big park or even a city could be named after name of the 6th Congress of the Communist Party of Vietnam. In the dark time, the communists saw the light in a tunnel and called on the citizens to enlarge it into a boulevard. Ho Chi Minh - "the Saviour of Vietnam", led his compatriots from slavery to liberty, from poverty to a decent life, so that everyone has enough food, clothing and education.

While some other countries carried out hasty destructions and considered it as revolution, Vietnam adhered to the instructions left by Ho Chi Minh. Our people know how to preserve the good, and rectify errors of the past. Socialism of Vietnam needs renovating ("doi moi") and never denies achievements of the past.

Vietnam is said to be thriving and is actually prospering only for a few years. Statistic figures have shown a general increase in national economic growth rate along with other improvements. It is verified by a more comfortable life of the Vietnamese people.

The status of Vietnam in the region and in the world has greatly changed. "Doi moi" has created a new position which in return is an important contribution to "doi moi".

In these few years, Vietnam has accomplished a great deal of work since the requirements of "doi moi" has long been an urgent need for our regime and society. Since "doi moi" is carried out in the right direction, it has promoted the creativity of tens of millions of people, released potentials and put the development of the country into orbit.

However, in view of its capability and potential compared with its neighbours, Vietnam still stands at the starting-line of its long quest.

bao giờ khước từ những thành tựu của quá khứ.

Nếu gọi được là khởi sắc thì Việt Nam cũng chỉ mới khởi sắc trong vài năm nay. Các con số thống kê, dù ta hiểu tính chuẩn xác của chúng, vẫn cho ta ý niệm chung về tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước cùng những cải thiện khác. Sự kiểm nghiệm trong thực tế khá rõ rệt : nhân dân dễ chịu hơn trong đời sống.

Vị trí quốc tế của Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới, khác xưa rất nhiều. Đổi mới tạo vị thế mới và vị thế mới đóng góp quan trọng vào đổi mới.

Với chừng đó năm ngắn ngủi, Việt Nam làm được một khối lượng công việc đồ sộ bởi nhu cầu đổi mới bức xúc đối với xã hội và chế độ ta từ lâu, bởi đổi mới đúng hướng, bởi bước đi đổi mới phù hợp với tính năng động sáng tạo của hàng chục triệu con người, giải phóng một loạt tiềm năng, đặt quá trình phát triển đất nước vào quỹ đạo.

Nhưng, dù sao, đối chiếu với khả năng bản thân và so sánh với các nước láng giềng, Việt Nam đang còn ở lằn vôi xuất phát trong cuộc chinh phục lâu dài của mình.

BIÊN ĐỘ CỦA MỘT CUỘC VẬN ĐỘNG

Chúng ta thường nói : Việt Nam đang xây dựng một mô hình xã hội chủ nghĩa chưa có tiền lệ. Nói như thế không hẳn chính xác hoàn toàn.

Cứ xem các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, trong khi cùng chung thuộc tính của một hệ thống quốc tế, từng nước có con đường riêng, dù là cường quốc đế quốc, nước tư bản trung bình, nước tư bản có xu hướng xã hội dân chủ, nước tư bản dân tộc chủ nghĩa, nước tư bản "nòi" châu Âu, Bắc Mỹ hay xuất thân từ thế giới thứ ba. Chẳng bao giờ có một mô hình tiền chế cho mọi nước, mọi thời kỳ tuy cùng xếp chung trong một hệ thống tư tưởng chính trị. Đây chính là chỗ mà trước đây chúng ta mơ hồ. Bây giờ, khi nói rằng Việt Nam đang xây dựng một mô hình xã hội chủ nghĩa chưa có tiền lệ chẳng qua chúng ta nhắc một sự thật kiểu La Palisse.

Mặt khác, 70 năm tồn tại của mô hình Xô viết và nửa thế kỷ mô hình xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, ở châu Á, Trung Mỹ - có lúc, ở châu Phi - cung cấp cho chúng ta kinh nghiệm hết sức dồi dào. Có mặt thành công, có hoàn cảnh và thời gian thành công, có mặt thất bại. Há đó chẳng là một thứ "mô hình" hay sao ? Tại sao, bây giờ, chúng ta nghĩ rằng chúng ta bắt đầu từ con số không ? Tri thức xây dựng mô hình xã hội chủ nghĩa không nghèo

Ảnh/Photo: Hữu Cấy

Như có Bác trong ngày vui đại thắng / As if our Uncle Ho were with us in the Victory Days

đến thế. Thành công - dù cục bộ - vẫn đáng trân trọng. Thất bại, càng cần mổ xẻ hơn.

Vả lại, những nhà mácxít kinh điển, trên phương pháp luận và phương hướng cơ bản để lại cho chúng ta không ít lý luận đã tổng kết từ thực tế. Không phải mô hình theo lối công thức, nhưng cũng chẳng phải chúng ta hoàn toàn mò mẫm trong đêm tối.

Hơn nữa, rất Việt Nam, nếu chúng ta tổng kết những việc chúng ta đã làm từ năm 1954 ở miền Bắc và từ năm 1975 trong cả nước, bài học sẽ phong phú cực kỳ ! Cái được chói lọi mà cái vấp chói tim. Đâu phải tuyệt đối chẳng được gì cả ? Và, đâu phải cái không được chẳng nhắn nhủ chúng ta điều gì ?

Sau cùng, lịch sử xã hội loài người tự nó đã là một loại mô hình có hay và dở, là thành quả của trí tuệ và đấu tranh của con người, là sản phẩm của khoa học, thì rút kinh nghiệm sẽ làm cho chúng ta giàu có về kiến thức, rộng đường chọn lựa. Nói như nhà sử học Pháp bậc thầy Michelet, ai thuộc về lịch sử - nhà độc tài, ông vua, vị anh hùng... - đều có quyền có tiếng nói. Người sau như chúng ta cố nghe cho hết các tiếng nói ấy.

Việt Nam đang trong quá trình đổi mới : xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước như Việt Nam vào thời đại Việt Nam đang sống. Ít nhất, chúng ta cũng có mô hình không thành công, một người thầy phản diện. Tôi không bó hẹp người thầy phản diện ấy trong phạm vi mô hình cứng nhắc trước những năm 80 mà cả khi người ta rao giảng là muốn cứu chủ nghĩa xã hội.

AMPLITUDE OF EVOLUTION

Vietnam was said to build an unprecedented socialist model. This was not altogether true.

Let us consider capitalist countries at present. While they share common attributes, each country, indeed maintains its own identity, regardless of whether it is an imperialist power, a moderate capitalist state, or country with social-democratic tendencies or a nationalist capitalist country, a "thoroughbred" capitalist nation of Europe or North America or a country of the Third World block. There is no prefabricated model to fit every nation at all times even they are of similar political ideology. We were confused about this very point earlier. Saying "Vietnam is building an unprecedented socialist model", we are merely referring to "Veritas de la Palisse".

On the other hand, the 70-year existence of the Soviet model and the half-a-century existence of the East-European, Asian and Central American socialist models and African have provided us with copious experiences.

Success has been achieved in some circumstances and in some periods. Failures in some aspects should be also mentioned. Why could our system not be called a kind of "model" ? Why should we fancy that we are starting from scratch ? Knowledge about socialist model building is not so barren. Success - through partial - should be given consideration. Failure all the more needs analysis.

Furthermore, classic Marxists in the field of methodology and fundamental direction, have bequeathed quite a few theories proven by realities. They aren't absolute formulas but they can save our fumbling in the darkness.

Moreover, in Vietnam, if we actively learn from what we have done since 1954 in the North and since 1975 in the whole country, the

lessons are extremely abundant. Success is splendid and stumbling painful. But does failure teach us anything ?

. Finally, the history of mankind is itself also a model which contains both good and bad aspects. It is the results of man's intelligence and struggle, and the product of science. Learning from experience will make ourselves rich in knowledge, and provide us with a wide choice of paths of development. As French historian Michelet put it : everyone that belongs to history regardless of whether he is a historic figure, dictator, king, hero... has the right to speak. Posterities have to listen to all these words.

Vietnam is on the path of "doi moi", i.e. building socialism in a country such as Vietnam at the present time. At least, we already have a model which has failed and served as a "negative teacher". I have no intention to restrict this "negative teacher" to the stiff model prior to the 1980's but even to the time when there were cries to rescue socialism.

"Doi moi" means opening doors and international integration. But if the market economy has no frontiers, every country which still has the desire to remain as a nation, has to strictly guard its borders. We should not identify "opening doors" as "free flowing", integration as annexation. This or any other kind of slavery is still slavery and also humiliation. If the one thousand years of domination didn't transform Vietnam into a province of China, and the control by the French and the USA couldn't turn Vietnam into a French district or an American state, "doi moi", must be carried out to maintain the independence and freedom of Vietnam.

"Doi moi" means to enhance the productive power, to change Vietnam from a poor into a wealthy country, from backward agriculture to modern industry. Yet, capitalism has passed through the era of "barbarous capitalism" - Vietnam does not blindly follow that sorrowful path. In the foreseeable future, we must take the initiative to restrain some aspects to concentrate our strength in development, but we will not accept a "cut throat" price.

We can not allow ourselves to live in false prosperity. If we cursed the former Saigon regime, we would not in anyway accept to be "slaves" to convenience. It is very dangerous for a country, which has just begun to better its living standards to fall into a material indulgence far beyond the supply and production of the domestic economy. Consumption will swallow up the accumulation which is still meager. In that case, the national industriousness and thriftiness will be ignored and the borrowed capital will be used to buy consumer goods which sometimes are

Đổi mới là mở cửa, hoà nhập quốc tế. Nhưng, nếu kinh tế thị trường không có biên giới thì mỗi quốc gia muốn còn là quốc gia, lại phải canh giữ biên giới nghiêm ngặt, không đồng hoá mở cửa với thả của, hoà nhập với sáp nhập. Nô lệ kiểu này hay kiểu khác cũng là nô lệ, cũng là nỗi nhục. Một nghìn năm Bắc thuộc không biến Việt Nam thành hàng tỉnh của Trung Quốc, một trăm năm bị Pháp, Mỹ xâm chiếm không biến Việt Nam thành một quận của Pháp hay một bang của Mỹ, thì đổi mới trước hết vì sự vững bền của nền độc lập, tự do Việt Nam.

Đổi mới là tăng cường sức sản xuất, biến Việt Nam từ nghèo thành giàu, từ nông nghiệp lạc hậu thành công nghiệp và hiện đại. Nhưng, chủ nghĩa tư bản phải trải qua thời kỳ "chủ nghĩa tư bản dã man" - Việt Nam không mù quáng theo con đường đau khổ đó. Đành rằng, trong giai đoạn trước mắt, chúng ta chủ động hạn chế mặt nào để dồn sức cho phát triển, song cái giá này không thể buông lỏng đến mức bị "cắt cổ" cũng cam chịu.

Phồn vinh kiểu đó là giả tạo - chúng ta từng chửi chế độ Sài Gòn trước đây thì không thể vì những tiện nghi trong đời sống mà sẵn sàng thành kẻ "hàng thần lơ láo". Điều tối nguy hiểm đối với một nước vừa chớm chuyển động lên mức hưởng thụ cao hơn trước lại rơi vào những đam mê hưởng thụ vượt xa khả năng cung cấp của nền kinh tế nội địa, của sản xuất, tiêu dùng nuốt chửng phần tích lũy vẫn còn rất ốm yếu. Trong trường hợp đó, sự cần kiệm quốc gia bị bỏ quên và những vốn liếng vay mượn từ bên ngoài - hễ vay mượn thì phải trả, trả với lãi suất - được dùng để mua hàng tiêu dùng, có những loại đôi khi chỉ tài phiệt và vua chúa mới dám xài.

Đổi mới cần nhiều động lực, các thành phần kinh tế khác nhau thuộc động lực của đổi mới. Chúng ta thừa nhận trong một số thập niên, xã hội Việt Nam phân hoá - phân tầng hoặc cả phân hoá giai cấp. Nhưng, tính tự giác hay tự phát phân định từ đây, từ những giới hạn mà chế độ vạch rõ và cầm chịch. Tuyệt đại đa số nhân dân đời sống khá hơn, số nghèo giảm xuống, số giàu tăng nhưng vẫn là thiểu số. Giàu có đột xuất, không do tích lũy, ngay bằng phương pháp tư bản chủ nghĩa thông thường, mà do ăn cắp ngân sách, hối mại quyền thế, buôn lậu, dựa vào nước ngoài, trường hợp này không

reserved only for big capitalists or kings. And we should never forget that all borrowings are to be paid back with interests.

"Doi moi" needs various propellants. Diverse economic components are the propellers of "doi moi". We are aware that in a few decades, Vietnamese society will change, there will be differentiation of social strata, even social classes. However, the differentiation - conscious or spontaneous - should be within the limits fixed and controlled by our system. The overwhelming majority of the population live better now, the number of poverty-stricken people has been reduced, the wealthy have increased though remain a minority. Some people become outstandingly affluent, not by way of accumulation (even from normal capitalist practice) but by means of embezzlement, bribery, smuggling or relying on a foreign country. It is not only an ethical sabotage, but tantamount to pulling down "doi moi". It is some kind of "peaceful subversion" within our system.

Kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng miền Nam / The 20th anniversary of the liberation of the South Vietnam

A real equitable society must be demonstrated through "doi moi". It is this social equity that will ensure the correct orientation, target, and economic growth rate of "doi moi".

"Doi moi" is a concerted battle. There could not be "doi moi" if it completely lacks a society governed by law and good citizens, a society in which the intellectual standard of people is raised higher and morality better.

The leadership of the Party and the people's power are our strong points. The Party guarantees the right direction of "doi moi". Enhancing the leading capabilities of the Party, the administrative power of the government is enhancing the effectiveness of "doi moi".

The situation is on the move. It is too early to make any conclusions about history through the events of a few decades. However, we still have an instrument of measuring the amplitude of the period of creating the initial conditions for the long race.

Success is not 100 per cent guaranteed. But the risk rate has been lowered.

chỉ phá hoại đạo lý mà phá hoại cả sự nghiệp đổi mới, diễn biến hoà bình từ bên trong chế độ của chúng ta.

Công bằng xã hội - công bằng một cách thực tế - phải được "đổi mới" chứng minh . Chính vế công bằng xã hội bảo đảm phương hướng, mục tiêu, chỉ số cho vế tăng trưởng kinh tế.

Đổi mới là một trận tuyến đồng bộ. Không thể có đổi mới triệt để nếu không có một xã hội pháp chế và công dân mỗi ngày mỗi hoàn chỉnh, một xã hội dân trí mỗi ngày mỗi cao, một xã hội đạo đức mỗi ngày mỗi sâu.

Thế mạnh của chúng ta là Đảng lãnh đạo và chính quyền nhân dân, Đảng đảm bảo cho sơ đồ đổi mới đúng biên độ. Tăng cường năng lực trí tuệ lãnh đạo của Đảng và điều hành của Nhà nước tức là tăng cường hiệu quả của đổi mới.

Tình thế đang vận động. Trước khi thực tế chỉ ra nó là cái gì, chúng ta hãy cẩn mật theo dõi. Chuyện vài ba chục năm không thể kết luận qua vài năm khởi động. Nhưng, chúng ta vẫn có trong tay công cụ đo lường - đó là biên độ của thời kỳ tạo cơ sở ban đầu cho cuộc chạy đua đường trường.

Không êm xuôi một trăm phần trăm, đúng vậy. Song, tỷ lệ bất trắc phải thấp.

TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

I

Lịch sử Việt Nam đã ghi nhận nhiều cột mốc trên con đường phát triển. Năm 1987 đánh dấu như năm mở đầu một thời kỳ mới - "thời kỳ đổi mới và mở cửa".

Thực hiện một nền kinh tế nhiều thành phần và chuyển sang cơ chế thị trường là nội dung trung tâm của đường lối đổi mới. Mở rộng quan hệ buôn bán và hợp tác đầu tư với các nước trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, là nội dung chủ yếu của đường lối mở cửa.

"Đổi mới và mở cửa" có quan hệ hữu cơ và tác động qua lại với nhau, là điều kiện của nhau, nhằm vào mục tiêu từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, tạo tiền đề cho sự phát triển với tốc độ cao trong thời kỳ tiếp theo.

Xét về nguồn lực của sự phát triển, từ năm 1987 đến năm 1993, Việt Nam ở vào một hoàn cảnh khó khăn hơn bất kỳ thời gian nào trước đó. Mỹ thực hiện chính sách cấm vận đối với Việt Nam cho đến đầu năm 1994, cuộc khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới dẫn đến sự tan rã của Liên Xô (cũ) và một số nước ở Đông Âu, làm giảm sút đột ngột các khoản viện trợ và quan hệ thương mại của các nước đó đối với Việt Nam. Cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp trong quản lý kinh tế đã làm giảm tính hiệu quả của các hoạt động kinh doanh, đã gây ra cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất trong lịch sử cận đại của đất nước.

Chính là đường lối "đổi mới và mở cửa" đã khơi dậy tiềm năng to lớn của một dân tộc, khuyến khích sáng kiến của mỗi cá nhân, tạo ra sự năng động trong hoạt động kinh tế, nhờ đó mà tình hình kinh tế đi dần vào thế ổn định. Tốc độ lạm phát của thời kỳ 1985-1987 gần 500% năm, đã giảm dần, rồi giảm đến 5,3% năm 1993 và 14,2% năm 1994. Nếu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ở thời kỳ 1986-1990 là 3,9% thì ở thời kỳ 1991-1993 là 8,2%, năm 1994 là 8,5%.

Sự ổn định tình hình kinh tế cho phép điều chỉnh chiến lược kinh tế đã được hoạch định vào năm 1991 với mục tiêu gia tăng tốc độ phát triển cao hơn trong thời kỳ 1996-2000.

Việt Nam mở cửa

Potential and Investment

OPPORTUNITIES

I

The history of Vietnam has recorded many milestones on the path of development. The year 1987 was marked as the opening of a new period - "that of open door and renovation".

Establishing a multi-component economy and shifting to the market mechanism constitute the focal point of renovation. Broadening trade relations and investment co-operation on the basis of equality, mutual benefit, and mutual respect for independence and sovereignty is the main content of the open-door policy.

"Renovation and open-door" are organically interrelated. Each serves as the condition for the other ; and both aim at gradually stabilizing the country's socio-economic situation and preparing the ground for higher growth rate in the subsequent period.

In terms of the sources for development, Vietnam, from 1987 to 1993 found itself in a more difficult situation than in any previous period. The United States pursued the embargo policy against Vietnam until early 1994. The crisis of the world socialist system leading to the disintegration of the Soviet Union and a number of Eastern European countries resulted in a sharp decrease in aid and commercial relations with these countries. The centralized, bureaucratic, subsidy-based mechanism of economic management reduced the effectiveness of business activities, and brought about the most serious economic crisis in the contemporary history of the country.

Opened Vietnam

It is the "renovation and open-door line" that aroused the great potentials of the nation, encouraged individual's initiatives and created dynamism in economic activities. Thanks to this, the economic situation was gradually stabilised, the inflation rate of the 1985-1987 period - about 500% per year gradually went down to only 5.3% in 1993 and about 14.2% in 1994. The growth rate of the GDP was 3.9% in the 1986 - 1990 period, 8,2% in 1991-1993, and 8.5% in 1994.

Economic stability has enabled a readjustment of the economic strategy worked out in 1991 with the objective of increasing the rate of development in the 1996 - 2000 period.

Triển lãm hàng công nghiệp / Exhibition of Industrial products

II

Ngày 29-12-1987, Quốc hội thông qua Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 1 của Luật này ghi rõ : "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoan nghênh và khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vốn và kỹ thuật vào Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam, bình đẳng và các bên cùng có lợi.

Nhà nước Việt Nam bảo đảm quyền sở hữu đối với vốn đầu tư và các quyền lợi khác của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tạo những điều kiện thuận lợi và định các thủ tục dễ dàng cho các tổ chức, cá nhân đó đầu tư vào Việt Nam" [1].

Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi và bổ sung lần đầu vào tháng 6-1990 và lần thứ hai vào tháng 12-1992, cùng với nhiều luật và pháp lệnh có liên quan đã tạo ra cơ sở pháp lý cho hoạt động đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp nước ngoài.

Việt Nam đã áp dụng tất cả hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài, đó là :

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Xí nghiệp liên doanh.

1. *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1989, tr. 3-4.

II

On December 29, 1987, the National Assembly adopted the Law on foreign investment in Vietnam. Article 1 of this law stipulates: "The State of the Socialist Republic of Vietnam welcomes and encourages foreign organisations and individuals to invest capital and technologies in Vietnam on the basis of respect of its independence and sovereignty, observance of the laws, equality and mutual benefit.

The State of Vietnam guarantees the ownership of invested capital and other interests of foreign institutions and individuals. It provides them with favourable conditions and convenient procedures to invest in Vietnam" [1].

The Law on foreign investment in Vietnam was first amended in June 1990 and the second time in December 1992. Along with related laws and ordinances, it has created a juridical basis for the direct investment activities of foreign enterprises.

Vietnam has made available all forms of direct foreign investment, namely :

- Business Co-operation contracts
- Joint venture enterprises

1. *Law on foreign investment in Vietnam*, The Juridical publishing House, Hanoi, 1989, p.3-4.

- Enterprises with 100% foreign capital

To establish a joint venture enterprise in Vietnam, the capital contribution of foreign investors is not limited to a maximum level of 49% as in a number of other countries. They may contribute up to 60%, 70%. The State of Vietnam only stipulates that the amount of capital contribution is not less than 30% of the legal capital.

In joint venture enterprises, the managerial boards are formed according to the percentage of individual's capital contribution, usually each party is to chair the managerial board for a 5-year period alternately. A foreigner has the right to be the Director General in this case. The only juridical obligation is that the First deputy-director general must be a Vietnamese.

With the exception of some fields annually announced, foreigners are allowed to set up in Vietnam enterprises with 100% foreign invested capital.

Since 1993 Vietnam has applied an additional mode referred to as the Build-Operate-Transfer (BOT) mode - with regard to projects of building infrastructure installations : power, water supply and drainage, roads, bridges, harbours. Foreigners may sign contracts with a Vietnamese State body to invest in the building of power plants or highways. They will operate for an appropriate period, and are allowed to levy fees until they have redeemed their capital plus an appropriate profit. Then they will transfer the project without compensation to the Vietnamese State.

The Law on foreign investment in Vietnam has stipulated privileges for investors :

- The equipment and materials imported for the establishment of enterprises and the raw materials imported for the production of export commodities are exempted from import duties.

- Depending on each project, investors are required to pay income taxes at the rates of 10%, 15% or 20% during a period of 5 to 10 years. Afterwards, they will have to pay a 25% income tax for the remaining period (the income tax rates may be higher with regard to oil, gas, gold, and precious stones).

- The investment projects may benefit from income taxes exemption for a maximum period of 4 years and a tax reduction in 4 subsequent years, as from the time when the business starts bringing about profits.

- Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Để thành lập một xí nghiệp liên doanh ở Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế mức góp vốn tối đa là 49% như ở một số nước khác ; họ có thể đóng góp đến 60%, 70%... Nhà nước chỉ giới hạn việc góp vốn của họ không ít hơn 30% tổng vốn pháp định.

Trong các xí nghiệp liên doanh, việc thành lập hội đồng quản trị thực hiện theo tỷ lệ góp vốn, thường mỗi bên luân phiên làm chủ tịch hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 5 năm. Người nước ngoài được quyền làm tổng giám đốc điều hành ; trong trường hợp này, chỉ có một sự ràng buộc về pháp lý là người Việt Nam phải làm phó tổng giám đốc thứ nhất.

Trừ một vài lĩnh vực được công bố hàng năm, người nước ngoài được đầu tư 100% vốn để lập các xí nghiệp ở Việt Nam.

Từ năm 1993, Nhà nước Việt Nam áp dụng thêm phương thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) đối với các dự án xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng : điện, cấp thoát nước, đường sá, cầu, bến cảng... Người nước ngoài có thể ký hợp đồng với một cơ quan Nhà nước Việt Nam để đầu tư vốn xây dựng một nhà máy điện, hoặc một con đường. Họ điều hành trong một thời gian thích hợp, được thu phí cho đến khi đã hoàn vốn và có lợi nhuận thoả đáng, sẽ chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam.

Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã dành những ưu đãi cần thiết cho nhà đầu tư :

- Toàn bộ thiết bị, vật tư nhập khẩu để hình thành xí nghiệp, nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu đều được miễn thuế nhập khẩu.

- Tùy theo từng dự án, các nhà đầu tư phải nộp thuế lợi tức 10%, 15%, 20% trong một thời gian từ 5 đến 10 năm, sau đó nộp thuế lợi tức 25% cho thời gian còn lại (trừ dầu khí, vàng bạc, đá quý thuế lợi tức có thể cao hơn).

- Các dự án đầu tư có thể được miễn giảm thuế lợi tức, tối đa là miễn 4 năm và giảm 4 năm tiếp theo kể từ khi kinh doanh có lãi.

- Các nhà đầu tư được phép chuyển lợi nhuận về nước hoặc sang nước thứ ba ; họ phải nộp thuế chuyển lợi nhuận 5%, 7% hoặc 10%. Trong trường hợp họ không chuyển lợi nhuận ra khỏi Việt Nam mà tái đầu tư ở Việt Nam từ 3 năm trở lên thì được hoàn lại toàn bộ thuế lợi tức cho số lợi nhuận tái đầu tư đó.

Từ khi ra đời, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã được coi là "cởi mở và hấp dẫn". Tuy vậy, thực tế hoạt động đầu tư ở Việt Nam trong thời gian qua đã bộc lộ một số nhược điểm, mà hiện

nay đang đặt ra cho các cơ quan Nhà nước nhiệm vụ nghiên cứu để hoàn chỉnh luật pháp ; hơn nữa, tình hình các nước trong khu vực đã thay đổi nhiều, một số nước mới đưa ra các nội dung hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư, do vậy, cần phải cải tiến môi trường pháp lý để có thể cạnh tranh với các nước trong khu vực.

III

Việt Nam với dân số hơn 70 triệu người là một thị trường rộng lớn chưa được khai phá đối với nhiều sản phẩm công nghiệp. Với hơn 33 vạn km2 đất liền và hàng chục vạn km2 thềm lục địa, Việt Nam có trữ lượng dầu khí theo ước tính sơ bộ khoảng 3-7 tỷ barels, có 2-3 tỷ tấn than đá, 7 tỷ tấn bốcxít, có đồng, chì, kẽm, đất hiếm đủ để phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu. Nhờ có một nền giáo dục phổ cập và nâng cao, số người biết chữ ở Việt Nam đạt tỷ lệ khoảng 90%, với trên 1 triệu người tốt nghiệp đại học và trung học chuyên nghiệp, trong đó có 700.000 người có trình độ đại học trở lên, một đội quân lao động khéo tay, dễ tiếp thu kỹ thuật mới. Đó là những nhân tố thuận lợi cho các nhà đầu tư khi tính đến các yếu tố cần thiết cho sự phát triển của doanh nghiệp. Người Việt Nam thu nhập còn thấp, tiền lương chỉ bằng 30% của Thái Lan, 15-20% của Hàn Quốc và Đài Loan, 5-7% của Nhật Bản, do vậy sẽ tạo ra lợi thế về chi phí thấp cho các sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Nhìn tổng quát, trong thời kỳ 1988-1994, hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã phát triển với tốc độ cao (xem Bảng 1):

Bảng 1

	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994	Quý I-1995
Số dự án đầu tư	37	70	111	155	193	272	362	87
Số vốn đầu tư (triệu đôla)	366	539	596	1388	2117	2887	4071	2133

So với các nước xung quanh, tốc độ tăng trưởng như vậy là đáng khích lệ.

Trong thời kỳ đầu (1988-1990), các dự án lớn chủ yếu trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí, còn lại là các dự án nhỏ. Từ năm 1991 bắt đầu có các dự án lớn trong lĩnh vực khách sạn, công nghiệp

- Investors are allowed to transfer profits to their home country or to a third country, however, they are subjected to pay tax on the transfer of profits at the rate of 5%, 7% or 10%. In case they do not transfer profits abroad, but reinvest in Vietnam for a period of 3 years or more, they will be reimbursed all the income tax levied on the amount of reinvested profits.

Since it came into existence, the Law on foreign investment in Vietnam has been regarded as "an open and attractive one". However, actual investment activities in Vietnam in the past period have revealed some weaknesses. These have been brought to the attention of various State bodies concerned with the task of considering how to satisfactorily revise the law. Moreover, the situation in other countries in the region has much changed, some of them introduced more attractive incentives to investors. Therefore, the juridical environment should be improved to stay competitive.

III

With a population exceeding 70 million, Vietnam is a big market which remained unexplored in terms of industrial products. With an area of over 330,000 km2, and hundreds of thousands of square kilometres of continental shelf, Vietnam possesses oil and gas reserves preliminarily estimated at 3-7 billion barrels, 2-3 billion tonnes of coal, 7 billion tonnes of bauxite ; copper, lead, zinc, rare earth are available in sufficient quantities for the development of a number of major industries.

Thanks to a system of widespread and enhanced education, the rate of literacy in Vietnam is approximately 90% of the population, with over one million university graduates or vocational secondary schools, including 700,000 post graduates, an army of skilful labourers who can easily absorb new technologies. These are favourable factors for investors when they consider the requirements for business development.

làm hàng xuất khẩu, viễn thông, khu chế xuất...

Từ năm 1988 đến 1992, tổng số vốn đầu tư thực hiện chỉ có 1 tỷ đôla, năm 1993 là 1,08 tỷ đôla, bằng cả 5 năm trước đó ; năm 1994 là 1,5 tỷ đôla, tăng 50% so với năm 1993.

Tính đến ngày 31-3-1995, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư đã cấp giấy phép đầu tư cho 1287 dự án, với tổng số vốn đầu tư là 14,097 tỷ đôla. Trong số đó, có 199 dự án đã bị rút giấy phép và kết thúc thời gian hoạt động ; do vậy hiện còn 1088 dự án đang hoạt động, với số vốn đầu tư 13,138 tỷ đôla, được phân theo các ngành (xem Bảng 2) :

Bảng 2

Số TT	Tên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư
1	Công nghiệp	629	4.822.411.063
2	Dầu khí	26	1.302.450.000
3	Nông, lâm nghiệp	31	287.623.192
4	Ngư nghiệp	21	65.975.192
5	Giao thông vận tải và bưu điện	29	432.021.195
6	Khách sạn, du lịch	118	3.435.908.085
7	Dịch vụ	152	1.595.906.063
8	Tài chính, ngân hàng	16	177.750.000
9	Xây dựng nhà ở	13	289.015.420
10	Các ngành khác	11	131.142.473
11	Xí nghiệp khu chế xuất	35	124.852.201
12	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và khu chế xuất	7	473.439.874
	Tổng số	1088	13.138.494.758

(Không kể các dự án đầu tư ra nước ngoài, rút giấy phép và hết hạn hoạt động).

Trong số 47 nước và khu vực lãnh thổ hoạt động đầu tư tại Việt Nam, 17 nước và khu vực lãnh thổ có vốn đầu tư trên 100 triệu đôla (xem Bảng 3):

The incomes of the Vietnamese are still low. Their wages amount to only 30% of those in Thailand, 15-20% of those in South Korea and Taiwan, 5-7% of those in Japan. This would result in the advantage of low cost products to be competitive on the world market.

During the 1988-1994 period, foreign investment activities in Vietnam developed at a rapid rate (Refer to Table 1)

Table 1

	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1st quarter 1995
Number of investment projects	37	70	111	155	193	272	362	87
Funds invested (Million US dollars)	366	539	596	1388	2117	2887	4071	2133

In comparison with the surrounding countries, such a growth rate is encouraging.

In the initial period (1988-1990), large projects were mainly in the field of exploration and exploitation of oil and gas. The remaining were small ones. Since 1991 there have been major projects in hotel industry, export products manufacturing, telecommunications, export products processing zones etc.

Between 1988 and 1992, the total investment amounted to only one billion US dollars ; in 1993 the figure was 1,08 billion US dollars, equal to the previous 5 years added together. The figure for 1994 was 1.5 billion US dollars, a 50% increase in comparison with that of 1993.

Bảng 3

Số TT	Đối tác nước ngoài	Số dự án	Tổng vốn đầu tư
1	Đài Loan	183	2.510.566.694
2	Hồng Kông	170	2.035.558.333
3	Singapore	91	1.218.548.837
4	Hàn Quốc	110	1.080.363.987
5	Nhật Bản	84	949.933.205
6	Úc	45	678.342.485
7	Malaysia	36	619.959.347
8	Mỹ	32	519.204.145
9	Pháp	60	509.728.760
10	Thụy Sĩ	14	483.869.458
11	Hà Lan	17	382.493.220
12	Anh	15	377.029.448
13	Thái Lan	48	295.179.046
14	Bahamas	1	264.000.000
15	B.V.Islands	15	219.397.662
16	Indonesia	12	163.467.021
17	CHLB Nga	34	139.330.300

IV

Mọi sự hợp tác đầu tư là vấn đề của cả hai phía. Hiệu quả của sự hợp tác phụ thuộc vào việc đấu tranh và điều chỉnh lợi ích của mỗi phía.

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề gia tăng tốc độ phát triển phải được coi là yếu tố quyết định của chiến lược kinh tế, nhằm khắc phục nguy cơ tụt hậu và xích gần sự phát triển của các nước trong khu vực.

Tốc độ phát triển kinh tế phụ thuộc vào hai nhân tố : vốn đầu tư và hệ số ICOR (quan hệ giữa việc

Up to March 31, 1995, the State Committee for Co-operation and Investment (SCCI) had issued licenses for 1,287 projects with a total investment of 14.097 billion US dollars. This figure includes 199 projects with licenses confiscated and terminated. Therefore, 1,088 projects remained in operation with the total investment of 13.138 billion US dollars, distributed into various branches as illustrated in Table 2.

Table 2

Serial number	Name of branch	Number of projects	Total investment
1	Industry	629	4.822.411.063
2	Oil and gas	26	1.302.450.000
3	Agriculture and forestry	31	287.623.192
4	Fishery	21	65.975.192
5	Communication & transport, Post & telecommunications	29	432.021.195
6	Hotels, tourism	118	3.435.908.085
7	Services	152	1.595.906.063
8	Finance, banking	16	177.750.000
9	Housing	13	289.015.420
10	Other branches	11	131.142.473
11	Enterprises of export processing zones	35	124.852.201
12	Building of the infrastructure of 4 industrial and export processing zones	7	473.439.874
-	Total	1088	13.138.494.758

(This table does not include projects investing overseas, or those with licenses confiscated and terminated).

tăng trưởng 1% GDP và tăng vốn đầu tư). Trước hết, phải tận lực khai thác nguồn vốn trong nước, huy động tiền nhàn rỗi của dân cư vào hoạt động đầu tư bằng việc tạo lập thị trường vốn, thị trường chứng khoán, lập các công ty cổ phần, khuyến khích gửi tiền tiết kiệm... ; đồng thời, phải coi trọng vốn đầu tư của nước ngoài, bao gồm viện trợ và tín dụng ưu đãi (ODA) và đầu tư trực tiếp (FDI).

Dự kiến từ năm 1995 đến năm 2000 cần có ít nhất là 50 tỷ đôla vốn đầu tư, trong đó ODA khoảng 8-10 tỷ đôla và FDI khoảng 18-20 tỷ đôla.

Việc huy động vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phụ thuộc trước hết *việc cải thiện môi trường đầu tư ở Việt Nam.*

Một số nhà đầu tư cho rằng thị trường Việt Nam còn quá nhiều rủi ro, chưa dám mạo hiểm ; họ đến Việt Nam thăm dò, nhưng chờ khi nào có đủ lòng tin vào doanh lợi mới lập dự án đầu tư.

Nhiều nhà đầu tư khác nhìn các nhược điểm của thị trường Việt Nam với con mắt chiến lược, thấy đó là những nhân tố tạm thời ; họ tin vào viễn cảnh của nền kinh tế năng động, có đủ sức vượt qua các trở ngại hiện có để đẩy nhanh tốc độ phát triển, đang có nhiều dấu hiệu sớm trở thành một thị trường hấp dẫn cho bất cứ nhà đầu tư nào có đức tính kiên nhẫn.

Người Việt Nam nhận thức đầy đủ nhược điểm và cả những thiếu sót, nhưng cũng rất tin vào tương lai của đất nước, bởi vì giai đoạn khó khăn nhất trong "cuộc sinh nở" đã qua rồi ; các tiền đề cho sự phát triển đã được tạo lập, chỉ cần tỉnh táo để nhận biết và điều chỉnh thiếu sót, sẽ có thể đẩy nhanh được tốc độ tăng trưởng.

Trước hết, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, để khắc phục nhược điểm của sự thiếu nhất quán và không đồng bộ, làm ảnh hưởng đến môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư.

Thứ hai là, tập trung vốn đầu tư của Nhà nước vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng : đường sá, điện, nước, sân bay, bến cảng cho một nền kinh tế hiện đại, mà các cơ sở hiện có còn lạc hậu so với yêu cầu của sự phát triển.

Thứ ba là, khắc phục tệ quan liêu, các thủ tục hành chính phức tạp, tệ tham nhũng và sách nhiễu của một bộ phận viên chức nhà nước ; định ra các thủ tục đơn giản, rõ ràng để vừa không làm mất thời gian và tiền của nhà đầu tư, vừa nâng cao hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước.

Thứ tư là, đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ Việt Nam hiểu được thông lệ quốc tế, nắm vững pháp

Out of 47 countries and territories involve in investment activities in Vietnam, 17 have investments exceeding 100 million US dollars (Refer to Table 3).

Table 3

Serial number	Foreign partners	Number of projects	Total investment
1	Taiwan	183	2.510.566.694
2	Hongkong	170	2.035.558.333
3	Singapore	91	1.218.548.837
4	Republic of Korea	110	1.080.363.987
5	Japan	84	949.933.205
6	Australia	45	678.342.485
7	Malaysia	36	619.959.347
8	The United States	32	519.204.145
9	France	60	509.728.760
10	Switzerland	14	483.869.458
11	The Netherlands	17	382.493.220
12	The United Kingdom	15	377.029.448
13	Thailand	48	295.179.046
14	Bahamas	1	264.000.000
15	B.V. Islands	15	219.397.662
16	Indonesia	12	163.467.021
17	The Russian Federal Republic	34	139.330.300

luật, biết cách giao tiếp và sẵn sàng hợp tác với người nước ngoài, cùng chia sẻ lợi ích và rủi ro trong các dự án liên doanh.

Nhà nước Việt Nam khuyến khích các nhà đầu tư trong các lĩnh vực sau đây :

- Xây dựng một ngành công nghiệp dầu khí, bao gồm thăm dò và khai thác dầu, lọc dầu, hoá dầu, sử dụng khí thiên nhiên để phát điện, làm phân bón. Năm 1994, Việt Nam sản xuất 7 triệu tấn dầu thô, dự kiến năm 2000 sản lượng dầu thô ít nhất đạt 20 triệu tấn. Cũng trong thời gian này sẽ xây dựng hai nhà máy lọc dầu, mỗi cái có công suất 5-6 triệu tấn/năm, một khu công nghiệp hoá dầu ; hoàn thành đường ống dẫn khí từ các mỏ dầu và khí ở thềm lục địa để phát điện, sản xuất phân bón và làm khí hóa lỏng.

- Khai thác các tài nguyên thiên nhiên khác, như sắt, bốcxít, đồng, kẽm, than, trong đó có dự án khai thác quặng sắt ở Hà Tĩnh tại vùng mỏ sắt có trữ lượng khoảng 520 triệu tấn, dự kiến trong thời gian đầu khai thác 7-10 triệu tấn/năm, sau đó xây dựng nhà máy luyện thép. Dự kiến đến năm 2000, Việt Nam sản xuất khoảng 2 triệu tấn thép/năm.

- Đầu tư vào các dự án sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, bê tông, các cấu kiện đúc sẵn, thiết bị vệ sinh, trang trí nội thất để đáp ứng đủ sự gia tăng nhanh chóng về nhu cầu xây dựng trong những năm sắp tới. Ví dụ về xi măng, năm 1993 cả nước sản xuất được 4,5 triệu tấn, phải nhập khẩu hơn 2 triệu tấn ; dự kiến năm 2000 phải sản xuất 20 triệu tấn mới đáp ứng được nhu cầu thị trường.

IV

Any investment co-operation is a two-sided affair. Its effectiveness depends on the struggle and the adjustment of interests of each party. In the present stage, the acceleration of development must be regarded as a decisive factor of the economic strategy, which is designed to overcome the danger of lagging behind and to catch up with the development of other countries in the region.

The rate of economic development depends on two factors : the invested capital and the ICOR coefficient (relation between 1% increase of the GDP and the increase of invested capital). In the first place, strongest efforts must be made to exploit domestic capital, to mobilize the savings of the people and funnel them into investment activities through the creation of capital market, stock exchange, the establishment of joint-stock companies, the encouragement of deposits in savings banks etc. At the same time, importance must be attached to foreign investment, including loans, ODA credits, and FDI.

It is expected that from 1995 to 2000, investments of at least 50 billion US dollars are required, including 8-10 billion US dollars of ODA and 18-20 billion dollars of FDI.

The mobilization of FDI capital depends primarily on the improvement *of the investment environment in Vietnam.*

A number of investors think that the Vietnamese market is full of risks, and do not dare to take rash actions. Many come to Vietnam for exploratory purposes and wait to have enough confidence in the possibility of success before working out investment projects.

Other investors look at the weaknesses of the Vietnamese market with a strategic eye. They see the weaknesses as temporary. They believe in the prospects of the dynamic economy which is strong enough to overcome existing obstacles and to accelerate the rate of growth. There are many indications that Vietnam will soon become an attractive market for any patient investor.

The Vietnamese are fully aware of their weaknesses and shortcomings. Yet they are very confident in the future of the country, because the most difficult stage of the "birth" has passed ; the basis of development has been created. It is only necessary to be a*ware of* and overcome the shortcomings, and the growth rate will increase.

First, we should amend and perfect the legal system to overcome weaknesses, inconsistency and disharmony, which affect the juridical environment for investment activities.

Second, we should concentrate the State's investment on the building of the infrastructure : roads, power, water supply, airfields, harbours for a modern economy. The existing facilities are not up to the requirements of development.

Third, to overcome bureaucraticism, complicated administrative procedures, corruption and vexing practices on the part of civil servants. To lay down simple and clear procedures to avoid waste of time and money for the investors and to increase the effectiveness of the State apparatus.

Fourth, to train Vietnamese officials towards international practices, laws, public relations, and prepared to cooperate with foreigners and share with them benefits and risks in joint-venture projects.

- Xây dựng hạ tầng cơ sở cho các khu công nghiệp sẽ được hình thành ở nhiều địa phương. Mỗi khu công nghiệp có diện tích trung bình từ 50-150 ha, nhà đầu tư nước ngoài được khuyến khích liên doanh với doanh nghiệp Việt Nam, xây dựng hạ tầng cơ sở, rồi cho các nhà đầu tư khác thuê để xây dựng xí nghiệp trong các khu công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

Nhà nước cũng khuyến khích đầu tư trồng rừng, chế biến nông sản thực phẩm, xây dựng khách sạn để gia tăng hoạt động du lịch quốc tế và trong nước.

Với tất cả sự khiêm tốn vốn là bản sắc của dân tộc mình, người Việt Nam vẫn có quyền tự hào về những thành tựu đã đạt được trong một giai đoạn cực kỳ khó khăn thực hiện đường lối "đổi mới và mở cửa" ; đồng thời cũng ý thức đầy đủ nhiệm vụ mà lịch sử đang đặt ra - bù lại thời gian chậm phát triển do sự trì trệ trong quản lý kinh tế đã kéo dài hơn một thập kỷ và hậu quả của chiến tranh ; lại phải lưu ý đến khoảng cách khá xa về trình độ phát triển so với các nước xung quanh.

Người Việt Nam đã đón tiếp bè bạn quốc tế như những người chủ nhà hiếu khách. Các cuộc gặp gỡ ban đầu dù còn bỡ ngỡ, đôi khi có cả sự mếch lòng, nhưng dần dà khi trở thành bè bạn, các nhà đầu tư đã tìm thấy ở đây một xứ sở đang tiềm ẩn nhiều cơ hội cho các hoạt động của họ. Kiên nhẫn và thành tâm trong quan hệ hợp tác là bài học thành công được rút ra từ cả hai phía. Đó cũng là phương châm hành động nhất quán của Việt Nam để thực hiện đường lối mở cửa.

The Vietnamese State encourages investors in the following fields :

- The construction of the oil and gas industry, which includes oil exploration and exploitation, oil refinery, oil chemistry, the use of natural gas in power generation and fertilizer production.

Vietnam turned out 7 million tonnes of crude oil in 1994 and expects to produce at least 20 million tonnes in the year 2000. During the same period, it will build two oil refineries, each with capacity of 5 - 6 million tonnes / year, a region of petro-chemical industry region, complete the pipeline network to bring gas from the fields on the continental shelf for power generation, the manufacture of fertilizers and the liquefied gas.

- The exploitation of other natural resources such as iron, bauxite, copper, zinc, coal, and others. This includes a project for exploiting iron ore in Ha Tinh, with the reserve of about 520 million tonnes. 7-10 million tonnes/year are expected to be exploited in the initial period, a steel plant will be built later. Vietnam is expected to produce about 2 million tonnes of steel annually by the year 2000.

- The investment in projects for the production of construction materials such as cement, concrete, prefabricated building materials, toilet equipment, interior decorations so as to meet the rapid development of the construction industry in the coming years. For instance, in 1993, the total production of cement in the country reached 4.5 million tonnes, and over 2 million tonnes were imported. It is expected that the target 20 million tonnes of cement a year could be achieved by the year 2000 in order to meet the demands of the market.

- The construction of the infrastructure for industrial zones which will be established in many regions with an average area of 50-150 hectares each. Foreign investors are encouraged to set up joint ventures with Vietnamese enterprises to build infrastructure installations for leasing to others and to establish enterprises in the industrial zones, especially those manufacturing export goods.

The State also encourages investments in reforestation, the processing of agricultural products, construction of hotels to boost international and domestic tourists activities.

With all the typically Vietnamese modesty, the Vietnamese have the right to be proud of their achievements recorded in the most difficult period of implementing the "renovation and open-door line". At the same time, they are fully conscious of the task laid down by history - to make up for the period of slow development due to over ten years of stagnant economic management and to the aftermath of the war. Attention should be also paid to the fairly big gap in the level of development in comparison with the surrounding countries.

As hospitable hosts, the Vietnamese have welcomed their foreign friends. Investors have found Vietnam a country with potential opportunities for their activities. Patience and sincerity in mutual co-operative ralations represent lessons for success from both sides. That is a guide line of action for Vietnam in carrying out the open-door policy.

THÁCH THỨC LỚN VÀ CƠ HỘI MỚI

Trong hoàn cảnh đầy thử thách, công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã tạo nên những biến đổi sâu sắc trong đời sống xã hội và trong quan hệ quốc tế, đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng và bước vào giai đoạn mới của sự phát triển.

Trong khi phấn khởi với những thành tựu đã giành được, mọi người Việt Nam không quên rằng đất nước mình còn nghèo và lạc hậu, khoảng cách về trình độ phát triển so với nhiều nước xung quanh còn khá xa. Báo cáo về phát triển nguồn nhân lực năm 1994 của UNDP xếp Việt Nam vào hàng thứ 150 trong tổng số 173 nước; nếu tính thêm các chỉ tiêu xã hội chủ yếu để đánh giá tổng hợp sự phát triển nguồn nhân lực, thì Việt Nam vào hàng thứ 116.

Sự lạc hậu và nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế đang là nỗi trăn trở canh cánh trong lòng mỗi người Việt Nam ở trong nước cũng như đang sinh sống ở nước ngoài. Tụt hậu xa hơn có nghĩa là rơi vào số phận của một nước cung cấp tài nguyên và nhân công rẻ trong sự phân công lao động quốc tế, chịu lép vế, thua thiệt trong hợp tác, cạnh tranh và bị lệ thuộc một chiều vào bên ngoài. Tình huống đó sẽ dẫn đến những hệ quả xấu về chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh. Đó thật sự là *một thách thức lớn đối với dân tộc Việt Nam* trong bối cảnh quốc tế ngày nay, khi cuộc chạy đua kinh tế đang nổi lên hàng đầu và diễn ra quyết liệt, gắn liền với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang tiến những bước kỳ diệu. Thách thức đó càng gay gắt trong xu thế phát triển năng động của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khi Việt Nam đang tích cực chuẩn bị trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN. Việt Nam chỉ có thể trở thành đối tác có vai trò xứng đáng, đóng góp tích cực và có hiệu quả vào sự hợp tác và phồn vinh trong khu vực khi thu hẹp dần được khoảng cách về trình độ phát triển với các nước xung quanh.

Chiến lược công nghiệp hoá theo hệ thống kinh tế mở, hướng mạnh về xuất khẩu là con đường tất yếu cho sự phát triển hoà nhịp với xu thế của thời đại. Chọn con đường đó là chấp nhận nhập cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu với sự cạnh tranh hết sức gay gắt, đặc biệt là cạnh tranh với hơn hai tỷ người trong khu vực, trong khi Việt Nam đang ở điểm xuất phát rất thấp, và việc giành chỗ đứng trên thị trường thế giới khó khăn hơn trước nhiều. Những hàng Việt Nam sản xuất được thì nhiều nước xung quanh cũng có và nhìn chung là chất lượng tốt hơn. Những thị trường mà Việt Nam muốn tìm đến thì họ đã có mặt. Họ cũng như Việt Nam đều đang rất cần thu hút vốn đầu tư bên ngoài.

Là một nước nông nghiệp với 80% dân số sống ở nông thôn, nhưng diện tích đất dùng vào sản xuất nông nghiệp tính bình quân đầu người chưa được $1000m^2$, 3,5 lao động nông nghiệp mới có 1 ha đất, và diện tích đó ngày càng bị thu hẹp trong quá trình phát triển cơ sở hạ tầng và đô thị hoá. Tài nguyên khoáng sản tuy đa dạng nhưng không giàu, nhất là khi so với dân số. Cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhất là kết cấu hạ tầng rất thiếu thốn và lạc hậu. Trình độ khoa học và công nghệ còn thấp.

Bên cạnh sự so sánh về tiềm lực vật chất và trình độ phát triển, không thể bỏ qua kiến thức và kinh nghiệm quản lý

Big Challenges

AND NEW OPPORTUNITIES

The Renovation carried out in Vietnam amidst various tests and trials has brought about profound changes in its social life and international relations. Its economy has got out of crisis and has entered a new phase of development.

Despite significant achievements, the Vietnamese people are aware of the country's poverty and backwardness and of the fact that Vietnam is lagging far behind its neighbouring countries in economic development. According to UNDP's report on human resources development in 1994, Vietnam ranks 150th out of 173 countries, or 116th if main social criteria are used for an overall assessment of human resources development.

Economic backwardness and the danger of lagging behind in economic development are concerns of all the Vietnamese at home and abroad. If Vietnam lags far behind other countries, it will be a supplier of raw materials and cheap labour in the international division of labour. It will have to accept an inferior position and losses in international dealings and competitions and depend on the outside world. Such a situation would lead to negative backwash effects on the political, social, national defence and security systems. In the current international context of a fierce economic competition and the fast growth of scientific and technological revolution, *the challenge facing Vietnam is, indeed, tremendous*. This challenge is all the more acute in view of the dynamic development of the Asia - Pacific region, while

Trạm Khí đốt Bà Rịa-Vũng Tàu
A gas station of Ba Ria-Vung Tau

kinh doanh trong kinh tế thị trường. Rõ ràng là về nhiều mặt quan trọng, Việt Nam đang ở thế yếu trong hợp tác và cạnh tranh quốc tế.

Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân trong 4 năm qua (1991-1994) đạt 7,8%, giúp cho Việt Nam vượt qua được tình trạng suy thoái nhưng chưa thoát khỏi nguy cơ tiếp tục bị tụt hậu xa hơn, vì nhiều nước xung quanh ở trình độ phát triển cao hơn vẫn giữ được mức tăng trưởng nhanh. Nếu tính bình quân đầu người thì khoảng cách càng doãng thêm do dân số Việt Nam vẫn tăng hàng năm trên 2%, cao hơn nhiều nước khác trong khu vực.

Muốn tránh bị tụt hậu xa hơn về kinh tế, Việt Nam phải điều chỉnh mục tiêu chiến lược đến năm 2000, không chỉ tăng gấp đôi GDP so với năm 1990 như dự kiến trước đây, mà ít nhất phải tăng gấp đôi GDP bình quân đầu người. Mức phấn đấu đó đòi hỏi tăng trưởng kinh tế đi đôi với giảm tốc độ tăng dân số. Đạt được mức này thì khoảng cách về GDP bình quân đầu người so với một số nước trong vùng vẫn tiếp tục mở rộng thêm về số tuyệt đối, nhưng có thể không tăng thêm về số tương đối. Điều quan trọng là bước tiến đó tạo tiền đề cho nhịp độ tăng trưởng nhanh hơn khi bước vào thế kỷ XXI, thu hẹp dần khoảng cách cả về số tương đối và số tuyệt đối so với các nước xung quanh.

Phát triển nhanh và bền vững, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đó không chỉ là nguyện vọng mà còn là mệnh lệnh của cuộc sống, với sức ép rất mạnh cả từ bên trong và bên ngoài. Nhân dân Việt Nam đã trải qua bao hy sinh về người, về của và cả về thời gian mới giành được độc lập, tự chủ, không thể chấp nhận số phận tụt hậu, chịu lệ thuộc trong thế yếu với bên ngoài. Sự phát triển năng động của nhiều nước trong khu vực, trong đó có những nước trước đây ở trình độ phát triển tương tự như Việt Nam, vừa tác động tích cực, vừa buộc Việt Nam phải tiến nhanh.

Con đường phát triển mà Việt Nam lựa chọn là *đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh*. Những thành tựu đổi mới trong thời gian qua vừa khẳng định, vừa tạo tiền đề cho bước phát triển mới theo con đường đó.

Môi trường cho sự phát triển đã có những yếu tố cơ bản, thuận lợi hơn nhiều so với mấy năm trước.

Trước hết, công cuộc đổi mới đã tạo niềm tin và sự đồng tình, hưởng ứng của nhân dân, củng cố sự ổn định chính trị, khơi dậy tính năng động của toàn xã hội thay cho tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước trong thời kỳ bao cấp trước đây. Đó là môi

Vietnam is actively preparing to become a full member of the ASEAN. Vietnam can become a worthy partner which positively and effectively contribute to regional co-operation and prosperity only when it is able to shorten the gap in development level with the neighbouring countries.

In keeping with the trends of the modern world, the strategy of industrialization based on an open and export-favouring economy is indispensable. This choice means Vietnam would have to join the highly competitive economic race of the world. The competition is especially fierce with more than two billion people in the region, while Vietnam has a very low economic base. Vietnam has a more difficult position in the world market. Commodities that Vietnam can produce are also produced by its neighbouring countries with better quality. They are already present in markets which Vietnam seeks to penetrate. Moreover, Vietnam and its neighbouring countries are competing to their best ability to attract foreign investments.

Vietnam is an agricultural country with 80% of the population living in rural areas, but the land per capita used for agricultural production is less than 1,000 square meters. Averagely, 3.5 farm-hands have only 1 hectare of land but this area is shrinking due to the development of infrastructure and urbanization. Mineral resources are varied, but they are not rich enough to satisfy the large population. Material and technological base and the infrastructure are poor and backward. Scientific and technological standards are still low. In addition, Vietnam lacks business knowledge and management experience in the market economy. Obviously, Vietnam is still weak in many ways in international co-operation and competition.

The average growth rate of the GDP of 7,8% in the past four years (1991-1994) has enabled Vietnam to get out of the current recession. However, it is still confronted with the danger of lagging far behind many neighbouring countries having higher level of development and faster growth rate. The gap is even wider in terms of per capita figures, as Vietnam's population is increasing at an annual rate of over 2%, much higher than many other countries in the region.

To catch up with others economicaly,

Vietnam must readjust its strategic objectives up to the year 2000. By then, it must not only double its GDP of 1990 figures, but must at least double its per capita GDP as well. This requires a faster economic growth rate and the reduction of population growth rate. If successful, the gap of per capita GDP between Vietnam and some countries in the region still remains wide in terms of absolute figures, but will possibly not grow wider in terms of relative figures. What is important is that this step will prepare for a faster growth rate in the 21st century, and gradually narrow down the gap.

A stable and faster pace of development, increased economic effectiveness and competitiveness are not only a desire, but also a demand of life. The Vietnamese people who have made countless sacrifices in human lives, material resources and their time to win back independence and sovereignty would never want to remain backward, dependent and be inferior to their neighbours. The dynamic growth of many countries in the region that once had a similar starting level as Vietnam has positively motivated Vietnam to move forward rapidly.

The strategy of development chosen by Vietnam is to *step up socialist - oriented industrialization and modernization in order to attain the target of " a wealthy people, a prosperous country, a fair and civilised society".* Recent achievements of renovation have confirmed and prepared for a new stage of development along the line.

Environment for development has emerged with more *favourable* factors.

First, the renovation won the confidence and support of the people. It has strengthened political stability, aroused dynamism of the entire society. It has also eliminated the of passive attitudes of those who used to rely on the State for subsidies. It is a good environment and an important motive force to development. The control of inflation has prepared the ground for the stabilization of macro economic environment, and reduced risks in investment. The juridical environment is also being actively improved in order to create an orderly and safe corridor for all investment and business endeavours.

Thành phố Hồ Chí Minh đổi mới
Renovated Hồ Chí Minh city

A peaceful, friendly and co-operative atmosphere has enabled Vietnam to establish its relations with different countries, especially those in the region. The image of a renovated Vietnam wishing to befriend all other countries is warmly welcomed and very much appreciated by the world community. Vietnam has been able to establish relations with international financial institutions. The US embargo against Vietnam has been lifted. Vietnam's new status in the international arena has provided it with oppotunities to integrate with the ever changing and turbulent world.

The resources for development are limited for the time being. But we have big potentials and advantages. Resourceful, hard-working, educated manpower capable of absorbing new technologies, little-exploited natural resources, domestic market with over 70 million people, geographic location favourable for international interchanges, are all the advantages. These advantages will enable Vietnam to accelerate its economic development effectively.

The steady resolution of the food shortage problem from 1989 has created premises to step up the division of labour in the direction of industrial development. Many investment projects have been completed, some are in progress. They will increase the capability of some key industries such as power, oil and gas, cement, water irrigation and telecommunications.

The economy has begun to increase its domestic savings. In the past, there was a negative growth in domestic investments in terms of GDP figures. Since 1991, domestic investments have gradually increased, and the funds available among the people which can be mobilized for development investment are huge. The capital which the State can mobilize from domestic savings and from external financial sources have rapidly increased. There are new opportunities to take in foreign capital and technology through the Official Development Assistance (ODA) and foreign direct investment programmes. But how much Vietnam can attract foreign investment also depends largely on its capability of using them effectively.

The above-mentioned factors are creating *big opportunities for development*. These opportunities do not present themselves but they are results of the endeavours made by the

trường và động lực quan trọng cho sự phát triển. Khả năng kiềm chế lạm phát tạo cơ sở ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, giảm bất trắc đối với đầu tư phát triển. Môi trường pháp chế cũng đang được tích cực bổ sung nhằm tạo hành lang trật tự và an toàn cho mọi nỗ lực đầu tư, kinh doanh.

Môi trường hoà bình, hữu nghị, hợp tác trong quan hệ quốc tế đã mở rộng với hầu khắp các nước, đặc biệt là các nước trong khu vực. Hình ảnh Việt Nam đổi mới, mong muốn là bạn với tất cả các nước được thế giới đón nhận, đánh giá cao. Quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính quốc tế đã được khai thông, chính sách cấm vận của Mỹ đã được giải toả. Vị trí mới trên trường quốc tế tạo khả năng to lớn cho Việt Nam đứng vững và hội nhập được vào một thế giới đầy sóng gió và đang biến đổi sâu sắc.

Nguồn lực cho sự phát triển tuy trước mắt bị hạn chế song còn nhiều tiềm năng và lợi thế. Sức lao động dồi dào, cần cù, có trình độ văn hoá và giáo dục cho phép tiếp thu nhanh công nghệ mới, nguồn tài nguyên mới được khai thác ở mức thấp, thị trường nội địa có số dân trên 70 triệu người, vị trí địa lý có nhiều thuận lợi cho giao lưu quốc tế, đó là những lợi thế tạo khả năng tăng nhanh nhịp độ phát triển và hiệu quả của nền kinh tế.

Vấn đề lương thực đã được giải quyết vững chắc từ năm 1989, tạo tiền đề cho việc đẩy mạnh phân công lao động theo hướng công nghiệp hoá. Nhiều công trình đầu tư đã và sắp hoàn thành xây dựng làm tăng thêm năng lực của một số ngành quan trọng như điện, dầu khí, xi măng, thuỷ lợi, thông tin liên lạc...

Nền kinh tế bắt đầu tăng được tích luỹ nội bộ. Tỷ lệ đầu tư bằng vốn trong nước so với GDP những năm trước là số âm, từ năm 1991 đã tăng dần. Nguồn vốn trong dân có thể huy động vào đầu tư phát triển còn lớn. Nguồn vốn đầu tư tập trung của Nhà nước bằng tích luỹ trong nước và tài trợ phát triển của bên ngoài hàng năm tăng nhanh. Việc tranh thủ vốn và công nghệ bên ngoài thông qua tài trợ phát triển (ODA) cũng như đầu tư trực tiếp (FDI) đang có thêm những khả năng mới mà mức thu hút phụ thuộc chủ yếu vào sức tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả của Việt Nam.

Những yếu tố nêu trên đang tạo *cơ hội lớn cho sự phát triển*. Cơ hội không tự nó đến mà do nỗ lực chủ quan của Chính phủ và nhân dân Việt Nam, kết hợp với xu thế hoà bình, ổn định và hợp tác đang phát triển ở khu vực và trên thế giới. Cơ hội cũng không tự nó đem lại kết quả nếu không kịp thời nắm bắt và tận dụng nó.

Có thể nói, dân tộc Việt Nam đang đứng trước *thách thức và cơ hội đều lớn*. Làm thế nào dương

đầu với thách thức, vượt qua khó khăn, tận dụng các cơ hội và khả năng thuận lợi để đưa đất nước tiến nhanh ?

Lời giải đáp phụ thuộc trước hết vào *ý chí và năng lực phát triển của dân tộc và con người Việt Nam.* Đó là ý chí, năng lực của từng người và của toàn dân tộc phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, quyết chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu và bất công, nhất định không cam chịu tụt hậu. Chính sách đại đoàn kết dân tộc lấy mục tiêu đó làm cơ sở hoà hợp mọi người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài, vượt qua những sự khác biệt, kể cả sự khác nhau về chính kiến nhưng không trái với lợi ích dân tộc.

Việc phát huy ý chí và năng lực đó đòi hỏi phải tiếp tục *đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới một cách toàn diện và triệt để,* tạo thuận lợi cho mọi người phát triển, làm giàu cho mình và cho đất nước.

Bước tăng trưởng kinh tế mấy năm qua chủ yếu dựa vào việc tháo gỡ những trở lực về thể chế nhằm "cởi trói" cho các năng lực sản xuất hiện có. Tuy còn phải tiếp tục giải phóng triệt để hơn nữa sức sản xuất, song bước phát triển tới phụ thuộc nhiều hơn vào việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, thiết lập kinh tế thị trường đồng bộ hoạt động năng động và có trật tự với sự điều hành vĩ mô có hiệu lực của một Nhà nước mạnh. Công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, không chỉ thay đổi cơ chế mà còn phải tạo nên sự chuyển dịch căn bản về cơ cấu kinh tế - công nghệ ; không chỉ loại bỏ những cái lỗi thời trong thể chế cũ mà phải hình thành đồng bộ kinh tế thị trường với hệ thống thể chế mới, phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế, tạo môi trường cạnh tranh và hợp tác bình đẳng cho mọi hoạt động kinh tế không phân biệt hình thức sở hữu ; không chỉ nhằm phát huy các nguồn lực trong nước mà còn phải tạo thuận lợi cho việc thu hút vốn, công nghệ và tranh thủ thị trường bên ngoài, đẩy mạnh quá trình hội nhập với kinh tế và thị trường thế giới ; không chỉ cải cách kinh tế mà phải kết hợp với cải cách hành chính, kiện toàn Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân ; không chỉ nhìn trước mắt mà phải chú trọng tới những nhân tố cơ bản và lâu dài cho sự phát triển, trong đó quan trọng hàng đầu là sự nghiệp giáo dục, văn hoá, y tế, bảo đảm thể chất và hành trang cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu trước mắt và chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI.

Bước đổi mới vừa qua có những khó khăn của giai đoạn mở đầu, song việc "cởi trói cho cái đã có" ít phức tạp hơn và không gặp nhiều trở lực khi "xây dựng cái mới", ít nhất là trên ba phương diện : *một là,* xây dựng cơ cấu kinh tế mới đòi hỏi nguồn

Vietnamese government and people, in combination with the trends towards peace, stability and co-operation in the region and the world. Neither do opportunities bring about results without a timely seizure and exploitation.

It may be said that Vietnam is facing with *big challenges and opportunities.* How can we cope with challenges, overcome difficulties and make the most of the opportunities and favourable conditions to bring the country forward faster ?

The answer depends, in the first place, on the will and development capability of Vietnam and its people. These are the will and capability of each individual and of the whole nation to strive for the objective of "a wealthy people, a prosperous country, a fair and civilized society". The Vietnamese people are determined to defeat poverty, backwardness and injustice. The policy of great national unity regards this target as a basis for uniting all Vietnamese at home and abroad regardless of differences, including political differences, provided they do not run counter to the interests of the nation.

To realize the dream, continued efforts must be made to *step up an all-round and thorough renovation,* to create favourable conditions for the people to develop, and to create more wealth for themselves and the country.

The economic growth of the past few years mainly depends on the removal of institutional obstacles in order to "release" the existing capacity of production. Though continued efforts are still required to liberate the productive forces. Further development depends, to a great extent, on the building of material and technogical bases. It is of immediate importance to establish an integrated market economy operating in a dynamic and orderly way under an effective management at the macro level of a strong State. The thorough renovation involves the following tasks :

- To change the mechanism and bring about a fundamental shift in the economic - technological structure.
- To remove what has become obsolete in the old institutions and create an integrated shape to the market economy.
- To help to establish a system of new institutions compatible with international laws and practice and,
- To create a healthy environment of com-

petition and co-operation on an equal footing for all economic activities irrespective of form of ownership. This will not only develop domestic resources, but also create favourable conditions to attract capital, technological expertise from outside. This will also help to establish a foothold in foreign markets, push up the process of integration with the world economy and world market. Economic reforms must be accompanied by administrative ones to build up a State trully of the people, by the people and for the people. Economic reforms do not only attend to immediate needs, but also pay attention to fundamental and long-term factors of development in which education, culture, and health care are of prime importance. These factors will surely prepare for the Vietnamese to meet the immediate and long-term demands.

The recent renovation had difficulties at the opening stage. Yet "releasing what has existed" appeared less complicated and encouters less obstacles than "building what is entirely new", at least in three respects :

- *First,* the building of a new economic structure requires much more resources and time ;

- *Second,* higher knowledge and intellectual standards are required in production, business and management.

- *Third,* the subsequent stage of renovation will hit selfish individual interests, and inappropriate habits which even run counter to the new order and discipline.

For these reasons and with firm confidence in the renovation line, the Vietnamese leaders and people realize that more difficulties are lying ahead on their path to a dynamic and orderly market economy, industrialization and modernization.

A research work on the economic reform in Vietnam conducted by a group of scholars of the Harvard International Development Institute in June 1994 assessed that Vietnam's economic reform is in a "twilight" area. Is it twilight at sunset or twilight at dawn ? The Vietnamese will answer this question with new efforts to carry out a thorough economic reform and the administrative one in order to meet the requirements of the new stage of development and the expectations of the authors of the book : *In the trail of the flying dragon.*

lực và thời gian nhiều gấp bội ; *hai là,* yêu cầu về kiến thức và trình độ phải cao hơn cả trong sản xuất, kinh doanh cũng như hoạt động quản lý ; *ba là,* những bước đổi mới tiếp theo sẽ đụng chạm nhiều đến lợi ích cục bộ, cá nhân cùng với thói quen không phù hợp, thậm chí đi ngược trật tự, kỷ cương mới.

Vì những lẽ đó, với niềm tin vững chắc vào đường lối đổi mới đã được thực tiễn kiểm nghiệm, những nhà lãnh đạo cũng như đông đảo nhân dân Việt Nam đều nhận thức rằng, trên hành trình đi tới một nền kinh tế thị trường năng động và trật tự làm nền cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, *chặng đường khó khăn hơn đang còn ở phía trước.*

Một công trình nghiên cứu về cải cách kinh tế tại Việt Nam do một nhóm giáo sư Viện Phát triển quốc tế Harvard biên soạn tháng 6-1994 nhận định cải cách kinh tế của Việt Nam đang ở "vùng tranh tối tranh sáng". Tranh tối tranh sáng lúc hoàng hôn hay buổi bình minh ? Người Việt Nam trả lời câu hỏi đó bằng những cố gắng mới ,tiến hành triệt để cải cách kinh tế kết hợp với cải cách hành chính theo kịp yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, đáp ứng mong đợi của các tác giả khi đặt tên cho cuốn sách : *Theo hướng rồng bay.*

Phượng Hồng / Red flamboyants

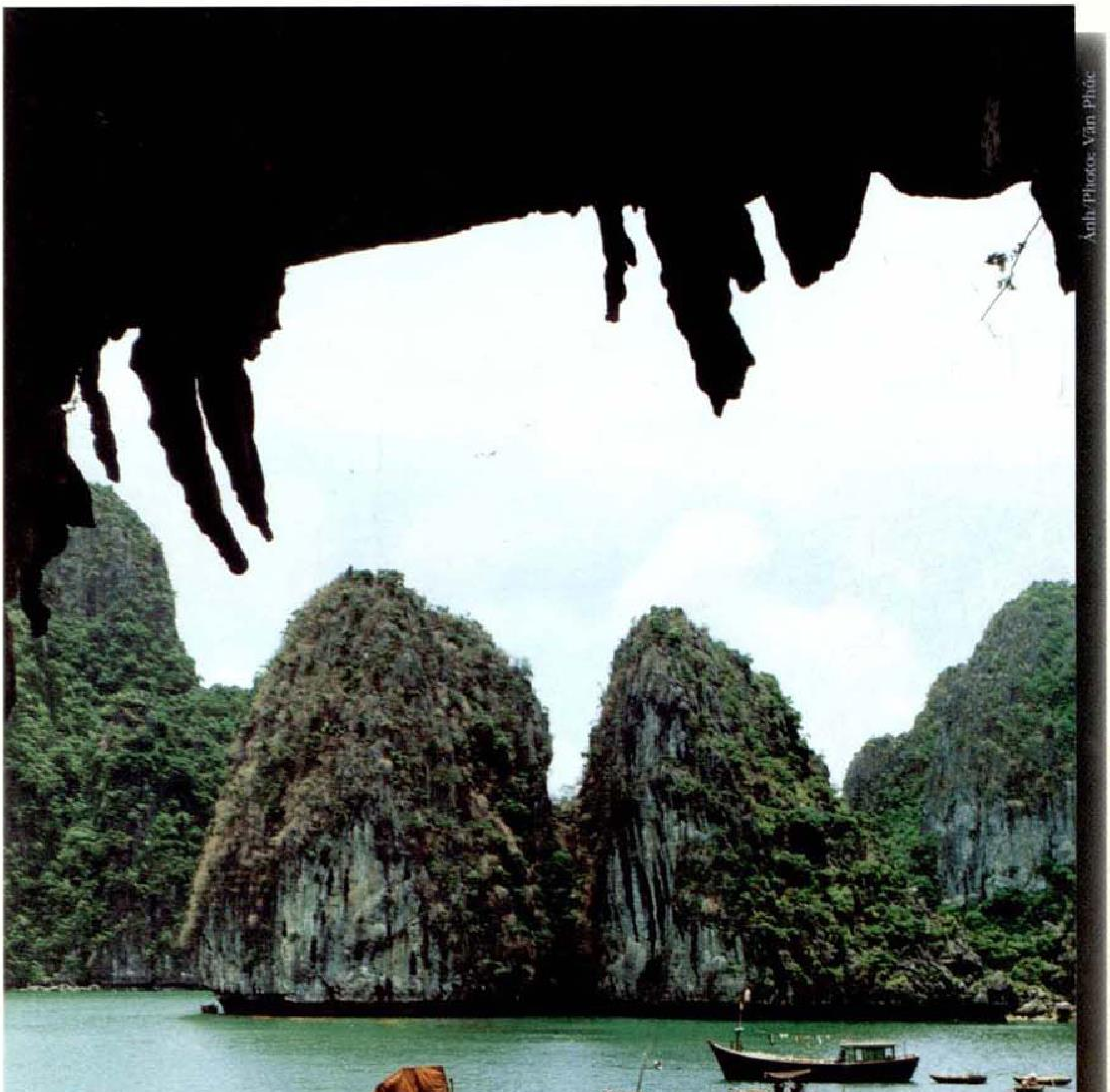

Vịnh Hạ Long / Ha Long Bay

VIỆT NAM

MỘT XỨ SỞ DU LỊCH GIÀU TIỀM NĂNG

A COUNTRY RICH IN TOURISM POTENTIALS

Đất và biển / Land and sea

A New Opportunity

It seems that changes in the world political climate have a direct bearing on the growth or the decline in the flow of international tourists. After World War II, world tourism has expanded enormously and become more and more popular as a way of life in society. In 1950, the number of international tourists was 25 million and income from the tourist industry reached $2.1 billion. Forty-three years later (1993), that number was 20 times higher, at about 500 million tourists and the income from the industry was 154 times higher at $324 billion.

According to the forecast of the World Tourism Organization (WTO), the number of international tourists will reach 637million by the year 2000 and 937 million by the year 2010. With the current growth rate of the world population, by the year 2000, one out of every ten persons will join the flow of international tourists.

VẬN HỘI MỚI

Những biến động trong thời tiết chính trị toàn cầu dường như đều ảnh hưởng trực tiếp đến sự suy giảm hoặc tăng trưởng của dòng khách du lịch quốc tế. Sau chiến tranh thế giới lần thứ II, hoạt động du lịch trên thế giới ngày càng nhộn nhịp, phát triển với tốc độ cao, và đã trở thành nếp sống của xã hội đương đại. Năm 1950, số lượng khách quốc tế là 25 triệu người, và nguồn thu từ du lịch đạt 2,1 tỷ đôla. 43 năm sau (1993), lượng khách du lịch quốc tế đã tăng gấp 20 lần, đạt 500 triệu người, và thu nhập từ du lịch quốc tế tăng gấp 154 lần, đạt 324 tỷ đôla.

Theo dự báo của Tổ chức Du lịch thế giới (WTO), số lượng khách du lịch quốc tế đến năm 2000 sẽ lên tới 637 triệu người, và 937 triệu người vào năm 2010. Như vậy, với mức độ gia tăng dân số hiện nay, đến năm 2000, cứ 10 người dân sẽ có 1 người tham gia vào dòng khách du lịch quốc tế.

Nhiều học giả phương Tây đã tiên đoán về sự chuyển dịch nền văn minh nhân loại từ khu vực Địa Trung Hải trong quá khứ, sang Đại Tây Dương hiện tại và Thái Bình Dương trong tương lai. Đông Á - Thái Bình Dương hiện là khu vực đang diễn ra các hoạt động kinh tế năng động vào loại hàng đầu trên thế giới. Một số nước và lãnh thổ trong khu vực đang đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế để có thể được bổ sung vào danh sách của những "Con Rồng" châu Á như Singapore, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc.

Trong vòng hai thập kỷ qua, khu vực Đông Á - Thái Bình Dương ngày càng giữ vai trò quan trọng hơn trong hoạt động du lịch của thế giới. Năm 1960 khu vực này chỉ chiếm 0,98% số khách và 2,84% số thu nhập du lịch của toàn thế giới. Sau ba thập kỷ (1991) tỷ lệ trên đã thay đổi với 11,5% số khách và 14,7% số thu nhập của du lịch toàn cầu. Dự kiến đến năm 2000, Đông Á - Thái Bình Dương sẽ đạt khoảng 101 triệu khách du lịch quốc tế, chiếm 15,8% lượng khách du lịch toàn thế giới.

Nằm ở khu vực Đông Nam Á, một khu vực hiện đang diễn ra những hoạt động du lịch sôi động, Việt Nam có một vị trí địa lý, kinh tế và giao lưu quốc tế thuận lợi để sớm hoà nhập vào trào lưu phát triển du lịch của khu vực. Nhiều hiệp định hợp tác về du lịch đã được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ các nước : Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Indonesia, Philippine, Myanma, Lào, Malaysia... Nhiều nhà bình luận quốc tế đã nhận định : Việt Nam đang "mở cửa" bầu trời cho ngành du lịch "cất cánh".

Sự "bùng nổ" khách du lịch quốc tế trong khu

Many Western scholars have predicted the movement of the human civilization from the Mediterranean region in the past, to the Atlantic region at present and the Pacific region in the future. The East Asia - Pacific region is now one of the regions where dynamic economic activities may rank among the first in the world. Several countries and territories are now pushing up their economic growth to qualify for a position in the list of Economic Dragons in Asia, such as : Singapore, Hong Kong, Taiwan, and the Republic of Korea.

For the past two decades, the East Asia - Pacific region has been playing a more and more important role in the world tourist industry. In 1960, the region accounted for only 0.98% of the total international tourists and 2.84% of the income of the industry. After 3 decades (1991), the above proportions changed to 11.5% and 14.7% respectively. Hopefully, by the year 2000, the predicted number of tourists to the East Asia - Pacific region will reach 101 million, accounting for 15.8% of international tourists.

Situated in the South East Asian region, a region which is now busy with the tourist industry, Vietnam has a favourable geographical and economic position to facilitate itself to join the tourist industry in the region. A number of treaties have been signed between the Vietnamese government and the

vực Đông Nam Á mấy năm gần đây là một "hiện tượng" đáng chú ý trong bối cảnh du lịch toàn cầu. Năm 1992 số khách du lịch trong khu vực tăng 9,5% so với năm 1991, đạt 21,8 triệu người, chiếm 4,6% tổng số khách du lịch toàn thế giới. Dự kiến đến năm 2000 sẽ đạt 39 triệu khách, và 72 triệu khách vào năm 2010. Năm 1993 nhiều quốc gia trong khu vực đã đạt xấp xỉ 6 triệu khách như Thái Lan : 5,620 triệu, Singapore : 6,230 triệu và Malaysia : 6,570 triệu. Đáng kể nhất, phải nói đến Singapore. Với diện tích chỉ xấp xỉ 600 km^2, nhưng hàng năm Singapore đã đón lượng khách du lịch gấp đôi số dân trong nước. Năm 1993 nguồn thu từ các hoạt động du lịch của Singapore đã đạt tới 7,5 tỷ dôla.

Sự tăng trưởng nguồn khách du lịch đã không ngừng mở rộng mối quan hệ giao tiếp giữa nhân dân các nước trong khu vực với nhau cũng như với các phần còn lại của thế giới. Du lịch là bức "thông điệp" của hoà bình, xóa bỏ dần thành kiến giữa các nước, góp phần duy trì một nền hoà bình bền vững. Du lịch cũng là phương thức hiệu quả nhất trong việc phân phối lại thu nhập giữa các nước, góp phần phát triển cân bằng hơn của các nền kinh tế thế giới, đặc biệt đối với các nước đang phát triển là những nước hầu như không có các phương thức hiệu quả khác để thu ngoại tệ. Tuyên bố Manila của Hội nghị Bộ trưởng Du lịch thế giới ở Philipine cách đây 14 năm và Tuyên bố Du lịch Osaka (Nhật Bản) ngày 3-4 tháng 11-1994 với sự tham dự của 78 nước và vùng, 18 chính quyền địa phương, 5 quan sát viên, đã khẳng định ý nghĩa to lớn đó.

governments of China, Thailand, Singapore, Indonesia, the Philippines, Myanmar, Laos, Malaysia, and so on. Some international commentators have remarked : "Vietnam is now opening up its sky to let the tourist industry take off".

The "boom" of international tourism in the South East Asian region in recent years has become "phenomenal" in the world tourist industry. In 1992, the number of tourists reached 21.8 million, increasing by 9.5% in comparison with 1991, and accounting for 4.6% of the total international tourists. The projected number of tourists is 39 and 72 million for the years 2000 and 2010 respectively. In 1993, many countries in the region received approximately 6 million tourists, such as : Thailand - 5.620 million, Singapore - 6.230 million, Malaysia - 6.570 million. Singapore is the most outstanding. With total area of approximately 600 square kilometers, this country every year receives a number of tourists which is more than double its population. In 1993, its income from tourist services reached $7.5 billion.

The growth of the sources of international tourists has continuously broadened the communication between countries in the region, as well as countries in the rest of the world. Tourism is the "Message" of peace, it gradually helps to remove prejudice between countries and contributes to maintaining stability and peace in the world. Tourism is also the most effective way to redistribute the national incomes between countries so as to create a better balance in the world economy. It is especially beneficial for developing nations who have no other ways to gain foreign currency. The significance of tourism was stressed in the Manila Declaration of the World Conference for Ministers of Tourism (held 14 years ago) and the Osaka Declaration of Tourism held on the 3rd and 4th November 1994, with the participation of 78 nations, 18 local

Ảnh/Photo: Văn Phúc

Sa Pa trong mây / Sa Pa lost in clouds

Sự phát triển du lịch ở mỗi quốc gia đòi hỏi nhiều yếu tố : sự hấp dẫn của các nguồn tài nguyên du lịch ; mức độ đảm bảo về mặt giao thông, thông tin liên lạc và các cơ sở hạ tầng khác ; quy mô và chất lượng trang thiết bị của các khách sạn, nhà hàng, các khu vực vui chơi, giải trí ; năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên du lịch; trật tự, an toàn xã hội; hành vi ứng xử của cư dân địa phương; và quan trọng hơn cả là chính sách khuyến khích phát triển du lịch của Nhà nước.

Nằm ở vị trí thuận lợi về mặt giao lưu quốc tế, Việt Nam có đủ điều kiện phát triển giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, nối liền với các quốc gia trên thế giới.

authorities and 5 observers.

The development of tourism in each country requires a number of factors. The attraction of tourism resources ; safety in transport, communications and other infrastructural facilities ; the number and quality of hotels, restaurants and places of interests, the competence of management staff; social security and the conduct of the local people. However, the most important thing is the Government's policy to encourage the development of the industry.

Situated in a favourable position for international interchange, Vietnam is capable of developing land, sea and air transport linking it with other nations in the world.

Vietnam has rich and diversified tourism attraction unrestrained by time and space. Along the coast, there are hundreds of beautiful beaches with the potential for the development of coastal tourist areas, which are scattered evenly from North to South. Off the mainland is a chain of islands from Quang Ninh to Kien Giang like a chain of pearls lining the coast. Under the surface of the ocean is a realm of coral, gracilaria, abalones and many other kinds of sea life that can meet the demand of cruise holidays and

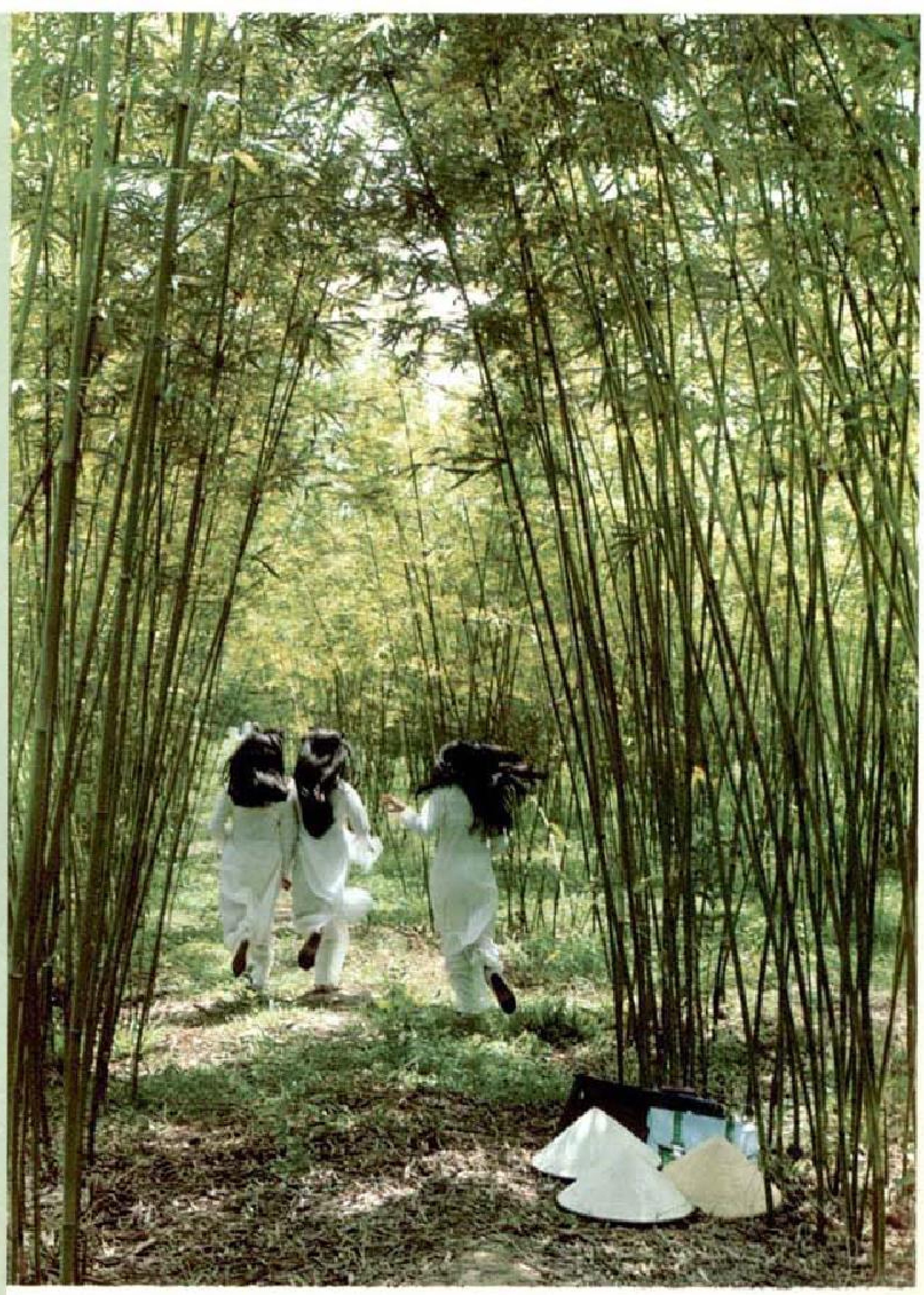
Ảnh/Photo: Trần Tinh

Ngày hè về rừng trúc Củ Chi
Cu Chi bamboo forest on Summer day

Tiềm năng của các nguồn tài nguyên du lịch Việt Nam phong phú, đa dạng, giàu bản sắc, giúp cho chúng ta có điều kiện phát triển nhiều loại hình du lịch khác nhau với một thời gian và không gian ít bị hạn chế. Dọc theo đường bờ biển, hàng trăm bãi cát đẹp là hạt nhân, tiền đề hình thành các khu du lịch biển phân bố tương đối đồng đều từ bắc đến nam. Ngoài khơi là một dãy đảo từ Quảng Ninh đến Kiên Giang như một chuỗi ngọc viền quanh bờ biển. Trong lòng biển là thế giới của san hô, rau câu, bào ngư và nhiều loại hải sản khác nhau, vừa đáp ứng cho nhu cầu du lịch lặn biển, vừa là những món ăn đặc sản

Hoàng hôn quê hương
Sunset on the homeland

biển phục vụ cho khách du lịch. Sự đa dạng của địa hình trên đất liền đã tạo ra những cảnh quan thiên nhiên đặc sắc. Địa hình núi đá vôi chiếm diện tích 50.000 km² tập trung chủ yếu ở miền Bắc và miền Trung và một bộ phận nhỏ ở tỉnh Kiên Giang (miền Nam). Ngoài nét hùng vĩ, cô tịch, địa hình này có trên 200 hang động kỳ thú, trong đó nổi tiếng nhất là động Phong Nha (Quảng Bình), được xếp vào danh mục các hang động dài, đẹp trên thế giới.

Cho đến nay, chúng ta đã phát hiện được trên 400 nguồn nước nóng, nước khoáng có nhiệt độ từ 27°C đến 105°C với thành phần hoá học đa dạng và độ khoáng hoá trung bình 33,66g/l. Nhiều nguồn nước nóng, nước khoáng có giá trị đối với việc cung cấp nước uống cho khách du lịch và hình thành nên các cơ sở điều dưỡng chữa bệnh.

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm đã tạo cho đất nước ta một lớp phủ thực vật rừng phong phú. Rừng không chỉ có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế, sinh thái mà còn có giá trị đối với du lịch, đặc biệt là các khu rừng nguyên sinh, thuần chủng. Dưới tán rừng là thế giới của chim, thú, trong đó có nhiều loại đặc biệt quý hiếm đang được bảo vệ nghiêm ngặt.

Sức hấp dẫn lớn nhất đối với khách du lịch vẫn là bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam. Hàng ngàn di tích lịch sử, di tích cách mạng đã được Nhà nước xếp hạng, trong đó hàng trăm di tích có giá trị cao. Việt Nam là một cộng đồng của 54 dân tộc với nhiều phong tục, tập quán, văn hoá nghệ thuật dân gian đặc sắc. Sự hiện diện của hàng trăm làng nghề truyền thống trên khắp các vùng đất nước đã sản xuất ra hàng ngàn loại sản phẩm thủ công, mỹ nghệ nổi tiếng như chạm khắc, đúc đồng, gốm, sứ, dệt lụa, sơn mài, chứng tỏ sự khéo léo và tài hoa của những người thợ thủ công Việt Nam.

Thời gian qua, do có chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là chính sách đổi mới về đối ngoại và kinh tế đối ngoại, ngành du lịch Việt Nam đã có những bước tiến nhất định và ngày càng có tác động tích cực hơn đến nhiều lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Mấy năm gần đây, tốc độ tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam cao. Năm 1990 Việt Nam đón 250.000 khách, năm 1991 là 300.000 khách, năm 1992 đón 440.000 khách. So với năm 1991, lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam năm 1992 tăng 47%. Năm 1993 lượng khách vào Việt Nam đạt 670.000 (tăng 52% so với năm 1992) và việc đón 1 triệu khách quốc tế, chúng ta đã đạt được trong năm 1994. (Chỉ tiêu này các chuyên gia của Tổ chức Du lịch thế giới trong dự án VIE/89/003 "Kế hoạch chỉ đạo phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2005" dự báo đến năm 2000 Việt Nam mới có thể đạt được).

Việt Nam, với dân số hơn 70 triệu người, có một nguồn nhân lực dồi dào, lao động có kỹ thuật, thông minh đã bước đầu làm quen với các hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế. Giá lao động rẻ cùng với luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tương đối cởi mở đã tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, cho nên việc phát triển du lịch ở Việt Nam trong tương lai sẽ tạo ra nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp cho xã hội. Tính đến ngày 8-10-1994 đã có 104 dự án đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực du lịch, khách sạn với tổng số vốn đầu tư lên tới xấp xỉ 1,950 tỷ đôla, chiếm trên 1/5 tổng số vốn đầu tư nước ngoài của cả nước. Với các dự án trên, đến năm 1997 chúng ta sẽ có 95 khách sạn mới hoặc nâng cấp với

serve as specialties for tourists. The variety of the terrain on the main land has created many fabulous natural beauty spots. Lime stone mountain areas represent 50,000 square kilometers which are mostly confined to the North, central regions and a small area in Kien Giang province (South). Apart from its quiet, sublime beauty and grandeur, this terrain contains over 200 beautiful caves, among which Phong Nha cave (Quang Binh province) is the most beautiful. Its name has been added to the catalogue of the world's deepest and most beautiful caves.

Up to now, we have discovered over 400 sources of hot mineral springs, rich in their chemical composition with the average mineral chemical composition of the water being 33.66g per litre and with temperatures ranging from 27°C to 105°C. Many of these springs can be used to produce potable water for tourist or medical purposes.

The humid, tropical climate has endowed our country with a rich plant and forest cover. Forests, especially virgin and natural forests, are not only economically and ecologically significant but also valuable for the tourist industry. Under the shade of the forests is the world of birds and animals among which several species are extremely rare and are now strictly protected.

However, the greatest attraction to the tourists is the age-old traditions typical of Vietnamese culture. Thousands of historical and revolutionary relics have been graded by the government ; hundreds of them have high artistic and historical value. Vietnam is a large community, comprised of 54 ethnic

tổng số 13.499 buồng quốc tế, nâng tổng số buồng quốc tế lên xấp xỉ 30.000 buồng vào năm 1997. Trong số 95 khách sạn mới hoặc nâng cấp, có 10 khách sạn 5 sao, 24 khách sạn 4 sao và 46 khách sạn 3 sao.

Xác định vị trí quan trọng của du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thời gian qua những vấn đề liên quan đến phát triển du lịch đã được bàn bạc, thảo luận tại những diễn đàn quan trọng của Đảng và Nhà nước, Quốc hội. Nhiều nghị quyết, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước đã được ban hành, tạo điều kiện cho du lịch phát triển như Nghị quyết 45/CP ngày 22-6-1993 của Chính phủ về "Đổi mới quản lý và phát triển ngành du lịch" ; Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng 46/CT/TW ngày 14-10-1994 về "Lãnh đạo đổi mới và phát triển du lịch trong tình hình mới" ; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII ngày 30-7-1994.

Chỉ còn 5 năm nữa chúng ta sẽ đặt chân lên bậc thềm của thế kỷ XXI. Năm năm là một khoảng thời gian ngắn ngủi trên chặng đường phát triển của một đất nước, nhưng là một khoảng thời gian đáng kể đối với một ngành kinh tế mới, năng động - ngành kinh tế du lịch. Ngành du lịch tận dụng những cơ hội sẵn có và lợi thế của mình để thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 7 "Phát triển mạnh du lịch, hình thành ngành công nghiệp du lịch có quy mô ngày càng tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn của nước ta" [1].

groups with different traditions, rules and unique traditional arts. Hundreds of traditional handicraft villages in different parts of the country have produced thousands of well-known handicraft and fine art products such as : carvings, bronze works, ceramics, silk, lacquer, mosaics. These products serve as proof of the talent and skills of Vietnamese handicraftsmen.

Owing to its government's renovation policy, especially, foreign and economic policies for the past few years, Vietnam's tourist industry has made certain progress and is now having more and more positive effects on various sectors in social and economic life. In recent years, the growth rate of foreign tourism to

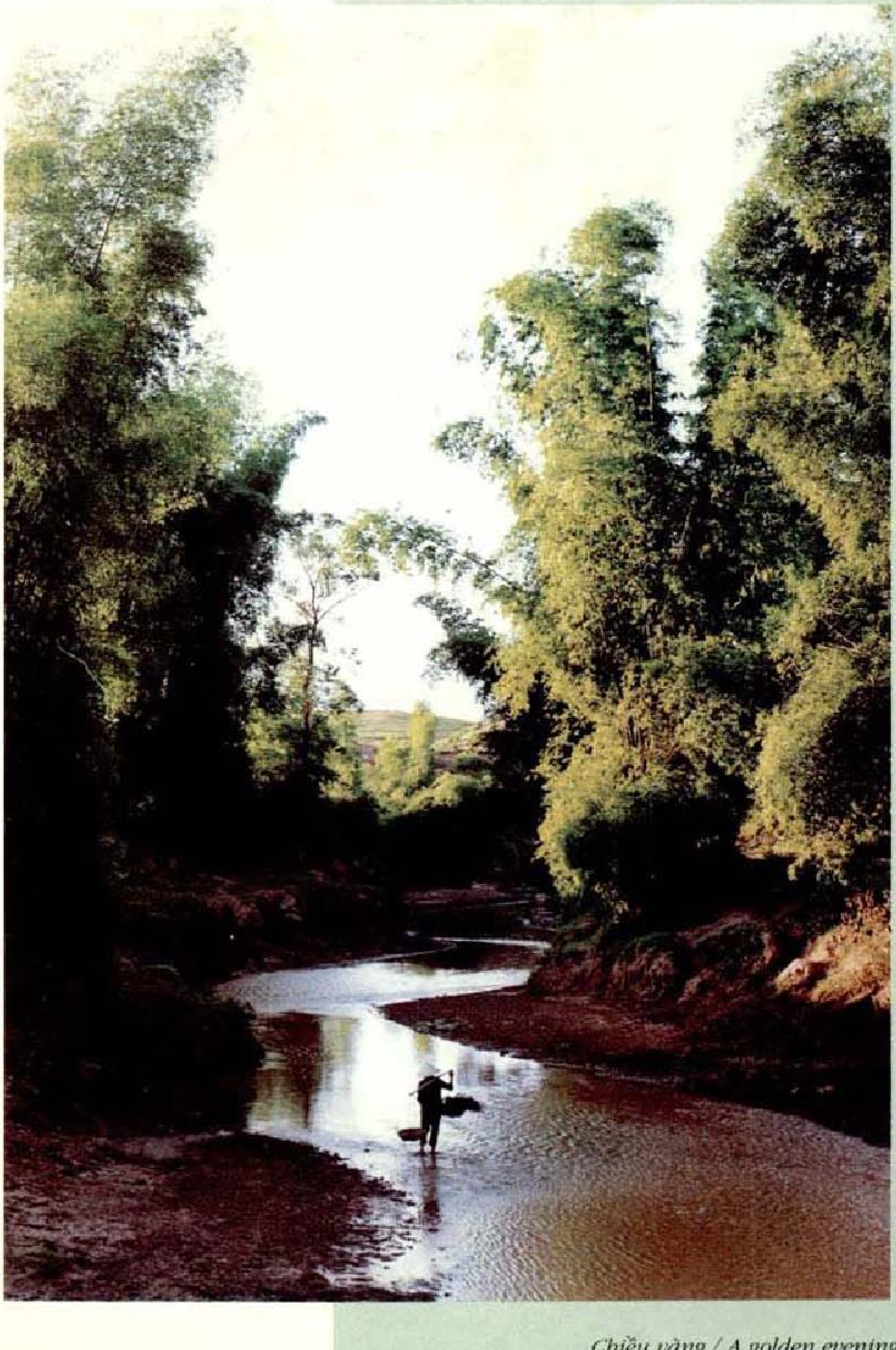

Ảnh/Photo: Vũ Nhật

Chiều vàng / A golden evening

1. Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương, khóa VII*, Hà Nội, 1994, tr. 74.

Vietnam is high. In 1990, Vietnam received 250,000 tourists ; 300,000 in 1991 ; 440,000 in 1992, an increased of 47% in comparison with 1991. In 1993, 670,000 tourists came to Vietnam (an increase of 52% compared with 1992). In 1994, we received a million tourists. (This goal was set for the year 2000 as a prediction by some experts of the World Tourist Organization who are assisting the operation of the project "Development Guide Plan for Tourism in Vietnam to the year 2005" coded VIE/89/003).

With a population of more than 70 million people, Vietnam certainly has abundant human resources. The Vietnamese people are intelligent, and with the aid of technology, they are familiarizing themselves with the international tourist business. Cheap labour, together with the incentives through the laws on foreign investment, have created a favourable environment for foreign investors. As a result, the development of the tourist industry in Vietnam will either directly or indirectly create more jobs for the local people. Up to October 8, 1994, there were 104 foreign investment projects in the hotel and tourist industry with the total amount of capital at almost $1.950 billion, accounting for over one fifth of the total amount of foreign investment for the whole country. With these projects, by the year 1997, we will have 95 new and upgraded hotels with 13,499 international standard rooms, bringing the total number of rooms to more than 30,000. Among the 95 new and upgraded hotels, there will be 10 five-star hotels, 24 four-star hotels and 46 three-star hotels.

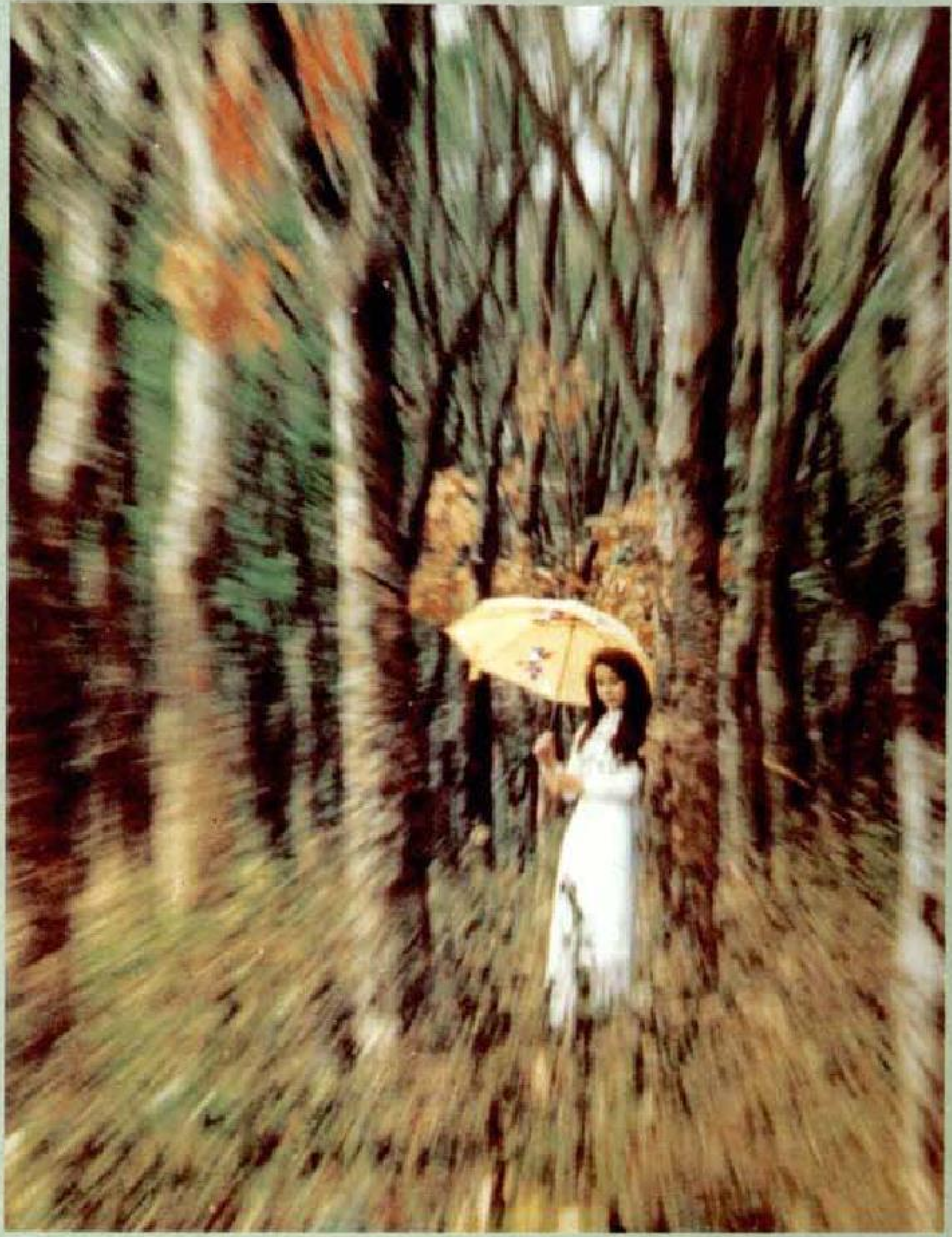
Ảnh/Photo: Trần Thắng

Rừng cao su / Rubber plantation

Realizing the significance of the tourist industry in the socio-economic development strategy of the country, the government has been discussing matters concerning the industry at most of the important forums of the Communist Party and National Assembly. Several important resolutions and policies have been issued paving the way for its development, such as the 45/CP Resolution of 22 June, 1993 by the government on "Renovating Management and Development of Tourism" ; or the Directive 46/CT/TW of 14 October, 1994 by the Secretariat of the Central Committee of the Party and the Resolution of the 7th Meeting of the Party Central Committee of 30 July, 1994.

In five years, we will be on the threshold of the 21st century. Five years is a short period in the development of a country. However, it is a considerable span of time for a new and dynamic economic sector - the tourist industry. The industry will take advantage of the available conditions to execute the 7th Meeting Resolution of the Party Central Committee "Developing tourism and establishing a tourist industry to an extent comparable to the tourism potential of our country". [1]

1. The Communist Party of Vietnam : Documents of the 7th meeting of the 7th Central Committee of the Party, 1994, p.74.

Hòn Gà Chọi / The fighting cock Rock

A Country of Scenic Wonders

Foreign tourists who come to Vietnam all praise the country's beautiful scenery. A number of places have been utilized for tourism ; some still remain unexploited. It is hard to list all the sites that leave unforgetable feelings in the hearts of tourists.

Ha Long Bay is a well-known beauty spot in the North - East sea of Vietnam, in Quang Ninh province, 151 kilometers east of Hanoi.

Tourists can reach it by land (National Highway number 5 : Hanoi - Hai Phong - Ha Long city or National Highway number 18 : Hanoi - Bac Ninh - Ha Long), by rail (Yen Vien - Uong Bi) or by sea (Hai Phong - HaLong ; 74 kilometers).

HaLong is associated with a legend about a Mother dragon and her young descending from the sky to save the people by spitting fire to burn

Xứ Sở Của Các Danh Lam Thắng Cảnh

Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đều có chung một nhận xét : ca ngợi vẻ đẹp của các danh lam thắng cảnh Việt Nam. Nhiều danh lam thắng cảnh đang được sử dụng cho mục đích tham quan du lịch, số khác còn đang ở dạng tiềm năng, chưa được khai phá. Khó có thể kể hết những điểm du lịch hấp dẫn đã để lại những ấn tượng khó quên trong tâm hồn du khách.

Vịnh Hạ Long là một thắng cảnh nổi tiếng ở vùng biển Đông Bắc Việt Nam thuộc tỉnh Quảng Ninh, cách Hà Nội 151 km về phía đông.

Du khách đến thăm Hạ Long có thể đi bằng đường bộ (theo quốc lộ 5 : Hà Nội - Hải Phòng - thành phố Hạ Long, hoặc quốc lộ 18 : Hà Nội - Bắc Ninh - Hạ Long), đường sắt (Yên Viên - Uông Bí) hay đường thủy (Hải Phòng - thành phố Hạ Long, 74km).

Hạ Long gắn với truyền thuyết kể về Rồng mẹ và đàn con bay sà xuống phun lửa thiêu đốt bọn giặc từ biển tràn vào để cứu giúp dân lành. Những lưỡi lửa rơi xuống biển thành núi, thành đảo. Trong số hàng ngàn hòn đảo lớn nhỏ có hòn Rồng. Nơi Rồng mẹ hạ xuống nay gọi là vịnh Hạ Long, nơi đàn Rồng con quay về chầu mẹ là phần vịnh Bái Tử Long.

Quả thật, địa thế Hạ Long với vô số đảo và núi phân bố nhấp nhô, uốn khúc như dáng con Rồng đang uốn lượn trên sóng nước. Đây là một vịnh kín trong vùng biển rộng, có diện tích khoảng 1500 km^2 với đường bờ biển khúc khuỷu và cả một thế giới hàng ngàn hòn đảo, chủ yếu là các đảo đá vôi, quần tụ rất tự nhiên. Các đảo nhấp nhô muôn hình muôn vẻ trên sóng nước trong xanh màu ngọc bích. Nhiều đảo được gọi tên theo hình thù mà nó giống như hòn Con Cóc, hòn Con Voi, hòn Gà Chọi, hòn Con Rùa, hòn Mái Nhà... làm cho trí tưởng tượng của du khách càng thêm phong phú. Là khu vực đá vôi nên ở đây có nhiều hang động đẹp như hang Đầu Gỗ, hang Bồ Nâu, hang Trống, hang Trinh Nữ, hang Sủng Sốt... với những truyền thuyết đầy hấp dẫn.

Mặt nước vịnh Hạ Long thường phẳng lặng, ít khi có sóng lớn. Hạ Long còn có nhiều đặc sản quý như các loại cá ngon, tôm he, bào ngư... Trên đảo có lắm chim, thú mà nhiều nhất là gà ri, chim xanh, sơn dương, khỉ, kỳ đà. Một số đảo khai thác được ngọc trai, san hô.

Hạ Long có sức hấp dẫn đối với du khách, bởi vì nó vừa hùng vĩ, vừa duyên dáng và thơ mộng. Cảnh sắc Hạ Long không bao giờ đơn điệu. Bởi vậy, du khách đến thăm vịnh Hạ Long vào bất cứ mùa nào trong năm cũng đều tìm thấy vẻ đẹp riêng của nó.

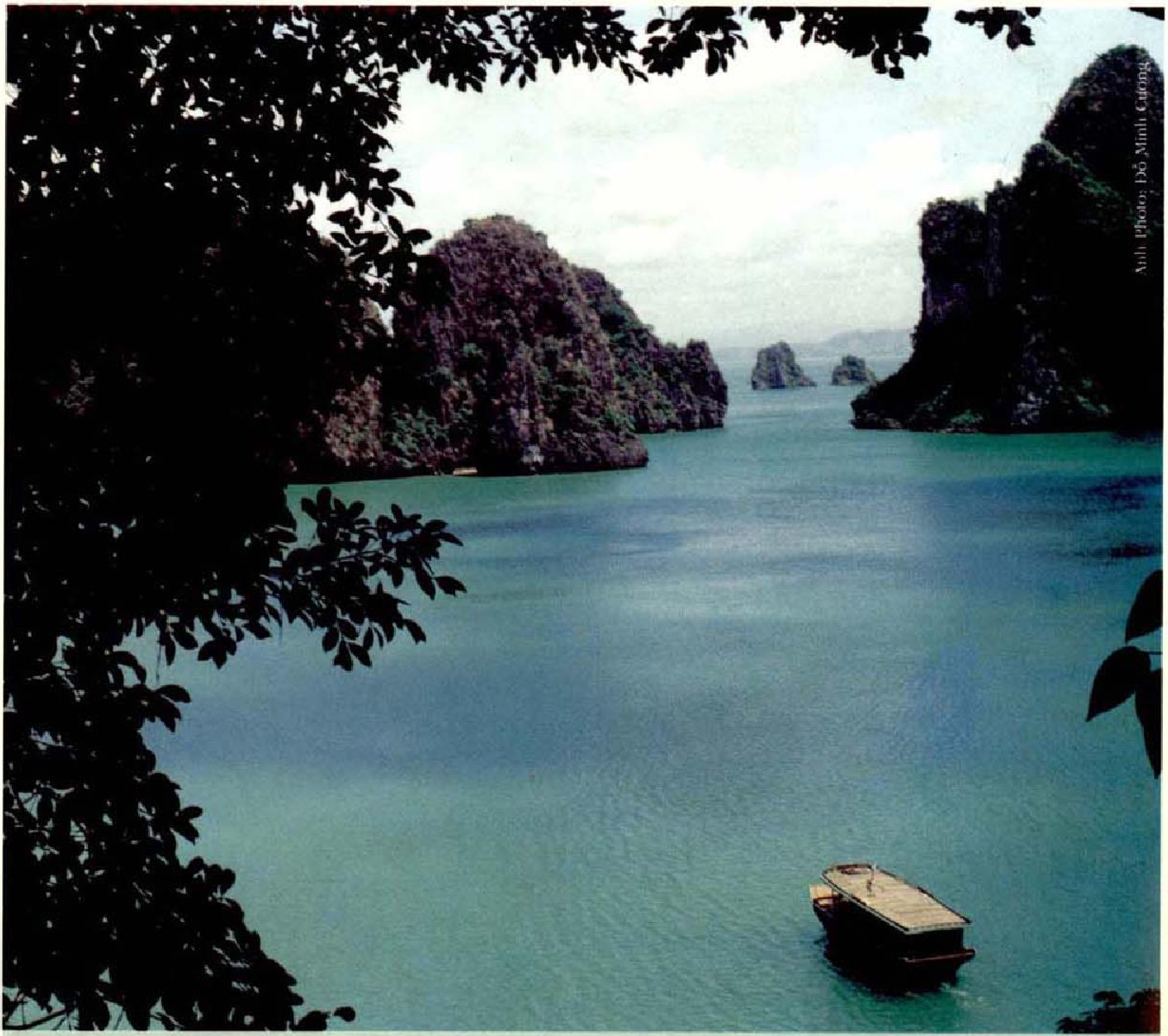

Hang Sửng sốt / The Cave of Astonishment

invaders coming from the sea. Some of the fire dropped into the sea which became mountains and islands. Among the thousands of islands there is one called Dragon Island. This is the place where the mother Dragon came down and is now HaLong Bay, and the place where the young dragons bow their heads to their mother is now called Bai Tu Long.

Indeed, HaLong Bay has numerous islands and mountains of different heights which are arranged in a zigzag pattern, like the figure of a dragon splashing in the water. This is a hidden bay in a large sea area of about 1,500 square kilometers with a rugged coastline and a realm of thousands of islands (mostly limestone) naturally grouped. Many islands are named after the figures that they resemble, such as Frog, Elephant, Fighting Cock, Turtle, Roof Island and so on, that may enrich the imagination of tourists. HaLong Bay is also situated in the limestone region, so there are many wonderful caves, such as Dau Go, Bo Nau, Trong, Trinh Nu, Sung Sot cave and so on, all associated with fascinating legends.

The water in HaLong Bay is usually calm, big waves being rare. HaLong Bay also treasures many valuable specialities, such as fish, abalone and shrimp of deferent kinds. On the islands, there are various kinds of birds and animals, mostly local species of chicken, blue birds, rams, monkeys and varans. Pearls and coral can be collected on some islands.

HaLong is a great attraction to tourists because it is sublime, beautiful and picturesque. The scenery in HaLong can never be boring, it has its own beauty in each season to impress tourists.

Off Hai Phong, to the East, is **Cat Ba Island,** a beauty spot in Cat Hai District about 150 kilometers east of Hanoi. In a survey for the programme of cooperation and research in tourism between the World Tourist Organization and the Vietnam General Department for Tourism, Mr. Molinari Massimo,

an Italian architect, remarked : "Cat Ba is the most wonderful among hundreds of islands in the world I have ever known".

The area of Cat Ba island is about 100 square kilometers mainly made up of limestone mountains. Its coastline is rugged with many smaller islands scattered around and has several beautiful beaches (Duong Gianh, Cat Co, Cat Dua) and some large coral beaches (Van Ha, Ang Tham, etc...)

The fauna on the island is diversified. In the sea there are a number of valuable specialities ; fish of different kinds, and blood arca, hairy arca, pearl shells, corals and tortoiseshells.

Once visitors come to Cat Ba island, they should visit the National Botanic Garden. Established since 23 May 1983, the Garden with a total area of over 600 hectare has become a place to preserve the ecosystem of primitive rain forests, with more than 600 species of plants, of which many are valuable trees (such as *bang, goi nep, sang le, kim giao*) and a world of animals, some kinds typical of a rain forest (vooc, red-face monkey, pig-tail monkey).

Another popular place is **Do Son**, an area that has many beaches and beautiful natural scenery, located on Do Son peninsula - Hai Phong city, 120 kilometers from Hanoi.

Án ngữ phía đông thành phố Hải Phòng là **Đảo Cát Bà**, một thắng cảnh thuộc huyện Cát Hải, cách Hà Nội 150 km về phía đông. Khi đến khảo sát trong chương trình hợp tác nghiên cứu du lịch giữa Tổ chức Du lịch thế giới và Tổng cục Du lịch Việt Nam, ông Molinari Massimo, kiến trúc sư người Italia đã phải thốt lên : "Cát Bà là hòn đảo đẹp nhất trong số hàng trăm hòn đảo của thế giới mà tôi đã có dịp biết tới".

Đảo Cát Bà rộng khoảng 100 km^2, chủ yếu là núi đá vôi, có đường bờ biển khúc khuỷu và nhiều đảo nhỏ bao quanh với một số bãi biển đẹp (Dương Gianh, Cát Cò, Cát Dứa) và nhiều bãi san hô rộng (Vân Hà, Áng Thảm...).

Thế giới sinh vật ở đây vô cùng phong phú. Dưới biển có nhiều đặc sản quý như cá, sò huyết, sò lông, đồi mồi, trai ngọc, san hô.

Du khách đến Cát Bà không thể không tới thăm khu vườn quốc gia. Được thành lập từ ngày 23-5-1983, Vườn quốc gia Cát Bà rộng 600 ha trở thành nơi bảo tồn hệ sinh thái rừng nhiệt đới nguyên sinh với hơn 600 loài thực vật, trong đó có nhiều cây quý (báng, gội nếp, săng lẻ, kim giao) và giới động vật phong phú, trong đó có nhiều loài đặc hữu (voọc đầu trắng, voọc quần đùi, khỉ mặt đỏ, khỉ đuôi lợn...).

Một thắng cảnh được nhiều du khách tới thăm là **Đồ Sơn**. Đồ Sơn là khu vực có nhiều bãi biển và phong cảnh tự nhiên đẹp nằm trên bán đảo Đồ Sơn - thành phố Hải Phòng, cách Hà Nội 120 km.

Ảnh/Photo: Trương Công Ánh

Động Tam Cốc / Tam Coc Cave

The beaches in Do Son are mostly large, slightly steep ; the water is shallow, cool in the summer and warm in the winter.

This site has been used since the beginning of this century and consequently, Do Son has a convenient road network, and large and comfortable hotels. The city is now capable of catering for thousands of visitors at the same time.

The surroundings of Hanoi also have many beauty spots, good for weekends, such as the **Ba Vi - Suoi Hai** area in Ba Vi district, about 60 kilometers west of Hanoi. The sublime beauty of natural, and the man-made lakes at the foot of mountains, has made this tourist site even more attractive.

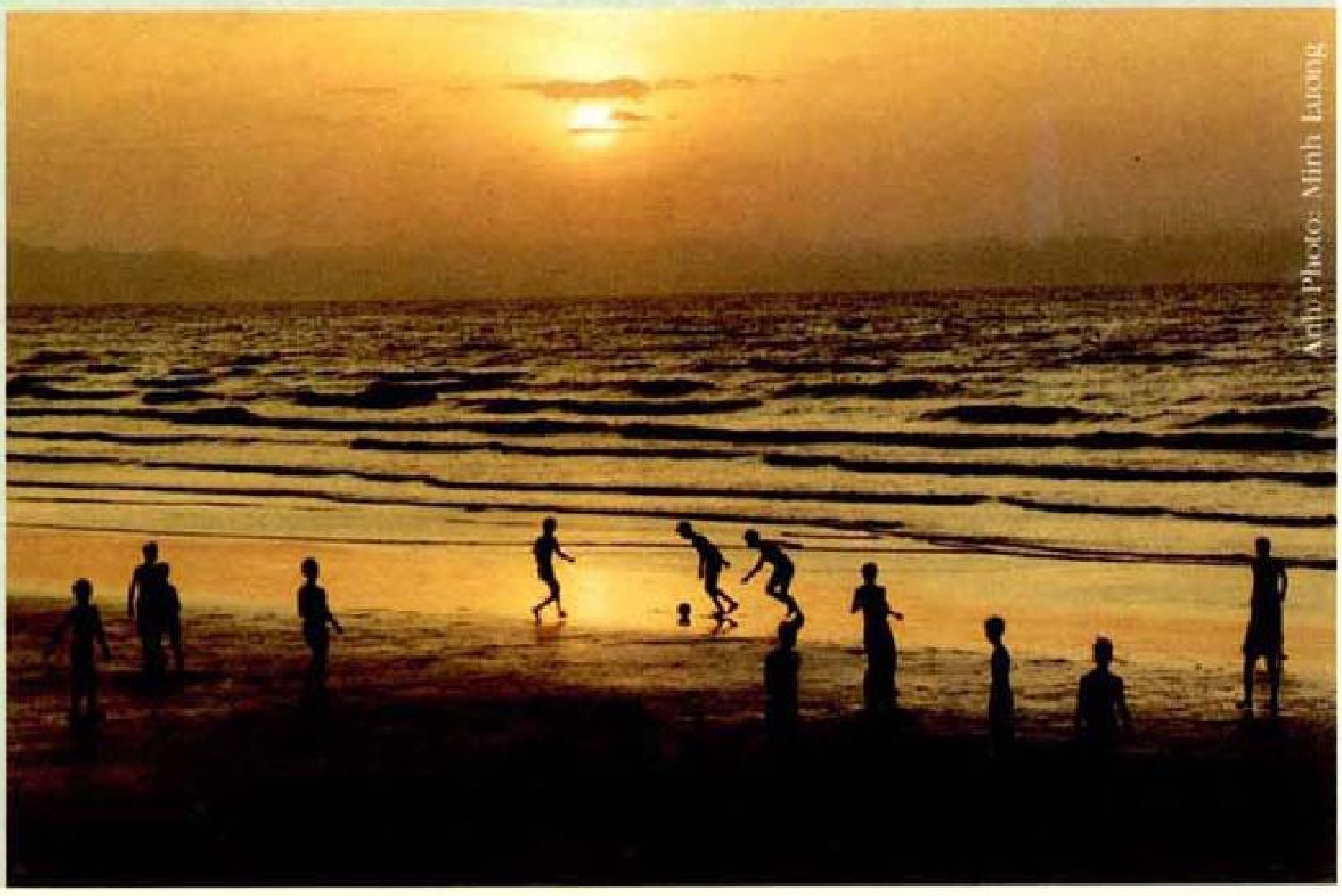

Bình minh bãi biển Đồ Sơn
Dawn at Do Son beach

Đồ Sơn có nhiều bãi tắm rộng, bờ thoải, nước nông, với khí hậu ấm áp về mùa đông, mát về mùa hè.

Là khu vực được khai thác và sử dụng sớm, từ những năm đầu của thế kỷ này, Đồ Sơn có mạng lưới đường sá thuận tiện, nhiều khách sạn đẹp đẽ, khang trang với khả năng đón cùng một lúc hàng chục ngàn khách tới du lịch nghỉ mát, tắm biển.

Vùng phụ cận Thủ đô cũng có nhiều danh lam thắng cảnh, rất thích hợp cho việc nghỉ ngơi cuối tuần. Đó là khu vực **Ba Vì - Suối Hai** nằm ở huyện Ba Vì (Hà Tây), cách Hà Nội hơn 60 km về phía tây theo quốc lộ 32.

Ở đây, cảnh sắc thiên nhiên, núi rừng hùng vĩ hòa quyện với cảnh quan hồ nước nhân tạo dưới chân núi làm cho điểm du lịch càng thêm hấp dẫn.

Chùa Thầy / Thay Pagoda

Ba Vi is characterized by a fresh mountains climate. The weather is cool in summer as each hundred meters higher here, the average temperature falls by 0.5^{o} to 0.55^{o}C. At the top (above 1,000m) the temperature may even come down to 6°C. Ba Vi National Botanic Garden is another place where many rare and valuable species of plants and animals are strictly preserved.

Ba Vi mountain is related to the legend of Son Tinh - Thuy Tinh (Mountain & Sea Spirits), with attractive places as King peak (1,296m) , Tan Vien peak (1,226m) , Ngoc Hoa peak (1,120m). From these peaks, tourists have a panorama of the Northern Delta, decorated with meandering rivers (Black river, Red river), cities, villages and smooth paddy fields. Other tourist attractions in this area are Huong Fall, Da Chong pine forest, Bang Ta virgin forest and Ngoc Nhi stork village. However, two of the most well-known sites are Ao Vua and Suoi Hai lakes.

Ao Vua has wonderful natural scenery with a natural stream coming down from a height of 100m, flowing all year round on the north side of Ba Vi mountain through 3 pools.

Suoi Hai Lake has a surface area of nearly 1,000 hectare with 14 large and small islands. The water is clean and thousands of wild birds flock here for shelter in the winter making this area more attractive.

About 100 kilometers south of Hanoi, down National Highway No 1, is another great tourist attraction.

The Tam Coc - Bich Dong - Hoa Lu site of Ninh Binh province can be referred to as "Ha Long on land". Traces left by the sea are water-ricefields in a basin with densely populated and prosperous areas.

Một trong những nét đặc trưng của Ba Vì là khí hậu miền núi trong lành. Vào mùa hè, thời tiết rất mát mẻ, bởi vì cứ lên cao 100m, nhiệt độ giảm trung bình 0,5^{o}C - 0,55^{o}C. Ở khu vực đỉnh núi (cao trên 1000m), nhiệt độ giảm tới 6°C. Ở Ba Vì có vườn quốc gia với nhiều loại cây và động vật có giá trị.

Núi Ba Vì gắn liền với truyền thuyết Sơn Tinh - Thuỷ Tinh, với các điểm du lịch hấp dẫn như đỉnh Vua (1296m), đỉnh Tản Viên (1226m), đỉnh Ngọc Hoa (1120m). Từ đây có thể quan sát một bức tranh rộng lớn của đồng bằng Bắc Bộ được tô điểm bởi các dòng sông lớn (sông Hồng, sông Đà), thành phố, làng mạc, ruộng đồng. Các điểm du lịch khác cũng đầy quyến rũ trong khu vực này là thác Hương, rừng thông Đá Chông, rừng nguyên sinh Bằng Tạ, làng cò Ngọc Nhị. Đáng chú ý hơn cả là thắng cảnh Ao Vua và hồ Suối Hai.

Thác Bản Dốc / Ban Doc waterfall

Bãi biển Đá Nhảy - một bãi biển đẹp ở vùng ven biển miền Trung
The Da Nhay beach -One of the beautiful beaches along coast of Central Vietnam

Inside the limestone mountains of this region, tourists can find a number of long and short caves such as Gold, Emerald, Fairies, Thien Huong, Xuyen Thuy, Chua, Tam Coc caves and etc. Inside them, tourists will discover a wonderful world of stalactites of different sizes and figures like a kneeling elephant, an eagle, a fairy and so on.

Cuc Phuong National Gardens has an area of 25,000 hectare and is located in Hoang Long district - Ninh Binh province. Due to the rough and dangerous limestone terrain, the Park was not discovered until 1960. In 1962, the government decided to preserve the forest and in 1966, it was officially granted the status of National Gardens being the first one in Vietnam.

Cuc Phuong National Gardens is located in a large valley protected by limestone mountains with an average height of 300 to 400m. Being a primeval rainforest that bears all the typical characteristics of a humid, tropical forest, Cuc Phuong National Gardens certainly has great value in many respects, with tourism being but

Ao Vua có phong cảnh tự nhiên ngoạn mục với dòng suối tự nhiên chảy quanh năm từ sườn phía bắc núi Ba Vì xuống, có độ cao 100m, qua 3 thác và bồn chứa nước.

Hồ Suối Hai có diện tích mặt nước gần 1000 ha với 14 đảo lớn nhỏ. Nước hồ sạch. Đây là nơi cư trú của các đàn chim trời như le le, mòng, két, vịt trời, đông tới hàng vạn con, khiến cho cảnh quan thiên nhiên thêm hấp dẫn.

Cách Thủ đô khoảng 100 km về phía nam theo quốc lộ số 1 là một khu vực có sức hấp dẫn cao đối với du khách :

Khu vực Tam Cốc - Bích Động - Hoa Lư được gọi là "Hạ Long cạn". Biển cả ở đây chỉ còn ghi lại bằng dấu vết trên một nền đồng bằng đệ tứ, các cánh đồng nước của một vùng chiêm trũng dân cư trù mật.

Trong lòng núi đá vôi xuất hiện nhiều hang dài ngắn khác nhau : nào là động Vàng, Bích Động, động Tiên, nào là động Thiên Hương, hang Xuyên Thuỷ, hang Chùa, Tam Cốc... Trong các hang, nhũ đá tạo nên nhiều hình thù đẹp mắt như voi phục, chim đại bàng, tiên ông...

Vườn quốc gia Cúc Phương rộng 25.000 ha, thuộc huyện Hoàng Long (Ninh Bình). Do địa hình đá vôi hiểm trở, nên rừng Cúc Phương mới được phát hiện vào năm 1960. Từ năm 1962, Nhà nước quyết định xây dựng khu vực này và đến năm 1966 chính thức trở thành vườn quốc gia đầu tiên của Việt Nam.

Vườn quốc gia Cúc Phương nằm trong một thung lũng chạy dài theo hướng tây bắc - đông nam, được bao bọc bởi các núi đá vôi có độ cao trung bình 300-400 m. Là

một khu rừng nguyên sinh mang tính chất điển hình của rừng nhiệt đới ẩm, vườn quốc gia Cúc Phương có giá trị lớn về nhiều mặt, trong đó có du lịch.

Thành phần thực vật trong rừng rất phong phú, với trên 2000 loài, trong đó có nhiều giống mang tính chất nguyên thuỷ như các cây thuộc họ Ngọc Lan, Re, Na, Giẻ... Hệ động vật cũng hết sức đa dạng, với hàng trăm loài khác nhau, trong đó có nhiều loài được đưa vào sách đỏ Việt Nam.

Ở các tỉnh miền Trung, thiên nhiên đã tạo nên một thắng cảnh hang động hùng vĩ không chỉ nổi tiếng ở trong nước, mà còn trong phạm vi quốc tế. Đó là **Động Phong Nha** (hay còn gọi là Động Trốc, chùa Hang) ở vùng núi đá vôi Kẻ Bàng cách thị xã Đồng Hới (Quảng Bình) khoảng 60 km. Các hang động hùng vĩ đều do con sông ngầm - sông Chài - hoà tan đá vôi tạo thành.

Động Phong Nha dài 7.729 m cùng với hệ thống các hang động khác trong khối đá vôi Kẻ Bàng có thể được coi là một kỳ quan tuyệt vời của tạo hoá, xứng đáng với tên gọi "Phong Nha đệ nhất động".

Động có trên 20 buồng nổi tiếng với hành lang rộng tới 1.500m và nhiều hành lang phụ rộng hàng trăm mét. Các hang ngoài cùng có trần cao hơn mặt nước, rộng khoảng 10m. Các hang phía trong, đặc biệt từ hang thứ 4 trở đi, trần hang đá cao đến 25-

one.

The flora in the forest is rich, with more than 2000 species, among which several species, such as magnolia, custard-apple, chestnut still bear their primitive characteristics. The fauna is also very rich with hundreds of different kinds of valuable species, some of whom have been added to the Red Book of Vietnam.

In the Central region, Nature has created a grandiose beauty spot which is well-known not only in this country, but also in the world. That is **Phong Nha Cave** (also Troc cave or Chua Hang) situated in the Ke Bang limestone mountains region, about 60 kilometers from Dong Hoi town (Quang Binh province). These caves were all formed by an underground river (Chai river), dissolving the limestone.

Phong Nha Cave, which is 7,729m long, together with a range of other caves in the Ke Bang mountains region has formed a natural wonder to deserve the title "Phong Nha cave the First".

The cave has more than 20 caverns and is famous for a huge corridor 1,500m wide with other corridors more than a hundred meters wide. The outer - most caves have their ceilings just above the water level and are about 10m wide. In the inner caves, especially from the fourth cavern onwards, the ceilings are about 25-50m high. From the 14th cavern through small additional corridors, tourists can go deep-

"Phong Nha đệ nhất động", một trong những động dài và đẹp
"Phong Nha Grotto the First" - one of the longest and beatiful grottoes

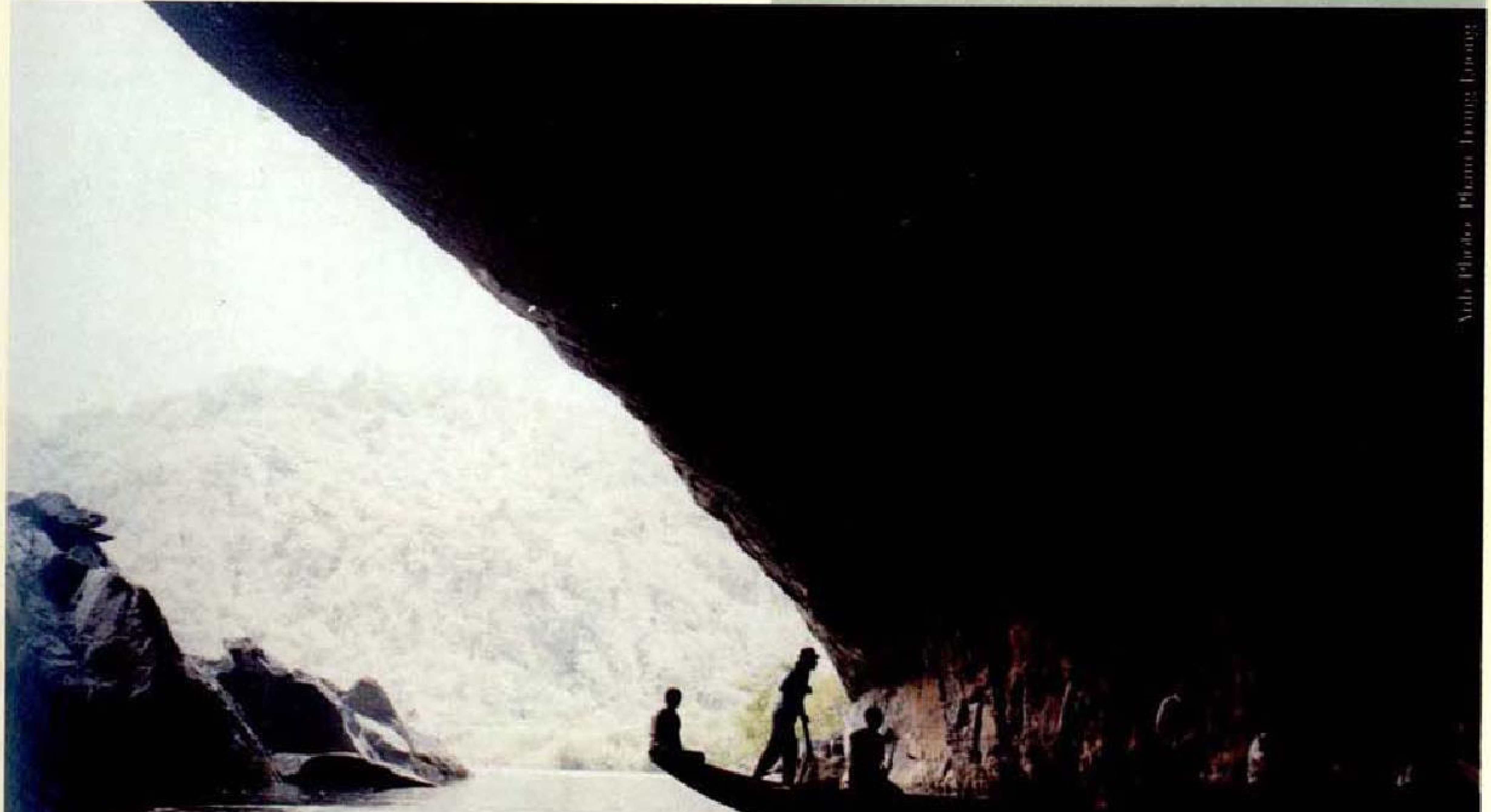

50m. Từ buồng thứ 14, du khách có thể theo các hành lang hẹp khác, đi sâu hơn nữa dưới mặt đất đến những buồng to, rộng hơn...

Khó có thể mô tả được hết cái đẹp của những buồng, những hành lang đá vôi phủ đầy thạch nhũ long lanh dưới ánh đuốc của dòng sông ngầm như được láng một lớp sáng mỏng, nhưng không làm mờ mầu đen của vực sâu và của những hình thù kỳ dị vẫn được bảo tồn ở dạng nguyên sơ mà trí tưởng tượng của con người đã gán cho chúng biết bao huyền thoại và sự tích kỳ lạ.

Du khách đến thăm có cảm giác như đang trong hành trình của một cuộc thám hiểm thực sự dưới lòng đất. Động Phong Nha vẫn còn đó với không ít điều bí ẩn, là đối tượng thu hút các nhà khoa học và du khách.

Trên con đường xuyên Việt, **Đèo Hải Vân** được mệnh danh là "Thiên hạ đệ nhất hùng quan", nằm ở độ cao 496m, dài 20km trên đoạn quốc lộ 1. Nếu đi bằng đường xe lửa, du khách phải chui qua 7 chiếc hầm xuyên qua lòng núi với tổng chiều dài 3920m.

er to other bigger rooms under the ground.

It is hard to depict the ethereal beauty of the stalactites twinkling in the light of torches, while the river seems to be covered with a thin layer of light not strong enough to fade the black depth of chasms and the many strange-looking figures. These figures are preserved in their primitive shapes and associated with the many legends that human imagination may have associated with them.

Once inside the cave, tourists will have a feeling of participating in an authentic underground exploration. The cave has many mysteries, the main attraction to tourists and scientists alike.

On National Highway Number 1 to the south of Vietnam, tourists will have a chance to admire the grandiose beauty of nature from the top of **Hai Van Pass** (20 kilometers long and about 496m above sea level). The Pass has been called : "The most grandiose beauty spot under the Heavens". A train will take tourists through 7 tunnels with a total length of 3,920m.

The Hai Van Pass starts at Lang Co. The mountain range containing Hai Van Pass is a fork of the North Truong Son range. It goes directly to the sea with many high peaks, of which Hai Van peak is the last, 1,172m high. It is perhaps, because this mountain top

Biển bạc / Silver sea

is lost in clouds and its foot dips in the sea that its name is Hai Van, which means cloud and sea.

Hai Van Pass is situated perilously on a vertical mountain side by the sea. To get to the top of the Pass the train has to make over 60 zigzag turns. On the Pass, tourists can refresh themselves with the sea breeze and to the north of the Pass is the Lang Co region with a long beach, resembling a white thread beside the blue of the sea. To the south is Da Nang city, a densely-populated and prosperous city. To the west is the Truong Son mountain range and to the east is the great world where the sea and the sky melt into each other.

After crossing Hai Van Pass, tourists will encounter a beautiful coastline (20 kilometers long) like a lace decorating the east side of Da Nang city. This beautiful coastline begins at Son Tra peninsula (10 kilometers to the north of Da Nang city) and runs to Non Nuoc beach of Ngu Hanh Son (10 kilometers to the south - east of Da Nang city). Son Tra peninsula used to be a group of three smaller, offshore islands. Then gradually the ocean current carried silt from rivers and formed a promontory that now connects the island with the main land.

Ảnh/Photo: Phạm Trung Lương

Đèo Hải Vân, nơi trời và biển hòa quyện / Hai Van Pass-the place where the sky and sea meet

Nếu đi từ Huế vào đến Lăng Cô là bắt đầu khu vực đèo Hải Vân. Dãy núi có đèo Hải Vân là một mạch núi của Trường Sơn Bắc đâm ngang ra biển với nhiều ngọn núi cao, và ngọn cuối cùng là ngọn Hải Vân, cao 1.172m. Có lẽ do đỉnh núi cao chót vót đang nằm trong mây, còn chân núi lại đắm mình dưới làn nước biển, nên cả núi và đèo đều mang tên Hải Vân ...

Đèo Hải Vân chênh vênh trên mặt biển. Từ chân lên đỉnh, xe của du khách phải đi qua hơn 60 khúc ngoặt chữ chi. Đứng trên đèo lộng gió, nhìn ra phía bắc là vùng Lăng Cô với bãi cát dài như một sợi chỉ trắng dính trên màu xanh của nước biển, nhìn về phía nam là toàn cảnh thành phố Đà Nẵng sầm uất , trông ra phía tây là dãy núi Trường Sơn trùng điệp , còn về phía đông là vùng biển bao la với màu xanh bất tận của đại dương.

Vượt qua đèo Hải Vân, du khách bắt gặp một dải bờ biển tuyệt đẹp như một dải đăng ten viền lấy rìa phía đông thành phố Đà Nẵng, kéo dài suốt 20 km, được bắt đầu từ bán đảo Sơn Trà (cách Đà Nẵng 10km về phía bắc) đến bãi biển Non Nước, Ngũ Hành Sơn (cách Đà Nẵng 10 km về phía đông nam).

Thời xa xưa, Sơn Trà là một hòn đảo lớn khối núi gồm ba hòn trấn ngự ngoài biển khơi. Lâu dần, dòng nước ven biển chuyển tải phù sa của sông đổ ra bồi dần một doi cát chạy từ đất liền ra đảo. Đảo

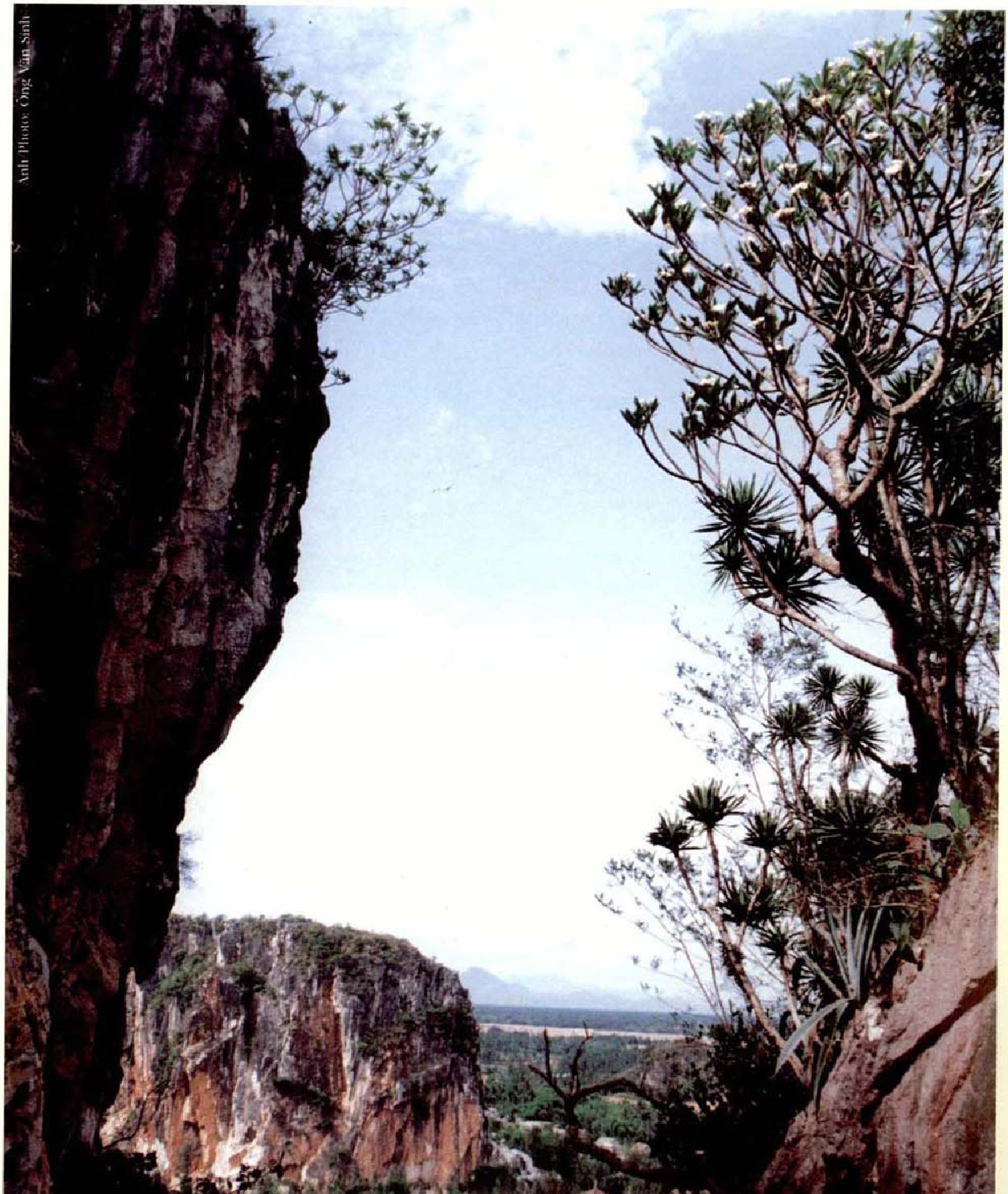

Một góc thắng cảnh Ngũ Hành Sơn
Part of scenic Ngu Hanh Son

dính vào đất liền thành một bán đảo trông giống như một chiếc nấm. Đó là bán đảo Sơn Trà ngày nay.

Núi Sơn Trà nằm ở độ cao 693m với phong cảnh ngoạn mục. Tương truyền, do cảnh trí tuyệt vời nên Tiên thường hạ giới tại đây và người xưa gọi núi ấy là núi Tiên Sa. Trên núi có rừng cây um tùm và là nơi cư trú của khỉ, hươu nai cũng như các loài động vật khác. Từ chân núi chạy dài về phía nam là dải cát dài 15km, có đoạn cong như lưỡi liềm (bãi Nam Ô), có đoạn kéo dài thẳng tắp suốt 8km (Mỹ Khê, Bắc Mỹ An).

Ngũ Hành Sơn nằm giữa sông Hàn và Biển Đông gồm các ngọn núi quây quần thành một cụm : Thủy Sơn (lớn nhất), Mộc Sơn, Kim Sơn, Thổ Sơn và hai núi nhỏ liền kế nhau (Dương Hỏa Sơn và Âm Hỏa Sơn). Đã từ lâu, người dân địa phương quen gọi khu thắng cảnh này là hòn Non Nước gắn liền với một truyền thuyết từ thuở khai thiên lập địa. Vẻ đẹp của thiên nhiên như được tôn tạo lên nhờ các đền chùa (chùa Tam Thai, chùa Linh Ứng, Châu Ứng...), hang động (động Huyền Không..) và nghề chạm khắc đá tinh xảo.

Nhìn ra ngoài khơi là **Cù Lao Chàm**, cách Đà Nẵng 35km, một khu dự trữ tự nhiên rộng 1535ha với đặc sản là tổ yến. Ngoài ra còn có nhiều bãi cát, san hô, thực và động vật đảo, càng làm phong phú lên giá trị của cù lao này.

Son Tra mountain is located at 693m above sea level with a beautiful view. Legend has it that, because the island was so beautiful, many fairies went there to enjoy themselves ; hence, it used to be called Tien Sa (*descending fairy*) mountain. On the island there is a dense forest which is home to monkeys, deer and other kinds of animals. At the foot of the mountain and to the south of the island is a beach 15 kilometers long, some parts curving like a sickle (Nam O beach) and one part running straight for about 8 kilometers (My Khe, Bac My An).

Ngu Hanh Son lies between the Han river and the sea and consists of several mountains grouped together : Thuy Son (the largest), Moc Son, Kim Son, Tho Son, and 2 other small mountains standing beside each other (Duong Hoa Son and Am Hoa Son). Local people usually call this site Non Nuoc mountain which has a legend that links it with the formation of the Earth. The beauty of nature is increased with temples, pagodas (Tam Thai pagoda, Linh Ung pagoda, Chau Ung pagoda, etc.), caves (Huyen Khong cave...) and the subtle stone carving profession.

Thirty-five kilometers off Da Nang city lies **Cham island**, a natural reserve with a total area of 1,535 hectare. Salagane's nest is a speciality of this region. In addition, there are many sandy beaches, coral, and abundant fauna and flora that have made the island more interesting.

Vịnh Văn Phong, một trong những khu du lịch biển đẹp ở Việt Nam
Van Phong bay, one of beautiful tourist resorts along the coast of Vietnam

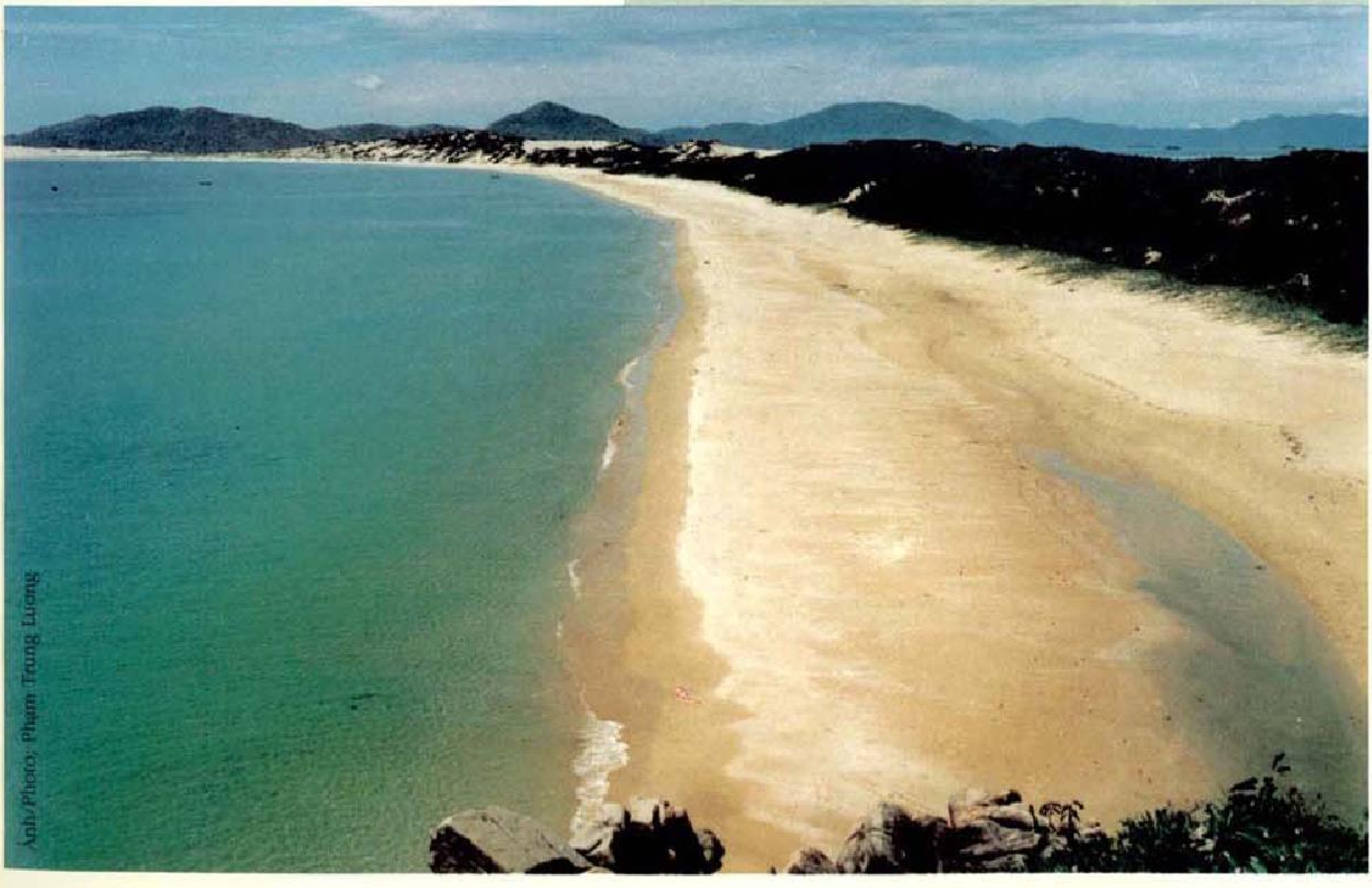

Đại Lãnh - Văn Phong - Nha Trang, đoạn bờ biển đẹp nhất Việt Nam với nhiều bãi tắm lý tưởng kéo dài từ Đại Lãnh qua Nha Trang tới Ninh Trũ, Cà Ná (Ninh Thuận) để lại cho du khách những ấn tượng sâu đậm.

Đại Lãnh là một trong những thắng cảnh nằm trên đoạn bờ biển phong cảnh hữu tình giữa đèo Cả và đèo Cổ Mã, phía bắc là vũng Rô, một vũng biển đẹp nổi tiếng và phía nam là bán đảo Hòn Gốm, điểm cực đông của Việt Nam. Bãi biển Đại Lãnh rộng, cát trắng mịn có dáng hình lưỡi liềm trông ra làn nước biển trong vắt. Cách 9 km về phía nam là suối nước nóng Tu Bông.

Vịnh Văn Phong là một kỳ quan thiên nhiên với nét đẹp đặc thù của một môi trường quý hiếm và được coi là một trong những khu vực đẹp nhất Đông Nam Á. Nó có chiều dài 35km, rộng 25km, cách Nha Trang 80 km và cách Tuy Hoà 35km. Vịnh này gồm 2 vịnh nhỏ : vịnh Hòn Khói ở phía nam và vịnh Trần Nam ở phía bắc. Trong vịnh có nhiều đảo, lớn nhất là Hòn Lớn (dài 42 km, rộng 5km). Với khí hậu dễ chịu, nhiều bãi biển đẹp, cát mịn, đồi núi hùng vĩ bao quanh, có rừng nhiệt đới, xen lẫn rừng cây bụi trên những cồn cát trắng chạy dài theo bờ biển, vịnh Văn Phong sẽ làm hài lòng du khách thích nghỉ ngơi giữa cảnh biển trời bao la.

Nha Trang là một thành phố biển nằm trên quốc lộ 1, cách Hà Nội 1450 km và cách thành phố Hồ

Ảnh/Photo: Ngu

Đường Trần Phú, Nha Trang / Tran Phu road, Nha Trang city

Chí Minh 450 km. Một dải bờ biển kéo dài 7km toàn bãi tắm đẹp, cát trắng phau, uốn cong như vành nón bên làn nước biển xanh thẫm, dạt dào tiếng sóng, đã thu hút không biết bao nhiêu du khách ở trong và ngoài nước. Bờ biển quanh năm tràn ngập ánh nắng, bầu trời luôn xanh ngắt chẳng khác gì bầu trời Địa Trung Hải.

Biển Nha Trang có đủ hải sản quý. Một đặc sản rất nổi tiếng và có giá trị ở Nha Trang là tổ yến từ trên các vách đá cheo leo của các đảo đưa vào. Đây là nơi có nhiều yến nhất Việt Nam.

Dai Lanh - Van Phong - Nha Trang is a long coastline with many wonderful beaches starting from Dai Lanh through Nha Trang and Ninh Tru to Ca Na (Ninh Thuan). The beaches will certainly create a deep impression in the heart of tourists.

Dai Lanh is one of the beauty spots in a fascinating coastline between Ca Pass and Co Ma Pass. To the north is Ro lagoon, a famous, lovely lagoon ; to the south is Hon Gom peninsula the eastern-most point of Vietnam. Dai Lanh beach is large, smooth with fine sand. The beach is a crescent-shaped, facing an open, clear sea. There's a hot stream called Tu Bong, 9 kilometers to the south of the Pass.

Van Phong bay can be regarded as a natural wonder and one of the most beautiful places in South East Asia. The bay is 25 kilometers wide and 35 kilometers long, located 80 kilometers from Nha Trang and 35 kilometers from Tuy Hoa. Van Phong bay consists of two smaller bays : Hon Khoi bay in the south and Tran Nam bay in the north. Inside the bay, there are many islands, the largest of which is Hon Lon (42 kilometers by 5 kilometers). With a comfortable climate, beautiful beaches surrounded by a sublime mountain range, tropical forests and bushes on the sand ridges along the coast, Van Phong bay will surely please tourists who come here to find themselves enjoying the vastness of the sea and the sky.

Nha Trang is a coastal city on National Highway 1. It is 1,450 kilometers from Hanoi and 450 kilometers from Ho Chi Minh City. A 7-kilometer coast line full of beautiful, curved fine sand beaches washed by deep blue waves has attracted thousands of tourists both international and domestic. The beaches are bathed in sunshine all the year round and the sky is "Mediterranean blue".

The sea at Nha Trang contains all kinds of treasured sea products. A valuable and well-known speciality is Salagane's nest which is collected from the vertical cliffs on the many islands. This is the place where most Salagane's nests are found.

To the west of the city is a mountainous area with many peaks, approximately 1000m high, where many birds and animals such as peacocks, murky-weasel, wild goats, and so on find their home. After spending some time on the beach, tourists can engage in fascinating walks in the mountains.

Turning slightly to the southeast, tourists can see a group of five or six islands standing close to each other, the largest being Hon Tre, 3 kilometers from Nha Trang, with a total area of 25 square kilometers and mountains 460m high. From the island, tourists can see several other islands further out to the sea.

Nha Trang is not only famous for its natural beauty, but also for its heritage of the Cham culture, with its ancient Ponaga Tower (Ba Tower).

Phía tây thành phố là vùng đồi núi với những đỉnh cao trên dưới 1000m, trên đó có nhiều chim, thú (công, cầy hương, dê rừng...). Sau những ngày tắm biển, du khách có thể tham gia các buổi đi săn lý thú.

Chếch về phía đông nam có một nhóm năm sáu hòn đảo đứng chụm với nhau, lớn nhất là Hòn Tre, rộng $25km^2$, có núi cao 460m, cách Nha Trang 3km. Từ đây nhìn ra khơi còn có vài ba hòn đảo khác.

Nha Trang không chỉ đẹp về tự nhiên, mà còn nổi tiếng với những di tích của nền văn hoá Chàm, tiêu biểu là tháp Pônaga (tháp Bà).

Trên vùng đất Tây Nguyên, **Đà Lạt**, một thành phố thơ mộng trên cao nguyên tương đối bằng phẳng, ở độ cao 1500m, cách thành phố Hồ Chí Minh 300km, cách Nha Trang 200km đã từ lâu trở thành thành phố nghỉ mát - du lịch.

Do nằm ở độ cao tương đối lớn, khí hậu Đà Lạt quanh năm mát mẻ. Nhiệt độ trung bình năm 18^OC, tháng nóng nhất không quá 20^OC, còn tháng lạnh nhất không dưới 15^OC.

Đà Lạt có phong cảnh thiên nhiên rất đẹp. Đây là xứ sở của thác. Độ chênh lệch của các bề mặt cao nguyên xếp tầng tạo nên những "bước hụt" của các dòng sông, con suối khi chảy từ bề mặt cao hơn xuống bề mặt thấp hơn, đã hình thành xung quanh Đà Lạt hàng loạt thác nước : thác Cam Ly nằm gần trung tâm thành phố, thác Angkrôet ở Đan Kia, chùm thác 4 ngọn trên quốc lộ 20 từ Di Linh đến Lâm Viên trước khi vào thành phố, trong đó đẹp nhất là thác Prenn, cao chừng 13m ở ngay ven đường.

Đà Lạt cũng là xứ sở của hồ và rừng thông. Những hồ (tự nhiên và nhân tạo) nổi tiếng là hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, hồ Đa Thiện, hồ Vạn Kiếp... với những truyền thuyết hết sức hấp dẫn. Đà Lạt thơ mộng rì rào tiếng thông reo với những rừng Ái Ân, thung lũng Tình Yêu...

Thành phố còn được tô điểm bởi các loại hoa. Ở đây có không dưới 1500 loài hoa được trồng trong các trại hoặc trong mỗi gia đình : nào là đỗ quyên, anh đào, mimôza, cẩm tú cầu..., nào là các loại hoa quen thuộc như hồng, cúc, thược dược...

Ở Đà Lạt có sự kết hợp hài hoà giữa cảnh quan thiên nhiên và cảnh quan văn hoá với không dưới 3000 biệt thự. Mỗi biệt thự đặt trong một khung cảnh thiên nhiên thơ mộng với những nét kiến trúc riêng biệt. Chính vì thế, Đà Lạt không thể trộn lẫn vào bất kỳ một thành phố nào khác.

Trở lại dải ven biển, du khách thường đến

Thác Prenn mùa Đông / Prenn waterfall in winter

Located in Tay Nguyen region, **Da Lat** is a romantically beautiful city on a fairly flat plateau 1,500m above sea level. Da Lat has long been a city of tourism and relaxation. It is 300 kilometers from Ho Chi Minh City and 200 kilometers from Nha Trang.

Situated at such a height, Da Lat always enjoys a cool climate. The average temperature during the year is 18^OC. The temperature in the hottest months is not higher than 20^OC, and the coldest months not lower than 15^OC.

Da Lat has a wonderful natural landscape with many waterfalls. Due to the difference in the height between different parts of the plateau, there are sudden descents in the streams creating many waterfalls, such as Cam Ly, situated near the centre of the city, and Angkroet in Dan Kia which is a set of 4 small falls lying just outside of the city, alongside National Highway 20 from Di Linh to Lam Vien. The most beautiful in the set is Prenn waterfall, 13m high beside the highway.

Da Lat has many lakes and pine woods. There are several well-known lakes, (both man-made and natural) such as Xuan Huong, Than Tho, Da Thien, Van Kiep, etc. Da Lat is poetically romantic with the gentle rustles of the pines in Ai An woods, Love Valley, etc.

The city is also decorated with a vast variety of flowers. There are no less than 1,500 species planted in nurseries and gardens. Beautiful and expensive flowers such as rhododendron, cherry, mimosa, hydrangea, etc. or common flowers such as rose, daisy, dahlia, etc. are all grown here.

Da Lat has a harmonious combination of natural scenery and the beauty of culture, with no less than 3,000 villas. Each villa has its own style of architecture in a picturesque setting. With all these characteristics, Da Lat has distinguished itself from other cities.

Back to the coastal area, **Vung Tau** is another popular resort, over 120 kilometers from Ho Chi Minh City. Mountains, rivers, the sea and the sky have created a unique beauty for Vung Tau. Beautiful beaches such as Rear, Dua, Front, and Dau beaches lying beyond the Nghenh Phong (*wind hailing*) horn are all located in the southeastern part of the city.

In addition, Long Hai and Phuoc Hai are another two beaches which remain intact, with potential for tourism. These are the most beautiful beaches in Long Dat district, Ba Ria–Vung Tau province.

Long Hai beach lies along the Chau Long and Chau Vien mountain ranges. In some parts, the mountains look as if they are collapsing over the sea and over beautiful rock grounds. Tourists will have a chance to admire cherry orchards stretching out for miles on either side of the road along the coast. In the blooming season, nature in the area is picturesque.

Long Hai beach has a gentle slope. The water is clear without any whirlpools and as a result, is preferred by most tourists. The beach is beautiful, cleaner and quieter than the beaches in Vung Tau. On the mountains filled with green trees are age-old pagodas and the glorious Minh Dam revolutionary relics.

In comparison with the beaches in Nha Trang, Long Hai beach is no less beautiful, but has not been fully exploited. In the future, the beach will be a good place for different kinds of sports, such as surfing, rowing or even bushwalks and mountain climbing.

Con Dao, about 90 knots to the south - east of Vung Tau, is a large group of islands consisting of 14 large and small islands in area of 76,7 square kilometers among which Con Son (Con Dao cave) is the largest. The island has a dense forest with various kinds of animals. The sea here treasures various valuable sea species such as turtle, tortoise-shell, etc. As well as the historical sites (prison cells, tiger cages, cemeteries), the tourist is offered different types of enjoyment such as cruising, mountain climbing and hunting.

The southern-most **Minh Hai** province continues to be raised by the silt of the Cuu Long river. Sanctuaries and mangrove forests have created a unique habitat of salt water forests.

Sanctuaries here are really attractive.

Hồ Than Thở / The lake of sighs

thăm **Vũng Tàu**, cách thành phố Hồ Chí Minh trên 120km. Vũng Tàu vốn là một nơi nghỉ biển từ xưa. Sông núi, biển trời, đảo đá tạo cho Vũng Tàu một vẻ đẹp riêng biệt. Các bãi tắm đẹp nằm ở phía đông nam của thành phố, gồm có bãi Sau qua mũi Nghênh Phong đến bãi Dứa, bãi Trước, bãi Dâu.

Nếu như Vũng Tàu đã được biết từ lâu thì Long Hải, Phước Hải còn đang ẩn chứa nhiều tiềm năng chưa được khai thác. Đây là những bãi biển đẹp nhất thuộc huyện Long Đất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bãi biển Long Hải chạy dài theo dãy núi Châu Long và Châu Viên. Ở một số nơi, núi dường như đổ sập xuống biển với những bãi đá rất đẹp. Trên con đường dọc theo bãi biển, du khách được chiêm ngưỡng rừng anh đào kéo dài mấy cây số. Vào mùa hoa nở, thiên nhiên ở đây thật là ngoạn mục.

Bãi biển Long Hải thoai thoải, nước biển xanh trong không có xoáy nên được nhiều người ưa thích. Đây là một bãi tắm đẹp, sạch và yên tĩnh hơn Vũng Tàu. Trên các dãy núi xung quanh có nhiều ngôi chùa cổ kính và khu di tích cách mạng Minh Đạm hào hùng.

So với các bãi biển ở Nha Trang, bãi biển Long Hải không thua kém về vẻ đẹp, nhưng hiện nay hầu như chưa được khai thác. Trong tương lai, du khách có thể đến đây tắm biển, kết hợp với các hoạt động thể thao dưới nước như lướt ván, bơi thuyền hay du lịch trong rừng, leo núi.

Côn Đảo cách Vũng Tàu 90 hải lý về phía đông nam, gồm 14 hòn đảo lớn nhỏ, với tổng diện tích 76,7km^2, trong đó lớn nhất là Côn Sơn (hang Côn Đảo). Trên bờ, rừng mọc um tùm, giới động vật phong phú. Dưới biển, có nhiều loài cá và hải sản quý (ba ba, đồi mồi). Kết hợp với các di tích lịch sử (nhà ngục, trại giam, chuồng cọp, nghĩa địa), thiên nhiên ở đây có sức thu hút du khách trong các loại hình du lịch biển, du lịch núi và săn bắn.

Ở vùng cực nam của Tổ quốc, **Minh Hải** đang tiếp tục được phù sa của sông Cửu Long bồi đắp, với những sân chim, rừng tràm, rừng đước, tạo nên hệ sinh thái rừng ngập mặn đặc thù.

Sân chim ở đây thật hấp dẫn. Mặc dù số loài chưa thật phong phú nhưng số lượng cá thể nhiều,

ít nơi nào sánh kịp. Đến mùa sinh sản, chúng làm tổ ở các khu rừng ngập mặn thành từng tập đoàn lớn gọi là sân chim.

Minh Hải có hai sân chim lớn : Vĩnh Lợi (18 ha) và Ngọc Hiển (130 ha). Riêng sân chim Ngọc Hiển có khoảng 40 loài, trong đó nhiều nhất là cốc, diệc, vạc, cò trắng, cò bợ, cò quăm v.v... Một số loài chim quý ở đây đang được sự quan tâm bảo vệ của các tổ chức quốc tế (IUCN, ICVP, WWP).

Trên vùng biển tây nam, du khách thường ghé thăm **Phú Quốc,** hòn đảo lớn nhất Việt Nam, với diện tích 565 km^2. Nó được che phủ bởi một diện tích rừng khá lớn, và là nơi có thể tham quan, du lịch.

Đi qua khu rừng già với nhiều loại cây cổ thụ và cùng thung lũng hoa lan là khu rừng quế. Quế Phú Quốc thuộc loại quế bì, vỏ dày, có nhiều hương dầu. Bên cạnh rừng quế là vùng đồi thấp phủ đầy nọc tiêu. Hồ tiêu Phú Quốc thơm, cay, làm tăng thêm gia vị cho bữa ăn của du khách.

Trong rừng có nhiều động vật. Vào mùa xuân, có thể gặp cả bầy hươu, nai đủng đỉnh đi kiếm ăn. Đi trong rừng còn gặp nhiều tổ ong, mật như hổ phách, ngọt và thơm mùi của quế.

Bên cạnh núi rừng và biển cả, du khách còn có thể thăm viếng nhiều di tích gắn với tên tuổi của Nguyễn Trung Trực và hàng loạt anh hùng vô danh khác.

Species are not diversified, but the number of birds is perhaps unrivaled. In the breeding season, they set their nests in salt water forests in large groups called "Bird Grounds".

Minh Hai has two large sanctuaries : Vinh Loi (18 hectare) and Ngoc Hien (130 hectare). In Ngoc Hien sanctuary alone, there are over 40 bird species, chiefly waterfowls such as *cormorant, heron, night-heron,* some kinds of storks. Some valuable bird species are being protected with the assistance of international organizations (IUCN, ICVP, WWP).

Tourists usually visit **Phu Quoc island**, Vietnam's largest island, with a total area of 565 square kilometers in the southwest sea. The island is covered with a large forest area, promising a popular resort in the future.

Passing through a jungle, with many big, old trees, and the orchid valley, visitors will find a cinnamon forest. Cinnamon on Phu Quoc island is tough, with thick skin, and is strongly aromatic. Next to the cinnamon forest is a region of low hills covered with pepper plants. The pepper of Phu Quoc is tasty and pungent, adding more flavour to the meals.

The forest on the island is rich with animals. In spring, tourists can see herds of deer wandering about in their search for food, and a lot of beehives, the honey being sweet and cinnamon-scented.

While enjoying the forest and the sea, tourists can also visit many sites, whose names are closely connected with Nguyen Trung Truc and other Vietnamese national heroes.

Bãi tắm Vũng Tàu / The Vung Tau beach

Hòn Phụ Tử - Hà Tiên / Father and Son Rocks - Ha Tien

Ảnh/Photo: Hữu Cầy

Ảnh/Photo: Ông Văn Sinh

Đến với Mỹ Sơn, nền văn hóa Champa thế kỷ V
At My Son - the Champa civilization of 5th century

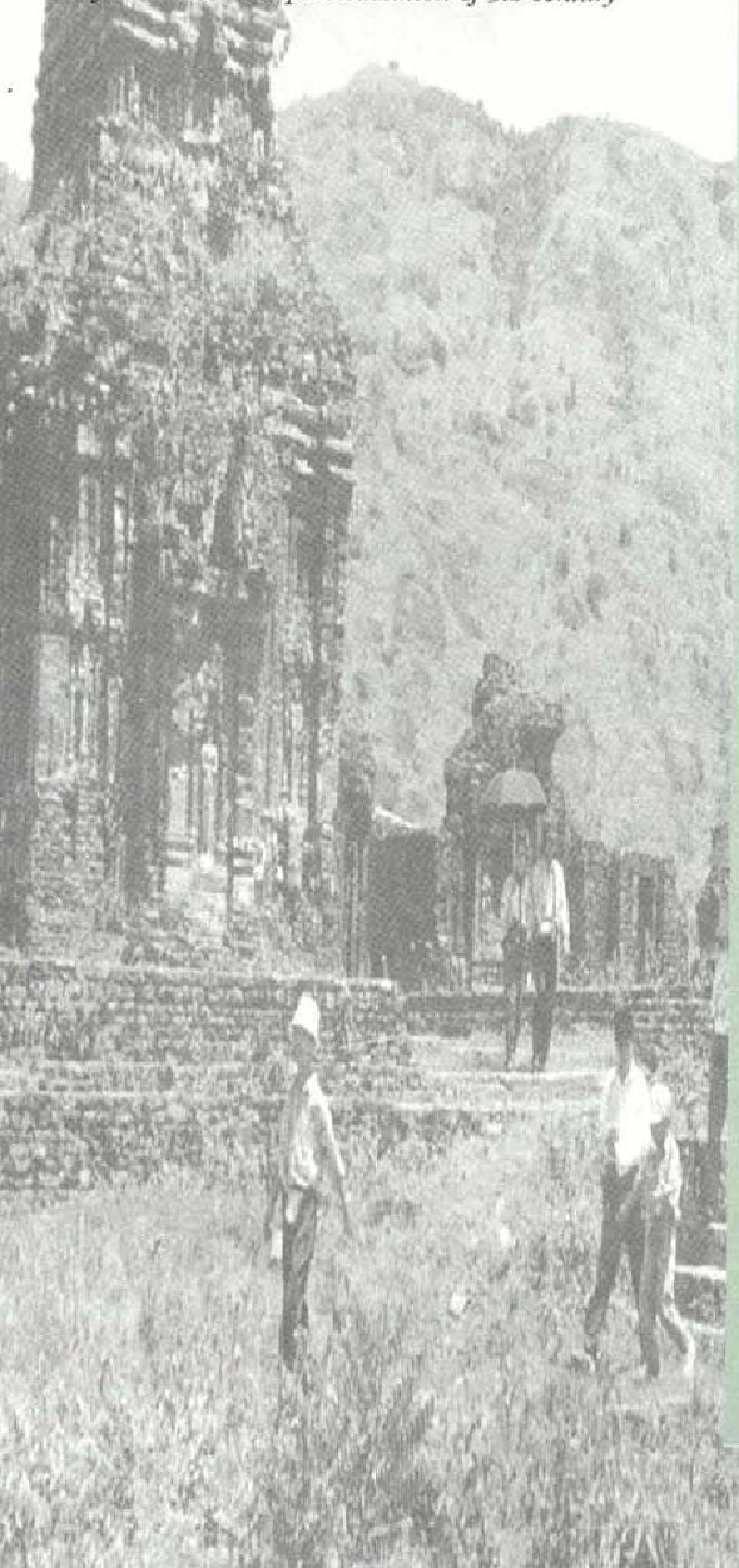

A Country of Historical sites and Age - Old Cultural Traditions

Vietnamese culture is easily accessible in different ways depending on each person's purposes and interests. In the past, however, many tourists thought that the country had few attractions to see or to be interested in. The country does not have grand temples like : *Angko, Watt, Borobudua, Sukhothai* or *Ayordia*. Nothing in the country is grandiose. Everything is simple and modest. Even in the palaces and temples of the Nguyen Dynasty where magnificence was not unusual, tourists can easily recognize their simple beauty. However, it is the simplicity and honesty in Vietnamese culture that is the main attraction to foreign tourists. They

Đất Nước Của Những Di Tích và Truyền Thống Văn Hóa Lâu Đời

Có thể đến với văn hoá Việt Nam bằng nhiều cách và từ nhiều ngả tuỳ theo ý thích và mục đích của mỗi người. Tuy vậy, lúc đầu du khách không khỏi có ít nhiều bỡ ngỡ, dường như Việt Nam không có nhiều lắm những điều đáng quan tâm. Ở đây không có những khu đền đài miếu mạo đồ sộ như Ăngco Vát, Ăngco Thom, như Bôrôbuđua, Xukhôthai hay thậm chí một di tích quy mô như Aútthia. Ở đây mọi thứ đều có vóc dáng không lớn, hình hài thể mộc mạc, khiêm nhường. Ngay đến cả khu cung điện và các lăng tẩm vua chúa triều Nguyễn cũng vậy, cũng một vẻ giản dị ở ngay cái nơi đáng lẽ phải nguy nga, lộng lẫy. Nhưng chính cái vẻ chân thật, đơn sơ ấy lại là cái mà văn hoá đất Việt hấp dẫn các du khách. Họ bắt đầu hiểu rằng bên dưới cái vẻ giản dị ấy tiềm tàng một đời sống nội tâm giàu có.

Có người cho rằng người Việt Nam bị chi phối bởi thuyết phong thuỷ trong tư duy kiến trúc. Có thể lắm, song nếu có thì ảnh hưởng của thuyết này cũng xuất hiện muộn chứ không thể là yếu tố lấn át trong văn hoá kiến trúc của người Việt xa xưa. Có lẽ cần phải đi tìm một hướng lý giải khác, căn cốt và sâu xa hơn ở vũ trụ quan, thế giới quan, và từ đó, là nhân sinh quan của chủ nhân nền văn hoá giản dị này.

Điều trước tiên, dễ thấy, là người Việt Nam muốn hoà quyện vào thiên nhiên. Con người và công trình, làng xóm và đền đài, tất cả đều gắn bó và trở thành bộ phận hữu cơ của một quần thể, trong đó, cả thiên nhiên sẵn có cũng được sử dụng, cũng tham gia như những thành tố của nghệ thuật sáng tạo đizai. Nếu không kể đến những tháp Chàm mang nhiều yếu tố văn hoá Ấn, hay một vài nhà thờ Thiên chúa giáo, thì hầu hết những đình, chùa làng Việt đều ẩn mình dưới vòm cây cao, tán lá rộng. Các công trình ấy không có bề ngoài đập ngay vào mắt du khách, lại cũng ít có gì làm họ choáng ngợp. Thành thử, văn hoá Việt Nam không cung cấp cho du khách những ấn tượng mạnh. Nó sẽ đến dần dần, mỗi thứ một chút, mỗi lần một ít, để hình thành trong du khách một vị riêng ngọt ngào, sâu lắng. Để hiểu một cái đình làng chẳng hạn, đầu tiên người ta thường đi tìm bố cục, dáng vẻ kiến trúc, mô típ trang trí của chính toà nhà được dùng làm cái đình. Song, nếu khách chú ý thêm đến cách trồng cây, đến các lối đi, đến các ao tròn hay bán nguyệt trước của đình, đến cái sân đình vuông ở giữa có cái sói vật hình tròn... thì sẽ thấy cái đình không chỉ và không phải trước hết là một toà kiến trúc.

have realized that behind that simplicity is a rich and strong spiritual life.

Some people say that Vietnam is influenced by the "geomancy" theory in the logic of its architecture. It is very likely, if at all, that influence must have come late and it was not a dominating factor in the style of architecture of the Vietnamese people a long time ago. Another reason, more fundamental, is based on their perspective of the universe and hence the outlook of life held by the masters of this modest culture.

Cô gái Thái trong ngày hội / Thai girl on a festive day

What can be easily recognized is that Vietnamese people want to blend in with nature. People, monuments, temples and villages all unite in harmony with nature and nature itself is a component of architectural designs. Other than several Cham temples that bear traits of Indian culture, or some Catholic churches, most of the communal houses and temples in Vietnam are hidden under the shade of tall trees and nature itself is a component of architectural design. The appearance of these monuments is not really eye-catching or overwhelming. As a result, Vietnamese culture does not create a strong impression on tourists. However, it gradually leaves a sweet and deep impression on them. To understand a village *Dinh* (a communal house), for example, one firstly has to look into its style of architecture, its composition and the decoration. Further, if tourists pay attention to the way the local people arrange trees, paths, round or half-moon shaped ponds in front of the Dinh or the square yard with a round wrestling ring in the centre, they will discover that the Dinh is really an artistic work of architectural design.

A closer look at the Dinh will reveal that, to some extent, it depicts the views of the Vietnamese people on the world and the universe. The ponds and yards are not merely earthly things with their practical functions, but they symbolize the moon, the sun and the earth. They represent a desire to master the whole universe. Furthermore, these objects seem to have more vitality whenever there is a fes-

tival in the village. The yard of Dinh turns into a sacred place where only people conducting the rituals are allowed to enter. The pond is used to wash statues and ancestral tablets implied as a prayer for rain. And in the ring, wrestlers will compete with each other. Outside the main door of the Dinh there is a festival flag in 5 colours and with a serrated edge. The flag is a symbol of the sun ; the serrated edge represents the sun's rays and the 5 colours symbolize the spectrum of sun light. Again, this is another demonstration of the desire by the Vietnamese people to master the energy of life.

The Vietnamese have made nature a factor in their lives to create harmony between man and nature. In Vietnamese traditional culture, both the real and the surreal worlds are friends of the people and are mutually supportive. Perhaps that viewpoint is not a rational thinking, but it may fit into the integrity of the overall relationships of matter.

In the category of time, the Vietnamese are aware of interrelationships between the past, the present and the future. The past is always seen in the present and the present also appears in the future. A thousand years of Vietnamese history are not left in oblivion. History continues its vitality in the present society, in its individuals and in each family. Their ancestors are never "forgotten" people. In every Vietnamese home, there is always an altar to which the living "invite their ancestors to come back" on traditional holidays such as the Tet holidays. The deceased are not dead but continue to live in the world of their ancestors and enrich the relations between relatives and neighbours. The strength of the present already contains the energy of the past, and the future is, therefore, guaranteed by the past and the present. It is the modest Dinh, that was mentioned above, that is the altar of the whole village. Physically, the temple is a meeting point of various space sectors of the universe and different worlds. Spiritually, it is the meeting point of the past and the present, a place for the coming generations to admire. So the temple is more than an architectural structure, it is a philosophical view of the Vietnamese on man's material and spiritual relations with the natural, social and cultural environments.

The story of the Dinh may make tourists hesitate to approach Vietnamese culture because it seems difficult. In fact, it is not that

Chỉ cần tìm hiểu sâu hơn đôi chút với những đối tượng vừa kể ra ở trên, sẽ thấy ngay đình là một trung tâm hàm chứa những biểu hiện của vũ trụ quan, thế giới quan Việt Nam. Bởi vì, những cái sân, cái ao, cái sới vật, không chỉ tồn tại ở đó với chức năng thật, mà chúng còn biểu hiện cho mặt trăng, mặt trời, mặt đất. Chúng thể hiện nguyện vọng muốn bao quát vũ trụ của người Việt. Chưa hết, vào ngày làng mở hội thì những vật thể ấy lại như thêm sức sống. Cái sân đình trở thành một không gian thiêng, nơi chỉ những người hành lễ mới được bước vào. Cái ao sẽ là nơi lấy nước để tắm cho các tượng hay bài vị với ngụ ý cầu mưa. Còn cái sới vật thì sôi nổi bởi những cuộc tranh tài của các đôi võ sĩ. Ngoài cửa đình sẽ có lá cờ hội năm mầu cầu vồng, bên rìa hình vuông của cờ có hình răng cưa. Lá cờ được xem là biến thể của mặt trời, các răng cưa là các tia và năm mầu là phổ phân quang của ánh sáng trắng - lại một biểu tượng nữa về nguyện vọng muốn "thâu tóm" năng lượng sự sống của con người đất Việt.

Còn trong đình, mọi góc nhỏ nhất đều được huy động với những nhiệm vụ, chức năng khác nhau để thể hiện mối quan hệ tốt đẹp của con người với thần linh, với siêu nhiên. Như vậy, người Việt Nam kéo mọi miền không gian, từ vũ trụ bao la đến các thế giới vô hình về bên mình, biến chúng thành những nhân tố của cuộc sống con người, để vừa làm chủ chúng, vừa hoà nhập trong chúng, tạo nên một sự cân bằng... hài hoà giữa con người với môi trường. Trong văn hoá cổ truyền Việt Nam, môi trường hiện thực và siêu thực đều là bạn của con người trong mối quan hệ tương trợ qua lại lẫn nhau. Cách nhìn nhận như vậy có thể không gần gũi với tư duy duy lý (rationalistic), nhưng phải chăng lại phù hợp với tính chất toàn vẹn trong mối liên quan tổng thể của toàn bộ sự vật ?

Với phạm trù thời gian cũng vậy, người Việt Nam nhận thức về các miền của nó - quá khứ, hiện tại, tương lai, không phải để cắt đặt chúng thành những mảnh khu biệt nhau. Ngược lại, bao giờ quá khứ cũng có mặt trong hiện tại, và vì thế, hiện hữu luôn của tương lai. Lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc không lùi xa về quá khứ sâu thẳm và mờ mịt. Lịch sử đó có mặt trong đời sống hôm nay, cùng với lớp người hôm nay tạo dựng làng xóm, gia đình, con người, xã hội. Do vậy, tổ tiên của người Việt không trở thành người "thiên cổ". Trong mỗi gia đình người Việt đều có bàn thờ tổ tiên, nơi người sống "mời tổ tiên về" trong những ngày lễ, tết. Bởi thế, người chết không chết mà là trở về sống ở cõi sống của tổ tiên, làm cho truyền thống dòng họ, làng xóm thêm dày dặn. Cũng bởi thế, sức mạnh của hiện tại bao gồm cả năng lượng của toàn bộ

quá khứ, và chính bởi vậy nên bao giờ tương lai cũng được bảo đảm rằng nó sẽ tiếp nối hiện tại và quá khứ. Thế mà cái đình hiền lành ta đã nói đến ở phía trên chính lại là cái bàn thờ (altar) của cả làng. Trong dạng vật thể, nó là nơi quy tập các miền không gian của vũ trụ và các thế giới. Trong dạng tâm linh (spiritual form), đó là nơi hội nhập của quá khứ vào hiện tại với sự chiêm ngưỡng của các thế hệ đang đến (coming generations) của tương lai. Như vậy, cái đình đâu chỉ là một vật thể kiến trúc ? Hơn thế rất nhiều, cái đình - đó là cái nhìn triết học của con người Việt Nam về con người trong mối liên quan vật chất và tinh thần của nó với sinh thái thiên nhiên, sinh thái xã hội và sinh thái văn hoá (natural, social and cultural ecology).

Câu chuyện về cái đình có thể làm cho khách ngại ngần vì con đường vào văn hoá Việt Nam không dễ dàng. Thực ra không quá khó khăn như người ta tưởng. Người Việt Nam hiếu khách và cởi mở với khách. Câu chuyện về cái đình chỉ là ví dụ để mách bảo về một cách nhìn (point of view), một cách tiếp cận (point of approach) văn hoá Việt Nam, giảm nhẹ thời gian tìm tòi, săm soi của du khách trước những hiện tượng có vẻ ngoài giản dị.

Theo thống kê sơ bộ, Việt Nam có khoảng 7.300 di tích văn hoá, lịch sử, kiến trúc khác nhau nằm rải rác ở 53 tỉnh, thành. Bình quân mỗi tỉnh

hard, the Vietnamese being hospitable and open-hearted. The story of the Dinh is to expose tourists to a point of view, to a way to approach Vietnamese culture, so as to save tourists time in understanding events that may have a simple appearance.

According to preliminary statistics, Vietnam treasures about 7,300 cultural and historical remains scattered over 53 cities and provinces. On average, each province has about 200 to 400 remains with a density of 2.2 per 100 square kilometers. In a country with a thousand-year-long history, those remains are extremely invaluable, and could be a main attraction to tourists.

Hue is one of the places where many remnants are located. Up to now, there is no other single area with such a high density of remains which are still preserved in their original shape as in this ancient capital. On the north bank of the Huong river stands another relic following a contour of 11 kilometers with the palaces built in a defensive style. The site treasures more than 100 architectural works truthfully reflecting the lives of all the Nguyen Dynasty emperors and ministers. Among the rolling hills on either side of Huong river are the beautiful

Đại nội Huế - chốn xưa một thuở / Hue Imperial Inner Palace - the ancient capital of one time

tombs of the Nguyen Dynasty emperors. The most outstanding, are the four tombs which were awarded names to reveal the characters of the four emperors and the style of architecture of each tomb, are Sublime Tomb of Gia Long, Majestic Tomb of Minh Mang, Romantic Tomb of Tu Duc and Magnificent Tomb of Khai Dinh.

Hue is also an important centre of Buddhism. In Hue and its surroundings, there exits dozens of pagodas over 300 years old and hundreds of temples and pagodas built since the beginning of the 20th century.

In addition to its invaluable collection of remains, Hue is, moreover, said to be the cradle of traditional royal court music, the native land of many renowned traditional cuisines, and the origin of subtle handicrafts.

Being the only city in the country that still preserves the original appearance of a city of the Middle Time, and the integrity of architecture of a

Gói bánh Chưng / Making banh Chung (square glutinous rice cakes)

có 200 - 400 di tích, với mật độ trung bình 2,2 di tích/100 km^2. Với bề dày lịch sử hàng ngàn năm, các di tích đã trở thành tài sản vô giá và là đối tượng đầy hấp dẫn đối với khách du lịch.

Cố đô Huế là một trong những nơi tập trung nhiều di tích. Cho đến nay người ta khẳng định rằng chưa có khu vực rộng lớn nào mà các di tích lại tập trung, đồ sộ và tồn tại khá nguyên dạng như ở cố đô Huế. Bờ bắc sông Hương là khu di tích với Kinh thành có chu vi 11 km được kiến trúc theo lối Kinh đô phòng thủ. Tại đây còn giữ lại hơn 100 công trình kiến trúc phản ánh toàn bộ sinh hoạt của các vua quan triều Nguyễn. Chen lẫn giữa đồi núi chập chùng ở hai bên bờ sông Hương là khu lăng tẩm đẹp của các ông vua triều Nguyễn. Trong số này, nổi bật nhất là 4 lăng đã được văn hoá Đông - Tây tặng cho 4 chữ đúng với tính cách của mỗi ông vua và nét kiến trúc của từng lăng tẩm : lăng Gia Long hùng vĩ, lăng Minh Mạng uy nghi, lăng Tự Đức thơ mộng, lăng Khải Định tráng lệ.

Huế còn là trung tâm quan trọng của Phật giáo. Ở Huế và phụ cận có hàng chục ngôi chùa cổ trên 300 tuổi và hàng trăm ngôi đình, chùa, miếu ra đời từ đầu thế kỷ XX.

Bên cạnh bộ sưu tập di tích, Huế hấp dẫn khách du lịch với tư cách là cái nôi của nền ca nhạc cung đình cổ truyền, quê hương của những món ăn dân tộc đặc sắc, nơi ra đời của những tác phẩm thủ công mỹ nghệ tinh xảo.

Là nơi duy nhất ở Việt Nam còn giữ nguyên diện mạo của thành phố thị dân thời trung đại, của tổng thể kiến trúc kinh đô một thời quân chủ, Huế đã trở thành bảo tàng với nhiều bộ sưu tập đồ sộ, độc đáo. Chính vì vậy, quần thể di tích cố đô Huế đã được Nhà nước xếp hạng là di tích đặc biệt quan trọng, và tháng 12-1993 được UNESCO xếp vào danh mục di sản văn hoá thế giới.

Với gần 1000 năm tồn tại, Thủ đô Hà Nội đã để lại một quần thể di tích lịch sử, văn hoá, kiến trúc nổi tiếng. Mật độ di tích ở Hà Nội thuộc loại cao nhất trong cả nước, với 42,8 di tích trên 100 km^2. Các di tích có giá trị lớn đối với du lịch hợp lại thành bộ sưu tập quý giá trong kho tàng di sản văn hoá Việt Nam.

Hàng loạt di tích gắn với thuở ban đầu dựng nước và giữ nước, với các truyền thuyết hào hùng từ ngàn xưa. Du khách có thể hiểu biết thêm về đất nước, con người Việt Nam thông qua các di tích thành Cổ Loa,

Hội Đồng / Dong festival

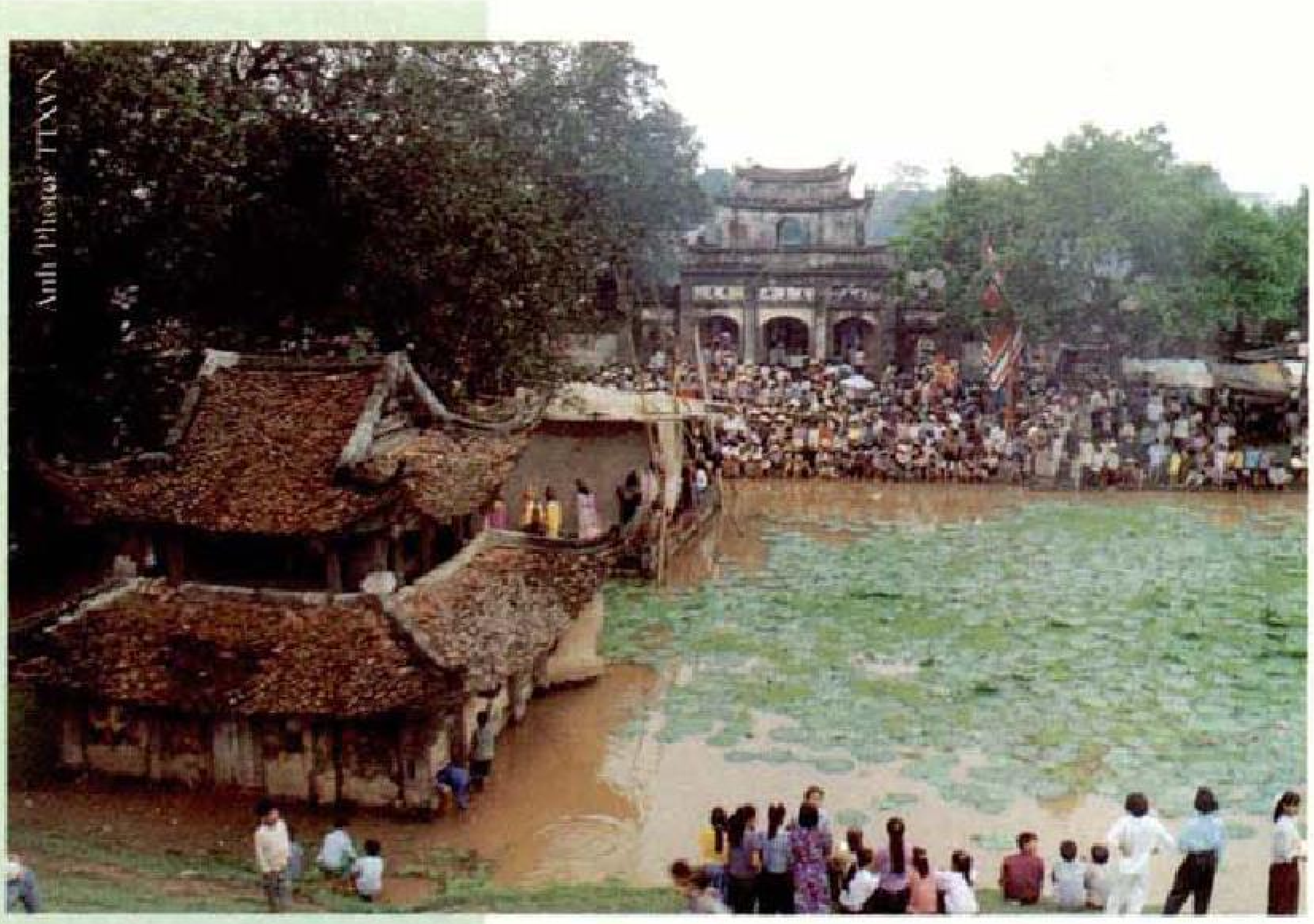

monarchy, Hue has since become a museum of large and invaluable collections. And for this reason, the government has classified the group of remains in the ancient capital of Hue in an extremely important category, and in December 1993, it was listed by UNESCO as a world cultural heritage.

With nearly 1,000 years of existence, Hanoi has an abundance of well-known historical and cultural remains. The density of remains in Hanoi is among the highest in the country with 42.8 remains per 100 square kilometers. Remains that have great value to tourism together have formed a part of the valuable collection of cultural remains in Vietnam.

Many of the remains are associated with the glorious early days of building the nation. Tourists can have a better understanding of Vietnamese culture from a visit to Phu Dong, Soc Son Temples and others, with the legend of Thanh Giong, the story of the Gold Tortoise God helping the king to build the Co Loa spiral Fortress and the tragic and romantic love affair between My Chau and Trong Thuy.

Hanoi is famous for Van Mieu - Vietnam's first "uni-

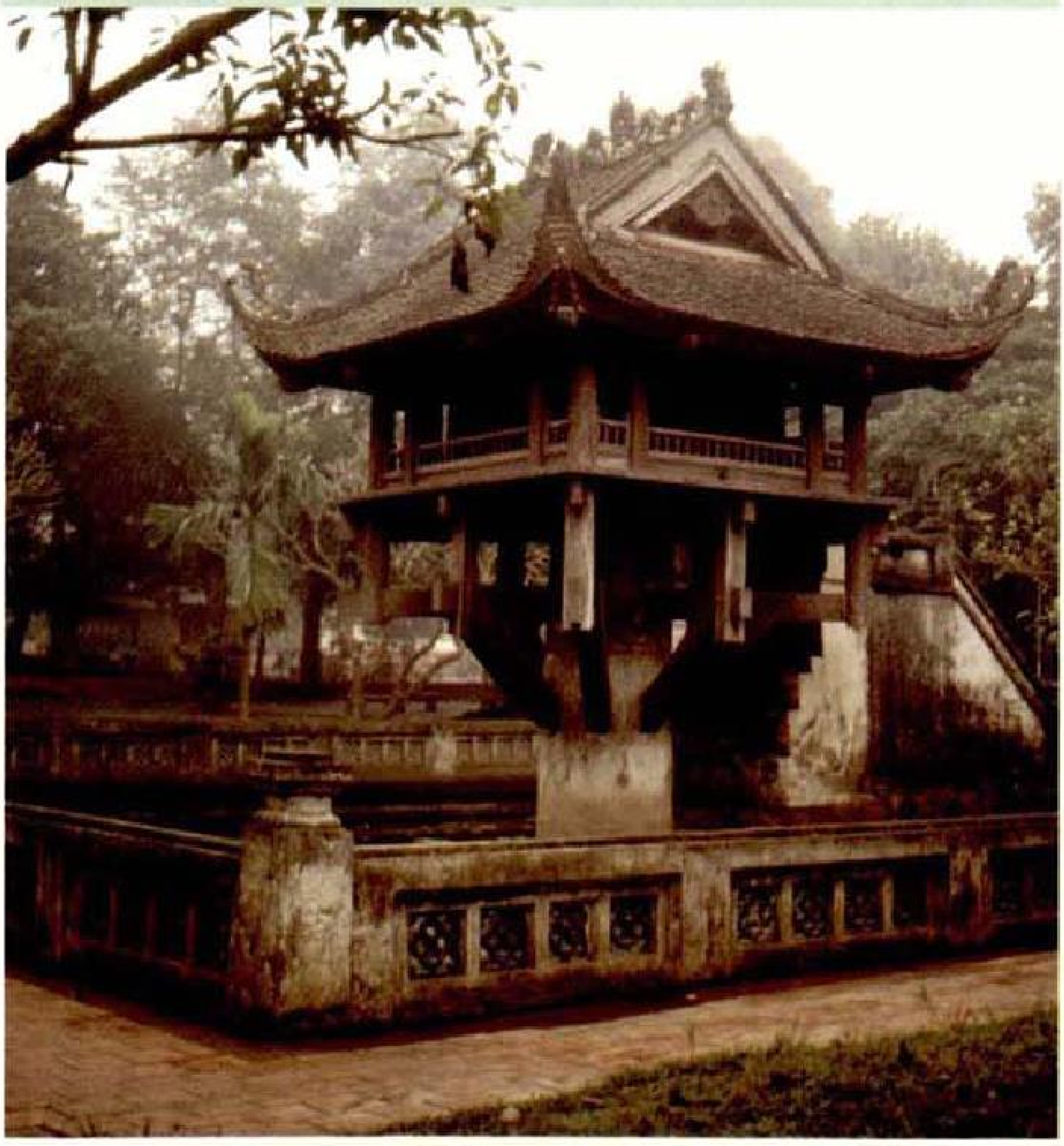

Chùa Một Cột / One-pillar Pagoda

đền Phù Đổng, đền Sóc Sơn... với truyền thuyết Thánh Dóng, thần Kim Quy giúp vua xây thành và cả mối tình bi tráng Mỵ Châu - Trọng Thủy.

Hà Nội nổi tiếng với Văn Miếu - "trường đại học" đầu tiên của Việt Nam được xây dựng từ năm 1070. Nhiều di tích khác liên quan tới tôn giáo (như chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc, chùa Quán Sứ...), tới hoạt động của các nhà cách mạng, đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngoài ra Hà Nội còn là nơi tập trung nhiều bảo tàng lớn có ý nghĩa quốc gia (Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Quân đội, Bảo tàng Hồ Chí Minh...).

Các di tích kiến trúc của Thủ đô cũng rất đặc sắc và đa dạng. Đáng lưu ý hơn cả là khu phố cổ với kiến trúc độc đáo còn lưu giữ được ít nhiều phong cảnh phố xá thời xưa.

Cách Hà Nội trong phạm vi bán kính 60 - 100 km, có hàng loạt di tích lịch sử văn hoá, trong đó phải kể đến hai cố đô.

Phong Châu là chốn đế đô của nhà nước Văn Lang cách đây khoảng 4000 năm. Đền Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh, một khu di tích lớn ở Phong Châu, nơi các vua Hùng chọn làm chỗ tế trời đất, chủ thần và tiên tổ. Ở đây có đền Hạ, tương truyền là nơi bà Âu Cơ đẻ bọc trăm trứng nở thành trăm người con ; đền Trung - nơi các vua Hùng họp bàn việc nước và đền Thượng - nơi làm lễ tế trời đất. Nhiều di

tích khảo cổ ở Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun quanh vùng đất Phong Châu góp phần chứng minh chốn này từ ngàn xưa đã là địa bàn cư trú của người Việt cổ thời Hùng Vương.

Trên vùng "Hạ Long cạn" ở Ninh Bình nổi lên khu di tích Hoa Lư, một thời đã từng là kinh đô của nước Đại Việt. Dựa vào hình thế núi non, sông nước, ông cha ta đã xây thành Hoa Lư trên một diện tích 300 ha với nhiều đền đài cung điện. Hiện nay trên mảnh đất lịch sử này còn lại một số di tích, kể cả các đền thờ và lăng của Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành.

Hàng năm, sau Tết cổ truyền, cứ vào độ giêng,hai, khi mà "hoa cỏ còn mờ hơi sương", hàng đoàn người lũ lượt đi trẩy hội chùa Hương, một danh thắng đồng thời cũng là một di tích nổi tiếng của đất nước nằm trên địa phận xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây, cách Hà Nội 60 km.

versity" which was built in 1070. Many other remains are related to religions (such as One Pillar pagoda, Tran Quoc pagoda, Quan Su pagoda), and to the activities of Vietnamese revolutionaries, especially President Ho Chi Minh. Hanoi is also a city of many museums of national importance such as the History Museum, the Revolution Museum, the Museum of Fine Arts, the War Museum, and Ho Chi Minh Museum.

The city is also famous for various beautiful, architectural remains, especially the ancient living quarters which have a unique architectural style that bears reminiscence of the ancient city.

Within 60 kilometers to 100 kilometers from Hanoi, there exits a number of cultural and historical remains, especially of two ancient kingdoms.

Phong Chau used to be the Kingdom of Van Lang State which existed about 4,000 years ago. The Hung temple is situated on Nghia Linh mountain. It is a large site in the Phong Chau district, a place where the Hung kings chose to hold ceremonies to thank their gods and ancestors. The Hung

Đường vào chùa Hương
The road to Huong (Perfume) Pagoda

temple consists of three temples ; the Lower temple is said to be the place where queen Au Co gave birth to a hundred eggs which were later hatched into 100 children ; the Middle temple was the place where Hung kings discussed matters of the kingdom and the Upper temple was used to hold ceremonies to thank the gods. Many excavations around the Hung temple, in Phung Nguyen, Dong Dau, Go Mun have proved that this was the place where ancient Vietnamese people inhabited thousands of years ago in the kingdom of Hung kings.

Ninh Binh province is famous for the site of Hoa Lu - a one-time kingdom of Vietnam. Taking advantage of the mountains and rivers in the area our ancestors built Hoa Lu fortress on an area of more than 750 hectares with many temples and palaces. Today, there exist several ruins including temples and tombs of the two famous kings, Dinh Tien Hoang and Le Dai Hanh.

Every year, just after the Lunar New Year Tet holidays (in January and February), "when plants are still wet with dews", tourists can witness streams of people on their pilgrimage to Huong pagoda - a well-known beauty spot located in My Duc district, Ha Tay province, about 60 kilometers from Hanoi.

Huong pagoda is famous for its wonderful tropi-

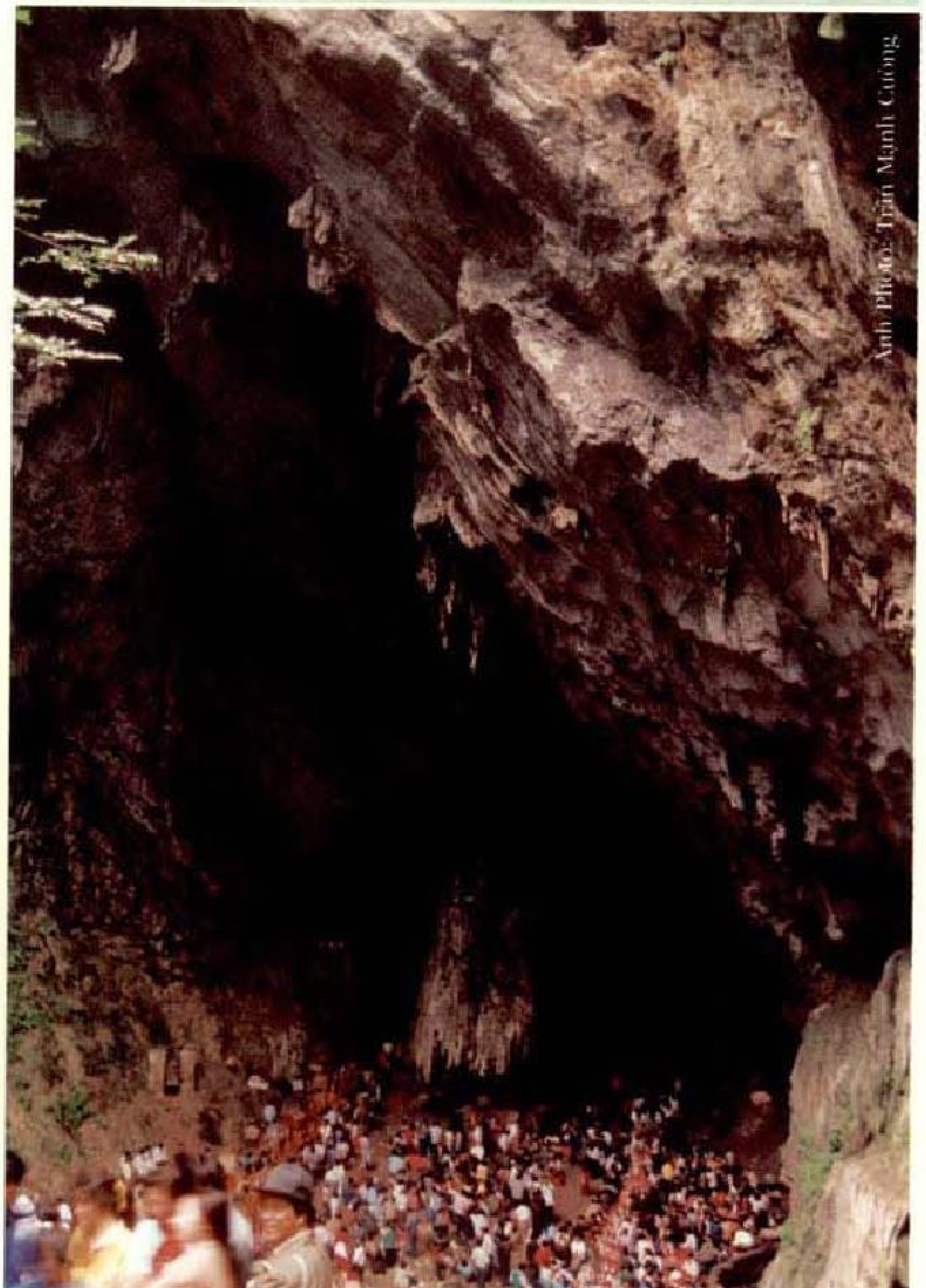

Động Hương Tích - Nam Thiên đệ nhất động
Huong Tich Grotto - "The First class grotto under Southern sky"

Chùa Hương nổi tiếng bởi phong cảnh đẹp của một vùng karst nhiệt đới và hệ thống chùa chiền từ chùa Thiên Trù, chùa Trong, chùa Tiên đến chùa Giải oan v.v...

Theo Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm (1767-1782), chùa Hương được coi là "Nam thiên đệ nhất động" (Động đẹp nhất trời Nam). Tương truyền, Phật Bà Quan âm sang phương Nam để độ chúng sinh đã trụ trì ở đây. Vào rằm tháng hai hàng năm, Hội chùa Hương, một lễ hội nổi tiếng ở các tỉnh phía Bắc, đã thu hút khoảng nửa triệu khách thập phương tới vãn cảnh.

Ngoài Huế, Hà Nội và phụ cận, trên đất nước Việt Nam còn hàng ngàn di tích văn hoá, lịch sử khác, nào là Thành Nhà Mạc ở Lạng Sơn, các đình chùa ở Hà Tây, Hà Bắc, nào là một dải di tích của nền văn hoá Chăm với thánh địa Mỹ Sơn, kinh đô Trà Kiệu, Tháp Bà (Pônaga) kéo dài suốt các tỉnh Duyên Hải miền Trung, nào là các di tích của nền văn hoá Ốc Eo, Đốc Chùa ở các tỉnh phía Nam. Tất cả các di tích này minh chứng cho một sự thật là Việt Nam có truyền thống văn hoá lịch sử từ lâu đời. Song, văn hoá dân tộc không phụ thuộc hoàn toàn vào số lượng. Điều lý thú là ở chỗ, hầu hết các di tích ấy vẫn đang là trung tâm các hoạt động văn hóa của nhân dân. Chúng không phải là những di tích trầm lặng với những ngôn ngữ hoá đá. Ở Việt Nam chúng vẫn thuộc về con người, vẫn là một biểu hiện nhân văn sống động, vẫn là một bộ phận không thể tách rời của cuộc sống con người. Mỗi di tích ấy mang theo trong nó, chung quanh nó và cùng với nó những hoạt động đầy màu sắc dân tộc với hạt nhân tâm linh của cộng đồng người trong làng, mà hình thái tập trung nhất là các lễ hội.

Trung tâm tâm linh, chỗ dựa tinh thần của dân làng trong hội lễ là một vị thần, được gọi là thành hoàng làng (tutelary god). Vị thần này có thể là một nhân vật thần thoại (mythic personage), một vị anh hùng có thật trong lịch sử, một người đầu tiên có công khai phá đất đai lập nên cái làng ngày nay, hoặc đó là một người truyền cho dân làng một nghề nào đó. Vì thế, đến với hội lễ Việt Nam là đến dự một cuộc kỷ niệm (celebration), một chuyến hành hương (pilgrimage) về quá khứ văn hoá dân tộc. Hội lễ sẽ là tiến trình của các nghi thức (rituals) và các diễn xuất nghệ thuật

cal landscape and its range of temples and pagodas : Thien Tru pagoda, Trong pagoda, Tien pagoda, Giai Oan pagoda, etc.

According to the seignior Trinh Sam (1767 - 1782), Huong pagoda was considered "The most beautiful cave under the Southern (Vietnamese) sky". It is said that the Goddess of Mercy stayed in this cave when going to the South to save people from hardship. On the 15th of February every year (lunar calendar), Huong festival - a famous carnival in the North - receives about half a million tourists from all parts of the country coming to admire the beautiful scenery.

Suối Yến / Yen stream

Apart from Hue, Hanoi and their surroundings, Vietnam offers thousands of more cultural and historical remains, such as the Fortress of the Mac dynasty in Lang Son province, temples and pagodas in Ha Tay and Ha Bac, and a strip of Cham cultural remains; the Holy ground in My Son, Tra Kieu palace and Ponaga tower scattered along the coast of the region plus the remains of the Oc Eo civilization and Doc Chua in some Southern provinces. All these remains serve as proof that Vietnam has an age-old culture and history. However, the value of the culture does not only depend on the quantity of the cultural remains. What is interesting is that many of these remains continue to be cultural centres to this day. They are not just dumb testimonies. In Vietnam, they still belong to the people, a lively image of humanity and an integral part of people's lives. Each of them, and what is associated with them, are the reminiscence of a wide variety of activities typical of nationhood, full of love between people in the community demonstrated in their traditional festivities.

The spiritual centre in festivals is a god, called a tutelary spirit. The god can be a mythical personage, a real hero in history, the person who founded the village, or a person who has passed on a skill to the people living in the village. Attending a festival in Vietnam is in fact attending a celebration or a pilgrimage to the culture of the past. Festivals are a process of rituals and artistic presentations. It

(artistic presentation). Đó trước hết là một cuộc hành lễ trang trọng (ceremony) và mục đích hành hương của nó. Không nên nhầm đây là một cuộc vui (festival) đơn thuần, mặc dù yếu tố vui tràn đầy trong mọi hội lễ. Nhưng đó là niềm vui của con người tiếp xúc với thần linh, tự hào về quá khứ của mình, cân bằng trong tâm linh, vì nghĩ rằng cả thể mình đã hội nhập vào cái vô cùng, cái cao cả của trời đất. Đó không phải là cái vui của một cuộc giải trí (entertainment). Cái vui thiêng liêng đó đã được một nhà khoa học Pháp, ông Dumoutier, mô tả cách đây đúng 100 năm khi ông được chứng kiến hội Dóng :

"Cảnh tượng mà chúng tôi chứng kiến sẽ là một trong những cảnh tượng hấp dẫn nhất mà chúng tôi được xem ở Bắc Kỳ. Ở châu Âu cổ kính của chúng ta, thử hỏi dân tộc nào lại hãnh diện là còn được tiến hành kỷ niệm một sự kiện anh hùng của lịch sử mình đã xảy ra từ hai ngàn ba trăm năm trước ?" [1].

Cho đến nay, cái hội mà Dumoutier đã chứng kiến ấy vẫn diễn ra hàng năm vào đầu tháng tư dương lịch ở làng Phù Đổng, cách Hà Nội chưa đầy 30 km. Hội diễn lại sự tích về một anh hùng dân tộc sống cách đây hai ngàn sáu trăm năm. Theo truyền thuyết thì đó là cậu bé Dóng có cha là ông Đổng - tức thần

is first of all a solemn ceremony for pilgrimage purposes. Although the festival is full of interesting activities, it differs from a carnival, because festivals have religious characteristics. The joy of a festival is the joy of people communicating with their deities, the pride of people in their past, and not just the joy of entertainment. People feel spiritually balanced because they believe that they have interacted with the limitlessness of nature. That sacred joy was described 100 years ago by Mr. Dumoutier, a French scientist, when he attended the Dong festival :

"The scene that we witnessed in the festival is the most fascinating scene we have ever seen in the Tonkin. I wonder if there remains any age-old European country which still proudly celebrates a heroic historic event that took place about two thousand three hundred years before". [1]

1. Dumoutier : "Une fête religieuse annamite au village de Phu Dong" Extrait de la Revue de l'historire des Religions - XXVIII, Sept. 8, 1893.

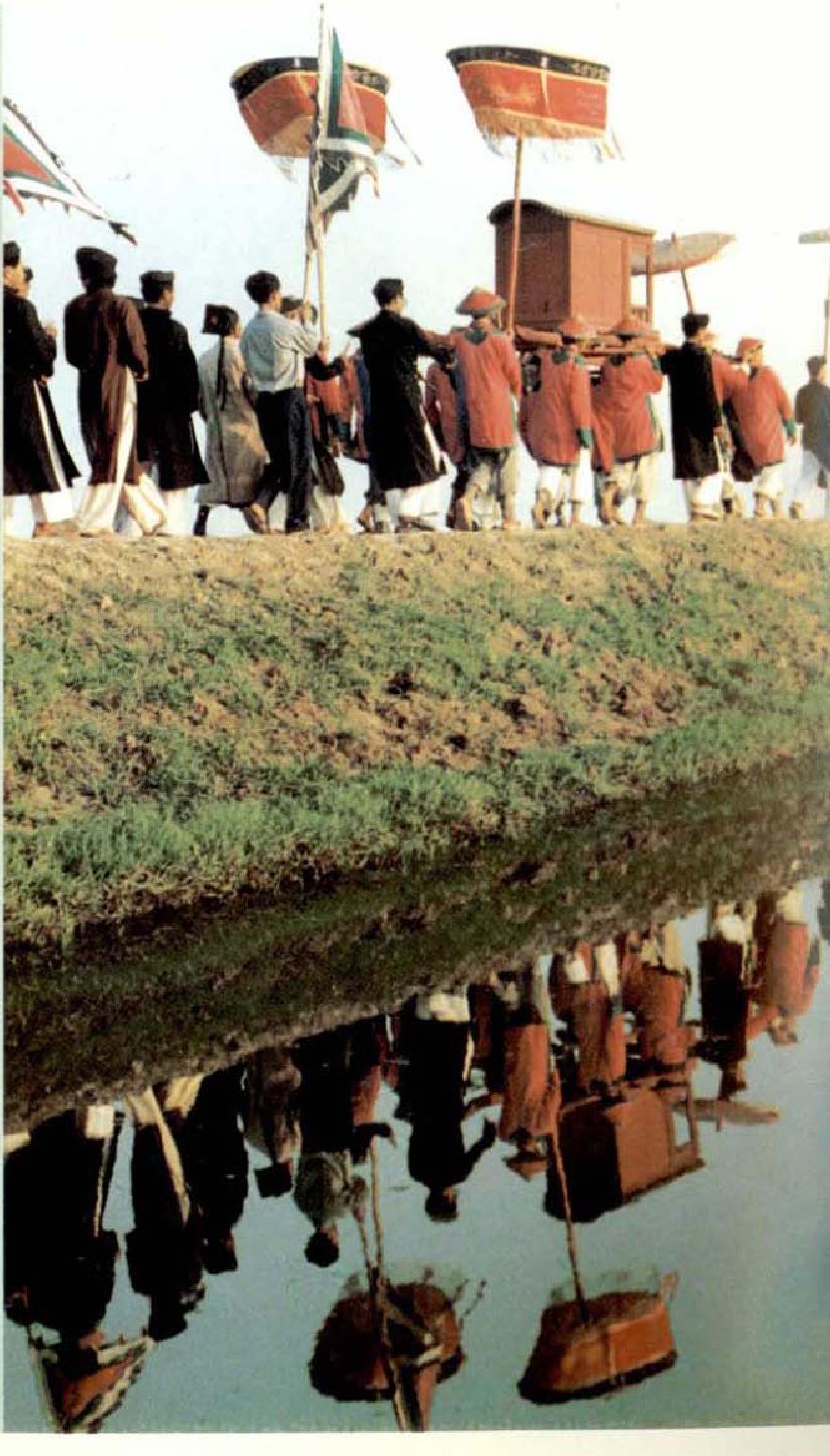

Hội làng / Village festival

Sấm (thunder god) và mẹ là người đàn bà nghèo trong làng. Sinh ra đã ba năm mà cậu không biết đi, không biết nói, chỉ nằm trong nôi. Năm ấy có giặc ngoại xâm, nhà vua cho sứ giả đi rao tìm người tài giúp đánh giặc. Nghe lời sứ giả rao, cậu bé ba tuổi nhổm dậy, bảo sứ giả : "Nói với nhà vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt, ta sẽ giết giặc". Nói rồi cậu ăn hết "bảy nong cơm, ba nong cà, uống một hơi cạn đã khúc sông", vươn vai và lớn vụt lên như trái núi. Cậu cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt, huy động trai tráng nhiều làng khác đi đánh giặc. Gặp giặc, ngựa sắt phun lửa, roi sắt bị gãy, Dóng nhổ cả bụi tre làm vũ khí. Sau khi đánh tan lũ giặc, Dóng phi ngựa lên đỉnh núi Sóc Sơn, cởi áo treo tại cành cây, rồi cưỡi ngựa sắt bay lên trời. Hội Phù Đổng không kể lại toàn bộ câu chuyện trên, đến với hội Dóng ta chỉ được dự một "trận đánh" bằng những nghệ thuật biểu tượng. Sẽ không có cảnh khua gươm, vung giáo, nhưng không khí căng

1. Dumoutier : *"Une fête religieuse annamite au village de Phu dong" Extrait de la Revue de l'histoire des Religions* - XXVIII, ngày 8-9-1893.

Ảnh/Photo: Phan Bá Thịnh

thắng của trận chiến đấu và niềm vui chiến thắng vẫn hiện ra lồ lộ. Ta sẽ theo đoàn quân đến đền Mẫu - nơi thờ mẹ người anh hùng. Ở đấy, đoàn quân lấy nước giếng trong đền rửa vũ khí trước khi lâm trận. Rồi đến cảnh một đoàn quân mấy trăm người do các thiếu niên 11-13 tuổi sắm vai, rầm rộ

Ảnh/Photo: Đào Hoa Nữ

Cầu ngói Thanh Toàn / The Thanh Toan tile-roof bridge

kéo theo con ngựa và người anh hùng, quân địch là các cô gái, đóng quân cách đấy hàng kilômét. Để tìm hiểu tình hình địch, có hai "tiểu hiệu", tức trinh sát. "Trận đánh" được diễn ra trên một cái chiếu có những cái bát úp, biểu tượng cho trại địch. Người đóng vai Dóng cầm một cái cờ múa trên cái chiếu đó. Ba ván cờ múa được gọi là "ba ván nghịch", biểu thị ba trận đánh không thành. Sau đó sẽ là "ba ván thuận" mà trong khi múa người đóng vai Dóng lần lượt đá bay những chiếc bát úp ra khỏi chiếu thể hiện việc tiêu diệt giặc, giành thắng lợi hoàn toàn. Cuộc diễu hành trở về đền thờ Dóng còn rầm rộ hơn lúc ra trận, vì đó là đoàn quân chiến thắng và có cả tù binh nữa. Hàng ngũ cuộc diễu hành luôn bị chen lấn, xô đẩy vì nhân dân dự hội chen vào ngày một nhiều.

Tất cả những điều mô tả tóm tắt trên đều diễn ra một ngày, trong không khí náo nức, nồng nhiệt của hàng chục ngàn người từ khắp đất nước kéo về dự hội. Sau hội, nhiều người còn lưu lại Phù Đổng để đi đến những di tích về Dóng và sự nghiệp của Dóng. Sẽ có nhiều điều thú vị chờ đợi ta. Đây là tấm đá lớn, tương truyền là

The festival that Mr. Dumoutier attended many years ago is still held at the beginning of April (solar calendar) in Phu Dong village, nearly 30 kilometers from Hanoi. The festival is the simulation of the life of a mythical hero who lived 2,600 years ago. The legend has it that a boy, Dong by name, was the son of the Thunder God and a poor woman in the village. Three years after he was born, he couldn't even walk or speak, but just lay in the cradle. That year the country was threatened by invaders, and the king ordered his messengers to announce the king's call for men to fight the invaders. When Dong heard the announcement, he suddenly sat up and told the king's messenger : "Tell the king to forge an iron horse and an iron rod for me, and I will destroy the invaders". Then he ate 7 large baskets of rice, three baskets of egg-fruits and drank a large part of a river ; he then stretched out and turned into a giant with a body as big as a mountain. He mounted the horse and with the iron rod in hand he rallied strong, young people in other villages to fight the invaders. During the battle, the horse spat out fire, but suddenly Dong's rod broke. He had to pull up bushes of bamboo trees to fight the invaders. When the enemy was entire-

Ảnh/Photo: Cao Phong

Hội quan họ (quan họ ngày xuân)
The Lim folk songs Festival (Quan Ho in the Spring)

ly destroyed, he galloped up the mountain, took off his amour and flew to the Heavens. The festival in Phu Dong village does not simulate the whole story, but tourists may visualize the battle that took place over 2,000 years ago by watching a play in the open air. In the simulation there are no real swords, but the fierceness and the glorious victory of the battle are there. Following the "soldiers", we come to the temple where the hero's mother is worshiped. The "soldiers" clean their weapons with the water from a well in the temple before engaging in the battle. The "soldiers" are hundreds of teenagers, about 11 to 13 years of age, walking behind the horse of the hero, "invaders" are girls based a few kilometers away. Two boys act as scouts and enter into the enemy's position. The "battle" takes place on a mat with up-side-down bowls which represent the enemy's camps. The hero performs an artistic dance with a flag on the mat. The first three dances are considered *odd*, and represent three defeats in battle. After that come the other three *even* dances in which the hero, while dancing, kicks out all the bowls symbolizing the destruction of the enemy and a thorough victory. The parade back to the temple where Giong is worshiped, is even more crowded, with the winners of the battle and their prisoners. The parade is usually pushed and shoved by the crowds of people from the villages who have come to watch it.

All those activities briefly described above take place in a day, in a warm atmosphere with thousands of participants from different parts of the country. After the festival many tourists stay in the village to see the sites of Phu Dong and hear more about

"cái nôi" của cậu bé Dóng nằm. Một loạt hồ, ao, đầm nối tiếp nhau hàng chục cây số là do những bước chân ngựa sắt của Dóng làm thành. Còn bụi tre đằng ngà có màu vàng chính là hậu duệ của bụi tre Dóng nhổ lên thay gậy sắt đánh giặc. Tre ấy khi xưa màu xanh, nhưng do bị lửa của ngựa sắt phun nên trở thành vàng. Lại thêm nữa, khúc sông gần làng chính là nơi Dóng uống một hơi gần cạn. Và trên bãi phù sa sông ngày nay người ta vẫn trồng cà, thứ cà mà cách đây hai ngàn sáu trăm năm người anh hùng đã ăn để từ đứa bé ba tuổi trở thành người dũng sĩ có tầm vóc vũ trụ.

Hội Dóng - hay cuộc hồi cố lịch sử về chiến công của dân tộc do người anh hùng làng Dóng lãnh đạo - thực chất là một sử thi chẳng những được trình diễn trong ngày hội mà còn được nhân

Ảnh/Photo: Hoàng Thế Nhiên

Dân tộc Chăm và lễ hội Katê
Cham ethnic and Kate festival

Tiếng trống chèo
The sounds of drum of traditional Cheo operetta

dân "đối tượng hoá" (objectify) bởi những vật thể thiên nhiên, tồn tại đời này sang đời khác trên địa hình của một vùng quê.

Như vậy, từ đền thờ Dóng, ta đi đến sự nghiệp của người anh hùng, đến hội Dóng và đến cả một vùng văn hoá với những chứng tích về người chiến sỹ đó. Phải chăng đó là cái cách tốt nhất để tiếp cận văn hoá Việt Nam ?

Những hội lễ hồi cố lịch sử như thế có ở nhiều nơi, chẳng hạn như hội đền Hùng (Vĩnh Phú), nơi thờ các vị vua triều đại đầu tiên của quốc gia Việt Nam (2879 năm trước công nguyên) ; chẳng hạn như hội Hoa Lư (Ninh Bình), kinh đô Việt Nam vào thế kỷ X, nơi ghi lại chiến công của Hoàng đế họ Đinh; như hội làng Quyên Sơn (Nam Hà) mô tả công trạng của vị tướng tài thế kỷ XI, ông Lý Thường Kiệt; tỉnh Nam Hà còn nhiều địa điểm ghi dấu ba lần chiến thắng quân Nguyên - Mông của quân đội nhà Trần vào thế kỷ XIII như ở làng Gạo (tức làng Quả Ninh - huyện Vụ Bản). Số lượng và mật độ khá lớn các lễ

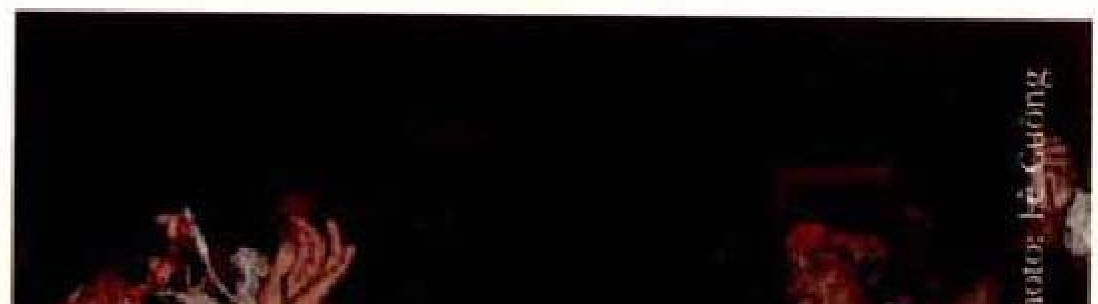

Ngày hội cồng chiêng ở Tây Nguyên
Gong festival in Tay Nguyen

the hero's life. There is a big flat stone which is said to have been the Hero's cradle. A chain of ponds and lakes scattered over a dozen kilometers are known to be traces of Dong's iron horse foot-prints, and yellow bamboo bushes the traces of the battle when the Iron Rod broke and the hero had to use the bamboo trees instead. The bamboo trees used to he green but were turned yellow by the fire of his horse. The river nearby is the river from which Dong drank nearly all of its water. On the field by the river, people in the village still grow egg-plants, the fruit that the child hero ate to become a giant 2,600 years ago.

The Dong festival, in other words, the reminiscence of a past feat by the hero of the village, is in fact an epic, not only presented in the village's carnival but also objectified by the local people with natural objects that exist in a rural area from generation to generation.

From Dong temple, we come to learn more about the hero's life, Dong carnival and a cultural area that bears traces of that heroic warrior. Perhaps that would be the best approach to Vietnamese culture for tourists.

Festivals held to revive history, like the Dong festival, can be seen in many regions. For example, there is the Hung temple festival (Vinh Phu) where the kings of the first Vietnamese dynasty are worshiped (2879 BC); Hoa Lu festival (Ninh Binh - the 10th-century capital of Vietnam) to remember the victory of the king descendant of the Dinh family line; or another festival in Quyen Son village (Nam Ha) to remember the deeds of the talented commander Ly Thuong Kiet in the 11th century.

Nam Ha province retains many other traces of the three destructions of the Mongolian invaders by the soldiers of the Tran dynasty in the 13th century in Gao (now Qua Ninh) village, Vu Ban district. The number and the density of festivals may reflect the destiny of a people who constantly had to struggle against invaders to defend their country.

The earnest desire of the Vietnamese people, however, is to live and work in peace. They pray for the growth of animals and plants, and for a "peaceful life and favourable climate" - a common wish of every peasant. As a result, every ethnic community in Vietnam has its own agricultural festivals ; they represent the interaction of humans with nature and the supernatural and the hope of fertility. The most common festival of this kind is "fertility" lingga that exists in most agricultural countries in the world. From the reality of life, people have realized reproduction as a result of the intercourse of the sexes and have made it sacred. In other festivals, tourists will have the chance to see more symbols of reproduction with artistic dances and images. Another popular festival exercised by most ethnic minorities of Vietnam is *Con* throwing. To prepare for the game, a bamboo tree (15m to 20m) is erected with a loop covered with red paper symbolizing the sun mount-

hội lịch sử phản ánh số phận của một dân tộc luôn luôn phải đứng lên chiến đấu bảo vệ quê hương mình.

Tuy nhiên, nguyện vọng thiết tha nhất của người Việt Nam là được lao động và sống trong hoà bình, mong sao cho con người, vật nuôi và cây trồng phát triển, đó là nguyện vọng "người yên - vật tịnh", "mưa thuận - gió hoà" của mọi cư dân nông nghiệp. Vì thế, còn có các lễ hội nông nghiệp, có mặt ở tất cả các dân tộc Việt Nam, chúng thể hiện thế ứng xử (dealing) của con người với thiên nhiên - siêu nhiên với nguyện vọng "sinh sôi nảy nở" nói trên. Nhiều nhất là các lễ hội mang tín ngưỡng phồn thực (lingaisme), một tín ngưỡng phổ biến ở các dân tộc nông nghiệp trên thế giới. Từ quan sát thực tế, con người nhận ra rằng quan hệ tính giao sẽ dẫn đến sinh sản và họ đã thần thánh hoá hành động đó. Bằng những trò diễn, bằng những biểu tượng, trong các hội lễ Việt còn thấy những hành động tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở. Phổ biến ở nhiều dân tộc là trò ném còn. Người ta chôn một cây tre lấy từ gốc đến ngọn, dài khoảng 15-20m, trên ngọn có một vòng tròn dán kín bằng giấy đỏ. Đó là biểu tượng mặt trời. Quả còn là một túi hình vuông, trong đó có hạt thóc, hạt ngô, đậu. Một dây dài khoảng 1-1,5m tết bằng chỉ nhiều màu. Trên sợi dây này người ta tết thêm những túm vải nhiều màu, gọi là "hoa". Quả còn là biểu tượng cho đất, nơi có có cây với hoa lá, nơi sinh sôi. Khi chơi, chia làm hai phe nam và nữ. Mỗi người có một quả còn ném

Ảnh/Photo: Văn Phúc

Hội đâm trâu của người Tây Nguyên / The buffalo stabbing festival of Tay Nguyen minority people

ed at its top. The ball is a small bag filled with maize, paddy or bean seeds. The ball is tied to a string (1 to 1.5m) made of colourful threads knitted together. Colourful pieces of cloth are stuck to the string to imitate flowers. The ball symbolizes the earth, the place for living things and reproduction. There are two teams in the game, men and women. Each person has one ball, he or she throws it and then waits to catch another one from the other team. Every tries to throw the ball through the loop. This symbolizes contact between the Heaven and the Earth. The first person who shoots through the loop tearing the paper cover will be considered to be the "most blessed". That player is rewarded by drinking a cup of special traditional wine with every family in the village.

Con throwing is both a game that bears the religious characteristics of agricultural festivals and also a competition of skill in the village community. Those kinds of competitions exist in all villages,

đi và chờ bắt lấy quả còn đối phương ném lại. Mọi người đều cố ném quả còn lọt qua vòng tròn trên ngọn tre. Hành động này được gọi là "giao hoà trời đất". Vì vậy, ai là người đầu tiên ném còn phá rách giấy đỏ trên vòng tròn, người ấy sẽ là người được hưởng "lộc" nhiều nhất. Người ấy được cả làng "thưởng công" bằng cách anh hay chị ta được uống với mỗi hộ một chén rượu.

Ném còn chỉ là một trong những trò diễn mang ý nghĩa tín ngưỡng của hội lễ nông nghiệp, lại vừa là hình thức vui chơi thủ tài mang ý nghĩa cộng đồng xã hội và làng xóm. Những trò diễn ra như thế có ở mọi làng, mỗi nơi một vẻ hấp dẫn riêng như thi thổi cơm, thi bắt trạch trong chum, thi cưỡi ngựa bắn nỏ, thi phóng lao trúng đích, thi chèo thuyền, thi leo núi, thi hát, thi tấu nhạc cụ...

Nếu du khách đến vùng các dân tộc thiểu số thì còn có thể tham dự vào những sinh hoạt văn hoá kỳ thú của vùng rừng rậm nhiệt đới (jungles). Một lễ đâm trâu chẳng hạn. Sẽ phải có mặt trước lễ hàng tuần để cùng người dân đi tìm những loại gỗ, tre quy định để sửa nhà Rông, để làm cây nêu cho lễ. Trong những ngày đó còn được quan sát cách trang trí, cách chọn các vò rượu cần, và nhất là việc chọn con trâu để đâm, cũng như những thái độ ứng xử của nó. Con người an ủi, vỗ về và tỏ lòng biết ơn con trâu vì nó đã là vật hiến tế thần linh. Vào ngày lễ, con trâu được buộc vào cây nêu, nơi trở thành trung tâm của lễ. Dân làng và dân các làng bên cạnh đứng thành một vòng tròn rộng mà cây nêu là tâm điểm. Bên trong vòng tròn đó, những nam thanh niên mặc chiến phục, cầm chiêng cồng vừa đánh chiêng vừa diễu hành quanh cây nêu. Tiếp theo là những chiến binh cầm những vũ khí như giáo, mác, cung kiếm, họ vừa đi vừa biểu diễn những động tác chiến đấu. Hấp dẫn nhất là cuộc đấu kiếm giữa hai thủ lĩnh, trong đó mỗi người đều có kiếm và khiên, và mỗi người đều trổ hết tài nghệ. Sau khi đâm trâu, máu trâu được bôi lên cột cây nêu và những con giống treo trên cây nêu. Thịt trâu được chế biến tại chỗ cho bữa ăn uống của tất cả những người tham dự. Hàng trăm vò rượu cần được mang đến. Khi đêm xuống, hàng trăm đống lửa được đốt lên, bập bùng bên các vò rượu. Trong ánh lửa, thấp thoáng, ẩn hiện những vòng múa tập thể. Không gian thơm nức mùi rượu và đầy ắp âm thanh của hàng trăm chiếc cồng và vài chục

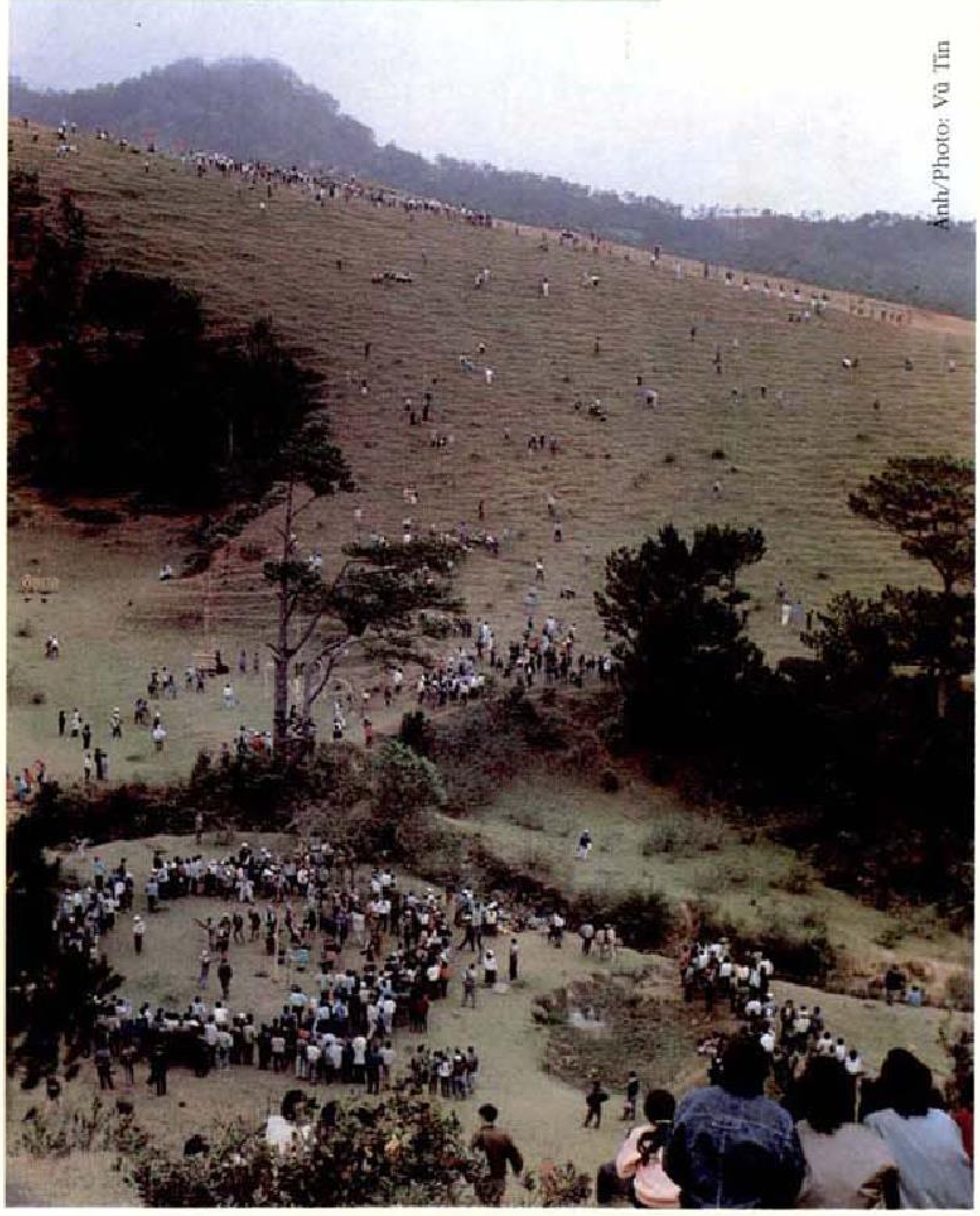

Ảnh/Photo: Vũ Tín

Hội leo núi Lanbiang
Lanbiang mountain climbing festival

chiếc trống. Một quang cảnh hoành tráng, hào hùng pha chút hoang sơ như thế, ngay ở Việt Nam không phải ai cũng có điều kiện được thưởng thức.

Khác hẳn với vẻ tưng bừng của lễ đâm trâu, một cuộc hát - kể sử thi lại đòi hỏi sự lắng đọng của nội tâm và cánh bay của trí tưởng tượng. Như ở nhiều nơi khác trên thế giới, sử thi Việt Nam (epos) là câu chuyện về người anh hùng có nguồn gốc, vóc dáng và sức mạnh như thần thánh. Ở Việt Nam đã tìm thấy sử thi của dân tộc Mường, Thái, Ê Đê, Giơ Rai, Bana, Mơ Nông. Một đêm mùa đông nào đó du khách đến thăm một làng người Bana, nơi đêm đêm đang diễn ra việc hát - kể trường ca sử thi. Dân làng chia làm những nhóm nhỏ ngồi bao quanh một ngôi nhà sàn. Một nhóm người có một đống lửa nhỏ, họ ngồi im như thóc trong đêm đông đen kịt. Ngay cả ngôi nhà sàn cũng chìm trong bóng đêm. Từ đó vọng ra tiếng hát kể của một người đàn ông. Ông ta chính là nghệ nhân hát - kể toàn bộ sử thi. Chỉ bằng giọng hát thôi, khi nhanh khi chậm, lúc cao lúc thấp, khi gay gắt khi mềm mỏng, ông không kể lại cốt truyện mà quan trọng hơn, ông đã tác động vào trí tưởng tượng của người nghe. Những người không có gì để xem trong đêm đen, chỉ qua giọng hát - kể của người nghệ nhân, mỗi người nghe sẽ tiếp thu cốt truyện, tưởng tượng ra các nhân vật và hành động của họ, như lời hát - kể đã mô tả, và tùy theo kinh nghiệm sống của người nghe đó.

Cách trình diễn sử thi của người Bana rất độc đáo và có hiệu quả. Nó phù hợp với niềm tin của nhân dân cho rằng những anh hùng trong sử thi là có thật và do họ có những phẩm chất của thần thánh nên họ vẫn sống đến hôm nay tại thế giới thần của họ. Khi con người hát - kể sử thi thì các nhân vật trong đó sẽ bay về và ngồi trên nóc nhà để nghe xem người kể có sai sót gì không. Vì thế, ngôi nhà nói trên không được phép đốt lửa, sợ làm kinh động đến các nhân vật sử thi. Họ mà bỏ đi thì dù tài năng mấy, cuộc hát - kể sẽ nhạt nhẽo. Sở dĩ cuộc hát - kể hấp dẫn đến thế chính là nhờ sự có mặt và giúp đỡ ngầm của nhân vật đó. Với môi trường đêm đen, chỉ có tiếng hát độc chiếm, với niềm tin vào sự hiện diện "có thực" của các nhân vật anh hùng, người dân Bana không còn là người

Sân chim Minh Hải / The bird yard in Minh Hai

each one having its own attraction. Cooking rice, catching eels in a large jar, shooting arrows while riding a horse, throwing javelins, rowing, mountain climbing, singing or playing musical instruments, are some of the fascinating competitions that are held.

If tourists go to an ethnic minority region, they will have the opportunity to engage in other fascinating cultural activities, typical of the jungle regions. Take the buffalo stabbing ceremony as an example. Tourists would have to be present about a week before the ceremony to join the local inhabitants in looking for a suitable kind of bamboo, to repair the Rong house (Communal House) and to make a Neu tree (New year tree) to scare away evil spirits. The ceremony affords tourists the opportunity to observe the decoration of jars and the way they are selected to store wine, the buffalo chosen for the ceremony and its behaviour. Before killing the buffalo, people console and show affection towards it for being a sacrifice. At the ceremony, the buffalo is tied to the Neu tree which is in the center of a circle made up by standing people. Around the Neu tree, young men with swords, bows and spears go around the tree beating gongs and performing combat arts. The most fascinating scene

nghe thụ động nữa. Bằng trí tưởng tượng, họ đã tham gia vào dòng chảy của câu chuyện, tự mình chứng kiến những diễn biến các sự kiện và cuối cùng hoá thân vào mạch đi của sử thi. Đó cũng lại là một đặc trưng tốt đẹp, nhưng không dễ thấy trong các hoạt động văn hoá của người Việt Nam.

Còn biết bao nhiêu thứ trong văn hoá Việt Nam đáng để du khách quan tâm. Chẳng hạn về hàng ngàn làng nghề, phố nghề đang lưu giữ hàng trăm nghề thủ công gia truyền từ lâu đời. Trong đó có những sản phẩm mà ngày nay bằng công nghệ hiện đại cũng không sản xuất được. Các trống đồng Đông Sơn là một ví dụ. Công nghệ hiện đại đúc được trống đồng có hình dáng như xưa, nhưng gõ không kêu. Vậy mà một lò đúc thủ công xa Hà Nội có thể dễ dàng đúc một cái trống có âm thanh theo ý muốn. Bí quyết nằm ở nguyên liệu đốt và độ lửa già hay non tùy từng giai đoạn đun chảy nguyên liệu. Các làng nghề thường hình thành một vành đai quanh các thành thị như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Huế, còn ngay trong thành phố cũng đã bảo lưu những phố mà ở đấy người ta chuyên làm một nghề thủ công. Ở Hà Nội xưa có 36 phố như thế.

Nghệ thuật dân tộc sẽ là một thế giới huyền ảo, đa dạng, nhiều mầu sắc và tạo ra những ấn tượng bất ngờ với du khách, những ấn tượng mang đặc trưng rất Việt Nam. Múa rối nước sẽ thu hút du khách và cũng dễ được đáp ứng. Xưa kia, múa rối nước chỉ có ở một vài làng cách Hà Nội từ 40-70 km. Ngày nay thì nhiều nơi có, ngay ở Hà Nội cũng đã có hai địa điểm trình bày múa rối nước. Các sân khấu truyền thống chèo, tuồng, cải lương thì ở bất cứ đô thị nào và ở nhiều làng xóm đều có những đội và những chương trình trình diễn. Lại còn âm nhạc, lại còn múa, còn điêu khắc, tranh đồ họa dân gian, tranh thờ v.v... Tất cả những thứ đó du khách sẽ tìm thấy trong các sách hướng dẫn du lịch đủ loại. Tất cả những thứ đó hứa hẹn một quá trình khám phá, tiếp cận với văn hóa, và qua đó đến với tâm hồn Việt Nam. Đó là tâm hồn giản dị, khiêm tốn nhưng sâu sắc, đằm thắm mà dễ hiểu, dễ gần.

is the fight between two commanders. Both armed with spears and shields, demonstrate their skills. The blood from the buffalo will be pasted on the Neu tree and on the animal figures hanging on it. The meat will be cooked and served to all the people attending the ceremony. Hundreds of jars of wine are brought to the ceremony. When night falls, the place will be lit up by dozens of camp fires with dancers dancing in the glowing light of the fires. The air is filled with the fragrance of wine and the sound of dozens of drums and hundreds of gongs - a sublime scene with a bit of wildness that not everyone would have the opportunity to see.

Unlike the jubilant buffalo stabbing ceremony, the epic singing and telling festival is a festival that requires peace of mind and a vivid imagination. Like in many countries of the world, Vietnamese epics are stories of heroes that have their origins, figures and the strength of deities. In Vietnam, we have found epics of many ethnic groups such as Muong, Thai, E De, Gio Rai, Bana, Mo Nong. When visiting the Bana, every night, tourists have an opportunity to hear the local people singing and telling their epos. Local people gather in small groups in the Rong house with each group sitting quietly around a small fire. In the dark winter night, even the house seems drowned in the darkness; only the voice of a man singing the story is heard coming from the house. He is a skillful story - teller who tells the whole epic of the village. With only his tunes, now fast, then slow, now up, then down, now strong, then tender, he tells the gist of the epic, but more important is that he exerts an impact upon the listeners' imagination. There are no visual exhibits, but the gist of the epic implanted in the mind of the listeners helps them to visualize the heroes and their actions. The image of the heroes varies in each listener's mind depending on his or her life experience.

The way Bana people tell their epic is unique and efficient. It fits with the belief of the local people that the heroes in the epic are real, and as they have the quality of Gods, they still live in their Holy world. When an epic is recited, the heroes will come and sit on the roof of the house listening to the story and check if the story teller makes any errors. There will be no fire in that house, for fear that the heroes will become angry and fly away. If the hero flies

away, the story will be boring, however beautifully it is told. It is the heroes who make the story interesting. With only the voice of the teller in the darkness of the night occupying their mind and the "presence" of the heroes, the local people are no longer passive listeners. With their imagination, Bana people join in the flow of the story and witness all the events and in the end, they melt their soul into the epic. That is an interesting trait, but is a rarity in Vietnamese culture.

Vietnamese culture has countless other things for tourists to see. For example, there are many traditional handicrafts villages, streets where people are still preserving hundreds of age-old traditional handicrafts and arts. Many of the products can not be made with modern technology. Take the Dong Son bronze drums as an example, with modern casting technology, a new bronze drum with its original size and shape can be easily cast, but it will not sound the same when it is beaten. But a bronze casting village situated far from Hanoi can cast bronze drums that give out the expected sound. The secret lies in the material used as fuel and the control of the fire to melt the bronze at different stages. Traditional handicraft villages usually form a belt around cities, such as Hanoi, Hai Phong, Nam Dinh and Hue. In the cities there are streets that specialize in certain traditional craft, hence - the 36 ancient streets of Hanoi.

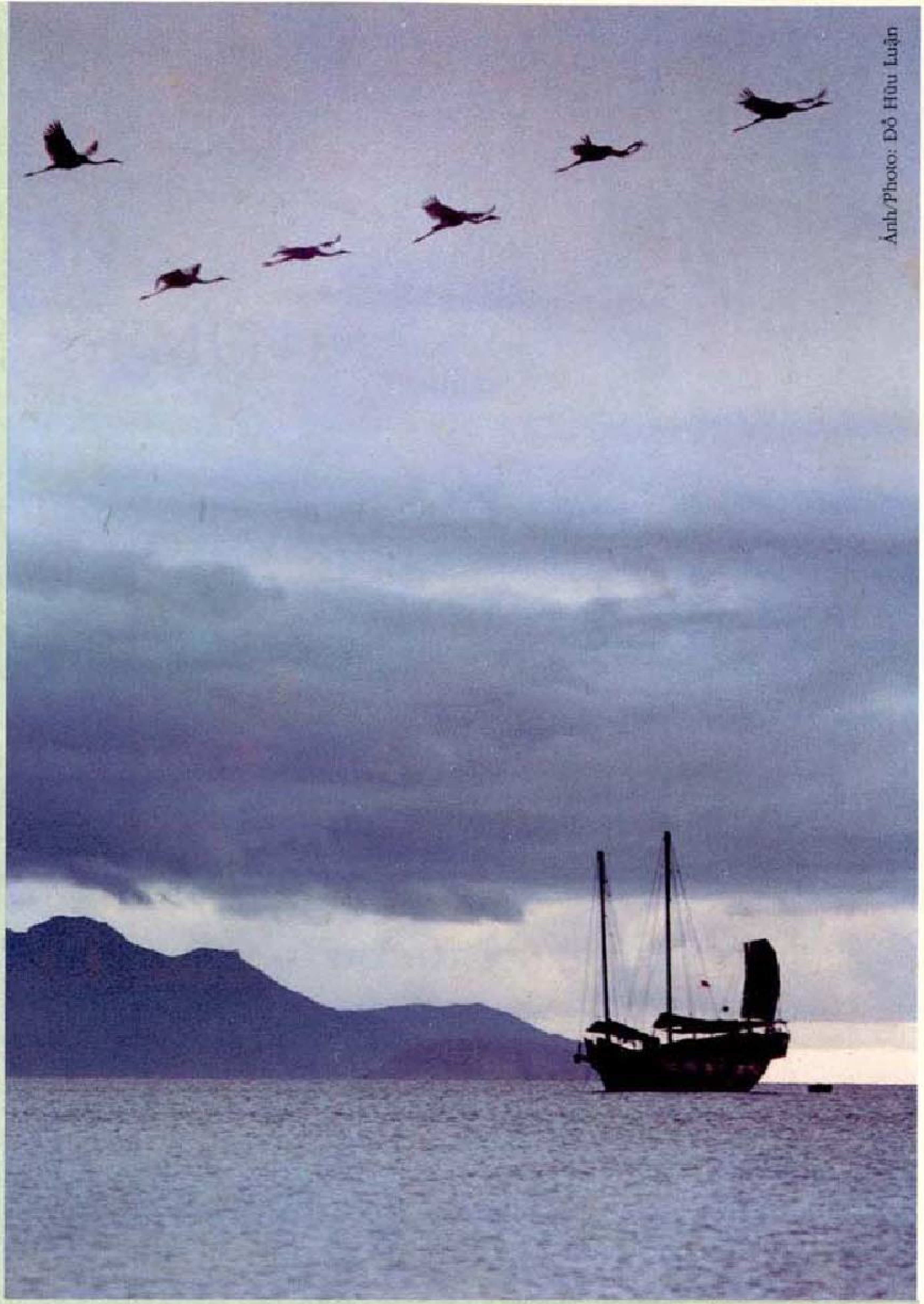

Ảnh/Photo: Đỗ Hữu Luận

Núi sông hòa nhịp / The marriage between mountains and rivers

Traditional arts are a dreamy and colourful world of great diversity that will always surprise tourists with their deep impressions of Vietnamese culture. Water puppetry is attractive to tourists and can be very satisfying. Many years ago, water puppetry existed only in some villages 40 to 70 kilometers from Hanoi. At present, more water puppet theatres have appeared and Hanoi has two theatres of this kind. Cheo, Tuong, Cai Luong theatres exist in every city. Plays of traditional theatres are also offered by village troupes. There is a lot more in the treasure of Vietnamese culture such as folk dances, paintings, sculptures and altar paintings, etc..., which can be found in different Tourist Guide books. These are the ways to approach Vietnamese culture and the Vietnamese soul which is simple and modest but profound and friendly.

LỜI CẢM ƠN
ACKNOWLEDGEMENT

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (Việt Nam), Công ty Truyền thông và xuất bản Ishou (Singapore) chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp trong và ngoài nước có tên dưới đây, đã nhiệt tình ủng hộ và tài trợ thiết thực cho việc xuất bản cuốn sách CÓ MỘT VIỆT NAM NHƯ THẾ.

The National Political Publishing House (Vietnam), the Ishou Media and Publications Pte Ltd (Singapore) would like to express their gratitude to foreign and domestic institutions, organisations and business enterprises listed below for their strong support and effective financial contributions that have made the publication of SUCH IS VIETNAM possible.

TẠI VIỆT NAM - IN VIETNAM

BẢO TRỢ THƯỢNG HẠNG - PREMIER SPONSORS

CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH LỄ
THANH LE GENERAL IMPORT-EXPORT TRADING CORPORATION

CÔNG TY SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG BÌNH TIÊN
BINH TIEN IMEX CORPORATION PTE LTD

CÔNG TY LIKSIN
LIKSIN CORPORATION

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL PETROLEUM IMPORT-EXPORT CORPORATION

BỘ THỦY SẢN
MINISTRY OF FISHERIES

HÃNG PHIM AGFA
AGFA FILM

BẢO TRỢ CƠ QUAN - CORPORATE SPONSORS

CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIETNAM POST & TELECOMMUNICATIONS - VNPT

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM
VIETNAM OIL AND GAS CORPORATION - PETROVIETNAM

CÔNG TY THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
PETROVIETNAM TRADING COMPANY - PETECHIM

CÔNG TY NƯỚC GIẢI KHÁT QUỐC TẾ
INTERNATIONAL BEVERAGES COMPANY - IBC

LIÊN HIỆP CÁC XÍ NGHIỆP DÂU TẰM TƠ VIỆT NAM
VIETNAM UNION OF SERICULTURE ENTERPRISES - VISERI

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH DẦU KHÍ VIỆT - XÔ
SOVIET-VIETNAM JOINT VENTURE - VIETSOVPETRO

BẢO TRỢ CHẤP HÀNH - EXECUTIVE SPONSORS

CÔNG TY IN TRẦN PHÚ
TRAN PHU PRINTING COMPANY

CÔNG TY BIA RỒNG VÀNG (KHÁNH HÒA)
GOLDEN DRAGON BREWERY LTD (KHANH HOA)

CÔNG TY BIA SÀI GÒN
BREWERY OF SAIGON BEER

CÔNG TY KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM
VIETNAM FOOD INDUSTRIES COMPANY - VIFON

BỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION

LIÊN HIỆP CÁC XÍ NGHIỆP CÔNG NÔNG NGHIỆP CHÈ VIỆT NAM
VIETNAM UNION OF TEA INDUSTRY FARMING ENTERPRISES

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM
VIETNAM GENERAL RUBBER CORPORATION

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ
TRADING AND INVESTMENT CORPORATION - PETEC

TẠI SINGAPORE - IN SINGAPORE

LIST OF SPONSORS IN SINGAPORE
(For the production of the book "Such is Vietnam")

BẢO TRỢ CƠ QUAN - CORPORATE SPONSORS

FUJI PHOTO FILM(S) PTE LTD

STRAITS STEAMSHIP LAND LIMITED

PORT OF SINGAPORE AUTHORITY

ORIENT OVERSEAS CONTAINER LINE LIMITED

DREW & NAPIER (Advocates & Solicitors)

NEW TOYO INTERNATIONAL CO (PTE) LTD

FRASER AND NEAVE GROUP

BẢO TRỢ CHẤP HÀNH - EXECUTIVE SPONSORS

UNITED OVERSEAS BANK LIMITED

PIDEMCO LAND LIMITED

THAKRAK BROTHERS (PTE) LTD

OVERSEA-CHINESE BANKING CORPORATION LIMITED

LIANG COURT HOLDINGS LTD

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU		5
VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC, LỊCH SỬ, CON NGƯỜI		11
Đất nước Việt Nam	GS. HOÀNG THIẾU SƠN	12
Lịch sử hàng nghìn năm văn hiến	GS. PHAN HUY LÊ	30
Con người Việt Nam - mấy đặc trưng chủ yếu	GS. PHAN ĐẠI DOÃN	54
50 NĂM - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ VẺ VANG		71
Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa	GS. ĐẶNG XUÂN KỲ	72
Cuộc trường chinh giành độc lập, tự do, thống nhất trọn vẹn (2-9-1945 - 30-4-1975)	PGS, PTS. NGUYỄN TRI THƯ	80
Một cuộc hành trình mới	HOÀNG TÙNG	110
Mười năm trăn trở, suy tư để tìm con đường đổi mới	GS. TRẦN NHÂM	116
Việt Nam trên con đường đổi mới và ổn định chính trị - xã hội	GS. ĐOÀN TRỌNG TRUYẾN	128
Đổi mới kinh tế : thành tựu và triển vọng	LÊ ĐĂNG DOANH	142
Chăm lo cho con người như là mục tiêu và động lực của đổi mới và phát triển	GS. PHẠM TẤT DONG	170
Chính sách xã hội trong sự nghiệp đổi mới	PGS, PTS. TRẦN ĐÌNH HOAN	190
Trường phái ngoại giao Việt Nam	VŨ KHOAN	212
Sau một chặng đường đổi mới	TRẦN BẠCH ĐẰNG	222
Tiềm năng và cơ hội đầu tư	GS, TS. NGUYỄN MẠI	232
Thách thức lớn và cơ hội mới	TRẦN ĐỨC NGUYÊN	242
VIỆT NAM - MỘT XỨ SỞ DU LỊCH GIÀU TIỀM NĂNG		251
Vận hội mới	PGS, PTS. VŨ TUẤN CẢNH	253
Xứ sở của các danh lam thắng cảnh	PGS, PTS. LÊ VĂN THÔNG	261
Đất nước của những di tích và truyền thống văn hóa lâu đời	GS, TS. TÔ NGỌC THANH	281
LỜI CẢM ƠN		

CONTENT

INTRODUCTION		5
VIETNAM - COUNTRY, HISTORY, PEOPLE		11
The country of Vietnam	Prof. HOANG THIEU SON	12
History of a multi-thousand-year civilization	Prof. PHAN HUY LE	30
Some main features of the Vietnamese people	Prof. PHAN DAI DOAN	54
50 YEARS - A GLORIOUS HISTORICAL STAGE		71
The August Revolution and the birth of the Democratic Republic of Vietnam	Prof. DANG XUAN KY	73
Long march for complete independence, freedom and unity (September 2, 1945 - April 30, 1975)	Ass. Prof, Dr. NGUYEN TRI THU	81
A new journey	HOANG TUNG	111
Ten years of pondering to find the path of renovation	Prof. TRAN NHAM	117
Vietnam on the path of renovation and socio-political stabilization	Prof. DOAN TRONG TRUYEN	129
Economic renovation : achievements and prospects	LE DANG DOANH	143
Care for man as an objective and an impetus for renovation and development	Prof. PHAM TAT DONG	171
Social policies in the process of renovation	Ass. Prof, Dr. TRAN DINH HOAN	191
Vietnamese diplomatic lines	VU KHOAN	213
After a stage of "doi moi"	TRAN BACH DANG	223
Potential and investment opportunities	Prof, Dr. NGUYEN MAI	233
Big challenges and new opportunities	TRAN DUC NGUYEN	243
VIETNAM - A COUNTRY RICH IN TOURISM POTENTIALS		251
A new opportunity	Ass. Prof, Dr. VU TUAN CANH	252
A country of scenic wonders	Ass. Prof, Dr. LE VAN THONG	260
A country of historical sites and age-old cultural traditions	Prof, Dr. TO NGOC THANH	280
ACKNOWLEDGEMENT		

CÓ MỘT VIỆT NAM NHƯ THẾ

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giáo sư TRẦN NHÂM

Biên tập tiếng Việt:
NGUYỄN VĂN VẤN
Pts. KHUẤT DUY HẢI
NGUYỄN ĐỨC TÀI

Biên tập tiếng Anh : NGUYỄN PHƯƠNG SỬU (M.A.)
NGUYỄN VĂN QUANG (M.A.)

Trình bày : Công ty tạo mẫu M.A.I.
(Multimedia Advertising Inc.)

Thiết kế mỹ thuật: FRANCIS HUỲNH

Vẽ bìa : PHẠM HUYỀN KIÊU

Sửa bản in : TÀI NGUYÊN

Giấy phép xuất bản số: 53/CXB, ngày15-3-1994
Chế bản tại Công ty in Trần Phú - In tại Công ty Liksin
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8-1995

SUCH IS VIETNAM

Responsible for publishing
Prof. TRAN NHAM

Vietnamese text editors :	**NGUYEN VAN VAN** **Dr. KHUAT DUY HAI** **NGUYEN DUC TAI**
English text editors :	**NGUYEN PHUONG SUU (M.A.)** **NGUYEN VAN QUANG (M.A.)**
Lay-out :	**M.A.I. Co. Ltd.** **(Multimedia Advertising Inc.)**
Art Director:	**FRANCIS HUYNH**
Covers :	**PHAM HUYEN KIEU**
Proofreader :	**TAI NGUYEN**

Printing licence No : 53/CXB, 15 - 3 - 1994
Electronic Typeset by Tran Phu Printing Company - Printed by Liksin Corporation
Completed and Registered 8-1995